

BECOMING



MICHELLE OBAMA

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Mục lục

LỜI TỰA

TÔI

1

2

3

4

5

6

7

8

CHÚNG TÔI

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

CHÚNG TA

19

20

21

22

23

24

LỜI KẾT

LỜI CẢM ƠN



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET



“Trước tiên tôi phải thừa nhận rằng không có điều gì khiến tôi thích hơn là được đọc một quyển sách hay. Khi đọc Becoming, tôi bất ngờ nhận ra tập hồi ký của Michelle là một quyển sách thực sự đặc biệt. Tôi không chỉ yêu mến mà còn rất tự hào về Michelle. Quyển sách là những tâm sự, chia sẻ từ trái tim rất chân thực, hấp dẫn, lôi cuốn - và - đầy quyền năng.”

- Oprah Winfrey

(Người dẫn chương trình truyền hình đối thoại hàng đầu nước Mỹ, một trong những nhân vật có tầm ảnh hưởng nhất thế giới theo bình chọn của Forbes)

*Trân trọng gửi đến tất cả những người đã giúp tôi
trở thành tôi của ngày hôm nay:
những người dưỡng nuôi tôi khôn lớn - Fraser, Marian, Craig
và đại gia đình của tôi,
những người phụ nữ đã luôn nâng đỡ, động viên tôi,
những người bạn trung thành và tận tụy khiến tôi luôn cảm thấy ấm áp và tự hào.*

*Thương gửi tình yêu của đời tôi:
Malia và Sasha, hai hạt đậu quý báu nhất và là lẽ sống của mẹ,
và sau cùng, Barack, người luôn truyền cảm hứng cho em
trong mọi hành trình cuộc đời.*

LỜI TỰA

Tháng 3, 2017

HỒI NHỎ, TÔI MƠ ƯỚC RẤT ĐƠN GIẢN. Tôi muốn có một chú chó. Tôi muốn một ngôi nhà có cầu thang - một ngôi nhà hai tầng dành cho một gia đình nhỏ. Vì một lẽ nào đó, tôi cứ muốn được ngồi trong một chiếc station wagon^[1] bốn cửa chứ chẳng phải chiếc Buick^[2] hai cửa mà cha tôi rất yêu thích và tự hào. Tôi từng nói với mọi người rằng sau này khi lớn lên, tôi sẽ làm bác sĩ nhi khoa. Vì sao ư? Vì tôi thích được ở quanh trẻ nhỏ, và cũng vì tôi nhanh chóng nhận ra rằng đó cũng là một câu trả lời làm vui lòng người lớn. Ái chà, trở thành bác sĩ! Lựa chọn vậy mới là lựa chọn chứ! Thuở đó, tôi thường thất bím, thích sai bảo ông anh trai của mình và luôn cố gắng đạt được điểm A ở trường bằng mọi giá. Tôi giàu tham vọng, mặc dù tôi không rõ mình đang nhắm đến điều gì. Giờ thì tôi thấy câu “Lớn lên con muốn làm gì?” là một trong những câu hỏi vô nghĩa nhất mà người lớn thường dùng để hỏi một đứa trẻ. Cứ như chỉ cần trưởng thành là xong. Cứ như chỉ cần trở thành ai đó hay cái gì đó rồi là xong.

Cho tới lúc này, tôi từng là một luật sư. Tôi từng là phó chủ tịch một bệnh viện và giám đốc một tổ chức phi lợi nhuận chuyên giúp đỡ giới trẻ khởi nghiệp. Tôi từng là một sinh viên da đen thuộc tầng lớp lao động theo học ở một trường đại học uy tín chủ yếu dành cho người da trắng. Tôi từng là người phụ nữ duy nhất, lại còn là người phụ nữ Mỹ gốc Phi duy nhất, trong rất nhiều sự kiện mà tôi tham dự. Tôi từng là cô dâu, từng là một người mẹ trẻ bị căng thẳng quá mức, một đứa con gái buồn đau vì biến cố gia đình. Và gần đây hơn, tôi từng là Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ - một công việc không được chính thức xem là công việc, nhưng đã mang lại cho tôi một vị thế mà tôi chưa bao giờ có thể hình dung ra được. Công việc ấy thử

thách tôi nhưng cũng khiến tôi cảm thấy mình bé mọn, nó nâng tôi lên nhưng cũng có lúc khiến tôi phải hạ mình, đôi khi tất cả những thứ ấy diễn ra cùng lúc. Giờ đây tôi mới đang bắt đầu hiểu rõ hơn những gì đã xảy ra trong những năm tháng vừa qua - từ thời điểm năm 2006 khi lần đầu tiên chồng tôi bắt đầu nói về việc anh sẽ tranh cử tổng thống đến buổi sáng mùa đông giá rét năm 2017, lúc tôi bước vào chiếc limo cùng với Melania Trump để cùng đến dự lễ nhậm chức của chồng bà. Quả là một chặng đường dài.

Khi là Đệ nhất Phu nhân, bạn sẽ được chứng kiến những đổi cực của nước Mỹ. Tôi đã dự những buổi tổ chức quyên góp trong những tư dinh không khác gì viện bảo tàng nghệ thuật, nơi chủ nhân của nó sở hữu những bồn tắm nam ngọc sáng loáng. Tôi đã đến thăm những gia đình mất tất cả trong cơn bão Katrina, chứng kiến họ vừa mừng vừa tủi khi may mắn còn giữ lại được chiếc tủ lạnh hay lò nướng chưa bị hỏng. Tôi đã gặp những kẻ lố lăng, rỗng tuếch và giả tạo. Tôi cũng đã gặp những thầy cô giáo, người thân của những quân nhân và rất nhiều người khác nữa - những người có nghị lực sâu sắc và mãnh liệt đến kinh ngạc. Và tôi đã gặp những đứa trẻ - rất nhiều đứa trẻ ở khắp nơi trên thế giới - khiến tôi bật cười và khiến lòng tôi ngập tràn hy vọng; những đứa trẻ phước thay đã quên đi cái danh vị tôi là ai ngay khi chúng tôi bắt đầu cùng vui chơi và lao động trong vườn.

Kể từ thời điểm bất đắc dĩ phải bước vào một cuộc sống không còn tính riêng tư, tôi đã từng được tung hô như là người phụ nữ quyền lực nhất thế giới rồi lại bị đập xuống thành một “mụ đàn bà da đen giận dữ”. Tôi đã rất muốn hỏi những kẻ phỉ báng ấy rằng phần nào trong danh xưng kia là quan trọng nhất đối với họ - “mụ đàn bà” hay “da đen” hay “giận dữ”? Tôi đã phải tươi cười khi chụp hình với những kẻ đã dùng những tên gọi kinh tởm để nói về chồng tôi trên truyền hình quốc gia nhưng vẫn muốn có một tấm

ảnh kỷ niệm đóng khung đặt trên lò sưởi nhà mình. Tôi còn nghe những thứ rất nhơ nhớp trên Internet đồn đoán đủ thứ về tôi, thậm chí họ còn thắc mắc tôi là đàn bà hay đàn ông. Có một nghị sĩ Mỹ đương nhiệm đã từng lấy mộng tôi ra làm trò. Tôi đã từng tổn thương. Tôi đã từng tức giận. Nhưng thường thì tôi cố cười cho qua chuyện.

Vẫn còn rất nhiều điều tôi còn chưa hiểu hết về nước Mỹ, về cuộc sống, và về những gì tương lai sẽ mang lại. Nhưng tôi thật sự hiểu về bản thân mình. Cha tôi, ông Fraser, đã dạy tôi phải lao động chăm chỉ, luôn tươi cười và giữ lời hứa. Mẹ tôi, bà Marian, dạy tôi biết nghĩ cho mình và hiểu giá trị lời nói của bản thân. Khoảng thời gian chúng tôi còn ở trong căn hộ chật chội ở South Side, Chicago, cha và mẹ đã cùng giúp tôi hiểu rõ giá trị trong câu chuyện của gia đình, câu chuyện của bản thân tôi, và câu chuyện lớn hơn của đất nước chúng tôi. Kể cả khi câu chuyện ấy không tốt đẹp cũng chẳng hoàn mỹ. Kể cả khi câu chuyện ấy trần trụi chứ không màu hồng như ta mong đợi. Chuyện đời ta là thứ mà ta có, là thứ của riêng ta, là cái gì đó mà ta sở hữu.

Suốt tám năm, tôi sống trong Nhà Trắng, nơi có rất nhiều cầu thang - chưa kể vô số thang máy, một đường bowling, và một phòng chuyên trách hoa tươi. Tôi ngủ trên chiếc giường có tấm trải làm từ vải lanh Ý. Bữa ăn của vợ chồng tôi do một đội ngũ đầu bếp đẳng cấp thế giới chuẩn bị, được bày biện bởi bàn tay của những chuyên gia lão luyện - hơn cả các bậc thầy làm việc tại bất kỳ nhà hàng hay khách sạn năm sao nào. Những nhân viên mặt vụ mặt lạnh như tiền, được trang bị đầy đủ tai nghe và súng ống, luôn túc trực ngoài cửa phòng, cố hết sức giữ khoảng cách với đời sống riêng tư của gia đình chúng tôi. Rồi chúng tôi cũng quen với cuộc sống đó - sự lộng lẫy xa lạ của ngôi nhà mới, và cả sự hiện diện thường trực, yên ắng của những người lạ mặt luôn ở xung quanh.

Nhà Trắng là nơi hai cô con gái của chúng tôi chơi bóng cùng nhau khắp các dãy hành lang và trèo cây ở khu vực bãi cỏ phía Nam ở sau tòa nhà. Nhà Trắng là nơi Barack ngồi làm việc muộn về đêm, trầm ngâm trước những báo cáo và những bản thảo diễn văn trong Phòng Hiệp ước, cũng là nơi Sunny, một trong hai chú chó của nhà chúng tôi, đôi khi vẫn làm bậy trên thảm. Tôi thường đứng ở Ban công Truman quan sát du khách tạo dáng bằng gậy selfie, có người nhĩa mắt qua rào sắt, đoán xem điều gì đang diễn ra bên trong. Do cửa sổ phòng buộc phải đóng kín vì lý do an ninh, nên có những ngày tôi cảm thấy ngột ngạt đến nỗi tôi phải lên tiếng gõ gõ để có được một chút không khí trong lành. Có những lần khác tôi lại cảm thấy sững sốt trước vẻ đẹp của hoa mộc lan tây trắng rộ nở trong vườn, trước cái chộn rộn thường nhật của hoạt động công vụ hay vẻ oai nghiêm của một buổi nghênh tiếp theo nghi thức quân đội. Cũng có những tháng ngày tôi cảm thấy căm ghét chính trị. Và cũng có những khoảnh khắc khi vẻ đẹp của nước Mỹ và con người Mỹ choáng ngợp tới mức tôi chẳng thể nào thốt nổi thành lời.

Và rồi tất cả kết thúc. Ngay cả khi nhìn thấy ngày này đang đến, ngay cả vào những tuần cuối cùng ăm ắp những lời chia tay xúc động, thì cái ngày cuối cùng ấy vẫn rất đổi mơ hồ. Một bàn tay đặt lên quyền Kinh thánh; một lời thề được lặp lại. Đồ đạc của vị tổng thống này được khuân ra ngoài trong lúc đồ đạc của vị tổng thống kia được khuân vào trong. Những tủ quần áo được dọn sạch sẽ và chất đầy trở lại chỉ trong vùn vện vài giờ đồng hồ. Tương tự, có những mái đầu mới sẽ kê lên gối mới - những khí chất mới, những mộng ước mới. Và khi mọi thứ đã xong, khi ta bước ra khỏi cánh cổng của địa điểm trú danh nhất thế giới lần cuối, ta phải một lần nữa tìm lại chính bản thân mình.

Vậy thì cho phép tôi được bắt đầu tại đây, bằng một việc nhỏ vừa xảy ra không lâu. Khi đó tôi đang ở bên trong ngôi nhà gạch đỏ mà gia đình vừa chuyển vào. Ngôi nhà mới này tọa lạc chỉ cách nơi ở cũ của chúng tôi chừng vài cây số, trên một con phố yên tĩnh. Chúng tôi vẫn còn đang thích nghi với nơi ở mới này. Đồ đạc trong phòng khách được sắp xếp giống cách bài trí ở Nhà Trắng. Chúng tôi có những món kỷ vật được đặt khắp nhà để nhắc nhở rằng tất cả những sự việc ấy đã từng xảy ra và có thật - những tấm ảnh chụp gia đình sum vầy ở Trại David, những chiếc ấm làm bằng tay của các bạn sinh viên thổ dân da đỏ trao tặng, một quyển sách do đích thân Nelson Mandela ký tặng. Chỉ lạ là đêm đó cả nhà đều đi vắng. Barack đang đi xa. Sasha đi chơi với bạn. Malia thì đang sống và làm việc ở New York, hoàn thành gap year^[3] trước khi bước vào đại học. Chỉ có tôi, hai chú chó và một ngôi nhà trống vắng, tĩnh lặng - điều hoàn toàn xa lạ với tôi trong suốt tám năm qua.

Lúc đó tôi bỗng thấy đói. Tôi đi từ phòng ngủ xuống cầu thang vào nhà bếp, lẻo đẻo theo sau là hai chú chó. Tôi mở tủ lạnh. Tôi thấy một ổ bánh mì. Tôi lấy ra hai khoanh và cho vào lò nướng. Tôi mở tủ bếp để lấy một chiếc đĩa. Nói ra thì nghe lạ lùng, nhưng việc lấy một chiếc đĩa từ kệ bếp mà không có ai khác cứ khẳng khẳng để họ làm thay cho, rồi tự đứng bên lò nướng chờ bánh mì nóng giòn khiến tôi có cảm giác mình đã trở về gần với cuộc sống mà trước kia tôi đã từng có. Mà cũng có thể đây là cuộc sống mới của tôi chăng?

Cuối cùng thì tôi không chỉ làm bánh mì, mà là làm bánh mì phô mai. Tôi cho hai lát bánh có kẹp miếng phô mai béo ngậy ở giữa vào lò vi sóng. Rồi tôi cầm đĩa bánh ra sân sau. Tôi không cần phải báo với ai mình đang đi đâu. Tôi cứ đi thôi. Tôi mặc quần ngắn, đi chân không. Cái lạnh cắt da của mùa đông cuối cùng cũng tan. Mấy bông hoa nghệ tây bắt đầu nhú lên

khỏi mặt đất dọc theo bờ tường sau nhà. Không khí thoáng hương xuân. Tôi ngồi trên bậc thềm ở hàng hiên, cảm nhận hơi ấm của mặt trời ban ngày hãy còn đọng lại ở phiến đá dưới chân. Có tiếng chó sủa đâu đó từ xa, hai chú chó nhà tôi nghiêng đầu lắng nghe, thoáng chút bối rối. Tôi chợt nhận ra đó là âm thanh chói tai lạ lùng đối với chúng, bởi lẽ trước đây trong Nhà Trắng chúng tôi không hề có ai làm hàng xóm, chứ nói gì đến “chó hàng xóm”. Đối với chúng, mọi thứ đều mới mẻ. Trong lúc hai chú chó lao đi khám phá quanh sân, tôi ngồi trong bóng tối ăn bánh mì, cảm thấy thật dễ chịu khi được ở một mình. Tôi không bận tâm đến nhóm cận vệ có vũ trang đang ngồi cách tôi chưa đầy một trăm thước tại một chốt chỉ huy mới được xây dựng ngay bên trong ga-ra, cũng không mấy bận tâm đến một thực tế là vào thời điểm hiện tại tôi vẫn chưa thể ra đường mà không có các cận vệ đi theo. Tôi không nghĩ về vị tổng thống mới, và tôi cũng chẳng nghĩ ngợi gì về vị tiền nhiệm của ông ta.

Tôi chỉ nghĩ đến việc chút nữa tôi sẽ vào nhà, rửa đĩa, sau đó về lại phòng ngủ, có thể mở một cánh cửa sổ để đón khí xuân - thật tuyệt vời làm sao. Tôi cũng nghĩ sự tĩnh lặng đang mang lại cho tôi cơ hội thật sự để ngẫm nghĩ về những chuyện đã qua. Khi còn là Đệ nhất Phu nhân, sau khi một tuần bận rộn kết thúc, tôi sẽ cần ai đó nhắc cho tôi nhớ cả tuần đó tôi đã làm gì. Nhưng thời gian nay đã khác xưa. Ngày hai cô con gái của tôi vào Nhà Trắng, chúng mang theo mấy bộ đồ chơi búp bê Polly Pocket, một chiếc mền có tên Blankie, và một chú cọp nhồi bông tên Tiger. Giờ đây hai đứa đã vào tuổi vị thành niên, trở thành những cô gái trẻ trung có kế hoạch và có tiếng nói của riêng mình. Sau khi rời Nhà Trắng, chồng tôi đang tự điều chỉnh để thích nghi với cuộc sống mới. Còn tôi, tôi đang ở nơi mới mẻ này, với rất nhiều điều muốn nói.

TÔI

1

THUỞ BÉ TÔI DÀNH RẤT NHIỀU THỜI GIAN LẮNG NGHE âm thanh của sự nỗ lực. Đó là tiếng nhạc dờ tẹ, “nghịch dư”, vọng lên xuyên qua lớp ván sàn phòng ngủ của tôi - tiếng tinh tinh tinh của đám học trò của bà Robbie ở tầng dưới, khi chúng ngồi trước cây dương cầm đánh những tiếng đàn lọt chọt một cách chậm rãi và vụng về. Gia đình tôi sống ở khu South Shore của thành phố Chicago, trong một căn bungalow ^[1] ốp gạch. Căn nhà này của vợ chồng bà Robbie và ông Terry. Cha mẹ tôi thuê tầng trên, còn ông bà Robbie và Terry sống ở tầng trệt. Robbie là cô của mẹ tôi và bà luôn đối xử hào phóng với mẹ tôi suốt nhiều năm qua, nhưng đối với tôi thì bà Robbie khá đáng sợ. Bà nghiêm nghị, là chỉ huy dàn hợp xướng của một nhà thờ trong vùng, đồng thời là giáo viên dạy dương cầm ở khu chúng tôi sinh sống. Bà mang những đôi giày cao gót tinh tế và cổ lúc nào cũng lủng lẳng cặp kính lão. Bà có nụ cười tinh quái nhưng không dễ đón nhận những lời mĩa mai theo cách mẹ tôi hay làm. Thỉnh thoảng tôi lại nghe bà cảm râm học viên của mình vì không chăm chỉ luyện đàn, hoặc than phiền với cha mẹ chúng vì đã đưa con tới học trễ.

“Chúc ngủ ngon!”, bà sẽ nói câu này giữa ban ngày ban mặt, cùng với sự cau có như khi người ta nói “Ồi trời ơi!”. Có vẻ không có mấy người có thể đáp ứng các tiêu chuẩn của bà Robbie.

Tuy nhiên, âm thanh cho thấy có người nào đó đang nỗ lực đã trở thành nhạc nền trong cuộc sống của chúng tôi. Tiếng đàn tinh tinh vang lên vào những buổi trưa, rồi tiếng đàn tinh tinh vang lên vào những buổi chiều. Những quý bà trong dàn đồng ca nhà thờ thỉnh thoảng sẽ đến tập thánh ca, gân cổ thể hiện lòng mộ đạo xuyên qua bốn vách tường nhà chúng tôi. Theo quy tắc của bà Robbie, bọn trẻ học dương cầm chỉ được phép tập mỗi lần một bài nhạc. Từ phòng mình, tôi lắng nghe nỗ lực của bọn trẻ, từng nốt ngập ngừng, để có được cái gặt đầu của bà. Chúng sẽ tập từ những bài cơ bản như Hot Cross Buns rồi tiến dần đến Brahms’s Lullaby, nhưng phải sau rất nhiều lần cố gắng. Tiếng nhạc đó chẳng đến nỗi khó chịu, chỉ có điều nó cứ dai dẳng. Nó len lỏi lên chiếc cầu thang ngăn không gian sống của chúng tôi với không gian của vợ chồng bà Robbie. Nó lằng đằng chui qua các ô cửa sổ mùa hè đang mở toang, đồng hành với những suy nghĩ của tôi khi tôi đang chơi búp bê Barbie hoặc xếp gạch xây vương quốc đồ chơi nhỏ bé của mình. “Khoảng lặng” duy nhất chính là khi cha tôi tan ca làm sớm ở nhà máy xử lý nước thành phố, về nhà và mở ti-vi xem trận đấu của đội bóng chày Cubs, vận âm thanh lên thật to đủ để át hết tiếng nhạc.

Bấy giờ là cuối những năm 60 tại vùng South Side, Chicago. Đội Cubs chơi không tệ, nhưng cũng không xuất sắc. Những lúc đó cha tôi thường ngồi xuống chiếc ghế tựa, còn tôi sẽ ngồi trong lòng cha và nghe ông kể đội Cubs đang bị sụt giảm phong độ vào cuối mùa giải ra sao, hay tại sao Billy Williams, siêu sao bóng chày sống ngay bên Đại lộ Constance gần nhà chúng tôi, lại có cú phát bóng ngọt như vậy từ vị trí phát bóng bên trái. Bên ngoài sân bóng, nước Mỹ đang ở giữa một cuộc chuyển mình quy mô lớn và khó lường. Anh em nhà Kennedy đã chết. Martin Luther King Jr. bị ám sát khi đang đứng diễn thuyết trên ban công tại Memphis, kéo theo một làn sóng bạo loạn trên khắp nước Mỹ, gồm cả Chicago. Đại hội Toàn quốc Đảng Dân chủ năm 1968 trở thành sự kiện đẫm máu khi cảnh sát mang gậy gộc và hơi cay truy bắt những người phản đối chiến tranh Việt Nam ở công viên Grant, chỉ cách nơi chúng tôi sống khoảng mười bốn cây số về phía bắc. Trong lúc đó, các gia đình da trắng đang ồ ạt rời khỏi thành phố, đến với vùng ngoại ô hấp dẫn với lời hứa hẹn về những ngôi trường tốt hơn, không gian rộng rãi hơn, và hẳn là nhiều người da trắng hơn nữa.

Tôi không thật sự có ấn tượng gì với tất cả những điều kể trên. Tôi chỉ là một đứa trẻ, một bé gái còn chơi búp bê Barbie và các khối đồ chơi xếp hình, có cha mẹ và ông anh trai hàng đêm ngủ cách mình chưa đầy một thước. Gia đình là thế giới của tôi, là trung tâm của mọi sự. Mẹ dạy tôi đọc từ sớm, dắt tôi đến thư viện công, ngồi cùng khi tôi đánh vần từng chữ trên trang sách. Mỗi ngày cha tôi đi làm trong bộ đồng phục màu xanh dương của công chức thành phố, nhưng về đêm ông lại dạy chúng tôi biết đến tình yêu nhạc jazz và nghệ thuật. Hồi còn trẻ, cha tôi từng theo học Viện Nghệ thuật Chicago, ông cũng từng vẽ và điêu khắc vào thời trung học. Ông còn là một vận động viên bơi lội và võ sĩ quyền Anh sáng giá ở trường, và đến khi trưởng thành, ông là cổ động viên của mọi môn thể thao phát sóng trên truyền hình, từ giải golf chuyên nghiệp đến giải khúc côn cầu trên băng quốc gia. Ông thích nhìn những con người mạnh mẽ trở nên vượt trội. Khi anh trai tôi, Craig, hứng thú với môn bóng rổ, cha đã đặt các đồng xu trên bậu cửa phòng bếp để anh ấy phải nhảy lên thì mới lấy được.

Mọi thứ cần thiết đều nằm trong bán kính năm dặm nhà - ông bà và các anh chị em họ, nhà thờ ở góc đường nơi chúng tôi không phải là học sinh chuyên cần của lớp giáo lý Chủ nhật, cây xăng nơi đôi khi mẹ nhờ tôi đến mua giúp một gói Newports, cửa hàng rượu kiêm nơi bán bánh mì Wonder, kẹo que và sữa. Vào những đêm hè oi bức, anh Craig và tôi ngủ thiếp đi giữa tiếng reo hò của các trận bóng mềm thuộc giải đấu người lớn đang diễn ra tại công viên gần nhà, cũng là nơi mà vào ban ngày chúng tôi thường leo trèo ở khu trò chơi vận động hoặc chơi đuổi bắt với những đứa trẻ khác.

Anh Craig lớn hơn tôi chưa tới hai tuổi. Anh có đôi mắt hiền và tinh thần lạc quan của cha, còn tính cách thì cứng rắn như mẹ. Hai anh em tôi luôn thân thiết với nhau, một phần nhờ tình yêu thương bất di bất dịch và có phần không thể lý giải được mà anh ấy dành cho tôi từ lúc tôi mới lọt lòng. Chúng tôi có một bức ảnh gia đình trắng đen chụp từ hồi xưa, bốn người chúng tôi ngồi trên trường kỷ, mẹ mỉm cười bế tôi ngồi trong lòng, gương mặt cha trông nghiêm nghị và tự hào, còn anh Craig thì ngồi trong lòng cha. Chúng tôi ăn mặc chín chu để dự thánh lễ hay tiệc cưới gì đó. Lúc đó tôi khoảng tám tháng tuổi, má phúng phính, mặt ngầu, mặc cái quần tã với chiếc đầm trắng ùi tinh tươm, trông như sắp trượt ra khỏi vòng tay của mẹ, mắt nhìn chằm chằm như thể muốn nuốt luôn chiếc máy ảnh. Cạnh tôi là anh Craig, lịch lãm trong chiếc áo vest thắt nơ con, dáng vẻ nghiêm chỉnh. Lúc ấy anh mới hai tuổi nhưng đã thể hiện được sự thận trọng cùng trách nhiệm của người làm anh - anh đưa tay nắm lấy cổ tay mập mạp của tôi với vẻ che chở.

Vào thời điểm chụp bức ảnh đó, gia đình tôi sống đối diện dãy nhà của ông bà nội ở Parkway Gardens, một dự án nhà đất với những khu căn hộ theo phong cách tân thời có giá cả phải chăng ở South Side. Công trình được thi công vào những năm 1950 và thiết kế như chung cư, nhằm giảm tình trạng thiếu nhà ở cho các gia đình người da đen thuộc tầng lớp lao động giai đoạn hậu Chiến tranh thế giới thứ hai. Về sau, khu nhà này dần xuống cấp bởi sự nghèo nàn và các băng đảng bạo lực bủa vây, khiến nó trở thành một trong những nơi sinh sống nguy hiểm ở thành phố Chicago. Tuy nhiên, rất lâu trước khi chuyện này diễn ra, khi tôi mới chập chững biết đi, cha mẹ tôi - vốn quen biết nhau từ thuở thiếu niên và kết hôn ở độ tuổi đôi mươi - đã nhận lời chuyển xuống phía nam vài cây số để đến sống cùng ông bà Terry và Robbie trong một khu nhà tử tế hơn.

Trên Đại lộ Euclid, hai hộ gia đình chúng tôi cùng sống dưới một mái nhà không lớn lắm. Theo cấu trúc thì không gian ở tầng trên có lẽ đã được thiết kế như căn hộ riêng biệt chỉ dành cho một hoặc hai người, nhưng cả gia đình bốn người chúng tôi đã xoay xở được. Cha mẹ tôi ngủ trong phòng ngủ duy nhất, còn anh Craig và tôi chia nhau một khu rộng hơn mà tôi nghĩ vốn là phòng khách. Sau đó, khi chúng tôi lớn hơn, ông ngoại tôi - Purnell Shields, một thợ mộc dù không lành nghề cho lắm nhưng lại rất yêu nghề - mang về một tấm ván rẻ tiền và dựng

lên một vách ngăn tạm để chia căn phòng lớn thành hai gian riêng. Ông gắn cửa lùa bằng nhựa cho mỗi gian và chừa một không gian chung nho nhỏ trước cửa để chúng tôi cất đồ chơi và sách vở của mình.

Tôi yêu căn phòng của mình. Nó chỉ rộng vừa đủ cho một chiếc giường đôi và bàn học cỡ hẹp. Tôi để toàn bộ thú nhồi bông trên giường, cẩn thận sắp xếp chúng quanh đầu nằm mỗi đêm như một nghi thức dễ chịu. Ở bên kia vách, phòng của anh Craig được sắp xếp gần như đối xứng với phòng tôi, với chiếc giường ngủ kê sát vách ngăn, song song với giường của tôi. Vách ngăn mỏng đến mức anh em tôi có thể trò chuyện với nhau khi nằm trên giường của mình và thường ném quả bóng bằng vớ cuộn tròn qua lại giữa khe hở khoảng hai tắc của vách ngăn và trần nhà.

Trong khi đó, bà Robbie khiến không gian sống của mình trông như lãng tử. Bàn ghế trong nhà bà được bọc trong màng nhựa bảo vệ khiến chúng trông thật lạnh lẽo và cứ dính vào cẳng chân tôi mỗi khi tôi đủ can đảm ngồi lên. Kệ tủ của bà chùng đầy những bức tượng nhỏ bằng sứ mà chúng tôi không được phép động vào. Tôi thường đưa tay lại gần một bộ tượng chó xù dễ thương bằng thủy tinh - chó mẹ có dáng vẻ hiền lành cùng ba chú chó con nhỏ xíu - rồi rút tay lại vì sợ con lồi đình của bà Robbie. Những ngày không có lớp dạy đàn thì tầng trệt lặng như tờ. Ti-vi không bao giờ được mở, radio cũng chẳng bật bao giờ. Thậm chí tôi cũng không chắc là hai ông bà có thường trò chuyện với nhau không. Tên đầy đủ của chồng bà Robbie là William Victor Terry, nhưng vì lý do nào đó mà chúng tôi chỉ gọi ông bằng họ Terry. Ông Terry giống như cái bóng lặng lẽ, một người đàn ông có cung cách thanh lịch mặc com-lê chỉnh tề vào mọi ngày trong tuần và gần như chẳng bao giờ hé môi.

Tôi thường nghĩ nhà trên và nhà dưới tựa như hai thế giới khác nhau với hai bầu không khí hoàn toàn đối lập. Trên lầu, chúng tôi ồn ào và không hề cảm thấy hổ thẹn vì chuyện đó. Craig và tôi chơi ném bóng và rượt đuổi nhau vòng vòng trong nhà. Chúng tôi xịt nước đánh bóng gỗ lên sàn hành lang để có thể trượt xa và nhanh hơn khi mang vớ, và chúng tôi vẫn thường xuyên đâm sầm vào tường. Chúng tôi có những trận đấu quyền Anh giữa anh trai và em gái trong bếp, dùng hai bộ găng mà cha đã tặng vào dịp Giáng sinh cùng với những hướng dẫn riêng cho từng đứa để làm sao tung một cú jab^[2] ra hồn. Về đêm, gia đình chúng tôi cùng chơi board game^[3], kể chuyện bông đùa với nhau và nghe đĩa nhạc của nhóm The Jackson 5. Khi chịu hết nổi thì bà Robbie nhà dưới sẽ dứt khoát tắt rồi bật, rồi lại tắt rồi bật công tắc điện ở cầu thang chung, đồng thời cũng là công tắc điều khiển đèn hành lang tầng trên của chúng tôi - như một cách lịch sự để ra hiệu cho chúng tôi nhỏ tiếng lại.

Bà Robbie và ông Terry đã lớn tuổi. Họ lớn lên ở thời đại khác, với những mối bận tâm khác. Họ đã chứng kiến những điều mà cha mẹ tôi chưa từng được chứng kiến - những điều mà hai anh em chúng tôi, ở độ tuổi trẻ con ồn ào của mình, hoàn toàn không thể tưởng tượng được. Đó là những lời mà mẹ tôi sẽ nói nếu chúng tôi bắt đầu lêu lêu về sự khó chịu của nhà dưới. Chúng tôi được dạy là dù không biết đến một tình cảnh nào đó thì cũng hãy luôn nhớ là nó có tồn tại. Cha mẹ sẽ nói với chúng tôi rằng ai cũng có một quá khứ mà chúng ta không hay biết, và chúng ta nên nhớ điều đó để cảm thông với mọi người. Nhiều năm sau tôi mới biết bà Robbie đã từng kiện Đại học Northwestern tội kỳ thị chủng tộc - bà đăng ký tham gia khóa học xưởng do trường tổ chức vào năm 1943 và không được phép ở trong ký túc xá nữ. Người ta bảo bà phải thuê phòng trong thị trấn - nơi “dành cho người da màu”. Còn ông Terry từng là nhân viên khuôn vác hành lý trên toa hạng sang của một trong những chuyến tàu đêm chở hành khách đi và đến Chicago. Đó là một nghề đáng quý, dù tiền lương chẳng được cao lắm, hoàn toàn được đảm trách bởi những người đàn ông da đen - những người vừa cố giữ cho bộ đồng phục của mình phẳng phiu trong khi khuôn vác hành lý, vừa phục vụ bữa ăn và nói chung là phục vụ những nhu cầu của hành khách đi tàu, kể cả đánh giày.

Nhiều năm sau khi đã nghỉ hưu, ông Terry vẫn giữ lối sống nghiêm nghị chỉnh tề - ăn mặc chần chu, thái độ phục tùng, không bao giờ khăng định bản thân dưới bất cứ hình thức nào, ít nhất đó là những gì tôi thấy. Như thể ông đã từ bỏ một phần con người mình như một cách ứng phó với hoàn cảnh. Tôi thường thấy ông cật cò dưới sân giữa cái nắng hè gay gắt trong đôi giày tây cổ điển, quần dài có dây đeo vai, nón phớt vành mỏng, ống tay áo xắn lên cẩn thận. Ông tự nuông chiều bản thân bằng cách hút đúng một điếu thuốc mỗi ngày và uống đúng một ly cocktail mỗi tháng, và ngay cả khi ấy thì ông cũng không bao giờ buông thả bản thân theo cách cha mẹ tôi vẫn làm mỗi tháng vài lần là nốc một ly rượu pha sô-đa hay một chai bia Schlitz. Một phần nào đó trong tôi muốn ông Terry lên tiếng, bật mí bất cứ bí mật nào ông đang mang theo. Tôi nghĩ ông có đủ thứ chuyện hay ho về những thành phố ông đã đặt chân đến, về cách người giàu cư xử hoặc không biết cư xử trên tàu. Nhưng chúng tôi không hề nghe được chút bí mật nào từ ông. Vì lý do nào đó, ông Terry không bao giờ hé môi.

ĐƯỢC KHOẢNG BỐN TUỔI, tôi quyết định học dương cầm. Khi đó anh Craig đang học lớp một. Thỉnh thoảng tôi thấy anh chạy xuống dưới lầu để theo học lớp dương cầm hàng tuần của bà Robbie và vẫn nguyên vẹn trở lên. Vậy nên tôi nghĩ mình đã sẵn sàng. Tôi khá tin là thật ra mình đã học chơi dương cầm bằng cách cảm thụ dần qua biết bao giờ đồng hồ lắng nghe những đứa trẻ khác lóng ngóng tập đàn. Âm nhạc đã nằm sẵn trong đầu tôi. Tôi chỉ muốn xuống dưới và thể hiện cho bà Robbie chuẩn-mực-cao của mình thấy là tôi có năng khiếu thể nào và sẽ trở thành học trò cưng của bà mà không tốn nhiều công sức ra sao.

Cây dương cầm của bà Robbie được đặt trong một căn phòng nhỏ vuông vức ở cuối nhà, gần ô cửa sổ nhìn ra sân sau. Bà đặt chậu cây ở một góc và chiếc bàn gấp ở góc còn lại để học sinh ngồi điền nhạc phổ. Trong giờ dạy, bà ngồi thẳng lưng trên chiếc ghế bành lưng cao được bọc nệm, tay gõ nhịp, đầu ngẩng cao trong lúc chăm chú lắng nghe dò lỗi. Tôi có sợ bà Robbie hay không? Không hẳn, nhưng bà có vẻ gì đó đáng dè chừng; bà tượng trưng cho một kiểu uy quyền cứng nhắc mà tôi chưa từng gặp ở nơi nào khác. Bà đòi hỏi mỗi đứa trẻ ngồi trước cây dương cầm của mình phải thật xuất sắc. Tôi xem bà Robbie như một nhân vật để lấy lòng, hay có thể là chinh phục theo cách nào đó. Tôi luôn cảm thấy cần phải chứng tỏ điều gì đó với bà.

Trong buổi học đầu tiên, chân tôi đóng đưa dưới ghế đàn vì ngắn quá chưa chạm tới sàn nhà. Bà Robbie cho tôi dùng riêng một quyển sách nhạc vỡ lòng - chuyện này khiến tôi mừng rỡ vô cùng - và dạy tôi cách đặt tay lên phím đàn.

“Được rồi, hãy tập trung nào”, bà nói, gắt gỏng khi tôi thậm chí còn chưa bắt đầu. “Hãy tìm phím Đô giữa.”

Khi bạn còn bé, dương cầm có thể trông như cây đàn ngàn phím. Bạn sẽ nhìn chăm chăm một dải những phím trắng và đen trải dài đến mức hai cánh tay nhỏ của bạn không thể với tới. Tôi nhanh chóng học được phím Đô giữa là cột mốc. Đó là ranh giới giữa khu vực dành cho tay phải và tay trái, giữa khóa Sol và khóa Fa. Nếu bạn có thể đặt ngón cái lên phím Đô giữa, mọi thứ khác rồi sẽ tự động đầu vào đó. Các phím trên cây đàn của bà Robbie có chút không đồng đều về màu sắc và hình dáng, vài phím bị sứt mẻ đôi chỗ theo thời gian, khiến chúng trông như một hàm răng xấu xí. Thật may, phím Đô giữa lại khuyết hẳn một góc to gần bằng đầu móng tay tôi, điều này giúp tôi luôn tìm được vị trí trung tâm.

Hóa ra tôi thích dương cầm. Việc ngồi đàn cho tôi cảm giác rất tự nhiên, như thể đó là chuyện dành cho tôi. Gia đình tôi có nhiều nhạc công và những người yêu nhạc, đặc biệt là bên nhà ngoại. Tôi có người cậu chơi trong ban nhạc chuyên nghiệp. Vài người di của tôi hát trong các dàn đồng ca nhà thờ. Tôi có bà Robbie, người còn đứng ra chỉ đạo một chương trình đào tạo mang tên Lớp Operetta - một chương trình âm nhạc sân khấu giá rẻ dành cho trẻ em mà anh Craig và tôi cùng tham gia vào mỗi sáng thứ Bảy ở tầng hầm nhà thờ - bên cạnh việc dạy đàn và tham gia dàn hợp xướng. Tuy nhiên, tâm điểm âm nhạc của cả nhà chính là ông ngoại Shields, người thợ

mộc, vốn là em trai bà Robbie. Ông là người vô lo, bụng phệ, có trảng cười dễ khiến người ta vui lây và chòm râu muối tiêu. Hồi tôi còn bé xiu, ông sống ở khu West Side, và anh em chúng tôi gọi ông là ông Westside. Nhưng ông dọn vào khu chúng tôi sống cùng năm tôi bắt đầu theo học đàn, và chúng tôi đã đổi tên ông thành ông Southside cho đúng kiểu.

Ông Southside ly thân với bà ngoại tôi từ nhiều thập kỷ trước, khi mẹ tôi còn đang trong độ tuổi teen. Ông sống với bác Carolyn - chị cả của mẹ tôi - và cậu út Steve trong căn nhà nhỏ một tầng cách chúng tôi hai dãy nhà, nơi ông mắc dây nhợ từ trên xuống dưới để thưởng thức nhạc, gắn loa trong mọi căn phòng, kể cả nhà tắm. Trong phòng ăn, ông đóng một bộ tủ kệ công phu để đặt các thiết bị nghe nhạc của mình, đa phần được ông “đào” từ các sự kiện bán hàng đã qua sử dụng. Ông có hai bàn xoay nghe đĩa than không đồng bộ, cộng với một máy nghe “băng cối” cũ cộc cạch và những hàng kệ chất đầy đĩa nhạc mà ông đã dày công sưu tập suốt nhiều năm.

Có rất nhiều điều mà ông Southside không tin tưởng. Ông là kiểu người già theo thuyết âm mưu kinh điển. Ông không tin nha sĩ, điều này khiến ông gần như chẳng còn cái răng nào. Ông không tin cảnh sát. Và vốn là cháu trai của một nô lệ ở Georgia từng trải qua thời thơ ấu ở Alabama trong giai đoạn các đạo luật phân biệt chủng tộc Jim Crow được ban hành trước khi chuyển lên phía bắc đến Chicago vào những năm 1920, không phải lúc nào ông cũng tin người da trắng. Khi có con, ông Southside tìm mọi cách để giữ cho chúng an toàn - đe dọa chúng bằng những câu chuyện có thật và hư cấu về những gì có thể xảy ra với trẻ da đen lỡ bước vào khu vực không thích hợp, và dạy chúng cách tránh né cảnh sát.

Âm nhạc dường như là liều thuốc an thần của ông, một cách để ông thư giãn và giải tỏa muộn phiền. Khi được trả tiền làm mộc, thỉnh thoảng ông Southside sẽ vung tiền tự sắm cho mình một album nhạc mới. Ông thường xuyên tổ chức tiệc tùng cho cả nhà, buộc mọi người phải nói thật lớn tiếng trên bất kỳ loại nhạc nền nào mà ông đang mở trên dàn âm thanh nổi, vì tiếng nhạc đó luôn lấn át mọi thứ. Chúng tôi ăn mừng hầu hết các sự kiện lớn trong đời ở nhà ông Southside, đồng nghĩa với việc suốt nhiều năm chúng tôi mở quà Giáng sinh trên nền nhạc Ella Fitzgerald^[4] và thổi nến sinh nhật giữa tiếng saxophone của Coltrane^[5]. Theo lời mẹ tôi, hồi còn trẻ ông Southside đã quyết tâm nhồi nhét nhạc jazz vào đầu bảy đứa con của mình, bằng cách thường xuyên vận đĩa hát lớn hết cỡ để đánh thức cả nhà dậy lúc mặt trời mọc.

Tình yêu âm nhạc của ông đã lan tỏa đến những người khác. Khi ông Southside dọn đến khu nhà chúng tôi, tôi thường dành trọn những buổi chiều ở nhà ông, chọn ngẫu nhiên các album nhạc trên kệ rồi đặt vào dàn máy, mỗi album là một chuyến phiêu lưu đắm say. Mặc dù tôi còn nhỏ nhưng ông không hề cấm tôi đụng vào đồ đạc trong nhà. Về sau ông còn mua cho tôi chiếc đĩa nhạc đầu tiên trong đời, album Talking Book của Stevie Wonder, mà tôi để ở nhà ông, trên chiếc kệ được ông dành riêng cho những đĩa hát tôi yêu thích. Nếu tôi đói, ông sẽ pha cho tôi một ly sữa lắc hay chiên cả con gà trong lúc hai ông cháu nghe Aretha^[6], Miles^[7] hoặc Billie^[8]. Với tôi, nhà ông Southside lớn tựa thiên đường. Và thiên đường, như tôi hình dung, phải là một nơi đầy nhạc jazz.

Ở NHÀ, tôi tiếp tục tập luyện để trở thành nhạc công. Ngồi trước cây dương cầm đứng của bà Robbie, tôi nhanh chóng nắm được các thang âm - quá trình học thấm thấu kia là có thật - và tôi lao vào thị tấu^[9] những bản nhạc mà bà đưa cho. Vì không có đàn riêng nên tôi phải chờ đến khi không còn học viên nào ở nhà dưới để tập luyện trên cây đàn của bà Robbie - tôi thường lôi kéo mẹ đi với mình và đề nghị mẹ ngồi lên chiếc ghế bành bọc nệm để nghe tôi tập đàn. Tôi học hết bản này tới bản khác trong sách dạy dương cầm. Chắc chắn tôi không giỏi hơn những học viên khác của bà Robbie, cũng không đỡ vụng về hơn là bao, nhưng tôi rất quyết tâm. Với tôi, chuyện học đàn như có ma lực. Quá trình này khiến tôi luôn có cảm giác hưng phấn và thỏa mãn. Bởi lẽ tôi nhận ra mối tương quan đơn giản, đầy khích lệ giữa thời gian tập luyện và thành quả đạt được. Ngoài ra, tôi cũng cảm

nhận được điều gì đó từ bà Robbie - tuy bà kiểm lại không thể hiện rõ ràng - nhưng có một cái gì đó tươi vui nhẹ nhàng tỏa ra từ bà mỗi khi tôi hoàn thành một bản nhạc mà không mắc lỗi, khi tay phải của tôi đánh lên một giai điệu còn tay trái nhấn đúng một hợp âm. Tôi nhận ra điều đó khi lên nhìn bà: môi của bà bớt mím chặt và ngón tay gõ nhịp sẽ nảy cao hơn một chút.

Hóa ra đây là giai đoạn tốt đẹp nhất của hai chúng tôi. Hẳn là bà Robbie và tôi đã có thể tiếp tục như thế nếu tôi bớt tò mò và tôn trọng phương pháp dạy đàn của bà hơn. Thế nhưng sách quá dày và quá trình học những bài vỡ lòng kéo dài quá lâu đến mức tôi trở nên thiếu kiên nhẫn và bắt đầu lên đọc trước những bài học sau - không chỉ trước vài trang mà là đọc hẳn cả phần sau của quyển sách, xem những bản nhạc nâng cao và bắt đầu mất tập trung đối với các bài tập chính và thay vào đó là lan man tập đánh những bản nhạc này. Khi tôi tự hào biểu diễn một trong những bản nhạc nằm-ở-phần-sau-quyển-sách cho bà Robbie nghe, bà nổi giận, đập tan thành tợ của tôi bằng câu “Chúc ngủ ngon!” cay nghiệt. Tôi bị la hét như cái cách tôi từng nghe bà la rất nhiều học viên trước đó. Tôi chỉ cố học nhiều hơn và nhanh hơn, nhưng bà Robbie xem việc đó như một trọng tội, giống như tội mưu phản. Bà không hề ấn tượng với nỗ lực của tôi, một chút cũng không.

Tôi cũng không dễ gì bỏ cuộc. Tôi là kiểu trẻ con muốn có câu trả lời rõ ràng cho những thắc mắc của mình, thích lý giải sự việc cho ra lẽ, muốn tìm hiểu mọi thứ đến tận cùng. Tôi có đáng vẽ của một luật sư và cũng có xu hướng độc tài, theo lời chứng thực của anh trai tôi, người thường bị yêu cầu rời khỏi khu vực vui chơi chung của chúng tôi. Khi nghĩ mình có một ý tưởng hay ho nào đó, tôi không thích bị từ chối. Đó là lý do bà Robbie và tôi đối đầu nhau, cả hai đều nóng nảy và không khoan nhượng.

“Sao bà lại nổi giận vì cháu muốn tập một bản nhạc mới vậy ạ?”

“Cháu chưa sẵn sàng. Đó không phải là cách học đàn dương cầm.”

“Nhưng cháu đã sẵn sàng rồi mà. Cháu vừa đánh bài đó đấy thôi.”

“Đó không phải là cách học đúng.”

“Nhưng tại sao cơ ạ?”

Giờ học đàn trở nên dài đằng đẳng và mệt mỏi, chủ yếu vì tôi không chịu tuân thủ phương pháp được dạy, còn bà Robbie thì phủ nhận những ưu điểm trong phương pháp học tự do của tôi dành cho giáo trình âm nhạc của bà. Theo tôi nhớ thì hai bà cháu cứ đôi co từ tuần này sang tuần khác. Tôi ương bướng, còn bà thì cố chấp. Tôi có quan điểm cá nhân, bà cũng thế. Giữa những cuộc tranh cãi, tôi tiếp tục chơi đàn, bà tiếp tục lắng nghe và chỉnh sửa. Tôi không mấy công nhận công sức của bà đối với sự tiến bộ trong “sự nghiệp” âm nhạc của tôi. Bà không mấy công nhận sự tiến bộ của tôi. Dẫu vậy, những bài học vẫn tiếp tục diễn ra.

Ở lâu trên, cha mẹ tôi và anh Craig thấy mọi chuyện thật buồn cười. Họ cười ngất nghêu trong giờ ăn tối khi tôi kể lại những trận chiến giữa mình và bà Robbie, và họ vẫn tiếp tục phản kích bản về chuyện đó trong lúc tôi đang ăn món mì Ý với thịt viên. Anh Craig - vốn là một người hoạt bát, một học viên tuân thủ nguyên tắc và nỗ lực-vừa-đủ trong lớp dương cầm - hoàn toàn không có vấn đề gì với bà Robbie. Cha mẹ tôi không bày tỏ chút cảm thông nào với các nỗi khổ của tôi lẫn của bà Robbie. Nhìn chung, họ không phải là các bậc phụ huynh hay can thiệp vào những chuyện ngoài chuyện học hành trong trường, vì ngay từ sớm họ kỳ vọng rằng anh em tôi nên tự giải quyết chuyện riêng của mình. Dường như cha mẹ tôi coi nhiệm vụ ở nhà của mình là lắng nghe và động viên chúng tôi khi cần thiết. Và trong khi những bậc phụ huynh khác có thể sẽ la rầy khi con mình lờ qua tiếng lại với người lớn, như tôi đã làm, thì cha mẹ tôi lại chấp nhận chuyện đó. Mẹ tôi đã có những khoảng thời gian sống cùng bà Robbie từ năm mười sáu tuổi, phải tuân theo mọi quy tắc khó dò mà bà đặt ra, và biết đâu mẹ cũng vui thầm

khi thấy quyền lực của bà Robbie bị thách thức. Bây giờ nhìn lại, tôi nghĩ cha mẹ đã tôn trọng tính cương quyết của tôi, và tôi mừng vì điều đó. Họ gìn giữ ngọn lửa nhiệt tình trong tôi.

MỖI NĂM MỘT LẦN, bà Robbie tổ chức một buổi biểu diễn hoành tráng để học viên của mình có thể trực tiếp trình diễn trước khán giả. Đến tận bây giờ tôi vẫn không rõ bà đã xoay xở thế nào, nhưng bằng cách nào đó bà đã được phép sử dụng một phòng tập ở Đại học Roosevelt tại trung tâm Chicago, tổ chức các buổi biểu diễn của mình trong một tòa nhà bằng đá bề thế tọa lạc trên Đại lộ Michigan, ngay cạnh nơi Dàn nhạc Giao hưởng Chicago trình diễn. Chỉ nghĩ đến việc đi đến đó thôi đã khiến tôi hồi hộp. Căn hộ của chúng tôi nằm trên Đại lộ Euclid, cách phía nam của khu Chicago Loop^[10] khoảng mười bốn cây số, nơi những tòa nhà chọc trời tráng lệ và những lối đi bộ đông kín người khiến tôi cảm thấy như một thế giới khác. Mỗi năm, gia đình tôi đi vào trung tâm thành phố chỉ vài lần, chủ yếu để tham quan Học viện Nghệ thuật hoặc để xem kịch. Một nhà bốn người chúng tôi di chuyển như những phi hành gia trong khoang tàu vũ trụ bốn bánh hiệu Buick của cha tôi.

Cha tôi thích tất cả những dịp được lái xe. Ông rất sốt sắng với chiếc xe của mình, chiếc Buick Electra 225 hai cửa màu đồng mà ông tự hào gọi là “con Deuce and a Quarter”^[11]. Ông thường xuyên đánh sáp để nó luôn bóng loáng và hết sức “chấp hành” lịch bảo dưỡng định kỳ - ông đem xe đến cửa hàng Sears^[12] để đảo lốp và thay dầu hết cách mẹ tôi đưa hai anh em tôi đi khám sức khỏe định kỳ. Chúng tôi cũng yêu thích chiếc Buick đó. Đường nét mềm mại và thiết kế đèn đuôi xe hẹp khiến nó trông tinh tế và hiện đại. Xe rộng rãi đủ để khiến chúng tôi thấy thoải mái như ngồi trong nhà. Tôi thậm chí có thể đứng thẳng trong xe, lần bàn tay theo trần xe bọc vải. Hồi đó việc gài dây an toàn chưa bị bắt buộc, thế nên phần lớn thời gian trong xe, anh Craig và tôi sẽ lẫn lộn ở băng ghế sau, nhào người lên băng ghế trước khi muốn nói chuyện với cha mẹ. Thường thì tôi sẽ chồm lên chỗ tựa đầu của ghế tài xế và đưa cằm ra phía trước để mặt mình kề sát mặt của cha và chúng tôi sẽ có cùng một góc nhìn.

Chiếc xe mang lại cho gia đình chúng tôi một kiểu gần gũi khác, một dịp để vừa trò chuyện vừa đi du lịch cùng nhau. Những buổi tối sau khi dùng bữa xong, anh Craig và tôi thỉnh thoảng sẽ nài nỉ cha chở chúng tôi đi dạo một vòng. Để tự thắt đai vào những đêm hè, chúng tôi sẽ đến một bãi chiếu bóng phục vụ khách ngồi trong ô-tô ở khu vực phía tây nam nhà mình để xem loạt phim Hành tinh khi, đầu chiếc Buick giữa trời nhá nhem và ổn định chỗ ngồi để xem phim. Mẹ sẽ đưa gà chiên và khoai tây cắt lát mà bà mang từ nhà cho từng người chúng tôi, anh Craig và tôi sẽ lấy đùi mình làm bàn ăn ở băng ghế sau, cẩn thận lau tay bằng khăn giấy chứ không quẹt lên ghế.

Phải nhiều năm sau tôi mới hiểu hết ý nghĩa của việc lái xe đối với cha. Hồi bé tôi chỉ có thể cảm nhận được điều đó - sự tự do mà ông cảm thấy khi ngồi sau vô-lăng, niềm vui ông có được khi động cơ chạy êm ru và bốn bánh xe cân bằng hoàn hảo bon bon dưới chân. Trong độ tuổi ba mươi, ông được bác sĩ thông báo rằng sự suy yếu bất thường mà ông mới nhận thấy ở một chân chỉ là khởi đầu của quá trình kéo dài và đau đớn dẫn đến tình trạng tê liệt; rằng nhiều khả năng một ngày nào đó, do sự tổn thương bí ẩn nào đó của các tế bào thần kinh ở não và tùy sống, ông sẽ không còn bước đi được nữa. Tôi không biết thời điểm chính xác, nhưng dường như chiếc Buick đã đến với ông gần như cùng lúc với căn bệnh đa xơ cứng. Và dù ông chưa bao giờ nói ra, nhưng hẳn là ông cảm thấy được xoa dịu hơn mỗi khi lái xe.

Chẩn đoán đó không khiến cha mẹ tôi quá lo lắng hay ám ảnh. Lúc đó chúng tôi vẫn còn cách xa thời đại mà một lệnh tìm kiếm đơn giản trên Google có thể mang lại một loạt biểu đồ, số liệu thống kê và giải thích y khoa phức tạp khiến người ta hy vọng hoặc thất vọng. Tôi đoán cha cũng không muốn xem những thông tin đó. Dù theo đạo nhưng ông sẽ không cầu xin Chúa tha chết cho mình. Ông cũng không tìm kiếm phương thức chữa trị khác, không tìm kiếm chuyên gia, càng không tìm lỗi di truyền nào đó để oán trách. Gia đình chúng tôi có một thói quen lâu đời là chặn đứng tin xấu, cố gắng quên nó ngay khi vừa được thông báo. Không ai biết cha tôi đã cảm thấy khó

chịu bao lâu trước khi ông tự đi khám bệnh, nhưng tôi đoán là ông đã chịu đựng hàng tháng, thậm chí hàng năm trời. Ông không thích những cuộc hẹn khám sức khỏe. Ông không ưa than thở. Ông là kiểu người chấp nhận những gì xảy ra và cứ thế tiếp tục cuộc sống của mình.

Điều tôi biết là vào ngày biểu diễn piano trọng đại của tôi, ông đã bước hơi loạng choạng, chân trái không thể bắt kịp chân phải. Tất cả ký ức của tôi về cha luôn bao gồm những biểu hiện của khuyết tật này, ngay cả khi lúc đó chưa ai trong số chúng tôi sẵn sàng gọi đó là khuyết tật. Khi đó tôi chỉ biết cha mình di chuyển hơi chậm hơn những người cha khác. Đôi khi tôi thấy ông khựng lại trước khi bước lên bậc thang, như thể cần phải nghĩ qua một lượt cách làm trước khi thực hành vậy. Khi gia đình chúng tôi đi mua sắm ở trung tâm thương mại, ông sẽ ngồi trên ghế đá, hài lòng ngồi trông chừng mấy túi đồ hoặc chợp mắt một chút trong lúc ba thành viên còn lại lang thang mua sắm.

Trên đường vào trung tâm thành phố để tham gia buổi trình diễn, tôi ngồi ở ghế sau chiếc Buick, mặc chiếc đầm xinh xắn, mang giày da bóng, tóc tết bím, và lần đầu tiên trong đời tôi biết thế nào là đồ mồ hôi lạnh. Mặc dù đã luyện tập như tử ở nhà trong căn hộ của bà Robbie, tôi vẫn lo lắng về màn biểu diễn. Anh Craig cũng mặc com-lê chỉnh tề và chuẩn bị bài biểu diễn của mình. Nhưng anh không lo lắng. Thực tế là anh ấy ngủ ngon lành đến mức không còn biết trời trăng gì ở băng ghế sau, miệng há hốc, hoàn toàn thoải mái và vô lo. Anh Craig là vậy. Cả đời tôi vẫn luôn ngưỡng mộ sự thư thái của anh. Khi đó anh đang tham gia mùa giải bóng rổ Biddy có lịch thi đấu vào mỗi cuối tuần và rõ ràng là anh đã chế ngự được nỗi sợ mỗi khi trình diễn.

Cha tôi thường đậu xe ở gần nơi muốn đến nhất có thể, chấp nhận trả thêm tiền đậu xe để giảm thiểu quãng đường phải đi trên đôi chân không vững của mình. Hôm đó chúng tôi dễ dàng tìm được Đại học Roosevelt và đi đến nơi sẽ diễn ra buổi trình diễn, một khán phòng có vẻ rất lớn và vọng âm. Tôi cảm thấy mình vô cùng bé nhỏ khi ở trong đó. Căn phòng có những ô cửa sổ thanh nhã cao chạm trần nhìn ra những bãi cỏ rộng của Công viên Grant và xa xa là những con sóng bạc đầu của Hồ Michigan. Những dãy ghế màu xám kim loại ngay hàng thẳng lối dần dần được lấp đầy bởi những đứa trẻ đang hồi hộp và những bậc phụ huynh mang đầy kỳ vọng. Và ở phía sân khấu, trên bục cao, là hai cây đại dương cầm loại nhỏ đầu tiên tôi từng thấy, nắp đàn bằng gỗ cứng được chống lên trông như hai cánh chim đen tuyền khổng lồ. Bà Robbie cũng có mặt ở đó, bận rộn tới lui trong bộ đầm họa tiết đơm hoa tựa như nữ hoàng của vũ hội - dù là nữ hoàng có hơi "cứng" một tí - để bảo đảm tất cả học sinh của mình đã đến đủ và đều cầm nhạc phổ trong tay. Bà ra hiệu cho khán phòng im lặng khi đến giờ mở màn.

Tôi không nhớ thứ tự các tiết mục của ngày hôm đó. Tôi chỉ nhớ khi đến lượt mình, tôi đã đứng dậy và đi lên sân khấu với dáng vẻ hoàn hảo nhất, bước lên bậc thang và ngồi trước một trong hai cây đại dương cầm nhỏ sáng bóng. Thực tế là tôi đã sẵn sàng. Dù vẫn cảm thấy bà Robbie nóng tính và cứng nhắc, nhưng tôi cũng tiếp thu sự tận tụy hết mình của bà. Tôi thuộc bản nhạc lâu lâu đến mức không phải nghĩ ngợi gì về nó nữa. Tôi chỉ cần bắt đầu di chuyển đôi tay.

Vậy mà lại có vấn đề, một vấn đề mà tôi phát hiện ngay khi nhắc những ngón tay nhỏ của mình lên phím đàn. Tôi đang ngồi trước một cây dương cầm hoàn hảo, được lau chùi kỹ lưỡng, lên dây chính xác, tám mươi tám phím trải ra như một dải ruy-băng trắng đen hoàn mỹ. Vấn đề là tôi không quen với sự hoàn hảo. Trên thực tế, tôi chưa từng gặp được sự hoàn hảo trong đời mình. Kinh nghiệm đánh đàn của tôi hoàn toàn đến từ phòng học nhạc bé xíu trong nhà bà Robbie, nơi có chậu cây lúa thừa và cửa sổ nhìn ra khoảnh sân sau khiêm tốn của chúng tôi. Nhạc cụ duy nhất mà tôi từng chơi là cây dương cầm đứng không-hoàn-hảo của bà, với những phím đàn ngả màu phát ra tiếng kim và phím Đô giữa bị mẻ một cách khá tiện lợi. Đối với tôi, đó chính là dương cầm - giống như khu tôi

sống chính là khu tôi sống, cha tôi chính là cha tôi, cuộc sống của tôi là cuộc sống của tôi. Đó là tất cả những gì tôi từng biết.

Bỗng nhiên giờ đây tôi nhận thức được là người ta đang ngồi dưới khán đài nhìn tôi ngó chăm chăm vào những phím đàn sáng bóng, không tìm thấy bất kỳ điều gì ngoài sự giống nhau như tạc. Tôi không biết phải đặt tay mình vào đâu. Cổ họng nghẹt lại và tim đập thành thịch, tôi nhìn về phía khán giả, cố gắng che giấu sự hoảng loạn của mình và tìm kiếm gương mặt của mẹ để được trấn an. Thay vào đó, tôi thoáng thấy ai đó đứng lên từ hàng ghế đầu và chậm chậm tiến về phía tôi. Đó là bà Robbie. Chúng tôi đã có nhiều trận cãi nhau âm ỉ, đến mức tôi có chút xem bà như kẻ địch. Nhưng lúc này đây, khi tôi sắp bị chê trách, bà Robbie đến bên tôi như một thiên sứ. Có lẽ bà hiểu nỗi bàng hoàng của tôi. Có lẽ bà biết sự khác biệt của thế giới vừa âm thầm mở ra trước mắt tôi lần đầu tiên. Hoặc cũng có thể bà chỉ đơn giản là cần đốc thúc mọi việc. Dù sao đi nữa, bà Robbie đã im lặng và nhẹ nhàng đặt một ngón tay lên phím Đô giữa để tôi biết phải bắt đầu từ đâu. Sau đó bà quay trở về chỗ với nụ cười khích lệ khế nhất có thể. Tôi bắt đầu trình diễn bản nhạc của mình.

TÔI BẮT ĐẦU HỌC MẪU GIÁO TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC BRYN MAWR^[1] mùa thu năm 1969, với lợi thế kép là đã biết đọc những chữ cơ bản và có một ông anh trai học lớp hai rất được quý mến. Trường chúng tôi là một tòa nhà bốn tầng bằng gạch có sân trước và chỉ cách nhà chúng tôi ở Đại lộ Euclid vài ba dãy nhà. Đi từ nhà đến trường chỉ mất chừng hai phút đi bộ, hoặc nếu chạy như anh Craig thì chỉ mất một phút.

Tôi thích ngôi trường này ngay khi bước vào. Tôi thích cô giáo, một phụ nữ da trắng đáng vẻ nhỏ nhắn tên Burroughs. Đối với tôi thì cô rất lớn tuổi nhưng thực tế thì lúc đó cô chỉ mới khoảng năm mươi. Lớp học của cô có những ô cửa sổ cỡ lớn đón nắng, một bộ sưu tập búp bê cho chúng tôi chơi và một ngôi nhà búp bê khổng lồ bằng giấy bìa cứng ở cuối phòng. Tôi làm quen với bạn học, bị thu hút bởi những đứa trẻ cũng có vẻ háo hức được ở trường như tôi. Tôi tự tin vào khả năng đọc của mình. Ở nhà, nhờ thẻ thư viện của mẹ mà tôi đã cày nát những quyển Dick and Jane, và vì vậy tôi mừng rơn khi biết nhiệm vụ đầu tiên ở lớp mẫu giáo là học cách đọc bằng mắt những bộ từ mới. Chúng tôi được học một loạt màu sắc, không phải sắc độ mà tên gọi của chúng - “màu đỏ”, “màu xanh dương”, “màu xanh lá”, “màu đen”, “màu cam”, “màu tím”, “màu trắng”. Trên lớp, cô Burroughs cầm những tấm thẻ giấy manila trên tay và đổ lần lượt từng học sinh, yêu cầu chúng tôi đọc bất cứ từ nào được in bằng mực đen trên mặt trước của tấm thẻ. Một ngày nọ tôi quan sát những bạn nam và bạn nữ mà mình đang bắt đầu thân quen đứng lên và đọc những tấm thẻ, tùy vào độ khó mà chữ được chữ không, và bị bắt ngồi xuống khi không đọc được từ nào đó. Tôi nghĩ việc này là một phần của trò chơi, giống như trò đánh vần vậy, nhưng bạn có thể loáng thoáng thấy một sự phân loại nào đó đang diễn ra và cảm giác bị dè biiu thấy rõ nơi những đứa trẻ không thể đọc được thẻ “màu đỏ”. Dĩ nhiên, đó là năm 1969, ở một trường công khu South Side thành phố Chicago. Không ai nói về lòng tự trọng hay tư duy phát triển. Nếu được học trước ở nhà, bạn sẽ được khen thưởng ở trường, được cho là học sinh “sáng láng” hoặc “có năng khiếu”, và điều này sẽ củng cố sự tự tin trong bạn. Các lợi thế nhanh chóng phát huy. Hai đứa trẻ thông minh nhất trong lớp mẫu giáo của tôi là Teddy, một cậu bé người Mỹ gốc Hàn, và Chiaka, một cô bé người Mỹ gốc Phi, cả hai vẫn duy trì thứ hạng đầu trong lớp suốt nhiều năm sau đó.

Tôi quyết tâm phải đuổi kịp hai người bạn đó. Khi tới lượt mình đọc những tấm thẻ, tôi đứng dậy và cố gắng thể hiện hết sức, đọc một mạch “màu đỏ”, “màu xanh lá” và “màu xanh dương” thật trôi chảy. Nhưng tôi hơi khựng lại ở “màu tím”, và “màu cam” thật khó đọc. Nhưng phải đến khi từ T-R-Ã-N-G xuất hiện thì tôi mới cứng cả người, cổ họng tôi lập tức khô khốc, miệng tôi có cảm giác kỳ lạ và không sao đọc đúng khẩu hình trong lúc nào tôi đang gặp sự cố nghiêm trọng, ra sức cố gắng đào bới ra một màu giống với màu “ch-áng”. Tôi chết lặng. Tôi cảm thấy đầu gối lỏng không một cách kỳ lạ, như thể hai khớp sẽ long ra. Nhưng trước khi chuyện đó xảy ra, cô Burroughs đã yêu cầu tôi ngồi xuống. Và đó chính là lúc tôi nhận ra từ trên tấm thẻ, tròn vẹn và đơn giản. Trắng. Trắắắắ. Đó là từ “trắng”.

Đêm hôm đó, khi nằm trên giường với những con thú nhồi bông xếp quanh đầu giường, tôi chỉ nghĩ đến “màu trắng”. Tôi đánh vần nó trong đầu, xuôi rồi lại ngược, tự trừng phạt bản thân vì sự ngu ngốc của mình. Sự xấu hổ nặng ngàn cân, như một thứ tôi không bao giờ rũ bỏ được, mặc dù tôi biết cha mẹ sẽ không bận tâm xem tôi có đọc đúng hết các thẻ hay không. Tôi chỉ muốn thành tựu. Hoặc có thể tôi không muốn bị xem là không có khả năng đạt được thành tựu. Tôi đã chắc chắn là khi đó cô giáo nghĩ tôi không biết đọc, hoặc tệ hơn, không chịu cố gắng. Tôi bị ám ảnh bởi những ngôi sao nhũ vàng có kích thước bằng đồng xu mà cô Burroughs đã thưởng cho Teddy và Chiaka hôm đó, để cả hai đeo lên ngực như sự công nhận thành tích đã đạt được, hoặc đó có thể là dấu

hiệu cho thấy chúng được đánh giá là xuất sắc, còn những học sinh còn lại như chúng tôi thì không. Cả hai người họ đã đọc được hết những tấm thẻ mà không hề vấp vấp.

Sáng hôm sau vào lớp, tôi xin cô cho làm lại.

Khi cô Burroughs từ chối, vui vẻ nói thêm là học sinh mẫu giáo chúng tôi còn nhiều thứ khác để làm, tôi vẫn đề nghị cô cho tôi làm lại.

Đáng thương cho những đứa trẻ phải xem tôi đối đầu với những tấm thẻ lần thứ hai. Lần này tôi chậm rãi hơn, cố tình dừng lại sau khi đánh vắn xong mỗi từ để hít thở, không để sự hồi hộp làm đảo lộn mạch bộ não của mình. Và cách đó có hiệu quả, cho cả “màu đen”, “màu cam”, “màu tím” và đặc biệt là “màu trắng”. Tôi thật sự đã đọc ra từ “màu trắng” trước cả khi nhìn thấy những chữ đó trên thẻ. Tôi thích nghĩ đến cảnh cô Burroughs ấn tượng ra sao với cô bé da đen có đủ can đảm để chứng tỏ bản thân. Tôi không biết Teddy và Chiaka có để ý chuyện này hay không. Dù sao đi nữa thì tôi đã nhanh chóng nhận chiến lợi phẩm của mình khi về nhà vào trưa hôm đó với cái đầu ngẩng cao và một ngôi sao nhũ vàng cài trên áo.

Ở NHÀ, tôi sống trong một thế giới đầy kịch tính và âm mưu, đắm chìm trong một bộ phim truyền hình dài tập không ngừng diễn biến của những con búp bê. Có sinh sôi, đối đầu và phản bội. Có hy vọng, thù ghét và đôi khi là tình dục. Cách giết thời gian ưa thích của tôi từ lúc tan học đến trước giờ ăn tối là ở lì trong khu vực chung ngay trước phòng riêng của hai anh em và bày búp bê Barbie ra sàn, dựng ra những kịch bản mà tôi cảm thấy thật chẳng kém gì ngoài đời, đôi khi còn cho thêm những mô hình nhân vật trong biệt đội G.I. Joe của anh Craig vào cốt truyện. Tôi giữ quần áo búp bê trong chiếc vali nhựa có họa tiết hoa lá dành cho trẻ con. Tôi gán cho từng cô Barbie và từng nhân vật G.I. Joe một tính cách riêng. Tôi còn trưng dụng những khối chữ cái mìn vẹt mà mẹ từng dùng để dạy anh em chúng tôi đọc chữ nhiều năm trước. Những khối chữ này cũng được đặt tên và trao cho cuộc đời riêng.

Tôi ít khi chủ động tham gia cùng những đứa trẻ hàng xóm chơi đùa bên ngoài sau giờ học, cũng ít khi mời bạn học về nhà chơi, một phần vì tôi là đứa khó tính và không muốn ai đụng chạm búp bê của mình. Tôi từng sang nhà những đứa con gái khác và chứng kiến những cảnh vô cùng kinh dị - búp bê Barbie bị tước phẳng mái tóc hoặc có khuôn mặt bị vẽ nguệch ngoạc bằng bút lông. Và một điều tôi học được ở trường chính là mối quan hệ của những đứa trẻ có thể rồi beng. Cho dù bạn thấy cảnh tượng ngọt ngào nào đang diễn ra ở sân chơi, đằng sau chúng sẽ là sự chuyên chế của hệ thống cấp bậc và bè phái thường xuyên đổi chiều. Có những nàng ong chúa, kẻ bắt nạt và người theo đuôi. Tôi không nhút nhát, nhưng tôi không chắc là mình cần rước đồng lõa xộn đó vào cuộc sống ngoài giờ học. Thay vào đó, tôi dồn năng lượng vào việc trở thành lực lượng nắm quyền duy nhất trong vũ trụ sân-chơi-chung nho nhỏ của mình. Nếu anh Craig xuất hiện và cả gan dịch chuyển dù chỉ một khối nhựa, tôi sẽ bắt đầu gào lên. Tôi cũng không ngại đánh nhau với anh ấy khi cần thiết - thường là một cú đấm thẳng vào giữa lưng. Vấn đề là những con búp bê và những khối nhựa cần được tôi trao cho sự sống, và tôi đã rất có trách nhiệm trao cho chúng điều đó, gây ra hết cuộc khủng hoảng cá nhân này đến cuộc khủng hoảng khác. Như bất cứ vị thần tử tế nào, tôi ở bên cạnh để xem chúng đau khổ và trưởng thành.

Trong khi đó, từ cửa sổ phòng ngủ tôi có thể quan sát hầu hết mọi tình hình thực tế đang diễn ra tại dãy nhà của mình trên Đại lộ Euclid. Vào những buổi chiều muộn, tôi nhìn thấy ông Thompson, một người Mỹ gốc Phi cao lớn sở hữu tòa nhà có ba căn hộ bên kia đường, đặt cây ghi-ta bass to tướng lên chiếc Cadillac, chuẩn bị đi diễn ở một câu lạc bộ nhạc jazz nào đó. Tôi cũng nhìn thấy những thành viên nhà Mendoza, gia đình người Mexico sống cạnh bên, về nhà trong chiếc xe tải chất đầy thang sau một ngày dài sơn vẽ các ngôi nhà, và được những chú chó của họ sửa inh ỏi đón chào ngay từ hàng rào.

Khu chúng tôi sống thuộc tầng lớp trung lưu và đa sắc tộc. Bọn trẻ chọn bạn không dựa vào màu da, mà dựa vào việc đứa nào đang ở ngoài đường và sẵn lòng chơi chung. Bạn bè tôi gồm một cô gái tên Rachel, có mẹ là người da trắng và nói giọng Anh; Susie, cô gái tóc đỏ và xoăn; và cháu gái nhà Mendoza mỗi khi nó đến chơi. Chúng tôi có những cái họ pha lẫn từ nhiều xuất xứ - Kansopant, Abuasef, Yacker, Robinson - và chúng tôi cũng còn quá nhỏ nên không biết mọi thứ xung quanh đang thay đổi nhanh chóng. Năm 1950, mười lăm năm trước khi cha mẹ tôi dọn về khu South Shore, khu vực này có 96% cư dân là người da trắng. Vào thời điểm tôi rời South Shore để học đại học năm 1981, khu này có khoảng 96% cư dân là người da đen.

Anh Craig và tôi lớn lên ngay giữa giao điểm của dòng chảy đó. Những dãy nhà xung quanh chúng tôi là mái ấm của các gia đình người Do Thái, gia đình nhập cư, gia đình người da trắng và người da đen, một số gia đình thì phát đạt còn số khác thì không. Nhìn chung thì mọi người đều chăm sóc bãi cỏ và con cái nhà mình. Họ trả tiền cho bà Robbie để các con của họ có thể học đàn dương cầm. Trên thực tế, gia đình tôi thuộc diện nghèo trong khu. Chúng tôi thuộc số ít những người mà chúng tôi biết là không có nhà riêng, sống chen chúc trên tầng lầu nhà ông bà Robbie và Terry. South Shore vẫn chưa xuôi theo dòng chảy của những khu vực khác - nơi những người khá giả đã khăn gói đến vùng ngoại ô từ lâu, những cửa hàng kinh doanh trong khu lần lượt đóng cửa, dấu hiệu của sự suy tàn xuất hiện - nhưng sự chuyển biến rõ ràng là đã bắt đầu.

Chúng tôi bắt đầu cảm nhận được tác động của sự chuyển biến này, nhất là ở trường. Phòng học lớp hai của tôi biến thành nơi hỗn loạn với những đứa trẻ ngỗ nghịch và bút viết bay tứ tung, một điều hầy còn xa lạ với tôi và anh Craig. Tất cả những chuyện này dường như là do một giáo viên không biết cách kiểm soát lớp học, thậm chí người này có vẻ cũng không thích trẻ con. Thêm vào đó, dường như không có ai đặc biệt bận tâm đến việc vị giáo viên đó không đủ năng lực. Bọn học sinh dùng đó như cái cớ để quậy tung bưng, và cô giáo thì có vẻ chỉ nhìn thấy những gì tồi tệ nhất nơi chúng tôi. Trong mắt cô, chúng tôi là một lớp toàn “trẻ hư”, mặc dù chúng tôi không hề được cô dạy dỗ hay hướng dẫn, và thực tế là chúng tôi đã phải chuyển xuống một phòng học thiếu sáng ở tầng hầm của trường. Mỗi một giờ trôi qua ở dưới đó đều dài lê thê và chẳng khác gì địa ngục. Tôi khổ sở ngồi tại bàn của mình, trên chiếc ghế màu xanh lá ngả vàng - sắc màu chính thức của thập niên 1970 - không học được gì mà chỉ chờ cho tới giờ ăn trưa, lúc tôi có thể về nhà, ăn một chiếc bánh mì kẹp và than thở với mẹ.

Hồi bé, gần như mỗi khi tức tối thì tôi đều nói với mẹ. Khi tôi nổi điên về cô giáo mới, mẹ tôi điềm tĩnh lắng nghe, nói những câu như “Ồi trời” hay “Ồ vậy à?”. Bà không nuông theo cơn giận của tôi, nhưng rất nghiêm túc nhìn nhận sự thất vọng của con gái. Nếu mẹ tôi là ai đó khác, hẳn là bà đã nói những câu cho qua chuyện kiểu như, “Hãy cứ làm hết sức đi con”. Nhưng mẹ tôi biết sự khác biệt. Bà biết sự khác nhau giữa phàn nàn và mệt mỏi thật sự. Mẹ không nói gì với tôi, nhưng bà đã âm thầm đến trường và bắt đầu quá trình vận động hành lang kéo dài nhiều tuần liền, giúp tôi và vài đứa trẻ có thành tích tốt được tách ra khỏi lớp đang học, làm bài kiểm tra đầu vào, và khoảng một tuần sau đó, được xếp vào một lớp ba nể nếp ở tầng trên, dưới sự dìu dắt của một cô giáo hay cười, cương quyết và biết rõ việc của mình.

Đó là một động thái nhỏ nhưng đã thay đổi cuộc đời tôi. Tôi không ngừng thắc mắc điều gì xảy ra với đám trẻ bị giữ lại trong tầng hầm với vị giáo viên không có khả năng sư phạm. Giờ đây, khi đã là người lớn, tôi nhận ra trẻ con từ rất nhỏ đã biết khi nào chúng bị coi thường, khi nào người lớn thiếu đầu tư vào việc học của chúng. Cơn giận của chúng trước thực tế này có thể thể hiện ra dưới hình thức là chúng không vâng lời. Đó không phải là lỗi của chúng. Chúng không phải “trẻ hư”. Chúng chỉ đang cố gắng sống sót trong nghịch cảnh. Đầu sao thì vào thời điểm đó, tôi chỉ cảm thấy vui mừng vì được giải thoát. Nhiều năm sau tôi mới biết mẹ tôi, vốn hài hước và ít nói nhưng cũng là người trực tính, đã quyết định tìm tới cô giáo lớp hai kia và nói với cô ấy, bằng cách lịch sự nhất có thể, rằng cô không nên dạy học mà nên làm thu ngân cho cửa hàng.

THỜI GIAN TRÔI QUA, mẹ tôi bắt đầu động viên tôi ra ngoài chơi chung với bọn trẻ hàng xóm. Bà hy vọng rằng tôi sẽ học được cách hòa nhập với xã hội như anh trai tôi đã làm. Như tôi đã nói, anh Craig có tài khiến

những việc khó khăn có vẻ thật dễ dàng. Khi đó anh là một hiện tượng mới nổi trên sân bóng rổ, sôi nổi, nhanh nhẹn và đang trở giở. Cha tôi thúc bách anh tìm đến những trận đấu cam go nhất có thể, đồng nghĩa với việc sau này ông sẽ để anh Craig một mình sang đầu bên kia của thị trấn đấu bóng với những đứa trẻ giỏi nhất thành phố. Nhưng vào lúc này, cha để anh đấu với những tài năng trong khu phố. Anh Craig thường mang theo bóng và băng qua đường để tới Công viên Rosenblum, ngang qua mấy khung gỗ dành cho trẻ con leo trèo và chiếc xích đu nơi tôi thích tới chơi, và rồi biến mất sau hàng cây ở bên kia công viên, nơi có sân bóng rổ. Tôi cứ nghĩ nơi đó tựa như vực thẳm, một khu rừng âm u huyền bí của những kẻ say xin, trộm cắp và tội phạm. Nhưng sau khi anh Craig đã đến đó thì anh chinh tôi ngay, anh nói rằng ở đó thật sự không có ai xấu xa đến thế cả.

Đối với anh tôi, bóng rổ dường như có thể xóa đi mọi ranh giới. Bóng rổ dạy anh ấy cách tiếp xúc với người lạ mỗi khi muốn xin một chân trong trận đấu bóng tự phát. Anh ấy cũng học được cách nói thân thiện hơn mỗi khi phải dùng đến trash-talk^[2] đối với các đối thủ to khỏe và nhanh nhẹn hơn mình trên sân. Bóng rổ cũng giúp anh ấy đánh tan nhiều sai lầm về người nào ra sao và chuyện gì đang xảy ra trong khu phố, củng cố khả năng rằng hầu hết mọi người đều là người tốt nếu ta đối xử tử tế với họ - điều mà từ lâu đã trở thành tín điều của cha tôi. Kể cả những gã đáng ngờ hay lê la trước tiệm rượu ở góc phố cũng vui vẻ khi thấy anh Craig; họ gọi tên anh và đập tay chào anh khi bọn tôi đi ngang qua.

“Làm sao mà anh lại quen biết với họ vậy?”, tôi ngờ vực hỏi.

“Anh đâu có biết họ. Họ chỉ biết anh thôi”, anh Craig nhún vai đáp.

Sau cùng, mười tuổi cũng là lúc tôi cảm thấy thoải mái để bắt đầu tự khám phá, một quyết định được tôi đưa ra chủ yếu bởi lúc đó tôi thấy quá chán. Khi đó là mùa hè và chúng tôi được nghỉ học. Anh Craig và tôi đón xe buýt đến Hồ Michigan mỗi ngày để tham gia trại hè do thành phố tổ chức tại một công viên bên bờ hồ, nhưng chúng tôi sẽ về nhà trước bốn giờ chiều, nên vẫn còn nhiều thời gian dành cho các hoạt động khác. Tôi ngày càng chán chơi búp bê, và vì không có mấy điều hòa nhiệt độ nên vào buổi chiều căn hộ của chúng tôi vô cùng nóng bức khó chịu. Thế là tôi bắt đầu bám đuôi anh Craig đi quanh khu phố, gặp gỡ những đứa trẻ tôi vẫn chưa làm quen ở trường. Đối diện con hẻm sau nhà chúng tôi là khu dân cư Euclid Parkway, nơi có chừng mười lăm ngôi nhà bao quanh một mảng xanh chung ở giữa. Nó giống một kiểu thiên đường nào đó, không có xe cộ, chỉ có trẻ con đang chơi bóng và nhảy dây, hoặc chỉ ngồi tùm tùm với nhau. Nhưng trước khi hòa nhập với đám con gái trạc tuổi ở khu Parkway, tôi trải qua một bài kiểm tra. Bài kiểm tra đó chính là DeeDee, một cô bé theo học ở trường Công giáo gần đó. DeeDee có sức vóc và cũng xinh xắn, nhưng lại thích bấu môi và lúc nào cũng sẵn sàng trợn mắt. Cô ấy thường ngồi trước hiên nhà mình, cạnh một cô bé khác, nổi tiếng hơn có tên là Deneen.

Deneen lúc nào cũng thân thiện, nhưng DeeDee có vẻ không ưa tôi. Tôi không biết tại sao lại như vậy. Mỗi lần tôi đến Euclid Parkway, cô sẽ bình phẩm về tôi một cách kín đáo nhưng cay độc, như thể chỉ cần tôi xuất hiện thôi là đã phá hỏng một ngày của mọi người vậy. Những ngày hè vẫn trôi, các bình phẩm của DeeDee chỉ càng trở nên ồn ào hơn. Tôi bắt đầu khó chịu. Tôi hiểu mình có nhiều lựa chọn khác. Tôi có thể tiếp tục trở thành đứa trẻ bị bắt nạt, có thể từ bỏ Parkway và quay về nhà với đồng đồ chơi của mình, hoặc tìm cách có được sự tôn trọng của DeeDee. Và bên trong sự lựa chọn sau cuối kia lại còn một lựa chọn khác: Tôi có thể cố tranh luận với DeeDee, chinh phục bằng lý lẽ hay bằng một kiểu ngoại giao trẻ con nào đó, hoặc đơn giản là khiến cô ấy ngậm miệng.

Lần kế tiếp khi DeeDee mở miệng bình phẩm, tôi nhào tới, vận dụng mọi thứ mà cha tôi đã dạy để tung cú đấm. Cả hai chúng tôi ngã xuống đất, nắm đấm giơ lên còn chân thì quấy đạp. Mọi đứa trẻ ở khu Euclid Parkway lập tức vây lấy hai chúng tôi, tiếng reo hò của chúng phát ra từ sự hào hứng và tính háo thắng của những học sinh cấp một. Tôi không nhớ ai đã lôi hai đứa chúng tôi ra, là Deneen hay anh trai tôi, hoặc một vị phụ huynh nào đó đã

bị gọi tới hiện trường, nhưng khi mọi chuyện đã xong thì dường như có điều gì đó đã diễn ra. Tôi chính thức được chấp nhận là thành viên của khu đó. DeeDee và tôi không bị thương tích gì sau lần đó, chỉ bị bẩn vì vấy bùn đất, đứa nào cũng thờ hờn hển và tất nhiên là cả hai xác định sẽ không bao giờ trở thành bạn thân của nhau, nhưng chỉ ít tôi cũng có được sự tôn trọng từ cô ấy.

CHIẾC BUICK CỦA CHA tiếp tục là nơi chúng tôi ẩn náu, là ô cửa nhìn ra thế giới. Chúng tôi lái xe ra ngoài vào các ngày Chủ nhật và những buổi chiều hè, cứ chạy loanh quanh như vậy, không vì lý do gì, chỉ đơn giản là chúng tôi có thể đi cùng nhau trên xe. Đôi lúc cả nhà sẽ đến một khu phố ở phía nam, khu vực được biết đến với cái tên Pill Hill (tạm dịch: Đồi thuốc viên) - chắc hẳn là do có nhiều bác sĩ người Mỹ gốc Phi đang sinh sống tại đây. Đó là một trong những khu đẹp đẽ hơn, giàu có hơn của South Side, nơi người ta đậu những hai chiếc ô-tô ở trước nhà và có rất nhiều luống hoa nở dọc theo lối đi.

Cha tôi có một chút hồ nghi đối với người giàu. Ông không thích những người trịch thượng, và ông thường có cảm xúc phức tạp về việc sở hữu nhà riêng. Có một dạo cha mẹ tôi đã nghĩ tới việc mua một căn đang rao bán cách nhà bà Robbie không xa, thậm chí chúng tôi đã lái xe tới đó để coi nhà cùng một tay môi giới bất động sản, nhưng cuối cùng quyết định không mua. Lúc đó tôi hoàn toàn ủng hộ việc mua nhà. Tôi nghĩ sẽ rất ý nghĩa nếu nhà mình có thể sống trong căn nhà có nhiều hơn một tầng. Nhưng cha tôi là người vốn rất thận trọng, ông ý thức rõ về sự đánh đổi và hiểu rằng cần phải để dành tiền phòng những lúc khó khăn. “Con sẽ không muốn nghèo mạt vì mua nhà”, ông dạy chúng tôi như thế và giải thích rằng một số người đổ hết tiền tiết kiệm đồng thời phải vay mượn quá nhiều để mua nhà, rồi cuộc họ có một ngôi nhà khang trang đẹp đẽ nhưng mất hết tự do.

Cha mẹ nói chuyện với anh em chúng tôi như nói chuyện với người lớn. Họ không lên lớp dạy đời mà luôn lắng nghe mọi câu hỏi chúng tôi đặt ra, bất kể chúng có ngây ngô đến đâu. Họ không bao giờ vội vã kết thúc một cuộc thảo luận. Các cuộc nói chuyện của gia đình chúng tôi có thể kéo dài hàng giờ liền, thường là vì hai anh em tôi luôn tranh thủ hỏi cha mẹ những điều mình không hiểu. Khi còn bé, chúng tôi đã hỏi, “Tại sao người ta lại tắm?” hay “Vì sao phải đi làm?” và đủ thứ thắc mắc khác. Một trong những “thắng lợi” đầu tiên của tôi nhờ biết thắc mắc xuất phát từ một câu hỏi có liên quan đến bản thân: “Tại sao chúng ta phải ăn trứng vào bữa sáng?”. Câu hỏi này dẫn đến một cuộc thảo luận về sự cần thiết của chất đạm, vốn lại khiến tôi thắc mắc tại sao bơ đậu phộng không được xem là chất đạm, và cuối cùng, sau nhiều màn tranh luận, mẹ tôi phải nhìn nhận lại vai trò của trứng, món mà tôi chưa bao giờ thích ăn. Suốt chín năm sau đó, biết mình đã giành được quyền không ăn trứng vào bữa sáng, tôi làm cho mình món bánh mì kẹp phết bơ đậu phộng béo ngậy và mút chứ không ăn dù chỉ một quả trứng.

Khi lớn lên, chúng tôi nói nhiều hơn về chất kích thích, tình dục, các lựa chọn trong cuộc sống, về chủng tộc, sự bất bình đẳng và cả chính trị. Cha mẹ không mong hai đứa chúng tôi thành thánh nhân. Tôi còn nhớ cha đã khẳng định tình dục vốn là chuyện vui vẻ. Họ cũng không bao giờ tỏ điểm cho những thứ mà họ biết là thực tế khắc nghiệt của cuộc sống để chúng tôi khỏi phải ảo tưởng về những thứ đó. Chẳng hạn vào một dịp hè, anh Craig có được một chiếc xe đạp mới và anh đã đạp về phía đông đến Hồ Michigan, đến con đường lát đá dọc bãi Rainbow, nơi bạn có thể cảm nhận làn gió hồ. Ngay lập tức, anh bị một viên sĩ quan cảnh sát chặn lại và bị buộc tội ăn cắp, vì viên cảnh sát đó không tin chuyện một cậu nhóc da đen có thể có được chiếc xe đạp mới mà không phạm pháp. (Bản thân viên sĩ quan cũng là người Mỹ gốc Phi và cuối cùng đã bị mẹ tôi mắng cho một trận đồng thời bắt phải xin lỗi anh Craig). Cha mẹ tôi nói, chuyện đó là một thực tế bất công nhưng không may cũng là một thực tế phổ biến. Màu da khiến chúng tôi dễ bị xúc phạm. Đó là điều mà chúng tôi vẫn luôn phải thận trọng ứng phó.

Tôi đoán thói quen lái xe chở chúng tôi sang khu Pill Hill của cha là một cách cha thể hiện khát vọng của mình, một dịp để cho chúng tôi thấy học vẫn tốt có thể mang lại điều gì. Cha mẹ tôi gần như cả đời chỉ sống lẫn lộn trong vài cây số vuông ở Chicago, nhưng họ không bao giờ nghĩ là anh Craig và tôi cũng sẽ sống như thế. Trước khi kết hôn, họ đều đã có một thời gian ngắn theo học trường cao đẳng cộng đồng, nhưng cả hai đều từ bỏ rất sớm trước khi có được tấm bằng. Mẹ tôi học để trở thành một giáo viên nhưng rồi lại thấy mình nên làm công việc thư ký thì tốt hơn. Cha tôi thì đơn giản là không có đủ tiền đóng học phí nên đã nhập ngũ. Không ai khuyên ông nên học tiếp, không có tấm gương nào cho ông thấy cuộc đời trí thức sẽ ra sao. Thay vào đó, cha tôi đi lính hai năm, chuyển đến nhiều doanh trại khác nhau. Nếu việc học xong đại học và trở thành một nghệ sĩ từng là mơ ước của cha tôi thì ông đã nhanh chóng chuyển hướng hy vọng của mình, dùng tiền lương từ việc phục vụ trong quân ngũ để hỗ trợ học phí cho em trai mình học kiến trúc.

Bây giờ, khi sắp qua tuổi bốn mươi, cha tập trung dành dụm cho hai anh em chúng tôi. Gia đình chúng tôi không bao giờ khánh kiệt vì mua nhà, vì chúng tôi sẽ không mua nhà. Cha là người thực tế, biết các nguồn lực là hữu hạn và thời gian cũng vậy. Khi không lái xe, ông sử dụng gậy để đi lại. Trước khi tôi học xong tiểu học, cây gậy đó đã trở thành một chiếc nạng, và chẳng bao lâu sau là hai chiếc. Cho dù thứ gì đang bào mòn bên trong cơ thể ông, làm suy yếu cơ bắp và tổn hại dây thần kinh của ông, ông vẫn xem đó là một thử thách cá nhân, một chuyện mà ông âm thầm chịu đựng.

Như nhiều gia đình khác, gia đình chúng tôi cũng có những lần tiêu xài xa xỉ hơn bình thường một chút. Khi anh Craig và tôi nhận bằng điểm ở trường, cha mẹ tôi sẽ ăn mừng bằng cách đặt một chiếc bánh pizza từ tiệm Italian Fiesta, cửa hàng yêu thích của cả gia đình. Lúc thời tiết nóng nực, chúng tôi mua kem hộp - mỗi hộp gồm một phần kem sô-cô-la, hồ đào và cherry đen - để ăn dần trong nhiều ngày. Hàng năm khi đến lễ hội Air and Water Show^[3], chúng tôi chuẩn bị thức ăn mang theo và lái xe về phía bắc dọc theo bờ Hồ Michigan đến một bán đảo có hàng rào bao quanh, nơi có nhà máy lọc nước mà cha tôi làm việc tọa lạc. Đó là một trong những dịp hiếm hoi trong năm các gia đình công nhân viên được phép đi qua cổng rào, đến trang cỏ xanh mướt nhìn ra hồ, nơi có thể xem cảnh máy bay phản lực biểu diễn trên mặt hồ đẹp chẳng kém bất cứ tầm nhìn nào từ các căn hộ áp mái trên Đường Lake Shore.

Tháng Bảy hàng năm, cha tôi thường nghỉ làm một tuần, và chúng tôi sẽ nhét thêm vào chiếc Buick một người cô cùng hai người anh chị em họ, tất cả bảy người ngồi trong chiếc xe hai cửa ấy suốt hàng giờ liền, đi theo đường Skyway ra khỏi Chicago, vòng qua mũi nam của Hồ Michigan, lái đến White Cloud, Michigan, và dừng lại ở một nơi gọi là Khu nghỉ dưỡng Dukes Happy Holiday. Nơi đây có một phòng game, một chiếc máy bán hàng tự động bán nước giải khát đóng chai, và quan trọng hơn cả là có một hồ bơi lớn ngoài trời. Chúng tôi thuê một căn nhà gỗ có bếp và dành hết mấy ngày để nhảy lên nhảy xuống hồ bơi.

Cha mẹ tôi sẽ nướng thịt ngoài trời, hút thuốc và chơi bài cùng cô tôi, nhưng thỉnh thoảng cha cũng ngừng chơi để theo dõi đám nhóc chúng tôi xuống hồ bơi. Cha tôi là người đàn ông điển trai với bộ ria cong xuống theo viền môi như một lưỡi hái. Cơ ngực và cánh tay ông rắn chắc, một minh chứng của việc ông đã từng là vận động viên. Trong những buổi chiều dài dưới hồ bơi, cha quạt nước, cười giỡn và tung chúng tôi lên không. Những lúc đó, đôi chân đã yếu của ông bỗng nhiên không còn là gánh nặng nữa.

QUÁ TRÌNH XUỐNG CẤP rất khó nhận ra, nhất là khi bạn đang ở giữa quá trình đó. Vào mỗi tháng Chín, khi anh Craig và tôi quay lại trường Bryn Mawr, chúng tôi lại thấy có ít trẻ em da trắng trên sân trường hơn. Một số đã chuyển qua học trường Công giáo gần đó, nhưng nhiều đứa trẻ khác đã rời hẳn nơi này. Thoạt đầu có vẻ như chỉ các gia đình người da trắng mới rời đi, nhưng rồi da trắng hay da đen gì cũng đi. Chẳng mấy chốc, dường như

bất kỳ ai có điều kiện thì cũng khăn gói ra đi. Đa số những cuộc ra đi đó đều không được báo trước, cũng không được giải thích nguyên nhân. Chỉ cần nhìn thấy tấm biển “Nhà bán” trước sân nhà Yacker hoặc chiếc xe tải vận chuyển trước cửa nhà Teddy là chúng tôi biết chuyện gì sắp sửa xảy ra.

Có lẽ cú sốc lớn nhất đối với mẹ tôi là khi bạn của mẹ, cô Velma Stewart, thông báo rằng vợ chồng cô đã đặt cọc cho một ngôi nhà ở vùng ngoại ô Park Forest. Nhà Stewart có hai đứa trẻ và họ sống ở đây nhà cuối Đại lộ Euclid. Họ cũng thuê căn hộ giống chúng tôi. Cô Stewart có khiếu hài hước độc đáo và tiếng cười dễ lan tỏa, thứ đã thu hút mẹ tôi làm bạn với cô. Họ trao đổi công thức nấu ăn và cập nhật tin tức của nhau, nhưng chưa từng sa đà vào chuyện ngồi lê đôi mách như những bà mẹ khác. Donny, con trai cô Stewart, bằng tuổi với anh Craig và cũng yêu thích vận động như anh, điều này khiến cả hai thân nhau ngay từ hồi mới biết nhau. Con gái cô, Pamela, đã là một thiếu nữ và không thích chơi với tôi cho lắm, dù tôi thấy tất cả những anh chị ở tuổi này thật thú vị. Tôi không nhớ nhiều về chú Stewart, ngoại trừ chuyện chú lái một chiếc xe tải giao hàng cho một hiệu bánh lớn trong thành phố, và vợ chồng con cái nhà Stewart sở hữu làn da trắng nhất mà tôi từng nhìn thấy ở người da đen.

Tôi không biết làm thế nào họ mua nổi một căn nhà ở vùng ngoại ô. Hóa ra, Park Forest là một trong những khu dân cư đầu tiên ở Mỹ được quy hoạch hoàn chỉnh - không chỉ là một khu đất thổ cư phân lô, mà là cả một khu dân cư được thiết kế dành cho khoảng ba mươi ngàn người, có khu mua sắm, nhà thờ, trường học và công viên. Được khởi công năm 1948, Park Forest được dự tính sẽ trở thành hình mẫu cho cuộc sống vùng ngoại ô, với những ngôi nhà được xây dựng hàng loạt và khu sân vườn y hệt nhau. Ở đây cũng có quy định giới hạn số gia đình người da đen có thể sinh sống trong một dãy nhà, nhưng vào thời điểm nhà Stewart dọn tới, giới hạn này dường như đã được xóa bỏ.

Không lâu sau khi dọn sang nhà mới, gia đình Stewart mời nhà chúng tôi đến chơi vào ngày cha tôi được nghỉ làm. Chúng tôi rất háo hức. Với chúng tôi, đó là một chuyến tham quan mới, một cơ hội để được nhìn thấy vùng ngoại ô vẫn thường được nhắc đến. Bốn người chúng tôi ngồi trên chiếc Buick hướng về phía nam đường cao tốc, đi theo con đường dẫn ra ngoại ô Chicago, và khoảng bốn mươi phút sau thì đến một khu trung tâm mua sắm vắng vẻ. Chúng tôi bắt đầu chạy lòng vòng qua những con đường yên ắng, theo chỉ dẫn của cô Stewart, rẽ qua những dãy nhà trông na ná nhau. Park Forest giống một thành phố mô hình đầy những ngôi nhà có thiết kế giống nhau - những căn nhà khiêm tốn một tầng, mái thấp, màu xám nhạt và những cây bụi mới trồng trước cửa.

“Ai lại muốn ở tận chỗ này chứ?”, cha tôi thắc mắc, mắt nhìn chăm chăm qua kính chắn gió. Tôi đồng ý là chuyện này thật không hợp lý. Theo những gì tôi nhìn thấy, khu này không hề có những cây đại thụ như cây sồi to ngay bên ngoài cửa sổ phòng ngủ nhà tôi. Mọi thứ ở Park Forest đều mới, rộng và vắng vẻ. Không có tiệm bán rượu ở góc phố với những gã đáng nghi lớn vờn đường trước. Không có tiếng còi xe inh ỏi. Không có tiếng nhạc phát ra từ gian bếp của ngôi nhà nào đó. Tất cả cửa sổ của những ngôi nhà ở đây dường như đều đóng kín.

Anh Craig thường nhớ về chuyến viếng thăm ấy như một điều gì đó trên cả tuyệt vời, chủ yếu vì anh ấy đã chơi bóng suốt ngày ở sân bóng rộng rãi dưới bầu trời xanh với Donny Stewart và đám huynh đệ mới ở chốn ngoại ô. Cha mẹ tôi có buổi hội ngộ vừa đủ vui vẻ với cô chú Stewart, còn tôi lèo đèo theo Pamela, trầm trồ trước mái tóc, làn da sáng và những món trang sức tuổi thiếu niên của chị. Chúng tôi cũng cùng ăn trưa với nhau.

Đến tối thì hai gia đình chào tạm biệt nhau. Từ biệt nhà Stewart, chúng tôi đi bộ trong ánh hoàng hôn đến chỗ cha tôi đậu chiếc Buick. Anh Craig vẫn còn nhể nhại mồ hôi, chân căng mỏi nhừ vì đã chạy suốt. Tôi cũng mệt mỏi và sẵn sàng về nhà. Khu này có điều gì đó khiến tôi không thoải mái. Tôi không phải là người thích vùng ngoại ô, mặc dù tôi không thể nói chính xác lý do tại sao.

Về sau mẹ tôi đã nhận xét về nhà Stewart và về cộng đồng cư dân mới của họ, dựa trên thực tế là gần như tất cả hàng xóm của họ đều là người da trắng.

“Mẹ tự hỏi, có phải không ai biết nhà Stewart là người da đen cho đến khi gia đình chúng ta đến thăm hay không”, bà nói.

Bà nghĩ có lẽ gia đình chúng tôi đã vô tình để lộ thân phận của nhà Stewart, vì đã đến từ vùng South Side, mang theo món quà tân gia và làn da đen không thể che giấu. Kể cả nếu nhà Stewart không cố tình che giấu về chủng tộc của mình, có lẽ họ cũng đã không nói về chuyện đó bằng cách này hay cách khác với những người hàng xóm mới. Bất kể bầu không khí nào đang tồn tại ở khu nhà của họ thì họ cũng không phá vỡ nó. Ít nhất là chưa cho đến khi chúng tôi đến thăm.

Có phải ai đó đã đứng bên cửa sổ quan sát khi cha tôi tiến lại gần xe vào đêm hôm đó? Có phải ai đó đang núp sau tấm rèm cửa sổ chờ xem mọi chuyện sẽ diễn biến ra sao? Tôi chẳng bao giờ biết được. Tôi chỉ nhớ lúc cha tôi chuẩn bị mở cửa xe, ông đã hơi khựng người lại khi nhìn thấy chuyện đã xảy ra. Ai đó đã rạch một đường bên hông chiếc Buick yêu thích của ông, một đường rạch sâu và xấu xí cắt ngang cánh cửa và kéo dài xuống đuôi xe. Một đường rạch bằng chìa khóa hoặc hòn đá, và chắc chắn không phải chuyện tình cờ.

Tôi từng nói cha tôi là người vững vàng, người không bao giờ ca thán dù là chuyện bé hay to, người vui vẻ đón nhận ngay cả những món khó nuốt nhất, người được bác sĩ trao cho bản án tử nhưng vẫn vui vẻ sống. Đối với chuyện lần này cũng vậy. Nếu có một cách nào đó để bày tỏ sự phản kháng, nếu có thể đập vỡ một cánh cửa nào đó để trút giận, cha tôi cũng sẽ không làm những chuyện đó.

“À, thật không may”, ông nói trước khi mở khóa xe.

Đêm hôm đó chúng tôi lái xe về lại Chicago mà không nói nhiều về chuyện đã xảy ra. Có lẽ chúng tôi đã quá mệt mỏi để phân tích chuyện này. Dù sao thì chúng tôi cũng biết đủ về vùng ngoại ô rồi. Cha tôi hẳn đã phải lái chiếc xe với nguyên đường rạch đi làm vào ngày hôm sau, và tôi chắc chắn ông không cảm thấy dễ chịu vì điều đó. Nhưng vết rạch đó không tồn tại lâu. Ngay khi sắp xếp được thời gian, cha tôi đã đem xe đến xưởng đồng sơn ở Sears để tút lại.

3

THẾ RỒI, CÓ MỘT DAO, ông anh trai vốn vô lo của tôi bắt đầu có những biểu hiện lo lắng thái quá. Tôi không thể nói chính xác từ khi nào, hay tại sao chuyện này lại xảy ra, nhưng từ một người luôn giơ tay chào hỏi mọi người trong khu phố, và có thể bắt chắp mọi sự xung quanh để thoải mái chớp mắt bất cứ khi nào có được mười phút rảnh rỗi, thì anh Craig giờ đây trở nên cau kính và cảnh giác ngay cả khi ở nhà, thậm chí anh còn tin rằng thảm họa đang ập đến với tất cả chúng tôi. Những buổi tối khi ở nhà, anh sẽ diễn tập đối phó với đủ loại tình huống giả định mà cha mẹ và tôi cảm thấy thật kỳ quái. Chẳng hạn, anh lo một ngày nào đó anh sẽ không còn nhìn thấy gì nữa, thế là anh đeo bịt mắt rồi mò mẫm đi lại quanh nhà để cảm nhận đường đi tới phòng khách và phòng bếp. Anh còn lo là mình sẽ bị điếc, vậy là anh bắt đầu tự học ngôn ngữ ký hiệu. Chưa hết, anh còn lo bị cắt cụt mất một tay, thế nên lúc ở bàn ăn hoặc khi làm bài tập, anh cứ loay hoay xoay xở với cánh tay phải bị cột ra sau lưng. Anh nói ai mà biết chuyện gì sẽ xảy ra.

Thế nhưng nỗi sợ lớn nhất của anh Craig và có lẽ cũng chính là nỗi sợ thực tế nhất, đó là hỏa hoạn. Cháy nhà là chuyện thường xảy ra ở Chicago, một phần do chủ nhà ở những khu ổ chuột để mặc cho nhà cửa xuống cấp và vui mừng nhận tiền bảo hiểm bồi thường khi có hỏa hoạn, phần khác là vì thiết bị báo khói gia dụng lúc này vẫn còn mới mẻ và đắt đỏ so với túi tiền của tầng lớp lao động. Dù là nguyên nhân nào đi nữa, bên trong những dãy nhà chằng chịt của chúng tôi, hỏa hoạn gần như là một thực tế tất yếu, nó ngẫu nhiên xuất hiện và thiêu rụi nhà cửa cũng như con người nơi đây. Ông ngoại Southside của tôi đã chuyển đến khu chúng tôi đang sống sau khi một đám cháy khiến căn nhà cũ của ông ở West Side bị thiêu rụi, thật may là không có thương vong. (Theo lời mẹ tôi kể, ông Southside đã đứng trên lề đường gần ngôi nhà đang cháy, kêu gào lính cứu hỏa chữa ống nước ra xa những đĩa nhạc jazz quý báu của ông.) Gần đây hơn, một thảm kịch quá đau thương đối với tâm trí non nớt của tôi đã xảy ra. Lester McCullom, cậu bạn học lớp năm của tôi đã qua đời trong trận hỏa hoạn đó. Lester là cậu bé gốc Phi có khuôn mặt hiền lành và sống trong ngôi nhà trên Đường 74 cách chúng tôi không xa. Trận hỏa hoạn đó cũng tước đi mạng sống của anh chị của cậu khi cả ba mắc kẹt trong phòng ngủ trên lầu.

Đó là lễ tiễn đưa đầu tiên mà tôi tham dự: những đứa trẻ trong khu phố sụt sùi khóc ở nhà tang lễ giữa nền nhạc The Jackson 5 văng vẳng; người lớn thì bàng hoàng, không có lời nguyện cầu hay bất kỳ câu xã giao nào có thể khóa lấp được nỗi đau này. Ba cổ quan tài đóng kín được đặt trong phòng, bên trên là di ảnh của ba đứa trẻ đang mỉm cười. Bà McCullom, người đã sống sót nhờ nhảy ra cửa sổ cùng chồng mình, đang ngồi trước ba cổ quan tài, suy sụp và đau đớn đến mức chỉ nhìn thôi cũng thấy xót xa.

Nhiều ngày sau, những gì còn sót lại trong ngôi nhà của gia đình McCullom vẫn tiếp tục cháy âm ỉ rồi sập hẳn, một quá trình hấp hối chậm rãi chứ không như những gì đã xảy ra với ba người trẻ tuổi từng sống trong đó. Mùi khói vẫn vương vất khắp khu phố.

Thời gian trôi qua, cảm giác bất an của anh Craig chỉ càng thêm trầm trọng. Ở trường, chúng tôi tham gia các buổi diễn tập sơ tán dưới sự hướng dẫn của giáo viên, ngoan ngoãn ngồi nghe những bài giảng về cách dùng lại, cúi người và lăn khi có sự cố. Và kết quả là anh Craig quyết định chúng tôi cần tăng cường mức độ an toàn ở nhà. Anh tự phong mình là đội trưởng đội cứu hỏa tại gia, còn tôi là đội phó, sẵn sàng dọn lối thoát hiểm trong các buổi diễn tập hoặc điều động cha mẹ khi cần thiết. Chúng tôi không ám ảnh với việc cháy nhà nhưng luôn chú trọng việc sẵn sàng ứng phó với hỏa hoạn. Sự chuẩn bị là rất quan trọng. Gia đình chúng tôi không chỉ đứng giờ mà chúng tôi luôn đến sớm trong mọi sự kiện vì biết điều này có thể giúp cha cảm thấy dễ chịu hơn khi không phải lo về chuyện phải tìm được chỗ đậu xe sao cho không phải đi bộ một chặng đường dài hoặc có thể chọn được một

chỗ ngồi thuận tiện trên khán đài mỗi khi xem anh Craig đấu bóng rổ. Bài học ở đây là hãy kiểm soát những gì mình có thể kiểm soát trong cuộc sống.

Để làm được điều này, hai anh em chúng tôi dọt qua một lượt những lối thoát hiểm khả dĩ trong nhà, cố gắng đoán xem mình có thể nhảy từ cửa sổ sang cây sồi trước nhà hay sang nóc nhà hàng xóm khi có cháy. Chúng tôi hình dung xem chuyện gì xảy ra nếu chảo dầu bùng cháy trong bếp, điện bị chập trong tầng hầm, hay sét đánh xuống từ trên cao. Anh Craig và tôi không quá lo lắng về mẹ trong tình huống khẩn cấp. Bà có vóc người gọn gàng, nhanh nhẹn và là kiểu người mà một khi đã nạp adrenalin thì có thể nâng cả một chiếc ô-tô để giải cứu đứa bé bị kẹt bên dưới. Chuyện khó giải quyết hơn chính là trở ngại của cha - một sự thật rành rành nhưng không ai nói ra là ông không thể nhảy qua cửa sổ như ba người chúng tôi, và đã nhiều năm rồi chúng tôi không thấy ông chạy.

Nếu có chuyện không may xảy ra, chúng tôi nhận ra quá trình giải cứu gia đình mình sẽ không diễn ra nhanh gọn như cảnh cứu hộ trong những bộ phim mà chúng tôi xem trên ti-vi. Cha tôi không phải là người sẽ vác chúng tôi đến nơi an toàn trên đôi vai lực lưỡng. Nếu có ai phải làm chuyện đó thì đó chính là anh Craig, người mà sau này sẽ vượt xa cha nhưng lúc bấy giờ vẫn còn là một cậu bé tay chân khẳng khiu và có vẻ đã hiểu rằng anh hùng nào cũng cần phải rèn luyện. Đó là lý do mỗi khi gia đình tôi diễn tập để ứng phó với hỏa hoạn, anh ấy đều dựng nên những tình huống xấu nhất, yêu cầu cha phải nằm rạp xuống sàn, bất động như thể đã ngất đi vì ngạt khói.

“Ôi trời ơi! Con tính làm thiệt đó hả?”, cha tôi sẽ vừa lắc đầu vừa nói.

Cha tôi không quen với việc phải phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người khác. Ông đã sống sao cho mình không rơi vào cảnh đó - cẩn thận chăm sóc chiếc xe của cả nhà, thanh toán hóa đơn đúng hạn, không bao giờ bàn về chúng đa xơ cứng đang ngày càng nghiêm trọng của mình và cũng không bỏ việc dù chỉ một ngày. Cha tôi muốn trở thành điểm tựa cho người khác. Với những việc mà cha tôi không có đủ sức khỏe để làm, ông sẽ bù đắp bằng cách khác, chẳng hạn như ủng hộ tinh thần hoặc chia sẻ kinh nghiệm, đó là lý do ông yêu thích công việc trưởng ban phân khu bầu cử của Đảng Dân chủ tại thành phố. Ông giữ vị trí này suốt nhiều năm, một phần vì viên chức thành phố ít nhiều cũng được kỳ vọng là sẽ trung thành phục vụ bộ máy của đảng. Dù vậy, kể cả khi có phần bị ép thì ông vẫn thích công việc của mình, mà điều này lại gây khó khăn cho mẹ tôi bởi công việc của cha tốn rất nhiều thời gian. Vào những dịp cuối tuần, cha tôi sẽ đến khu phố lân cận để thăm hỏi cử tri, thường là có tôi miễn cưỡng theo sau. Chúng tôi đậu chiếc Buick rồi đi bộ dọc theo những con đường có những dãy nhà bungalow khiêm tốn, dừng chân trước một thềm cửa để gặp một bà góa lưng còng hoặc một công nhân nhà máy phệ bụng đang cầm lon bia Michelob đứng sau cánh cửa nhìn ra. Thường thì họ sẽ vui vẻ khi thấy cha tôi tươi cười ngoài hiên, tay chống lên chiếc gậy.

“Fraser đó à!”, họ lên tiếng chào. “Ngạc nhiên chưa kia. Vào nhà đi nào.”

Với tôi, điều này chưa bao giờ là tin tốt. Bởi mỗi lần như vậy có nghĩa là chúng tôi sẽ đi vào trong. Nghĩa là cả buổi chiều thứ Bảy của tôi sẽ đi tong khi tôi ngồi chết dí trên chiếc sofa mốc meo hay cầm một lon 7UP ngồi bên bàn bếp trong lúc cha tôi thu thập ý kiến - mà thực chất là những lời phàn nàn - để chuyển đến cho ủy viên hội đồng đang nắm quyền trong phân khu. Khi ai đó gặp vấn đề với việc thu gom rác, dọn tuyết hay gặp phải cái ổ gà phiền toái nào đó trên đường, cha tôi sẽ có mặt để lắng nghe tâm tư của họ. Mục tiêu của ông là giúp mọi người cảm thấy được Đảng Dân chủ quan tâm chăm sóc - và sẽ bầu cho đảng khi đến kỳ tuyển cử. Ông không bao giờ hỏi thúc ai hết, và tôi vô cùng chán nản với việc này. Thời gian, theo cách ông nhìn nhận, là món quà mà chúng ta trao tặng người khác. Ông cười khùng khục khi ngắm ảnh những đứa cháu kháu khỉnh của ai đó, kiên nhẫn nghe mấy chuyện ngồi lê đôi mách và những bản sơ dài về tình trạng sức khỏe tồi tệ của người khác, và gật gù cảm

thông khi nghe ai đó than vãn về chuyện tiền bạc eo hẹp. Đến khi ra về, ông sẽ ôm chào tạm biệt các cụ bà, trấn an họ là ông sẽ giúp hết mình để giải quyết những vấn đề có thể giải quyết được.

Cha tôi luôn tin bản thân mình hữu dụng. Đó là điều khiến ông cảm thấy tự hào. Đó cũng là lý do trong những cuộc diễn tập hỏa hoạn tại nhà chúng tôi, ông không thích phải trở thành một món đạo cụ thụ động, thậm chí giả vờ cũng không. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ông cũng không hề có ý định sẽ trở thành gánh nặng - một người nằm bất tỉnh trên sàn nhà. Thế nhưng, một phần nào đó trong ông dường như hiểu rằng việc này quan trọng đối với chúng tôi - đặc biệt là với anh Craig. Khi chúng tôi yêu cầu cha nằm xuống, ông sẽ bày trò chọc cười cả nhà bằng cách khuyêu gối, rồi hạ mông, sau đó ngoan ngoãn xoa người nằm ngửa trên tấm thảm phòng khách. Ông sẽ liếc mắt nhìn mẹ tôi như muốn nói, *“Mấy đứa chết toi này”*. Những lúc đó mẹ tôi cũng không nhìn được cười, bởi với bà thì những việc này đúng là rất khôi hài.

Rồi ông sẽ thở dài, nhắm mắt, chờ anh Craig bấu chặt hai tay dưới vai để bắt đầu công tác cứu hộ. Mẹ và tôi khi đó sẽ đứng nhìn anh Craig vừa lóng ngóng vừa cố hết sức kéo cơ thể khoảng tám mươi ký của cha ra khỏi hỏa ngục tưởng tượng đang sôi sục trong tâm trí còn chưa đủ tuổi vị thành niên của anh, lồi ông trên sàn nhà, vòng qua trường kỷ và cuối cùng là tới cầu thang.

Tới đây, anh Craig nghĩ là mình có thể thả cho cha trượt xuống các bậc thang, ra đến cửa hông và thế là an toàn; nhưng cha luôn từ chối, không để anh ấy thực hành đoạn này. Ông nhẹ nhàng nói, *“VẬY là đủ rồi”* và nhất quyết đứng lên trước khi bị anh ấy kéo lê xuống cầu thang. Tuy nhiên, giữa hai người đàn ông đó xem như đã có một thỏa thuận ngầm. Chuyện này không hề dễ dàng hay thoải mái nếu nó thật sự xảy ra, và dĩ nhiên chẳng có gì bảo đảm bất kỳ ai trong số chúng tôi có thể sống sót. Nhưng giả sử điều tồi tệ nhất xảy ra thì ít nhất chúng tôi cũng có kế hoạch dự phòng.

DẦN DẦN, TÔI TRỞ NÊN CỎI MỎ và hòa đồng hơn, sẵn lòng đối mặt với sự hỗn loạn của thế giới rộng lớn bên ngoài. Tâm lý chống đối bẩm sinh trong tôi đối với sự hỗn độn và những gì tự phát không theo một trật tự nhất định đã giảm ít nhiều sau những lần tôi theo cha đi gặp gỡ cử tri, sau những chuyến đi chơi cuối tuần khi chúng tôi bất ngờ đến thăm cả chục cô di chú bác và anh chị em họ, ngồi nướng đồ ăn trong đám khói mịt mù ở sân vườn nhà ai đó, hoặc chơi đùa cùng lũ trẻ hàng xóm ở khu phố xa nhà nào đó.

Mẹ tôi là con gái trong gia đình có bảy anh chị em. Cha tôi là anh cả trong gia đình có năm anh chị em. Họ hàng nhà ngoại tôi thường tụ họp ở nhà của ông Southside gần đó, bởi ai cũng mê tài nấu ăn của ông và thích chơi những ván bài bid whist^[1] liên tu bất tận cùng tiếng nhạc jazz sống động không ngừng. Ông Southside như thói nam châm gắn kết tất cả chúng tôi lại với nhau. Ông vĩnh viễn không có niềm tin vào thế giới nằm ngoài khoảnh sân nhà mình, chủ yếu là ông lo lắng cho sự an toàn và sức khỏe của mọi người, và cũng chính vì thế mà ông dốc sức tạo ra một môi trường để chúng tôi luôn được ăn đầy chơi đủ, có lẽ với hy vọng là chúng tôi sẽ không bao giờ muốn rời đi. Thậm chí ông còn tìm cho tôi một chú chó có bộ lông màu nâu vàng đáng yêu mà chúng tôi gọi là Rex. Theo lệnh của mẹ, Rex không được sống trong nhà chúng tôi, nhưng tôi cứ đến nhà ông Southside thăm nó suốt. Tôi thường nằm ườn ra sàn và vùi mặt vào mớ lông mềm mại của nó, lắng nghe đuôi của nó vỗ bộp bộp xuống sàn mừng rỡ mỗi khi ông Southside đi ngang qua. Ông nuông chiều Rex hết như cách ông nuông chiều tôi, bằng thức ăn, tình yêu thương và sự bao dung, với một mong muốn thầm lặng và tha thiết là đừng rời xa ông.

Trong khi đó, gia đình bên nội tôi sống rải rác khắp vùng South Side rộng lớn của Chicago, gồm những bà cô, anh chị em họ thuộc thế hệ thứ ba, cùng một vài người có mối quan hệ huyết thống không rõ ràng. Chúng tôi cứ tới lui thăm hết mọi người. Tôi thường đoán xem cả nhà đang đi đâu qua số lượng cây xanh tôi nhìn thấy hai bên đường. Những khu nhà kém khá giả hơn thường không có cây xanh. Nhưng đối với cha tôi, tất cả đều là máu mủ

ruột rà. Ông vui vẻ khi gặp chú Calio của mình, một người đàn ông có vóc dáng gầy gò nhỏ con, tóc xoăn trông như Sammy Davis Jr.^[2] và gần như lúc nào cũng say xỉn. Ông yêu quý cô Verdelle, người đang sống với tám đứa con trong một chung cư xuống cấp cạnh đường cao tốc Dan Ryan, khu phố mà anh Craig và tôi hiểu rằng quy luật sinh tồn của nó rất khác.

Vào những chiều Chủ nhật, cả nhà bốn người chúng tôi thường lái xe chừng mười phút về phía bắc đến khu Parkway Gardens để ăn tối cùng ông bà nội - mà chúng tôi gọi là Dandy và Grandma - cùng với ba cô chú út, Andrew, Carleton và Francesca, những người sinh sau cha tôi hơn mười năm và vì thế giống như anh trai, chị gái của chúng tôi hơn là cô chú. Tôi nghĩ cha tôi giống như cha của cả ba cô chú hơn là một người anh, ông thường khuyên nhủ và lên cho tiền họ khi họ cần. Cô Francesca thông minh, xinh đẹp và thính thoảng để tôi chải mái tóc dài của cô. Chú Andrew và Carleton chỉ ngoài hai mươi nhưng cực kỳ phong cách. Họ mặc quần ống loe và áo cổ lọ. Họ sở hữu áo khoác da, có bạn gái và nói về những thứ như Malcolm X^[3] và “năng lực da đen”. Anh Craig và tôi từng ngồi hàng giờ liền trong phòng ngủ của hai chú ở phía sau căn hộ, chỉ để “hấp thu” sự sành sỏi của họ.

Ông nội Dandy của tôi cũng tên là Fraser Robinson, và rõ ràng là ông không dễ gần như các cô chú. Tôi thường thấy ông ngồi trên ghế bành hút xì gà, tay cầm tờ báo đang mở và mắt thì dõi theo bản tin buổi tối đang phát trên chiếc ti-vi gần đó. Thái độ sống của ông nội và cha tôi hoàn toàn khác nhau. Đối với ông Dandy thì mọi thứ đều chướng mắt. Ông khó chịu với những tin tức trong ngày, với tình hình thế giới đang được tường thuật trên truyền hình, với những thanh niên da đen mà ông hay gọi là “đám ngớ ngẩn” chỉ biết lông bông và gieo tiếng xấu cho người da đen ở khắp nơi. Ông hét vào ti-vi. Ông lớn tiếng với bà nội, một phụ nữ ngọt ngào, nhỏ nhẹ và mộ đạo Cơ Đốc giáo tên LaVaughn. (Cha mẹ tôi đặt tên tôi là Michelle LaVaughn Robinson, để thể hiện sự kính trọng đối với bà.) Ban ngày, bà nội quản lý cửa hiệu bán Kinh thánh làm ăn khấm khá ở khu Far South Side một cách chuyên nghiệp, nhưng vào thời gian rỗi bên cạnh ông Dandy, bà lại có dáng vẻ nhu mì mà ngay cả khi còn là một cô bé con thì tôi đã cảm thấy thật kỳ lạ. Bà nấu ăn cho ông và nhận hết những lời phàn nàn của ông mà không hề lên tiếng phản kháng. Ngay từ khi tôi còn bé, sự im lặng và bị động của bà trong mối quan hệ của ông bà có gì đó khiến tôi cảm thấy ám ảnh.

Theo lời của mẹ, tôi là người duy nhất trong nhà dám phản kháng ông Dandy mỗi khi ông lớn tiếng. Tôi thường xuyên phản kháng như vậy, từ khi tôi còn rất bé và kéo dài suốt nhiều năm sau đó, một phần là vì tôi tức điên khi bà nội không tự lên tiếng bảo vệ bản thân, phần khác vì ai cũng cảm như hèn khi ở bên ông, và cuối cùng là vì tình yêu thương tôi dành cho ông cũng không kém gì sự khó chịu mà ông gây ra cho tôi. Cái tính ương bướng cổ chấp của ông là thứ tôi có thể nhận ra, là cái tính mà chính tôi cũng có, mặc dù tôi hy vọng kiểu ương bướng của mình ít thô lỗ hơn. Tuy vậy, ông Dandy cũng có những lúc cư xử nhẹ nhàng, điều mà tôi chỉ mơ hồ cảm nhận được. Thỉnh thoảng ông nhẹ nhàng xoa cổ tôi khi tôi ngồi cạnh chân ghế của ông. Ông mỉm cười khi cha tôi nói điều gì đó vui nhộn hoặc khi bọn trẻ chúng tôi có đưa góp chuyện với một từ dí dỏm nào đó. Nhưng rồi lại có thứ gì đó khiến ông mất hứng và ông sẽ bắt đầu cau có trở lại.

Những lúc như vậy, tôi sẽ nói, “Đừng la mắng mọi người nữa ông ơi”, hoặc “Đừng cộc cằn với bà như vậy ạ”. Tôi cũng thường nói thêm, “Rất cuộc thì chuyện gì khiến ông tức giận đến vậy ạ?”. Đáp án cho câu hỏi ấy vừa phức tạp vừa đơn giản. Ông Dandy sẽ không trả lời mà chỉ nhún vai cầu kinh trước sự chen ngang của tôi và tiếp tục với tờ báo đang đọc. Nhưng khi chúng tôi về nhà, cha mẹ tôi sẽ cố gắng giải thích cho chúng tôi hiểu.

Ông Dandy xuất thân từ vùng Low Country, thuộc tiểu bang South Carolina, lớn lên ở khu cảng biển ẩm ướt Georgetown, nơi có hàng ngàn nô lệ từng dãi nắng dầm mưa trên những đồn điền rộng lớn, gặt lúa, thu hoạch cây chà và làm giàu cho cánh chủ nô. Ông nội tôi sinh năm 1912, là cháu của những người nô lệ, con trai một công

nhân nhà máy, và anh cả trong gia đình có mười anh chị em. Từ nhỏ đã là đứa trẻ nhanh trí và thông minh, nên ông được đặt biệt danh là “Giáo sư” và từ sớm đã có ý định một ngày nào đó sẽ vào đại học. Nhưng ông không chỉ là một người da đen có xuất thân nghèo khó, mà còn lớn lên ngay trong giai đoạn Đại suy thoái. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông đi làm tại một xưởng gỗ, vì ông biết rằng nếu còn ở Georgetown thì ông sẽ không có thêm lựa chọn nào khác. Khi xưởng gỗ cuối cùng cũng đóng cửa, như nhiều người Mỹ gốc Phi cùng thế hệ, ông đã chớp thời cơ chuyển lên phía bắc đến Chicago, gia nhập một sự kiện mà sau này được biết đến như Cuộc đại di cư - hành trình của sáu triệu người da đen ở miền nam tái định cư tại các thành phố lớn ở phía bắc trong suốt năm thập kỷ, thoát ly khỏi sự áp bức của thời kỳ thị chủng tộc và theo đuổi những công việc thuộc ngành công nghiệp.

Nếu đây là một câu chuyện điển hình của Giấc mơ Mỹ thì khi đặt chân đến Chicago vào đầu những năm 1930, ông Dandy hẳn đã tìm được một công việc tốt cũng như con đường để vào đại học. Nhưng thực tế thì khác xa. Tìm việc là chuyện rất khó khăn, một phần vì thực trạng các nhà quản lý của nhiều nhà máy lớn ở Chicago thường thuê người di dân gốc Âu hơn là các công nhân người Mỹ gốc Phi. Ông Dandy làm bất cứ công việc nào mà ông có thể tìm được, từ dựng ky ở sân bowling, rửa chén đĩa, cho tới làm mấy việc vặt được người ta thuê mướn. Dần dần, ông giảm bớt hy vọng, từ bỏ ý định học đại học mà thay vào đó là chuyển sang học nghề thợ điện. Nhưng hy vọng này cũng nhanh chóng lụi tàn. Nếu muốn trở thành thợ điện (hay công nhân nhà máy thép, thợ mộc, thợ ống nước và các công việc tương tự) ở bất cứ điểm tuyển dụng quy mô lớn nào ở Chicago, bạn cần có thẻ nghiệp đoàn. Mà nếu bạn là người da đen thì rất nhiều khả năng là bạn không bao giờ có được tấm thẻ đó.

Chính sự kỳ thị này đã làm thay đổi số mệnh của nhiều thế hệ người Mỹ gốc Phi, trong đó có nhiều người đàn ông trong gia đình tôi, hạn chế thu nhập của họ, thu hẹp cơ hội của họ và cuối cùng là kìm kẹp cả khát vọng của họ. Là một thợ mộc, nhưng ông Southside không được phép làm việc cho những công ty xây dựng lớn vốn có khả năng trả mức lương ổn định từ những dự án lâu dài, vì ông không thể gia nhập nghiệp đoàn lao động. Còn ông Terry, chồng bà Robbie, đã phải từ bỏ sự nghiệp thợ ống nước vì lý do tương tự và trở thành nhân viên phục vụ trên toa tàu hạng sang. Bên nhà ngoại tôi thì có cậu Pete không thể gia nhập nghiệp đoàn tài xế taxi và đã phải chuyển sang lái taxi “chui”, phải đón khách ở những vùng nguy hiểm hơn trong khu West Side, nơi xe khách thông thường không thích lái văng. Họ là những người đàn ông rất thông minh, khỏe mạnh, không được làm những công việc có thu nhập cao, chính vì vậy họ không thể mua được nhà, không thể cho con cái của mình học đại học, cũng không thể tiết kiệm cho lúc về hưu. Tôi biết họ đau xót khi bị gạt ra lề xã hội, bị mắc kẹt với những công việc không xứng tầm với năng lực của họ và chứng kiến người da trắng vượt mặt. Đôi khi họ còn phải đào tạo những nhân viên mới mà họ biết sau này có thể trở thành cấp trên của mình. Tất cả những chuyện này gieo vào họ sự oán giận, khiến họ mất lòng tin, ít nhất là ở mức độ nào đó: bạn không bao giờ biết người khác nhìn nhận mình ra sao.

Về phần ông Dandy, cuộc sống không phải lúc nào cũng tồi tệ. Ông gặp bà nội tôi khi đang đi lễ ở khu South Side, và rồi cuộc ông cũng tìm được việc làm thông qua Cơ quan Quản trị Dự án Việc làm của chính phủ liên bang, một chương trình hỗ trợ thuê lao động không lành nghề cho các dự án xây dựng công cộng trong suốt thời kỳ Đại suy thoái. Sau đó ông trải qua ba mươi năm làm nhân viên bưu tín trước khi nghỉ hưu với mức lương hưu đủ để ông lúc nào cũng có thể ngồi trên chiếc ghế bành thoải mái của mình và chửi bới “đám ngớ ngẩn” trên ti-vi.

Cuối cùng, ông có năm người con cũng thông minh và có tinh thần kỷ luật như mình. Chú Nomennee, người con thứ hai của ông, tốt nghiệp Trường Luật Harvard. Hai chú Andrew và Carleton lần lượt trở thành nhân viên điều hành tàu hỏa và kỹ sư. Cô Francesca là giám đốc sáng tạo trong ngành quảng cáo một thời gian và cuối cùng trở thành giáo viên tiểu học. Dù vậy, ông Dandy vẫn không thể mãn nguyện với thành tựu của các con. Mỗi khi

đến Parkway Gardens dùng bữa vào tối Chủ nhật, chúng tôi đều nhận ra ông đang sống trong dư vị đắng cay của những giấc mơ vụn vỡ.

NEU NHỮNG CÂU HỎI MÀ TÔI ĐẶT RA cho ông Dandy là khó trả lời, thì tôi cũng nhanh chóng nhận ra là có nhiều câu hỏi khác cũng khó trả lời tương tự như vậy. Trong cuộc sống của mình, tôi cũng bắt đầu đối mặt với những câu hỏi mà tôi chưa sẵn sàng trả lời. Có một cô gái mà tôi không nhớ tên từng hỏi tôi một câu kiểu như vậy. Cô này là em họ xa của tôi, là con của người họ hàng sống trong căn bungalow cách nhà tôi khá xa về phía tây. Mỗi lần mẹ chở anh em tôi tới đó chơi thì cô gái này thường cùng chơi đùa với chúng tôi ở sân sau trong lúc người lớn nói chuyện. Khi người lớn uống cà phê và trò chuyện rôm rả trong bếp, thì ngoài sân bọn trẻ con chúng tôi cũng cùng cười đùa và rượt đuổi nhau. Đôi khi tôi thấy hơi kỳ quặc khi tất cả chúng tôi đều phải gượng gạo làm thân với nhau, nhưng thường thì mọi chuyện cũng ổn. Anh Craig gần như sẽ mất dạng vào một trận bóng rổ, còn tôi thì nhảy dây hoặc cố tham gia vào một cuộc trò chuyện vui vẻ nào đó đang diễn ra.

Một ngày hè nọ năm tôi khoảng mười tuổi, tôi ngồi trên thềm nhà tán dóc với một nhóm con gái trạc tuổi mình. Chúng tôi đều tết tóc bím, mặc quần ngắn và về cơ bản thì chỉ đang giết thời gian. Thường chúng tôi sẽ nói về bất kỳ chủ đề nào - trường lớp, mấy ông anh, hay thậm chí là một tổ kiến dưới đất.

Đoạn, một đứa con gái trong nhóm - cô em họ thứ hai, ba hay bốn gì đó của tôi - bực dọc liếc nhìn tôi và nói, “Tại sao chị nói năng như một đứa con gái da trắng vậy?”.

Đó là một câu hỏi sắc bén, có ý châm chọc hoặc ít nhất cũng là khiêu khích, nhưng cũng rất nghiêm túc. Nó chứa đựng cốt lõi của một điều gì đó khiến cả hai chúng tôi đều bối rối. Chúng tôi có vẻ cùng chung huyết thống nhưng lại đến từ hai thế giới khác nhau.

“Làm gì cơ”, tôi đáp, sưng người vì con bé dám có suy nghĩ đó và vô cùng ái ngại khi những đứa con gái khác cứ nhìn tôi chằm chằm.

Nhưng tôi biết con bé muốn nói gì. Đó là chuyện không thể chối cãi, kể cả khi tôi vừa mới chối xong. Tôi thật sự có cách nói chuyện khác với nhiều người họ hàng của mình, và anh Craig cũng vậy. Cha mẹ đã dạy chúng tôi tầm quan trọng của việc phát âm chuẩn, tròn vành, rõ chữ, chẳng hạn nói “cảm ơn” thay vì “cùm mon”. Cha mẹ mua cho chúng tôi một quyển từ điển và trọn bộ Bách khoa toàn thư Britannica. Chúng tôi đặt chúng ngay ngắn trên kệ cầu thang trong căn hộ nhà mình, mỗi tựa sách đều là chữ khắc chìm mạ vàng. Mỗi khi chúng tôi thắc mắc về một từ, một khái niệm hoặc một dữ kiện lịch sử nào đó, cha mẹ sẽ bảo chúng tôi tìm câu trả lời trong những quyển sách đó. Ông Dandy cũng góp phần ảnh hưởng khi tỉ mỉ chỉnh sửa văn phạm hoặc khuyến khích chúng tôi phát âm thật rõ ràng mỗi khi chúng tôi tới nhà ông dùng bữa tối. Mục đích của ông Dandy và cha mẹ tôi là giúp anh em tôi có thể vượt mọi giới hạn để có thể tự mình tiến xa hơn. Họ đã lên kế hoạch cho việc này. Họ đã làm mọi cách để thực hiện kế hoạch này. Họ kỳ vọng chúng tôi không chỉ thông minh, mà còn sở hữu sức mạnh đó và sống với nó một cách tự hào. Chính những điều này đã ảnh hưởng đến cách chúng tôi nói chuyện.

Nhưng chuyện này cũng có thể trở nên phiền toái. Nói chuyện theo “cách của người da trắng” - như vài người nhận định - bị xem là một sự phản bội, là trịch thượng, là ít nhiều chối bỏ văn hóa của chúng tôi. Nhiều năm sau, sau khi gặp và kết hôn với chồng mình - người đàn ông có màu da sáng đối với một số người nhưng lại sạm đối với một số khác, người đàn ông nói chuyện với cung cách của một người Hawaii da đen được đào tạo tại Ivy League^[4] và được gia đình da trắng thuộc tầng lớp trung lưu vùng Kansas nuôi nấng - tôi thấy vấn đề này xuất hiện cả trong tâm thức của người da trắng lẫn người da đen trên khắp cả nước, đó là nhu cầu phải đóng khung ai đó trong khuôn khổ chủng tộc của họ, đó cũng là sự khó chịu khi nhu cầu này không được đáp ứng dễ dàng. Nước

Mỹ sẽ đặt ra cho Barack Obama những câu hỏi mà em họ tôi đã vô thức đặt ra cho tôi ngày hôm đó trên thềm nhà: Có phải anh đúng là những gì mà anh đang thể hiện? Chúng tôi có thể tin tưởng anh hay không?

Hôm đó tôi đã cố không nói nhiều với cô em họ. Tôi cảm thấy mất hứng vì thái độ thù địch của con bé, nhưng đồng thời cũng muốn con bé nhìn thấy sự chân thực của tôi - tôi không hề có ý trịch thượng khoe mẽ. Tôi không biết phải làm sao. Tôi loáng thoáng nghe thấy cuộc trò chuyện của người lớn đang diễn ra trong gian bếp kế bên, tiếng cười thoải mái của cha mẹ tôi lan tỏa khắp sân. Tôi nhìn anh trai đang nhể nhại mồ hôi chơi bóng cùng đám trẻ ở góc phố sát bên. Ai nấy đều có vẻ hòa nhập với môi trường xung quanh, trừ tôi. Giờ đây, khi nhìn lại sự khó chịu lúc đó, tôi nhận ra một thử thách to lớn hơn của việc cân bằng giữa việc chúng ta là ai, chúng ta từ đâu đến và muốn đi đến đâu. Tôi cũng nhận ra là hãy còn rất lâu nữa tôi mới tìm được tiếng nói của mình.

Ở TRƯỜNG, CHÚNG TÔI CÓ MỘT TIẾNG NGHỈ GIẢI LAO để dùng bữa trưa. Vì mẹ không đi làm và căn hộ của chúng tôi rất gần trường nên tôi thường đi bộ về nhà cùng bốn hay năm đứa con gái khác. Trên đường về, chúng tôi sẽ nói chuyện không ngừng và chuẩn bị về đến nhà là nằm ườn trên sàn bếp để chơi trò chụp banh jacks^[1] và xem bộ phim nhiều tập All my Children trên ti-vi trong lúc mẹ tôi phát cho mấy ổ bánh mì kẹp. Với tôi, chuyện này đã trở thành một thói quen mà tôi duy trì đến tận bây giờ, đó là luôn có một nhóm bạn gái thân thiết và yêu đời để có thể chia sẻ những chuyện-con-gái với nhau. Trong lúc ăn trưa, chúng tôi sẽ bàn tán bất kỳ chuyện gì đã diễn ra ở trường vào sáng hôm đó, những lời than vãn về thầy cô của mình, hay bất cứ bài tập nào mà chúng tôi cảm thấy chẳng mang lại ích lợi gì. Quan điểm của chúng tôi chủ yếu hình thành từ quan điểm chung của cả nhóm. Chúng tôi tôn thờ nhóm nhạc The Jackson 5 và không biết nói sao về nhóm nhạc nhà Osmonds. Vụ bê bối Watergate đã xảy ra và chúng tôi không hiểu gì về nó. Dường như có rất nhiều người lớn đang nói vào micro ở Washington, D.C., nơi mà đối với chúng tôi chỉ là một thành phố xa xôi đầy những tòa nhà màu trắng và người da trắng.

Trong khi đó, mẹ tôi rất vui vì được “phục vụ” chúng tôi. Việc đó giúp bà dễ dàng tiếp cận thế giới của chúng tôi. Khi chúng tôi ăn trưa và tán gẫu, bà thường yên lặng đứng cạnh bên, vẫn làm việc nhà nhưng không hề che giấu chuyện mình đang lắng nghe từng chữ một. Dù sao thì chúng tôi cũng không có không gian riêng tư khi cả nhà bốn người phải sống gói gọn trong tám mươi mét vuông. Chỉ thỉnh thoảng điều đó mới trở thành vấn đề. Chẳng hạn như từ lúc đột nhiên có hứng thú với đám con gái, anh Craig đã phải chui vào nhà tắm để nghe điện thoại, khi đó dây điện thoại xoắn tít sẽ bị kéo căng từ vách tường trong bếp và giăng ngang qua hành lang trong nhà.

Trong số những ngôi trường ở Chicago, Bryn Mawr nằm đâu đó giữa mức “trường dở” và “trường giỏi”. Sự phân biệt về chủng tộc và kinh tế ở khu South Shore tiếp tục diễn ra suốt những năm 1970, đồng nghĩa với lượng học sinh da đen và học sinh có hoàn cảnh khó khăn mỗi năm một tăng. Từng có cả một phong trào toàn thành kêu gọi đưa đón học sinh từ vùng này sang học trường mới ở vùng khác nhằm thúc đẩy hòa hợp sắc tộc, nhưng những bậc phụ huynh ở Bryn Mawr đã đấu tranh thành công, với lập luận rằng số tiền đó nên được dùng vào việc cải thiện trường lớp. Là trẻ con, tôi không biết điều nào có ảnh hưởng hơn - cơ sở vật chất xuống cấp hay việc gần như không còn đứa trẻ da trắng nào theo học ở trường. Trường Bryn Mawr dạy từ mẫu giáo đến lớp tám, đồng nghĩa với việc khi lên đến các lớp trên thì tôi đã biết rõ từng công tắc bóng đèn, từng tấm bảng và từng vết trám tường ở hành lang. Tôi biết gần như tất cả các thầy cô và quen mặt hết đám học sinh. Với tôi, Bryn Mawr đúng là phiên bản mở rộng của nhà mình.

Năm tôi vào lớp bảy, tuần báo phổ biến đối với độc giả Mỹ gốc Phi Chicago Defender đã đăng một ý kiến cay độc cho rằng chỉ trong vòng vài năm, Bryn Mawr đã tuột dốc từ một trong những trường công tốt nhất Chicago thành một “ổ chuột rách nát” được điều hành bởi một “tư duy ổ chuột”. Hiệu trưởng của trường, Tiến sĩ Lavizzo, lập tức phản pháo bằng một lá thư gửi đến biên tập viên của tờ báo. Ông bảo vệ cộng đồng phụ huynh và học sinh của mình, nhận định bài viết đó là “một lời nói dối trắng trợn, dường như được viết ra chỉ để gieo rắc cảm giác thất bại và khiến người ta muốn trốn chạy”.

Tiến sĩ Lavizzo có vóc người mập mập, vui tính, mái tóc Afro xoắn rậm phồng lên ở hai bên vùng đầu hói và là người dành phần lớn thời gian ở trong văn phòng gần cổng trước của trường. Qua bức thư đó, có thể thấy rõ là ông biết chính xác mình đang chống lại điều gì. Ông biết là khi liên tục bị gieo vào đầu cảm giác thất bại thì người

ta sẽ thất bại thật. Cảm giác đó bắt nguồn từ sự tự nghi ngờ bản thân, và sau đó, thường là cố tình, được đẩy lên cao bởi nỗi sợ. Những “cảm giác thất bại” mà ông đề cập đã hiện diện ở khắp nơi trong khu phố tôi sống, ở những bậc cha mẹ không thể cải thiện thu nhập, ở những đứa trẻ bắt đầu ngờ rằng cuộc sống của chúng sẽ không khác gì hơn, ở các gia đình đang chứng kiến những người hàng xóm dư dả của mình chuyển đến vùng ngoại ô hoặc chuyển con cái của họ sang học tại các trường Công giáo. Những tay môi giới nhà đất bắt đầu rao khắp South Shore để sẵn môi, rỉ tai dụ các chủ nhà nơi đây hãy bán nhà trước khi quá muộn, rằng họ sẽ giúp gia chủ thoát ra khi còn có thể. Ý của những tay môi giới đó là ngày tàn đang đến, ngày đó là không thể tránh khỏi và nó đã đến rất gần rồi. Bạn có thể để mình mắc kẹt giữa đồng đồ nát, hoặc bạn có thể tránh được cảnh đó. Người ta dùng cái từ mà ai cũng dè chừng - “ổ chuột” - như một môi lửa thả vào đám dầu đang sôi sục.

Mẹ tôi không quan tâm những chuyện này. Bà đã sống tại South Shore mười năm, và sẽ còn sống thêm bốn mươi năm nữa ở đây. Bà không tin những kẻ gieo rắc hoang mang, đồng thời cũng có vẻ miễn nhiễm đối với bất kỳ hình thức nào của chủ nghĩa lý tưởng tốt-đẹp-nhưng-phi-thực-tế. Bà là người thực tế điển hình. Bà sẽ kiểm soát những gì mình có thể kiểm soát.

Ở Bryn Mawr, bà trở thành một trong những thành viên năng nổ nhất của Hội phụ huynh học sinh và giáo viên. Bà luôn hăng hái hỗ trợ gây quỹ mua trang thiết bị mới cho lớp học, tổ chức những bữa tối tri ân giáo viên và vận động thành lập một lớp đa cấp học chuyên biệt cho học sinh có thành tích xuất sắc. Lớp đa cấp học này là ý tưởng của Tiến sĩ Lavizzo, người đã học cao nhất để hoàn tất chương trình tiến sĩ giáo dục và nghiên cứu xu hướng mới về việc phân nhóm học sinh theo năng lực thay vì độ tuổi - về cơ bản là xếp những đứa trẻ sáng dạ chung một nhóm để chúng có thể học nhanh hơn.

Ý tưởng này đã gây nhiều tranh cãi và bị chỉ trích là không dân chủ - cũng như bất kỳ chương trình “chuyên và năng khiếu” nào khác. Nhưng đồng thời ý tưởng này cũng nhận được sự ủng hộ như một phong trào cải cách trên khắp nước Mỹ, và tôi chính là người hưởng lợi từ nó trong suốt ba năm cuối ở trường Bryn Mawr. Tôi gia nhập một nhóm khoảng hai mươi học sinh đến từ nhiều cấp lớp khác nhau, học trong một lớp riêng biệt và có thời khóa biểu riêng cho giờ giải lao, ăn trưa, lớp âm nhạc và thể dục. Chúng tôi được trao những cơ hội đặc biệt, bao gồm những chuyến đi hàng tuần đến một trường cao đẳng cộng đồng để tham gia khóa dạy viết nâng cao hoặc giải phẫu chuột trong phòng thí nghiệm sinh học. Còn ở lớp học, chúng tôi thực hiện rất nhiều bài tự học, tự đặt ra mục tiêu riêng và có thể học theo bất kỳ nhịp độ nào mà mình cảm thấy thích hợp nhất.

Chúng tôi có những giáo viên tận tâm, đầu tiên là thầy Martinez và sau đó là thầy Bennett, cả hai đều là những người Mỹ gốc Phi lịch thiệp và hóm hỉnh, luôn tập trung lắng nghe ý kiến của học sinh. Rõ ràng nhà trường đã đầu tư cho chúng tôi, và tôi nghĩ chính điều này đã khiến tất cả chúng tôi cố gắng nhiều hơn và cảm thấy bản thân tốt đẹp hơn. Hình thức tự học càng châm lửa cho tính ưa cạnh tranh của tôi. Tôi học bằng hết các bài học và âm thầm theo dõi thứ hạng của mình so với các bạn trong lớp - từ lúc học cách làm phép chia trên giấy cho đến khi học môn đại số căn bản, từ lúc học viết những đoạn văn đơn cho đến khi hí hoáy các bài nghiên cứu hoàn chỉnh. Đối với tôi, chuyện này giống như một trò chơi. Và cũng giống đa số những đứa trẻ khác, khi chơi bất kỳ trò chơi nào khác, tôi hạnh phúc nhất khi dẫn đầu.

TÔI KỂ MẸ NGHE mọi chuyện xảy ra ở trường. Bà được “cập nhật tin tức” một lần vào buổi trưa và sau đó là một lần nữa vào buổi chiều, khi tôi lao vào nhà và vội kể ngay với bà trong lúc quăng cặp xuống sàn và lục lạo đồ ăn vặt. Tôi nhận ra mình không biết chính xác là mẹ làm gì trong lúc hai anh em tôi đi học, chủ yếu là vì tôi chưa bao giờ hỏi. Tôi không biết bà nghĩ gì và cảm thấy ra sao khi trở thành một người nội trợ truyền thống thay vì làm một công việc khác. Tôi chỉ biết mỗi khi tôi về nhà thì sẽ có thức ăn trong tủ lạnh, không chỉ cho riêng tôi mà còn

cho bạn bè của tôi nữa. Tôi biết khi lớp sắp có chuyến tham quan, mẹ luôn xung phong tham gia làm người hướng dẫn, diện bộ đầm xinh xắn và son môi sẫm màu, cùng ngồi xe với chúng tôi để đến thăm trường cao đẳng cộng đồng hoặc sở thú.

Ở nhà, chúng tôi sống tiết kiệm nhưng không thường nhắc đến hạn mức chi tiêu. Mẹ luôn có cách để cân đối. Bà tự làm móng, tự nhuộm tóc (từng có lần bà vô tình nhuộm tóc thành màu xanh lá), và chỉ có quần áo mới khi cha tôi mua tặng bà nhân dịp sinh nhật. Bà chưa bao giờ giàu có, nhưng bà rất khéo tay. Hồi chúng tôi còn bé, bà đã biến những chiếc vớ cũ trở thành những con rối trông y hệt những nhân vật trong loạt phim hoạt hình The Muppets^[2]. Bà tự móc khăn trải bàn. Bà tự may rất nhiều quần áo cho tôi, ít nhất là đến khi tôi vào trung học và kiên quyết đề nghị bà đừng may đồ cho tôi nữa, vì lúc này bỗng nhiên việc có được một chiếc quần jeans theo ký hiệu thiên nga của Gloria Vanderbilt^[3] ở tuổi trước có ý nghĩa hơn hết thảy mọi thứ.

Thỉnh thoảng mẹ thay đổi cách bài trí phòng khách, trải tấm phủ mới lên sofa, đổi các tấm ảnh và tranh treo tường khác. Khi thời tiết ấm lên, bà sẽ tổng vệ sinh nhà cửa để đón xuân như một nghi thức hàng năm mà trong đó bà sẽ “tấn công” trên mọi mặt trận, từ hút bụi, giặt màn cửa và tháo hết các cánh cửa chống bão xuống để lau chùi rồi thay chúng bằng cửa lưới để không khí mùa xuân có thể tràn vào căn hộ nhỏ bé và chật chội của chúng tôi. Sau đó bà sẽ xuống căn hộ của ông bà Robbie và Terry để dọn dẹp cho họ, đặc biệt là khi họ đã cao tuổi và không còn đủ sức. Nhờ mẹ mà đến tận hôm nay, cứ mỗi lần nghe thấy mùi hương nước tẩy rửa Pine-Sol, tôi sẽ bất giác thấy cuộc đời trở nên dễ chịu hơn rất nhiều.

Đến mùa Giáng sinh, mẹ càng trở nên đặc biệt sáng tạo. Một năm nọ, bà nghĩ ra cách bọc giàn sưởi của chúng tôi bằng giấy bìa cứng có in hình những viên gạch đỏ, rồi bà tiếp tục dùng bìa cứng làm một ống khói giả, bắt lên trần nhà và một cái lò sưởi giả, sau đó trang trí lò sưởi giả đó như thật. Rồi bà yêu cầu cha tôi - một nghệ sĩ tại gia - vẽ những đốm lửa màu cam trên giấy mỏng, để khi rọi đèn từ đằng sau thì sẽ tạo cảm giác khá giống những ngọn lửa thật. Vào đêm Giao thừa, như một truyền thống gia đình, bà sẽ sắm một giỏ quà đặc biệt đựng đầy các viên phô mai đủ loại, hàu hun khói đóng hộp và nhiều loại xúc xích salami khác nhau. Bà sẽ mời cô út Francesca đến nhà để cùng chơi board game. Chúng tôi gọi pizza cho bữa tối rồi ăn lai rai đến hết ngày. Mẹ tôi sẽ bung ra các khay bánh cuộn xúc xích, tôm chiên và bánh Ritz phủ phô mai đặc biệt. Khi gần đến Giao thừa, mỗi người chúng tôi sẽ có một ly sâm-banh nhỏ.

Mẹ tôi có lối tư duy dạy con mà giờ đây tôi mới nhận ra là thật khác thường và hầu như ít có phụ huynh nào làm được - nó trung lập và mang tính điềm tĩnh đậm chất thiền. Tôi có những người bạn mà tâm trạng của mẹ họ cứ trôi lên sụt xuống theo những vấn đề của con cái, như thể đó là vấn đề của chính mình, và tôi biết nhiều đứa trẻ có cha mẹ bị quá tải với những khó khăn của bản thân nên gần như không để tâm nhiều đến con cái. Mẹ tôi chỉ đơn giản là trầm ổn. Bà không vội phán xét cũng không vội hòa giải. Ngược lại, bà dõi theo tâm trạng của hai anh em chúng tôi và điềm tĩnh chứng kiến mọi khó khăn và những gì chúng tôi đạt được trong ngày. Khi chuyện trở nên tồi tệ, bà chỉ an ủi chúng tôi một chút. Khi anh em tôi làm được chuyện gì đó ra trò, mẹ cũng chỉ khen ngợi vừa đủ để chúng tôi biết là bà đang hài lòng, chứ bà không bao giờ khen quá lời đến mức biến lời khen trở thành động lực để chúng tôi làm hay không làm một việc nào đó.

Lời khuyên của bà, nếu có, thường là kiểu lời khuyên vừa thực tế vừa cứng rắn. “Con không cần phải thích giáo viên của con”, bà nói khi nghe tôi cầu nhàu. “Nhưng cô giáo đó có những kiến thức toán học mà con cần. Hãy tập trung vào chuyện đó và bỏ qua những chuyện rêu rĩa khác.”

Dù rất yêu thương anh Craig và tôi, nhưng bà không bao giờ bảo bọc thái quá. Mục tiêu của bà là đẩy chúng tôi ra thế giới bên ngoài. “Mẹ không nuôi dạy trẻ con”, bà nói với anh em chúng tôi. “Mẹ đang nuôi dạy người

trường thành.” Cha mẹ tôi thường đưa ra các hướng dẫn chứ không phải là các quy tắc. Điều đó có nghĩa là hỏi còn là những đứa trẻ vị thành niên, chúng tôi chưa bao giờ có giờ giới nghiêm. Thay vào đó, họ sẽ hỏi, “Con về nhà vào lúc nào là hợp lý?” và rồi tin tưởng chúng tôi sẽ giữ đúng lời hứa.

Có một lần, anh Craig kể chuyện về cô gái mà anh ấy thích hồi lớp tám và chuyện một ngày nọ cô ấy mở lời mời mọc anh ấy sang nhà chơi, cố tình nhấn mạnh là cha mẹ của cô ấy không có ở nhà và như vậy thì cả hai sẽ được thoải mái bên nhau. Sau đó anh đã khổ sở giằng co giữa việc đi hay không đi; anh bị kích thích bởi cơ hội có được, nhưng cũng biết chuyện đó là vụng trộm và đáng hổ thẹn, là kiêu hành vi mà cha mẹ tôi sẽ không bao giờ chấp nhận. Lúc đó anh có kể với mẹ tôi một nửa sự thật, tức là anh cho bà biết về cô bạn kia nhưng lại nói rằng cả hai sẽ gặp nhau ở công viên. Nhưng rồi có lẽ là do có chút cắn rứt lương tâm, sau cùng anh Craig đã thú nhận với mẹ tôi toàn bộ kế hoạch kia với hy vọng mẹ sẽ tức giận và cấm anh đi.

Nhưng không, mẹ không nổi giận. Đó không phải là cách của mẹ.

Bà lắng nghe, nhưng không tháo dỡ gánh nặng lựa chọn cho anh Craig. Trái lại, mẹ trả lại anh ấy sự giằng co bằng một cái nhún vai. “Hãy xử lý theo cách mà con nghĩ là tốt nhất”, bà nói trước khi quay lại với đồng chén đĩa trong chậu hoặc mớ quần áo cần được xếp vào tủ.

Đó là một cú hích nhẹ để đẩy chúng tôi đến gần với thực tế. Tôi chắc chắn trong thâm tâm mẹ đã biết anh Craig sẽ đưa ra lựa chọn đúng đắn. Bây giờ tôi nhận ra mỗi quyết định của bà đều được củng cố bởi một niềm tin thầm lặng là bà đã nuôi dạy hai anh em chúng tôi thành người trưởng thành. Chúng tôi là người quyết định. Đây là cuộc đời của chúng tôi, không phải của bà, và sẽ luôn như vậy.

KHI MƯỜI BỐN TUỔI, về cơ bản thì tôi đã nghĩ mình đi được nửa chặng đường để trở thành người lớn - thậm chí có lẽ là hai phần ba. Tôi có kinh nguyệt, và tôi ngay lập tức háo hức thông báo với mọi người trong nhà, vì đơn giản đó là cách của gia đình tôi. Tôi không còn mặc áo lá mà chuyển sang mặc một chiếc áo ngực khiến tôi trông có vẻ nữ tính hơn một chút, và điều này cũng làm tôi phấn khởi. Thay vì về nhà để dùng bữa trưa, giờ đây tôi ăn với bạn học tại phòng của thầy Bennett trong trường. Thay vì sang nhà ông Southside vào các ngày thứ Bảy để nghe mấy đĩa nhạc jazz của ông và chơi với chú chó Rex, tôi đạp xe ngang qua nhà ông, thẳng về phía đông để đến căn bungalow trên Đại lộ Oglesby, nơi chị em nhà Gore sinh sống.

Chị em nhà Gore là bạn thân của tôi và tôi cũng hơi thần tượng họ. Diane học cùng lớp với tôi, còn Pam thì học sau một lớp. Cả hai đều là những cô gái xinh xắn - Diane có màu da sáng, và da Pam thì sậm hơn - mỗi người đều toát lên vẻ đẹp riêng. Kể cả em gái Gina, người nhỏ hơn họ vài tuổi, cũng sở hữu vẻ đẹp nữ tính mà tôi cho là đặc điểm của nhà Gore. Nhà của chị em họ ít khi có đàn ông. Cha họ không sống ở đó và ít khi được nhắc tới. Họ có một người anh lớn hơn rất nhiều tuổi chỉ thỉnh thoảng mới xuất hiện. Bà Gore là một phụ nữ vui vẻ, lời cuốn và bà làm việc toàn thời gian. Bà có một bàn trang điểm đầy những chai nước hoa, hộp phấn trang điểm và đủ loại dầu làm đẹp được đựng trong những chiếc lọ nhỏ mà tôi cảm thấy cứ như là những món trang sức đẹp lạ - vì mẹ tôi ở nhà rất dung dị. Tôi rất thích đến nhà họ chơi. Pam, Diane và tôi huyền thoại về những đứa con trai mình thích. Chúng tôi bôi son bóng lên môi và ước thử quần áo của nhau, để rồi chợt nhận ra một số kiểu quần tây sẽ khiến mông chúng tôi có vẻ cong hơn. Ngày ấy tôi tiêu tốn nhiều năng lượng cho mấy suy nghĩ vẩn vơ, chẳng hạn như tôi thường ngồi một mình trong phòng nghe nhạc, tư tưởng về điệu nhảy slow với một anh chàng điển trai nào đó, hoặc nhìn ra cửa sổ, hy vọng người mà mình đang để ý sẽ chạy lướt qua. Thế nên thật may khi tôi tìm được những cô chị em gái để cùng trải qua những năm tháng đó.

Bọn con trai không được phép vào nhà Gore, nhưng họ cứ lảng vảng xung quanh. Họ đạp xe tới lui trên vệ đường. Họ ngồi ở bậc thềm trước cửa, hy vọng Diane hay Pam sẽ đi ra ngoài để được dịp tán tỉnh. Thật thú vị khi

chúng kiến quá trình ôm cây đợi thỏ này, ngay cả khi tôi không chắc toàn bộ những chuyện này có ý nghĩa gì. Nhìn đâu tôi cũng thấy những cơ thể thanh xuân đang trở mã. Bọn con trai ở trường bỗng cao lớn như đàn ông và hành xử kỳ quái, năng lượng lên xuống thất thường còn giọng nói thì cứ ồm ồm. Trong khi đó, một số cô bạn tôi trông như đang tuổi mười tám; họ đi dạo trong trang phục quần ngắn cũn cỡn và áo yếm, ra vẻ hiểu đời và vô cùng tự tin như thể các cô nàng biết một bí mật nào đó, như thể giờ đây họ đang ở một trình độ khác - trong khi đám chúng tôi vẫn bối rối và còn có vẻ hơi ngờ nghệch, đợi đến lượt mình được bước vào thế giới của người lớn. Chúng tôi trông như những cô ngựa non đang nhổ giò, non đến độ có bơi bao nhiêu son bóng cũng không thể nào bớt non được.

Như rất nhiều đứa con gái khác, tôi bắt đầu nhận thức về cơ thể mình từ sớm, rất lâu trước khi tôi ra dáng là một phụ nữ. Tôi tự đi lại trong khu phố nhà mình nhiều hơn và ít đi cùng cha mẹ. Tôi tự đón xe buýt nội thành để đến lớp khiêu vũ buổi tối tại Học viện Mayfair trên Đường 79, nơi tôi đang học nhảy jazz và nhào lộn. Thỉnh thoảng tôi chạy việc vặt cho mẹ. Tất nhiên, cùng với sự tự do mới có được của tuổi mới lớn này là những hiểm họa tiềm ẩn mới. Tôi tập nhìn thẳng về phía trước mỗi khi đi ngang qua một nhóm đàn ông tụ tập ở góc đường, và không để ý thấy ánh mắt họ đang nhìn vào ngực hay chân tôi. Tôi biết mình phải phớt lờ tiếng huýt sáo trên ghe. Tôi biết chỗ nào trong khu chúng tôi sống được cho là nguy hiểm hơn các nơi khác. Tôi biết không nên ra đường một mình vào buổi tối.

Ở nhà, cha mẹ tôi đã có một sự nhượng bộ lớn trước thực tế là họ đang có hai đứa trẻ tuổi vị thành niên đang lớn trong nhà. Họ cải tạo hành lang phía sau bếp và biến nó thành phòng ngủ cho anh Craig, khi ấy đang học năm thứ hai trung học. Vách ngăn mỏng dính mà ông Southside làm cho chúng tôi nhiều năm trước đã được dỡ bỏ. Tôi dọn sang nơi từng là phòng ngủ của cha mẹ, còn họ dời vào nơi từng là phòng của anh em chúng tôi, và thế là lần đầu tiên trong đời, chúng tôi thật sự có không gian riêng tư. Phòng ngủ mới của tôi đẹp như mơ, có ga giường và ga gối họa tiết hoa lá màu xanh dương và trắng, một tấm thảm màu xanh nước biển mát rượi, và một chiếc giường công chúa màu trắng có tủ và đèn ngủ đồng bộ - một bản sao gần như hoàn hảo của mẫu thiết kế phòng ngủ mà tôi thích trong catalog của Sears. Cha mẹ còn nối cho anh em tôi mỗi người một chiếc điện thoại trong phòng - điện thoại của tôi có màu xanh nhạt để hợp với căn phòng mới của tôi, còn điện thoại của anh Craig thì có màu đen nam tính - điều này đồng nghĩa với việc chúng tôi có thể tương đối tự do làm việc riêng.

Thực tế là tôi đã sắp đặt nụ hôn đầu đời của mình qua điện thoại. Đó là nụ hôn với một cậu bạn tên Ronnell. Ronnell không học cùng trường hay sống cùng khu phố với tôi, nhưng cậu ấy hát cho Dân hợp xướng thiếu nhi Chicago với cô bạn cùng lớp Chiaka của tôi, và khi được Chiaka giới thiệu thì theo cách nào đó, chúng tôi đã biết là mình thích nhau. Các cuộc gọi giữa chúng tôi có hơi kỳ lạ, nhưng tôi không bận tâm. Tôi thích cảm giác được người khác thích mình. Tôi cảm thấy một chút háo hức mỗi khi điện thoại đổ chuông. Có phải là Ronnell không? Tôi không nhớ ai trong chúng tôi đã đề nghị gặp nhau bên ngoài vào một buổi chiều để thử hôn nhau, nhưng chúng tôi không hề dè dặt với đề nghị đó và không cần phải nói tránh đi. Chúng tôi không “đi chơi” hay “đi dạo”. Chúng tôi sẽ hôn nhau. Và chúng tôi đều sẵn sàng cho chuyện đó.

Đó là lý do tôi ngồi xuống ghế đá bên cửa hông nhà mình, nơi có thể nhìn toàn cảnh các cánh cửa sổ hướng nam cùng với những luống hoa của bà Robbie, và đắm đuối trong nụ hôn nồng nàn với Ronnell. Chuyện chẳng có gì kinh thiên động địa hay cực kỳ phấn khích, nhưng cơ bản là chuyện đó khá vui. Tôi bắt đầu thấy ở quanh đám con trai thật là vui. Dần dần tôi không còn cảm giác mình đang làm nghĩa vụ của một cô em gái khi dành hàng giờ đồng hồ xem anh Craig đấu bóng từ ghế súp ở hết phòng tập này đến phòng tập khác. Vì một trận đấu bóng có thể là gì khác nếu không phải là một cuộc trình diễn của đám con trai? Tôi sẽ chọn mặc chiếc quần jeans bó sát nhất,

đeo thêm vài chiếc vòng tay và thỉnh thoảng dẫn theo một chị em nhà Gore để tăng sức hút của mình trên khán đài. Và rồi tôi tận hưởng từng phút của trận đấu bóng chày nhể nhai mờ mờ trước mắt - những cú nhảy hoặc tấn công, tiếng rì rào và la hét, chất nam tính và tất cả những bí ẩn của nó đang được bày ra trước mắt. Khi một anh chàng ở đội JV mỉm cười với tôi lúc rời sân vào một tối nọ, tôi cười đáp lại ngay. Tôi cảm giác như tương lai của mình vừa bắt đầu mở ra.

Tôi dần dần tách khỏi cha mẹ và ít nói ra mọi suy nghĩ trong đầu của mình hơn. Mỗi khi xem xong các trận đấu của anh Craig, tôi thường ngồi ở băng ghế phía sau chiếc Buick và im lặng suốt quãng đường về nhà. Cảm xúc của tôi quá sâu kín hoặc quá lộn xộn đến mức không thể chia sẻ với cha mẹ. Tôi rơi vào trạng thái cô đơn của một đứa trẻ tuổi dậy thì và tin là những người lớn xung quanh chưa bao giờ trải qua những gì tôi đang trải qua.

Có những buổi tối sau khi đánh răng xong, tôi bước ra khỏi nhà tắm và thấy căn hộ tối đen - đèn đóm trong nhà đã tắt hết và ai cũng an ổn trong không gian riêng. Tôi nhìn ánh sáng hắt ra từ khe cửa phòng anh Craig và biết anh ấy đang làm bài tập về nhà. Tôi thấy ánh sáng ti-vi le lói từ phòng cha mẹ và nghe tiếng họ thủ thỉ, cười đùa với nhau. Tôi chưa bao giờ thắc mắc về ý nghĩa của hôn nhân, cũng chưa bao giờ thắc mắc xem làm một người mẹ và người nội trợ toàn thời gian là như thế nào. Tôi thấy sự gắn kết của cha mẹ tôi là hiển nhiên. Đó là một thực tế đơn giản và rõ ràng, là nền tảng hình thành cuộc sống của cả bốn người chúng tôi.

Rất lâu sau này mẹ tôi mới kể rằng hàng năm khi xuân về và bầu không khí ở Chicago ấm dần lên, bà lại lan man ý nghĩ rời bỏ cha tôi. Tôi không biết những suy nghĩ đó có thật sự nghiêm túc hay không. Tôi không biết bà nghĩ về chuyện đó trong chỉ một giờ, một ngày, hay suốt cả mùa xuân, nhưng đối với bà thì đó thật sự là một ý tưởng kỳ quặc nhưng tích cực, một điều gì đó lành mạnh, mà chỉ cần nghĩ đến thôi cũng có thể mang lại động lực, tựa như một nghi lễ vậy.

Giờ đây tôi hiểu rằng ngay cả một cuộc hôn nhân hạnh phúc nhất cũng có thể trở thành một sự phiền toái, rằng đó là một hợp đồng mà tốt nhất là nên được làm mới liên tục, cho dù là theo cách yên lặng và âm thầm - thậm chí là đơn phương. Tôi không nghĩ mẹ từng thẳng thắn nói ra những nghi ngờ và bất mãn của mình với cha, và tôi cũng không nghĩ mẹ đã chia sẻ với cha về những cuộc đời khác mà mẹ đã mơ đến trong suốt những khoảng thời gian đó. Phải chăng bà đã tưởng tượng mình ở trên một hòn đảo nhiệt đới nào đó? Với một kiểu người đàn ông khác, trong một ngôi nhà khác, hoặc làm việc trong một văn phòng nào đó thay vì ở nhà chăm sóc hai đứa trẻ? Tôi không biết, và tôi nghĩ mình có thể hỏi mẹ, người mà giờ đây đã ngoài tám mươi, nhưng tôi nghĩ chuyện đó không còn quan trọng nữa.

Nếu bạn chưa bao giờ trải qua mùa đông ở Chicago, hãy để tôi miêu tả cho bạn biết: Bạn có thể phải sống suốt một trăm ngày dưới bầu trời xám xịt trông như một cái nắp bao trùm cả thành phố. Những cơn gió buốt giá thổi đến từ phía Hồ Michigan. Tuyết rơi theo hàng chục cách khác nhau - rơi ào ào về đêm, rơi nghiêng nghiêng lất phất vào ban ngày, rơi dưới dạng một cơn mưa tuyết ướt át làm nản lòng khách bộ hành và rơi nhẹ nhàng như trong mấy câu chuyện cổ tích. Thường thì sẽ có rất nhiều băng tuyết cần được lau dọn trên vệ đường và những tấm kính chắn gió ô-tô. Mỗi sáng sớm sẽ có tiếng cạo tuyết rột roạt vang lên khi người ta chuẩn bị lấy xe đi làm. Bạn thậm chí cũng khó nhận ra người hàng xóm, bởi họ sẽ khoác tấm áo dày cộp và cúi gầm mặt để tránh gió thốc. Xe dọn tuyết của thành phố sẽ rải khắp các con đường và những đồng tuyết trắng thì cứ chất cao và ngày càng bám bẩn.

Tuy nhiên, cuối cùng thì sẽ có một chuyện xảy ra. Một quá trình đảo chiều chậm chạp bắt đầu. Nó có thể rất khó nhận ra - một luồng hơi ấm trong không khí, một chút sáng sủa của bầu trời. Bạn cảm nhận điều đó trước hết trong tim mình, rằng mùa đông hẳn đã qua đi. Thoạt đầu bạn có thể không tin, nhưng rồi bạn sẽ tin. Vì giờ đây mặt

trời đã ló dạng, những chồi non bé xíu xuất hiện trên cây, và hàng xóm đã cởi bỏ tấm áo choàng mùa đông nặng nề. Và vào buổi sáng mà bạn quyết định mở mọi cánh cửa sổ trong nhà để lau kính và lau sạch tuyết trên bệ cửa, có lẽ sẽ có một sự thành thoi mới mẻ nào đó trong suy nghĩ của bạn. Nó khiến bạn nghĩ ngợi, tự hỏi mình có bỏ lỡ cơ hội nào không khi trở thành vợ của người đàn ông này trong ngôi nhà với những đứa trẻ này.

Có lẽ bạn sẽ dành cả ngày để cân nhắc những cách sống mới, cho đến khi cuối cùng bạn cũng gắn lại mọi cánh cửa vào khung và đổ bỏ xô nước tẩy rửa Pine-Sol vào bồn. Và có lẽ giờ đây bạn đã quay về với hiện thực, vì mùa xuân đã đến, đúng vậy, và một lần nữa bạn quyết định ở lại chốn này.

RÓT CUỘC MẸ TÔI CŨNG ĐI LÀM TRỞ LẠI. Đó là thời điểm tôi vừa lên trung học. Bà quyết định ra khỏi nhà, hướng về khu trung tâm đông đúc với những tòa nhà cao chọc trời của Chicago, tại đó bà tìm được một công việc là trợ lý trong một ngân hàng. Bà sắm một tủ quần áo dành riêng để đi làm và bắt đầu hành trình di chuyển mỗi sáng để đến chỗ làm, hoặc bà sẽ đón xe buýt đi về phía bắc trên Đại lộ Jeffery, hoặc quá giang cha tôi trên chiếc Buick nếu giờ khởi hành của hai người trùng nhau. Đối với bà, công việc đó là một sự thay đổi tốt đẹp trong thói quen sinh hoạt, và đối với gia đình chúng tôi thì đó ít nhiều cũng là một điều cần thiết cho tình hình tài chính của cả nhà. Cha mẹ tôi đã phải trả học phí để anh Craig theo học trường Công giáo. Anh ấy bắt đầu nghĩ đến chuyện học đại học, và không bao lâu sẽ đến lượt tôi.

Anh trai tôi giờ đây đã lớn hẳn, trở thành một thanh niên cao lớn tuấn nhã với đôi chân có sức bật phi thường và được xem là một trong những vận động viên bóng rổ xuất sắc nhất thành phố. Ở nhà, anh ăn rất nhiều. Anh có thể nốc cạn cả mấy lít sữa, ngốn sạch vài chiếc pizza cỡ đại chỉ trong một bữa ăn và thường ăn vặt từ sau bữa tối cho tới trước khi đi ngủ. Anh vẫn có cách để vừa thoải mái vừa tập trung cao độ, duy trì một đồng quan hệ bạn bè và thành tích học tập tốt, đồng thời xuất sắc trong vai trò vận động viên bóng rổ - như trước giờ vẫn vậy. Anh đi khắp vùng Midwest^[1] để tham dự giải đấu nghiệp dư mùa hè cùng đội bóng rổ, và trong đội có siêu sao hạt giống Isiah Thomas, người sau này được đề tên trong Nhà lưu danh của Hiệp hội Bóng rổ Quốc gia Mỹ NBA. Khi vào trung học, anh Craig đã được vài huấn luyện viên của các trường công lập hàng đầu Chicago săn đón để trám vào chỗ trống của đội nhà. Các đội bóng này thu hút cả những đám đông rầm rộ lẫn những chuyên gia sẵn lòng tài năng thể thao cho trường đại học, nhưng cha mẹ tôi cương quyết không để anh Craig hy sinh quá trình phát triển trí tuệ bản thân để đổi lấy vinh quang sớm nở tối tàn của một hiện tượng thể thao học đường.

Trường Mount Carmel, nơi sở hữu đội bóng mạnh thi đấu ở giải bóng rổ trường Công giáo và có một chương trình đào tạo chặt chẽ, có vẻ là lựa chọn tối ưu - xứng đáng với số học phí cả ngàn đô-la mà cha mẹ tôi phải đóng. Giáo viên dạy anh Craig là những tu sĩ mặc áo thụng nâu và được gọi là “Cha”. Khoảng 80% bạn cùng lớp của anh là người da trắng, nhiều người trong số đó là người Công giáo gốc Ireland đến từ các khu phố lao động da trắng xa trung tâm. Đến cuối năm nhất trung học thì anh ấy đã được nhiều đội bóng trường đại học Hạng I săn đón, một số trường đề nghị miễn hết học phí cho anh. Thế nhưng cha mẹ tôi vẫn giữ vững lập trường là anh ấy nên tiếp tục cân nhắc mọi lựa chọn, với mục tiêu là vào trường đại học nào tốt nhất có thể. Về phần mình, họ có chút lo lắng về học phí.

Trong khi đó, quá trình học trung học của tôi không khiến gia đình tốn kém gì ngoài tiền vé xe buýt. Tôi may mắn được tham gia thi tuyển vào trường chuyên đầu tiên của Chicago, trường trung học Whitney M. Young, nằm trong khu vực đang xuống cấp ở ngay phía tây khu Loop. Sau vài năm được thành lập, ngôi trường này đang trên đường trở thành trường công lập hàng đầu thành phố. Trường Whitney Young được đặt theo tên một nhà hoạt động dân quyền và bắt đầu mở cửa từ năm 1975 như một phương án thay thế tích cực cho việc đưa đón học sinh vùng này sang học ở vùng khác để thúc đẩy sự hòa hợp sắc tộc. Nằm ngay ranh giới giữa North Side và South Side, có những giáo viên mang tư tưởng cấp tiến và cơ sở vật chất mới tinh, ngôi trường được xây dựng như thiên đường của sự bình đẳng về cơ hội, với mục đích thu hút học sinh có thành tích học tập cao thuộc mọi sắc tộc. Chỉ tiêu tuyển sinh do ban đặc trách học khu Chicago đặt ra yêu cầu trường phải có 40% học sinh da đen, 40% học sinh da trắng và 20% học sinh gốc Mỹ La-tinh hoặc các nhóm khác. Nhưng thực tế diễn ra hơi khác. Khi tôi vào học, có khoảng 80% học sinh của trường không phải là người da trắng.

Hành trình đến trường vào ngày nhập học đầu tiên của năm lớp chín không thôi đã là cả một chuyến phiêu lưu mới mẻ, bao gồm chín mươi phút căng não đi hai tuyến xe buýt khác nhau và một lần đổi xe trung chuyển vào trung tâm. Năm giờ sáng hôm đó, tôi tự bật dậy và mặc đồ mới, đeo một đôi bông tai xinh xắn, tự hỏi từng ấy món sẽ được đón nhận ra sao ở trạm cuối của chuyến xe. Tôi ăn sáng, tự hỏi không biết bữa trưa sẽ ra sao. Tôi chào tạm biệt cha mẹ, tự hỏi đến cuối ngày thì tôi có còn là mình nguyên vẹn như thể này không. Trường trung học là một thay đổi lớn đối với hầu hết mọi người; và với tôi, vào học trường Whitney Young thật sự là một trải nghiệm hoàn toàn mới.

Ngôi trường đẹp đến choáng ngợp và rất hiện đại, không giống với bất kỳ ngôi trường nào mà tôi từng thấy. Trường gồm ba khối nhà lớn, trong đó có hai khối nhà thông với nhau bởi một cây cầu bộ hành bằng kính đẹp mắt bắc ngang Đại lộ Jackson nhộn nhịp. Các phòng học có phong cách mở và được thiết kế tỉ mỉ. Có cả một tòa nhà dành riêng cho bộ môn nghệ thuật, bao gồm những phòng chuyên dụng dành cho dàn hợp xướng và các ban nhạc tập diễn, và nhiều phòng khác được trang bị đầy đủ dụng cụ và trang thiết bị để dạy nhiếp ảnh và cả làm gốm. Ngôi trường được xây dựng như một thánh đường dành riêng cho việc học tập. Và hôm đó, tại thánh đường này, các học sinh ừa vào lối đi chính cùng với quyết tâm cao độ ngay từ ngày đầu đến lớp.

Có khoảng một ngàn chín trăm học sinh theo học tại Whitney Young, và nhìn chung, tôi thấy họ đều có vẻ lớn hơn và tự tin hơn tôi - họ kiểm soát được từng tế bào não của mình và được tiếp thêm sức mạnh qua từng câu trắc nghiệm mà họ đã làm đúng trong bài kiểm tra năng khiếu toàn thành phố. Nhìn xung quanh, tôi cảm thấy mình thật nhỏ bé. Hồi ở Bryn Mawr, tôi thuộc nhóm đàn anh đàn chị, còn giờ đây tôi là một trong những học sinh nhỏ tuổi nhất. Khi xuống xe buýt, tôi để ý thấy ngoài cặp sách, rất nhiều nữ sinh còn mang theo túi xách tay.

Nếu phân loại những nỗi lo của tôi thời trung học thì phần lớn chúng đều được xếp vào một nhóm: Mình có đủ giỏi chưa? Đó là câu hỏi đã đeo bám tôi suốt tháng đầu tiên, ngay cả khi tôi bắt đầu ổn định, ngay cả khi tôi đã quen với những lần thức dậy khi mặt trời còn chưa ló dạng và di chuyển qua các tòa nhà để đến lớp. Whitney Young được chia thành năm “nhà”, mỗi nhà có chức năng giống như tổ ấm cho các thành viên, vận hành với mục đích mang đến cảm giác thân thuộc và gắn bó cho trải nghiệm học tập tại một ngôi trường lớn. Tôi là thành viên của Nhà Vàng, nơi được quản lý bởi thầy Smith, trợ lý hiệu trưởng, người hóa ra chỉ sống cách chúng tôi vài căn nhà trên Đại lộ Euclid. Trước đây thầy Smith từng thuê tôi làm những việc vặt cho thầy và gia đình của thầy trong suốt nhiều năm, từ trông trẻ, dạy đàn cho tới huấn luyện chú cún bắt trị nhà họ. Gặp được thầy Smith ở trường khiến tôi cảm thấy khá dễ chịu, bởi thầy giống như chiếc cầu nối giữa Whitney Young và khu tôi sống, nhưng dù vậy thì chuyện này vẫn không thể xóa đi nỗi bất an trong tôi.

Ở khu tôi sống, chỉ có vài đứa trẻ theo học trường Whitney Young, trong đó có cậu bạn hàng xóm Terri Johnson, cô bạn Chiaka học chung từ hồi mẫu giáo, cùng với một, hai cậu bạn khác. Vài đứa chúng tôi đi học trên cùng chuyến xe buýt vào buổi sáng, nhưng khi ở trường thì chúng tôi sinh hoạt trong các nhà khác nhau, thân ai nấy lo. Đó cũng là lần đầu tiên trong đời tôi không có sự bảo hộ ngầm của anh trai. Từ trước đến giờ anh Craig luôn mở đường cho tôi, bằng phong cách đùng đĩnh và vui vẻ của anh. Hồi ở trường Bryn Mawr, anh được giáo viên quý mến nhờ sự hòa nhã, đồng thời anh cũng có được sự tôn trọng nhất định trên sân bóng. Anh ấy tạo ra một vùng trời rực rỡ mà tôi chỉ cần đặt chân bước vào. Hầu như đi đến đâu, tôi cũng được biết đến như em gái của Craig Robinson.

Nhưng giờ đây tôi chỉ là Michelle Robinson, không có anh Craig theo sau nữa. Ở Whitney Young, tôi phải tự tìm chỗ đứng cho mình. Chiến thuật ban đầu của tôi là giữ yên lặng và cố gắng quan sát các bạn học mới. Rốt cuộc thì những đứa trẻ này là ai? Tôi chỉ biết là họ thông minh. Một sự thông minh đã được chứng thực. Một sự

thông minh đã qua tuyển chọn. Chắc hẳn đó là những đứa trẻ giỏi nhất Chicago. Nhưng có phải tôi cũng giống họ không? Có phải tất cả chúng tôi - tôi, Terri và Chiaka - có mặt ở đây vì chúng tôi cũng là những đứa trẻ thông minh như họ không?

Sự thật là tôi không biết. Tôi không biết chúng tôi có thông minh như họ hay không.

Tôi chỉ biết chúng tôi là những học sinh giỏi nhất đến từ nơi vốn được cho là ngôi trường thường thường bậc trung chủ yếu chỉ có học sinh da đen theo học trong khu vực cũng thường thường bậc trung chủ yếu chỉ có người da đen sinh sống. Nhưng nếu như vậy vẫn chưa đủ thì sao? Nếu thật ra chúng tôi chỉ là những thằng chột trong xứ mù thì sao?

Đây chính là nỗi ngờ vực cứ quẩn quanh trong tâm trí tôi suốt tuần lễ hướng dẫn học viên mới, suốt những giờ học đầu tiên của môn sinh học và tiếng Anh, suốt các cuộc trò chuyện làm quen có phần lóng ngóng của tôi ở căng-tin trường với những người bạn mới. Chưa đủ. Chưa đủ. Đó là nỗi ngờ vực về xuất thân của bản thân và những gì tôi tin về bản thân mình tính tới thời điểm này. Nó giống một tế bào ác tính cứ hăm he phân bào cho đến khi tôi có thể tìm được cách áp chế nó.

TÔI NHẬN RA CHICAGO rộng lớn hơn những gì mình tưởng tượng rất nhiều. Đây là một phát hiện mà tôi ghi nhận từ từ mỗi ngày, thường là trong lúc buộc phải đứng vì không đủ chỗ ngồi trên những chuyến xe buýt kéo dài ba giờ đồng hồ, bắt đầu từ Đường 75 và rờ rỏ chạy qua một mê lộ các trạm dừng.

Qua ô cửa kính, tôi chậm rãi quan sát vùng South Side một cách trọn vẹn - những cửa hàng và quán thịt nướng nơi góc phố vẫn đóng kín cửa trong ánh sáng nhàn nhạt của buổi sớm mai, các sân bóng rổ và sân chơi lát gạch còn đang vắng tanh. Xe chúng tôi chạy hướng bắc theo đường Jeffery rồi sang hướng tây theo Đường 67, sau đó lại đi theo hướng bắc, rẽ tới rẽ lui và cứ đi được hai dãy phố sẽ dừng lại một lần để đón khách. Chúng tôi băng qua khu vực Jackson Park Highlands và Công viên Hyde, nơi có Đại học Chicago nằm khuất sau cánh cổng khổng lồ bằng sắt uốn hoa văn. Sau một quãng thời gian dài như vô tận, cuối cùng xe cũng tăng tốc trên cung đường Lake Shore, chạy dọc theo bờ Hồ Michigan uốn cong về phía bắc và tiến vào trung tâm thành phố.

Tôi có thể cho bạn biết là đi xe buýt không vội được đâu. Bạn lên xe, và bạn chịu đựng. Mỗi buổi sáng, tôi chuyển xe trên Đại lộ Michigan ở trung tâm thành phố ngay vào giờ cao điểm, sau đó bắt chuyến xe dọc đường Van Buren để đi về phía tây, nơi mà cảnh vật chỉ ít cũng có vẻ hấp dẫn hơn khi chúng tôi chạy ngang qua các trụ sở ngân hàng có cửa chính đồ sộ màu vàng ánh kim và những nhân viên xách hành lý đứng bên ngoài các khách sạn lộng lẫy. Tôi nhìn ra cửa sổ ngắm người ta mặc những bộ cánh lịch thiệp - com-lê, váy, giày công sở - và cảm cả phê đến nơi làm việc với vẻ hối hả như thể đang làm điều gì đó rất quan trọng. Khi đó tôi vẫn chưa biết họ được gọi là những người làm việc chuyên nghiệp. Tôi vẫn chưa biết gì về những tấm bằng mà họ phải có để được bước vào các tòa nhà văn phòng nguy nga dọc theo đường Van Buren. Nhưng tôi thật sự thích vẻ kiên quyết của họ.

Trong khi đó, ở trường, tôi lặng lẽ thu thập từng mẩu dữ liệu và cố gắng xác định vị trí của mình trong giới trí thức tuổi teen. Cho đến thời điểm đó, tôi chỉ có dịp chơi với những đứa trẻ ở khu phố khác qua những lần gặp gỡ anh chị em họ và vài chuyến trại hè do thành phố tổ chức tại bãi Rainbow, nơi mọi trại sinh đều đến từ khu South Side và không ai giàu có cả. Ở Whitney Young, tôi gặp những đứa trẻ da trắng sống ở khu North Side - một phần của Chicago mà tôi cảm thấy rất bí ẩn, nơi tôi chưa bao giờ nghĩ tới và cũng không có lý do gì để đến đó. Tôi còn phần khích hơn khi phát hiện sự tồn tại của một tầng lớp tinh hoa người Mỹ gốc Phi. Đa số bạn bè tôi mới quen ở trường trung học đều là người da đen, nhưng hóa ra điều đó không có nghĩa là chúng tôi có trải nghiệm như nhau. Nhiều bạn có cha mẹ là luật sư hoặc bác sĩ, và dường như họ đều quen biết nhau thông qua một câu lạc bộ tên "Jack and Jill" của người Mỹ gốc Phi. Họ từng có những kỳ nghỉ trượt tuyết và những chuyến đi xa phải dùng đến

hộ chiếu. Họ nói về những chuyện mà tôi nghe cảm thấy thật xa lạ, chẳng hạn như kỳ thực tập hè và những trường đại học xưa nay chỉ dành cho người da đen. Trong lớp tôi còn có một cậu bạn da đen được mệnh danh là một sách, luôn tử tế với mọi người và cha mẹ cậu là nhà sáng lập của một công ty cung ứng mỹ phẩm lớn, họ sống tại một trong những tòa cao ốc xa hoa nhất ngay trung tâm thành phố.

Đó là thế giới mới của tôi. Tôi không nói mọi đứa trẻ học tại Whitney Young đều giàu có hay kiêu cách, vì thực tế không phải như vậy. Có rất nhiều đứa trẻ đến từ các khu phố giống như khu phố của tôi, những đứa trẻ sống vất vả hơn tôi gấp nhiều lần. Nhưng những tháng đầu tiên học tại Whitney Young đã hé mở trước mắt tôi một điều mà trước đó tôi không hề thấy - hệ thống của đặc quyền và sự kết nối, thứ có vẻ giống như một mạng lưới những chiếc thang và dây néo lơ lửng thoát ẩn thoát hiện trên đầu chúng tôi, sẵn sàng làm cầu nối để đưa vài người trong số chúng tôi, chứ không phải tất cả, lên cao.

LOẠT ĐIỂM ĐẦU TIÊN của tôi ở trường Whitney hóa ra cũng khá tốt, và loạt điểm thứ hai cũng vậy. Qua hai năm học đầu tiên, tôi đã bắt đầu tạo dựng được sự tự tin mà tôi từng có ở Bryn Mawr. Sau mỗi thành tích nhỏ nhỏ mà tôi đạt được, sau mỗi rắc rối mà tôi khéo léo tránh được, những mối ngờ vực trong tôi từ từ được xóa bỏ. Tôi thích hầu hết các giáo viên của mình. Tôi không ngại giơ tay phát biểu trong lớp. Tại Whitney Young, bạn có thể thoải mái thể hiện sự thông minh. Dù bạn làm gì đi nữa thì người ta cũng tự hiểu là bạn đang nỗ lực để vào đại học, đồng nghĩa với việc bạn không bao giờ cần phải che giấu chuyện bạn thông minh chỉ vì sợ ai đó nhận xét rằng bạn nói năng như một nữ sinh da trắng.

Tôi thích mọi môn học liên quan đến viết lách và vất vả vượt qua môn toán giải tích sơ cấp. Tôi là một học sinh tương đối khá môn tiếng Pháp. Luôn có những người bạn dẫn trước tôi một hoặc vài bước, những người có vẻ không khó nhọc gì để đạt được thành tích cao, nhưng tôi cố gắng không để điều đó khiến mình chùn chân. Tôi bắt đầu hiểu ra là nếu dành thêm thời gian để học, tôi thường có thể rút ngắn khoảng cách giữa tôi với họ. Tôi không phải là một học sinh xuất sắc, nhưng tôi luôn cố gắng, và có những học kỳ tôi đã suýt có được danh hiệu đó.

Trong lúc đó, anh Craig đã vào học Đại học Princeton, bỏ lại căn phòng ở ngôi nhà trên Đại lộ Euclid và một khoảng trống cao hơn hai thước, nặng gần chín mươi một ký trong cuộc sống của gia đình chúng tôi. Tủ lạnh nhà chúng tôi ít hẳn thịt và sữa; đường dây điện thoại không còn bận liên tục vì mấy cô gái gọi điện tán gẫu với anh. Anh được các trường đại học lớn săn đón, họ đưa ra các suất học bổng toàn phần và tạo mọi điều kiện cần thiết để anh trở thành ngôi sao bóng rổ, nhưng với sự khích lệ của cha mẹ, anh đã chọn Princeton, ngôi trường có học phí đắt đỏ hơn nhưng cũng nhiều hứa hẹn hơn - theo nhận định của cha mẹ tôi. Cha tôi vỡ òa tự hào khi anh Craig có mặt trong đội hình chính thức của đội bóng rổ trường Princeton vào năm hai. Dù đi đứng loạng choạng và phải sử dụng gậy, nhưng ông vẫn thích chạy xe đường dài. Cha đã đổi sang một chiếc Buick mới, vẫn là đời 225 nhưng có màu nâu sẫm. Khi không phải làm việc tại nhà máy lọc nước, ông thường thu xếp thời gian để lái xe một chặng đường dài mười hai giờ, băng qua Indiana, Ohio, Pennsylvania và New Jersey chỉ để đến xem một trận đấu của anh Craig.

Vì phải di chuyển một quãng đường xa để đến Whitney Young, tôi ít có thời gian ở cùng cha mẹ hơn. Bây giờ nhìn lại, tôi đoán đó là khoảng thời gian cô đơn đối với họ, hay chí ít là họ phải điều chỉnh để thích nghi với sự thay đổi đó. Thời gian tôi vắng mặt nhiều hơn thời gian tôi ở nhà. Vì quá ngán việc phải đứng suốt chín mươi phút trên chuyến xe từ nhà đến trường, Terri Johnson và tôi đã nghĩ ra một mẹo. Chúng tôi rời nhà sớm hơn mười lăm phút vào buổi sáng và đón chuyến xe buýt đi về hướng nam, ngược hướng với trường mình. Sau khi đi qua vài trạm, chúng tôi xuống xe ở khu dân cư ít đông đúc hơn, băng qua đường và đón chuyến xe buýt đi hướng bắc như bình thường. Chuyến xe khởi hành từ đây chắc chắn vắng khách hơn so với khi chạy đến trạm trên Đường 75, nơi

chúng tôi vẫn thường bắt xe. Khi lên xe, chúng tôi khoai chí ngồi vào ghế rồi thoải mái trò chuyện với nhau hoặc học bài trên suốt chặng đường từ đó đến trường.

Khoảng sáu bảy giờ tối, tôi rã rời về đến nhà, vừa kịp ăn vội bữa tối và tranh thủ kể với cha mẹ về mọi chuyện trong ngày. Rồi khi đã rửa xong chén đĩa, tôi thường mang sách vở đến góc cầu thang yên tĩnh, nơi có kệ sách trung bộ bách khoa toàn thư, và tập trung làm bài tập về nhà.

Cha mẹ tôi chưa bao giờ nói về áp lực khi phải trả học phí cho anh em tôi, nhưng tôi đủ hiểu chuyện để nhận thấy áp lực này. Thế nên khi giáo viên tiếng Pháp thông báo rằng cô đang tổ chức cho lớp đi tham quan Paris vào một trong bốn kỳ nghỉ của chúng tôi - một chuyến đi không bắt buộc và dành cho những ai có đủ khả năng chi trả - tôi thậm chí còn không nhắc đến chuyện đó ở nhà. Đó là điểm khác biệt giữa tôi và những đứa trẻ con nhà có tiền, mà nhiều đứa hiện đang là bạn thân của tôi. Tôi có một mái ấm yêu thương và nề nếp, có vé xe buýt để đi tới trường và một bữa tối nóng sốt để ăn khi về nhà vào cuối ngày. Ngoài những điều đó ra, tôi không đòi hỏi thứ gì khác từ cha mẹ mình.

Nhưng rồi một tối nọ, cha mẹ bảo tôi ngồi xuống nói chuyện, trông họ có vẻ ngạc nhiên. Mẹ tôi đã nghe mẹ của Terri Johnson nói về chuyến đi Pháp.

“Sao con không nói với cha mẹ?”, mẹ tôi hỏi.

“Vì chuyến đi đó tốn kém lắm mẹ.”

“Miche, chuyện đó không tới lượt con quyết định”, cha tôi nhẹ nhàng nói, có vẻ hơi khó chịu. “Và làm sao cha mẹ quyết định được khi không biết gì về chuyến đi?”

Tôi nhìn cha mẹ và không biết nên nói gì. Mẹ liếc nhìn tôi với đôi mắt hiền từ. Cha đã thay bộ đồng phục đi làm ra và mặc vào chiếc áo sơ mi trắng sạch sẽ. Cha mẹ tôi đều đã bước sang tuổi tứ tuần và đã kết hôn được gần hai mươi năm. Thế nhưng cả hai chưa từng đi du lịch châu Âu. Họ chưa bao giờ nghỉ mát ở bãi biển hay ăn tối ở nhà hàng. Họ không sở hữu một căn nhà nào. Chúng tôi, tôi và anh Craig, chính là sự đầu tư của họ. Tất cả đều được dành hết cho anh em chúng tôi.

Vài tháng sau, tôi lên chuyến bay đi Paris với cô giáo và khoảng mười mấy bạn học ở Whitney Young. Chúng tôi ở nhà nghỉ, đi tham quan Bảo tàng Louvre và Tháp Eiffel. Chúng tôi mua bánh crêpe phô mai tại các quầy bán hàng rong trên đường và dạo bước dọc theo hai bờ sông Seine. Dù chỉ có thể bập bẹ bằng thứ tiếng Pháp mới học, nhưng chí ít thì chúng tôi cũng đã giao tiếp bằng tiếng Pháp. Hôm đó, khi máy bay rời cổng đón khách, tôi nhìn ra cửa sổ hướng về phía sân bay, tôi biết mẹ đang đứng đâu đó đằng sau các cửa sổ kính đen, mặc chiếc áo khoác bà hay mặc vào mùa đông và vẫy tay chào tôi. Tôi nhớ tiếng động cơ phản lực vang lên, ồn ào kinh khủng. Rồi máy bay di chuyển vào đường băng. Lúc máy bay chạy đà và bắt đầu cất cánh, gia tốc khiến lồng ngực tôi như thắt lại, bụng dạ nôn nao, và tôi bị ép vào ghế, trong một khoảnh khắc lơ lửng kỳ lạ trước khi cảm thấy hoàn toàn được nâng lên khỏi mặt đất.

CŨNG NHƯ CÁC HỌC SINH TRUNG HỌC khác, tôi và chúng bạn thích đi la cà đây đó. Chúng tôi huyền não và cà kê giữa chốn đông người. Vào những ngày trường cho nghỉ sớm hay khi không có nhiều bài tập về nhà, chúng tôi kéo nhau đến trung tâm Chicago, đi vào trung tâm thương mại tám tầng ở Water Tower Place. Ở đó chúng tôi đi thang máy lên rồi lại xuống, tiêu tiền vào món bắp rang hảo hạng ở Garret's và chiếm dụng bàn ghế ở McDonald's lâu hơn mức cần thiết - so với lượng đồ ăn ít ỏi mà chúng tôi gọi. Chúng tôi ngắm những chiếc quần jeans hàng hiệu và mấy chiếc ví cầm tay ở Marshall Field's - thường là dưới sự giám sát kín đáo của những nhân viên bảo vệ vốn không thích dáng vẻ của chúng tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi còn đi xem phim với nhau.

Chúng tôi vui vẻ - vui với sự tự do của mình, vui khi bên nhau, vui trước cách mà thành phố có vẻ lấp lánh hơn trong những ngày chúng tôi không phải bận tâm chuyện trường lớp. Chúng tôi là những đứa trẻ thành thị đang học cách khám phá phạm vi sinh hoạt của mình.

Tôi rất thường chơi cùng một cô bạn cùng lớp tên Santita Jackson, người lên chuyến xe buýt Jeffery sau tôi chỉ vài trạm vào buổi sáng, cũng là người mà sau này trở thành một trong những người bạn thân thiết nhất của tôi thời trung học. Santita có đôi mắt đen tuyệt đẹp, đôi gò má đầy, và dù chỉ mới mười sáu tuổi, cô đã có dáng vẻ của một phụ nữ khôn ngoan. Ở trường, cô ấy là một trong những học sinh đăng ký tất cả các lớp nâng cao^[2] mà trường đưa ra và dường như đều hoàn thành xuất sắc. Cô ấy mặc váy khi mọi người đều mặc quần jeans, và cô có giọng hát trong và khỏe đến mức nhiều năm sau cô đi lưu diễn trong vai trò ca sĩ hát bè cho danh ca Roberta Flack. Cô cũng rất sâu sắc. Đây là điểm tôi thích nhất ở Santita. Giống như tôi, cô ấy có thể bông đùa khi chơi cùng một nhóm đồng người, nhưng khi một mình thì chúng tôi nghiêm túc và trở thành hai nữ triết gia nỗ lực giải quyết những vấn đề trong cuộc sống, dù lớn hay nhỏ. Chúng tôi dành hàng giờ nằm ườn trên sàn phòng ngủ của Santita ở tầng hai trong căn nhà kiểu Tudor màu trắng của gia đình cô ở Jackson Park Highlands, một khu vực giàu có hơn của vùng South Shore. Lúc đó chúng tôi nói với nhau về những thứ khiến mình khó chịu, bàn về định hướng cuộc đời cũng như những điều chúng tôi hiểu và chưa hiểu về thế giới. Santita là người bạn biết lắng nghe và sâu sắc, tôi cũng cố gắng trở thành một người bạn như vậy.

Cha của Santita là người nổi tiếng. Đó là một thực tế quan trọng và không thể né tránh về cuộc đời của cô. Cô là con gái lớn của mục sư Jesse Jackson, một nhà thuyết giáo đầy nhiệt huyết của dòng Tin Lành Báp-tít và một thủ lĩnh chính trị đang lên. Jesse Jackson làm việc kề cạnh với Martin Luther King Jr. và trở nên nổi bật khắp cả nước vào đầu thập niên 1970 trong vai trò nhà sáng lập tổ chức chính trị Operation PUSH, tổ chức hoạt động vì quyền lợi của người Mỹ gốc Phi bị đối xử bất công. Đến năm chúng tôi học trung học thì ông đã trở thành nhân vật vô cùng nổi tiếng - có sức hút, giao thiệp rộng và thường xuyên đi đó đây. Ông đi khắp nước Mỹ, mê hoặc đám đông bằng những hiệu triệu dậy sóng kêu gọi người da đen xóa bỏ hình ảnh khu ổ chuột thấp kém và giành lấy quyền lực chính trị bị bỏ quên bấy lâu. Ông rao giảng thông điệp về sự tự lực tự cường đầy kiên định và quyết tâm. Ông kêu gọi “Bỏ ma túy! Tăng hy vọng!”. Ông khiến học sinh chịu ký cam kết tắt ti-vi và dành hai giờ đồng hồ mỗi tối để làm bài tập. Ông khiến các bậc cha mẹ hứa làm hết vai trò của mình. Ông đẩy lùi cảm giác thất bại đang tràn lan khắp cộng đồng người Mỹ gốc Phi, thúc giục mọi người thôi than thân trách phận và hãy làm chủ vận mệnh của mình. Ông nói, “Không ai nghèo tới mức không thể tắt ti-vi hai giờ đồng hồ mỗi đêm!”.

Nhà của Santita rất thú vị. Đó là một nơi rộng rãi và hơi lộn xộn, là mái ấm của gia đình có năm đứa trẻ và chất đầy đồ nội thất thời Victoria cùng những món đồ cổ bằng thủy tinh mà mẹ của Santita, cô Jacqueline, thích sưu tập. Cô Jackson, cách tôi gọi mẹ của Santita, có trái tim chan hòa và giọng cười vang vọng. Cô mặc những bộ quần áo đáng rũ có màu sắc sắc sỡ và thường dọn món ăn lên chiếc bàn khổng lồ trong phòng ăn để thết đãi bất cứ người nào xuất hiện trong nhà, mà hầu hết là những người có liên quan đến cái mà cô gọi là “phong trào”. Những nhân vật này bao gồm những vị lãnh đạo doanh nghiệp, chính trị gia và nhà thơ, cộng với một nhóm những người nổi tiếng, từ ca sĩ cho tới vận động viên thể thao.

Khi Mục sư Jackson có ở nhà, ngôi nhà sẽ tràn ngập một thứ năng lượng khác. Những lễ thói sinh hoạt thường ngày bị gác sang một bên; các cuộc trò chuyện bên bàn ăn tối kéo dài đến tận khuya. Các vị cố vấn đến và đi. Luôn có kế hoạch nào đó được đem ra bàn bạc. Điều này rất khác với căn hộ của gia đình tôi ở Euclid, nơi cuộc sống diễn ra theo nề nếp và nhịp độ dễ đoán, nơi mà mỗi bận tâm của cha mẹ tôi ít khi nào nằm ngoài hạnh phúc và thành công của gia đình. Nhà Jackson dường như đang theo đuổi một điều gì đó to lớn hơn, phức tạp hơn và có

về có sức tác động hơn. Họ dẫn thân ra bên ngoài; họ hướng đến một cộng đồng lớn, họ mang một sứ mệnh trọng đại. Santita và các em của mình được nuôi dạy để trở thành những người có hiểu biết về hoạt động chính trị. Họ biết phải tẩy chay cái gì và bằng cách nào. Họ tham gia tuần hành để ủng hộ hoạt động của cha mình. Họ theo ông đi công tác đến những nơi như Israel và Cuba, New York và Atlanta. Họ đứng trên sân khấu, trước những đám đông khổng lồ và học cách tiếp nhận những âu lo và tranh cãi gắn liền với việc cha mình là người của công chúng, đặc biệt là khi đó còn là một người cha da đen. Mục sư Jackson còn có vệ sĩ - những người đàn ông vạm vỡ và lạng lẹ đi cùng với ông. Khi đó tôi chỉ mang máng hiểu là sự an toàn của ông bị đe dọa.

Santita yêu thương cha mình và tự hào về những gì ông đang làm, nhưng cô cũng tìm cách sống cuộc sống của riêng mình. Chúng tôi hết lòng ủng hộ việc củng cố sức mạnh của thể hệ trẻ da đen trên khắp nước Mỹ, nhưng chúng tôi cũng hết sức muốn tới khu thương mại Water Tower Place trước khi đợt hạ giá giày K-Swiss kết thúc. Chúng tôi thường đi nhờ hoặc mượn xe. Tôi sống trong gia đình một-xe có hai bậc phụ huynh đều đi làm, thế nên cơ may mượn được xe bên nhà Jackson sẽ cao hơn vì cô Jackson có một chiếc station wagon ốp gỗ và một chiếc xe thể thao cỡ nhỏ. Đôi khi chúng tôi quá giang nhân viên của chú Jackson hoặc những vị khách thường lui tới nhà họ. Đổi lại, chúng tôi không được chủ động. Đây chính là bài học đầu tiên mà tôi vô tình học được về đời sống chính trị: lịch trình và kế hoạch dường như không bao giờ diễn ra đúng như dự định. Ngay cả khi chỉ là một người ngoài cuộc đứng ở rìa cơn lốc, bạn vẫn có thể cảm nhận được vòng xoáy của nó. Santita và tôi thường phải chờ đợi cha cô luôn có những việc đột xuất cần xử lý - một cuộc họp kéo dài hơn dự kiến hay một chuyến bay còn đang bay vòng vòng trên sân bay - hoặc phải ghé qua hàng loạt điểm đến mới-phát-sinh trước khi đến được điểm đến cuối cùng. Chúng tôi nghĩ mình đang được đi nhờ từ trường về nhà hay đến trung tâm mua sắm, nhưng thay vào đó, chúng tôi lại dừng chân ở một cuộc tuần hành chính trị bên khu West Side hoặc mắc kẹt hàng giờ liền trong trụ sở của Operation PUSH tại Công viên Hyde.

Một ngày nọ, hai đứa chúng tôi ngẫu nhiên xuất hiện giữa đám đông đang biểu tình ủng hộ Mục sư Jesse Jackson tại Lễ diễu hành Bud Billiken. Cuộc diễu hành này được đặt theo tên của nhân vật Bud Billiken trong loạt truyện từng được đăng báo ngày xưa. Đây cũng là một trong những sự kiện truyền thống có quy mô nhất South Side, diễn ra vào tháng Tám hàng năm - với cơ man các dàn nhạc lễ và xe phước kéo dài gần ba cây số dọc theo đường Martin Luther King Jr., băng qua trung tâm khu vực sinh sống của người Mỹ gốc Phi, nơi trước kia từng có tên là Black Belt nhưng về sau đổi thành Bronzeville. Lễ diễu hành Bud Billiken là sự kiện thường niên kể từ năm 1929 và hướng đến lòng tự hào của người Mỹ gốc Phi. Nếu bạn là một nhà lãnh đạo cộng đồng hoặc chính trị gia, ít nhiều bạn phải có mặt và tham gia cuộc diễu hành này - đến tận ngày nay vẫn vậy.

Tôi không hề biết cơn lốc xoáy quanh cha của Santita bắt đầu tăng tốc. Chỉ còn vài năm nữa là Jesse Jackson chính thức tham gia tranh cử tổng thống Mỹ, nghĩa là ông có thể đã bắt đầu cân nhắc ý định này trong suốt thời gian tôi và Santita học trung học. Ngân sách được huy động. Các mối quan hệ cần được thiết lập. Tranh cử chức tổng thống, theo hiểu biết của tôi bây giờ, là một quá trình đòi hỏi mọi người liên quan phải dốc hết công sức. Bên cạnh đó, những chiến dịch tranh cử tốt thường cần nhiều sự sắp xếp và củng cố nền tảng - vốn có thể phải cần đến nhiều năm trời để hoàn thành. Với dự định tham gia tranh cử năm 1984, Jesse Jackson trở thành người Mỹ gốc Phi thứ hai trong lịch sử tổ chức vận động tranh cử một cách nghiêm túc, sau thất bại của nữ Hạ nghị sĩ Shirley Chisholm năm 1972. Tôi đoán là ông đã có phần nào suy tính về kế hoạch này vào thời điểm cuộc diễu hành diễn ra.

Điều mà tôi biết chính là cá nhân tôi không thích cảm giác khi xuất hiện ở ngoài kia, phơi mình dưới ánh mặt trời thiêu đốt, giữa những quả bóng bay, kèn tây, kèn trombone và một đám đông đang hò reo. Sự náo động này

cũng thú vị, thậm chí có thể khiến người ta say sưa, nhưng có điều gì đó về sự kiện này, và về chính trị nói chung, khiến tôi cảm thấy khó chịu. Một phần là vì tôi thích mọi thứ phải gọn gàng và có kế hoạch từ trước, và theo tôi biết thì dường như không có một chút gì gọi là ngăn nắp trong đời sống chính trị. Cuộc điều hành đó không nằm trong kế hoạch của tôi. Theo tôi nhớ thì Santita và tôi không hề có ý định tham gia. Chúng tôi bị lôi vào vào phút chót, có thể do cha hay mẹ của cô, hay ai đó trong phong trào đã kịp tóm lấy chúng tôi trước khi chúng tôi kịp hoàn thành dự định của mình. Nhưng tôi rất yêu quý Santita, và tôi cũng là đứa trẻ thường nghe lời dạy bảo của người lớn, thế nên tôi đã tham gia. Tôi đã liệu mình bước vào cái ồn ào, nóng bức và quay cuồng của Cuộc điều hành Bud Billiken.

Tối đó, tôi về nhà mình trên Đại lộ Euclid và thấy mẹ tôi đang cười to.

“Mẹ vừa thấy con trên ti-vi”, mẹ nói.

Bà xem bản tin thời sự và thấy tôi đang điều hành bên cạnh Santita - tôi vẫy tay, mỉm cười và bước theo mọi người. Tôi đoán lý do bà cười là vì bà cũng nhận ra sự khó chịu của tôi, nhận ra tôi có thể đã bị lôi vào một chuyện không mong muốn.

ĐẾN LÚC CHỌN TRƯỜNG ĐẠI HỌC, Santita và tôi đều thích các trường ở Bờ Đông. Santita đã đến trường Harvard để tìm hiểu, nhưng rồi phải thất vọng khi một cán bộ tuyển sinh tỏ ra khó chịu với cô về hoạt động chính trị của cha cô, trong khi cô ấy chỉ muốn người ta nhìn nhận bản thân cô. Tôi dành một cuối tuần để đến Princeton thăm anh Craig. Anh ấy có vẻ đã hòa mình vào một nhịp sống năng động - chơi bóng rổ, học hành và vui chơi ở một trung tâm dành riêng cho sinh viên thuộc nhóm thiểu số trong khuôn viên trường. Trường Princeton rất rộng và đẹp - một trường thuộc Ivy League thật sự có đây thường xuân^[3] bao phủ - và bạn bè của anh ấy có vẻ cũng tử tế. Tôi không nghĩ ngợi gì ngoài những chuyện này. Không ai trong gia đình tôi có nhiều trải nghiệm thực tế với trường đại học, nên tôi cũng không có nhiều điều để tranh luận hay tìm hiểu. Như xưa nay vẫn thế, tôi phát hiện tôi cũng thích những gì anh Craig thích, và bất cứ thứ gì anh ấy làm được thì tôi cũng sẽ làm được. Và vì thế, Princeton trở thành ngôi trường đứng đầu trong danh sách lựa chọn của tôi.

Đầu năm cuối cấp ở trường Whitney Young, tôi có buổi gặp gỡ bắt buộc đầu tiên với chuyên viên tư vấn tuyển sinh đại học của mình.

Tôi không có nhiều điều để kể về vị chuyên viên này, vì tôi đã cố tình và gần như ngay lập tức xóa bỏ ký ức về cuộc gặp gỡ hôm đó. Tôi không nhớ bà khoảng bao nhiêu tuổi, có màu da gì hay bà đã nhìn tôi như thế nào khi tôi xuất hiện trước cửa văn phòng của bà. Khi đó lòng tôi đang khấp khểnh tự hào vì sắp được tốt nghiệp với thành tích thuộc nhóm 10% học sinh xuất sắc nhất lớp, từng được bầu làm thủ quỹ của lớp, được gia nhập Hội Học sinh Ưu tú Quốc gia; và tôi đã xóa bỏ nhận định rằng tôi sẽ xuất hiện với dáng vẻ một cô nữ sinh lớp chín e dè. Tôi không nhớ bà xem xét bảng điểm của tôi trước hay sau khi tôi thông báo là mình muốn nổi gót anh trai vào trường Princeton mùa thu năm sau.

Thật ra, có thể trong cuộc gặp gỡ ngắn ngủi đó, giáo viên tư vấn đã nói với tôi vài điều tích cực và hữu ích, nhưng tôi không nhớ gì hết. Vì dù đúng hay sai thì tôi chỉ nhớ mãi một câu mà bà ấy thốt ra.

“Cô không chắc là em đủ khả năng học ở trường Princeton”, bà ấy vừa nói vừa trao cho tôi một nụ cười chiếu lệ và vẻ khinh thường.

Bà ấy đã phán xét chóng vánh và tùy tiện, hẳn là dựa trên một phép tính sơ sài nào đó về điểm số và kết quả thi của tôi. Tôi nghĩ đó là cách bà ấy vẫn làm mỗi ngày. Với dáng vẻ chuyên gia giàu kinh nghiệm, bà ấy nói với học sinh cuối cấp về việc nơi nào thích hợp và không thích hợp với họ. Tôi chắc là bà ấy nghĩ mình chỉ đang tỏ ra thực tế. Tôi không nghĩ bà ấy có chút đắn đo nào về cuộc trò chuyện giữa chúng tôi.

Nhưng như tôi đã nói, khi người ta liên tục bị gieo vào đầu cảm giác thất bại thì họ sẽ thất bại thật. Và tôi cảm thấy đó chính xác là điều mà bà ấy muốn làm - nói về thất bại trước khi tôi thử nỗ lực để thành công. Bà ấy nói tôi nên hạ mục tiêu xuống, một điều hoàn toàn trái ngược với những gì cha mẹ tôi dạy.

Nếu tôi tin lời bà ấy thì tuyên bố kia của bà hẳn đã bóp chặt sự tự tin của tôi một lần nữa và khơi dậy điệp khúc xưa cũ, chưa đủ giỏi, chưa đủ giỏi.

Nhưng ba năm nỗ lực cùng những đứa trẻ giàu tham vọng ở Whitney Young đã dạy tôi rằng tôi có khả năng nhiều hơn thế. Tôi sẽ không để ý kiến của ai đó đánh bật mọi điều mà tôi cho rằng tôi hiểu về bản thân mình. Thay vào đó, tôi thay đổi phương pháp thực hiện mục tiêu của mình. Tôi nộp hồ sơ vào Princeton và chọn thêm vài trường khác, nhưng hoàn toàn không cần thêm bất kỳ nhận định nào từ vị chuyên viên tư vấn tuyển sinh đó nữa. Tôi tìm sự giúp đỡ của một người thật sự hiểu tôi: thầy Smith, trợ lý hiệu trưởng và cũng là hàng xóm của tôi. Thầy đã nhìn thấy thể mạnh trong học tập của tôi và tin tưởng để tôi chăm sóc các con của thầy. Thầy Smith đồng ý viết cho tôi một lá thư giới thiệu^[4].

Tính đến nay, tôi rất may mắn được gặp đủ kiểu người phi thường và thành đạt - những nhà lãnh đạo thế giới, nhà phát minh, nhạc sĩ, phi hành gia, vận động viên, giáo sư, doanh nhân, nghệ sĩ, nhà văn, bác sĩ và các nhà nghiên cứu tiên phong. Một số (dẫu vẫn chưa đủ) trong số họ là phụ nữ. Một số (dẫu vẫn chưa đủ) là người da đen hoặc da màu. Một số được sinh ra trong nghèo khổ hoặc từng sống cuộc sống mà đối với nhiều người trong số chúng ta là nhiều nghịch cảnh đến mức bất công, nhưng họ vẫn sống như thể có được mọi lợi thế trên thế gian này. Điều mà tôi học được chính là: tất cả họ đều từng bị nghi ngờ. Vài người sẽ tiếp tục có một “bộ sưu tập” những kẻ chỉ trích và chuyên gia “bàn ra” - những người sẽ hét lên Tôi đã nói rồi mà mỗi khi họ phạm sai lầm hay vấp ngã. Sự phiền nhiễu đó sẽ không biến mất, nhưng những nhân vật thành công nhất mà tôi biết đã học cách sống chung với nó, cách hướng đến những người tin tưởng họ, và cách tiếp tục thực hiện mục tiêu của mình.

Ngày rời khỏi văn phòng tư vấn tuyển sinh tại Whitney Young, tôi giận sôi người. Cái tôi của tôi bị bầm dập hơn cả. Suy nghĩ duy nhất của tôi khi đó là Tôi sẽ chứng minh cho cô xem.

Nhưng sau đó tôi đã bình tĩnh lại và tiếp tục làm việc của mình. Tôi chưa bao giờ nghĩ vào đại học là chuyện dễ dàng, nhưng tôi đang học cách tập trung và đặt niềm tin vào câu chuyện của riêng mình. Tôi tìm cách trình bày tất cả những điều ấy vào bài luận tuyển sinh^[5] của mình. Thay vì giả vờ là một đứa cực kỳ trí tuệ và sẽ vô cùng phù hợp với môi trường bên trong những bức tường phủ đầy dây thường xuân của Princeton, tôi viết về chứng đa xơ của cha và việc cả nhà tôi không có ai được học lên cao. Tôi thừa nhận và làm chủ một thực tế là tôi đang vươn đến một điều nằm ngoài tầm với. Trong hoàn cảnh của mình, vươn lên chính là tất cả những gì tôi có thể làm.

Và cuối cùng, tôi nghĩ tôi đã chứng tỏ được cho vị giáo viên tư vấn tuyển sinh kia thấy năng lực của mình, vì sáu hay bảy tháng sau đó, một lá thư đã được gửi đến hộp thư nhà chúng tôi trên Đại lộ Euclid. Đó là thư mời tôi nhập học trường Princeton. Đêm đó, cha mẹ và tôi đã ăn mừng bằng một chiếc pizza do cửa hàng Italian Fiesta giao tận nhà. Tôi gọi cho anh Craig và khoe tin mừng. Hôm sau tôi gõ cửa nhà thầy Smith và báo về việc tôi trúng tuyển, cảm ơn thầy đã hết lòng giúp đỡ tôi. Tôi chưa bao giờ ghé qua chỗ cô chuyên viên tư vấn tuyển sinh kia để nói với bà là bà đã sai, rằng thực tế thì tôi hoàn toàn có khả năng vào Princeton. Làm như thế không đem lại lợi ích gì cho tôi hay bà ấy. Mà xét cho cùng thì tôi đâu cần phải chứng minh điều gì với bà ấy. Tôi chỉ cần chứng tỏ bản thân mà thôi.

MÙA HÈ NĂM 1981, cha lái xe chở tôi băng qua những xa lộ nối liền Illinois với New Jersey để tới Đại học Princeton. Nhưng đây không phải là một chuyến xe của cha và con gái như bình thường. Bạn trai tôi, David, cũng đi cùng. Tôi được mời tham gia chương trình định hướng kéo dài ba tuần vào mùa hè, một chương trình có mục đích nối liền khoảng cách giữa trung học và đại học, giúp một số tân sinh viên có thêm thời gian để thu xếp và hòa nhập vào môi trường mới. Tôi không biết chính xác chúng tôi được nhà trường nhận định như thế nào - phần nào trong hồ sơ nhập học của chúng tôi đã gợi ý với nhà trường là chúng tôi cần được hướng dẫn cách đọc đề cương chi tiết môn học hoặc cách đi lại giữa các tòa nhà trong khuôn viên trường. Nhưng hai năm trước anh Craig cũng đã tham gia chương trình này, và có vẻ đây là một việc hữu ích. Thế là tôi sửa soạn đồ đạc, tạm biệt mẹ và lên xe - hai mẹ con không hề có cảnh sụt sùi sụt nước mắt.

Một phần lý do khiến tôi hăm hở rời khỏi Chicago là vì vài tháng vừa qua tôi đã làm việc trong dây chuyền sản xuất tại một nhà máy đóng sách nhỏ ở trung tâm thành phố. Về cơ bản, nhiệm vụ của tôi là vận hành một khẩu súng bắn keo cỡ lớn - một công việc chán-muốn-chết lặp đi lặp lại suốt tám giờ đồng hồ một ngày, năm ngày mỗi tuần, và đóng vai trò là lời nhắc nhở mạnh mẽ nhất về việc đi học đại học quả là một ý kiến hay. Mẹ của David làm việc ở nhà máy đóng sách và đã giúp hai chúng tôi được nhận vào đây. Chúng tôi làm việc bên nhau suốt mùa hè, và điều này giúp cho giai đoạn cực khổ này trở nên dễ chịu hơn. David lớn hơn tôi hai tuổi, là một chàng trai thông minh, hiền lành, cao ráo và điển trai. Vài năm trước, David đã kết bạn với anh Craig trên sân bóng rổ ở Công viên Rosenblum khi tham gia các trận đấu ngẫu nhiên nhân dịp đến thăm họ hàng ở khu Euclid Parkway. Sau cùng, anh ấy bắt đầu hẹn hò với tôi. May là David theo học một trường đại học ở tiểu bang khác, nhờ vậy mà trong năm học tôi không bị phân tâm vì anh. Vào các kỳ nghỉ và suốt mùa hè, anh về nhà ở với mẹ tại khu vực phía tây nam Chicago và gần như ngày nào cũng lái xe đến đón tôi.

Tính tình David dễ chịu và có vẻ chín chắn hơn bất kỳ anh bạn trai nào tôi từng quen. Anh ngồi trên trường kỷ và cùng cha tôi xem các trận đấu bóng. Anh đùa giỡn với anh Craig và trò chuyện rất nhã nhặn với mẹ tôi. Chúng tôi bắt đầu có những lần hẹn hò đúng nghĩa - cùng ăn những bữa tối mà chúng tôi cho là sang trọng tại nhà hàng Red Lobster và đi xem phim với nhau. Chúng tôi hút thuốc và làm đủ trò trong xe của anh ấy. Lúc làm việc ở nhà máy đóng sách, chúng tôi miệt mài bắn keo, nói đủ thứ chuyện cho tới khi chẳng còn gì để nói nữa. Cả hai chúng tôi đều không thích thú gì công việc này, ngoài chuyện dành dụm tiền để đi học. Đẳng nào tôi cũng sẽ sớm rời khỏi khu phố và không có dự định quay lại nhà máy đóng sách. Và quả thật tôi đã khởi hành được một nửa - tâm trí tôi đã sớm hướng đến Princeton.

Thế là vào buổi tối đầu tháng Tám đó, khi bộ ba cha-con gái-bạn trai của con gái cuối cùng cũng rời Xa lộ 1 và rẽ vào đại lộ có hàng cây rợp bóng mát dẫn vào khuôn viên trường đại học, tôi đã hoàn toàn sẵn sàng. Tôi đã sẵn sàng kéo hai chiếc vali vào ký túc xá dành cho sinh viên học chương trình định hướng mùa hè, sẵn sàng đập tay chào hỏi những cô cậu sinh viên khác cũng ở khu đó (chủ yếu là sinh viên thuộc nhóm thiểu số và thu nhập thấp, cùng với vài vận động viên thể dục thể thao). Tôi đã sẵn sàng để ném thức ăn tập thể ở căng-tin, ghi nhớ bản đồ trường học và nghiên cứu tất cả các đề cương chi tiết môn học được cung cấp. Tôi đã đến nơi. Tôi đã ở đó. Tôi mười bảy tuổi, và cuộc đời của tôi đang diễn ra.

Chỉ có duy nhất một vấn đề, và đó là David, người bắt đầu trông có phần ủ ê ngay từ lúc chúng tôi vượt qua ranh giới bang Pennsylvania. Tôi nhận thấy anh ấy đã bắt đầu cảm thấy cô đơn khi chúng tôi khệ nệ lôi hành lý xuống xe. Chúng tôi hẹn hò với nhau đã được một năm. Chúng tôi đã thổ lộ tình cảm, nhưng đó là tình yêu trong

phạm vi Đại lộ Euclid, sân bóng rổ Công viên Rosenblum và nhà hàng Red Lobster. Đó là tình yêu ở nơi mà tôi vừa rời đi. Trong lúc cha tôi mất thêm vài phút như thường lệ để bước xuống xe và đứng vững nhờ hai cây gậy, David và tôi im lặng đứng cạnh nhau trong ánh hoàng hôn, quan sát thảm cỏ đẹp như viên kim cương không tì vết trước khu ký túc xá của tôi, vốn là một tòa lâu đài bằng đá. Tôi nghĩ khi đó cả hai chợt nhận ra rằng có những chuyện quan trọng chưa được bàn đến, rằng có lẽ chúng tôi có quan điểm khác nhau về việc đây là sự chia xa tạm thời hay là sự tan vỡ bởi xa mặt cách lòng. Chúng tôi sẽ đến thăm nhau chứ? Chúng tôi có viết thư tình cho nhau hay không? Chúng tôi sẽ nỗ lực cho mối quan hệ này đến mức nào?

David chân thành nắm tay tôi. Lòng tôi ngổn ngang. Tôi biết mình muốn gì nhưng không sao tìm được lời lẽ để diễn tả. Tôi đã hy vọng một ngày nào đó mình sẽ ngẩng ngẩng trước cảm xúc dành cho một người đàn ông, sẽ bị cuốn vào cơn sóng tình yêu mãnh liệt, thứ tạo nên những câu chuyện tình đẹp nhất. Cha mẹ tôi yêu nhau thuở còn niên thiếu. Cha tôi thậm chí còn đưa mẹ đến dự buổi vũ hội trung học. Tôi biết chuyện tình tuổi học trò đôi khi cũng là tình yêu đích thực và vững bền. Tôi muốn tin là có một người đàn ông sẽ xuất hiện và trở thành tất cả trong cuộc đời tôi - một người quyến rũ và kiên định, người có sức ảnh hưởng tức khắc và sâu sắc đến mức tôi sẵn sàng sắp xếp lại những mối ưu tiên của mình.

Chỉ là người đàn ông đó không phải chàng trai đang đứng trước mặt tôi lúc này.

Cuối cùng cha tôi cũng phá vỡ sự yên lặng giữa tôi và David bằng cách nói rằng đã đến lúc mang đồ đạc vào ký túc xá. Ông đã đặt trước một phòng nghỉ lại trong thị trấn cho ông và David. Họ định quay về Chicago vào hôm sau.

Tôi đã ôm cha thật chặt trong bãi đậu xe. Cánh tay ông vẫn luôn mạnh mẽ từ năm tháng tuổi trẻ dành cho môn quyền Anh và bơi lội, và giờ đây càng thêm rắn chắc vì phải chống gậy khi đi lại.

“Ngoan nhé, Miche”, ông nói và buông tôi ra, vẻ mặt không có gì khác ngoài lòng tự hào.

Sau đó ông quay vào xe, rất tinh tế trao cho tôi và David chút riêng tư.

Chúng tôi đứng bên nhau trên vệ đường, cả hai đều ngượng ngùng và không biết phải làm sao. Tim tôi rung lên vì cảm xúc khi David cúi xuống hôn tôi. Đây luôn là phần tốt đẹp.

Nhưng tôi vẫn biết. Tôi biết khi mình đang vòng tay ôm một chàng trai Chicago từ tế, người thật lòng quan tâm tôi, thì cách đó không xa chúng tôi vẫn có một con đường sáng đèn dẫn ra khỏi bãi xe, đi lên một ngọn đồi thấp để đến một khoảnh sân mà chỉ còn ít phút nữa thôi sẽ trở thành hoàn cảnh mới, thế giới mới của tôi. Lần đầu tiên tôi cảm thấy lo lắng về chuyện phải xa nhà, phải rời bỏ cuộc sống duy nhất mà tôi từng biết đến. Nhưng một phần nào đó trong tôi hiểu tốt hơn hết là hãy kết thúc gọn gàng và dứt khoát, không bám víu vào bất cứ điều gì. Ngày hôm sau, David gọi điện đến ký túc xá gặp tôi, hỏi xem chúng tôi có thể tranh thủ đi ăn hoặc đi dạo một vòng quanh trường trước khi anh về Chicago hay không. Tôi đã ngập ngừng nói về việc mình bận rộn ở trường đến thế nào, rằng tôi không nghĩ chuyện này sẽ có kết quả. Lời tạm biệt của chúng tôi đêm đó thật sự là lời chia tay. Lẽ ra khi đó tôi nên thẳng thắn nói với anh, nhưng tôi đã hèn nhát rút lui vì biết đó là những lời gây tổn thương, cho cả người nói lẫn người nghe. Thay vào đó, tôi chỉ để anh rời đi.

HÓA RA CÓ NHIỀU ĐIỀU MÀ TÔI CHƯA BIẾT về cuộc sống, hay ít nhất là cuộc sống ở trường Princeton vào đầu những năm 1980. Sau vài tuần tràn trề năng lượng trong vai sinh viên khóa hè, bao quanh bởi vài chục sinh viên khác cũng có vẻ dễ gần và có nhiều điểm giống mình, học kỳ mùa thu chính thức bắt đầu và một lượng sinh viên khổng lồ lũ lượt kéo vào trường. Tôi dọn sang ký túc xá mới, ở trong một phòng ba người ở Nhà Pyne. Sau đó, tôi nhìn qua ô cửa sổ phòng mình ở tầng ba để xem hàng ngàn sinh viên ứa vào khuôn viên trường, đa số

là người da trắng. Họ mang theo máy nghe nhạc, chăn lông ngỗng và một đồng quần áo. Một số đến trường bằng xe limo. Có một cô gái đã dùng hai chiếc limo - loại thân dài - để chở hết đồ đạc của mình.

Trường Princeton có lượng sinh viên da trắng áp đảo và rất đông nam sinh. Đó là một thực tế rõ ràng. Lượng nam sinh nhiều gấp đôi nữ sinh. Sinh viên da đen chiếm chưa tới 9% trong lớp tôi. Nếu trong khóa học hè chúng tôi bắt đầu có cảm giác mình thuộc về nơi này, thì giờ đây chúng tôi trở thành một dị biệt rõ rệt - những hạt mè đen trong một chén cơm trắng. Mặc dù trường Whitney Young ít nhiều cũng là môi trường đa dạng, nhưng tôi chưa từng gia nhập một cộng đồng có người da trắng chiếm đa số như ở đây. Tôi chưa bao giờ nổi bật giữa đám đông hoặc trong lớp học vì màu da của mình. Cảm giác đó thật kỳ lạ và khó chịu, ít nhất ban đầu là vậy, như thể tôi bị thả vào một khu vườn lạ lẫm, một môi trường sống không dành cho mình.

Nhưng rồi bạn sẽ học được cách thích nghi. Một số điều chỉnh là rất dễ dàng - gần như là nhẹ nhõm. Chẳng hạn như không mấy ai bận tâm về vấn đề tội phạm. Sinh viên không khóa cửa phòng, họ dựng xe đạp khời khời bên ngoài các tòa nhà, họ lơ đãng để bông tai bằng vàng trên bồn rửa phòng tắm ở ký túc xá. Đường như họ có niềm tin vô hạn vào thế giới và bước tiến của họ trong thế giới này hoàn toàn được đảm bảo. Đó là điều mà tôi phải tập làm quen. Tôi đã âm thầm bảo vệ tài sản của mình suốt những năm ngồi xe buýt đi học ở Whitney Young. Khi đi bộ về nhà trên Đại lộ Euclid vào buổi tối, tôi kẹp chặt chìa khóa giữa hai khớp ngón tay và chìa ra ngoài, sẵn sàng để tự vệ khi cần.

Tại Princeton, dường như thứ duy nhất tôi cần bận tâm chính là chuyện học hành. Mọi thứ còn lại đều được thiết kế để mang đến sự thoải mái tối đa cho sinh viên chúng tôi. Căng-tin phục vụ năm thực đơn khác nhau cho bữa sáng. Sân trường có những cây sồi tán rộng nơi chúng tôi thường ngồi đọc sách và những bãi cỏ xanh rì trải dài để chúng tôi giải tỏa căng thẳng bằng trò ném đĩa bay. Thư viện trung tâm trông như một thánh đường của cựu thế giới, với trần cao và những chiếc bàn gỗ sơn bóng, nơi chúng tôi có thể bày sách vở để ngồi học trong yên lặng. Chúng tôi được bảo vệ, che chở và chăm sóc. Tôi cũng nhận ra là có rất nhiều đứa trẻ chưa bao giờ biết đến điều gì khác trong đời.

Đi kèm tất cả những điều này là các từ vựng mới, những khái niệm mà tôi cần phải thành thạo. “Precept” (phương châm) là gì? “Reading period” (thời gian ôn tập) là gì? Trước đây, chưa ai giải thích cho tôi biết ý nghĩa của các tấm trải giường “siêu dài” trong danh sách các vật dụng cá nhân phải mang theo đến trường, điều đó đồng nghĩa với việc tôi đã mua bộ khăn trải giường quá ngắn, và do đó suốt cả năm nhất tôi phải ngủ với hai bàn chân gác lên phần nhựa của tấm đệm trên giường ký túc xá. Đặc biệt là có một sự khác biệt rõ về trải nghiệm học tập khi bàn đến thể thao. Tôi có nền tảng vững chắc về bóng bầu dục, bóng rổ và bóng chày, nhưng hóa ra học sinh dự bị đại học ở East Coast còn biết nhiều hơn thế. Trước hết là môn bóng vợt. Sau đó là khúc côn cầu trên cỏ. Rồi có cả môn bóng quần. Một đứa trẻ đến từ South Side có thể hơi bối rối trước tất cả những thứ này. “Cậu trong đội chèo^[1] hả?” Đội chèo là cái gì?

Tôi chỉ có duy nhất một lợi thế, cùng là lợi thế mà tôi vẫn luôn có từ hồi học mẫu giáo: tôi là em gái của Craig Robinson. Anh Craig giờ đây đang học năm ba và là một vận động viên hàng đầu trong đội bóng chính thức của trường. Vẫn như trước giờ, anh ấy có nhiều người hâm mộ. Thậm chí nhân viên bảo vệ của trường cũng chào anh ấy hân hạnh tên. Anh Craig có một cuộc sống sôi động, và tôi phần nào đã có mặt trong cuộc sống đó. Tôi quen biết các đồng đội của anh và bạn bè của bọn họ. Một đêm nọ tôi đi ăn tối với anh ở bên ngoài ký túc xá, tại một ngôi nhà cực kỳ tiện nghi của một trong những nhà tài trợ cho đội bóng. Trên bàn ăn đó, tôi đã bắt gặp một cảnh tượng lạ lẫm, một món ăn mà như rất nhiều món ăn khác ở Princeton đòi hỏi chúng ta phải học cách ăn sao cho lịch thiệp - một bông atisô lốm chốm màu xanh lá được đặt trên một chiếc đĩa sứ màu trắng.

Anh Craig đã tìm được chỗ ở cho suốt năm học. Anh nhận làm nhân viên chăm sóc tòa nhà để đổi lấy một phòng ngủ miễn phí ở tầng trên của tòa nhà Third World Center (Trung tâm thế giới thứ ba), một đơn vị trực thuộc trường Princeton với sứ mệnh tốt đẹp - dù tên gọi không được đẹp lắm - là hỗ trợ sinh viên da màu. (Mãi đến hai mươi năm sau Third World Center mới được đổi tên thành Carl A. Fields Center for Equality and Cultural Understanding (Trung tâm Tìm hiểu Văn hóa và Bình đẳng Carl A. Fields) - đặt theo tên vị hiệu trưởng người Mỹ gốc Phi đầu tiên của Princeton.) Trung tâm nằm trong một tòa nhà gạch đỏ tại một góc của Đại lộ Prospect. Đại lộ này cũng là nơi mà những vị trí đẹp nhất thuộc về các câu lạc bộ ẩm thực có trụ sở là những tòa nhà mang dáng dấp dinh thự hoặc theo phong cách Tudor. Câu lạc bộ ẩm thực có vai trò như hội nam sinh, là nơi sinh viên của trường đến ăn uống và giao lưu với nhau.

Third World Center - đa số sinh viên chúng tôi vẫn gọi tắt là TWC - nhanh chóng trở thành cứ địa của tôi. Đó là nơi tổ chức các bữa tiệc và các bữa ăn mà chúng tôi cùng nhau nấu nướng. Ở đó có các gia sư tình nguyện giúp đỡ sinh viên làm bài tập và có không gian để giao lưu kết bạn. Tôi đã nhanh chóng làm quen với một nhóm bạn trong khóa học hè, và nhiều người trong số chúng tôi đều đến TWC mỗi khi rảnh rỗi. Trong số họ có Suzanne Alele. Suzanne là một cô gái có dáng người cao gầy, đôi chân mày đậm và mái tóc dày đen óng gọn sóng sau lưng. Cô sinh ra ở Nigeria và lớn lên ở Kingston, quốc đảo Jamaica, nhưng sau đó gia đình cô đã dọn đến Maryland khi cô còn là thiếu niên. Có lẽ vì vậy mà cô ấy có vẻ không bị gò bó trong bất kỳ khuôn khổ văn hóa nào. Suzanne rất cuốn hút. Đó là một điều khó lòng cưỡng lại nổi. Cô ấy có nụ cười rất tươi và giọng nói mang chút âm điệu của vùng đảo, thứ âm điệu nhịp nhàng mà cô sẽ thể hiện rõ hơn mỗi khi mệt mỏi hoặc ngà ngà say. Suzanne có phong thái mà tôi gọi là sự hoạt bát của vùng Caribbean, một tinh thần vui tươi khiến cô nổi bật giữa đám một sách ở Princeton. Cô không ngại bước vào các bữa tiệc mà không quen biết một ai ở đó. Dù đang chuẩn bị vào trường y nhưng cô vẫn học làm gốm và các lớp dạy nhảy, đơn giản vì việc đó khiến cô vui vẻ.

Về sau, trong năm thứ hai đại học, Suzanne còn có một hành động liều lĩnh khác là quyết định “bicker” tại câu lạc bộ ẩm thực Cap and Gown - “bicker” là một động từ có ý nghĩa đặc thù tại Princeton, được dùng để chỉ việc sinh viên năm dưới tham gia sinh hoạt tại câu lạc bộ để được bình chọn làm thành viên mới. Tôi thích nghe những câu chuyện mà Suzanne kể lại từ những bữa tiệc mà cô tham gia ở các hội ẩm thực, nhưng không hứng thú lắm với “bicker”. Tôi cảm thấy vui với cộng đồng sinh viên da đen và sinh viên gốc châu Mỹ La-tinh mà tôi gặp gỡ tại TWC, hài lòng với việc ở bên lề của một xã hội rộng lớn hơn tại Princeton. Nhóm chúng tôi dẫu nhỏ nhưng đoàn kết. Chúng tôi tổ chức tiệc tùng và nhảy múa đến tận nửa đêm. Tại các bữa ăn, chúng tôi thường ngồi một bàn mười người hoặc hơn, thoải mái cười đùa cùng nhau. Các bữa ăn tối của chúng tôi kéo dài nhiều giờ, chẳng khác gì những bữa ăn có đủ mọi thành viên trong gia đình ở nhà ông Southside của tôi.

Tôi nghĩ những vị quản lý ở Princeton không mấy hài lòng với việc sinh viên da màu chỉ tụ tập với nhau. Mong muốn của họ là tất cả chúng tôi sẽ hòa nhập với nhau thành một tập thể đa dạng, củng cố toàn diện chất lượng đời sống sinh viên. Đó là một mục tiêu ý nghĩa. Tôi hiểu là khi đề cập tới sự đa dạng ở trường đại học, kết quả lý tưởng là những gì thường được thể hiện trong hồ sơ giới thiệu của trường - hình ảnh các sinh viên tươi cười, cùng nhau học tập và sinh hoạt trong những nhóm đa chủng tộc. Nhưng kể cả hiện tại, khi lượng sinh viên da trắng tiếp tục áp đảo sinh viên da màu ở các trường đại học, gánh nặng hòa nhập chủ yếu đặt trên vai các sinh viên thuộc nhóm thiểu số. Theo kinh nghiệm bản thân, tôi nghĩ đó là một đòi hỏi thái quá.

Ở Princeton, tôi cần những người bạn da đen của mình. Chúng tôi hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau. Rất nhiều người trong số chúng tôi vào đại học mà không biết bất lợi của mình là gì. Bạn chỉ dần dần nhận ra bạn bè của mình đã từng được luyện thi chứng chỉ SAT^[2] hoặc được dạy theo chương trình tương đương với trình độ đại học từ hồi

trung học, hoặc họ đã có kinh nghiệm học trường nội trú, và vì thế không phải đối mặt với những khó khăn khi phải xa nhà lần đầu. Chuyện này cũng giống như việc bạn bước lên sân khấu trong lần biểu diễn dương cầm đầu tiên trong đời và nhận ra từ trước đến nay bạn chỉ biết chơi một cây dương cầm có phím sứt mẻ. Thế giới của bạn thay đổi, và bạn buộc phải điều chỉnh để thích nghi, để trình diễn âm nhạc như tất cả những người khác.

Đương nhiên, điều này hoàn toàn khả thi - những sinh viên thuộc nhóm thiểu số và chịu nhiều thiệt thòi luôn phải vượt qua nghịch cảnh - nhưng họ phải cố nghị lực. Phải rất cố nghị lực ghê gớm thế nào mới có thể là một sinh viên da đen duy nhất trong giảng đường, là một trong số ít sinh viên da đen thử vai cho một vở kịch hoặc gia nhập một đội thể thao của trường. Bạn cần rất nhiều nỗ lực - và cả một sự tự tin nhiều hơn bình thường - để nói lên quan điểm và khẳng định bản thân trong những hoàn cảnh đó. Đó là lý do khi gặp nhau vào mỗi tối, tôi và bạn bè mình đều cảm thấy nhẹ nhõm phần nào. Chúng tôi thường ở lại bên nhau thật lâu để tận hưởng những tràng cười thoải mái.

Hai người bạn da trắng cùng phòng của tôi ở Nhà Pyne đều cực kỳ tử tế, nhưng tôi không có mặt ở ký túc xá thường xuyên để xây dựng bất cứ tình bạn khắng khít nào với họ. Trên thực tế, tôi chẳng có bao nhiêu bạn bè là người da trắng. Ngẫm lại, tôi nhận ra mình cũng có lỗi trong chuyện này. Tôi đã quá thận trọng. Tôi quanh quẩn trong những điều mình biết. Thật khó diễn tả thứ cảm giác mà đôi khi rất mơ hồ và khó diễn tả bằng lời, thứ cảm giác âm thầm và đau đớn của việc bạn không thuộc về nơi này - những dấu hiệu nhỏ mách bảo bạn chớ liều lĩnh mà hãy tìm những người giống mình và đừng manh động.

Cathy, một trong hai người bạn cùng phòng của tôi, nhiều năm sau này từng xuất hiện trên một bản tin và ngượng ngùng kể lại một chuyện mà hồi còn ở cùng phòng với nhau trong ký túc xá tôi đã không hề biết: mẹ của cô, một giáo viên quê ở New Orleans, đã khó chịu với việc con gái mình bị xếp ở cùng phòng với một người da đen tới mức bà liên tục yêu cầu nhà trường phải tách chúng tôi ra. Bà ấy cũng trả lời phỏng vấn về việc này, xác nhận câu chuyện đó và cung cấp thêm thông tin. Bà được sinh ra và lớn lên trong một gia đình thường sử dụng những từ ngữ tồi tệ nhất để nói về người da đen và có một người ông là cảnh sát trưởng hay khoe khoang về thành tích đuổi người da đen ra khỏi thị trấn, do đó bà cảm thấy “kinh sợ”, từ mà bà đã sử dụng, với chuyện tôi ở gần con gái của bà.

Tất cả những gì tôi biết vào lúc đó là vào khoảng giữa năm nhất, Cathy đã dọn khỏi phòng ba người của chúng tôi và chuyển sang một phòng đơn. Tôi mừng vì lúc đó mình đã không biết lý do.

GÓI HỌC BỔNG HỖ TRỢ HỌC TẬP của tôi tại Princeton bắt buộc tôi phải vừa học vừa làm, và tôi đã tìm được một công việc bán thời gian tốt: tôi được thuê làm trợ lý cho giám đốc của TWC. Tôi làm ở đó khoảng mười giờ đồng hồ một tuần, vào những lúc không có tiết học. Công việc của tôi là trực bàn cùng với Loretta, cô thư ký toàn thời gian, và đánh máy những ghi nhớ cần thiết, trả lời điện thoại, giải đáp thắc mắc và hướng dẫn cho những sinh viên muốn bỏ ngang một khóa học nào đó hoặc muốn đăng ký tham gia bếp ăn cộng đồng. Văn phòng nằm ở góc trước của tòa nhà, có các cửa sổ ngập nắng và mấy món đồ nội thất không đồng bộ với nhau mang đến cảm giác đây là một tư gia hơn là một công trình chính quy thuộc biên chế trường đại học. Tôi thích cảm giác khi được ở đó và được làm những công việc văn phòng. Tôi thích cảm giác thỏa mãn nho nhỏ mỗi khi sắp xếp xong một việc gì đó. Nhưng hơn hết thảy, tôi yêu quý chị sếp Czerny Brasuell của mình.

Czerny là một phụ nữ da đen thông minh và xinh đẹp. Chị chỉ mới xấp xỉ ba mươi tuổi và là một công dân New York nhanh nhẹn, năng động. Chị hay mặc quần jeans ống loe, mang giày mũi nhọn và dường như lúc nào cũng có bốn hay năm ý nghĩ gì đó trong đầu. Với sinh viên da màu ở Princeton, chị ấy là một cố vấn siêu cấp, một người bảo hộ cực kỳ sành điệu và trực tính, và vì thế chị rất được mọi người quý trọng. Trong văn phòng, chị đảm

nhiệm nhiều dự án khác nhau - vận động ban giám hiệu trường thực thi các chính sách hỗ trợ sinh viên thiểu số, đấu tranh cho từng sinh viên và nhu cầu của họ, đồng thời nghĩ ra những ý tưởng để cải thiện nơi làm việc của chúng tôi. Chị thường đến trễ, lao vào trung tâm trong lúc cầm một đồng giấy tờ, miệng phì phèo một điều thuốc và đeo túi xách một bên vai, vừa đi vừa ra lệnh tôi và Loretta. Ở bên cạnh chị quả là một trải nghiệm cực kỳ thú vị - tôi có được cái nhìn cận cảnh nhất mà mình từng có về một phụ nữ độc lập đang làm công việc mình say mê. Chị ấy là một người mẹ đơn thân. Tôi thường giúp chị trông Jonathan - đứa con trai đáng yêu và phát triển trước tuổi của chị.

Chị Czerny nhìn thấy tiềm năng nào đó nơi tôi, dù rõ ràng là tôi thiếu kinh nghiệm sống. Chị đối xử với tôi như với một người trưởng thành, chị hỏi ý kiến của tôi, chăm chú lắng nghe khi tôi mô tả nhiều mối bận tâm khác nhau cũng như những thủ tục hành chính phức tạp mà sinh viên băn khoăn. Chị có vẻ quyết tâm khơi dậy sự táo bạo trong tôi. Rất nhiều câu hỏi của chị bắt đầu bằng “Đã bao giờ...”. Chẳng hạn, “Đã bao giờ em đọc tác phẩm của James Cone chưa?”, “Đã bao giờ em thắc mắc về những đầu tư của Princeton ở Nam Phi chưa, hoặc chúng ta có thể làm gì nữa để tuyển thêm sinh viên thuộc nhóm thiểu số?”. Đa số các câu trả lời của tôi là chưa, nhưng một khi chị đã nhắc tới thì tôi lập tức hứng thú với vấn đề đó.

“Đã bao giờ em đến New York chưa?”, một ngày kia chị hỏi tôi.

Một lần nữa, câu trả lời của tôi là chưa, và chị Czerny nhanh chóng thay đổi thực tế ấy. Một sáng thứ Bảy, chúng tôi - gồm có tôi, nhóc Jonathan và một người bạn khác cũng làm việc tại TWC - lên xe của chị và để chị lái xe hết tốc lực về hướng Manhattan, vừa nói chuyện vừa đốt thuốc suốt chặng đường. Bạn có thể cảm thấy có điều gì đó được giải phóng khi chị ấy lái xe - một sự căng thẳng nào đó được tháo gỡ khi những trang trại nuôi ngựa có hàng rào trắng quanh Princeton nhường chỗ cho những xa lộ ngọt ngào, và sau đó là những tòa tháp cao chồm thành thị đang hiện ra trước mắt chúng tôi. New York là nhà của chị Czerny, như Chicago là nhà của tôi. Bạn không thật sự biết mình gắn bó với quê nhà đến mức nào, cho đến lúc bạn rời xa nơi đó, cho đến lúc bạn trải nghiệm cảm giác bị tách lìa, như một cái nút bần trôi nổi trên đại dương của chốn khác.

Chẳng mấy chốc chúng tôi đã ở trong nội thành đông đúc của New York, bị kẹt giữa dòng xe taxi màu vàng và tiếng còi xe inh ỏi trong lúc chị Czerny lái xe lao qua những chót đèn giao thông, chỉ chịu thắng gấp vào phút chót để dừng đèn đỏ. Tôi không nhớ chính xác chúng tôi đã làm gì hôm đó. Tôi chỉ biết chúng tôi đã ăn pizza. Chúng tôi tham quan Trung tâm Rockefeller, lái qua Công viên Trung tâm và nhìn thấy tượng Nữ thần Tự do với ngọn đuốc hy vọng giơ cao. Nhưng chúng tôi đến New York là có lý do. Chị Czerny dường như đang nạp lại năng lượng cho tâm hồn mình bằng cách hoàn thành danh sách những việc lặt vặt cần làm. Chị giao và nhận vài món đồ. Chị đậu xe ngay cạnh một chiếc xe khác trên các con phố tấp nập để chạy vào các tòa nhà rồi lại nhanh chóng chạy ra, dẫn đến những tràng kèn inh ỏi từ các tài xế khác, trong khi chúng tôi bắt lực ngồi chịu trận trong xe. New York khiến tôi choáng ngợp. Nó vội vã và ồn ào, kém kiên nhẫn hơn Chicago. Nhưng chị Czerny lại tràn ngập sinh khí, không chút lúng túng trước những khách bộ hành băng qua đường một cách ẩu tả và mùi nước tiểu cũng như những đồng rác bốc mùi bên vệ đường.

Khi đang liếc nhìn kính chiếu hậu để chuẩn bị tấp vào làn một lần nữa thì chị chợt đổi ý. Thay vì đậu xe, chị ra hiệu cho tôi - lúc này đang ngồi ở hàng ghế sau - trườn lên trước và nắm tay lái.

“Em có bằng lái mà đúng không?”, chị Czerny hỏi. Khi tôi vừa gật đầu xác nhận, chị nói luôn, “Ngon lành. Cầm lái đi. Em chỉ cần lái một vòng thật chậm quanh dãy nhà, hoặc hai vòng, rồi quay lại đây. Chị sẽ quay lại sau bốn, năm phút gì đó, hứa đó”.

Tôi nhìn chị Czerny như thể chị ấy đã hóa rồ. Tôi nghĩ chị *khùng* rồi nên mới cho rằng tôi có thể lái xe ở Manhattan. Tôi là một đứa tuổi teen, một kẻ xa lạ trong cái thành phố bất tuân luật lệ này, một đứa mà tôi cho là vừa thiếu kinh nghiệm vừa không có khả năng lái xe của chị, chứ đừng nói là lái xe chở con trai của chị đánh một vòng giết thời gian trên những con đường đông đúc của buổi chiều muộn. Nhưng sự chần chừ của tôi chỉ gợi lên một thứ ở chị Czerny, thứ mà về sau tôi đã luôn gắn nó với con người New York - đó là bản năng tức thời đẩy lùi những suy nghĩ vụn vặt. Chị phóng ra khỏi xe, chẳng cho tôi lựa chọn nào khác ngoài việc phải cầm lấy tay lái. Dừng dè dặt nữa và hãy tận hưởng cuộc sống một chút đi, đó chính là thông điệp của chị Czerny.

LÚC BẢY GIỜ TÔI ĐANG CẮM ĐẦU VÀO HỌC. Tôi học hành rất bài bản, nỗ lực hết sức trong lớp, tự học trong căn phòng yên tĩnh tại TWC hoặc tại phòng tự học ở thư viện. Tôi học cách viết hiệu quả, cách suy nghĩ phản biện. Tôi vô tình đăng ký một lớp thần học nâng cao khi chỉ đang học năm nhất và phải vất vả để theo kịp chương trình, cuối cùng tôi phải dốc toàn lực vào bài thi cuối kỳ để cứu vớt điểm số của mình. Quá trình đó chẳng hay ho gì, nhưng tôi cảm thấy được khích lệ vì nó là bằng chứng cho việc tôi có khả năng vượt qua gần như mọi thử thách. Vì biết mình vẫn còn nhiều khiếm khuyết do đến từ một trường trung học ở vùng Midwest, nên tôi luôn cố bù đắp bằng cách nỗ lực nhiều hơn, hỏi xin sự trợ giúp khi cần, học cách điều chỉnh nhịp độ và không bao giờ trì hoãn.

Thế nhưng, một đứa trẻ da đen trong môi trường phần lớn là học sinh da trắng khó lòng tránh được cảm giác bị đối xử khác biệt. Bạn gần như có thể đọc được sự thận trọng trong cách nhìn của một số sinh viên và thậm chí cả giảng viên, như thể họ muốn nói, “Tôi biết tại sao em/bạn ở đây”. Những khoảnh khắc đó có thể khiến tôi suy sụp tinh thần, ngay cả khi tôi biết một phần là do tôi tưởng tượng chứ không có thật. Nó gieo vào tâm trí tôi mầm mống của sự nghi ngờ. Có phải tôi có mặt ở đây chỉ vì một thể nghiệm xã hội nào đó?

Tuy vậy, tôi dần hiểu ra là chỉ tiêu tuyển sinh có rất nhiều dạng khác nhau. Là nhóm thiểu số, chỉ tiêu của chúng tôi là dễ nhận thấy nhất, nhưng rõ ràng là có những tiêu chí đặc biệt được đặt ra để tuyển đủ loại sinh viên có điểm số hoặc thành tích học tập không đáp ứng tiêu chuẩn thông thường. Khó mà gọi đó là một chế độ dựa trên năng lực học tập. Chẳng hạn như có những vận động viên được đặc cách nhập học. Rồi có những sinh viên thuộc dạng con ông cháu cha, hoặc là thành viên của những gia tộc đã góp phần xây dựng một công trình, một ký túc xá hoặc một thư viện trong trường. Tôi cũng nhận ra rằng sự giàu có không bảo bọc ai trước sự thất bại. Tôi chứng kiến các sinh viên xung quanh mình đang kiệt sức - dù là da trắng hay da đen, có hay không có đặc quyền. Một số sa đà vào những bữa tiệc tùng hàng đêm, số khác bị vui dập bởi gánh nặng phải đáp ứng một thành tích học tập lý tưởng nào đó, và một số thì chỉ đơn giản là quá lười hoặc cảm thấy không hợp với khả năng của mình nên phải rời đi. Đối với tôi, nhiệm vụ của tôi là phải vững vàng, đạt thành tích tốt nhất có thể và hoàn tất chương trình học.

Sang năm hai, khi Suzanne và tôi cùng dọn sang một phòng đôi, tôi đã học được cách xoay xở tốt hơn. Tôi đã quen hơn với việc mình là một trong số ít những sinh viên da màu giữa giảng đường đông nghẹt. Tôi cố gắng không cảm thấy bị lép vế khi nam sinh áp đảo trong các cuộc thảo luận trên lớp, mà chuyện này thì khá phổ biến. Khi nghe họ nói, tôi nhận ra họ cũng không thông minh gì hơn chúng tôi. Họ chỉ được bơm thêm sự mạnh dạn nhờ tư tưởng cổ hủ của kẻ mạnh, thứ được duy trì đến ngày nay vì họ chưa từng được dạy bất kỳ điều gì khác.

Một số người bạn của tôi cảm nhận sự khác biệt rõ hơn tôi. Cậu bạn Derrick nhớ là các sinh viên da trắng đã từ chối nhường đường khi cậu ấy đi cùng lối với họ. Một cô gái khác mà chúng tôi quen đã rủ sáu người bạn đến phòng ký túc xá vào một đêm nọ để mừng sinh nhật, và họ nhanh chóng bị dẫn tới phòng trường khoa vì cô bạn da trắng cùng phòng rõ ràng là không cảm thấy thoải mái khi có “những gã da đen to con” trong phòng mình. Tôi nghĩ số lượng sinh viên nhóm thiểu số chúng tôi tại Princeton là quá ít ỏi nên sự hiện diện của chúng tôi luôn gây

chú ý. Về cơ bản, tôi xem thực tế này là một mệnh lệnh cho bản thân để trở nên giỏi giang hơn, để làm mọi điều tôi có thể nhằm bắt kịp, hoặc thậm chí là vượt lên, những người có nhiều lợi thế hơn mình. Cũng như chuyện đã xảy ra ở Whitney Young, sự cố gắng hết mình của tôi một phần đến từ cảm giác muốn chứng tỏ bản thân. Nếu hồi trung học tôi cảm thấy như mình đang đại diện cho khu phố nhà tôi, thì giờ đây ở Princeton, tôi đang đại diện cho chủng tộc của mình. Bất cứ khi nào khẳng định được tiếng nói của mình trong lớp hay hoàn thành tốt một kỳ thi, tôi lặng lẽ hy vọng rằng mình đã góp phần vào một điều gì đó to lớn hơn.

Tôi nhận ra Suzanne không phải là một người cả nghĩ. Tôi đặt cho cô ấy biệt danh Screwzy vì cách cô nàng sử dụng thời gian một cách không hiệu quả và lòng vòng. Đa số những quyết định của cô - về việc hẹn hò cùng ai hoặc học môn nào - chủ yếu đều căn cứ vào mức độ vui vẻ mà lựa chọn đó mang lại. Và khi không còn gì vui nữa thì Suzanne nhanh chóng đổi hướng. Trong khi tôi tham gia Tổ chức Đoàn kết Người da đen và thường ở quanh quán tại TWC thì Suzanne lại tham gia điền kinh và quản lý đội bóng bầu dục hạng nhẹ, cô thích thú vì công việc này giúp cô được ở gần những anh chàng vận động viên dễ thương. Qua câu lạc bộ âm thực, cô có những người bạn da trắng giàu có, trong đó có cả một diễn viên thiếu niên thực thụ và một sinh viên từ châu Âu mà theo lời đồn là công chúa hoàng gia. Gia đình tạo sức ép để Suzanne theo đuổi ngành y, nhưng cuối cùng cô cũng từ bỏ vì nhận ra ngành này không có gì vui. Có lúc cô từng bị xếp vào nhóm sinh viên có nguy cơ bị đuổi học vì điểm số thấp, nhưng tới cả chuyện đó cũng chẳng khiến cô mấy bận tâm. Tôi và cô lúc nào cũng như hình với bóng dù hai cá tính trái ngược nhau. Căn phòng ký túc của chúng tôi là một sự đối nghịch giữa hai cách sống, khi Suzanne có thể ngồi giữa đồng áo quần bị vứt bừa bãi và giấy tờ nhàu nát, còn tôi ngồi trên chiếc giường với mọi thứ xung quanh được sắp xếp gọn gàng và ngăn nắp.

Đôi khi tôi buộc phải dẹp sự lộn xộn của Suzanne sang một bên thì mới tập trung suy nghĩ được. Đôi khi tôi muốn hét toáng vào mặt cô nhưng thật sự thì tôi chưa bao giờ làm vậy. Suzanne sống đúng với bản chất của mình. Cô ấy sẽ không thay đổi. Khi hết chịu nổi, tôi sẽ mang đồng bừa bộn của cô lên giường cô mà không nói lời nào.

Giờ đây tôi lại thấy Suzanne đã giúp tôi thức tỉnh theo một cách tích cực, cô giúp tôi nhận ra không phải ai cũng cần dán nhãn hay xếp các tập tài liệu của mình theo thứ tự bảng chữ cái, hoặc thậm chí là không cần sắp xếp chúng thành tập. Nhiều năm sau, tôi yêu một anh chàng, mà cũng giống Suzanne, anh ấy chất đồ đạc thành từng đống và không bao giờ cảm thấy phải xếp quần áo, không bao giờ. Nhưng nhờ Suzanne mà tôi có thể chung sống với điều này. Tôi vẫn chung sống với anh chàng ấy đến ngày hôm nay. Đó là điều mà một kẻ ưa kiểm soát học được bên trong thế giới của trường đại học, có lẽ cũng là điều quan trọng nhất: đơn giản là chúng ta có nhiều cách sống khác nhau.

MỘT NGÀY NỌ chị Czerny hỏi tôi, “Đã bao giờ em nghĩ đến chuyện tổ chức chương trình học thêm sau giờ học cho trẻ con chưa?”.

Tôi đoán câu hỏi ấy xuất phát từ lòng trắc ẩn của chị. Theo thời gian, tôi đã rất thân thiết với cậu bé Jonathan, giờ đây đã vào lớp một, đến mức tôi dành rất nhiều buổi chiều để dạo quanh Princeton cùng với bé, hay cùng song tấu trên cây dương cầm lên dây sai bét ở TWC, hoặc cùng nhau đọc sách trên một chiếc ghế xập xệ. Chị Czerny có trả thù lao cho tôi cho toàn bộ chỗ thời gian này, nhưng dường như chị nghĩ như thế là chưa đủ.

“Chị nghiêm túc đó. Chị biết rất nhiều người làm việc ở khoa luôn muốn tìm kiếm dịch vụ chăm sóc trẻ ngoài giờ. Em có thể làm việc này bên ngoài. Cứ thử xem sao”, chị giải thích.

Nhờ công quảng cáo truyền miệng của chị Czerny, chẳng bao lâu tôi đã có một nhóm ba hay bốn đứa trẻ để chăm sóc. Chúng là con của các nhân viên hành chính và giáo viên da đen tại Princeton, những người cũng thuộc một nhóm thiểu số nổi bật khác, và cũng như tôi, họ thường tìm đến TWC. Vài buổi chiều trong tuần, sau giờ tan

tầm của trường tiểu học, tôi cho các em ăn các món ăn nhẹ tốt cho sức khỏe và cùng chạy chơi với các em trên cỏ. Nếu các em có bài tập về nhà, chúng tôi sẽ cùng nhau làm.

Với tôi, thời gian trôi rất nhanh. Ở cạnh các em nhỏ mang đến cho tôi sự thanh lọc tuyệt vời, xóa hết những căng thẳng trong trường lớp, buộc tôi phải thôi suy nghĩ và tập trung vào hiện tại trước mắt. Hồi còn nhỏ, tôi từng dành cả ngày để chơi trò “làm mẹ” của những em búp bê, giả vờ là mình biết cách cho chúng mặc quần áo và ăn uống, chải tóc cho chúng và nhẹ nhàng dán băng y tế vào đầu gối bằng nhựa của chúng. Giờ đây tôi đang làm công việc đó trong thực tế và phát hiện quá trình này phức tạp hơn rất nhiều, nhưng không vì thế mà kém thú vị hơn những gì tôi đã hình dung. Tôi thường về ký túc xá sau vài giờ ở cùng với bọn trẻ, mệt nhưng vui.

Khoảng mỗi tuần một lần, nếu có thời gian yên tĩnh, tôi sẽ lấy điện thoại và gọi về nhà mình trên Đại lộ Euclid. Nếu cha làm ca sớm, tôi sẽ gọi lại vào lúc chiều muộn để gặp ông khi ông đang ngồi gác chân trên chiếc ghế dựa trong phòng khách, xem ti-vi và chờ mẹ tôi đi làm về - đó là cảnh mà tôi tưởng tượng trong đầu mình. Mẹ tôi thường là người nghe máy vào buổi tối. Tôi kể cho cha mẹ nghe về cuộc sống ở trường đại học một cách chính xác đến từng chi tiết. Tôi kể hết những điều mình quan sát được - từ việc tôi không ưa giảng viên môn tiếng Pháp, những trò nghịch ngợm của bọn trẻ con trong lớp giữ trẻ sau giờ học của mình, cho đến thực tế là Suzanne và tôi đều cùng say nắng một anh chàng sinh viên người Mỹ gốc Phi học khoa công nghệ, người có đôi mắt xanh lá tuyệt đẹp và dường như không hề biết tới sự tồn tại của chúng tôi dù chúng tôi dõi theo nhất cử nhất động của anh ấy.

Cha tôi cười khi nghe mấy câu chuyện của tôi. Ông sẽ nói, “Thật vậy à?”, “Vây còn chuyện kia thì sao?” và “Anh chàng kỹ sư đó có thể không xứng với hai đứa bọn con đâu”.

Khi tôi nói xong, ông sẽ tóm tắt chuyện trong nhà. Ông bà nội đã về lại quê hương của ông Dandy ở Georgetown, South Carolina, và theo lời cha thì bà Grandma cảm thấy hơi cô đơn. Cha kể mẹ đang phải làm thêm giờ để có tiền lo cho bà Robbie, người giờ đây đã ngoài bảy mươi, góa bụa và vất vả đương đầu với một loạt vấn đề về sức khỏe. Ông chưa bao giờ kể về những vất vả của bản thân, nhưng tôi biết chúng vẫn hiện diện. Một lần nọ, khi anh Craig có trận đấu ở sân nhà Princeton, cha mẹ tôi cùng lái xe đến trường để xem. Khi đó tôi đã có cái nhìn đầu tiên về những thay đổi hiện tại của cha mẹ - những điều chưa bao giờ được nhắc tới qua điện thoại. Sau khi đỗ xe vào bãi đậu xe lớn của Cung thể thao Jadwin, cha tôi miễn cưỡng ngồi vào xe lăn và để mẹ đẩy ông vào trong.

Tôi gần như không muốn nhìn thấy những chuyện đang xảy ra với ông. Tôi không thể chịu đựng nổi. Tôi đã tìm hiểu đôi chút về chứng đa xơ cứng trong thư viện trường Princeton, tôi sao chép các bài báo cáo y khoa để gửi cho cha mẹ. Tôi cố nhấn mạnh việc họ cần tìm gặp chuyên gia hoặc đăng ký để cha tập vật lý trị liệu, nhưng họ - mà chủ yếu là cha tôi - không muốn nghe bất cứ điều gì liên quan tới chuyện đó cả. Trong tất cả những giờ đồng hồ chúng tôi trò chuyện qua điện thoại khi tôi còn học đại học, sức khỏe của ông chính là chủ đề không bao giờ ông đã động tới.

Nếu tôi có hỏi ông cảm thấy ra sao, câu trả lời sẽ luôn là “Cha khỏe”. Và chỉ có thế.

Giọng nói của cha đã trở thành nguồn an ủi động viên cho tôi. Giọng của cha không có biểu hiện gì của sự đau đớn hay tủi thân, mà chỉ có sự khô khan, nhẹ nhàng và một chút chất jazz. Tôi sống với giọng nói ấy như thể nó là dưỡng khí. Nó giúp tôi sống tiếp, và nó luôn đủ sức làm được điều đó. Trước khi cúp máy, lúc nào ông cũng hỏi tôi có cần thêm gì hay không - tiền chẳng hạn - và tôi luôn trả lời là mình không cần gì thêm.

DẦN DẦN, “NHÀ” TRONG TÔI CÓ CẢM GIÁC NGÀY CÀNG XA XÔI, gần giống một nơi chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của tôi. Trong thời gian học đại học, tôi giữ liên lạc với một vài người bạn thời trung học, đặc biệt là Santita, người đã trúng tuyển vào Đại học Howard ở Washington, D.C. Tôi đã dành cả một dịp cuối tuần để đến Howard thăm cô ấy. Chúng tôi cười đùa và có những cuộc chuyện trò nghiêm túc, như xưa nay vẫn vậy. Trường Howard nằm trong nội thành và có lượng sinh viên gấp đôi so với Princeton, chủ yếu là người da đen. “Cô gái, cậu vẫn ở quê nhà nè!”, tôi ghẹo Santita khi nhìn thấy một con chuột cống chạy vèo qua chỗ chúng tôi đang đứng bên ngoài ký túc xá của cô. Tôi ghen tị với việc Santita không bị cô lập vì màu da - cô ấy không phải cảm nhận sự cạnh tranh năng lượng mỗi ngày khi là thành viên của một nhóm thiểu số nổi bật - nhưng rồi tôi vẫn hài lòng khi quay về với những thảm cỏ xanh ngọc bích và mái vòm bằng đá cao vút của Princeton, dù ở đó không mấy ai có hoàn cảnh giống tôi.

Tôi theo chuyên ngành xã hội học và gặt hái được điểm số cao. Tôi bắt đầu hẹn hò với một cầu thủ bóng đá vừa thông minh vừa ngẫu hứng, một anh chàng thích mấy chuyện vui vẻ. Suzanne và tôi hiện đang ở chung phòng với một người bạn khác, Angela Kennedy, một cô gái nhanh nhẹn nhanh miệng và có giọng sang sảng đến từ Washington, D.C. Angela có đầu óc tinh ranh và thích bày trò để chọc cười chúng tôi. Mặc dù là một cô gái da đen thành thị, nhưng cô ấy ăn mặc như một học sinh trung học vừa đi thử vai diễn - cô phối giày saddle^[1] kiểu dáng nam tính cùng áo len màu hồng, và bằng cách nào đó vẫn khiến chúng trông hài hòa với nhau.

Tôi đến từ một thế giới hoàn toàn khác với thế giới mà tôi đang sống, nơi mà người ta lo lắng về điểm LSAT^[2] và kết quả những trận bóng quần. Đó là một áp lực khó lòng biến mất. Ở trường, khi có ai hỏi tôi từ đâu đến, tôi đáp, “Chicago”. Và để làm rõ việc tôi không phải một trong những đứa trẻ đến từ vùng ngoại ô phía bắc giàu sang như Evanston hay Winnetka và ba hoa những điều trập lất về Chicago, tôi sẽ nói thêm, với một cảm giác tự hào và có thể còn có cả chút khiêu khích, “vùng South Side”. Tôi biết nếu những từ “vùng South Side Chicago” có gợi lên điều gì, thì hẳn đó sẽ là những hình ảnh rập khuôn về khu ổ chuột của người da đen, vì người ta thường xuyên nhìn thấy tình trạng giao chiến giữa các băng đảng và vấn đề bạo lực gia đình ở vùng này trên bản tin truyền hình. Nhưng tôi vẫn cố hết sức để thể hiện một hình ảnh khác, dù chỉ là trong vô thức. Tôi thuộc về Princeton, xứng đáng như bất cứ người nào khác. Và tôi đến từ vùng South Side của Chicago. Tôi cảm thấy phải nói ra điều đó.

Với tôi, South Side là một nơi hoàn toàn khác với những gì được chiếu trên truyền hình. South Side là nhà. Và nhà là căn hộ của chúng tôi trên Đại lộ Euclid, với tấm thảm trải sàn đã bạc màu và trần nhà thấp, là nơi cha tôi thường ngả lưng thư giãn trên chiếc ghế bành của ông. Nhà là khoảnh sân nhỏ có những đóa hoa rộ nở của bà Robbie và chiếc ghế đá nơi mà có vẻ như cách đây đã rất lâu, tôi từng hôn chàng trai Ronnell của mình. Nhà là quá khứ của tôi, là nơi được gắn kết với vị trí hiện tại của tôi bằng những sợi tơ mỏng tang.

Chúng tôi có một người họ hàng ở Princeton, đó là em gái của ông Dandy, người mà chúng tôi gọi là bà Sis. Bà là một phụ nữ đơn giản và hoạt bát sống trong một căn nhà cũng đơn giản và tươi sáng ở rìa thị trấn. Tôi không biết điều gì đã đưa đẩy bà Sis tới Princeton, nhưng bà đã ở đây từ lâu. Bà nhận giúp việc cho các gia đình trong vùng và không bao giờ đánh mất chất giọng vùng Georgetown của mình, cái chất giọng lai giữa kiểu nói chuyện lề nhè vùng Low Country và nét nhịp nhàng của tiếng Gullah. Giống như ông Dandy, bà Sis lớn lên ở Georgetown - nơi mà tôi còn nhớ được sau vài lần đến đây nghỉ hè cùng cha mẹ hồi tôi còn bé. Tôi nhớ cái nóng hừng hực nơi đó, nhớ dây thiết lan xanh um như những tấm rèm dày treo trên những cây sồi thường xanh^[3], nhớ những cây bách

mọc lên từ đầm lầy và mấy ông cụ câu cá bên những lạch nước bùn lầy. Ở Georgetown còn có côn trùng, nhiều tới mức đáng báo động, và chúng sẽ vo ve giữa trời chiều như những chiếc trực thăng tí hon.

Mỗi khi đến Georgetown, chúng tôi ở nhà ông Thomas, một người anh em khác của ông Dandy. Ông Thomas là hiệu trưởng khả kính của một trường trung học, là người đã dắt tôi đến trường và cho tôi ngồi vào bàn làm việc của ông, cũng là người luôn sẵn sàng mua cho tôi lọ bơ đậu phộng khi thấy tôi có vẻ không thích những bữa ăn sáng hoành tráng với thịt xông khói, bánh quy và bột bắp vàng mà bà Dot, vợ ông, chuẩn bị cho chúng tôi mỗi sáng. Tôi vừa yêu vừa ghét cuộc sống ở miền Nam, đơn giản vì nơi này quá khác với những nơi tôi biết. Trên những con đường bên ngoài thị trấn, chúng tôi lái xe ngang qua các cửa ngõ dẫn đến nơi trước kia từng là đồn điền do nô lệ canh tác, nhưng đó là một thực tế không ai muốn nhắc tới nữa. Đi tới một con đường đất tro tro giữa rừng, chúng tôi ăn thịt nai trong túp lều xập xệ của vài người anh chị em họ xa. Một người trong số họ đã kéo anh Craig ra và chỉ anh ấy cách bắn súng. Khi đã về lại nhà bác Thomas vào lúc đêm muộn, cả hai chúng tôi đều trần trọc khó ngủ vì sự yên lặng tịch mịch chỉ thỉnh thoảng mới bị gián đoạn bởi tiếng ve đập cánh trên cây.

Ngay cả khi chúng tôi về lại nhà mình ở phía bắc, tiếng côn trùng vo ve và những nhánh cây xoắn vào nhau của cây sồi thường xanh vẫn còn in đậm trong tâm trí chúng tôi suốt một quãng thời gian dài, hòa nhịp với cuộc sống của chúng tôi như một trái tim thứ hai. Kể cả khi tôi còn bé, trực giác đã cho tôi biết miền Nam được gắn chặt trong tôi, là một phần di sản mà tôi được kế thừa. Đó là thứ di sản đủ ý nghĩa để cha tôi vẫn quay về thăm những người họ hàng của mình, đủ mạnh mẽ để ông Dandy muốn về sống tại Georgetown, cho dù lúc còn trẻ ông đã cảm thấy cần phải rời khỏi nơi đó. Và khi đã thật sự quay về, ông không tìm thấy một mái tranh an nhàn bên sông với hàng phen trắng và khoảnh sân nhỏ sau nhà, mà thay vào đó là một ngôi nhà hộp tro tro gần một dãy phố buôn bán đông đúc (như tôi đã nhìn thấy lúc hai anh em tôi về thăm ông).

Miền Nam không phải là thiên đường, nhưng miền Nam có ý nghĩa đặc biệt với người da đen chúng tôi. Nơi đây là quê hương thân thuộc của người da đen, là lịch sử sâu xa, xấu xí và đau buồn mà người da đen chúng tôi luôn giằng co, nửa muốn quay về, nửa muốn chối bỏ. Nhiều người tôi biết ở Chicago - những đứa trẻ học cùng tôi ở Bryn Mawr, những người bạn ở Whitney Young - cũng nhận ra điều tương tự, chỉ là chúng tôi không nói về chuyện đó một cách rõ ràng. Bọn trẻ chỉ đơn giản “xuống miền Nam” mỗi mùa hè, đôi khi là được “gửi lại” suốt mùa hè để cùng chơi với mấy anh chị em họ xa ở Georgia, Louisiana hay Mississippi. Thường thì chúng có ông bà hoặc những người họ hàng khác từng tham gia Cuộc đại di dân về phía bắc, như ông Dandy đã di cư từ South Carolina, hay mẹ của ông Southside từ Alabama. Đâu đó trong nhân thân của họ, có lẽ họ cũng giống tôi: là con cháu của những người nô lệ da đen.

Nhiều bạn bè khác của tôi ở Princeton cũng có hoàn cảnh tương tự, nhưng tôi cũng bắt đầu hiểu là cuộc sống của người da đen ở Mỹ có rất nhiều phiên bản. Tôi gặp gỡ những sinh viên đến từ những thành phố ở vùng East Coast, những người có gốc gác từ Puerto Rico, Cuba hay Dominica. Họ hàng của chị Czerny đến từ Haiti. Một người bạn tốt của tôi, David Maynard, được sinh ra trong một gia đình khá giả ở Bahamas. Còn Suzanne thì sinh ra ở Nigeria và có một “bộ sưu tập” những người di dân đến ở Jamaica. Tất cả chúng tôi đều khác nhau, dòng dõi chúng tôi bị chôn giấu một nửa, hoặc có thể chỉ là bị quên lãng một nửa. Chúng tôi không nói với nhau về tổ tiên. Nói để làm gì? Chúng tôi còn trẻ và đang tập trung vào tương lai, dù dĩ nhiên chúng tôi cũng chẳng biết điều gì đang chờ đợi mình phía trước.

Khoảng một hoặc hai lần mỗi năm, bà Sis mời tôi và anh Craig tới nhà bà ở phía bên kia khu Princeton để ăn tối. Bà múc cho chúng tôi những đĩa đồ ăn đầy ắp món sườn cừu ngon tuyệt và rau củ luộc, bà còn đưa cho chúng tôi một giỏ bánh mì bắp được cắt lát khéo léo để dùng chung với bơ. Bà rót cho chúng tôi những ly trà ngọt không

thể tưởng tượng được và thuyết phục chúng tôi uống ly thứ hai rồi ly thứ ba. Theo những gì tôi còn nhớ thì chúng tôi chưa bao giờ nói chuyện gì quan trọng với bà Sis. Đó chỉ là một giờ đồng hồ tán gẫu lịch sự, kèm theo một bữa ăn nóng sốt và chân thành kiểu South Carolina mà anh em chúng tôi hồ hởi mức lấy mức để vì quá ngán thức ăn của trường. Tôi chỉ thấy bà Sis đơn giản là một phụ nữ thanh lịch, sự thanh lịch của những quý bà, nhưng thật sự thì bà đang trao cho chúng tôi một món quà mà bấy giờ chúng tôi còn quá nhỏ nên chưa thể nhận ra. Bà đang cho chúng tôi hiểu về quá khứ - quá khứ của hai chúng tôi, quá khứ của bà, quá khứ của cha ông chúng tôi - và bà làm được điều đó mà không cần phải giải thích lời nào. Chúng tôi chỉ đến dùng bữa, giúp bà rửa đĩa, sau đó vác hai cái bụng no căng đi bộ về trường. Thật may là quãng đường này đủ để chúng tôi tiêu com.

ĐÂY LÀ MỘT KÝ ỨC, mà giống hầu hết các ký ức khác, nó chủ quan và không hoàn hảo. Nó là một ký ức được thu nhặt từ cách đây rất lâu, như một viên sỏi biển lọt vào chiếc túi tâm trí của tôi. Ký ức này có từ năm thứ hai đại học và liên quan đến Kevin, bạn trai của tôi và cũng là một cầu thủ bóng bầu dục.

Kevin đến từ Ohio và là một sự kết hợp gần như lý tưởng giữa vóc dáng cao ráo, sự ngọt ngào và vẻ thô mộc. Anh ấy là hậu vệ của đội Tigers^[4], có đôi chân nhanh nhẹn và kỹ năng cản bóng thần sầu, bên cạnh đó anh còn là sinh viên dự bị ngành y. Anh học trên tôi hai năm, là bạn cùng lớp anh Craig và chẳng bao lâu nữa sẽ tốt nghiệp. Anh ấy có nụ cười để lộ một khe hở đáng yêu giữa hai chiếc răng cửa, và là người luôn khiến tôi cảm thấy mình đặc biệt. Chúng tôi đều bận rộn và có những nhóm bạn khác nhau, nhưng chúng tôi đều thích ở bên cạnh nhau. Chúng tôi ăn pizza và ra ngoài dùng bữa sáng muộn vào cuối tuần. Kevin tận hưởng từng bữa ăn, phần vì anh ấy phải giữ cân nặng để chơi bóng bầu dục, phần vì anh rất khó ngồi yên một chỗ. Anh ấy thường chọn rộn, luôn chọn rộn, và cũng bốc đồng nhưng theo những cách khiến tôi thấy thật cuốn hút.

Một hôm nọ, Kevin đề nghị, “Lái xe một vòng nhé”. Tôi không nhớ anh ấy nói qua điện thoại hay chợt nảy ra ý đó trong lúc chúng tôi đang bên nhau. Dù sao đi nữa, chẳng bao lâu sau chúng tôi đã ở trong xe của Kevin - một chiếc thể thao cỡ nhỏ màu đỏ - và lái xe băng qua trường đại học đến một góc xa xôi hẻo lánh nhưng vẫn thuộc khu Princeton, sau đó chúng tôi rẽ vào một con đường mòn gần như bị che khuất. Khi đó đang là mùa xuân ở New Jersey, và chúng tôi đang có một ngày ấm áp với bầu trời quang đãng.

Hẳn là chúng tôi đang trò chuyện với nhau? Có lẽ là tay trong tay? Tôi không nhớ rõ, nhưng cảm giác lúc đó rất dễ chịu và nhẹ nhàng. Sau khoảng một phút, Kevin đạp thắng và từ từ dừng xe lại. Anh đỗ xe cạnh một cánh đồng rộng. Cỏ mọc cao và xơ xác sau mùa đông, nhưng đâu đó vẫn có những đóa hoa dại chớm hé. Kevin bước ra khỏi xe.

“Đi nào”, anh ra hiệu cho tôi theo anh.

“Chuyện gì vậy anh?”

Anh nhìn tôi như thể chuyện này thật hiển nhiên. “Chúng ta sẽ chạy băng qua cánh đồng này.”

Và thế là chúng tôi chạy. Chúng tôi băng qua cánh đồng ấy. Chúng tôi chạy từ đầu này sang đầu bên kia, vung vẩy cánh tay như những đứa trẻ và phá vỡ sự yên lặng nơi đây với tiếng hò hét hớn hờ. Chúng tôi giẫm lên cỏ khô và nhảy qua những bông hoa. Có thể ban đầu tôi không nhận ra, nhưng bây giờ thì có. Chúng tôi sẽ chạy qua cánh đồng này! Dĩ nhiên là vậy!

Lúc quay lại xe và ngồi phịch xuống ghế, cả Kevin và tôi đều thờ dốc và choáng váng vì chuyện ngớ ngẩn mình vừa làm.

Vậy đó. Chỉ là một khoảnh khắc ngắn ngủi và không quá quan trọng. Tôi vẫn nhớ kỷ niệm này không vì lý do nào khác ngoài sự ngớ ngẩn của chúng tôi, vì một thoáng được rời lòng khỏi cái lịch trình nghiêm túc mà tôi vẫn thực hiện mỗi ngày. Bởi vì, mặc dù là sinh viên ngành xã hội, thường xuyên gặp gỡ mọi người trong giờ ăn và

không có vấn đề gì với việc làm chủ sàn nhảy ở các bữa tiệc tại TWC, tôi vẫn sống kín đáo và luôn tập trung vào kế hoạch riêng của mình. Bên dưới lớp vỏ bọc của một sinh viên đại học thoải mái, tôi sống đúng với bản chất là một người nguyên tắc, lặng lẽ nhưng kiên định hướng đến thành tích và hoàn thành hết mọi nhiệm vụ. Danh sách việc cần làm luôn được tôi ghi nhớ dù tôi có đi đến bất kỳ nơi nào. Tôi đánh giá các mục tiêu của mình, phân tích kết quả và đếm những lần giành thắng lợi. Nếu có thử thách cần vượt qua, tôi sẽ vượt qua. Chứng tỏ xong điều này tôi lại tiếp tục chứng minh điều khác. Đó là cuộc sống của đứa con gái không thể ngừng tự hỏi, Mình đã đủ giỏi hay chưa? và vẫn đang tìm cách cho bản thân thấy câu trả lời.

Trong khi đó, Kevin là một người hay thay đổi - thậm chí còn thích thú với sự thay đổi. Khi tôi học cuối năm hai đại học, Kevin và anh Craig tốt nghiệp trường Princeton. Anh Craig sang thành phố Manchester nước Anh để chơi bóng rổ chuyên nghiệp. Tôi cho rằng Kevin rồi sẽ vào trường y, nhưng anh ấy đã chuyển hướng, quyết định tạm ngưng học, và thay vào đó, anh theo đuổi sở thích trở thành một linh vật thể thao.

Đúng vậy. Kevin quyết định ứng tuyển vào đội bóng Cleveland Browns, nhưng không phải trong tư cách cầu thủ mà là ứng viên cho vai một con thú giả mắt to tròn, miệng cười nhe răng tên Chomps^[5]. Đó là mong muốn của anh ấy. Đó là một giấc mơ, một cánh đồng khác để chạy băng qua, vì tại sao lại không cơ chứ? Hè năm đó, Kevin còn đi từ nhà anh ở ngoại ô Cleveland tới tận Chicago, mà theo lời anh thông báo không lâu sau khi đến nơi thì mục đích không chỉ là đến thăm tôi, mà còn vì Chicago là nơi mà một anh chàng muốn đóng vai linh vật có thể tìm thấy bộ trang phục giả lông thú phù hợp cho buổi thử vai sắp tới. Chúng tôi dành trọn buổi chiều lái quanh các cửa hàng và tìm kiếm trang phục cho anh ấy, đánh giá xem bộ đồ có đủ rộng để anh ấy làm động tác nhào lộn hay không. Tôi không nhớ cuối cùng thì hôm đó Kevin có tìm được bộ trang phục linh vật hoàn hảo hay không. Tôi không rõ sau đó anh ấy có được giao cho vai diễn linh vật hay không, nhưng sau cùng thì anh ấy cũng thật sự trở thành một bác sĩ, rõ ràng là một bác sĩ giỏi, và kết hôn với một người bạn học khác ở Princeton.

Khi ấy tôi đã phân xét sự thay đổi của anh, một chuyện mà giờ đây ngẫm lại tôi thấy mình thật không công bằng. Lúc đó tôi đã không tài nào hiểu được tại sao một người được hấp thu nền giáo dục đất đỏ tại Princeton lại không tận dụng điều đó như một lợi thế trong cái thế giới trọng bằng cấp. Tại sao khi bạn có thể học trường y nhưng lại muốn đóng vai một chú chó thích nhào lộn?

Nhưng tôi là vậy. Như đã nói, tôi là kiểu người phải hoàn thành từng hạng mục trong danh sách của mình, cương quyết đi theo nhịp điệu vững vàng của nỗ lực/kết quả, nỗ lực/kết quả, đồng thời là người nhất nhất đi theo con đường có sẵn chỉ vì không ai trong gia đình tôi (ngoài anh Craig) từng đặt chân trên đó. Tôi không suy tính nhiều cho tương lai, nói cách khác, khi đó tâm trí tôi đã đặt vào trường luật.

Cuộc sống ở Đại lộ Euclid đã dạy tôi - đúng hơn là buộc tôi - phải cứng rắn và thực tế, cả về thời gian lẫn tiền bạc. Bước rẽ lệch lớn nhất trong đời tôi có lẽ là khi tôi quyết định dành thời gian đầu của mùa hè năm thứ hai để làm việc gần như không công cho trại hè tại khu Thung lũng Hudson ở New York, trong vai trò tư vấn viên trông nom đám trẻ thành thị lần đầu tiên được trải nghiệm các hoạt động trong rừng. Tôi yêu thích công việc đó nhưng khi làm xong thì tôi gần như rỗng túi và bắt buộc phải lệ thuộc vào trợ cấp của cha mẹ nhiều hơn. Mặc dù cha mẹ chưa bao giờ phàn nàn nhưng tôi vẫn cảm thấy tội lỗi đến tận nhiều năm sau.

Đó cũng là mùa hè mà những người tôi thương yêu bắt đầu ra đi mãi mãi. Bà Robbie, bà cô của tôi, giáo viên dương cầm đầy nguyên tắc của tôi, đã qua đời vào tháng Sáu. Bà để lại ngôi nhà trên Đại lộ Euclid cho cha mẹ tôi, để họ được trở thành những người sở hữu nhà lần đầu tiên trong đời. Ông Southside mất sau đó một tháng, sau một thời gian dài đau khổ chịu đựng bệnh ung thư phổi. Quan điểm thâm căn cố đế của ông rằng bác sĩ không đáng tin cậy đã khiến ông không được điều trị kịp thời. Sau đám tang của ông Southside, gia đình lớn bên nhà

ngoại tôi đã kéo đến ngôi nhà nhỏ ẩm cúng của ông, cùng với vài bạn bè và hàng xóm. Tôi cảm nhận được sự ấm áp gọi nhớ quá khứ và nỗi sầu muộn đến từ sự trống vắng - tất cả đều có chút gì đó mâu thuẫn, bởi tôi đã quen với thế giới trẻ trung và tách biệt ở trường đại học. Có một cảm giác gì đó sâu sắc hơn những gì tôi thường cảm thấy ở trường, giống như một sự chuyển giao chậm rãi đang diễn ra giữa các thế hệ. Anh chị em họ của tôi giờ đã trưởng thành, còn các dì của tôi thì đã lớn tuổi. Gia đình chúng tôi có thêm những đứa trẻ và những đôi vợ chồng mới. Tiếng nhạc từ một đĩa jazz phát ra trên dàn kệ âm thanh tự chế trong phòng ăn, và chúng tôi dùng những món do người thân mang tới - thịt xông khói, thạch rau câu và món thịt hầm. Nhưng ông Southside không còn ở đây. Điều đó thật đau lòng, nhưng thời gian không ngừng khiến tất cả chúng tôi tiếp tục cuộc sống của mình.

CỨ MỖI MÙA XUÂN, CÁC NHÀ TUYỂN DỤNG từ các tập đoàn lớn sẽ đến trường Princeton để nhắm trước những sinh viên sắp tốt nghiệp. Nếu bỗng nhiên bạn nhìn thấy một người bạn bình thường hay mặc quần jeans rách và áo sơ mi không đóng thùng, nay lại băng qua sân trường trong bộ com-lê kẻ sọc nhã nhặn, thì điều đó có nghĩa là anh chàng hay cô nàng đó có lẽ sẽ đến một tòa nhà chọc trời ở Manhattan làm việc vào một ngày không xa. Quá trình phân loại nghề nghiệp này diễn ra khá nhanh - những nhân viên ngân hàng, luật sư, bác sĩ và các nhà quản lý tương lai đang vội vàng hướng đến bộ phận kế tiếp của mình, có thể là học sau đại học hoặc làm một công việc được-dọn-sẵn-đường thuộc chương trình đào tạo nhân viên mới của một công ty nằm trong danh sách Fortune 500. Chắc chắn trong số chúng tôi cũng có những người nghe theo tiếng gọi con tim để vào ngành giáo dục, nghệ thuật và các tổ chức phi lợi nhuận, có người sẽ chọn đi xa để tham gia các sứ mệnh của Peace Corps^[6] hoặc gia nhập quân ngũ - nhưng tôi không quen nhiều người như vậy. Tôi đang bận trèo lên chiếc thang của mình, một chiếc thang vững vàng, thực tế và nhắm thẳng một đường.

Nếu chịu dừng lại để ngẫm nghĩ, có lẽ tôi đã nhận ra trường đại học đã vắt kiệt tôi bằng guồng xoay của bài giảng, khóa luận và các kỳ thi, và biết đâu sẽ có ích nếu tôi hành động khác đi. Thay vì vậy, tôi đã chọn kỳ kiểm tra đánh giá năng lực đầu vào trường luật, viết luận văn tốt nghiệp và chuyên tâm cho chặng sắp tới: nộp đơn vào những trường luật xuất sắc nhất nước Mỹ. Tôi nhận định mình là người thông minh, có óc phân tích và tham vọng. Tôi được nuôi dạy từ những cuộc tranh luận hăng hái và cời mở quanh bàn ăn với cha mẹ. Tôi có thể tranh luận một quan điểm đến tận cốt lõi của nó và tự hào chưa bao giờ nao núng trước bất kỳ xung đột nào. Chẳng phải đó là những gì luật sư cần có hay sao? Tôi nghĩ đúng là như vậy đấy.

Giờ đây tôi có thể thừa nhận là khi đó tôi không chỉ quyết định dựa vào logic mà còn bị thôi thúc bởi mong muốn có được sự công nhận của người khác. Hồi còn bé, tôi thầm tận hưởng sự ấm áp mình nhận được mỗi khi tuyên bố với giáo viên, hàng xóm, hoặc một trong những người bạn của bà Robbie trong dàn hợp xướng là mình muốn trở thành bác sĩ nhi khoa. Khi đó họ thường sẽ biểu hiện ý, Ồ, ấn tượng đấy!, và tôi thích thú với điều đó. Nhiều năm sau, mọi thứ hóa ra cũng không khác. Giáo sư, họ hàng, những người tôi tình cờ gặp gỡ hỏi về dự định của tôi, và khi tôi nói mình nhắm đến trường luật - mà về sau tôi xác định là Trường Luật Harvard - thì đó là một lời tuyên bố khiến họ phải trầm trồ. Tôi được khen ngợi chỉ vì đã được nhận vào trường, mặc dù sự thật là tôi được chọn từ danh sách dự bị. Nhưng tôi đã được mời nhập học. Người ta nhìn tôi như thể tôi đã để lại dấu ấn cá nhân trên thế gian này rồi.

Đây có thể là vấn đề cốt lõi khi quá bận tâm đến những gì người khác nghĩ: nó có thể đặt bạn vào con đường được định sẵn, mà trong trường hợp của tôi chính là con đường chẳng phải như vậy rất ấn tượng hay sao, và nó sẽ giữ bạn ở đó thật lâu. Có lẽ nó sẽ cản trở bạn đổi hướng, thậm chí là ngăn cản bạn có suy nghĩ về việc đổi hướng, vì bạn cảm thấy cái giá phải trả cho việc không thỏa mãn kỳ vọng của người khác là quá đắt. Có thể bạn bỏ ra ba năm ở Massachusetts, học luật hiến pháp và thảo luận về lợi ích liên quan của các thỏa thuận dọc^[7] về việc loại bỏ

đối thủ cạnh tranh trong các vụ kiện chống độc quyền. Quá trình này có thể là thú vị đối với một số người, nhưng bạn thì không cảm thấy như vậy. Có thể trong suốt ba năm đó bạn kết bạn với những người mà bạn sẽ luôn yêu thương và tôn trọng, đó là những người thật sự say mê tính phức tạp và lạnh lùng của ngành luật, nhưng bản thân bạn thì không cảm thấy đó là tiếng gọi đam mê của mình. Sự nhiệt tình của bạn có thể thấp, nhưng trong mọi tình huống, thành tích của bạn không được kém cỏi. Bạn sống theo quy luật của nỗ lực/kết quả, như trước giờ vẫn thế, và với cách sống đó, bạn tiếp tục gặt hái thành quả cho đến khi bạn nghĩ mình biết câu trả lời cho mọi câu hỏi - bao gồm câu hỏi quan trọng nhất: Mình có đủ giỏi hay không? Có, thực tế là mình đủ giỏi.

Tiếp đó, phần thưởng sẽ xuất hiện. Bạn leo lên nấc thang kế tiếp, và lần này thì đó là một công việc được trả lương tại một công ty luật cao cấp mang tên Sidley & Austin trong khu văn phòng ở Chicago. Bạn quay về nơi bắt đầu, tại chính thành phố nơi bạn được sinh ra, chỉ là giờ đây bạn đi làm trên tầng bốn mươi bảy của một tòa nhà ở trung tâm thành phố, nơi có một quảng trường rộng và một bức tượng điêu khắc đặt ở mặt tiền. Bạn từng đi ngang qua đó khi còn là một đứa trẻ vùng South Side đón xe buýt đi học, lặng lẽ nhìn qua cửa sổ để ngắm những con người đang sải bước đến công sở trong bộ dạng giỏi giang và chuyên nghiệp. Giờ đây bạn trở thành một trong số họ. Bạn bước ra khỏi chiếc xe buýt đỏ, băng qua quảng trường và bước vào thang máy để lên tầng trên - thang chạy êm ru đến mức bạn tưởng như nó đang lướt đi. Bạn đã “nhập hội”. Ở tuổi hai mươi lăm, bạn có một trợ lý. Thu nhập của bạn nhiều hơn số tiền mà cha mẹ bạn từng kiếm được trong đời. Đồng nghiệp của bạn lịch sự, trí thức và đa số là người da trắng. Bạn mặc com-lê Armani và đăng ký dịch vụ thương thức các loại rượu vang mới ra mắt. Hàng tháng bạn trả khoản vay mà bạn đã mượn để học trường luật, và bạn đến lớp học thể dục thẩm mỹ sau khi tan sở. Bạn tậu cho mình một chiếc Saab^[8] vì bạn có khả năng làm thế.

Có còn gì phải ngờ vực nữa không? Có vẻ là không. Giờ đây bạn đã là một luật sư. Bạn đã đón nhận mọi điều được trao cho mình - tình yêu của cha mẹ, niềm tin của thầy cô, âm nhạc của ông Southside và bà Robbie, những bữa ăn của bà Sis cùng với vốn từ vựng được ông Dandy vun bồi - và bạn biến chúng thành thành quả của ngày hôm nay. Bạn đã leo lên ngọn núi. Và bên cạnh nhiệm vụ phân tích những vấn đề trừu tượng về luật sở hữu trí tuệ cho các tập đoàn lớn, một phần công việc của bạn là hun đúc thế hệ luật sư trẻ đang được công ty chiêu mộ. Một luật sư cấp cao hỏi xem bạn có đồng ý hướng dẫn một luật sư tập sự sắp vào công ty theo chương trình thực tập mùa hè hay không, và câu trả lời thật dễ dàng: đương nhiên bạn sẵn lòng. Lúc đó bạn không biết câu trả lời “đồng ý” đơn giản đó lại có thể tạo ra sự thay đổi to lớn thế nào. Bạn không biết rằng vào lúc biên bản ghi nhớ được đưa xuống để xác nhận nhiệm vụ đó thì một điều sâu kín và vô hình nào đó mà bạn cố bám víu bấy lâu trong cuộc sống của mình đã bắt đầu rung chuyển, và sợi dây níu giữ nào đó đã bắt đầu lung lay. Bên cạnh tên của bạn là một cái tên khác, tên của một sinh viên luật siêu sao, người cũng đang bạn rộn trên nấc thang sự nghiệp của mình. Cũng như bạn, anh ta là người da đen và học ở trường Harvard. Ngoài chuyện đó ra thì bạn không biết gì hơn - bạn chỉ biết một cái tên, và đó là một cái tên lạ.

BARACK OBAMA ĐẾN TRỄ VÀO NGÀY ĐẦU TIÊN. Tôi ngồi trong văn phòng của mình ở tầng bốn mươi bảy, chờ đợi mà cũng không chờ đợi anh ấy đến. Cũng như đa số những luật sư mới làm việc năm đầu tiên, tôi rất bận. Tôi ngồi trong văn phòng ở Sidley & Austin hàng giờ đồng hồ, thường dùng cả bữa trưa lẫn bữa tối tại bàn làm việc trong lúc chiến đấu với chồng tài liệu không ngừng đổ tới, tất cả đều được viết bằng thứ ngôn-ngữ-luật-sư chuẩn xác và bóng bẩy. Tôi đọc các biên bản ghi nhớ, tôi viết các ghi nhớ, tôi biên tập biên bản ghi nhớ của người khác. Lúc này, tôi nghĩ mình cơ bản là người thạo ba ngôn ngữ. Tôi hiểu thứ ngôn ngữ thoải mái của vùng South Side, cách diễn đạt đầy trí thức của Ivy League, và bây giờ tôi còn nói ngôn ngữ Luật sư nữa. Tôi được thuê vào nhóm phụ trách marketing và sở hữu trí tuệ của công ty, bộ phận được xem là tự do và sáng tạo hơn các phòng ban khác, mà tôi nghĩ là do chúng tôi có một ít thời gian làm việc trong lĩnh vực quảng cáo. Một phần công việc của tôi là đọc kịch bản quảng cáo truyền hình và truyền thanh cho khách hàng, bảo đảm chúng không vi phạm tiêu chuẩn của Ủy ban Truyền thông Liên bang. Về sau tôi được vinh dự đảm nhiệm các vấn đề pháp lý của sản phẩm Khủng long Barney^[1]. (Đúng vậy, đó chính là tự do trong một công ty luật.)

Là một luật sư cấp trung, vấn đề của tôi là tôi không có nhiều cơ hội tương tác trực tiếp với khách hàng trong công việc, và vì là một thành viên của gia đình Robinson, được nuôi dưỡng trong sự náo nhiệt của một gia đình nhiều thế hệ, được hun đúc bởi bản năng yêu thích đám đông của cha, tôi thêm muốn mọi sự tương tác. Để khỏi lapsed cô đơn, tôi hay nói đùa với trợ lý Lorraine của tôi, một phụ nữ Mỹ gốc Phi khôi hài và cực kỳ có óc tổ chức. Lorraine lớn hơn tôi vài tuổi, chỉ ngồi ngay bên ngoài phòng làm việc của tôi và phụ trách trả lời điện thoại. Tôi có các mối quan hệ đồng nghiệp thân thiện với vài luật sư cấp cao và vui vẻ khi có cơ hội tán gẫu với các luật sư đồng cấp, nhưng nhìn chung thì ai cũng bù đầu bù cổ làm việc và thận trọng không để lãng phí dù chỉ một phút hải ra tiền trong ngày. Điều này đẩy tôi trở về với bàn làm việc, một mình đối mặt với mớ tài liệu chất đống.

Nếu phải trải qua bảy mươi giờ một tuần ở đâu đó, văn phòng của tôi là một lựa chọn đủ thoải mái. Tôi có một chiếc ghế bọc da, bàn làm việc bằng gỗ óc chó đánh bóng và những ô cửa sổ rộng nhìn về hướng đông nam. Tôi có thể phóng tầm nhìn qua khu trung tâm tài chính hỗn tạp và thấy những con sóng bạc đầu trên Hồ Michigan, nơi được điểm xuyết những chiếc thuyền buồm màu sáng vào mùa hè. Nếu đổi góc nhìn, tôi có thể lơ mơ thấy được bờ biển và khung cảnh của khu South Side trải dài với những mái nhà thấp và những hàng cây tiếp nối nhau. Từ nơi tôi ngồi, những khu phố nơi đó trông thật yên bình và gần giống mô hình đồ chơi, nhưng thực tế thì khác hẳn. Nhiều vùng của South Side giờ đã hóa điều tàn vì các doanh nghiệp đóng cửa và các gia đình tiếp tục rời đi. Những nhà máy thép trước kia từng mang lại thu nhập ổn định giờ đang cắt giảm hàng ngàn nhân công. Con đại dịch ma túy crack, thứ đã tàn phá cộng đồng người Mỹ gốc Phi tại những nơi như Detroit và New York, chỉ mới bắt đầu xâm nhập Chicago, nhưng sức hủy diệt của nó ở đây không vì thế mà nhẹ nhàng hơn. Các băng nhóm giao tranh với nhau để giành địa bàn. Chúng thuê những cậu con trai mới lớn để “chạy hàng” ở các góc đường, thứ công việc nguy hiểm nhưng sinh lời nhiều hơn nhiều so với việc tới trường đi học. Tỷ lệ các vụ án mạng ở thành phố bắt đầu tăng lên, báo hiệu nhiều rắc rối hơn nữa sắp sửa diễn ra.

Tôi có thu nhập khá tốt ở Sidley, dù vậy tôi vẫn đủ thực tế để biết tốt nhất là không nên mạo hiểm chi tiền cho khoản nhà ở. Từ khi tốt nghiệp trường luật tôi đã dọn về khu phố cũ ở South Side, nơi vẫn còn tương đối vắng bóng băng đảng và ma túy. Cha mẹ tôi đã dời xuống sống trong căn hộ của ông bà Terry và Robbie ngày trước, và theo đề nghị của họ, tôi đã sử dụng căn phòng trên lầu, nơi tôi từng sống khi còn bé. Tôi tân trang căn phòng bằng một chiếc trường kỷ màu trắng sữa và những bức tranh treo tường kiểu batik. Lâu lâu tôi viết cho cha mẹ một tấm

chi phiếu đại khái là đủ để chi trả hóa đơn điện nước của tôi. Khoản đó chắc chắn không thể tính là tiền thuê nhà, nhưng cha mẹ tôi khẳng khái bấy nhiêu là quá đủ rồi. Mặc dù căn hộ trên lầu của tôi có lối đi riêng, nhưng tôi thường xuyên đi về qua lối nhà bếp dưới lầu - một phần vì cửa sau căn hộ của cha mẹ tôi mở thẳng ra ga-ra, và phần khác vì tôi vẫn và sẽ mãi là một thành viên của nhà Robinson. Ngay cả khi giờ đây đã trở thành một luật sư trẻ tuổi diện com-lê và lái xe Saab như mong ước, tôi vẫn không mấy thích ở một mình. Tôi cũng cố sức mạnh bản thân bằng cách thăm hỏi cha mẹ mỗi ngày. Trên thực tế, buổi sáng hôm đó tôi đã ôm chầm cha mẹ trước khi lao ra cửa và lái xe qua một cơn mưa đông để tới chỗ làm. Chính xác là để tới chỗ làm đúng giờ.

Tôi nhìn đồng hồ.

“Có tin gì của anh chàng kia chưa?”, tôi gọi hỏi Lorraine.

Chị ấy thờ dài rõ to, “Chưa đâu cô gái à”. Tôi có thể nói là Lorraine đang cảm thấy buồn cười. Chị ấy biết sự trễ nải khiến tôi phát điên ra sao, biết là tôi coi việc đi trễ chẳng khác gì thói ngạo mạn.

Barack Obama đã gây xôn xao ở hãng luật từ trước. Trước tiên, anh chàng này chỉ vừa hoàn thành năm nhất trường luật, mà thông thường chúng tôi chỉ thuê sinh viên năm hai cho các vị trí thực tập hè. Nhưng người ta đồn là anh chàng này xuất sắc lắm. Người ta truyền tai nhau rằng một trong những giảng viên của anh ở Harvard - con gái của một cổ đông trong công ty chúng tôi - nhận định anh là sinh viên luật tài năng nhất mà cô từng gặp. Một vài thư ký đã thấy anh chàng đến phòng vấn, và họ nói rằng ngoài sự xuất chúng rõ ràng rành rành ra thì anh ấy còn đáng yêu nữa.

Tôi vẫn rất hoài nghi tất cả chuyện này. Theo kinh nghiệm bản thân, bạn cứ trông bộ com-lê lên bất cứ anh chàng da đen có vẻ thông minh nào thì người da trắng cũng sẽ mê mẩn đến phát rồ. Tôi không chắc là anh ta được như lời đồn thổi. Tôi đã xem qua ảnh của anh trong hồ sơ thực tập sinh mùa hè, tấm ảnh chụp thiếu sáng không-đẹp-như-lời-đồn của một anh chàng có một nụ cười toe toét và dáng vẻ một sách. Tôi không cảm thấy gì đặc biệt. Hồ sơ ghi rằng anh ta xuất thân từ Hawaii, và ít ra thì điều này đã giúp anh trở thành một tay một sách tương đối lạ. Ngoài ra thì chẳng có gì nổi bật. Điều ngạc nhiên duy nhất là việc đã xảy ra vài tuần trước, khi tôi gọi điện thoại cho anh để hoàn thành trách nhiệm tự giới thiệu bản thân. Tôi đã hơi bất ngờ khi nghe giọng nói ở đầu bên kia, đó là giọng nam trung, dày và thậm chí còn có chút quyến rũ - cơ bản là không ăn nhập gì với hình chụp của anh ấy.

Thêm mười phút nữa thì anh chàng mới xuất hiện ở chỗ tiếp tân. Tôi bước ra để chào hỏi và nhìn thấy anh đang ngồi trên trường kỷ - chính là Barack Obama, trong bộ com-lê sẫm màu và còn hơi ướt vì dính mưa. Anh vừa bắt tay tôi vừa ngượng ngùng cười xin lỗi vì đã đến trễ. Anh có nụ cười rộng mở, dáng người cao và gầy hơn những gì tôi hình dung - một người rõ ràng không thuộc dạng ăn nhiều và cũng có vẻ hoàn toàn không thoải mái với việc mặc quần áo công sở. Anh không có vẻ gì là biết mình đang mang danh tiếng của một người trẻ tuổi tài ba. Anh im lặng, nghiêm túc và chú ý lắng nghe khi tôi dẫn anh qua những dãy hành lang đi tới văn phòng, vừa đi vừa giới thiệu những công việc nhân hạ của hãng luật. Tôi chỉ cho anh khu xử lý văn bản và máy pha cà phê, giải thích về hệ thống tính giờ làm việc. Khoảng hai mươi phút sau, tôi quay lại bàn làm việc của mình sau khi dẫn anh tới chỗ vị luật sư cấp cao, cấp trên thật sự của anh.

Trưa hôm đó tôi dẫn Barack đến nhà hàng sang trọng ở tầng trệt của tòa nhà, nơi đông đảo nhân viên ngân hàng và luật sư ăn mặc bảnh bao đang trao đổi công việc qua những bữa trưa có giá đắt như bữa tối. Đây là lợi ích của việc dẫn dắt luật sư tập sự: bạn có cơ để đi ăn ngoài, ăn ngon và bằng tiền của công ty. Trong vai trò cố vấn của Barack, nhiệm vụ chủ yếu của tôi chính là làm cầu nối xã hội. Tôi cần đảm bảo anh hài lòng với công việc, có ai đó để trao đổi khi cần lời khuyên và cảm thấy gắn kết với một đội ngũ lớn hơn. Đó là khởi đầu của một quá

trình chiều mộ quy mô hơn. Ý định của công ty là họ có thể sẽ tuyển dụng anh làm việc toàn thời gian khi anh tốt nghiệp - tương tự như việc họ sẽ làm với tất cả những luật sư thực tập hè khác.

Tôi nhanh chóng nhận ra Barack cần rất ít lời khuyên. Anh ấy sắp bước sang tuổi hai mươi tám, lớn hơn tôi ba tuổi. Không giống như tôi, anh ấy đã đi làm nhiều năm sau khi tốt nghiệp cử nhân tại Đại học ở Columbia rồi mới vào trường luật. Điều khiến tôi ngạc nhiên chính là sự chắc chắn của anh về định hướng cuộc đời. Anh không mấy may nghi ngờ lựa chọn của bản thân, một điều mà ban đầu có vẻ rất khó hiểu. So với chặng đường thẳng tiến đến thành công của tôi, thẳng như mũi tên bắn từ Princeton đến Harvard rồi hạ cánh ở bàn làm việc của tôi trên tầng bốn mươi bảy, con đường của Barack là một đường zig zag ngẫu hứng băng qua nhiều thế giới khác nhau. Qua các lần dùng bữa trưa cùng nhau, tôi biết anh ấy là một người con lai đúng nghĩa - anh là con trai của một người cha Kenya da đen và một người mẹ da trắng ở Kansas, là kết quả của một cuộc hôn nhân vừa nồng nhiệt lại vừa ngăn ngừi. Anh được sinh ra và nuôi nấng ở Honolulu nhưng trải qua bốn năm tuổi thơ thả diều bắt dế ở Indonesia. Sau khi tốt nghiệp trung học, anh có hai năm tương đối thảnh thơi làm sinh viên tại Đại học Occidental ở Los Angeles trước khi chuyển sang Đại học Columbia, nơi anh tự nhận là mình đã sống không hề giống một sinh viên phóng túng ở Manhattan thập niên 1980 mà lại giống một ẩn sĩ thế kỷ mười sáu - anh thường đọc những tác phẩm văn chương và triết học khó nhằn trong một căn hộ tồi tàn ở Đường 109, cũng như viết những bài thơ dờ dặt và nhin ăn vào các ngày Chủ nhật.

Chúng tôi bật cười trước tất cả những chuyện này, chia sẻ với nhau những câu chuyện về hoàn cảnh của bản thân và những điều đã dẫn dắt mình vào con đường luật. Barack nghiêm túc nhưng không ra vẻ đạo mạo. Anh ấy có cung cách phóng khoáng thoải mái nhưng mạnh mẽ trong tư duy. Đó là một sự kết hợp lạ kỳ và cuốn hút. Một điều ngạc nhiên nữa đối với tôi chính là anh ấy hiểu rất rõ về Chicago.

Barack là người đầu tiên tôi gặp tại Sidley đã từng tới các tiệm cắt tóc bình dân, những điểm bán thịt nướng và những giáo xứ ngoan đạo của người da đen ở khu Far South Side. Trước khi vào trường luật, anh ấy đã có ba năm làm việc tại Chicago trong vai trò người tổ chức sự kiện cộng đồng, kiếm được 12.000 đô-la một năm từ một tổ chức phi chính phủ đứng ra liên kết những nhà thờ với nhau. Công việc của anh là hỗ trợ xây dựng lại các khu phố và tái tạo công ăn việc làm. Theo lời anh thì đó là công việc lợi một mà thất vọng hai: anh mất nhiều tuần để lên kế hoạch tổ chức một buổi họp mặt cộng đồng, nhưng rồi chỉ có khoảng hơn chục người tới tham dự. Các nỗ lực của anh bị các lãnh đạo nghiệp đoàn lao động chế giễu và bị cả người da đen lẫn da trắng soi mói. Nhưng dần dần anh đã giành được những thắng lợi lớn hơn, và có vẻ điều này đã khích lệ anh. Barack giải thích rằng anh học luật vì việc tổ chức phong trào cộng đồng đã cho anh thấy sự thay đổi tích cực trong xã hội không chỉ đòi hỏi nỗ lực của con người tại địa phương, mà còn cần những chính sách hiệu quả hơn cùng với hành động của chính phủ.

Dù có hơi dửng dưng về những tin đồn trước khi anh xuất hiện, nhưng tôi phát hiện mình ngưỡng mộ Barack cả vì sự quả quyết và chân thành của anh. Anh ấy thú vị, khác thường và lịch thiệp một cách kỳ lạ. Thế nhưng tôi chưa từng nghĩ về anh ấy như đối tượng mà mình muốn hẹn hò. Một phần vì tôi là người hướng dẫn anh ấy trong công ty. Một phần vì gần đây tôi vừa mới quyết định gác chuyện yêu đương sang một bên vì quá bận rộn với công việc đến mức không còn tâm trí dành cho nó. Và cuối cùng, thật khủng khiếp khi cuối bữa trưa hôm đó Barack đã đốt một điếu thuốc, một việc đủ để làm tiêu tan bất kỳ hứng thú nào mà tôi có thể có với anh từ đầu đến giờ.

Tôi tự nhủ, anh sẽ là một thực tập sinh ra trò.

NHỮNG TUẦN TIẾP THEO, chúng tôi dần hình thành một thói quen. Vào buổi chiều muộn, Barack sẽ nhả nha “lượn” xuống sảnh và ngồi phịch xuống một chiếc ghế nào đó trong văn phòng tôi, như thể anh ấy đã quen biết tôi nhiều năm lắm. Đôi khi tôi có cảm giác anh ấy như vậy thật. Chúng tôi rất dễ chuyện trò vui vẻ với nhau,

cách tư duy của chúng tôi cũng giống nhau. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau khi thấy mọi người xung quanh căng thẳng tới phát rồ, khi các cộng sự đưa ra mấy lời bình luận trích thượng hoặc chẳng ăn nhập gì với thực tế. Có một điều không cần phải nói ra nhưng rất hiển nhiên, đó là anh ấy là “người trong nhà”, và trong văn phòng của chúng tôi, nơi đang thuê hơn bốn trăm luật sư, chỉ có chừng năm luật sư toàn thời gian là người Mỹ gốc Phi. Thật rõ ràng và dễ hiểu khi chúng tôi thu hút lẫn nhau.

Barack không hề giống kiểu luật sư tập sự mùa hè năng nổ điển hình (như tôi hai năm trước ở Sidley), những người vội vàng thiết lập mạng lưới mối quan hệ và hội họp không biết mình có nhận được tấm vé vàng mời nhận việc hay không. Anh thông dong trong bộ dạng thờ ơ điềm tĩnh, mà điều này dường như chỉ khiến anh thêm hấp dẫn trong mắt người khác. Tiếng tăm của anh không ngừng tăng lên trong công ty. Chưa chi anh đã được gọi tham gia các cuộc họp cao cấp với các luật sư cộng sự. Thậm chí anh còn được yêu cầu góp ý về bất cứ vấn đề nào đang được thảo luận. Có một lần vào đầu hè, anh đưa ra một bản ghi nhớ ba-mươi-trang về quản lý tập đoàn, và rõ ràng là nó thấu đáo cũng như thuyết phục đến mức lập tức trở thành huyền thoại. Anh chàng này là ai? Mọi người đều tò mò muốn biết.

“Tôi đem cho em một bản đây”, một ngày kia Barack đặt bản ghi nhớ đã soạn lên bàn tôi, kèm theo một nụ cười.

“Cảm ơn anh”, tôi đón lấy. “Em đang đợi được đọc nó đây.”

Sau khi anh ấy đi ra, tôi cất bản ghi nhớ vào ngăn kéo.

Anh ấy có biết tôi chưa bao giờ giờ nó ra hay không? Tôi nghĩ là có. Anh ấy đưa tôi bản ghi nhớ đó với thái độ nửa đùa nửa thật. Dù sao thì chúng tôi cũng thuộc hai nhóm chuyên trách khác nhau nên tài liệu mà chúng tôi dùng cũng không giống nhau. Bản thân tôi đã có quá nhiều tài liệu cần xử lý rồi. Và tôi không cần ngạc nhiên thêm nữa. Giờ đây chúng tôi - Barack và tôi - là bạn bè, là chiến hữu. Chúng tôi cùng đi ăn trưa ít nhất một lần một tuần, có khi thường xuyên hơn, và tất nhiên luôn ghi hóa đơn cho công ty. Dần dần, chúng tôi hiểu nhau hơn. Anh biết tôi đang sống cùng cha mẹ, biết những kỷ ức hạnh phúc nhất của tôi ở Trường Luật Harvard đến từ công việc tôi làm ở Văn phòng Hỗ trợ Pháp lý. Tôi biết anh đã ngốn hàng đồng triết lý chính trị như thể đó là tiểu thuyết giải khuây trên bãi biển, biết hễ có tiền dư thì anh đều dành để mua sách. Tôi biết cha của anh qua đời trong một vụ tai nạn ô-tô ở Kenya, và anh đã đến nơi đó chỉ để hiểu thêm về ông ấy. Tôi biết anh thích chơi bóng rổ, biết anh thường chạy bộ một quãng đường dài vào cuối tuần và hay kể về bạn bè cũng như gia đình mình ở Oahu với vẻ trầm tư. Tôi biết anh từng có kha khá bạn gái trong quá khứ, nhưng lúc này thì không có mối quan hệ ràng buộc nào.

Tôi nghĩ mình có thể hỗ trợ anh khắc phục khoản “không có mối quan hệ ràng buộc”. Cuộc sống của tôi ở Chicago chủ yếu chỉ toàn tụ tập với những phụ nữ da đen tài năng và thành đạt. Bất chấp những giờ làm việc căng đầu căng cổ, tôi vẫn thích được giao tiếp. Tôi có bạn bè ở Sidley, bạn trung học, bạn bè quen biết qua mạng lưới công việc và những người bạn tôi quen qua anh Craig, người vừa kết hôn và làm nghề nhân viên ngân hàng đầu tư trong thành phố. Chúng tôi là một hội bạn bè vui vẻ, hội họp với nhau vào bất kỳ lúc nào có thể ở một quán bar nào đó trong khu trung tâm hoặc gặp nhau cuối tuần trong những bữa ăn xa hoa kéo dài. Tôi từng hẹn hò với vài anh chàng ở trường luật nhưng chưa gặp được người nào đặc biệt từ khi về lại Chicago, mà đằng nào thì tôi cũng chẳng có mấy hứng thú với chuyện này. Tôi tuyên bố với mọi người, bao gồm những đối tượng tiềm năng, rằng sự nghiệp mới là ưu tiên của tôi vào lúc này. Dù vậy, tôi lại có rất nhiều cô bạn gái đang tìm người để hẹn hò.

Một tối nọ vào đầu hè, tôi dẫn Barack tới một quán bar ở trung tâm vào giờ giảm giá. Đó là điểm tụ tập không chính thức hàng tháng của người da đen trí thức, và cũng là nơi tôi thường gặp gỡ bạn bè. Tôi để ý thấy anh đã

thay quần áo công sở và mặc một chiếc áo blazer vải lanh trắng trông như vừa được lấy ra từ bộ phim Miami Vice. À há!

Không có gì phải bàn cãi rằng bất kể gu ăn mặc hơi có vấn đề của mình, Barack vẫn luôn cuốn hút. Anh điển trai, điềm đạm và thành đạt. Anh cũng có máu thể thao, thú vị và còn tử tế nữa. Người ta còn có thể đòi hỏi gì hơn? Tôi hào hứng đi vào quán bar, chắc chắn là mình đang làm điều có ích cho mọi người - cho chính Barack và cho tất cả các quý cô có mặt ở đó. Gần như ngay lập tức, anh đã “được” một người quen của tôi tóm lấy. Đó là một phụ nữ xinh đẹp, quyền cao chức trọng và làm trong ngành tài chính. Tôi có thể thấy cô nàng hoạt bát hẳn lên khi nói chuyện với Barack. Thấy vậy là ổn, tôi gọi cho mình một ly và đi qua bàn khác gặp mấy người bạn.

Hai mươi phút sau, tôi nhìn thấy Barack ở góc xa căn phòng, anh có vẻ đang ở trong một cuộc trò chuyện không hồi kết với người phụ nữ kia, mà chính xác thì chỉ có cô nàng đang huyền thuyên. Anh ấy ném cho tôi một cái nhìn với ngụ ý xin được giải nguy. Nhưng anh ấy là một người đàn ông trưởng thành, thế nên tôi để mặc anh ấy tự cứu mình.

Hôm sau anh xuất hiện ở văn phòng tôi và hỏi vớ vẩn về vấn đề còn ngờ vực. “Em có biết cô ta hỏi tôi chuyện gì không? Cô ấy hỏi tôi có thích đi cưới không. Cưới ngựa ấy.” Anh ấy kể là cả hai nói về những bộ phim ưa thích, nhưng chuyện đó cũng không suôn sẻ lắm.

Barack là người có đầu óc, có lẽ là quá đầu óc đối với hầu hết phụ nữ. (Trên thực tế, đây chính là đánh giá của các bạn tôi về anh khi chúng tôi nói chuyện với nhau.) Anh không phải kiểu đàn ông thích la cà quán bar vào giờ giảm giá, và lẽ ra tôi nên nhận ra điều đó sớm hơn. Thế giới của tôi đầy những người giàu hy vọng, nỗ lực và ám ảnh về sự thăng tiến trong công việc. Họ tậu xe hơi, sẵn sàng sắm cho mình căn hộ đầu tiên và thích nói về những chuyện đó bên những ly martini sau giờ làm việc. Barack thì sẽ thỏa mãn hơn khi được yên tĩnh một mình vào buổi tối để đọc về chính sách nhà cửa đô thị. Hồi còn là nhà tổ chức sự kiện, anh từng dành nhiều tuần, thậm chí nhiều tháng lắng nghe người nghèo chia sẻ những khó khăn mà họ gặp phải. Tôi bắt đầu nhận ra sự kiên định của anh đối với hy vọng và triển vọng của sự thay đổi bắt nguồn từ một nơi hoàn toàn khác và không dễ tiếp cận.

Anh kể tôi nghe rằng anh từng là một người vô tư và phóng túng hơn. Hai mươi năm đầu tiên của cuộc đời mình, anh được biết đến với biệt danh Barry. Hồi còn thiếu niên, anh hút cần sa dưới chân những ngọn núi lửa um tùm cây cối ở Oahu. Ở trường Occidental, anh theo đuổi phong cách đang lụi tàn của thập niên 1970, vẫn yêu thích Hendrix và nhóm Rolling Stones. Nhưng rồi đâu đó trên hành trình của mình, anh bắt đầu sống trọn vẹn với tên khai sinh Barack Hussein Obama, cũng như với nhân dạng phức tạp của mình. Anh vừa trắng lại vừa đen, vừa là gốc Phi lại vừa mang gốc Mỹ. Anh khiêm tốn và sống giản dị, nhưng anh cũng biết sự trù phú của tâm trí mình, biết cái thế giới đặc quyền đặc lợi mà tâm trí đó sẽ mở ra trước mắt anh. Tôi có thể nói là anh rất nghiêm túc với tất cả những điều đó. Anh có thể vui vẻ thoải mái và hài hước, nhưng chưa bao giờ anh quên nghĩa vụ to lớn hơn của mình. Anh đang trên đường chinh phục một sứ mệnh nào đó, dù anh vẫn chưa biết nó sẽ dẫn đến đâu. Tất cả những gì tôi biết là sứ mệnh đó không đồng nghĩa với những ly rượu. Lần sau, khi tới giờ vàng giảm giá, tôi để anh ở lại văn phòng.

HÔI TÔI CÒN BÉ, cha mẹ tôi đều hút thuốc. Họ đốt thuốc vào buổi tối khi ngồi trong bếp trò chuyện về ngày làm việc của mình. Họ hút thuốc khi lau dọn chén đĩa sau bữa ăn tối, thỉnh thoảng họ sẽ mở một cánh cửa sổ để không khí trong lành tràn vào. Họ không hút nhiều, nhưng họ hút thuốc như thói quen, và còn hút dai nữa. Họ vẫn tiếp tục hút thuốc kể cả sau khi nghiên cứu đã nói rất rõ là hút thuốc không tốt cho sức khỏe.

Chuyện hút thuốc này khiến tôi và anh Craig phát điên. Chúng tôi giả vờ ho sù sụ như thật mỗi khi họ châm thuốc. Chúng tôi tiến hành phá hoại “nguồn cung” của họ. Khi còn rất nhỏ, anh em tôi từng lấy cả một cây thuốc

Newports mới toanh ra khỏi kệ và bắt đầu đem nó ra bồn rửa chén để tiêu hủy bằng cách xé nát hết mấy điều thuốc như tách đậu. Lần khác, chúng tôi nhúng đầu điều vào sốt tương ớt rồi xếp chúng vào hộp trở lại. Chúng tôi nói cho cha mẹ nghe về bệnh ung thư phổi, giải thích những điều khủng khiếp trong những thước phim mà người ta chiếu trong giờ giáo dục sức khỏe ở trường - đó là ảnh chụp hai lá phổi của người hút thuốc, hai lá phổi khô quắt và đen như than, bằng chứng cho thấy cái chết đang đến, cái chết từ trong lồng ngực. Ngược lại, chúng tôi cũng được xem hình ảnh những lá phổi hồng hào khỏe mạnh, không bị khói thuốc làm vấy bẩn. Đó là một mô hình đủ đơn giản để họ lựa chọn hành vi của mình: Tốt/Xấu, Khỏe mạnh/Bệnh tật. Chúng ta quyết định tương lai của mình. Đó là tất cả những gì cha mẹ đã dạy chúng tôi. Vậy mà cũng phải nhiều năm sau đó họ mới cai hẳn thuốc lá.

Barack hút thuốc giống hệt cha mẹ tôi. Anh hút thuốc sau bữa ăn, hút thuốc khi đang xuống phố hoặc khi cảm thấy căng thẳng và không thể để hai tay rảnh rang. Vào năm 1989, hút thuốc là chuyện thường thấy hơn bây giờ, cũng phổ biến trong đời sống hàng ngày hơn bây giờ. Nghiên cứu về ảnh hưởng của việc hút thuốc thụ động hãy còn mới mẻ. Người ta hút thuốc trong nhà hàng, trong văn phòng và ở cả sân bay. Thế nhưng tôi đã xem những thước phim với hình ảnh các lá phổi. Đối với tôi, và với tất cả những người có ý thức mà tôi quen biết, hút thuốc chính là tự hủy hoại bản thân.

Barack biết chính xác tôi cảm thấy thế nào về chuyện anh hút thuốc. Tình bạn giữa chúng tôi được xây dựng trên sự thẳng thắn mà tôi cho rằng cả hai chúng tôi đều yêu thích.

“Tại sao một người thông minh như anh lại làm cái chuyện đại dốt như vậy?”, tôi buột miệng hỏi ngay ngày đầu tiên gặp nhau, khi thấy anh kết thúc bữa trưa bằng một điều thuốc. Đó là một câu hỏi thật lòng.

Theo tôi nhớ thì anh chỉ nhún vai, công nhận là tôi đúng. Không có gì phải tranh cãi, cũng không có điểm gì cần thảo luận. Hút thuốc là chủ đề duy nhất mà cái đầu logic của Barack không đụng tới.

Dù tôi có thừa nhận hay không thì giữa chúng tôi có một điều gì đó đã bắt đầu thay đổi. Vào những ngày chúng tôi quá bận rộn đến mức không thể gặp mặt nhau, tôi luôn tự hỏi anh ấy đang làm gì. Tôi tự nhủ đừng thất vọng khi không thấy anh ấy xuất hiện trước cửa phòng làm việc của mình. Tôi tự nhủ đừng quá phấn khích khi thấy anh ấy xuất hiện. Tôi có tình cảm với anh, nhưng tình cảm này vẫn đang âm ỉ chôn sâu bên dưới quyết tâm tập trung giữ cho cuộc sống của mình gọn gàng và thăng tiến trong sự nghiệp, không dính vào những chuyện kịch tính. Những bản đánh giá kết quả công việc hàng năm của tôi đều ổn định. Tôi đang đi đúng đường để trở thành luật sư có cổ phần tại Sidley & Austin, có lẽ là trước tuổi ba mươi hai. Đó là tất cả những gì tôi mong muốn, hoặc tôi đang tự thuyết phục mình như vậy.

Có thể tôi đã phớt lờ những gì đang nảy nở giữa hai chúng tôi, nhưng Barack thì không.

“Anh nghĩ là chúng ta nên hẹn hò”, anh nói vào một chiều nọ khi chúng tôi đang ngồi dùng bữa.

“Hả? Anh và em?”. Tôi giả vờ kinh ngạc vì anh nghĩ tới khả năng đó. “Em đã nói với anh rồi, em không hẹn hò. Và em là cố vấn của anh.”

Anh ấy cười với vẻ hài hước. “Em làm như chuyện đó thì có ảnh hưởng gì vậy. Em không phải là sếp của anh.” Sau đó anh chột, “Và em khá đáng yêu đấy”.

Barack có một nụ cười dường như rộng đến mang tai. Anh là sự kết hợp chết người giữa tình cảm và lý trí. Suốt những ngày kế tiếp, không dưới một lần anh đã bày ra bằng chứng tại sao chúng tôi nên hẹn hò. Chúng tôi tâm đầu ý hợp. Chúng tôi làm cho nhau cười. Chúng tôi đều không vướng bận bạn trai bạn gái, và hơn nữa, chúng tôi đã thừa nhận rằng hoàn toàn không có hứng thú gì với bất kỳ người nào khác mình từng gặp. Anh ấy lập luận rằng chẳng ai ở công ty sẽ bận tâm chuyện chúng tôi hẹn hò với nhau. Thật ra thì chuyện đó còn có thể được xem

là một tín hiệu lạc quan. Anh nhận định là những luật sư cổ đông trong công ty rồi sẽ muốn giữ anh lại làm việc cho họ, và nếu chúng tôi hẹn hò nhau thì chuyện này sẽ làm tăng khả năng anh trung thành với công ty.

“Ý anh là em giống mỗi như sao?”, tôi cười phá lên. “Anh tự đánh giá mình cao quá rồi.”

Vào mùa hè, công ty tổ chức hàng loạt sự kiện và các buổi giao lưu cho các luật sư thực tập, ai muốn tham gia thì chỉ cần đăng ký vào tờ đơn được chuyển khắp công ty. Một sự kiện trong số đó là đi xem suất diễn trong tuần của vở nhạc kịch *Les Misérables*^[2] tại một nhà hát gần văn phòng. Tôi đăng ký nhận hai vé, một hành vi vô cùng bình thường của một cô luật sư cổ vấn và luật sư thực tập mà cô ta dẫn dắt trong hè. Chúng tôi cần cùng nhau tham gia những hoạt động của công ty. Nhiệm vụ của tôi là anh ấy có trải nghiệm tích cực và vui vẻ ở Sidley & Austin. Chỉ có vậy thôi.

Chúng tôi ngồi cạnh nhau trong nhà hát, cả hai đều mệt mỏi sau một ngày làm việc dài. Vở kịch mở màn và tiếng hát bắt đầu cất lên, chúng tôi được thấy hình ảnh một Paris u ám. Tôi không biết do tâm trạng của mình hay do bản thân vở nhạc kịch, nhưng suốt một giờ đồng hồ sau đó tôi thấy khổ sở trước sự thống khổ của người dân nước Pháp. Những lời than van và cảnh gông cùm. Nạn đói nghèo và cưỡng hiếp. Bắt công và đàn áp. Hàng triệu người trên thế giới đã yêu thích vở nhạc kịch này, nhưng tôi lại bồn chồn không yên, cố thoát ra khỏi sự tra tấn không thể nào lý giải được mỗi khi giai điệu của vở kịch vang lên.

Khi đèn nhà hát bật sáng báo giờ giải lao, tôi trộm nhìn Barack. Anh ấy đang ngồi sụp xuống ghế, chò tay phải đặt trên thành ghế và ngón trỏ tựa lên trán. Tôi không đoán được biểu cảm của anh có ý gì.

“Anh nghĩ sao?”, tôi hỏi.

Anh liếc nhìn tôi. “Khủng khiếp, phải không em?”

Tôi cười, cảm thấy nhẹ nhõm vì anh ấy cũng có cảm nhận giống mình.

Barack ngồi thẳng lưng trở lại. “Chúng ta ra ngoài nhé?”, anh hỏi. “Chúng ta có thể không xem nữa mà.”

Bình thường thì tôi sẽ không trốn chạy. Tôi không phải kiểu người như vậy. Tôi quá quan tâm đến những gì các luật sư khác nghĩ về mình. Họ sẽ nghĩ sao nếu phát hiện hai chiếc ghế trống? Nhìn chung, tôi quá quan tâm việc phải hoàn thành những gì mình đã bắt đầu, phải xem mọi điều, từ nhỏ nhất nhất cho đến đoạn kết nghẹt thở, cho dù đó là một vở nhạc kịch Broadway quá cầu kỳ vào một đêm thứ Tư lẽ ra rất vui vẻ. Thật không may, đây chính là một nguyên tắc của tôi. Tôi chịu đựng đau khổ để giữ thể diện cho bản thân. Nhưng giờ đây, dường như tôi đang đi cùng một người không có suy nghĩ như thế.

Né hết mọi người chúng tôi quen biết ở hăng luật - những cổ vấn và thực tập sinh của họ đang trò chuyện sôi nổi ở hành lang - chúng tôi lên ra ngoài nhà hát và bước vào một buổi chiều dịu êm. Những tia sáng cuối cùng đang le lói trên nền trời màu tím. Tôi thở phào, sự nhẹ nhõm của tôi rõ ràng đến mức khiến Barack cười phá lên.

“Chúng ta đi đâu đây?”, tôi hỏi anh.

“Đi uống một ly thì sao?”

Chúng tôi bước vào một quán bar gần đó theo đúng phong cách thường ngày của mình: tôi nhanh còn anh ấy thì chậm. Barack là người bước đi thông thả. Anh ấy có bộ dạng thoải mái kiểu Hawaii, không bao giờ hối hả, ngay cả khi - và đặc biệt là khi - được yêu cầu phải nhanh chân lên. Trái lại, tôi có bước chân mạnh mẽ kể cả lúc đang rối rắm, và đối với tôi thì giảm tốc độ di chuyển là một chuyện khá khó khăn. Nhưng tôi nhớ đêm đó tôi đã tự nhủ mình hãy chậm lại, chỉ một chút thôi, đủ để tôi có thể nghe anh ấy đang nói gì, vì tôi bắt đầu nhận ra mình quan tâm mọi điều anh ấy nói.

Đến lúc này, tôi đã tỉ mỉ xây dựng cuộc sống của mình, tóm gọn mọi chi tiết lòng lèo và kém trật tự, như thể đang xếp một mẫu origami chặt chẽ và liền lạc. Tôi đã dụng công tác tạo cuộc đời mình. Tôi tự hào với dáng vẻ

của nó. Nhưng đó là hình ảnh rất mong manh. Nếu một góc nào đó bị bung ra thì tôi có thể sẽ lo lắng không yên. Nếu có thêm một góc khác lung lay, tôi có thể sẽ biết là tôi còn ngờ vực đối với con đường sự nghiệp mà mình đã chủ động lựa chọn, còn thiếu chắc chắn về tất cả những điều mà tôi cho là mình mong muốn. Giờ thì tôi đã hiểu tại sao tôi bảo vệ bản thân kỹ đến vậy, tại sao tôi vẫn chưa sẵn sàng đón nhận Barack. Anh ấy như một cơn gió đe dọa sẽ xáo trộn mọi thứ.

Một hay hai ngày sau, Barack hỏi tôi có thể cho anh đi nhờ đến một bữa tiệc nướng dành cho các thực tập sinh hay không. Bữa tiệc được tổ chức vào dịp cuối tuần tại nhà một luật sư cấp cao tại vùng ngoại ô giàu có ven hồ ở phía bắc thành phố. Tôi nhớ hôm đó là một ngày quang đãng, mặt hồ lấp lánh bên một trăng tròn được cắt tía cẩn thận. Tiếng nhạc đang phát ra từ dàn âm thanh nổi, và người phục vụ mang thức ăn ra trong lúc mọi người khen ngợi phong cách thẩm mỹ của ngôi nhà. Đó là bức tranh của sự sung túc và thoải mái, là một lời nhắc nhở không hề mờ nhạt về phần thưởng bạn sẽ nhận được khi toàn tâm toàn ý dốc sức vào công việc. Tôi biết Barack giằng co với những gì anh muốn thực hiện trong đời, với định hướng nghề nghiệp của bản thân. Anh ấy sống không thiên về vật chất. Giống như tôi, anh ấy chưa từng giàu có, và anh cũng chẳng khát khao làm giàu. Anh muốn trở thành con người hữu ích hơn là trở nên giàu có, và anh vẫn đang nỗ lực tìm cách thực hiện điều đó.

Chúng tôi không tham dự bữa tiệc như một cặp đôi nhưng vẫn dành hầu hết thời gian bên cạnh nhau, đi chào hỏi từng nhóm đồng nghiệp, nốc bia và uống nước chanh, ăn burger và rau trộn khoai tây trên đĩa nhựa. Chúng tôi tách ra rồi lại tìm về với nhau. Tất cả đều có cảm giác hết sức tự nhiên. Anh ấy âm thầm tán tỉnh tôi và tôi cũng tán tỉnh đáp lại. Vài người bắt đầu chơi bóng rổ tự do, và tôi dõi theo khi Barack ung dung vào sân trên đôi dép lê của anh. Anh dễ dàng quen biết mọi người ở công ty. Anh gọi tất cả các thư ký bằng tên và hòa đồng với mọi người - từ những luật sư cao niên, bảo thủ tới những chú ngựa non háu đá đầy tham vọng hiện đang chơi trong sân bóng rổ. Anh ấy là người tốt, tôi tự nhủ trong lúc quan sát anh chuyển bóng cho một vị luật sư khác.

Sau khi đã ngồi xem vô số trận bóng rổ từ trung học đến đại học, tôi có thể nhận ra ai là một cầu thủ giỏi, và Barack nhanh chóng qua được màn kiểm định. Anh ấy chơi bóng rổ theo kiểu rất thể thao và rất nghệ thuật. Cơ thể cao gầy của anh di chuyển nhanh nhẹn, thể hiện thứ sức mạnh mà trước đây tôi chưa từng chú ý. Anh ấy nhanh nhẹn và khéo léo, kể cả khi mang đôi dép Hawaii của mình. Tôi đứng đó, vờ như đang lắng nghe một người vợ cực kỳ tử tế của ai đó đang nói chuyện với mình, nhưng kỳ thực mắt tôi dán lấy Barack. Lần đầu tiên tôi thấy kinh ngạc trước con người mà anh đang thể hiện, một người đàn ông kỳ lạ tổng-hòa-mọi-thứ.

Khi chúng tôi lái xe về lại thành phố vào tối hôm đó, tôi cảm thấy một sự thổn thức mới chớm, một hạt giống ngóng trông vừa mới gieo. Khi đó đang là tháng Bảy. Barack sẽ rời đi trong tháng Tám, anh sẽ biến mất vào trường luật và vào bất cứ cuộc sống nào khác chờ đợi anh ở đó. Bề ngoài, giữa chúng tôi chẳng có gì thay đổi. Chúng tôi cười đùa như trước giờ vẫn thế, chúng tôi tán gẫu về việc ai nói điều gì trong bữa tiệc nướng. Nhưng tôi cảm thấy cái nóng râm ran đang chạy dọc theo sống lưng mình. Tôi cảm nhận rất rõ cơ thể của anh trong không gian nhỏ hẹp của xe - chỗ tay anh đặt lên hộp giữa, đầu gối anh nằm trong tầm với của tay tôi. Khi chúng tôi rẽ vào khúc bo phía nam Đường Lake Shore, vượt qua những người đạp xe và chạy bộ trên đường bộ hành, tôi đang đấu tranh tư tưởng với chính mình. Có cách nào để làm điều này mà không biến nó thành chuyện nghiêm trọng hay không? Chuyện này sẽ ảnh hưởng đến công việc của tôi đến mức nào? Tôi không xác định được bất kỳ chuyện gì - tôi không biết làm thế nào mới là đúng, không biết ai sẽ phát hiện và chuyện đó có quan trọng nữa hay không - nhưng tôi chợt phát hiện mình không còn muốn chờ cho đến khi biết rõ nữa.

Barack sống ở khu Công viên Hyde, trong một căn hộ thuê lại của một người bạn. Đến lúc chúng tôi rẽ vào khu phố thì bầu không khí căng thẳng đã tràn ngập giữa chúng tôi, như thể một điều tất yếu hoặc tiền định nào đó

sắp sửa xảy ra. Hay là tôi đang tưởng tượng? Có lẽ tôi đã từ chối anh ấy quá nhiều lần. Có lẽ anh đã từ bỏ và giờ đây chỉ xem tôi là một người bạn tốt và đáng tin cậy, một cô gái sở hữu chiếc Saab có máy điều hòa nhiệt độ có thể cho anh quá giang mỗi khi cần.

Tôi dừng xe trước tòa nhà nơi anh ấy sống, tâm trí vẫn còn rối tung rối mù. Một khoảnh khắc kỳ quặc trôi qua, ai nấy cũng chờ người kia mở lời tạm biệt. Barack ngẩng đầu về phía tôi.

“Hay là mình đi ăn kem?”, anh hỏi.

Đó là khi tôi biết cuộc chơi đã bắt đầu, là một trong những lần hiếm hoi tôi quyết định ngưng nghĩ ngợi và chỉ sống. Đó là một tối mùa hè ẩm áp tại thành phố mà tôi yêu quý. Bầu không khí dễ chịu đang mơn man trên da thịt. Có một tiệm Baskin-Robbins ở đây nhà gần căn hộ của Barack, chúng tôi đã đến đó mua hai cốc kem và mang ra ngoài và ngồi ăn trên vỉa hè. Chúng tôi ngồi cạnh nhau, co gối, tận hưởng sự mệt mỏi dễ chịu sau một ngày ở suốt ngoài trời. Chúng tôi lẳng lặng ăn kem thật nhanh trước khi nó tan hết. Có lẽ Barack đã đọc được trên khuôn mặt tôi, hoặc đã cảm nhận qua bộ dạng của tôi là tôi đang thả lỏng và mở lòng.

Anh nhìn tôi một cách tò mò với một nụ cười vừa hé trên môi.

“Anh hôn em nhé?”, anh ấy hỏi.

Và cứ thế, tôi tựa vào anh, cảm nhận mọi thứ đang trở nên sáng tỏ.

CHÚNG TÔI

9

NGAY KHI TÔI CHO PHÉP BẢN THÂN CÓ TÌNH CẢM VỚI BARACK, cảm xúc trong tôi liên trào dâng. Đó là một luồng cảm xúc mạnh mẽ của sự khao khát, lòng biết ơn, sự thỏa mãn và cảm giác diệu kỳ. Nụ hôn đầu tiên đó đã thổi bay bất kỳ nỗi lo lắng nào mà tôi đang có về cuộc sống, sự nghiệp của mình và thậm chí về bản thân Barack, thay vào đó là sự thôi thúc muốn hiểu rõ anh hơn, muốn khám phá và trải nghiệm mọi thứ về anh trong thời gian ngắn nhất có thể.

Có lẽ vì biết một tháng nữa là đến hạn anh phải quay lại Harvard, nên chúng tôi luôn tận dụng thời gian để được gần gũi bên nhau. Vì chưa sẵn sàng để bạn trai mình ngủ cùng mái nhà với cha mẹ, tôi bắt đầu qua đêm tại căn hộ của Barack, một căn hộ ọp ẹp nằm trên tầng hai không-có-thang-máy của một cửa hàng mặt tiền trong khu vực náo nhiệt trên Đường 53. Anh thuê lại căn phòng này từ một sinh viên luật Đại học Chicago đang đi nghỉ hè, và anh chàng này trang trí phòng mình như bất cứ sinh viên giỏi nào sẽ làm, tức là bằng mấy món đồ không ăn rơ gì với nhau từ những lần “đào” được ở các sự kiện bán hàng đã qua sử dụng. Tôi nhớ ở đó có một cái bàn nhỏ, đôi ba cái ghế xiêu vẹo và một tấm thảm cỡ lớn trên sàn. Mấy chồng sách báo của Barack phủ kín các mặt bàn mặt ghế và phần lớn mặt sàn. Anh treo mấy chiếc áo vét trên các lưng ghế trong bếp và không trữ nhiều đồ ăn trong tủ lạnh. Căn hộ không có cảm giác gì gọi là nhà, nhưng dưới lăng kính tình yêu đang nảy nở nhanh chóng của chúng tôi thì nó tựa như mái ấm.

Barack kích thích sự tò mò của tôi. Anh không hề giống bất cứ người nào tôi từng hẹn hò trước đó, chủ yếu vì anh có vẻ vô cùng vững vàng. Anh bày tỏ tình cảm không chút ngượng ngùng. Anh nói với tôi rằng tôi xinh đẹp. Anh khiến tôi cảm thấy dễ chịu. Đối với tôi, anh giống một con kỳ lân - khác thường đến mức dường như không có thật. Anh không bao giờ nói về những thứ vật chất như mua nhà, mua xe, hay thậm chí là mua giày mới. Anh gần như đổ hết tiền của mình vào sách. Đối với anh, sách là những món đồ thiêng liêng, là căn cơ của tâm trí anh. Thường thì sau khi tôi đi ngủ, anh vẫn đọc sách đến tận khuya, chăm chú tìm hiểu về lịch sử, tiểu sử nhân vật, và anh còn đọc cả Toni Morrison^[1]. Mỗi ngày anh đọc vài tờ báo, ngón từ trang đầu tới trang cuối. Anh theo dõi những bài điểm sách mới nhất, cập nhật thứ hạng của các đội trong giải đấu bóng chày American League, và quan sát xem hội đồng South Side đang làm gì. Tương tự, anh ấy có thể hăng say nói về cuộc bầu cử tại Ba Lan và những bộ phim nào bị Roger Ebert^[2] chê lên bờ xuống ruộng và tại sao lại như vậy.

Vì phòng không có máy điều hòa nhiệt độ nên chúng tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc phải mở cửa sổ vào ban đêm khi ngủ để xoa dịu cái nóng ngọt ngào. Chúng tôi hy sinh sự yên tĩnh để đổi lấy sự thoải mái. Vào những ngày đó, Đường 53 là tuyến đường “hoạt động về đêm” của các tay độ xe Lowrider^[3] với ống pô không gắn ống giảm thanh. Dường như cứ mỗi giờ đồng hồ lại có tiếng còi xe cảnh sát hú lên bên ngoài cửa sổ, hay tiếng ai đó bắt đầu la hét, xả cả một tràng tức tối và tuôn ra những lời lẽ tục tĩu khiến tôi giật mình tỉnh giấc. Trong khi tôi cảm thấy không yên, Barack lại thấy mọi chuyện thật bình thường. Tôi đã nhận ra là anh ấy quen thuộc với sự lộn xộn hơn tôi, anh cũng sẵn sàng đón nhận tất cả mà không cảm thấy khó chịu. Một đêm nọ, tôi thức giấc và thấy anh đang nhìn chăm chăm lên trần nhà, ánh đèn đường hắt vào từ bên ngoài và chiếu sáng khuôn mặt nhìn nghiêng của anh. Anh có vẻ đắm chiêu, như thể đang cân nhắc một chuyện gì đó rất riêng tư. Có phải anh đang nghĩ về quan hệ của chúng tôi? Hay là về sự ra đi của cha anh?

“Này, anh đang nghĩ gì vậy?”, tôi hỏi nhỏ.

Anh xoay sang nhìn tôi và cười có chút ngượng ngùng. “À, anh chỉ đang nghĩ về sự bất bình đẳng trong thu nhập.”

Tôi đã biết đây là kiểu tư duy của Barack. Anh ấy thường bị ám ảnh với những vấn đề to lớn và trừu tượng, vì anh có một cảm giác điên rồ là có thể mình có khả năng tạo ra sự thay đổi nào đó để giải quyết chúng. Tôi phải thừa nhận là điều này hoàn toàn mới mẻ đối với tôi. Cho tới thời điểm này, những người mà tôi quen biết đều rất tử tế và quan tâm đến những chuyện không kém phần quan trọng, nhưng họ tập trung chủ yếu vào việc gây dựng sự nghiệp và chu cấp cho gia đình. Barack chỉ đơn giản là không giống họ. Anh lưu tâm những nhu cầu hàng ngày trong cuộc sống, nhưng đồng thời anh cũng để suy nghĩ của mình lang thang trong một vùng trời rộng lớn hơn rất nhiều, đặc biệt là khi đêm về.

Đương nhiên phần lớn thời gian của chúng tôi đều được dành cho công việc tại những văn phòng tĩnh lặng và xa hoa của Sidley & Austin, nơi mỗi buổi sáng tôi giũ bỏ mọi mơ mộng và gò bản thân vào cuộc sống của một luật sư cấp trung. Ở đó tôi sẽ rất có trách nhiệm quay lại với các chồng tài liệu và những yêu cầu của các khách hàng tập đoàn mà tôi chưa gặp bao giờ. Trong khi đó, Barack xử lý các bộ hồ sơ của anh trong một văn phòng chung ở cuối sảnh và ngày càng nhận được sự quan tâm ưu ái của những luật sư cấp cao, những người vô cùng ấn tượng với anh.

Vì vẫn bận tâm chuyện khuôn phép nên tôi kiên quyết giữ tình yêu đang nảy nở của chúng tôi nằm ngoài tầm mắt của đồng nghiệp, nhưng hơi khó. Trợ lý Lorraine của tôi thường nhìn Barack cười ý nhị mỗi khi anh xuất hiện ở văn phòng tôi. Thậm chí chúng tôi còn bị lộ tẩy ngay đêm đầu tiên chính thức hẹn hò với nhau như một cặp, chuyện xảy ra không bao lâu sau nụ hôn đầu tiên của chúng tôi. Đêm đó Barack và tôi cùng đến Viện Nghệ thuật, sau đó cả hai đi xem bộ phim *Do the Right Thing* của đạo diễn Spike Lee ở Water Tower Place, nơi chúng tôi đang xếp hàng mua bắp rang thì chạm mặt một trong những luật sư cấp cao nhất của công ty, Newt Minow, và vợ ông, Josephine. Họ chào hỏi chúng tôi nhiệt tình, thậm chí là còn có vẻ tán đồng, và chẳng bình luận gì về chuyện chúng tôi bên nhau, như thể đó là chuyện ai-cũng-biết-rồi vậy. Dù sao thì đó cũng là một bước tiến trong mối quan hệ của chúng tôi.

Trong giai đoạn này, công việc giống như một mối phân tâm, là thứ chúng tôi buộc phải làm trước khi được quay về bên nhau. Mỗi khi không phải vào văn phòng, chúng tôi tranh thủ chuyện trò không ngớt trong lúc tản bộ quanh công viên Hyde trong trang phục quần ngắn và áo thun, và trong những bữa ăn có vẻ ngắn ngủi với cả hai nhưng kỳ thực kéo dài đến nhiều giờ liền. Chúng tôi tranh luận về từng album mà Stevie Wonder^[4] phát hành, và cả các bài hát của Marvin Gaye^[5]. Tôi yêu say đắm. Tôi yêu giọng nói có độ rền nhẹ của anh và cách ánh mắt anh trở nên nhu hòa khi tôi kể một câu chuyện cười. Tôi bắt đầu trân trọng sự ung dung không lo nghĩ về thời gian của anh ấy.

Mỗi ngày mang tới những khám phá nho nhỏ: tôi là fan của đội Cubs, còn anh ấy thích White Sox. Tôi thích mì ống sốt phô mai, anh ấy thì không chịu nổi món này. Anh thích những bộ phim u ám và kịch tính, còn tôi chỉ thích xem phim tình cảm hài. Anh thuận tay trái với nét chữ viết tay không chệch vào đâu được, tôi lại cứ nguệch ngoạc bằng tay phải. Trước khi anh về lại Cambridge, chúng tôi dành cả tháng đó để chia sẻ mọi ký ức và những suy nghĩ bất chợt của nhau, kể cho nhau nghe những trò rồ dại hồi bé, những sai lầm tuổi vị thành niên và cả những mối tình dang dở thuở ban đầu đã đưa chúng tôi đến với nhau. Barack đặc biệt tò mò với cách tôi được nuôi dạy, với cuộc sống ổn định từ năm này sang năm khác, từ thập kỷ này sang thập kỷ khác của tôi trên Đại lộ Euclid, nơi tôi, anh Craig và cha mẹ tôi tạo thành bốn góc của một hình vuông vững chãi. Hồi còn làm nhà tổ chức sinh hoạt cộng đồng, Barack đã dành rất nhiều thời gian ở nhà thờ, điều này khiến anh có sự tôn trọng dành cho tôn

giáo có tổ chức, nhưng đồng thời anh vẫn không phải là người quá tuân theo truyền thống. Ngay từ đầu anh đã nói với tôi rằng hôn nhân đối với anh là một quy tắc không cần thiết và bị tôn vinh quá mức.

Tôi không nhớ mình có giới thiệu Barack với gia đình vào mùa hè năm đó hay không, dù anh Craig khẳng định là có. Anh ấy kể là một tối nọ hai đứa chúng tôi đã rảo bước về nhà trên Đại lộ Euclid, còn anh ấy thì về thăm nhà và đang ngồi ngoài hiên trò chuyện với cha mẹ. Anh ấy nhớ là Barack thân thiện, tự tin, và họ đã có vài phút trò chuyện vui vẻ với nhau trước khi hai chúng tôi chạy lên căn hộ trên lầu của tôi để lấy món đồ gì đó.

Cha tôi thích Barack ngay tức khắc, nhưng vẫn không nghĩ anh có khả năng “trụ” lại được. Dù sao thì ông là người đã chứng kiến tôi chia tay anh bạn trai trung học David trước cổng trường Princeton. Ông cũng thấy tôi “đá” chàng cầu thủ bóng đá Kevin hồi đại học ngay khi tôi thấy anh mặc bộ trang phục linh vật. Cha mẹ tôi biết tốt hơn hết là đừng quá trời buộc. Họ dạy tôi làm chủ cuộc đời mình, và đó chính là những gì tôi đã làm. Rất nhiều lần tôi đã nói với cha mẹ là tôi quá tập trung và quá bận rộn đến mức không có thời gian cho bất kỳ người đàn ông nào.

Theo lời anh Craig, cha tôi đã lắc đầu và cười ra tiếng khi nhìn tôi và Barack rời đi.

“Một chàng trai từ tế”, ông nói. “Thật tệ vì nó sẽ không trụ lại được.”

NẾU GIA ĐÌNH TÔI là một hình vuông thì gia đình của Barack là một dạng hình học phức tạp hơn nhiều và trải qua nhiều đại dương. Anh đã mất nhiều năm để lần ra các cạnh của hình khối này. Năm 1960, mẹ anh, bà Ann Dunham, là một cô sinh viên mười bảy tuổi tại Hawaii đem lòng yêu chàng sinh viên người Kenya tên Barack Obama. Cuộc hôn nhân của họ ngắn ngủi và khó lý giải - đặc biệt là khi người chồng mới cưới của bà hóa ra đã có một người vợ ở Nairobi. Sau khi ly hôn, bà Ann tái hôn với một nhà địa chất học người Java tên Lolo Soetoro và chuyển đến Jakarta sinh sống, mang theo cậu bé Barack Obama - anh Barack Obama của tôi - khi ấy chỉ mới sáu tuổi.

Theo lời Barack thì anh rất hạnh phúc khi sống ở Indonesia và rất hợp với cha dượng của mình, nhưng mẹ của anh thì bận tâm về chất lượng giáo dục ở đó. Năm 1971, bà Ann Dunham gửi con trai về Oahu để học trường tư và sống cùng ông bà ngoại. Bà Ann là con người yêu tự do và sẵn sàng đi đi lại lại giữa Hawaii và Indonesia suốt nhiều năm trời. Cha ruột của anh - một người có đầu óc mạnh mẽ và chứng nghiện rượu cũng mạnh không kém - vẫn luôn vắng mặt và không thực hiện trách nhiệm của người làm cha. Ông chỉ ghé Hawaii thăm con một lần vào năm Barack mười tuổi.

Thế nhưng Barack vẫn được thương yêu hết mực. Ông bà ngoại anh ở Oahu hết lòng chăm sóc anh và cô em gái Maya cùng mẹ khác cha của anh. Mẹ của anh dù sống tại Jakarta nhưng vẫn quan tâm và hỗ trợ anh từ xa. Barack cũng thường kể về người chị gái Auma cùng cha khác mẹ của mình ở Nairobi. Anh trưởng thành trong hoàn cảnh kém ổn định hơn tôi rất nhiều, nhưng anh chẳng hề kêu ca. Câu chuyện của anh là của riêng anh. Cuộc sống gia đình đã dạy anh tự lực cánh sinh và luôn lạc quan một cách đáng ngạc nhiên. Dường như việc anh đã leo lái cuộc đời mình thành công đến vậy giữa tuổi thơ bất thường đó chỉ càng khẳng định thêm rằng anh sẵn sàng gánh vác nhiều trọng trách to lớn hơn nữa.

Một buổi tối ẩm ướt nọ, tôi đi theo anh giúp một người bạn cũ của anh. Một đồng nghiệp cũ bên công ty tổ chức sự kiện cộng đồng hỏi xem anh có thể đứng ra thực hiện một buổi tập huấn tại một giáo xứ dành cho người da đen ở khu Roseland vùng Far South Side hay không. Đó là khu vực đã xuống dốc thảm hại khi các nhà máy thép đóng cửa vào giữa thập niên 1980. Đối với Barack, đó là cơ hội đáng hoan nghênh để anh có được một ít thời gian trở về với công việc anh từng làm và với nơi mà anh từng hoạt động ở Chicago. Khi cả hai chúng tôi bước vào nhà thờ trong trang phục công sở, tôi chợt nhận ra mình chưa từng nghiêm túc nghĩ xem một nhà tổ chức sự

kiện cộng đồng thật sự làm những gì. Chúng tôi men theo cầu thang xuống một căn hầm có trần thấp và được thấp sáng bằng bóng đèn huỳnh quang. Ở đó đang có khoảng mười lăm giáo dân, mà theo tôi nhớ thì chủ yếu là phụ nữ, họ đang ngồi trên những chiếc ghế xếp và tự quạt cho mình để xua đi cái nóng trong một căn phòng mà ban ngày có vẻ là nhà giữ trẻ. Tôi ngồi xuống một chiếc ghế ở hàng cuối trong lúc Barack bước lên và chào hỏi mọi người.

Hắn là trong mắt họ anh ấy có vẻ khá trẻ và ra dáng luật sư. Tôi có thể thấy họ đang nhìn anh đầy dò xét, cố gắng xác định xem anh có phải là một kẻ ngoài cuộc cao ngạo hay thật sự có thể mang đến cho họ một điều gì đó giá trị. Bầu không khí đó rất quen thuộc với tôi. Thuở bé tôi vẫn thường tham gia những buổi dạy operetta hàng tuần của bà Robbie tại một nhà thờ Tin Lành Giám lý Phi châu không khác với nơi này. Những phụ nữ trong căn phòng này không có gì khác với những quý bà trong dàn hợp xướng của bà Robbie hoặc những người xuất hiện với món thịt dứt lò khi ông Southside qua đời. Họ là những phụ nữ có thiện ý và quan tâm đến cộng đồng, họ thường là các bà mẹ đơn thân hoặc những người bà trong gia đình, kiểu người chắc chắn sẽ ra tay hỗ trợ khi không có ai khác tình nguyện giúp đỡ.

Barack máng áo vét của mình lên lưng ghế và tháo đồng hồ đeo tay rồi đặt nó trên chiếc bàn trước mặt để theo dõi thời gian. Sau khi tự giới thiệu, anh khuyến khích mọi người chia sẻ câu chuyện của họ và cho anh biết những điều khiến họ bận tâm về đời sống ở khu vực này. Đó là một cuộc đối thoại kéo dài khoảng một giờ đồng hồ. Barack cũng chia sẻ câu chuyện của bản thân, gắn nó vào các nguyên lý của công tác cộng đồng. Anh đến đó để thuyết phục họ rằng câu chuyện là thứ gắn kết chúng ta với nhau, và qua những mối gắn kết đó, chúng ta có thể kiểm soát và biến sự bất mãn của mình thành một điều gì đó có ích. Anh nói rằng kể cả họ - một nhóm nhỏ trong một nhà thờ nhỏ tại một khu vực có vẻ đã bị lãng quên - cũng có thể xây dựng được nguồn sức mạnh chính trị đích thực. Nhưng anh cũng thận trọng nói thêm rằng đó là quá trình đòi hỏi nhiều nỗ lực. Bạn phải vạch ra chiến thuật, lắng nghe những người hàng xóm và vun đắp niềm tin ở các cộng đồng thường thiếu vắng niềm tin. Quá trình đó cũng có nghĩa là bạn phải đề nghị những người xa lạ dành cho bạn một chút thời gian hoặc một phần rất nhỏ trong thu nhập của họ. Nó bao gồm cả việc bị từ chối bằng hàng chục hay hàng trăm cách khác nhau, rồi mới nghe được câu “đồng ý” có thể tạo ra mọi sự khác biệt. (Có vẻ đây là nhiệm vụ chính của nhà tổ chức sự kiện cộng đồng.) Nhưng anh bảo đảm với họ là họ có thể tạo ra ảnh hưởng. Họ có thể tạo ra sự thay đổi. Dù không phải lúc nào quá trình này cũng suôn sẻ, nhưng anh đã chứng kiến hiệu quả của nó trong dự án nhà tập thể Altgeld Gardens, nơi một nhóm nhỏ như nhóm đang ngồi ở đây đã tìm được cách đăng ký tư cách cử tri mới, vận động cư dân gặp gỡ nhà chức trách để nói về tình trạng ô nhiễm a-mi-ăng và thuyết phục văn phòng thị trường tài trợ xây dựng một trung tâm đào tạo nghề trong khu vực.

Người phụ nữ đậm người ngồi cạnh tôi đang nhip chân để đỡ đứa bé ngồi trên đùi, và chị không hề che giấu sự nghi ngờ của mình. Chị trẻ môi và ngẩng cằm dò xét Barack, như thể muốn nói, *Anh là ai mà khuyên bảo chúng tôi phải làm gì?*

Nhưng sự hoài nghi không khiến anh phiền lòng, cũng như việc xác suất thành công thấp không khiến anh bận tâm. Suy cho cùng thì Barack chính là một chú kỳ lân - anh có cái tên khác thường, thừa hưởng những di sản kỳ lạ, mang trong mình dòng máu sắc tộc khó phân định, anh còn có người cha không bao giờ xuất hiện và một bộ óc độc nhất vô nhị. Anh đã quen với việc phải chứng tỏ bản thân gần như ở bất cứ nơi nào anh đặt chân tới.

Ý tưởng mà anh ấy đang trình bày không phải là một ý tưởng dễ tiếp nhận, và nó cũng không nhất thiết phải dễ tiếp nhận. Roseland đã gánh chịu hết tổn thất này đến tổn thất khác, từ cuộc di tản của các gia đình da trắng và sự phá sản của ngành công nghiệp thép đến sự suy tàn của các ngôi trường địa phương cũng như sự sinh sôi của nạn buôn bán ma túy. Barack kể với tôi rằng với vai trò là một nhà tổ chức sự kiện cộng đồng ở khu vực thành thị, anh

phải đấu tranh thường xuyên nhất với sự môi mết rã rời ở con người, đặc biệt là người da đen. Đó là sự hoài nghi yếm thế tích tụ từ hàng ngàn thất vọng nhỏ trong suốt một thời gian dài. Tôi hiểu điều đó. Tôi đã chứng kiến điều đó trong khu phố nhà mình, trong chính gia đình mình. Một nỗi đắng cay, một lỗ hổng trong niềm tin. Nó cư ngụ trong ông nội và ông ngoại của tôi, nó nảy sinh từ mọi mục tiêu mà họ phải từ bỏ và mọi thỏa hiệp họ buộc phải lựa chọn. Nó xuất hiện trong cô giáo lớp hai khốn khổ vốn đã không còn muốn nỗ lực dạy dỗ chúng tôi ở trường Bryn Mawr. Nó tồn tại bên trong bà hàng xóm đã ngưng dọn cỏ và chẳng buồn bận tâm con mình đi đâu sau giờ học. Nó hiện diện trong từng mẩu rác bị người ta vô tâm vứt trên bãi cỏ công viên gần nhà chúng tôi và trong mỗi can rượu mạch nha được uống cạn khi trời còn chưa tối. Nó nằm trong mọi điều mà chúng ta cho rằng không thể cứu vãn, bao gồm cả bản thân chúng ta.

Barack không “lên lớp” những cư dân vùng Roseland, nhưng anh cũng chẳng cố gắng lấy lòng họ bằng cách che giấu đặc quyền của mình và cư xử cho giống với “người da đen” hơn. Khi họ đang sợ hãi chán chường, bị tước quyền công dân và bơ vơ bất lực, Barack đã táo bạo xoay chiều mũi tên sang hướng ngược lại - về hướng của hy vọng.

Tôi không phải là người cứ nhai đi nhai lại những mặt tiêu cực khi là một người Mỹ gốc Phi. Tôi được dạy dỗ phải suy nghĩ tích cực. Tôi lớn lên trong tình yêu của gia đình và với quyết tâm của cha mẹ trong việc nhìn thấy chúng tôi thành đạt. Tôi đã đứng cùng Santita Jackson giữa các cuộc tuần hành của Operation PUSH, lắng nghe cha cô kêu gọi người da đen hãy nhớ sự kiêu hãnh của mình. Mục đích của tôi luôn là phải vượt ra khỏi khu tôi sống - phải nhìn về phía trước và vượt qua. Và tôi đã làm được. Tôi nỗ lực lấy cho mình hai tấm bằng của Ivy League. Tôi có một chỗ trong văn phòng Sidley & Austin. Tôi đã khiến ông bà và cha mẹ tự hào. Nhưng khi lắng nghe Barack, tôi bắt đầu hiểu rằng niềm hy vọng trong anh vượt xa hơn rất nhiều so với phiên bản của tôi. Tôi nhận ra việc đưa bản thân thoát khỏi nơi bế tắc là một chuyện, cố gắng và giúp nơi đó không còn bế tắc nữa lại là một chuyện hoàn toàn khác.

Tôi lại đắm chìm trong cảm giác anh ấy thật đặc biệt. Dần dần, những nữ giáo dân xung quanh tôi cũng bắt đầu gật đầu đồng tình, bật lên những câu như “Ừ nhỉ” và “Đúng vậy!”.

Giọng của anh trở nên mạnh mẽ hơn khi gần kết thúc bài diễn thuyết. Anh không phải là người thuyết giáo, nhưng chắc chắn anh đang thuyết giảng một thứ: tầm nhìn. Theo nhìn nhận của anh, lựa chọn là thế này: hoặc bạn từ bỏ, hoặc bạn nỗ lực tạo ra thay đổi. “Điều gì tốt hơn cho chúng ta?”, Barack kêu gọi mọi người trong phòng. “Chúng ta chấp nhận thế giới như hiện có, hay chúng ta ra sức tạo nên một thế giới mà chúng ta nên có?”

Đó là một câu mượn từ quyển sách anh đã đọc khi mới làm nhà tổ chức sự kiện cộng đồng, và câu nói đó sẽ còn theo tôi suốt nhiều năm. Câu nói đó thể hiện được rõ nhất điều mà tôi hiểu là động lực của Barack. Một thế giới mà chúng ta nên có.

Người phụ nữ đang bế đứa trẻ bên cạnh tôi lúc này đã không thể kìm lòng. “Đúng thế!”, chị hét lớn. Chị đã hoàn toàn bị thuyết phục. “Amen!”

Amen, tôi tự nhủ. Bởi vì tôi cũng bị anh thuyết phục.

VÀO KHOẢNG GIỮA THÁNG TÁM, trước khi quay về trường luật, Barack thổ lộ là anh yêu tôi. Tình cảm giữa hai chúng tôi nảy nở nhanh chóng và tự nhiên đến độ bản thân khoảnh khắc đó không có gì đặc biệt đáng nhớ. Tôi không nhớ chính xác chuyện đã xảy ra khi nào và như thế nào. Đó chỉ là lời thể hiện dịu dàng và đầy ý nghĩa của một điều mà cả hai chúng tôi đều ngỡ ngàng khi nhận ra. Dù chỉ mới quen nhau đôi ba tháng, dù có vẻ gì đó không thực tế, nhưng chúng tôi đã yêu nhau.

Nhưng lúc này chúng tôi phải ứng phó với khoảng cách gần một ngàn năm trăm cây số chia cắt cả hai. Barack còn học hai năm nữa, và anh nói rằng sau khi tốt nghiệp, anh hy vọng sẽ an cư tại Chicago. Tôi không có ý định rời bỏ cuộc sống của mình tại Chicago trong thời gian này. Vẫn là một luật sư cấp trung non trẻ ở Sidley, tôi biết giai đoạn tiếp theo trong sự nghiệp của mình là cực kỳ quan trọng - thành tích của tôi sẽ quyết định tôi có thể trở thành luật sư cấp cao có cổ phần trong công ty hay không. Vì cũng từng học trường luật nên tôi cũng biết rõ Barack sẽ bận rộn đến mức nào. Anh được chọn làm biên tập viên cho tờ Harvard Law Review, một nguyệt san do sinh viên của trường tổ chức thực hiện và được xem là một trong những ấn bản về luật hàng đầu nước Mỹ. Được chọn vào đội ngũ biên tập là cả một vinh dự, nhưng điều đó cũng như thêm một công việc toàn thời gian vào thời khóa biểu vốn đã nặng nề của một sinh viên luật.

Vậy chúng tôi phải làm sao đây? Chúng tôi đành chọn điện thoại. Hãy nhớ bây giờ là năm 1989, khi không phải lúc nào trong túi quần cũng sẵn một cái điện thoại cầm tay tiện dụng như bây giờ. Tin nhắn chưa tồn tại; không có emoji^[6] nào để thay cho một nụ hôn. Điện thoại đòi hỏi cả hai chúng tôi phải dành thời gian lẫn sự sẵn sàng cho nhau. Những cuộc gọi riêng tư thường diễn ra ở nhà, vào ban đêm, khi chúng tôi đã mệt lả và cần đi ngủ.

Trước khi đi, Barack nói là anh ấy thích viết thư tay hơn.

“Anh không phải kiểu người thích nói chuyện qua điện thoại”, anh ấy nói vậy, như thể mọi chuyện đã được quyết định xong. Nhưng không. Chúng tôi đã trò chuyện với nhau cả mùa hè vừa qua. Tôi sẽ không giao phó tình yêu của chúng tôi cho tốc độ “rùa bò” của bưu điện. Lại thêm một điểm khác biệt nhỏ khác giữa hai chúng tôi: Barack có thể trải lòng mình qua ngòi bút. Anh lớn lên giữa những bức thư, hấp thu thứ dưỡng chất đến từ những phong thư mỏng manh được vận chuyển bằng đường hàng không do mẹ anh gửi sang từ Indonesia. Trong khi đó, tôi là kiểu người thích nói chuyện trực tiếp, người được nuôi lớn trong những bữa tối Chủ nhật ở nhà ông Southside, nơi mà đôi lúc bạn cần phải hét lên thì mọi người mới nghe thấy.

Gia đình tôi thích chuyện trò. Cha tôi mới vừa bán chiếc xe của ông để mua một chiếc xe tải đặc dụng phù hợp hơn với tình trạng khuyết tật của ông, và ông vẫn thường xuyên đến thăm các anh chị em họ của mình. Bạn bè, xóm giềng và các anh chị em họ của anh chị em họ vẫn đều đều xuất hiện ở Đại lộ Euclid và cắm rễ trong phòng khách nhà tôi để nghe ông kể chuyện và hỏi xin lời khuyên. Thậm chí David, anh bạn trai cũ của tôi hồi trung học, đôi khi cũng ghé vào để nhờ ông tư vấn. Cha tôi cũng không có vấn đề gì với điện thoại. Suốt nhiều năm, tôi đã chứng kiến ông gọi cho bà nội tôi ở South Carolina gần như mỗi ngày để thăm hỏi.

Tôi thông báo với Barack rằng nếu muốn mối quan hệ giữa hai chúng tôi tiến triển tốt đẹp, tốt hơn hết anh ấy nên thoải mái với việc sử dụng điện thoại. “Nếu em không nói chuyện được với anh thì chắc là em phải tìm một anh chàng khác có thể lắng nghe”, tôi đùa một chút.

Và thế là Barack trở thành anh chàng sử dụng điện thoại. Suốt mùa thu năm đó, chúng tôi nói chuyện với nhau thường xuyên nhất có thể. Cả hai đều bận rộn với thế giới riêng và thời gian biểu riêng của mình, nhưng vẫn chia sẻ với nhau những chi tiết nhỏ hàng ngày, cùng cảm thán về đồng tài liệu về thuế doanh nghiệp mà anh ấy phải đọc, hay cùng nhau cười lớn về việc tôi bắt đầu tập trút bỏ những bức bối ở văn phòng vào những bài aerobic sau giờ làm. Nhiều tháng trôi qua, cảm xúc giữa chúng tôi ổn định và đáng tin cậy. Với tôi, tình cảm này đã trở thành một điều mà tôi không còn cần phải thắc mắc nữa.

Ở Sidley & Austin, tôi là một thành viên thuộc nhóm tuyển dụng cho văn phòng Chicago, nhận nhiệm vụ phỏng vấn các sinh viên Trường Luật Harvard cho chương trình thực tập mùa hè. Cơ bản thì đó là một quá trình chiêu mộ. Bản thân tôi cũng từng là sinh viên, từng trải nghiệm sức mạnh và sự cám dỗ của tổ hợp công nghiệp ngành luật doanh nghiệp, được trao cho một tập hồ sơ bìa cứng dày như từ điển liệt kê tất cả các hãng luật trên

khắp nước Mỹ và được bảo rằng từng công ty trong đó đều muốn tuyển các luật sư tốt nghiệp Harvard. Đường như với giấy thông hành là tấm bằng Tiến sĩ Luật Harvard, bạn có một cơ hội làm việc tại bất kỳ thành phố nào, trong bất cứ lĩnh vực pháp lý nào, dù đó là một công ty tổ tụng khổng lồ ở Dallas hay một văn phòng tư vấn pháp lý bất động sản nhỏ ở New York. Nếu bạn muốn tìm hiểu một công ty nào trong số đó, bạn đề nghị họ đến trường phỏng vấn. Nếu cuộc phỏng vấn đó suôn sẻ, bạn sẽ nhận được một chuyến “đi thực tế”, bao gồm một vé máy bay, một phòng khách sạn năm sao, một vòng phỏng vấn khác tại văn phòng của công ty, và cuối cùng là một bữa chiêu đãi hoành tráng với những nhà tuyển dụng giống như tôi. Khi còn học Harvard, tôi đã tận dụng các chuyến đi này để đến San Francisco và Los Angeles, một phần là để tìm hiểu các hoạt động của luật giải trí, nhưng thành thật mà nói thì cũng vì tôi chưa từng đến California.

Giờ đây, khi tôi đã làm việc tại Sidley và trải nghiệm vai trò một nhà tuyển dụng, mục tiêu của tôi là tuyển vào những sinh viên luật không chỉ thông minh và có quyết tâm cầu tiến, mà còn không bị giới hạn bởi tiêu chí “nam giới” và “da trắng”. Trong đội ngũ tuyển dụng có duy nhất một phụ nữ gốc Phi khác, đó là một luật sư thâm niên tên Mercedes Laing. Mercedes hơn tôi khoảng mười tuổi và chị là một người bạn thân kiêm người dẫn dắt tôi. Cũng giống tôi, chị có hai tấm bằng của Ivy League và thường xuyên tham dự những sự kiện mà trong đó không có ai giống mình. Chúng tôi đồng ý với nhau rằng khó khăn nằm ở chỗ không chấp nhận chuyện đó hoặc xem chuyện đó là lẽ thường. Trong những cuộc họp về tuyển dụng, tôi luôn cương quyết - và tôi chắc chắn một số người còn nghĩ là tôi trâng tráo - tranh luận rằng hãng luật cần mở rộng phạm vi hơn khi tìm kiếm các tài năng trẻ. Cách thức bấy lâu của công ty là tiếp cận sinh viên của một nhóm trường luật đã chọn lọc, chủ yếu bao gồm trường Harvard, Stanford, Yale, Northwestern, Đại học Chicago và Đại học Illinois - những nơi mà hầu hết các luật sư hiện tại của công ty đã tốt nghiệp. Đó là một quá trình khép kín: một thể hệ luật sư tuyển dụng những luật sư mới, những người có trải nghiệm sống hết như họ, và do đó sự đa dạng trong công ty gần như bằng không. Công bằng mà nói thì đây không phải là vấn đề của riêng Sidley, mà là vấn đề ở hầu hết mọi hãng luật lớn trên nước Mỹ (dù có được nhìn nhận hay không). Một khảo sát trên tạp san National Law vào thời điểm đó cho thấy tại các hãng luật lớn, người Mỹ gốc Phi chiếm không tới 3% tổng số luật sư cấp trung và chưa tới 1% tổng số luật sư cấp cao có cổ phần trong công ty.

Để giúp khắc phục sự thiếu cân bằng này, tôi đề nghị công ty cân nhắc việc tuyển các sinh viên luật đến từ các trường cấp tiểu bang khác và từ những trường đại học từ xưa đến nay chỉ có người da đen theo học như Đại học Howard. Khi đội ngũ tuyển dụng tập trung tại phòng họp ở Chicago với một chồng sơ yếu lý lịch sinh viên cần xem xét, tôi lên tiếng phản đối mỗi khi một sinh viên nào đó tự động bị từ chối vì có một điểm B trên bảng điểm hay vì đã theo học chương trình cử nhân ở một trường kém danh tiếng hơn. Tôi nhấn mạnh rằng nếu công ty nghiêm túc trong việc tuyển dụng những luật sư thuộc nhóm thiểu số thì phải nhìn nhận các ứng viên một cách tổng thể hơn. Cần xem xét việc những ứng viên đó đã tận dụng mọi cơ hội mà họ có được trong đời như thế nào, chứ không phải chỉ đánh giá xem họ đã leo được đến đâu trên nấc thang học vấn của tầng lớp tinh hoa. Mục đích không phải là hạ thấp tiêu chuẩn cao của công ty, mà phải nhận thức được rằng nếu cứ tiếp tục đánh giá tiềm năng của các luật sư trẻ một cách cứng nhắc và thủ cựu thì công ty sẽ bỏ sót những người có thể đóng góp vào thành công chung. Nói cách khác, chúng ta cần phải phỏng vấn nhiều sinh viên hơn trước khi loại họ.

Vì lẽ này nên tôi thích đến Cambridge để tham gia tuyển dụng, vì việc đó giúp tôi có ảnh hưởng ít nhiều đến việc tuyển chọn sinh viên Harvard dự phỏng vấn. Dĩ nhiên, những chuyến đi này cũng cho tôi cái cơ để gặp Barack. Khi tôi đến đó lần đầu tiên, anh lái xe đến đón tôi. Đó là một chiếc Datsun mũi hếch màu vàng chuối đã qua sử dụng mà anh đã mua lại bằng khoản tín dụng sinh viên của mình. Khi anh vặn chìa khóa xe, động cơ xe rồ

lên và chiếc xe giật một cái thật mạnh trước khi rung lắc đều đều giữa tiếng động cơ ồn ào, khiến chúng tôi lắc lư trên ghế ngồi. Tôi nhìn Barack với vẻ không thể tin nổi.

“Anh lái cái thứ này sao?”, tôi lớn giọng để át tiếng ồn của động cơ.

Anh nhá cho tôi một nụ cười tinh quái, nụ cười mang hàm ý “chuyện-này-đã-có-anh-lo” luôn khiến tôi tan chảy. “Chịu khó chờ thêm một hai phút thôi, rồi nó sẽ ổn”, anh nói và vào số. Vài phút sau, khi đã lái vào một con đường đông đúc, anh nói thêm, “Với lại, chắc là em đừng nhìn xuống”.

Tôi đã phát hiện thứ mà anh không muốn tôi thấy - một cái lỗ gỉ sét rộng khoảng mười xăng-ti-mét trên sàn xe, nhìn qua cái lỗ đó tôi có thể nhìn thấy lòng đường đang vụt qua bên dưới.

Sống cùng Barack chẳng bao giờ nhàm chán. Kể cả từ lúc ấy tôi đã biết như vậy. Đó sẽ là một cuộc sống màu vàng chuối và có hơi dưng tóc gáy đôi chút. Đồng thời tôi cũng chợt nhận ra là có thể người đàn ông này sẽ không bao giờ làm ra tiền.

Anh sống tại căn hộ một phòng ngủ đơn sơ ở Somerville, nhưng khi tôi đến để thực hiện công tác tuyển dụng, Sidley sắp xếp cho tôi ở tại Khách sạn Charles sang trọng sát bên trường đại học, nơi chúng tôi ngủ trên ga giường chất lượng cao trơn mát. Và Barack, người vốn không nấu nướng gì, có thể ăn no căng bữa sáng nóng sốt ở khách sạn trước khi vào lớp buổi sáng. Buổi tối anh sẽ đến phòng của tôi và làm bài tập, trên người là chiếc áo choàng vải bông xù dày cộp rộng thùng thình của khách sạn.

Mùa Giáng sinh năm đó chúng tôi cùng bay đến Honolulu. Tôi chưa bao giờ đến Hawaii nhưng tôi khá chắc là mình sẽ thích nơi này. Dù gì tôi cũng xuất thân từ Chicago, nơi mùa đông kéo dài đến tận tháng Tư, nơi mà việc có một chiếc xeng xúc tuyết trong thùng xe là chuyện bình thường. Tôi có rất nhiều đồ len. Với tôi, tránh đông luôn là một chuyến đi vui vẻ. Thời đại học tôi đã có một chuyến tránh đông đến Bahamas với David, anh bạn học người Bahamas, và một chuyến khác đến Jamaica cùng cô bạn Suzanne. Trong cả hai chuyến đi đó tôi đều tận hưởng làn gió nhẹ nhàng mơn man trên da và niềm vui đơn giản mà tôi cảm nhận được mỗi khi được ở gần biển. Có lẽ không phải tình cờ mà tôi bị thu hút bởi những người sinh ra và lớn lên ở vùng đảo.

Ở Kingston, Suzanne đã dắt tôi tới những bãi biển cát trắng mịn, nơi chúng tôi lặn ngụp giữa những con sóng xanh màu ngọc bích. Cô ấy thành thạo dẫn tôi băng qua một khu chợ lộn xộn và liến thoắng trao đổi với những người bán hàng trên đường.

“Thử cái này đi!” Cô ấy nói to hết cỡ bằng giọng địa phương của mình, hào hứng đưa cho tôi những miếng cá nướng để nếm thử, rồi tới mấy miếng khoai mỡ chiên, những khúc mía cây và vài miếng xoài xắt lát. Cô ấy yêu cầu tôi nếm hết mọi thứ, nhất quyết phải cho tôi thấy ở đó có rất nhiều thứ đáng yêu đến dường nào.

Barack cũng không khác. Tới thời điểm đó, anh ấy đã có hơn mười năm sống trên đất liền, nhưng Hawaii vẫn có ý nghĩa sâu sắc đối với anh. Anh muốn tôi cảm nhận mọi thứ, từ những hàng cộ tán rộng trên đường phố ở Honolulu và bãi biển Waikiki hình lưỡi liềm, đến những ngọn đồi xanh rì uốn quanh thành phố. Trong khoảng một tuần, chúng tôi ở tại một căn hộ mượn tạm từ bạn bè của gia đình anh, và mỗi ngày chúng tôi đều ra biển để bơi lội và lười biếng phơi mình dưới nắng. Tôi đã gặp em gái Maya cùng mẹ khác cha của anh, cô gái mười chín tuổi thật tử tế, thông minh và đang học ở Barnard. Con bé có đôi gò má đầy đặn, đôi mắt nâu to tròn và những lọn tóc đen xoắn tít thả ngang vai. Tôi gặp ông bà Stanley và Madelyn Dunham của anh, hay “Toot và Gramps” như anh vẫn gọi. Họ vẫn sống tại tòa nhà cao tầng mà trước đây Barack từng sống, trong một căn hộ nhỏ được trang trí bằng các loại vải Indonesia mà bà Ann gửi về suốt nhiều năm.

Và tôi cũng gặp bà Ann, một phụ nữ đầy đặn, sôi nổi với mái tóc xoắn đen và chiếc cảm nhon giống Barack. Bà đeo những món nữ trang bằng bạc to đùng, mặc một chiếc váy bằng vải batik^[7] màu sáng và mang đôi xăng-

đan to sự đúng kiểu của một nhà nhân chủng học. Bà thân thiện với tôi và tò mò về gốc gác cũng như sự nghiệp của tôi. Rõ ràng là bà hết sức yêu thương con trai của mình - gần như là tôn sùng anh ấy - và có vẻ háo hức được ngồi trò chuyện với anh, kể cho anh nghe về luận án tiến sĩ mà mình đang làm và trao đổi ý kiến về những quyển sách nên đọc, hết như đang trò chuyện với một người bạn cũ vậy.

Mọi người trong gia đình vẫn gọi anh là Barry, mà tôi cảm thấy thật là triu mến. Theo tôi thấy thì dù đã rời quê nhà Kansas từ tận những năm 1940, ông bà ngoại của anh dường như vẫn là những con người vùng Midwest đang sống nhàm chỗ, như cách Barack vẫn luôn miêu tả về họ. Ông ngoại Gramps to lớn như một chú gấu và kể những câu chuyện đùa ngớ ngẩn. Bà ngoại Toot là một phụ nữ tóc muối tiêu có dáng vẻ hơi đầy đặn đang nỗ lực trở thành phó chủ tịch một ngân hàng ở địa phương. Bà chuẩn bị cho chúng tôi món bánh mì kẹp rau trộn cá ngừ cho bữa trưa. Buổi tối, bà đãi chúng tôi món bánh Ritz với cá trích làm món khai vị và dọn bữa tối lên những chiếc bàn gấp để mọi người có thể vừa ăn vừa xem tin tức trên ti-vi hay chơi một ván cờ sắp chữ Scrabble hấp dẫn. Họ là một gia đình trung lưu bình dị, không khác mấy so với gia đình tôi.

Điều này khiến cả tôi và Barack cảm thấy dễ chịu. Chúng tôi khác nhau nhưng vẫn hợp nhau theo một cách thật thú vị. Dường như sự thoải mái và thu hút giữa hai chúng tôi giờ đây đã được lý giải.

Ở Hawaii, sự mãnh liệt và lý trí của anh có vẻ giảm đi, còn bản tính thông dong thoải mái lại nổi lên. Anh đang ở nhà. Và nhà là nơi anh cảm thấy không cần phải chứng tỏ điều gì với bất kỳ ai. Chúng tôi trở nài trong mọi việc mình làm, nhưng điều đó chẳng hề gì - thậm chí cả với tôi. Một ngày nọ, anh bạn thời trung học Bobby của anh ấy, một người làm nghề đánh cá thương mại, đã dùng thuyền của mình để chở chúng tôi đi lặn bằng ống thở và dạo biển một vòng. Đó là lúc tôi thấy Barack thư giãn nhất kể từ khi hai chúng tôi gặp nhau. Anh nằm ườn dưới bầu trời xanh với một chai bia lạnh và một người bạn cũ, không còn dán mắt vào những tin tức hàng ngày hay những tài liệu ở trường luật, cũng không bận tâm xem phải làm gì với sự bất bình đẳng trong thu nhập. Sự dịu êm nhuốm màu nắng của hòn đảo mở ra không gian cho cả hai chúng tôi, để chúng tôi có thể tận hưởng khoảng thời gian mình chưa từng có trước đó.

Rất nhiều bạn bè của tôi đánh giá những người tình tiềm năng của họ từ ngoài vào trong, tức là chú trọng trước hết vào vẻ ngoài và triển vọng tài chính của người đó. Nếu người mà họ chọn hóa ra không phải là người giỏi giao tiếp hay không cảm thấy thoải mái khi phải bộc lộ điểm yếu, thì họ lại họ có xu hướng nghĩ rằng thời gian hoặc những lời thề hẹn sẽ giải quyết được vấn đề. Nhưng Barack đã thể hiện trọn vẹn con người của anh ấy khi đến với cuộc sống của tôi. Ngay từ cuộc nói chuyện đầu tiên, anh ấy đã cho tôi thấy rằng anh không ngại bộc lộ điểm yếu hay nỗi sợ của bản thân và anh trân trọng sự thành thật. Trong công việc, tôi đã chứng kiến sự khiêm nhường của anh, cũng như sự sẵn lòng hy sinh nhu cầu và mong muốn của bản thân vì một mục đích cao cả hơn.

Còn giờ đây khi đang ở Hawaii, tôi có thể nhìn thấy những khía cạnh nhỏ khác trong tính cách của anh. Tình bạn bền vững của anh đối với những người bạn thời trung học cho thấy sự trước sau như một của anh trong tình cảm. Trong sự tận tâm anh dành cho người mẹ có ý chí mạnh mẽ của mình, tôi nhìn thấy sự tôn trọng sâu sắc mà anh dành cho phụ nữ và sự độc lập của họ. Không cần phải nói thẳng ra thì tôi cũng biết là anh ấy có thể đón nhận một người bạn đời có tiếng nói và đam mê riêng của mình. Đó là những điều mà bạn không thể cưỡng cầu trong một mối quan hệ, những điều mà ngay cả tình yêu cũng không thể thật sự vun đắp hay thay đổi được. Khi mở cửa thế giới của mình cho tôi bước vào, Barack đang cho tôi thấy mọi điều tôi cần biết về kiểu người bạn đời mà anh ấy sẽ trở thành.

Có một buổi chiều chúng tôi đã mượn một chiếc xe và lái đến khu North Shore của Oahu, nơi hai chúng tôi ngồi trên bờ biển trải dài như một dải ruy băng mềm mại và nhìn người ta lướt ván ngang những con sóng khổng

lò. Chúng tôi ở đó nhiều giờ liền và chỉ tâm sự cùng nhau khi từng con sóng nổi tiếp nhau xô vào bờ, khi mặt trời lặn dần xuống đường chân trời và những người đi ngắm biển khác đang dọn đồ quay về. Chúng tôi trò chuyện đến khi bầu trời chuyển sang sắc hồng, rồi sang tím và cuối cùng là tối hẳn, đến khi lũ côn trùng bắt đầu hoành hành và chúng tôi bắt đầu đói. Nếu ban đầu tôi đến Hawaii để trải nghiệm điều gì đó thuộc về quá khứ của Barack, thì giờ đây chúng tôi đang ngồi trên bờ một đại dương khổng lồ, thể nghiệm một phiên bản nào đó của tương lai, cùng nói với nhau về ngôi nhà mà chúng tôi muốn ở vào một ngày nào đó, kiểu cha mẹ mà chúng tôi muốn trở thành.

TRỞ VỀ CHICAGO, tách ra khỏi Barack, thỉnh thoảng tôi vẫn tham gia những bữa tụ tập vào giờ vàng, dù hiếm khi ở lại lâu. Sự chú tâm đọc sách của Barack đã khiến tôi có hứng thú với sách. Giờ đây tôi thỏa mãn khi ngồi trên trường kỷ đọc một quyển tiểu thuyết hay vào tối thứ Bảy.

Khi chán, tôi gọi điện cho bạn cũ. Ngay cả khi giờ đây tôi có một anh bạn trai nghiêm túc, những cô bạn gái vẫn là người giúp mang đến sự ổn định cho tôi. Santita Jackson hiện đang lưu diễn khắp nước Mỹ trong vai trò ca sĩ hát bè cho Roberta Flack, nhưng chúng tôi vẫn trò chuyện với nhau mỗi khi có thể. Khoảng một năm trước, tôi và cha mẹ cùng ngồi trong phòng khách nhà mình, vô cùng tự hào xem Santita và các em của cô giới thiệu về cha của họ tại Đại hội toàn quốc Đảng Dân chủ năm 1988. Mục sư Jackson đã có một chiến dịch ứng cử tổng thống đáng nể, ông giành được khoảng một chục chiến thắng ở vòng bầu cử sơ bộ trước khi nhường vị trí đề cử cho Michael Dukakis. Trong quá trình đó, ông đã mang đến cho những hộ gia đình như nhà chúng tôi rất nhiều hy vọng và sự phấn khích mới mẻ, kể cả khi trong thâm tâm chúng tôi hiểu rằng ông rất khó lòng đắc cử.

Tôi thường xuyên trò chuyện với Verna Williams, một người bạn thân từ hồi ở trường luật, người mà cách đây không lâu vẫn còn sống ở Cambridge. Cô đã gặp Barack vài lần và rất mến anh, nhưng cô cũng trêu rằng tôi đã lơ là cái chuẩn mực cao đến mức khủng khiếp của mình rồi vì tôi chấp nhận quen một anh chàng hút thuốc. Angela Kennedy và tôi vẫn cười đùa thoải mái với nhau, cho dù cô ấy vừa làm giáo viên ở New Jersey vừa nuôi dạy đứa con trai còn bé và cố gắng giữ cho cuộc sống ổn định khi cuộc hôn nhân của cô đang dần đổ vỡ. Chúng tôi quen biết nhau khi còn là những cô sinh viên gốc nghèo chưa hoàn toàn trưởng thành, và giờ đây chúng tôi là những người lớn có cuộc sống và những mối bận tâm của người trưởng thành. Chỉ riêng cái ý nghĩ đó thôi đôi khi đã khiến chúng tôi bật cười.

Trong khi đó, Suzanne vẫn là con người thích bay nhảy như hồi hai chúng tôi còn ở chung một phòng ký túc xá ở Princeton. Cô vẫn ra ra vào vào cuộc sống của tôi một cách khó đoán, tiếp tục đo lường những giá trị trong cuộc sống của mình chỉ dựa trên tiêu chí có vui hay không. Có những quãng thời gian rất dài chúng tôi không liên lạc với nhau, nhưng khi gặp lại thì mối dây tình bạn của chúng tôi lại được gắn kết với nhau rất dễ dàng. Tôi vẫn gọi cô là Screwzy và cô gọi tôi là Miche. Thế giới của chúng tôi vẫn khác nhau như hồi còn đi học – cô la cà đến các bữa tiệc tại câu lạc bộ ẩm thực và đá quần áo dơ vào gầm giường, trong khi tôi tỉ mỉ dùng giấy màu đánh dấu các ghi chép môn Xã hội học 201 của mình. Suzanne giống như một người chị em có cuộc sống mà tôi chỉ có thể dõi theo từ xa, từ phía bên kia của cái khoảng trống khác biệt giữa hai chúng tôi. Cô ấy dễ khiến tôi phát điên, cô ấy duyên dáng, và cô ấy luôn là người bạn quan trọng đối với tôi. Cô ấy xin tôi lời khuyên và rồi cố ý phớt lờ nó. Hẹn hò với một ngôi sao nhạc pop hơi nổi tiếng và ưa tán tỉnh có phải là một ý tồi hay không? Có đấy, đó có thể là một ý kiến tồi, nhưng rồi cô ấy cũng sẽ hẹn hò với anh chàng đó, vì tại sao lại không? Chuyện khiến tôi bức bối nhất là cô ấy từ chối cơ hội nhập học một trường kinh doanh thuộc Ivy League sau khi tốt nghiệp đại học, vì cô cho rằng việc đó sẽ rất vất vả và do đó không có gì vui. Thay vào đó, cô ấy học chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh ít-căng-thẳng-hơn tại một trường đại học cấp tiểu bang, điều mà tôi xem là một lựa chọn lười biếng.

Các lựa chọn của Suzanne đôi khi như một sự đối đầu với cách sống của tôi, luôn chuộng sự thoải mái và ít nỗ lực. Giờ thì tôi có thể nói là tôi đã đánh giá cô ấy một cách thiếu công bằng qua những lựa chọn đó. Nhưng lúc ấy tôi chỉ nghĩ là mình đúng.

Chẳng bao lâu sau khi bắt đầu hẹn hò với Barack, tôi gọi cho Suzanne để tâm sự về tình cảm của mình dành cho Barack. Cô ấy rất hào hứng khi biết tôi đang hạnh phúc đến như vậy – đối với cô, hạnh phúc chính là đơn vị đo lường giá trị. Suzanne cũng có tin vui: cô bỏ công việc chuyên viên máy tính ở Cục Dự trữ Liên bang và sắp đi du lịch - không phải vài tuần mà là nhiều tháng trời. Suzanne và mẹ cô sắp có một chuyến phiêu lưu theo kiểu vòng quanh thế giới. Vì tại sao lại không?

Tôi không biết Suzanne có linh cảm được là có điều gì đó kỳ lạ đang xảy ra với các tế bào trong cơ thể của cô hay không, rằng một cuộc đột nhập âm thầm đã bắt đầu diễn ra. Tôi chỉ biết là vào mùa thu năm 1989, trong khi tôi phải ngồi dự những buổi họp dài trong phòng hội nghị ở Sidley thì mẹ con Suzanne đang cố không làm vấy cà ri lên những chiếc váy mùa hè của họ ở Campuchia và khiêu vũ đón bình minh trên những lối đi thênh thang của đền Taj Mahal. Khi tôi đang cân bằng sổ sách thu chi, thu gom quần áo đã giặt và nhìn những chiếc lá vàng héo úa rơi xuống Đại lộ Euclid, thì Suzanne đang lao qua Bangkok nóng ẩm trong một chiếc tuk-tuk và sung sướng bấm còi inh ỏi - theo tôi tưởng tượng. Trên thực tế, tôi không biết những chuyến đi của Suzanne ra sao và những nơi nào cô đã thật sự đặt chân đến, vì cô không phải là người thích gửi bưu thiếp hay giữ liên lạc mọi lúc mọi nơi. Suzanne quá bận sống, bận trải nghiệm tận cùng những gì thế giới mang tới.

Đến khi cô về lại nhà mình ở Maryland và có thời gian liên lạc với tôi thì tin tức mà tôi nhận được lại khác hẳn - nó đáng chất và quá tương phản với hình ảnh của Suzanne trong tâm trí tôi đến nỗi tôi không tài nào chấp nhận được.

“Mình bị ung thư”, Suzanne nói với tôi, giọng cô khàn đi vì xúc động. “Rất nặng.”

Bác sĩ vừa chẩn đoán cô mắc căn bệnh đó, một dạng ung thư hệ bạch huyết ác tính, và nó đã tấn công vào nội tạng của Suzanne. Cô mô tả phác đồ điều trị cho tôi nghe, nói về hy vọng gì đó vào kết quả, nhưng tôi bị choáng váng đến mức không còn nhớ chi tiết nữa. Trước khi cúp máy, cô ấy nói rằng số mệnh thật nghiệt ngã khi mẹ cô ấy cũng lâm trọng bệnh.

Tôi không chắc là mình có bao giờ tin là cuộc sống công bằng hay không, nhưng tôi luôn nghĩ chúng ta có thể tìm ra giải pháp cho mọi vấn đề. Bệnh ung thư của Suzanne chính là thứ đầu tiên thách thức quan điểm đó, nó tàn phá những lý tưởng của tôi. Vì ngay cả khi chưa chốt xong những chi tiết cụ thể, tôi vẫn có những hình dung nhất định về tương lai. Tôi có một kế hoạch mà tôi vẫn miệt mài duy trì từ năm nhất đại học, một kế hoạch được hình thành từ bản danh sách những việc cần làm được viết ngay ngắn mà tôi nhất định phải hoàn thành.

Đối với tôi và Suzanne, mọi thứ đáng lẽ phải diễn ra như thế này: chúng tôi sẽ trở thành phù dâu cho đám cưới của nhau. Chồng chúng tôi đương nhiên sẽ rất khác nhau, nhưng dù sao thì cả hai cũng sẽ rất hợp nhau. Chúng tôi sẽ có con vào cùng thời điểm, rồi hai gia đình sẽ cùng đi nghỉ dưỡng trên bờ biển Jamaica. Chúng tôi vẫn sẽ hơi chỉ trích về phương pháp nuôi dạy con của nhau, và chúng tôi sẽ là những người cô người dì mà bọn trẻ yêu thích. Tôi sẽ tặng con của Suzanne những quyển sách vào dịp sinh nhật chúng; còn cô ấy sẽ tặng con tôi mấy cây cà kheo. Chúng tôi sẽ cười và chia sẻ với nhau những bí mật, chúng tôi sẽ trợn mắt ngán ngẩm trước những điều mà mình cho là thuộc về phong cách quái gở của người kia. Đến một ngày nọ chúng tôi chợt nhận ra mình đã là hai quý bà chơi thân với nhau cả đời, và chúng tôi sẽ bối rối tự hỏi sao thời gian trôi qua nhanh quá.

Đối với tôi, đó chính là thế giới mà chúng tôi nên có.

BÂY GIỜ NHÌN LẠI, điều đáng chú ý là suốt mùa đông và mùa xuân đó, tôi chỉ làm những việc mình cần làm. Tôi là một luật sư, và luật sư thì làm việc. Chúng tôi luôn làm việc. Năng lực của chúng tôi cao bằng số giờ chúng tôi được thanh toán. Tôi tự nhủ mình không có lựa chọn nào khác. Tôi tự nhủ công việc là quan trọng. Và thế là mỗi sáng tôi có mặt tại trung tâm của Chicago, trong tòa nhà văn phòng đồ sộ có tên One First National Plaza. Tôi cắm đầu làm việc và tính tiền cho mỗi giờ công của mình.

Còn ở Maryland, Suzanne đang sống chung với bệnh tật. Cô vừa đương đầu với những lần khám bệnh và những ca phẫu thuật, đồng thời cố gắng chăm sóc cho mẹ, người cũng đang đấu tranh với một căn bệnh ung thư hiểm nghèo mà bác sĩ khẳng định là hoàn toàn không liên quan gì đến căn bệnh của Suzanne. Đó là sự rủi ro, xui xẻo, quái gở đến nỗi chỉ nghĩ đến thôi cũng đã là quá đáng sợ. Những thành viên còn lại trong nhà Suzanne không quá khăng khít với nhau, trừ hai cô chị em họ yêu quý đã hết lòng giúp đỡ Suzanne. Thịnh thoảng Angela lái xe từ New Jersey đến thăm, nhưng cô ấy cũng bận rộn vừa chăm con vừa đi làm. Tôi nhờ Verna, một cô bạn ở trường luật, thay tôi ghé thăm Suzanne bất cứ khi nào có thể. Verna đã gặp Suzanne vài lần hồi chúng tôi ở Harvard, và thật tình cờ là cô ấy đang sống ở Silver Spring, trong tòa nhà đối diện bãi xe nhà Suzanne.

Tôi biết việc tôi nhờ là quá sức đối với Verna, bởi cô cũng vừa mất cha và cũng đang vật vã với nỗi đau riêng. Nhưng cô ấy là một người bạn đích thực, một con người biết cảm thông. Cô ấy gọi điện tới văn phòng tôi vào một ngày tháng Năm để kể lại chi tiết của một lần thăm.

“Mình đã chải tóc cho cô ấy”, Verna nói.

Lẽ ra khi nghe Suzanne cần phải nhờ người chải tóc, tôi đã phải biết rõ tình trạng bạn mình tệ như thế nào. Nhưng tôi đã trốn tránh sự thật. Phần nào đó trong tôi vẫn khẳng định chuyện này không hề xảy ra. Tôi vẫn tin là sức khỏe của Suzanne sẽ cải thiện, ngay cả khi có hàng đống bằng chứng cho thấy điều ngược lại.

Cuối cùng, vào tháng Sáu, Angela là người gọi cho tôi và đi thẳng vào vấn đề. “Miche, nếu cậu có ý định tới thăm Suzanne thì tốt nhất là hãy đi ngay đi.”

Khi đó Suzanne đã nhập viện. Cô yếu tới mức không thể nói chuyện và thường xuyên rơi vào trạng thái mất ý thức. Tôi không thể né tránh chuyện này được nữa. Tôi gác điện thoại và mua vé máy bay. Tôi bay về miền đông, đón taxi tới bệnh viện, vào thang máy và lên đúng tầng, sau đó tôi đi theo hành lang dẫn tới phòng cô ấy và thấy bạn mình đang nằm trên giường bệnh. Angela và cô em họ đang trông chừng cô ấy, không ai nói một lời nào. Thì ra mẹ của Suzanne đã qua đời ít ngày trước, và giờ đây Suzanne đang hôn mê. Angela nhường chỗ cho tôi ngồi trên mép giường của Suzanne.

Tôi chăm chú nhìn Suzanne, nhìn khuôn mặt trái xoan hoàn hảo và làn da nâu đỏ của cô. Tôi cảm thấy được an ủi đôi chút khi thấy đôi gò má của cô vẫn còn mịn màng tươi trẻ và đôi môi cong nở nụ cười kia vẫn còn sức sống. Theo một cách kỳ lạ nào đó, dường như căn bệnh không hề ảnh hưởng đến bề ngoài của Suzanne. Mái tóc đen của cô vẫn óng và dài; ai đó đã tết nó thành hai bím tóc dài gần đến eo. Và dưới lớp mền kia vẫn là đôi chân của một cô gái ưa vận động. Suzanne trông vẫn trẻ trung như một cô gái hai mươi sáu tuổi ngọt ngào, xinh đẹp và có lẽ chỉ đang chớp mắt một chút.

Tôi hối hận vì đã không đến thăm bạn mình sớm hơn. Tôi hối hận vì trong mối quan hệ bạn bè khi gần khi xa của chúng tôi, có nhiều lần tôi đã khẳng định rằng cô ấy quyết định sai trong khi có thể cô ấy đang làm đúng. Bỗng nhiên tôi thấy vui vì tất cả những lần cô ấy đã bỏ ngoài tai lời khuyên của tôi. Tôi mừng vì cô ấy đã không nỗ lực đến kiệt sức để nhận một tấm bằng kinh doanh thời thượng nào đó. Tôi mừng vì cô đã có một cuối tuần ngây ngất bên anh chàng ngôi sao nhạc pop mới nổi. Tôi mừng vì cô ấy đã đến tận Taj Mahal để ngắm bình minh với mẹ. Suzanne đã sống theo cách mà tôi chưa từng sống bao giờ.

Hôm đó tôi đã cầm bàn tay bất động của cô, nhìn hơi thở của cô yếu dần và những lần hít vào mỗi lúc một thưa. Đến một lúc, y tá khẽ gật đầu báo hiệu. Chuyện đó đang xảy ra. Suzanne đang rời đi. Đầu óc tôi tối sầm lại. Tôi không còn suy nghĩ được điều gì sâu xa nữa. Tôi không nhận ra sự sống hay sự mất mát nữa. Nếu còn nhận thức được điều gì thì đó là tôi đang giận dữ.

Thật quá đơn giản khi nói rằng việc Suzanne mắc bệnh và ra đi ở tuổi hai mươi sáu là bất công. Nhưng đó là thực tế, một thực tế lạnh lùng và xấu xí. Khi để cô lại trong phòng bệnh hôm đó, tôi đã nghĩ: Cô ấy đã ra đi, còn mình vẫn ở đây. Ngoài hành lang, nhiều bệnh nhân lớn tuổi và có vẻ bệnh nặng hơn cô nhiều, và họ vẫn đang ở đây, còn bạn tôi thì đã đi rồi. Tôi đón chuyến bay chập chờn khách để về lại Chicago, lái xe qua một con đường cao tốc đông đúc và bước vào thang máy để đi lên văn phòng của mình. Tôi thấy người ta đang ngồi trong xe với dáng vẻ hạnh phúc, có người rảo bước trên vỉa hè trong trang phục mùa hè, có người ngồi thành thoi trong các quán cà phê, và có người đang làm việc trong văn phòng. Tất cả những người đó đều hoàn toàn không biết chuyện đã xảy ra với Suzanne - rõ ràng là họ cũng không nhận thức được rằng họ cũng có thể chết vào bất kỳ lúc nào. Thật vô lý khi thế giới cứ tiếp tục xoay vòng như thế. Thật vô lý khi mọi người vẫn còn đây, trừ Suzanne của tôi.

HÈ NĂM ĐÓ TÔI BẮT ĐẦU VIẾT NHẬT KÝ. Tôi sắm cho mình một quyển sổ màu đen có bìa bọc vải in hoa tím và đặt nó cạnh giường. Tôi mang quyển sổ theo mỗi khi đi công tác cho Sidley & Austin. Tôi không viết hàng ngày, thậm chí cũng không phải hàng tuần. Tôi chỉ cầm bút khi có thời gian và năng lượng để sắp xếp lại những cảm xúc lộn xộn của mình. Tôi dành một tuần để viết vài bài, rồi tôi không đụng đến quyển sổ suốt một tháng hoặc có khi lâu hơn. Bản chất tôi không phải là người thích suy xét nội tâm. Việc ghi lại suy nghĩ của bản thân hãy còn mới mẻ đối với tôi. Tôi nghĩ đây là thói quen mà tôi phần nào có được nhờ Barack, người xem việc viết lách như một cách trị liệu và làm rõ mọi điều. Anh đã duy trì việc viết nhật ký suốt nhiều năm trời, dù không đều đặn.

Anh quay lại Chicago trong kỳ nghỉ hè của trường Harvard, và lần này anh không thuê lại phòng trọ mà dọn hẳn vào căn hộ của tôi trên Đại lộ Euclid. Điều này không chỉ đồng nghĩa với việc chúng tôi đang học, học qua trải nghiệm thực tế, cách chung sống với nhau như một cặp đôi, mà còn có nghĩa là Barack trở nên thân thiết hơn với gia đình tôi. Anh ấy nói về thể thao với cha tôi khi ông chuẩn bị bắt đầu ca làm việc ở nhà máy nước. Đôi lúc anh ấy giúp mẹ tôi xách đồ từ ga-ra vào nhà. Cảm giác đó thật dễ chịu. Anh Craig đã đánh giá tính cách của Barack một cách thấu đáo và tỏ tường nhất có thể - anh ấy rủ Barack tham gia một trận bóng rổ quyết liệt vào dịp cuối tuần với một nhóm bạn thân của mình, phần lớn đều là cựu cầu thủ của đội tuyển trường đại học. Thật ra anh Craig đã làm vậy theo yêu cầu của tôi. Tôi rất coi trọng ý kiến của anh Craig về Barack, và anh tôi có thể đọc được cá tính của người khác, đặc biệt là qua một trận đấu bóng rổ. Barack

đã vượt qua bài kiểm tra. Anh tôi nói anh ấy uyển chuyển trên sân, biết khi nào nên chuyển bóng và cũng không ngại ném rổ khi có chỗ trống. “Anh chàng không phải kiểu khur khur giữ bóng, nhưng rất gan góc”, anh Craig nhận định.

Barack đã nhận làm luật sư thực tập mùa hè tại một văn phòng luật ở trung tâm thành phố, gần với văn phòng của Sidley, nhưng thời gian anh ấy ở lại Chicago rất ngắn ngủi. Anh được bầu làm chủ nhiệm tập san Harvard Law Review cho năm học tiếp theo, đồng nghĩa với việc anh có trách nhiệm phát hành tám số báo, mỗi số ba trăm trang, và cần phải sớm về Cambridge để bắt tay vào việc. Cuộc đua vào vị trí chủ nhiệm tập san hàng năm luôn khốc liệt, bao gồm một màn đánh giá gắt gao và một cuộc bầu chọn do tám mươi biên tập viên sinh viên thực hiện. Được chọn vào vị trí này là một thành tựu lớn. Không những vậy, hóa ra Barack là người Mỹ gốc Phi đầu tiên được chọn trong lịch sử một trăm lẻ ba năm của tờ báo - một dấu mốc lớn lao tới mức tờ New York Times đã đưa tin kèm một bức ảnh Barack quần khăn choàng cổ và mỉm cười trong trang phục áo khoác mùa đông.

Nói cách khác, bạn trai của tôi rất xuất sắc. Anh ấy có thể nhận được đủ loại công việc lương khủng ở bất kỳ hãng luật nào vào lúc ấy, nhưng anh lại muốn thực hành luật dân quyền ngay khi tốt nghiệp, cho dù điều đó đồng nghĩa với việc anh phải mất gấp đôi thời gian để trả hết tiền vay học phí. Gần như tất cả những người mà anh ấy quen biết đều giục anh đi theo con đường của rất nhiều biên tập viên tiền nhiệm của tờ Harvard Law Review và ứng tuyển vào vị trí thư ký ở Tòa án Tối cao, một chức vụ ngon lành. Nhưng Barack không có hứng thú với chuyện đó. Anh muốn sống ở Chicago. Anh có ý tưởng viết một quyển sách về chủng tộc tại Mỹ, và anh nói đã có kế hoạch tìm một công việc phù hợp với các giá trị cá nhân của

anh, mà như vậy nghĩa là anh sẽ không làm trong mảng luật doanh nghiệp. Anh ấy hoạch định con đường của mình với một sự chắc chắn khiến tôi vô cùng kinh ngạc.

Đương nhiên sự tự tin bẩm sinh của anh thật đáng ngưỡng mộ, nhưng thành thật mà nói, cứ thử sống cùng với nó đi rồi biết. Với tôi, sống chung với một người có mục tiêu rõ ràng và mạnh mẽ như Barack - cùng ăn cùng ngủ với sự tự tin đó - là một điều mà tôi phải điều chỉnh để thích nghi. Đứng trước sự tự tin của anh, trước ý niệm của anh về việc anh có thể tạo ra thay đổi nào đó trên thế giới, tôi không khỏi có cảm giác thua kém khi so sánh với anh. Một cách vô tình, mục đích sống rõ ràng đó của anh giống như một thách thức đối với mục đích sống của tôi.

Thế nên trong nhật ký của mình, tôi đã viết ra lý do tôi bắt đầu viết nhật ký. Ngay từ trang đầu tiên, bằng nét viết tay cẩn thận, tôi ghi:

Một, tôi rất băn khoăn về việc mình muốn làm gì trong đời. Tôi muốn trở thành con người như thế nào? Tôi muốn đóng góp gì cho thế giới?

Hai, tôi đang ngày càng nghiêm túc trong mối quan hệ với Barack, và tôi cảm thấy mình cần giải quyết những vấn đề của bản thân cho tốt.

Quyển sổ bé có bìa in hoa này giờ đây đã sống qua vài thập kỷ và nhiều lần chuyển nhà. Nó đã được đặt trên kệ sách trong phòng thay đồ của tôi ở Nhà Trắng trong tám năm, cho đến tận gần đây tôi mới lấy nó ra khỏi chiếc hộp trong căn nhà mới để tìm cách tự làm quen lại với phiên bản cô luật sư trẻ của mình trước kia. Hôm nay tôi đọc lại những dòng chữ đó và hiểu chính xác những gì tôi từng cố gắng nói với chính mình - điều mà một nữ cố vấn nghiêm túc có thể đã nói thẳng với tôi. Thật ra thì nó rất đơn giản. Thứ nhất, tôi ghét làm luật sư. Tôi không thích hợp với công việc ấy. Tôi cảm thấy trống rỗng khi phải làm công việc của luật sư, mặc dù tôi làm khá giỏi. Đây quả là một sự thừa nhận đau lòng, nếu xét những nỗ lực tôi đã bỏ

ra và khoản nợ tôi đã phải trả. Vì sự khao khát mù quáng là phải trở nên xuất sắc, vì nhu cầu làm mọi việc thật hoàn hảo, tôi đã bỏ qua những dấu hiệu và đã chọn sai đường.

Thứ hai, tôi đang yêu, yêu say đắm một chàng trai mà trí tuệ và tham vọng mãnh liệt của anh ấy có thể nuốt chửng trí tuệ và tham vọng của tôi. Tôi đã thấy chuyện đó xảy ra, nó như một cuộn sóng đang lao tới với lực dội mãnh liệt. Tôi không thể nào thoát khỏi con đường đó - tôi đã quá gần bó với Barack, quá yêu anh ấy - nhưng tôi thật sự cần phải nhanh chóng đứng vững trên đôi chân của mình.

Điều này đồng nghĩa với việc tìm một nghề nghiệp mới, và điều khiến tôi ngạc nhiên nhất chính là tôi không hề có ý tưởng rõ ràng nào về việc mình muốn làm. Bằng cách nào đó, trong suốt những năm tháng học hành tôi chưa bao giờ suy nghĩ thấu đáo về đam mê của bản thân và các đam mê đó có thể phù hợp như thế nào với công việc mà tôi thấy có ý nghĩa. Hồi còn trẻ, tôi không khám phá gì cả. Tôi nhận ra sự chín chắn của Barack có được là nhờ những năm tháng anh làm nhà tổ chức sự kiện cộng đồng, và thậm chí là nhờ một năm vô cùng đáng thất vọng trước đó, năm anh đảm nhiệm vai trò nghiên cứu sinh tại một tập đoàn tư vấn luật doanh nghiệp ở Manhattan ngay sau khi tốt nghiệp đại học. Anh đã thử nhiều thứ khác nhau, biết đủ loại người và trong quá trình đó, anh đã nghiệm ra đâu là những ưu tiên của đời mình. Trong khi đó, tôi quá sợ phải va vấp, quá nóng lòng muốn có được sự tôn trọng và có cách trang trải cuộc sống, đến mức tôi thẳng tiến vào ngành luật mà chẳng nghĩ suy gì.

Trong vòng một năm, tôi có Barack và mất Suzanne, và sức ép của hai điều này khiến tôi chao đảo. Sự ra đi đột ngột của Suzanne đã đánh thức trong tôi cái ý nghĩ rằng tôi muốn có nhiều niềm vui và ý nghĩa hơn trong cuộc sống. Tôi không thể tiếp tục sống với cảm giác tự thỏa mãn được. Tôi

vừa biết ơn nhưng cũng vừa trách cứ Barack vì sự hoang mang này. Tôi viết trong nhật ký, “Giả sử không có người đàn ông liên tục chất vấn tôi về những điều thôi thúc tôi và những điều khiến tôi đau đớn thì tôi có tự mình làm điều đó hay không?”.

Tôi đã nghĩ về những việc mình có thể làm, những kỹ năng mình có thể có. Tôi có thể trở thành giáo viên không? Hay một nhân viên học vụ? Tôi có thể điều hành một chương trình phụ đạo sau giờ học không, giống như những gì tôi đã làm cho chị Czerny ở Princeton nhưng chuyên nghiệp hơn? Tôi có ý định làm việc cho một quỹ hoặc tổ chức phi lợi nhuận nào đó. Tôi hứng thú với việc hỗ trợ những đứa trẻ chịu nhiều thiệt thòi. Tôi tự hỏi không biết có thể tìm thấy một công việc cần đến trí óc nhưng đồng thời cũng cho tôi đủ thời gian để làm công tác thiện nguyện, cảm thụ nghệ thuật hoặc có con cái hay không. Về cơ bản, tôi muốn một cuộc sống ý nghĩa. Tôi muốn cảm thấy trọn vẹn. Tôi viết ra một danh sách những điều mình quan tâm: giáo dục, vấn đề mang thai ở tuổi vị thành niên, lòng tự trọng của người da đen. Tôi biết là một công việc nghiêng về giá trị đạo đức nhiều hơn sẽ có mức lương thấp hơn. Danh sách kế tiếp của tôi bao gồm những chi tiêu thiết yếu của tôi - những gì còn lại sau khi tôi bỏ hết những thứ xa xỉ tôi đã tự cho phép mình hưởng thụ bằng đồng lương ở Sidley, những thứ như dịch vụ nếm rượu và quyền thành viên câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe. Tôi phải trả sáu trăm đô-la hàng tháng tiền nợ học phí, bốn trăm lẻ bảy đô-la trả góp mua xe, tiền chi tiêu cho ăn uống, xăng dầu, bảo hiểm, và đại khái là khoảng năm trăm đô-la hàng tháng để trả tiền thuê nhà nếu tôi có ý định dọn ra khỏi căn nhà của cha mẹ tôi.

Không có gì là không thể, nhưng cũng không có gì trông có vẻ đơn giản cả. Tôi bắt đầu tìm kiếm cơ hội làm việc trong ngành luật giải trí với suy nghĩ rằng có lẽ ngành này sẽ thú vị và có thể giúp tôi đảm bảo thu nhập như

hiện tại. Nhưng trong thâm tâm tôi, một điều đang dần dần trở nên chắc chắn: tôi không phù hợp với ngành luật. Một ngày nọ tôi chú ý một bài báo mà tôi đọc được trên tờ New York Times. Bài báo nói về sự mệt mỏi, căng thẳng và bất mãn đang lan tràn trong giới luật sư Mỹ, đặc biệt là phụ nữ. “Thật là thảm cảnh”, tôi viết vào nhật ký như vậy.

PHẦN LỚN THỜI GIAN của tháng Tám năm đó, tôi miệt mài làm việc trong một phòng hội nghị thuê tại một khách sạn ở Washington, D.C., nơi tôi được điều đến để hỗ trợ một vụ kiện. Sidley & Austin đang đại diện cho siêu tập đoàn hóa chất Union Carbide trong một vụ kiện chống độc quyền liên quan đến việc bán ra một loại cổ phiếu của hãng. Tôi ở Washington khoảng ba tuần nhưng không có nhiều thời gian để tham quan thành phố, vì cuộc sống của tôi hoàn toàn cống hiến cho những giờ làm việc trong căn phòng đó với một vài đồng nghiệp ở Sidley, chuyên tâm mở những thùng hồ sơ được chuyển đến từ trụ sở công ty và xem qua hàng ngàn trang tài liệu bên trong.

Có thể bạn không nghĩ tôi là kiểu người cảm thấy hứng thú khi phải làm việc với ngành sản xuất hóa phẩm, nhưng thật sự tôi có hứng thú. Tôi vẫn đang làm những việc liên quan đến luật, nhưng đặc điểm của công việc và sự thay đổi hoàn cảnh đã giúp tôi bớt lẩn quẩn với những câu hỏi lớn hơn đang bắt đầu trỗi dậy trong tâm trí mình.

Cuối cùng, vụ kiện hóa chất cũng đã được giải quyết ngoài tòa án, đồng nghĩa với việc phân lớn những tài liệu tôi đọc đã không còn ý nghĩa gì nữa. Chuyện đó rất khó chịu nhưng cũng là một sự đánh đổi bình thường trong lĩnh vực pháp lý, lĩnh vực mà việc chuẩn bị cho một vụ kiện không bao giờ được ra tòa là rất bình thường. Vào buổi tối mà tôi bay về Chicago, tôi cảm thấy một nỗi sợ đang đè nặng khi biết mình sắp phải quay về lễ thói sinh hoạt hàng ngày và sắp bước vào màn sương hồ nghi của bản thân.

Mẹ đến đón tôi ở sân bay O'Hare. Chỉ nhìn thấy bà thôi cũng giúp tôi thoải mái. Bà giờ đã ngoài năm mươi và đang làm trợ lý cấp cao toàn thời gian tại một ngân hàng ở trung tâm, mà theo mô tả của bà thì về cơ bản đó là nơi một đám đàn ông ngồi ở bàn làm việc chỉ vì cha của họ cũng từng là nhân viên ngân hàng. Mẹ tôi là người mạnh mẽ. Bà không chịu được những kẻ ngu ngốc. Bà để tóc ngắn và mặc quần áo tiện dụng, không màu mè. Mọi thứ nơi bà đều toát ra vẻ bản lĩnh và trầm tĩnh. Vẫn như hồi anh Craig và tôi còn bé, bà không can dự vào cuộc sống riêng của chúng tôi. Bà thể hiện tình yêu dưới dạng sự tin cậy. Bà xuất hiện khi chuyến bay của bạn hạ cánh. Bà chờ bạn về nhà và cho bạn ăn nếu bạn thấy đói. Sự điềm tĩnh vững vàng của bà mang đến cho tôi cảm giác được nương náu, như thể đó là nơi trú ẩn an toàn.

Tôi thở dài khi chúng tôi đi về phía nội thành.

“Con ổn chứ?”, mẹ tôi hỏi.

Tôi nhìn bà trong ánh sáng nhấp nhô của xa lộ. “Con không biết nữa. Chỉ là...”

Và cứ thế, tôi nói ra những cảm nhận của mình. Tôi nói với bà rằng tôi không hạnh phúc với công việc, thậm chí là với ngành nghề mình đã chọn - tôi thật sự cảm thấy không hạnh phúc. Tôi kể với bà về sự bồn chồn của mình, sự tuyệt vọng muốn có một thay đổi lớn nhưng lo lắng là mình sẽ không kiếm đủ tiền nếu làm vậy. Đó là những cảm xúc trần trụi. Tôi lại buông ra một tiếng thở dài khác. “Con chỉ không cảm thấy trọn vẹn”, tôi nói với bà.

Bây giờ tôi đã hiểu cảm giác của mẹ khi nghe tôi nói câu đó. Bà đã đi làm trở lại được chín năm nay, chủ yếu chỉ để có thêm tiền cho tôi vào đại học. Còn trước đó, chính bà đã lựa chọn không đi làm suốt nhiều năm trời, chỉ để có thời gian khâu vá đồng phục cho anh em chúng tôi, nấu nướng

cho cha tôi - người cũng vì gia đình đã dành ra tám giờ mỗi ngày để theo dõi máy đo trong nhà máy lọc nước. Mẹ tôi, người vừa lái xe một giờ đồng hồ để đón tôi ở sân bay, người đang cho tôi sống ở tầng trên của căn nhà mà không phải trả một đồng tiền thuê, và người sẽ phải thức giấc vào bình minh hôm sau để giúp người cha bị tật của tôi sửa soạn đi làm, khó lòng nuông theo nổi bận tâm của tôi về sự thỏa mãn trong công việc.

Tôi chắc chắn sự thỏa mãn này đối với bà cũng như tính tự phụ của người giàu. Tôi nghĩ trong suốt ba mươi năm bên nhau, cha mẹ tôi chưa bao giờ nói về điều đó dù chỉ một lần.

Mẹ không đánh giá tôi vì có những suy tư như thế. Bà không phải kiểu người thích dạy đời hay cố khiến cho người ta thấy những gì bà đã hy sinh. Bà lặng lẽ ủng hộ mọi lựa chọn của tôi. Thế nhưng lần này bà vừa bấm đèn xi-nhan để đưa hai chúng tôi ra khỏi cao tốc và rẽ vào khu phố của mình, vừa liếc nhìn tôi với vẻ châm biếm và cười khế. Bà nói, “Nếu con đã hỏi thì ý mẹ là hãy lo kiếm tiền trước, còn chuyện vui trong công việc thì tính sau”.

CÓ NHỮNG SỰ THẬT mà chúng ta đổi mặt và những sự thật mà chúng ta phớt lờ. Tôi dành sáu tháng kế tiếp để âm thầm cố gắng củng cố sức mạnh bản thân mà không tạo ra bất kỳ thay đổi đột ngột nào. Trong công ty, tôi gặp luật sư phụ trách phòng ban của tôi để đề nghị được nhận những nhiệm vụ nhiều thử thách hơn. Tôi cố gắng tập trung vào những dự án mà tôi cho là có nhiều ý nghĩa nhất, bao gồm việc tuyển dụng một nhóm thực tập sinh mới và đa dạng hơn cho chương trình thực tập mùa hè. Đồng thời tôi cũng để ý tin tuyển dụng trên báo và cố hết sức để giao thiệp với những người không phải là luật sư. Theo cách này hay cách khác, tôi nghĩ mình nên nỗ lực hướng đến một phiên bản nào đó của cảm giác viên mãn.

Về phần gia đình mình, tôi cảm thấy bất lực trước một thực tế mới. Bàn chân của cha tôi bắt đầu sưng tấy không rõ lý do. Da của ông trông lốm đốm và sẫm màu một cách bất thường. Vậy mà bất cứ khi nào tôi hỏi ông cảm thấy ra sao, ông vẫn cho tôi cùng một câu trả lời, với cùng một mức độ quả quyết như suốt nhiều năm qua.

“Cha không sao”, ông đáp, như thể tôi không cần phải hỏi câu hỏi kia. Sau đó ông đổi sang chủ đề khác.

Mùa đông lại về ở Chicago. Tôi thức giấc vào các buổi sáng giữa tiếng hàng xóm cạo tuyết khỏi kính chắn gió của mấy chiếc ô-tô đang đậu ngoài đường. Gió thốc và tuyết rơi ngày càng dày thêm. Mặt trời vẫn chiếu những tia nắng yếu ớt. Qua cửa sổ văn phòng làm việc trên tầng bốn mươi bảy tại Sidley, tôi thấy một vùng lãnh nguyên băng giá xám xịt trên mặt Hồ Michigan và bầu trời màu xám kim loại bên trên. Tôi mặc áo len và mong thời tiết sẽ ấm lên khi băng tan. Như tôi đã nói, mùa đông ở vùng Midwest là một bài tập về sự chờ đợi - chờ sự khuây khỏa, chờ chim hót, chờ bông hoa nghệ tím đầu tiên vươn mình ra khỏi tuyết. Trong quá trình chờ đợi đó, bạn không có lựa chọn nào khác ngoài việc tự động viên chính mình.

Cha tôi vẫn không đánh mất sự vui vẻ và lạc quan cố hữu. Thỉnh thoảng anh Craig về nhà để dùng bữa tối cùng gia đình, chúng tôi vẫn quây quần quanh bàn ăn và cười đùa hết như xưa, chỉ là giờ đây chúng tôi có thêm Janis, vợ của anh Craig. Janis vui vẻ và quyết đoán, là một chuyên gia phân tích viễn thông làm việc ở trung tâm thành phố, và cũng như những người khác, chị hoàn toàn bị cha tôi chinh phục. Còn anh Craig vẫn là hình mẫu lý tưởng của nhiều người về con đường sự nghiệp sau khi tốt nghiệp Princeton. Anh đang học MBA và giữ chức phó chủ tịch Ngân hàng Continental, vợ chồng anh đã tậu một căn hộ khang trang ở Hyde Park. Anh mặc com-lê đặt may riêng và đến dùng bữa bằng chiếc Porsche 944 Turbo.

Lúc bấy giờ tôi không hề biết rằng những thứ đó không hề khiến anh hạnh phúc. Giống như tôi, anh ấy cũng có một cuộc khủng hoảng cá nhân, và trong những năm sau đó anh sẽ loay hoay với câu hỏi liệu công việc mình đang làm có thật sự ý nghĩa hay không, liệu những phần thưởng mà anh hằng tìm kiếm có phải là điều anh thật sự mong muốn hay không. Tuy nhiên, vì biết cha xúc động đến dường nào về những thành tựu mà các con đạt được, anh em chúng tôi chưa bao giờ nói về sự bất mãn của mình trên bàn ăn.

Trong một lần về thăm nhà, khi chuẩn bị ra về, anh Craig đã lo lắng nhìn cha và hỏi câu hỏi quen thuộc về tình hình sức khỏe của ông, để rồi nhận lại câu trả lời cho qua chuyện, “Cha không sao”.

Tôi tin là chúng tôi chấp nhận tình trạng này vì nó ổn định, và ổn định chính là điều mà chúng tôi mong muốn. Cha tôi đã sống với căn bệnh đa xơ cứng nhiều năm qua và luôn xoay xở tốt. Chúng tôi vui vẻ duy trì lý giải đó, kể cả khi ông đang suy yếu rành rành. Chúng tôi nói với nhau là ông ổn vì ông vẫn thức dậy và đi làm hàng ngày. Ông ổn vì chúng tôi đã thấy ông ăn thêm một phần thịt vào tối hôm đó. Ông ổn, đặc biệt là nếu bạn không quá để ý bàn chân của ông.

Tôi có nhiều cuộc nói chuyện căng thẳng với mẹ, tôi hỏi bà tại sao cha không đi khám bệnh. Nhưng cũng giống tôi, bà chưa hề bỏ cuộc mà đã khuyên nhủ cha tôi đi gặp bác sĩ và đã bị phớt lờ rất nhiều lần. Đối với cha tôi, bác sĩ không bao giờ mang tới tin tốt lành, và do đó họ là người mà chúng tôi cần tránh xa. Là người thích trò chuyện nhưng ông lại không muốn nói về vấn đề của bản thân. Ông xem đó là tự buông thả với bản thân. Ông muốn sống theo cách của mình. Để thích nghi với bàn chân sưng phồng, ông chỉ đơn giản nhờ mẹ tôi mua cho một đôi bốt bảo hộ lao động to hơn.

Chúng tôi tiếp tục bế tắc với chuyện khám chữa bệnh của cha đến hết tháng Một và tháng Hai năm đó. Cha tôi di chuyển chậm chạp trong đau đớn, ông dùng một cây nạng bằng nhôm để đi lại quanh nhà và thường phải dừng lại để lấy sức. Giờ đây ông phải mất nhiều thời gian hơn vào buổi sáng để di chuyển từ giường qua nhà tắm, từ nhà tắm vào bếp, và cuối cùng là từ bếp ra cửa sau để xuống bậc tam cấp vào ga-ra lấy xe đi làm. Bất chấp những gì diễn ra ở nhà, ông cương quyết là mọi việc ở nhà máy lọc nước đều ổn thỏa. Ông dùng một chiếc xe scooter gắn động cơ để di chuyển qua lại giữa các lò đun và tự hào về việc không ai có thể thay thế được ông. Trong hai mươi sáu năm trời, ông chưa từng nghỉ một ca làm việc nào. Nếu có lò đun nào đó bị quá nhiệt, cha tôi tuyên bố mình là một trong số ít công nhân có đủ kinh nghiệm để ngăn chặn thảm họa xảy ra một cách nhanh chóng và hiệu quả. Để thể hiện sự lạc quan của mình, mới đây ông đã nộp đơn xin được thăng chức.

Mẹ tôi và tôi cố gắng liên kết những chuyện ông kể với những điều chúng tôi tận mắt nhìn thấy. Đó là một việc càng lúc càng khó khăn hơn. Những buổi tối khi ở nhà, cha dành nhiều thời gian xem các trận bóng rổ và khúc côn cầu trên ti-vi, ông ngồi trên ghế với vẻ yếu ớt và mệt nhọc. Ngoài bàn chân, chúng tôi còn để ý thấy dường như có thứ gì khác đang sưng lên trong cổ ông và nó khiến giọng của ông run run kỳ lạ.

Cuối cùng, một đêm nọ chúng tôi quyết định phải can thiệp. Anh Craig chưa bao giờ là người đóng vai phản diện, và mẹ tôi vẫn đang giữ thái độ trung hòa do bà tự đặt ra trước vấn đề sức khỏe của cha tôi. Trong một cuộc nói chuyện như thế này, vai trò của một người cứng rắn gần như luôn rơi vào tôi. Tôi nói với cha rằng ông cần được hỗ trợ y tế, ông cần làm điều đó vì chúng tôi, và rằng tôi dự định gọi cho bác sĩ của ông vào sáng mai. Ông

miễn cưỡng đồng ý và hứa là nếu tôi đã hẹn thì ông sẽ đi. Tôi động viên ông hãy ngủ thêm vào sáng hôm sau để cơ thể được nghỉ ngơi thật tốt.

Tối hôm đó, trước khi đi ngủ, tôi và mẹ cảm thấy nhẹ nhõm vì cuối cùng chúng tôi cũng giành được một chút quyền kiểm soát tình hình.

TUY NHIÊN CHA TÔI không phải lúc nào cũng giữ đúng ý định ban đầu. Nghỉ ngơi đối với ông là một hình thức đầu hàng. Buổi sáng, tôi đi xuống nhà và nhận ra mẹ tôi đã đi làm, còn cha tôi thì đang ngồi bên bàn ăn với chiếc nạng đặt ngay bên cạnh. Ông mặc bộ đồng phục màu xanh hải quân và đang vắt vẻo mang giày. Ông đang sửa soạn đi làm.

Tôi lên tiếng, “Cha à, con nghĩ là cha sẽ nghỉ ngơi chứ. Mọi người sắp đưa cha đi khám bệnh mà...”.

Ông nhún vai. “Cha biết, cục cựa à”, ông nói với giọng lạo xạo vì vẫn đề gì đó ở cổ. “Nhưng lúc này thì cha ổn.”

Sự bướng bỉnh của ông được bọc trong vô số lớp vỏ của lòng kiêu hãnh đến mức tôi không thể nào tức giận được. Không có cách nào để thuyết phục ông làm khác đi. Cha mẹ đã dạy chúng tôi phải giải quyết chuyện riêng của mình, đồng nghĩa với việc tôi phải tin tưởng để ông tự giải quyết vấn đề của ông, cho dù vào thời điểm đó ông còn không mang nổi đôi giày. Thế nên tôi đã để ông tự xử lý. Tôi kìm nén nỗi lo lắng của mình, tôi hôn ông và quay lại phòng để chuẩn bị đi làm. Tôi nghĩ mình sẽ gọi đến văn phòng của mẹ sau và nói cho bà biết là mẹ con chúng tôi cần phải lên chiến lược để buộc người đàn ông này nghỉ ngơi đôi chút.

Tôi nghe tiếng cửa sau đóng lại. Vài phút sau, tôi trở xuống nhà bếp và không thấy ai ở đó. Cây nạng của cha được đặt cạnh cửa sau. Tôi chợt cảm thấy thôi thúc để đi tới và nhìn qua lỗ kính nhỏ trên cửa, vị trí cho tôi một góc nhìn rộng ra thêm sau và lối đi ra ga-ra. Tôi chỉ muốn xác nhận là xe của ông đã rời đi.

Nhưng chiếc xe vẫn còn ở đó, và cha tôi cũng vậy. Ông đội nón lười trai, mặc áo khoác và xoay lưng về phía tôi. Ông chỉ mới đi được nửa đường cầu thang thì đã phải ngồi xuống. Tôi có thể thấy sự mệt mỏi từ dáng vẻ của ông, từ cái đầu nghiêng sang một bên và từ vẻ nặng nề như sắp ngã quỵ khi ông tựa vào tay vịn cầu thang. Tình hình của ông trông không có vẻ nghiêm trọng, mà chỉ có thể là do ông quá mệt nên không thể đi tiếp được. Rõ ràng là ông đang cố gắng dồn sức để xoay người và đi trở vào trong nhà.

Tôi nhận ra rằng tôi đang nhìn thấy ông trong khoảnh khắc bại trận.

Cô đơn biết chừng nào khi phải sống hơn hai mươi năm với căn bệnh như thế, phải kiên cường không một lời phàn nàn dẫu cơ thể đang bị ăn mòn từ từ và không cách nào ngăn cản được. Nhìn thấy cha như vậy trên bậc thềm, tôi cảm thấy đau đớn hơn bao giờ hết. Theo bản năng, tôi muốn chạy ra ngoài và dìu ông vào lại ngôi nhà ấm áp, nhưng tôi cưỡng lại ý nghĩ đó vì biết rằng làm như vậy chỉ giáng thêm một đòn vào lòng tự trọng của ông. Tôi hít một hơi và xoay người bước đi.

Tôi nghĩ nếu ông quay vào nhà tôi sẽ nhìn thấy ông. Tôi sẽ giúp ông tháo đôi ủng lao động, rót nước cho ông và dìu ông vào ghế. Tất cả sẽ diễn ra trong sự công nhận ngầm giữa chúng tôi, rằng giờ đây chắc chắn ông sẽ cần được hỗ trợ.

Trở lên phòng mình, tôi ngồi lắng nghe tiếng sập cửa vang lên. Tôi chờ năm phút, rồi thêm năm phút nữa trước khi bước xuống nhà dưới và lại nhìn qua lỗ kính nhỏ để chắc chắn là ông đã có thể đứng vững. Nhưng trên bậc thềm không có ai. Bằng cách nào đó, bất chấp những chỗ sưng phù và sai biệt trong cơ thể mình, cha tôi đã quyết tâm bước xuống những bậc thang kia, băng qua lối đi đang đóng băng và ngồi vào xe của mình, chiếc

xe mà giờ đây hẳn đã chạy được nửa đoạn đường đến nhà máy. Ông không bỏ cuộc.

SUỐT NHIỀU THÁNG QUA Barack và tôi đã suy đi tính lại dự định kết hôn. Chúng tôi đã bên nhau được một năm rưỡi và vẫn duy trì tình yêu có vẻ như không gì lay chuyển được. Anh ấy đang trong học kỳ cuối ở Harvard và vùi đầu trong đồng công việc của tờ Harvard Law Review, nhưng chẳng bao lâu nữa anh sẽ quay về Chicago để đến Hiệp hội Luật sư Illinois và tìm việc. Kế hoạch là anh ấy sẽ quay về Đại lộ Euclid, và lần này có vẻ anh sẽ ở đây lâu dài. Đối với tôi thì đây là một lý do nữa để cảm thấy mùa đông quá lê thê.

Chúng tôi chia sẻ với nhau quan điểm cá nhân về hôn nhân, và đôi lúc tôi lo lắng khi thấy những quan điểm này có vẻ rất khác nhau. Với tôi, kết hôn là chuyện tốt đẹp, là một chuyện mà tôi luôn kỳ vọng mình sẽ thực hiện - tương tự như việc có con luôn là điều tốt đẹp, căn cứ vào sự quan tâm của tôi dành cho những em búp bê của mình hồi còn bé. Barack không phản đối hôn nhân, nhưng anh cũng không đặc biệt vội vã kết hôn. Với anh, tình yêu giữa chúng tôi là tất cả. Đó là nền tảng đủ để đảm bảo cho một cuộc sống trọn vẹn và hạnh phúc bên nhau - dù có nhẫn hay không có nhẫn.

Đương nhiên, chúng tôi là sản phẩm của quá trình nuôi dạy. Barack có trải nghiệm về hôn nhân như một cái gì đó đến rồi lại đi: mẹ anh kết hôn hai lần, ly hôn hai lần, và sau mỗi lần như vậy bà đều có thể sống tiếp, chăm lo cho sự nghiệp và con cái của mình. Trong khi đó cha mẹ tôi kết hôn sớm và trọn đời. Đối với họ, mọi quyết định đều là quyết định chung, mọi nỗ lực đều là nỗ lực chung. Trong suốt ba mươi năm, gần như họ chưa từng xa nhau.

Barack và tôi muốn gì? Chúng tôi muốn một mối quan hệ hiện đại phù hợp với cả hai. Anh xem hôn nhân là sự gắn kết yêu thương của hai con

người có thể song hành với nhau trong cuộc sống mà không phải từ bỏ những giấc mơ hay tham vọng riêng. Còn với tôi, hôn nhân giống như một vụ sáp nhập trọn vẹn, một sự tái cấu trúc hai cuộc sống thành một, trong đó hạnh phúc gia đình luôn được ưu tiên hơn mọi kế hoạch hay mục tiêu nào khác. Tôi không thật sự muốn cuộc sống như cha mẹ tôi. Tôi không muốn sống mãi trong cùng một căn nhà, làm cùng một công việc và chưa bao giờ có cho mình một không gian riêng, nhưng tôi thật sự muốn có sự ổn định từ năm này sang năm khác, từ thập kỷ này sang thập kỷ khác như cha mẹ. Tôi viết trong nhật ký, “Tôi thật sự nhận ra giá trị của những con người có sở thích, tham vọng và mơ ước của riêng mình, nhưng tôi không tin là có cặp đôi nào nên đánh đổi hạnh phúc chung vì ước mơ riêng”.

Tôi nghĩ chúng tôi sẽ xác định cảm xúc của mình về chuyện hôn nhân khi Barack quay lại Chicago, khi thời tiết ấm lên, khi chúng tôi lại có những cuối tuần bên nhau. Tôi chỉ cần chờ đợi, dù đợi chờ thật khó khăn. Tôi khao khát sự bền vững. Từ phòng khách căn hộ trên lầu của mình, đôi khi tôi có thể nghe tiếng cha mẹ rì rầm với nhau bên dưới. Tôi nghe thấy mẹ cười lớn khi cha tôi kể chuyện cho bà nghe. Tôi nghe thấy họ tắt ti-vi để chuẩn bị đi ngủ. Giờ đây tôi đã hai mươi bảy tuổi, và có những ngày tất cả những gì tôi muốn là cảm thấy được trọn vẹn. Tôi muốn nắm bắt từng thứ mà tôi yêu thương và giữ chúng thật chặt. Tính tới thời điểm đó, tôi đã ném đủ mất mát để hiểu rằng sẽ còn nhiều mất mát sắp tới.

TÔI LÀ NGƯỜI ĐÃ HẸN bác sĩ cho cha, nhưng rốt cuộc thì mẹ mới là người đưa ông tới đó - trên xe cứu thương. Chân ông đã phồng lên và nhũn tới mức ông phải thú nhận là việc bước đi trên đôi chân của mình có cảm giác như đang giẫm lên kim. Khi đến lúc phải nhập viện, ông không thể nào đứng nổi. Hôm đó tôi đang ở công ty, nhưng về sau mẹ đã diễn tả lại cho

tôi rằng cha được các hộ lý lực lưỡng khiêng ra khỏi nhà, và ông vẫn còn cố nói đùa với họ trên đường đi.

Ông được chở thẳng đến Bệnh viện Đại học Chicago. Sau đó là những chuỗi ngày dành cho việc thử máu, kiểm tra mạch, những khay thức ăn vẫn còn nguyên và hàng chục bác sĩ ra ra vào vào. Trong lúc đó, cơ thể cha tôi tiếp tục phù lên. Mặt ông chảy xệ, cổ to ra, giọng nói yếu ớt hẳn đi. Chẩn đoán chính thức của bác sĩ là cha tôi mắc hội chứng Cushing, có thể liên quan hoặc không liên quan đến chứng đa xơ cứng của ông. Hệ nội tiết của ông giờ đây đã rối loạn. Một bản chụp cắt lớp cho thấy trong cổ của ông có một khối u lớn tới mức có thể làm ông nghẹt thở.

“Tôi không biết tại sao mình lại không nhận thấy là ở đó có khối u”, cha tôi nói với bác sĩ bằng giọng ngạc nhiên như thật, như thể ông chưa từng cảm thấy bất kỳ triệu chứng nào dẫn tới tình trạng hiện tại, như thể ông chưa từng trải qua hàng tuần, hàng tháng, nếu không muốn nói hàng năm trời, phớt lờ những đau đớn của mình.

Chúng tôi - mẹ, anh Craig, chị Janis và tôi - thay nhau vào thăm nuôi ông ở bệnh viện. Chúng tôi thay phiên nhau vào viện suốt nhiều ngày liên tục, trong lúc bác sĩ cho ông uống đủ thứ thuốc và đủ loại ống dẫn cũng như thiết bị được gắn lên người ông. Chúng tôi cố gắng hiểu những gì các chuyên gia nói với mình, nhưng không hiểu được bao nhiêu. Chúng tôi kê gối cho ông và kể những chuyện vô bổ về các trận bóng rổ ở trường đại học và về thời tiết bên ngoài. Dù ông không còn đủ sức để nói nhưng chúng tôi biết ông đang lắng nghe. Chúng tôi là một gia đình biết lập kế hoạch, nhưng giờ đây dường như mọi chuyện đều không còn theo kế hoạch gì nữa. Cha đang dần rời xa chúng tôi, như thể đang chìm dần vào một đại dương vô hình nào đó. Chúng tôi níu kéo bằng cách gọi lại những kỷ niệm xưa và nhìn thấy chúng có thể gợi lên chút ánh sáng trong đôi mắt ông. Cha còn

nhớ chiếc *Deuce and a Quarter* mà hai anh em tụi con từng nhảy nhót tung bồng trên băng ghế to kênh đăng sau mỗi lần nhà mình đi du lịch vào mùa hè không? Cha còn nhớ đôi găng tay đầm bốc mà cha mua cho tụi con không, và cả hồ bơi ở Khu nghỉ dưỡng Dukes Happy Holiday nữa? Vậy cha có nhớ đã từng làm đạo cụ cho lớp dạy operetta của bà Robbie không? Hay những bữa ăn ở nhà ông Dandy? Cha còn nhớ hồi mẹ làm món tôm chiên xù vào đêm Giao thừa không?

Một tối nọ, tôi ghé thăm và thấy cha tôi một mình, còn mẹ đã về nhà, nhân viên điều dưỡng thì tập trung ở phòng trực ngoài hành lang. Căn phòng yên ắng. Cả tầng bệnh viện đều yên ắng. Đó là tuần đầu tiên của tháng Ba, khi tuyết mùa đông mới vừa tan khiến cả thành phố như rơi vào tình trạng ẩm ướt không bao giờ dứt. Cha tôi khi ấy đã nằm viện khoảng mười ngày. Ông mới năm mươi lăm tuổi nhưng giờ đây trông như một cụ già với đôi mắt vàng vọt và đôi cánh tay nặng nề đến mức không thể nhấc lên nổi. Ông tỉnh táo nhưng không thể nói được - vì tình trạng phù nề hay vì cảm xúc, tôi cũng không biết nữa.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh giường ông và nhìn ông hít thở nặng nhọc. Ông siết nhẹ tay tôi để trấn an khi tôi đặt tay mình vào tay ông. Cha con tôi im lặng nhìn nhau. Có quá nhiều điều cần nói, nhưng đồng thời chúng tôi cũng có cảm giác như thể mình đã nói hết mọi điều. Chỉ còn lại một thực tế duy nhất. Chúng tôi đang đi đến hồi kết. Ông sẽ không bình phục. Ông sẽ bỏ lỡ cả phần đời còn lại của tôi. Tôi đang mất đi sự an ổn, sự dễ chịu và vui vẻ mà ông vẫn mang đến mỗi ngày. Tôi cảm nhận nước mắt tôi đang lăn dài trên má.

Cha vẫn nhìn tôi chăm chăm, ông nâng bàn tay của tôi lên và liên tục hôn tay tôi. Đó là cách ông nói, Ngoan nào, đừng khóc. Ông đang thể hiện nỗi buồn thương và sự khấn nài, và ông cũng đang bày tỏ điều gì đó điềm

tĩnh và sâu kín hơn, một thông điệp mà ông muốn tôi hiểu rõ. Bằng những nụ hôn ấy, ông đang nói rằng ông hết lòng thương yêu tôi và ông tự hào về người phụ nữ mà tôi đã trở thành. Ông đang nói rằng ông biết mình phải đến bệnh viện sớm hơn. Ông đang xin sự tha thứ. Ông đang nói lời từ biệt.

Đêm đó, tôi ở lại đến khi ông ngủ thiếp đi rồi mới rời khỏi bệnh viện giữa màn đêm buốt giá và lái xe về nhà trên Đại lộ Euclid, nơi mẹ tôi đã tắt hết đèn. Giờ đây chúng tôi cô độc trong ngôi nhà của mình, chỉ có tôi và mẹ, cùng với một tương lai nào đó mà chúng tôi sắp đón nhận. Bởi vì trước khi mặt trời mọc, cha tôi đã ra đi. Cha tôi - Fraser Robinson III - lên cơn đau tim và đã qua đời vào đêm đó, ông đã trao cho chúng tôi tất cả mọi thứ.

KHI NGƯỜI THÂN YÊU QUA ĐỜI, cuộc sống của người ở lại mới đau đớn làm sao. Ta thấy đau khi bước đi trên hành lang hoặc khi mở tủ lạnh. Ta thấy đau khi ngồi xuống mang vớ, khi đánh răng. Thức ăn trở nên vô vị. Màu sắc trở nên nhạt nhòa. Âm nhạc khiến ta nhói đau, và ký ức càng khiến ta đau đớn. Ta nhìn một điều gì đó mà bình thường thì nó rất đẹp - như bầu trời hoàng hôn màu tím hay một sân chơi có bọn trẻ nô đùa - nhưng giờ đây nó chỉ khiến nỗi mất mát thêm sâu. Nỗi đau này khiến ta cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết.

Một ngày sau khi cha qua đời, ba mẹ con chúng tôi - tôi, mẹ và anh Craig - lái xe tới một công ty dịch vụ mai táng ở South Side để chọn một cỗ quan tài và chuẩn bị cho tang lễ. Để thu xếp hậu sự, theo lời những người bên công ty mai táng. Tôi không nhớ gì nhiều về chuyến đi đó, chỉ nhớ cảm giác sững sờ và bản thân, vì ai cũng đang gặm nhấm nỗi đau riêng trong lòng. Đầu thế, khi chúng tôi thực hiện cái nghi thức đáng sợ là chọn một cỗ quan tài vừa vặn để chôn cất cha, anh em tôi đã có cuộc tranh cãi đầu tiên và duy nhất kể từ khi cả hai trưởng thành.

Tôi muốn mua chiếc quan tài sang trọng và đắt tiền nhất ở đó, loại có đủ tay nâng và đệm. Tôi không có lý do đặc biệt nào cho ý muốn này. Đó chỉ là chuyện tôi muốn làm khi không biết làm gì khác. Chúng tôi đã được dạy phải tin vào sự tồn tại của thiên đàng và địa ngục, vì vậy tôi nghĩ là cha tôi đang trên đường về một cõi sau nào đó. Tuy nhiên, tính thực tế và thực dụng mà tôi được dạy từ nhỏ lại không cho phép tôi quá tin vào những lời an ủi khuôn sáo dù nhẹ nhàng và thiện ý mà người ta sẽ đổ đầy tai chúng tôi chỉ vài ngày sau đó trong tang lễ. Tôi không dễ cảm thấy an ủi với ý nghĩ cha tôi đã đến một nơi tốt đẹp hơn hoặc đang quay quần bên những thiên thần. Theo quan điểm của tôi, ông xứng đáng có một cỗ quan tài đẹp trước đã.

Trong khi đó, anh Craig lại khẳng khái rằng cha chỉ muốn cái gì đó đơn giản - khiêm tốn, thực tế và không hơn. Anh ấy nói như vậy mới đúng với tính cách của cha. Bất cứ cái gì khác cũng là quá phô trương.

Ban đầu chúng tôi chỉ tranh luận nhẹ nhàng, nhưng chẳng bao lâu sau đã to tiếng với nhau, trong lúc đó, ông chủ tiệm quan tài hiểu chuyện giả vờ không nghe thấy gì, còn mẹ vẫn cứ nhìn hai chúng tôi bằng ánh mắt đờ đẫn vì nỗi đau trong lòng. Chúng tôi cãi nhau vì những lý do không hề liên quan tới chủ đề chính. Cả hai chúng tôi đều không quan tâm tới kết quả của trận cãi vã đó.

Cuối cùng, chúng tôi chôn cất cha trong một cỗ quan tài “vừa đủ” - không quá màu mè, cũng chẳng quá đơn điệu - và không bàn về chuyện đó nữa. Chúng tôi đã có một cuộc tranh cãi ngắn ngủn và không đáng có, vì khi đối mặt với cái chết thì mọi sự trên đời đều có vẻ ngắn ngủn và không phù hợp.

Sau đó anh Craig và tôi đưa mẹ về Đại lộ Euclid. Ba mẹ con tôi rẽ rời ngồi trong nhà bếp, và nỗi đau thương trong chúng tôi lại trỗi dậy khi nhìn thấy chiếc ghế thứ tư còn trống. Chẳng mấy chốc, cả ba chúng tôi đều sụt sùi. Chúng tôi ngồi đó, rất lâu, thổn thức cho đến khi kiệt sức và cạn nước mắt. Sau một ngày dài không nói gì, sau cùng mẹ tôi cũng lên tiếng.

“Nhìn chúng ta mà xem”, bà rầu rĩ.

Thế nhưng câu nói đó của bà nghe nhẹ nhàng, không sâu thăm hay nặng nề. Bà nói rằng ba người còn lại trong gia đình Robinson chúng tôi đã trở nên nhếch nhác đến buồn cười - mặt mũi gần như không còn nhận ra được nữa, mắt sưng húp, mũi chảy thò lò, đau đớn, bất lực một cách kỳ lạ ngay trong gian bếp nhà mình. Chúng tôi là ai? Chẳng phải chúng tôi đã biết rồi sao? Chẳng phải cha đã cho chúng tôi thấy rồi sao? Chỉ với vài từ đơn giản, mẹ đã đưa chúng tôi ra khỏi nỗi cô đơn và quay trở lại với cuộc sống, một việc mà chỉ có mẹ tôi có thể làm được.

Mẹ nhìn tôi và tôi nhìn anh Craig, bỗng nhiên giây phút đó có chút buồn cười. Chúng tôi biết tiếng cười đầu tiên sẽ đến từ phía chiếc ghế nay đã trống kia như thường lệ. Thế rồi chúng tôi bắt đầu cười khúc khích, cười lớn

hơn nữa và cuối cùng cười phá lên thành những tràng dài. Tôi biết chuyện này có vẻ lạ lùng, nhưng chúng tôi cảm thấy cười thích hợp với mình hơn là khóc. Quan trọng là cha cũng thích như vậy, thế nên chúng tôi cứ để mình cười.

CHA QUA ĐỜI càng khiến tôi cảm nhận sâu sắc việc không có thời gian để ngồi suy nghĩ vẩn vơ xem cuộc đời mình sẽ ra sao. Cha tôi ra đi khi mới năm mươi lăm tuổi. Suzanne thì mới hai mươi sáu. Bài học ở đây rất đơn giản: cuộc sống ngắn ngủi nên đừng phí hoài. Khi tôi qua đời, tôi không muốn người ta nhớ về tôi qua hàng chồng báo cáo pháp lý tôi đã viết ra hay những thương hiệu mà tôi đã góp công bảo vệ. Tôi có cảm giác chắc chắn là mình có thể cống hiến nhiều thứ cho thế giới hơn. Đã tới lúc phải hành động.

Dù chưa biết chắc nơi mình muốn làm việc nhưng tôi vẫn viết thư tự giới thiệu và gửi đến những nhà tuyển dụng ở khắp Chicago. Tôi gửi đến những nhà lãnh đạo các quỹ, các tổ chức phi lợi nhuận phục vụ cộng đồng và các trường đại học lớn trong thành phố. Tôi liên hệ trực tiếp với ban pháp lý của họ - không phải vì tôi muốn làm việc trong mảng pháp lý, mà vì tôi nghĩ làm vậy thì họ sẽ thường phản hồi hồ sơ của tôi hơn. Thật may, cũng có một số nơi trả lời. Họ mời tôi dùng bữa trưa hoặc đến gặp mặt, ngay cả khi họ chẳng có việc gì dành cho tôi. Suốt mùa xuân và mùa hè năm 1991, tôi đến gặp bất kỳ người nào mà tôi nghĩ có thể cho tôi lời khuyên. Mục đích chính của tôi không phải là tìm một công việc mới, mà là để hiểu thêm về những việc khả thi và cách người ta đã thực hiện những việc đó như thế nào. Tôi nhận ra rằng chẳng kể tiếp trong hành trình của tôi sẽ đơn giản là không tự khai mở và những tấm bằng danh giá của tôi sẽ không tự động mang đến cho tôi công việc mình mong muốn. So với tìm một công việc, hành trình tạo dựng sự nghiệp đòi hỏi bạn không chỉ đọc hết mấy trang thông tin liên lạc trong danh bạ cựu sinh viên, mà còn phải có những suy nghĩ và hành động thấu đáo hơn nhiều. Tôi cần dần thân và học hỏi. Và thế là hết lần này đến lần khác, tôi trình bày tình thế lưỡng nan trong sự nghiệp của mình cho những người tôi gặp, hỏi về những điều họ đã làm và những nhân vật mà họ quen biết. Tôi nghiêm túc hỏi xem một luật sư không muốn hành nghề luật thì có thể làm những gì.

Một chiều nọ, tôi tới văn phòng của một người đàn ông thân thiện, chu đáo tên Art Sussman, cố vấn pháp lý nội bộ của Đại học Chicago. Hóa ra mẹ tôi từng có một năm làm thư ký cho ông, trong thời gian đó bà phụ trách ghi chép và bảo quản hồ sơ của phòng pháp lý. Đó là hồi tôi học năm thứ hai trung học, trước khi mẹ tôi nhận công việc ở ngân hàng. Chú Art ngạc nhiên khi biết tôi chưa từng tới chỗ làm để thăm mẹ, chưa từng đặt chân vào ngôi trường thuần phong cách Gothic này cho tới tận hôm nay, mặc dù nơi này chỉ cách nơi tôi lớn lên có vài cây số.

Nói thật thì tôi không có lý do gì để tới thăm trường Đại học Chicago. Trường trung học của tôi không tổ chức đi thực tế ở đây. Nếu hồi đó trường có tổ chức các sự kiện văn hóa cho cộng đồng thì có lẽ là gia đình tôi đã không nghe được thông tin. Chúng tôi không có bạn bè hay người quen học ở đó. Đại học Chicago là một ngôi trường tinh hoa, và với hầu hết những người mà tôi quen, tinh hoa nghĩa là không dành cho chúng tôi. Những tòa nhà đá xám của trường gần như ngoảnh mặt với các con đường bao quanh theo đúng nghĩa đen. Mỗi lần lái xe ngang qua đó, cha tôi thường trợn mắt ngán ngẩm khi thấy những nhóm sinh viên băng qua Đại lộ Ellis một cách ẩu tả, tự hỏi làm thế nào mà những con người thông minh như vậy lại chẳng bao giờ học được cách băng qua đường cho tử tế.

Cũng như nhiều người ở South Side, gia đình tôi vẫn giữ một quan điểm mà ai cũng thừa nhận là hạn hẹp và hoài nghi về Đại học Chicago, kể cả khi mẹ tôi đã có một năm làm việc vui vẻ ở đó. Khi tới lượt anh Craig và tôi học đại học, chúng tôi thậm chí còn không nghĩ tới chuyện nộp đơn vào Đại học Chicago. Vì một lý do kỳ lạ nào đó, trường Princeton lại cho chúng tôi cảm giác dễ tiếp cận hơn.

Khi biết tôi thật sự chưa từng đến đây, chú Art cảm thấy không sao tin nổi. “Cháu thật sự chưa bao giờ đến đây sao?”, ông hỏi. “Chưa bao giờ luôn hả?”

“Chưa bao giờ ạ.”

Tôi cảm nhận được một sức mạnh kỳ lạ khi đồng dạng trả lời câu đó. Dù trước đây chưa từng nghĩ nhiều về điều này, nhưng tôi chợt nhận ra mình đã có thể trở thành một sinh viên hoàn toàn ổn ở Đại học Chicago nếu

khoảng cách giữa nhà trường và cộng đồng dân cư xung quanh đã không quá lớn như thế - giá như tôi đã biết đến ngôi trường và ngôi trường cũng biết đến tôi. Nghĩ đến đây, tôi cảm nhận được một điều gì đó là lạ trong lòng, một ý định nào đó đang lặng lẽ đâm chồi. Xuất thân của tôi cùng với cuộc sống mà tôi tự tay tạo dựng đã giúp tôi có một góc nhìn ý nghĩa. Tôi chợt nhận ra việc mình là người da đen và đến từ South Side đã giúp tôi thấy được những vấn đề mà một người như chú Art Sussman thậm chí còn không biết là có tồn tại.

Vài năm sau đó tôi mới có cơ hội làm việc cho Đại học Chicago và trực tiếp xử lý một số vấn đề về mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng, còn hiện tại thì chú Art chỉ có thể chuyển hồ sơ của tôi cho những người mà ông quen biết.

“Chú nghĩ cháu nên nói chuyện với Susan Sher”, ông nói và vô tình bắt đầu một điều mà đến tận hôm nay tôi vẫn cho là một dây chuyền phản ứng đầy cảm hứng. Chị Susan hơn tôi khoảng mười lăm tuổi. Chị là một luật sư có cổ phần tại một hãng luật lớn nhưng cuối cùng đã quyết định rút khỏi giới kinh thương, một điều mà tôi đang hy vọng sẽ làm được, mặc dù chị ấy vẫn đang hành nghề luật khi làm việc cho chính quyền thành phố Chicago. Chị Susan có đôi mắt xám đen, làn da sáng đặc trưng của nữ hoàng thời Victoria và giọng cười thường kết thúc với một cái khịt mũi tinh nghịch. Chị ấy tự tin một cách từ tốn, rất thành công và là người sau này đã trở thành bạn thân thiết của tôi. Khi chúng tôi gặp nhau, chị ấy đã nói, “Chị có thể thuê em ngay bây giờ nhưng em vừa nói là em không muốn làm luật sư nữa”.

Thay vào đó, chị Susan đã đưa ra một lời đề nghị mà giờ đây tôi cảm thấy cũng là một lời giới thiệu không kém tính “định mệnh” - chị gợi ý tôi mang hồ sơ đến gặp một đồng nghiệp mới của chị ở tòa thị chính, một luật sư doanh nghiệp “nhảy tàu” khác với khát khao được phục vụ cộng đồng, đồng thời cũng là một người đồng hương ở South Side và là người sau này đã thay đổi cuộc đời tôi không chỉ một mà rất nhiều lần. Chị Susan nói, “Người mà em thật sự cần gặp chính là Valerie Jarrett”.

Valerie Jarrett là phó chánh văn phòng thị trưởng Chicago vừa được bổ nhiệm và có những mối quan hệ sâu sắc với cộng đồng người Mỹ gốc Phi ở Chicago. Giống như Susan, chị đủ thông minh để tìm cho mình công việc tại một hãng luật cao cấp sau khi tốt nghiệp trường luật và sau đó cũng đủ hiểu bản thân để biết là mình muốn thoát ra khỏi môi trường doanh nghiệp. Valerie chuyển sang làm việc cho tòa thị chính chủ yếu nhờ nguồn cảm hứng từ Harold Washington, người Mỹ gốc Phi đầu tiên được bầu làm thị trưởng năm 1983, khi tôi đang học đại học xa nhà. Harold Washington là một chính trị gia có tài thuyết khách và tinh thần cởi mở. Cha mẹ tôi yêu mến ông vì cách ông thêm những câu trích của Shakespeare vào một bài diễn thuyết vốn rất bình dân và bởi nguồn năng lượng tràn trề mà ông thể hiện qua việc ăn gà chiên tại các sự kiện cộng đồng ở South Side. Quan trọng hơn cả, ông ấy không ưa bộ máy hủ lậu của Đảng Dân chủ đã kiểm soát Chicago từ rất lâu, một cỗ máy chuyên trao những hợp đồng béo bở cho các mạnh thường quân chính trị và nhìn chung là vẫn cho người da đen phục vụ trong hàng ngũ của đảng nhưng không cho họ được thăng tiến lên những vị trí bầu cử chính thức.

Với chiến dịch tranh cử xoay quanh việc cải cách hệ thống chính trị thành phố và chăm lo tốt hơn cho những khu dân cư bị bỏ bê, Washington đã đắc cử với khoảng cách sít sao. Ông là kiểu người gan lì. Ông có thể hạ gục các đối thủ bằng tài hùng biện lẫn trí tuệ của mình. Ông là một siêu anh hùng da đen có đầu óc siêu việt. Ông thường xuyên và không chút nao núng xung đột với những thành viên bảo thủ nhất của hội đồng thành phố, mà đa phần là người da trắng. Ông cũng được xem là một huyền thoại sống, nhất là đối với những công dân da đen của thành phố, những người cho rằng sự lãnh đạo của ông đang khơi dậy một tinh thần cấp tiến to lớn hơn. Tầm nhìn của Washington đã sớm trở thành nguồn cảm hứng cho Barack khi anh đến Chicago làm việc với vai trò người tổ chức sự kiện cộng đồng vào năm 1985.

Valerie cũng bị Washington cuốn hút. Khi gia nhập đội ngũ vào đầu nhiệm kỳ thứ hai của ông năm 1987, chị mới ba mươi tuổi. Chị cũng là mẹ của một bé gái và sắp ly hôn, thế nên quyết định từ bỏ công việc hấp dẫn ở hãng luật và chấp nhận bị giảm thu nhập để chuyển qua làm việc cho cơ quan nhà nước vào thời điểm đó là vô cùng bất lợi cho chị. Và chỉ sau vài tháng kể từ khi chị bắt đầu công việc, bi kịch đã xảy đến: Harold Washington đột ngột lên cơn đau tim và qua đời ngay tại bàn làm việc, chỉ ba mươi phút sau khi vừa tiến hành một cuộc họp báo về dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp. Kết quả là một ủy viên người da đen đã được hội đồng thành phố bổ nhiệm vào vị trí của ông, nhưng thời gian tại chức của ông ấy khá ngắn ngủi. Trong một động thái mà nhiều người Mỹ gốc Phi xem là sự trở lại chóng vánh và đầy thất vọng với những lễ thói cũ của người da trắng trong nền chính trị Chicago, cử tri đã bầu cho Richard M. Daley, con trai của nguyên Thị trưởng Richard J. Daley, người được xem là “bố già” của chủ nghĩa thân hữu có tiếng tại Chicago.

Dù có một số nghi ngại về cơ cấu mới, Valerie vẫn quyết định làm việc ở tòa thị chính, chị rời bộ phận pháp lý và chuyển thẳng vào văn phòng Thị trưởng Daley. Chị vui khi được làm việc ở đó, mà sự tương phản giữa hai công việc cũng là một phần lý do. Chị mô tả về sự nhẹ nhõm khi chuyển dịch từ mảng luật doanh nghiệp sang cơ quan chính phủ, giống như một cú nhảy vọt ra khỏi thứ luật pháp phi thực tế siêu bóng bẩy của tầng lớp thượng lưu, thứ đang được thực thi trong những tòa nhà chọc trời, và bước vào thế giới thật - một thế giới rất thật.

Tòa thị chính Chicago và Trụ sở Chính quyền Hạt là một tòa nhà mái bằng có mười một tầng được xây bằng đá granite xám nguyên khối chiếm trọn một dãy phố giữa đường Clark và đường LaSalle ở phía bắc của The Loop. So với những tòa tháp văn phòng cao chót vót xung quanh, tòa nhà trông thấp bé nhưng rất trang nghiêm với hàng cột kiểu Corinth bên ngoài và những hành lang rộng thênh thang được làm chủ yếu từ đá cẩm thạch. Bộ máy chính quyền hạt vận hành nửa tòa nhà quay mặt về hướng đông; thành phố sử dụng nửa tòa nhà phía tây, nơi có phòng làm việc của thị trưởng và các thành viên hội đồng thành phố cũng như thư ký thành phố. Vào cái ngày hè oi ả mà tôi đến để gặp Valerie Jarrett trong buổi phỏng vấn, tôi mới biết tòa thị chính rất đông đúc, theo kiểu vừa đáng mừng vừa đáng báo động.

Có người đến đăng ký kết hôn, có người đến để đăng ký xe. Người ta đến điền vào những bản khiếu nại về ổ gà trên đường phố, về chủ nhà, về đường ống cống và tất tần tật mọi thứ khác mà họ cảm thấy thành phố có thể cải thiện. Có những đứa trẻ nằm trong xe đẩy và những cụ già ngồi xe lăn. Có phóng viên và những nhà vận động hành lang, và cũng có những người vô gia cư đến để tránh nóng. Trên lối đi phía trước tòa nhà, một nhóm những nhà hoạt động xã hội đang giương biểu ngữ và hô hào điều gì đó, nhưng tôi không nhớ họ đang giận dữ chuyện gì. Tôi chỉ biết là mình vừa kinh ngạc vừa hoàn toàn bị cuốn hút bởi sự hỗn loạn có kiểm soát kỳ lạ của nơi này. Tòa thị chính thuộc về con người. Nó có sự ồn ào và gai góc quen thuộc mà tôi chưa từng cảm nhận được ở Sidley.

Hôm đó, Valerie dự định dành hai mươi phút để trò chuyện với tôi, nhưng rồi cuộc chúng tôi đã nói đến một tiếng rưỡi đồng hồ. Valerie là một phụ nữ Mỹ gốc Phi có dáng người gầy, da sáng, hôm đó chị mặc com-lê đặt may tuyệt đẹp. Chị nói năng nhẹ nhàng và cực kỳ điềm tĩnh. Đôi mắt nâu của chị ánh lên nét tinh anh và tĩnh lặng. Chị cũng có một sự am hiểu ấn tượng về cách vận hành của thành phố Chicago. Chị yêu thích công việc của mình nhưng không tìm cách né tránh những nhức nhối mang tính quan liêu đặc thù trong cơ quan chính phủ. Có một điều gì đó ở chị khiến tôi cảm thấy thoải mái ngay lập tức. Nhiều năm sau, Valerie nói rằng chị ngạc nhiên khi tôi có thể đảo ngược quy trình phỏng vấn nhân sự cơ bản vào ngày hôm đó - tôi cho chị biết một số thông tin cơ bản và hữu ích về bản thân, nhưng bên cạnh đó tôi cũng chất vấn chị rất nhiều vì muốn biết mọi cảm nhận của chị về công việc đang làm và về cách ngài thị trưởng đối xử với nhân viên. Tôi kiểm tra mức độ phù hợp của công việc đối với mình không kém gì chị kiểm tra độ phù hợp của tôi đối với công việc.

Giờ đây khi nghĩ lại, tôi chắc chắn là khi đó tôi chỉ tận dụng một cơ hội hiếm hoi mà mình có để trò chuyện với một phụ nữ có xuất thân tương tự như tôi và đang đi trước tôi nhiều năm trên con đường sự nghiệp. Valerie có sự điềm tĩnh, táo bạo và khôn ngoan mà tôi hiếm khi thấy ở những người mình từng gặp. Tôi lập tức nhận ra chị là một người để tôi học hỏi và ở gần.

Trước khi tôi ra về, chị gợi ý mời tôi tham gia vào đội ngũ nhân viên của chị trong vai trò trợ lý Thị trưởng Daley và có thể bắt đầu công việc ngay khi tôi sẵn sàng. Tôi sẽ không còn hành nghề luật. Lương của tôi sẽ là sáu mươi ngàn đô-la một năm, khoảng phân nửa mức lương tôi đang có ở Sidley & Austin. Chị khuyên tôi nên dành thêm thời gian suy nghĩ xem tôi có thật sự sẵn sàng cho thay đổi này hay không. Đó là một cơ hội đáng cân nhắc, một cơ hội mà tôi quyết định nắm bắt.

Chưa bao giờ tôi đánh giá cao tòa thị chính. Là một người da đen trưởng thành ở South Side, tôi hầu như không tin vào chính trị. Từ trước đến nay chính trị thường được dùng để chống lại người da đen, như một phương tiện để cô lập và loại trừ chúng tôi, khiến chúng tôi không nhận được sự giáo dục xứng đáng, phải chịu cảnh thất nghiệp và nhận đồng lương thấp hơn năng lực của mình. Ông bà tôi từng sống qua thời khiếp đảm của các đạo luật Jim Crow, hứng chịu đủ sự nhục nhã từ nạn phân biệt đối xử liên quan đến nhà đất, và về cơ bản thì họ không tin tưởng bất kỳ cơ chế chính quyền nào. (Nếu bạn còn nhớ, ông Southside đã nghĩ rằng đến cả nha sĩ cũng muốn làm hại ông.) Cha tôi, người cả đời làm công chức nhà nước, đã phải phục vụ trong vị trí trưởng khu Đảng Dân chủ để có cơ hội thăng tiến trong công việc. Ông thích phần trách nhiệm xã hội của vai trò trưởng khu mà mình đảm nhiệm, nhưng luôn thất vọng trước chủ nghĩa thân hữu mà tòa thị chính áp dụng.

Vậy mà bỗng nhiên tôi lại đang cân nhắc một công việc trong tòa thị chính. Tôi băn khoăn khi thu nhập sẽ giảm, nhưng theo bản năng mà nói thì tôi cảm thấy một sự tò mò thích thú. Tôi đang cảm thấy một nỗi nhức nhối khác, một cú hích âm thầm đẩy tôi tới một tương lai có thể hoàn toàn khác so với những gì tôi đã vạch ra. Tôi gần như đã sẵn sàng để thực hiện cú chuyển mình đó, chỉ trừ một việc. Bây giờ tôi không còn một mình nữa. Khi chị Valerie gọi tôi vài ngày sau đó, tôi nói với chị là tôi vẫn đang cân nhắc. Sau đó tôi đã hỏi chị một câu mà bản thân tôi còn cảm thấy là khá kỳ lạ. Tôi nói, “Em có thể giới thiệu chị với chồng sắp cưới của em được không?”.

TÔI NGHĨ TÔI NÊN dừng lại một chút ở đây để đưa tất cả chúng ta quay về mùa hè oi ả năm ấy, về sự xáo trộn của những tháng ngày dài sau khi cha tôi qua đời. Barack đã bay đến Chicago để ở bên tôi lâu nhất có thể trong khoảng thời gian tang lễ của cha tôi, rồi anh quay về để hoàn tất chương trình học ở Harvard. Sau khi tốt nghiệp vào cuối tháng Năm, anh thu dọn đồ đạc, bán chiếc Datsun màu vàng chuối của mình và bay về Chicago, đến trình diện tại địa chỉ 7436 Đại lộ Nam Euclid, ngã vào vòng tay tôi. Tôi yêu anh. Tôi cảm thấy được anh yêu thương. Chúng tôi đã trải qua gần hai năm yêu xa, và cuối cùng thì giờ đây chúng tôi có thể trở thành một cặp yêu-gần. Như thế nghĩa là chúng tôi lại có những dịp cuối tuần nằm nướng trên giường, đọc báo, đi ăn sáng muộn và chia sẻ mọi tâm tình. Chúng tôi có thể dùng bữa tối nóng sốt vào thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư và cả thứ Năm nữa. Chúng tôi có thể đi chợ và ngồi gấp quần áo trong lúc xem ti-vi. Giờ đây, vào những buổi tối khi tôi vẫn còn rung rung nỗi đau mất cha, Barack có thể ôm tôi và hôn lên trán tôi.

Barack cảm thấy nhẹ người khi học xong trường luật, anh hăm hở ra khỏi môi trường học thuật trừu tượng và bắt tay vào những công việc vừa hấp dẫn vừa thực tế hơn. Anh cũng thuyết phục được một nhà xuất bản ở New York tin vào tính khả thi của ý tưởng viết một quyển sách xoay quanh vấn đề chủng tộc và nhân dạng, điều mà một người tôn sùng sách vở như anh cảm thấy là một lợi ích to lớn. Anh được ứng trước một khoản tiền và có khoảng một năm để hoàn thành bản thảo.

Barack dường như luôn có rất nhiều phương án lựa chọn. Danh tiếng của anh - những lá thư giới thiệu đầy ưu ái từ các giáo sư của anh trong trường luật, câu chuyện trên tờ New York Times viết về việc anh được chọn làm chủ biên tập san Harvard Law Review - có vẻ đã mang đến cho anh hàng loạt cơ hội. Đại học Chicago tỏ ý muốn mời anh gia nhập chương trình giảng viên không lương và được sử dụng một văn phòng nhỏ trong năm đó - ý định của họ là anh sẽ viết sách ở đó và biết đâu cuối cùng sẽ ký hợp đồng giảng dạy trong vai trò trợ giảng ở trường luật của họ. Với hy vọng chiêu mộ được Barack về làm toàn thời gian, đồng nghiệp của tôi ở Sidley & Austin đã cho anh sử dụng một bàn làm việc trong khoảng tám tuần trước khi Barack tham gia kỳ thi vào đoàn luật sư vào tháng Bảy. Giờ đây anh cũng đang cân nhắc công việc tại Davis, Miner, Barnhill & Galland, một hãng luật công ích quy mô nhỏ chuyên về quyền công dân và bình đẳng về nhà ở, cũng là nơi có những luật sư có quan điểm gần với Harold Washington, mà đây lại là một sức hút lớn đối với Barack.

Barack là người nhìn thấy những cơ hội bất tận và chẳng bao giờ bận tâm thắc mắc liệu chúng có cạn kiệt hay không. Anh đã tận tâm tận lực để có được kết quả như ngày nay, nhưng anh không so sánh thành tích hay sự tiến bộ của bản thân với người khác như rất nhiều người mà tôi từng biết - hoặc như tôi thỉnh thoảng vẫn làm. Đôi khi anh dường như lãng quên cuộc sống tranh giành hơn thua ngoài kia, cùng với tất cả những thứ vật chất mà một luật sư tuổi ba mươi thường theo đuổi, chẳng hạn như một chiếc xe không khiến họ cảm thấy xấu hổ, một ngôi nhà có sân ở vùng ngoại ô hay một căn hộ phô trương ở trung tâm thành phố. Tôi đã quan sát thấy đặc điểm này nơi anh từ trước, nhưng giờ đây khi chúng tôi sống cùng nhau và khi tôi đang cân nhắc thực hiện bước chuyển mình đích thực đầu tiên của bản thân, tôi càng cảm thấy trân trọng đặc điểm này hơn.

Nói ngắn gọn thì Barack có lòng tin trong khi những người khác thì không. Anh ấy có một niềm tin đơn giản và vững chắc là nếu bạn giữ vững nguyên tắc của mình, mọi thứ sẽ suôn sẻ. Đến thời điểm này, tôi đã có rất nhiều cuộc trò chuyện hữu ích với rất nhiều người, xoay quanh việc làm thế nào để có thể rút lui khỏi một sự nghiệp có vẻ đang tiến triển tốt đẹp. Và rất nhiều lần tôi đã thấy vẻ lo ngại của họ khi tôi nói về những món nợ phải trả hoặc về việc chưa thể mua được một căn nhà. Tôi không khỏi nghĩ đến cách mà cha tôi đã cố tình giữ những mục tiêu của ông ở mức thật khiêm tốn, tránh mọi rủi ro để mang đến cho gia đình chúng tôi sự yên ổn. Tôi vẫn đang sống theo lời khuyên của mẹ: Hãy lo kiếm tiền trước và lo lắng về niềm vui trong công việc sau. Bên cạnh nỗi âu lo đó, tôi còn có một nỗi khao khát sâu kín và ý nghĩa hơn mọi ước muốn vật chất khác: tôi biết mình muốn có con, và có con sớm thì tốt hơn. Làm sao tôi thực hiện được mong muốn này nếu đột ngột khởi đầu lại trong một lĩnh vực hoàn toàn khác?

Khi Barack xuất hiện trở lại ở Chicago, anh trở thành liều thuốc xoa dịu của tôi. Anh chia sẻ mọi lo toan của tôi, lắng nghe tôi nói về mọi áp lực tài chính hiện có, và khẳng định với tôi rằng anh cũng háo hức muốn có con. Anh công nhận là chúng tôi không thể dự đoán xem chính xác thì mình sẽ xoay xở thế nào khi cả hai đều không muốn bị bó buộc trong cuộc sống thoải mái dễ đoán của nghề luật sư. Nhưng điều cốt lõi là chúng tôi không nghèo và tương lai chúng tôi còn nhiều hứa hẹn, có khi là hứa hẹn nhiều đến mức không thể tính trước được.

Anh là người duy nhất nói với tôi rằng hãy cứ làm đi, hãy dẹp mọi lo lắng và đi theo bất cứ điều gì mà tôi cho rằng sẽ giúp tôi hạnh phúc. Sẽ không sao cả khi dấn thân vào những điều mình chưa biết, vì sự bất định đó sẽ không giết chết tôi - và đây có thể được xem là một điều hoàn toàn xa lạ đối với tất cả các thành viên trong gia đình Shields/Robinson, từ thời ông Dandy và ông Southside.

Barack nói rằng, Đừng lo, em có thể làm được. Chúng ta sẽ tìm ra cách.

ĐÔI DÒNG về kỳ thi vào đoàn luật sư: đó là một công việc cần thiết, một nghi thức phải thông qua đối với bất kỳ luật sư mới ra trường nào có mong muốn hành nghề luật, và dù nội dung và cấu trúc của bài kiểm tra có thay

đổi tùy theo bang, người ta vẫn đồng tình rằng kỳ thi này là một trải nghiệm kinh khủng - đó là một cuộc thi diễn ra trong hai ngày, kéo dài mười hai giờ để bạn chứng tỏ kiến thức của mình về mọi thứ từ luật hợp đồng tới những quy tắc khó dò về giao dịch bảo đảm. Từng có cùng ý định với Barack, bản thân tôi đã tham gia kỳ thi luật sư ở Illinois ba năm trước, vào mùa hè sau khi tốt nghiệp Harvard. Trước đó tôi đã có hai tháng ôn luyện với tinh thần kỷ luật tự giác gắt gao trong vai trò luật sư tập sự năm nhất tại Sidley, đồng thời tham gia lớp luyện thi và buộc mình phải đọc hết mấy quyển sách luyện thi dày cộp.

Đây cũng là mùa hè mà anh Craig kết hôn với chị Janis ở quê nhà chị tại Denver. Janis đề nghị tôi làm phù dâu, và tôi đã háo hức đón nhận vai trò này giữa lúc đang bận tối tăm mặt mũi, tự thuyết phục mình bằng một loạt lý lẽ - một trong số đó là tôi đã dành bảy năm vừa qua để nỗ lực hết mình ở Princeton và Harvard. Tôi xuýt xoa khi được xem các bộ váy cưới, tôi giúp lên kế hoạch cho tiệc độc thân của cô dâu, tôi làm mọi việc có thể để giúp ngày cưới vui càng vui hơn. Nói cách khác, tôi háo hức chờ mong thời khắc anh tôi đọc lời thề trăm năm hơn là ngồi xem xét lại những gì cấu thành một sai phạm pháp lý.

Đó là những ngày xưa cũ, khi kết quả bài kiểm tra được gửi qua đường bưu điện. Mùa thu năm ấy, khi kỳ thi đã qua và đám cưới cũng đã xong, tôi gọi cho cha từ công ty và nhờ ông kiểm tra xem thư đã đến hay chưa. Và thư đã đến. Tôi hỏi có phong thư nào gửi cho tôi hay không. Có. Có phải đó là thư từ Đoàn Luật sư Bang Illinois không? Tại sao, phải rồi, trên bì thư ghi vậy. Sau đó tôi nhờ cha mở phong thư, và đó là khi tôi nghe tiếng sột soạt, rồi đến một khoảng lặng dài nghẹt thở ở bên kia đầu dây.

Tôi đã trượt.

Cả đời mình tôi chưa bao giờ trượt bất cứ kỳ thi nào, trừ khi bạn muốn tính thời điểm tôi đứng trong lớp mẫu giáo và không thể đọc được từ “trắng” trên tấm giấy cô giáo đang cầm. Nhưng tôi đã thất bại ở bài thi luật sư. Tôi xấu hổ, chắc chắn là mình đã khiến những người từng dạy dỗ, khuyến khích hoặc tuyển dụng mình phải thất vọng. Tôi không quen vấp ngã. Tôi thường làm nhiều hơn mức cần thiết, đặc biệt là khi phải chuẩn bị cho một thời khắc trọng đại hay một bài kiểm tra quan trọng, nhưng lần này tôi đã sơ sẩy. Giờ đây tôi nghĩ đó chính là hậu quả của việc tôi không thật sự yêu thích quãng thời gian học ở trường luật. Tôi muốn ở bên cạnh con người hơn là sách vở, và đó là lý do quãng thời gian tốt đẹp nhất của tôi ở trường luật là làm tình nguyện viên cho Văn phòng Hỗ trợ Pháp lý của trường, nơi tôi có thể giúp ai đó nhận tấm chỉ phiếu an sinh xã hội hay đấu tranh với một vị chủ nhà quá quắt.

Dù vậy, tôi vẫn không thích thất bại. Tôi cảm nhận được dư vị đắng cay của nó trong suốt nhiều tháng trời, kể cả khi nhiều đồng nghiệp ở Sidley thú nhận rằng họ cũng không đậu ở lần thi đầu tiên. Cũng trong mùa thu năm đó, tôi hạ quyết tâm và ôn luyện để thi lại, nỗ lực đậu vào đoàn luật sư một cách dễ dàng. Cuối cùng thì thất bại của tôi không gây ra ảnh hưởng gì khác, ngoài việc làm tổn thương lòng tự hào và sự kiêu hãnh của tôi.

Tuy nhiên, vài năm sau, ký ức về câu chuyện thất bại kia khiến tôi càng thêm tò mò về Barack. Anh đang theo học các lớp luyện thi và luôn kè kè sách bên người, nhưng anh không vui đầu đọc sách thường xuyên như tôi nghĩ - đúng hơn là như tôi sẽ làm, sau những gì đã qua. Nhưng tôi không thúc giục anh, cũng không đem bản thân ra làm một ví dụ về sự thất bại. Tôi và anh ấy rất khác nhau. Đầu của Barack là một chiếc vali chứa đầy thông tin, một chiếc máy vi tính trung tâm mà từ đó anh có thể trích xuất bất kỳ thông tin nào mình muốn. Tôi gọi anh là “anh chàng dữ kiện” vì dường như anh luôn có một số liệu thống kê nào đó phù hợp với từng góc ngách của một cuộc trò chuyện. Trí nhớ của anh rất-có-vẻ-là kiểu trí nhớ hình ảnh. Sự thật là tôi không lo lắng về việc anh có đậu kỳ thi sát hạch vào đoàn luật sư hay không, mà thật ra là tôi hơi khó chịu vì tôi thấy anh chẳng lo lắng gì về chuyện này.

Thế là ngay ngày anh ấy hoàn thành kỳ thi - ngày 31 tháng Bảy, năm 1991 - chúng tôi đặt bàn tại nhà hàng Gordon ở trung tâm thành phố để tổ chức ăn mừng sớm. Đó là một trong những nơi yêu thích nhất của chúng tôi, một nơi dành riêng cho những dịp đặc biệt, nơi có ánh sáng theo phong cách Art Deco, vài bàn ăn trắng tinh tươm và thực đơn thì có những món như trứng cá muối và atisô chiên giòn. Khi đó là giữa mùa hè, và chúng tôi đang hạnh phúc.

Ở Gordon, Barack và tôi luôn gọi đủ món. Chúng tôi uống martini và dùng món khai vị. Chúng tôi chọn một loại rượu ngon để dùng kèm với món chính. Chúng tôi trò chuyện một cách thông thả, mãn nguyện và có lẽ còn có đôi chút ngốc nghếch nữa. Khi gần kết thúc bữa ăn, Barack mỉm cười với tôi và nói về chuyện kết hôn. Anh nắm lấy tay tôi và nói rằng anh yêu tôi với cả tấm lòng, nhưng anh vẫn không thật sự thấy được lý do để kết hôn. Ngay lập tức, tôi thấy máu nóng dồn lên mặt. Giống như có một công tắc nào đó vừa được nhấn trong tôi - kiểu công tắc to dùng màu đỏ nhấp nháy giữa các bảng cảnh báo và bản đồ sơ tán mà bạn thường thấy trong mấy nhà máy hạt nhân. Thật sao? Chúng tôi thật sự phải nói chuyện này bây giờ sao?

Và thật sự là chúng tôi đã phải nói về chuyện đó. Chúng tôi đã nhiều lần bàn về chuyện hôn nhân, và gần như không có gì thay đổi. Tôi là kiểu người truyền thống còn Barack thì không. Rõ ràng là không ai trong chúng tôi dễ dàng thay đổi quan điểm của mình. Nhưng chuyện đó không ngăn cản chúng tôi - hai vị luật sư - bàn luận sôi nổi về chủ đề này. Ngồi giữa một nhà hàng sang trọng, nơi những người đàn ông mặc áo vét lịch lãm và những phụ nữ diện đầm xinh xắn đang thưởng thức bữa ăn ngon lành, tôi đã cố hết sức để giữ giọng mình thật điềm tĩnh.

“Nếu chúng ta cam kết với mối quan hệ này thì tại sao lại không hợp thức hóa cam kết đó? Phẩm giá của anh sẽ bị tổn hại nếu làm vậy hay sao?”, tôi hỏi một cách bình tĩnh nhất có thể.

Từ câu hỏi này, chúng tôi điem qua một lượt những lập luận quen thuộc. Hôn nhân có thật sự cần thiết hay không? Tại sao kết hôn là cần thiết? Anh ấy bị làm sao thế này? Tôi bị làm sao thế này? Tương lai của chúng tôi sẽ ra sao nếu chúng tôi không thể giải quyết được chuyện này? Chúng tôi không cãi nhau mà là đang tranh luận, và tranh luận theo đúng kiểu của luật sư. Chúng tôi ra đòn và phản đòn, phân tích và kiểm tra chéo, nhưng rõ ràng tôi là người kích động hơn. Tôi là người nói nhiều hơn.

Cuối cùng, nhân viên bồi bàn mang đến một đĩa tráng miệng được đậy kín bằng nắp bạc, đặt nó xuống trước mặt tôi và gỡ nắp ra. Tôi bức mình đến mức gần như chẳng buồn nhìn xuống, nhưng rồi khi nhìn xuống, tôi thấy một chiếc hộp màu đỏ sẫm nằm ngay vị trí mà lẽ ra là một chiếc bánh sô-cô-la. Trong hộp là một chiếc nhẫn kim cương.

Barack âu yếm nhìn tôi. Anh đã bắt tôi. Tất cả chỉ là một màn đánh lạc hướng. Con giận của tôi tan biến trong phút chốc, và thay vào đó là cảm giác ngạc nhiên vui sướng. Anh chọc tức tôi vì đây là lần cuối cùng anh lòi ra cái lập luận ngớ ngẩn của mình về hôn nhân, anh sẽ không nhắc lại thêm một lần nào nữa trong suốt quãng đời còn lại của chúng tôi. “Vụ án” này đã kết thúc. Anh quỳ một gối xuống, và bằng chất giọng vương một chút cảm xúc, anh chân thành hỏi tôi có thể cho anh vinh dự được kết hôn với tôi hay không. Sau này tôi mới biết anh đã đến gặp mẹ và anh trai tôi để xin phép trước khi ngỏ lời với tôi. Khi tôi gật đầu “đồng ý”, dường như tất cả những người trong nhà hàng đều vỗ tay chúc mừng.

Tôi đã từng sờ nhìn chăm chăm vào chiếc nhẫn trên ngón tay của mình suốt một hay hai phút gì đó. Tôi nhìn Barack để xác định chuyện này là thật. Anh đang mỉm cười. Anh đã khiến tôi hoàn toàn kinh ngạc. Theo cách nào đó, cả hai chúng tôi đều thắng. “Chà, như thế này thì em sẽ không cảm râm nữa”, anh nhẹ nhàng nói.

TÔI NHẬN LỜI CẦU HÔN CỦA BARACK, và không lâu sau đó tôi đồng ý với lời đề nghị của chị Valerie Jarrett về chuyện đến làm việc tại tòa thị chính. Trước khi bắt tay vào việc, tôi quyết định phải giới thiệu Barack

với Valerie và sắp xếp một bữa tối để ba người chúng tôi có thể trò chuyện với nhau.

Tôi làm vậy vì một vài lý do. Thứ nhất, tôi thích chị Valerie. Tôi rất ấn tượng với chị, và dù có nhận công việc kia hay không thì tôi vẫn háo hức muốn được biết thêm về chị. Tôi biết Barack cũng sẽ có ấn tượng tốt về chị. Tuy nhiên, lý do quan trọng hơn là tôi muốn anh nghe câu chuyện của chị Valerie. Giống như Barack, chị đã trải qua một phần thời thơ ấu ở một đất nước khác - trong trường hợp của chị thì đó là Iran, nơi cha của chị là một bác sĩ làm việc tại bệnh viện - sau đó chị quay lại Mỹ để học tập, và điều này đã giúp chị có được cái nhìn tinh tường mà tôi đã thấy nơi Barack. Barack có chút bận tâm về chuyện tôi làm việc ở tòa thị chính. Cũng như chị Valerie, anh được truyền cảm hứng từ thuật lãnh đạo của Harold Washington khi ông còn là thị trưởng, nhưng rõ ràng không có cảm tình với cơ cấu theo lễ thói cũ mà Richard M. Daley là người đại diện. Đó là tư chất của nhà tổ chức sự kiện cộng đồng trong anh: ngay cả khi Harold Washington còn tại nhiệm, anh đã không ngừng đấu tranh, mặc dù đôi khi đó là cuộc đấu tranh vô ích, với chính quyền thành phố Chicago để giành được sự ủng hộ dù là nhỏ nhất cho những dự án cộng đồng. Tuy anh luôn ủng hộ những triển vọng trong công việc của tôi, nhưng tôi nghĩ anh ấy đang thầm lo là tôi sẽ vỡ mộng hoặc cảm thấy bất lực khi làm việc dưới trướng Daley.

Chị Valerie chính là người có thể giải quyết bất kỳ lo ngại nào. Chị đã sắp xếp lại cả cuộc đời mình chỉ để làm việc cho Washington và rồi mất ông gần như ngay sau đó. Lỗi hổng mà cái chết của Washington để lại đã mang đến bài học kinh nghiệm cho tương lai, một câu chuyện mà sau này tôi cố gắng giải thích cho mọi người trên khắp nước Mỹ: ở Chicago, chúng tôi đã sai lầm khi trút mọi hy vọng cải cách lên đôi vai của một cá nhân mà không xây dựng một bộ máy chính trị để hỗ trợ cho tầm nhìn của con người đó. Cừ tri, đặc biệt là cừ tri theo chủ nghĩa tự do và da đen, xem Washington như đáng cứu thế, một biểu tượng, một nhân vật có thể thay đổi mọi thứ. Cách ông gánh vác trách nhiệm của mình thật đáng khâm phục, và ông đã truyền cảm hứng cho những người như Barack và chị Valerie để họ từ bỏ khối tư nhân và chuyển sang làm việc cho cộng đồng và dịch vụ công cộng. Nhưng khi Harold Washington qua đời, nguồn năng lượng mà ông tạo ra cũng lụi tàn theo.

Chị Valerie có dẫn đo trước khi quyết định tiếp tục trụ lại văn phòng thị trưởng, nhưng chị đã giải thích cho chúng tôi lý do chị cảm thấy đó là một lựa chọn đúng đắn. Chị cảm thấy được tân Thị trưởng Daley ủng hộ và biết mình đang làm công việc hữu ích cho thành phố. Chị nói rằng mình trung thành với các nguyên tắc của Harold Washington hơn là cá nhân ông ấy. Bản thân cảm hứng là một thứ dễ cạn; bạn phải nỗ lực để củng cố nguồn cảm hứng của mình. Quan điểm này hợp ý tôi lẫn Barack, và qua bữa ăn tối hôm đó, tôi cảm thấy một chuyện đã định: Valerie Jarrett giờ đây chính là một phần cuộc sống của chúng tôi. Dù chưa bao giờ nói ra nhưng có vẻ cả ba chúng tôi theo cách nào đó đã đồng ý đồng hành cùng nhau trong một chặng đường rất dài.

GIỜ ĐÂY, KHI CHÚNG TÔI đã đính hôn, khi tôi đã nhận công việc mới và Barack đã đồng ý hợp tác với Davis, Miner, Barnhill & Galland - công ty luật công ích đã ra sức chiêu mộ anh - còn một chuyện cuối cùng chúng tôi cần làm: chúng tôi đi nghỉ mát, hay nói chính xác hơn là chúng tôi đã có một chuyến hồi hương. Chúng tôi bay khỏi Chicago vào một ngày thứ Tư cuối tháng Tám, chờ thật lâu ở phi trường Frankfurt nước Đức, và rồi bay thêm một chuyến tám giờ đồng hồ nữa để tới Nairobi vừa kịp trước hoàng hôn, ở đó chúng tôi bước ra ngoài, dưới ánh trăng Kenya và đặt chân vào một thế giới hoàn toàn khác.

Tôi đã tới Jamaica và quần đảo Bahamas, cũng như có vài lần đến thăm châu Âu, nhưng đây là lần đầu tiên tôi đi xa nhà đến vậy. Tôi lập tức cảm nhận được sự xa lạ của Nairobi ngay từ những vạt nắng sớm đầu tiên - hay thật ra tôi mới là một sự khác lạ đối với nơi này. Càng đi nhiều thì tôi càng yêu thích cảm giác đó hơn, cảm giác mà một nơi xa lạ mang đến khi không ngăn ngại thể hiện sự khác biệt và mới mẻ của nó. Bầu không khí nơi đây có mùi vị khác với những gì tôi quen thuộc; đó là thứ mùi hương mà tôi không thể xác định được, có thể là mùi khói

từ gỗ cháy hay mùi dầu diesel thoang thoảng, hoặc có lẽ là hương thơm ngọt ngào của một loài hoa nào đó đang nở rộ. Cũng vẫn là vàng mặt trời đỏ, nhưng trông không giống với vàng mặt trời mà tôi biết.

Auma, chị gái cùng cha khác mẹ của Barack đến đón chúng tôi ở sân bay và nồng nhiệt ôm chào chúng tôi. Chị em họ chỉ gặp nhau vài lần kể từ sáu năm trước, khi chị Auma đến Chicago, nhưng họ rất thân thiết với nhau. Chị Auma lớn hơn Barack một tuổi. Mẹ của chị, bà Grace Kezia, mang thai chị khi ông Barack Obama rời Nairobi đến Hawaii học năm 1959. (Họ còn có một người con trai tên Abongo, khi ấy vẫn còn là một đứa bé.) Sau khi về Kenya vào giữa thập niên 1960, ông Obama và bà Kezia có thêm với nhau hai đứa con khác.

Chị Auma có làn da màu gỗ mun, hàm răng trắng sáng và nói giọng Anh rất nặng. Nụ cười của chị rất tươi tắn và mang đến cảm giác dễ chịu. Khi đến Kenya, tôi quá mệt mỏi sau một hành trình dài đến mức gần như không thể trò chuyện cho ra hồn, nhưng khi ngồi trên băng ghế sau trong chiếc con bọ Volkswagen cũ kỹ của chị Auma để vào thành phố, tôi đã kịp để ý là chị cũng dễ cười hệt như Barack và đường cong hộp sọ của chị cũng tương tự anh. Rõ ràng là chị Auma cũng thừa hưởng bộ não của dòng họ: chị lớn lên ở Kenya và thường xuyên về thăm nơi này, nhưng chị học đại học ở Đức và vẫn đang sống ở đó để học tiếp chương trình tiến sĩ. Chị thông thạo tiếng Anh, Đức, Swahili và tiếng Luo địa phương. Cũng như chúng tôi, chị cũng chỉ về thăm nhà.

Chị Auma thu xếp cho tôi và Barack ở tại căn hộ để không của một người bạn, đó là căn hộ một phòng ngủ đơn sơ trong một tòa nhà đúc bằng bê-tông trơn vô cùng bình thường vừa mới được sơn màu hồng tươi. Trong vài ngày đầu, chúng tôi đuối sức vì lệch múi giờ tới mức cảm thấy dường như mình chỉ có thể hoạt động bằng phân nửa tốc độ bình thường. Hoặc đó có thể chính là nhịp độ của Nairobi, nơi vận hành bằng một thứ logic hoàn toàn khác với Chicago. Nơi này có những con đường và bùng binh theo phong cách Anh đông nghẹt khách bộ hành, người đi xe máy, xe hơi và matatu^[1] - loại xe buýt cộc cạch rẻ tiền không chính thống mà bạn có thể bắt gặp ở mọi nơi, nổi bật với màu sơn rực rỡ và những bức vẽ và hình ảnh tạ ơn Chúa Trời, nóc xe chất cao những đồng hành lý được ràng lại bằng dây, và xe đông khách tới mức đôi khi chỉ có thể bám vào thân xe, nhào cả người ra bên ngoài.

Giờ thì tôi đã tới châu Phi. Đó là một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ, cuồng nhiệt và mệt lử. Chiếc Volkswagen màu xanh da trời của chị Auma cũ đến mức chúng tôi thường phải xuống đẩy thì nó mới vào số được. Tôi đã khờ dại mua đôi giày trắng mới để mang trong suốt chuyến đi, và chỉ trong một ngày, sau những lần đẩy xe, đôi giày đã ngả sang màu nâu đỏ và lấm lem đất cát của vùng Nairobi.

Barack thoải mái với Nairobi hơn tôi, vì anh đã từng tới đây một lần. Tôi đi đứng với bộ dạng kỳ lạ của một du khách, nhận thức rõ rằng dù có mang làn da đen thì ở đây chúng tôi vẫn là người ngoài. Thịnh thoảng người ta nhìn chằm chằm vào chúng tôi trên đường. Đương nhiên tôi không kỳ vọng là mình hòa nhập được ngay với nơi này, nhưng tôi nghĩ mình đã đến đây với niềm tin ngây thơ là tôi sẽ cảm nhận được mối gắn kết theo bản năng với lục địa mà suốt thời thơ bé tôi luôn nghĩ đến như vùng đất quê hương trong huyền thoại, như thể tôi sẽ có được cảm giác trọn vẹn khi đến nơi này. Nhưng dĩ nhiên châu Phi chẳng nợ chúng tôi điều gì. Cảm giác chông chênh nửa nọ nửa kia khi là một người Mỹ gốc Phi ở châu Phi thật sự là một trải nghiệm lạ lùng. Cảm giác đó khiến tôi buồn bã một cách khó lý giải, giống như tôi không thuộc về nơi nào cả.

Nhiều ngày sau đó tôi vẫn cảm thấy lạc lõng, và hai chúng tôi đều bị rất cổ. Barack và tôi cãi nhau - tôi không nhớ nổi nguyên nhân chính xác là gì. Ngoài chuyện cảm thấy kinh ngạc trước những gì nhìn thấy ở Kenya, chúng tôi cũng cảm thấy mệt mỏi, điều này khiến chúng tôi lời qua tiếng lại với nhau, rồi cuối cùng, bắt kể nguyên nhân ban đầu là gì, chuyện đó cũng trở thành một cuộc cãi vã. Tôi viết trong nhật ký, “Barack khiến tôi rất tức giận. Tôi nghĩ chúng tôi không có điểm chung nào cả”. Suy nghĩ của tôi đứt đoạn ngay tại đó. Tôi quẹt một đường qua hết phần còn lại của tờ giấy, như một cách thể hiện sự tức giận.

Như bất kỳ cặp đôi mới quen nhau nào, chúng tôi đang học cách cãi nhau. Chúng tôi không thường tranh cãi, và khi chúng tôi cãi nhau thì đó thường là những chuyện vụn vặt, một chuỗi những sự bức dọc bị dồn nén và chỉ trôi lên khi cả hai hoặc một trong hai chúng tôi quá mệt mỏi hoặc căng thẳng. Nhưng chúng tôi đã cãi nhau. Và dù tốt hay xấu thì tôi cũng có xu hướng la hét khi giận dữ. Khi có điều gì đó khiến tôi tức giận, tôi có thể cảm nhận sự bức tức đó trong cơ thể mình - một quả cầu lửa chạy dọc theo sống lưng và bùng nổ mạnh đến mức đôi khi tôi không nhớ nổi mình đã nói gì vào lúc đó. Trong khi đó, Barack thường vẫn giữ được vẻ bình tĩnh và lý trí, lời lẽ của anh vẫn tuôn ra một cách rõ ràng và hùng hồn (và điều đó thật khó ưa). Chúng tôi phải mất nhiều thời gian - nhiều năm ròng - để hiểu rằng đó chỉ là tính cách của mỗi chúng tôi, rằng mỗi chúng tôi là tổng hòa của những mã di truyền tương ứng cũng như tất cả những gì được cha mẹ và ông bà chúng tôi “cài đặt” vào. Dần dần chúng tôi cũng tìm ra được cách bộc lộ cũng như vượt qua những cơn giận vốn thỉnh thoảng vẫn xảy ra. Giờ đây, những trận cãi nhau của chúng tôi bớt nảy lửa hơn xưa, sau mỗi cuộc tranh cãi thì vấn đề cũng thường được giải quyết rất ráo hoảnh, và dù có căng thẳng thế nào đi nữa thì chúng tôi vẫn biết là mình luôn yêu thương nhau.

Sáng hôm sau chúng tôi thức giấc và thấy bầu trời Nairobi trong xanh cùng với nguồn năng lượng tươi mới. Chúng tôi đã bớt mệt mỏi vì lệch múi giờ và cảm thấy như được quay về với con người vui vẻ bình thường của mình. Chúng tôi gặp chị Auma ở ga tàu trung tâm, và cả ba chúng tôi bắt chuyến tàu có những ô cửa sổ che màn để đi về phía tây, ra khỏi thành phố và đến nhà thờ của dòng họ Obama. Ngồi bên ô cửa sổ trong một khoang tàu đầy người Kenya - vài người xách gà sống trong giỏ, số khác mang theo những món đồ nội thất to cồng kềnh mà họ mua ở thành phố - một lần nữa tôi lại ngạc nhiên khi nhận ra cuộc sống cô-gái-Chicago kiêm luật-sư-bàn-giấy của mình đã thay đổi một cách kỳ lạ thế nào, và người đàn ông ngồi cạnh tôi đây - người đã xuất hiện tại văn phòng tôi vào một ngày nọ với một cái tên kỳ lạ và nụ cười Đông-kì-sốt - đã xáo trộn mọi thứ một cách tài tình ra sao. Tôi dán mắt vào cửa sổ khi khu Kibera, khu thành thị ổ chuột lớn nhất châu Phi, hiện ra trước mắt, phơi bày những túp lều thấp có mái tôn xiên xẹo, những con đường bùn lầy, cống lộ thiên và một sự nghèo nàn mà tôi chưa từng thấy hay tưởng tượng ra nổi.

Chúng tôi ngồi tàu suốt nhiều giờ đồng hồ. Cuối cùng Barack cũng giở một quyển sách, còn tôi vẫn tiếp tục dán mắt vào cửa sổ khi hình ảnh các khu ổ chuột của Nairobi nhường chỗ cho vùng nông thôn xanh biếc, và đoàn tàu sầm sập tiến về phía bắc thị trấn Kisumu, nơi chị Auma, Barack và tôi rời tàu và bước vào cái nắng thiêu đốt của vùng xích đạo, rồi leo lên một chiếc *matatu* để đi nốt chặng đường xóc nảy cuối cùng qua những cánh đồng lúa mạch dẫn đến ngôi làng Kogelo, nơi bà nội của chị Auma và Barack sinh sống.

Tôi sẽ luôn nhớ loại đất sét màu đỏ đậm của vùng đất Kenya ấy, đậm tới nỗi trông gần như nguyên sơ, nhớ bụi đất bám đầy vào làn da đen và mái tóc của bọn trẻ đang lên tiếng chào chúng tôi từ hai bên đường. Tôi nhớ cảm giác ướt đầm mồ hôi và khát khô khi đi trên đoạn cuối con đường dẫn vào khu nhà của bà nội Barack, để đến với ngôi nhà xi măng được chăm chút tỉ mỉ, nơi bà đã sống suốt nhiều năm và canh tác một thửa rau, nuôi dưỡng ba con bò. Chị Auma và Barack gọi bà là bà nội Sarah. Bà có dáng người thấp và to con, với đôi mắt toát ra vẻ thông thái và nụ cười nhiều nếp nhăn. Bà không nói tiếng Anh mà chỉ dùng tiếng Luo, và bà vui vẻ ra mặt khi chúng tôi đã đi một chặng đường xa như vậy để đến thăm bà. Tôi cảm thấy mình thật cao khi đứng bên cạnh bà. Bà dò xét tôi với một sự tò mò có chút bối rối, như thể cố xác định xem tôi từ đâu đến và làm thế nào lại “hạ cánh” trước cửa nhà bà. Một trong những câu hỏi đầu tiên bà dành cho tôi là, “Cha hay mẹ của con là người da trắng?”.

Tôi cười phá lên và giải thích, với sự hỗ trợ của chị Auma, rằng tôi da đen từ trong ra ngoài, cơ bản là đen như người da đen ở Mỹ.

Bà Sarah thấy chuyện đó thật hài hước. Dường như đối với bà mọi chuyện đều hài hước, thậm chí bà còn trêu Barack vì anh không thể nói tiếng Luo. Tôi hoàn toàn ngạc nhiên khi thấy bà rất dễ vui vẻ. Khi trời sụp tối, bà hầm cho chúng tôi một con gà, ăn kèm với món cháo đặc ugali được nấu từ bột bắp nghiền. Suốt thời gian đó, hàng xóm và họ hàng cũng đến chào hỏi hai người trẻ tuổi của dòng họ Obama và chúc mừng tôi và Barack đã đính hôn. Tôi nhanh chóng thưởng thức các món ăn với tất cả lòng biết ơn, trong khi mặt trời đang lặn dần và màn đêm bắt đầu bao phủ ngôi làng, nơi không có điện mà chỉ có một dải sao sáng trên đầu chúng tôi. Thật là một phép màu khi tôi có mặt ở nơi này. Tôi ở cùng Barack trong một phòng ngủ đơn sơ, lắng nghe tiếng dế râm ran trong mấy cánh đồng bắp xung quanh, tiếng sột soạt của những loài thú mà chúng tôi không tài nào nhìn thấy được. Tôi nhớ mình đã choáng ngợp ra sao trước đất trời xung quanh, và đồng thời cũng cảm thấy ấm cúng và được chở che ngay bên trong ngôi nhà bé xíu ấy. Tôi có một công việc mới, một vị hôn phu, và một gia đình lớn có nhiều thế hệ - thậm chí là có cả một bà nội người Kenya đã chấp nhận mình. Tất cả đều là thật: tôi đã bị kéo ra khỏi thế giới của mình, và trong khoảnh khắc đó, mọi thứ đều tốt đẹp.

BARACK VÀ TÔI KẾT HÔN VÀO THỨ BẢY NĂM 1992, một ngày tháng Mười ngập nắng. Hai người chúng tôi đứng trước hơn ba trăm bạn bè và người thân trong Nhà thờ Trinity ở South Side. Đó là một lễ cưới lớn, và lễ cưới của chúng tôi cần lớn như vậy. Nếu tổ chức đám cưới tại Chicago thì chúng tôi không thể cắt giảm danh sách khách mời. Gốc rễ của tôi đã bám quá sâu ở nơi này. Tôi không chỉ có anh chị em họ mà còn có cả anh chị em họ của họ, và bọn họ còn có con cái - không có ai trong số họ bị tôi lược ra khỏi danh sách, và tất cả đều giúp ngày vui hôm ấy thêm phần hạnh phúc và ý nghĩa.

Các chú của tôi cũng có mặt. Gia đình bên ngoại xuất hiện không sót một ai. Tôi còn có hàng xóm và những người bạn học cũ, những người từ Princeton, từ Whitney Young đến tham dự lễ cưới. Cô Smith, vợ của thầy trợ lý hiệu trưởng vẫn còn sống cách chúng tôi không xa trên Đại lộ Euclid, đã giúp tổ chức tiệc; còn ông bà Thompson, hàng xóm đối diện nhà tôi, đã cùng ban nhạc jazz của gia đình họ trình diễn tại tiệc mừng diễn ra sau nghi thức kết hôn. Santita Jackson, rặng ngời trong bộ váy đen xẻ cổ sâu, là phù dâu cho tôi. Tôi còn mời những đồng nghiệp cũ tại Sidley và đồng nghiệp mới tại tòa thị chính. Những luật sư cao cấp trong công ty của Barack cũng có mặt, cùng với những người bạn trong ngành tổ chức sự kiện cộng đồng của anh. Nhóm bạn “đầu gấu” thời trung học của Barack cũng hòa vào không khí vui vẻ cùng những người họ hàng đến từ Kenya, họ đội trên đầu những chiếc mũ Đông Phi rực rỡ màu sắc. Buồn thay, chúng tôi đã mất Gramps - ông nội của Barack - vào mùa đông năm trước đó vì ung thư, nhưng mẹ và bà ngoại của anh đã tới Chicago, cả chị Auma và Maya, hai chị em gái cùng mẹ khác cha và cùng cha khác mẹ của anh cũng từ những lục địa khác bay đến - tất cả đều hội ngộ trong niềm thương yêu dành cho Barack. Đây là lần đầu tiên hai gia đình chúng tôi gặp nhau, và cảm giác đó rất vui vẻ.

Xung quanh chúng tôi ngập tràn yêu thương - tình yêu thương cởi mở và đa văn hóa của nhà Obama, cùng với tình yêu thương vững chãi của nhà Robinson-vùng-South-Side - tất cả giờ đây đều hòa quyện với nhau, giữa những hàng ghế bên trong thánh đường. Tôi nắm chặt khuỷu tay anh Craig trong lúc anh ấy dắt tôi lên lễ đường. Khi đến nơi, tôi bắt gặp ánh mắt của mẹ. Bà đang ngồi ở hàng ghế đầu, trông thật sang trọng trong bộ váy trắng đen đính cườm dài chấm sàn mà hai chúng tôi đã cùng chọn mua, cảm bà ngẩng cao và đôi mắt đầy vẻ tự hào. Dù nỗi đau mất cha vẫn hiện diện trong chúng tôi mỗi ngày, chúng tôi vẫn sống tiếp, vì đó cũng là điều ông mong muốn.

Sáng hôm đó Barack thức giấc với một cơn đau đầu tệ hại, nhưng nó đã tan biến một cách kỳ diệu khi anh ấy đến nhà thờ. Giờ đây anh đang diện bộ tuxedo thuê và mang đôi giày mới bóng lẩy, đứng cạnh bệ thờ và mỉm cười nhìn tôi với ánh mắt sáng rực. Hôn nhân vẫn còn là gì đó bí ẩn với anh ấy hơn là với tôi, nhưng trong mười bốn tháng chúng tôi đính hôn, anh ấy hoàn toàn dốc lòng dốc sức. Chúng tôi đã tỉ mỉ lựa chọn từng thứ cho ngày trọng đại của mình. Barack, người ban đầu đã nói là không hứng thú với những chi tiết vụn vặt của lễ cưới, rốt cuộc đã góp ý một cách đáng yêu, quyết đoán - và còn dễ đoán nữa - cho mọi thứ, từ bài trí hoa cho tới món tráng miệng sẽ phục vụ cho thực khách tại Trung tâm Văn hóa South Shore trong khoảng một giờ đồng hồ nữa. Chúng tôi đã chọn nhạc cưới cho mình, bài hát mà Santita sẽ trình bày bằng chất giọng xuất sắc của cô trên nền nhạc đệm của một nghệ sĩ dương cầm.

Đó là một bản nhạc của Stevie Wonder có tên “You and I (We Can Conquer the World)”. Tôi nghe bài này lần đầu tiên hồi còn bé, khoảng lớp ba hay bốn gì đó, khi ông Southside tặng tôi album nhạc Talking Book - chiếc đĩa hát đầu tiên của tôi, thứ vô cùng quý giá với tôi. Tôi giữ đĩa hát ở nhà ông và được phép mở nó lên bất cứ lúc nào tôi đến chơi. Ông Southside đã dạy tôi cách bảo quản đĩa than, cách lau sạch bụi trong các rãnh từ, cách nhắc kim

khỏi bàn xoay và đặt nó xuống thật nhẹ nhàng vào đúng chỗ. Thường thì ông sẽ cho tôi được thoải mái một mình với âm nhạc, ông hạn chế xuất hiện để tôi có thể tự học, trong không gian riêng của mình, mọi điều mà đĩa nhạc có thể dạy được - chủ yếu từ việc hát to theo lời bài hát hết lần này tới lần khác bằng chất giọng nho nhỏ của một bé gái. In my mind, we can conquer the world / In love you and I, you and I, you and I...

Khi đó tôi chín tuổi. Tôi chẳng biết gì về tình yêu, cam kết hay chinh phục thế giới. Tất cả những gì tôi có thể làm là lờ mờ nhận ra tình yêu sẽ như thế nào và ai có thể xuất hiện vào một ngày nào đó để mang đến cho tôi cảm xúc mãnh liệt đó. Có khi nào đó là Michael Jackson? José Cardenal của đội Cubs? Hay là ai đó giống như cha? Thậm chí tôi còn không hình dung nổi anh ấy như thế nào, con người sẽ trở thành “anh” cho phần “em” của tôi.

Nhưng giờ đây hai chúng tôi đang có mặt tại đây.

Nhà thờ Trinity có tiếng là một chốn sôi động và ngập tràn yêu thương. Barack đã bắt đầu đến đây từ những ngày còn làm nhà tổ chức sự kiện cộng đồng, và mới gần đây, theo chân nhiều người bạn Mỹ gốc Phi trẻ trung và có trình độ trong thành phố, hai chúng tôi đã chính thức trở thành tín hữu của nơi này. Đức cha Jeremiah Wright - mục sư của nhà thờ, nổi tiếng là nhà thuyết giáo tinh tế và hết lòng quan tâm đến công bằng xã hội - giờ đây đang chủ trì hôn lễ của chúng tôi. Cha chào đón bạn bè và gia đình hai chúng tôi, sau đó Cha giờ cao nhấc cưới của cả hai chúng tôi để mọi người đều nhìn thấy. Cha giảng giải ý nghĩa của sự tác hợp trong hôn nhân và của việc để cho một cộng đồng đầy tình yêu thương - cộng đồng những người biết đến mọi khía cạnh của Barack và tôi - làm chứng cho sự tác hợp này.

Tôi đã cảm thấy được sức mạnh của những gì chúng tôi thực hiện, ý nghĩa của nghi thức hôn phối khi hai chúng tôi đứng trên lễ đường với tương lai còn chưa rõ ràng, mọi điều chưa thấu tỏ vẫn chưa thấu tỏ, và chúng tôi chỉ nắm tay nhau cùng trao lời thề ước.

Dù tương lai ra sao, chúng tôi sẽ cùng nhau bước tới. Tôi đã đốc sức chuẩn bị cho ngày hôm ấy, tôi xem trọng sự trang nhã của buổi lễ, nhưng giờ đây tôi đã hiểu điều gì thật sự quan trọng, điều mà tôi sẽ mãi không bao giờ quên, đó chính là khi hai chúng tôi siết chặt tay nhau. Hành động đó khiến tôi vững tâm hơn bất cứ điều gì khác. Tôi có niềm tin vào cuộc hôn nhân này, vào người đàn ông này. Thế nên tuyên bố niềm tin đó là chuyện dễ dàng nhất trên đời. Khi nhìn Barack, tôi biết anh ấy cũng có cùng cảm nhận như tôi. Hôm đó, hai chúng tôi không ai khóc cả. Chẳng có giọng nói nào run rẩy vì xúc động. Chúng tôi chỉ hơi choáng váng một chút. Sau buổi lễ, chúng tôi đã quy tụ hàng trăm chứng nhân của mình lại và mời họ dùng tiệc mừng. Chúng tôi ăn uống và nhảy múa đến khi nhòai mặt vì hạnh phúc.

KỶ TRĂNG MẶT là thời gian nghỉ ngơi của chúng tôi, một chuyến đi đường trường bằng ô-tô ở phía bắc California, có rượu, ngủ nghỉ, tắm bồn và thức ăn ngon. Ngay sau lễ cưới, chúng tôi đã bay sang San Francisco, dành ra nhiều ngày ở thung lũng Napa, rồi đánh xe theo Xa lộ 1 đến Big Sur để đọc sách, nhìn ngắm đại dương xanh thẳm nơi này và thanh lọc tâm trí. Chuyến đi thật tuyệt vời, mặc dù cơn cảm cúm của Barack lại tái phát như chưa từng thuyên giảm, và những màn tắm bồn thì cứ dính dính khó chịu.

Sau một năm bận rộn, chúng tôi sẵn sàng để quay lại với công việc hơn bao giờ hết. Vốn dĩ Barack có kế hoạch hoàn thành quyển sách và làm việc tại công ty mới vài tháng trước lễ cưới, nhưng rốt cuộc anh đã tạm hoãn phần lớn các dự định này. Khoảng đầu năm 1992, các nhà lãnh đạo của một tổ chức quốc gia phi đảng phái có tên Project VOTE! đã tiếp cận anh. Tổ chức này đang có các nỗ lực tiên phong để đăng ký tư cách cử tri cho các tiểu bang mà từ trước đến giờ tiếng nói của nhóm thiểu số luôn thấp. Họ hỏi Barack có thể điều hành quá trình đăng ký cử tri tại Illinois hay không, anh có thể mở văn phòng đại diện tại Chicago để đăng ký cho cử tri da đen trước

thêm cuộc bầu cử tháng Mười Một hay không. Theo ước tính, có khoảng 400.000 người Mỹ gốc Phi ở Mỹ có thể đi bầu nhưng vẫn chưa đăng ký, phần đông họ đang sống ở Chicago và vùng lân cận.

Tuy có mức thù lao thấp thậm tệ, nhưng công việc lại phù hợp với niềm tin cốt lõi của Barack. Năm 1983, một cuộc vận động đăng ký tư cách cử tri tương tự ở Chicago đã góp phần đưa Harold Washington tiến vào văn phòng thị trưởng. Năm 1992, cuộc đua tranh một lần nữa lại trở nên sôi nổi: một ứng viên Mỹ gốc Phi khác, Carol Moseley Braun, đã khiến mọi người ngạc nhiên bằng chiến thắng sít sao cho vị trí đề cử của Đảng Dân chủ vào Thượng viện và kết giữa cuộc đua tranh gay gắt cho cuộc tổng tuyển cử. Trong khi đó Bill Clinton đang chạy đua với George H. W. Bush để giành vị trí tổng thống. Các cử tri thiểu số cần phải hành động ngay.

Nói Barack dấn thân vào công việc là vẫn chưa diễn tả được hết tình hình. Mục tiêu của Project VOTE! là đăng ký cử tri mới tại Illinois với tốc độ đáng sửng sốt là mỗi tuần mười ngàn người. Công việc cũng tương tự với những gì Barack từng làm khi còn tổ chức sự kiện quần chúng: trong suốt mùa xuân và hè, anh cùng cộng sự đã đến không biết bao nhiêu sảnh nhà thờ, đi từ ngôi nhà này sang ngôi nhà khác để trò chuyện với các cử tri chưa đăng ký bầu cử. Anh kết nối thường xuyên với các nhà lãnh đạo cộng đồng và nhiều lần kêu gọi hỗ trợ từ những mạnh thường quân giàu có, nhằm quyên tiền sản xuất các chương trình quảng cáo trên radio và tờ thông tin để phát tại các khu phố người da đen và các dự án nhà tập thể. Thông điệp của tổ chức rất kiên định và rõ ràng, đồng thời phản ánh đúng những gì tôi biết Barack cảm nhận trong thâm tâm: quyền lực của lá phiếu. Nếu bạn muốn thay đổi thì vào ngày bầu cử chớ nên ở nhà.

Mỗi tối, Barack về nhà ở Đại lộ Euclid và thường ngồi phịch xuống ghế, người nong nặc mùi thuốc lá mà anh vẫn hút khi không có tôi bên cạnh. Anh có vẻ mệt mỏi nhưng không bao giờ cạn kiệt sinh khí. Anh ghi chép cẩn thận những tờ đơn đăng ký cử tri: đến giữa mùa hè thì họ đạt được con số trung bình cực kỳ ấn tượng là bảy ngàn cử tri một tuần, nhưng vẫn chưa đủ để đáp ứng mục tiêu đề ra. Anh lập kế hoạch làm thế nào để truyền tải thông điệp đến với mọi người, làm sao để có thêm tình nguyện viên và tìm ra nhiều người nữa. Dường như anh xem thử thách như một khối rubik - như một bài toán có thể giải được nếu biết xếp các khối vào đúng trật tự. Anh nói với tôi rằng những người khó với tới nhất là những người trẻ, tuổi từ mười tám tới ba mươi - họ là những người dường như không hề tin tưởng vào chính quyền.

Trong khi đó tôi lại hoàn toàn dấn thân vào bộ máy chính quyền. Khi ấy tôi đã làm ở văn phòng thị trưởng với chị Valerie được một năm, giữ vai trò trung gian giữa nhiều phòng ban của thành phố, bao gồm Y tế và Dịch vụ Con người. Công việc này bao quát và hướng đến con người đủ để khiến tôi cảm thấy tràn đầy năng lượng và hứng thú. Nếu trước kia tôi từng dành nhiều ngày trời để viết báo cáo trong một văn phòng yên tĩnh được trải thảm tinh tươm và có tầm nhìn ra Hồ Michigan, thì giờ đây tôi làm việc trong một căn phòng không có cửa sổ nằm ở những tầng trên cùng của tòa thị chính, với những công dân ồn ào liên tục ra vào tòa nhà mỗi ngày.

Tôi hiểu ra rằng các vấn đề của chính quyền rất phức tạp và không bao giờ dứt. Tôi đi lại như con thoi giữa những cuộc họp với nhiều trưởng phòng, làm việc với nhân viên của ủy viên thành phố và đôi lúc được cử đến những khu vực khác quanh Chicago để xử lý các khiếu nại cá nhân mà thị trưởng đã nhận được. Nhiệm vụ của tôi là kiểm tra những cái cây đã đổ và cần được dọn dẹp, hay nói chuyện với những mục sư đang bức bối về tình hình giao thông hoặc công tác thu gom rác trong vùng, tôi cũng thường đại diện cho văn phòng thị trưởng tại các buổi sinh hoạt cộng đồng. Tôi đã từng cắt ngang một trận cãi vã ồm ồm tại một buổi dã ngoại dành cho người cao tuổi ở North Side. Một luật sư tập đoàn chẳng bao giờ làm những chuyện như thế này, và vì lẽ đó tôi cảm thấy công việc của mình thật sự thú vị. Tôi đang trải nghiệm một Chicago theo cách mà trước đây tôi chưa từng được trải nghiệm.

Tôi cũng học được một điều rất giá trị khác sau khi dành nhiều thời gian hơn với Susan Sher và Valerie Jarrett, hai người phụ nữ mà theo nhìn nhận của tôi là vừa cực kỳ tự tin vừa cực kỳ nhân văn. Susan điều hành các cuộc họp bằng một sự duyên dáng sắc lạnh và không chút nao núng. Valerie không bao giờ ngại thể hiện quan điểm của mình trong một căn phòng đầy những người đàn ông có chính kiến, chị thường khéo léo đưa người ta vào bất kỳ phe nào mà chị đang ủng hộ. Chị như một sao chổi có vận tốc siêu nhanh, một người rõ ràng đã đi nhiều, biết nhiều và hiểu nhiều. Trước đám cưới của tôi không bao lâu, chị đã được đề bạt lên chức ủy viên thành phố, chịu trách nhiệm hoạch định và phát triển kinh tế cho thành phố, và chị đã mời tôi làm trợ lý. Tôi bắt đầu vào làm việc ngay sau khi trở về từ kỳ trăng mật.

Tôi tiếp xúc với chị Valerie nhiều hơn chị Susan, nhưng tôi cũng cẩn thận ghi chép tất cả những gì cả hai đang làm, tương tự như cách tôi đã quan sát chị Czerny, cố vấn của tôi ở trường đại học. Họ là những người phụ nữ biết rõ tiếng nói của mình và không ngại lên tiếng. Họ có thể khô khan và khiêm tốn khi cần thiết, nhưng họ không nao núng trước khó khăn và chẳng bao giờ nghi ngờ sức mạnh mà quan điểm của mình mang lại. Và quan trọng không kém, họ là những người mẹ đang đi làm để nuôi con. Tôi quan sát họ rất kỹ ở khía cạnh này, vì biết rằng một ngày nào đó tôi sẽ trở thành một bà mẹ giống như thế. Valerie chưa bao giờ chần chừ bước ra khỏi một cuộc họp quan trọng khi có cuộc gọi từ trường của con gái chị. Tương tự, Susan sẽ không ngại nghỉ làm nếu một trong hai đứa con trai của chị bị sốt cao hay đang biểu diễn ở một buổi trình diễn âm nhạc do nhà trẻ tổ chức. Họ không cảm thấy có gì phải biện giải khi đặt nhu cầu của con cái lên ưu tiên hàng đầu, kể cả khi điều này đôi khi đồng nghĩa với việc ngắt ngang dòng công việc, và họ cũng không tìm cách phân chia giữa công việc và gia đình theo cách mà tôi vẫn thấy ở các đồng nghiệp nam ở Sidley thường làm. Thậm chí tôi còn không rõ họ có xem việc phân chia như thế là một lựa chọn để cân nhắc hay không, khi mà họ phải xoay xở để đáp ứng những kỳ vọng dành riêng cho người mẹ và đều đã ly hôn, một việc mà bản thân nó đã mang lại nhiều thách thức về tinh thần và cả tài chính. Họ không cố sức trở nên hoàn hảo, nhưng theo cách nào đó họ luôn tỏ ra xuất sắc. Tình bạn của họ sâu đậm và họ luôn hỗ trợ lẫn nhau, một điều càng khiến tôi thêm ấn tượng. Họ đã bỏ đi tất cả những lớp mặt nạ và sống thật với bản thân một cách tuyệt vời, mạnh mẽ và truyền cảm hứng.

VỢ CHỒNG CHÚNG TÔI trở về từ kỳ trăng mật ở phía bắc California và đối mặt với cả tin vui lẫn tin buồn. Tin vui đến từ cuộc bầu cử tháng Mười Một, một sự kiện mang lại làn sóng thay đổi đáng khích lệ. Bill Clinton đã chiến thắng áp đảo tại Illinois và trên cả nước, đẩy Tổng thống Bush ra khỏi vị trí chỉ sau một nhiệm kỳ. Carol Moseley Braun cũng chiến thắng thuyết phục, trở thành người phụ nữ Mỹ gốc Phi đầu tiên giành được một ghế trong Thượng viện. Một chuyện đáng mừng hơn nữa đối với Barack là ngày bầu cử cực kỳ hoành tráng: Project VOTE! đã trực tiếp đăng ký được tư cách cử tri cho một trăm mười ngàn người lần đầu tiên đi bầu, và chiến dịch kêu gọi cử tri đi bầu trên phạm vi rộng hơn của họ chắc chắn cũng đã góp vào con số này.

Lần đầu tiên trong một thập kỷ, hơn nửa triệu cử tri da đen ở Chicago đã đến các điểm bỏ phiếu, chứng minh rằng họ đã có sức mạnh tập thể để quyết định kết quả chính trị. Thực tế này gửi đi một thông điệp rõ ràng cho các nhà làm luật và các chính trị gia tương lai, cũng như tái lập cảm giác đường như đã mất đi khi Harold Washington qua đời: phiếu bầu của người Mỹ gốc Phi vẫn có giá trị. Bất cứ ai phớt lờ hay không nghĩ tới các nhu cầu và bức xúc của người da đen sẽ buộc phải trả cái giá rất đắt về chính trị. Bên trong thông điệp này còn có một thông điệp thứ hai dành cho chính cộng đồng người da đen, một lời nhắc nhở rằng tiến bộ là điều khả thi, và giá trị của chúng tôi là đáng kể. Tất cả những điều này khiến Barack rất phấn chấn. Dẫu mệt mỏi, anh vẫn yêu thích công việc vì những gì công việc ấy dạy cho anh về hệ thống chính trị phức tạp ở Chicago và chứng minh rằng khả năng tổ chức của anh có thể mang lại hiệu quả kể cả ở quy mô lớn hơn. Anh cộng tác với những nhà lãnh đạo trong quần chúng,

với những công dân bình thường, với những viên chức được bầu, và điều đó đã mang lại kết quả như một phép màu. Rất nhiều kênh truyền thông đã nhận thấy tác động đầy ấn tượng của Project VOTE!. Một nhà báo của tờ Chicago đã mô tả Barack là “một kẻ nghiện việc cao ráo, dễ gần”, nói rằng một ngày nào đó anh cũng nên tranh cử - một ý tưởng mà Barack chỉ đơn giản nhún vai từ chối.

Và đây là tin xấu. Cái anh chàng nghiện việc cao ráo, dễ gần mà tôi vừa kết hôn đó cũng đã trễ hạn hoàn thành quyền sách vì quá bận bịu với việc đăng ký cử tri, tới mức anh chỉ có thể gửi cho nhà xuất bản một phần của bản thảo. Chúng tôi từ California về nhà và hay tin nhà xuất bản đã hủy hợp đồng, họ thông báo với người đại diện của Barack rằng anh giờ đây buộc phải trả lại bốn mươi ngàn đô-la đã tạm ứng trước đó.

Nếu có hoảng hốt thì anh đã không thể hiện ra cho tôi thấy. Tôi quá bận rộn với quá trình đón nhận vai trò mới tại tòa thị chính, trong đó bao gồm việc tham gia nhiều hơn nữa các cuộc họp quy hoạch và bỏ đi những cuộc đã ngoại của các công dân cao tuổi mà công việc trước đó yêu cầu. Dù tôi không còn làm việc theo thời gian của một luật sư doanh nghiệp, nhưng các vấn đề lộn xộn trong thành phố cũng khiến tôi đau đầu và phải cố dành ra những buổi tối để thư giãn, để không xử lý công việc ở nhà mà thay vào đó là tự cho phép mình uống một hợp rượu vang, không nghĩ suy gì mà chỉ ngồi xem ti-vi. Nếu có học được điều gì từ sự dần thân đến mức ám ảnh của Barack với tổ chức Project VOTE! thì đó là chẳng có ích gì khi lo lắng về những lo lắng của anh - một phần là vì tôi thường cảm thấy những lo lắng đó nằm ngoài khả năng giải quyết của mình. Sự rối ren khiến tôi bức bối, nhưng dường như nó lại tiếp thêm sinh khí cho anh. Anh giống một diễn viên xiếc chuyên tung hứng nhiều chiếc đĩa: nếu mọi việc quá yên ắng, anh xem đó như một dấu hiệu cho thấy có nhiều việc cần làm hơn. Tôi đã hiểu anh là một người thích gánh nhiều trọng trách, đảm nhận nhiều dự án mới mà không màng giới hạn về thời gian và công sức. Chẳng hạn, anh đã nhận lời làm việc trong hội đồng của một vài tổ chức phi lợi nhuận, đồng thời cũng đồng ý với công việc giảng dạy bán thời gian ở Đại học Chicago trong học kỳ mùa xuân sắp tới, bên cạnh đó anh cũng lập kế hoạch làm việc toàn thời gian ở công ty luật.

Và rồi vẫn còn đó quyền sách của anh. Đại diện của Barack tin là có thể bán lại ý tưởng của quyền sách đó cho một nhà xuất bản khác, dù điều đó nghĩa là Barack sẽ phải sớm hoàn thành bản thảo. Khi vẫn chưa bắt đầu công việc dạy học và công tác tại hãng luật vốn đã phải chờ anh một năm ròng, Barack đã nghĩ ra một giải pháp đường như cực kỳ hợp với mình: anh sẽ tự tách biệt bản thân để viết quyền sách, gác hết mọi xao nhãng hàng ngày bằng cách thuê lại một căn phòng nhỏ ở đâu đó và cật lực hoàn thành quyền sách. Chuyện này giống như thức trọn đêm để hoàn thành bài vở ở đại học vậy, chỉ là Barack ước tính anh sẽ tốn đâu đó chừng vài tháng để viết cho xong. Anh nói với tôi tất cả điều này vào một đêm nọ, ở nhà, khoảng sáu tuần sau khi chúng tôi kết hôn, sau đó mới “tĩnh tề” thả ra chi tiết cuối cùng: mẹ anh đã tìm được cho anh một căn phòng hoàn hảo. Trên thực tế, bà đã thuê nó giúp anh luôn rồi. Đó là một căn phòng rẻ tiền, yên tĩnh, nằm bên bãi biển. Ở Sanur. Ở trên đảo Bali của Indonesia, cách tôi khoảng mười lăm ngàn cây số.

NGHE NHƯ một câu chuyện đùa dờ tẻ đúng không? Chuyện gì xảy ra khi một người theo chủ nghĩa cá nhân, thích cô độc, kết hôn với một phụ nữ yêu gia đình, thích bạn bè, không ưa cô đơn dù chỉ một chút?

Tôi đoán đáp án cho câu hỏi này cũng là đáp án hay nhất và khả thi nhất cho hầu hết mọi câu hỏi phát sinh với bất cứ cuộc hôn nhân nào, dù cho bạn là ai và vấn đề đó là gì: bạn phải nghĩ cách tự thích nghi. Nếu bạn muốn duy trì mối gắn kết đó, bạn thật sự không có lựa chọn nào khác.

Điều đó nghĩa là vào đầu năm 1993, Barack bay sang Bali và dành ra năm tuần một mình với các ý nghĩ của anh để viết nên bản thảo quyền sách *Dreams from My Father*, ghi chép đầy kín những xấp giấy màu vàng bằng nét chữ viết tay cẩn trọng, cô đọng ý tưởng của anh trong những lần chậm rãi bách bộ giữa những hàng cọ và sóng vỗ bờ. Trong khi đó, tôi ở căn nhà trên Đại lộ Euclid, sống một mình trên lầu với mẹ khi một mùa đông Chicago xám

xịt khác ập tới, đánh gục cây cối và lối đi bên lề bằng băng tuyết. Tôi giữ cho mình luôn bận rộn, gặp bạn bè và tham gia các lớp tập thể dục vào buổi tối. Trong giao tiếp hàng ngày ở công sở hay quanh thành phố, tôi thường thấy mình bật ra cái từ ngữ mới mẻ lạ kỳ này - “chồng tôi”. Chồng tôi và tôi đang hy vọng sẽ mua một căn nhà. Chồng tôi là một tác giả đang hoàn thành một quyển sách. Nó vừa lạ lẫm lại vừa nghe vui vui, đồng thời gọi lại ký ức về một người đàn ông đang không có mặt ở đây. Tôi nhớ Barack khủng khiếp, nhưng tôi biện minh cho tình huống của chúng tôi, vì tôi hiểu rằng ngay cả khi cả hai chúng tôi chỉ vừa mới kết hôn, quãng thời gian xa cách này sẽ mang đến kết quả tốt đẹp.

Anh đã gánh vác sự ngổn ngang gây ra bởi quyển sách còn dang dở của mình và tự tách mình ra để “chiến đấu” với nó. Chắc hẳn điều này cũng là ý tốt anh dành cho tôi, để tôi không phải nhìn thấy sự ngổn ngang đó. Tôi đã kết hôn với một kẻ có suy nghĩ khác người thường, tôi cần phải nhắc nhở bản thân điều đó. Anh ấy đang xử lý công việc của mình theo lối hợp lý và hiệu quả nhất, thậm chí cả khi thoát trông thì nó có vẻ như một kỳ nghỉ bên bãi biển - một kỳ trăng mật với chính mình (tôi không thể nghĩ khác vào những lúc cảm thấy cô đơn) sau kỳ trăng mật với tôi.

Anh và em, anh và em, anh và em. Chúng tôi đang học cách thích nghi, học cách gắn kết bản thân vào mô hình chúng tôi vững chắc và trường tồn. Mặc dù vẫn là hai con người như trước giờ vẫn vậy, vẫn là cặp đôi như bao năm qua, nhưng giờ đây chúng tôi đã có tên gọi mới, một nhân dạng mới để tranh luận với nhau. Anh ấy là chồng tôi. Tôi là vợ anh ấy. Chúng tôi đã đứng bên nhau giữa giáo đường và cùng tuyên xưng điều đó với nhau và với thế giới. Điều này có cảm giác như thể chúng tôi đều mắc nợ nhau những điều mới mẻ.

Đối với nhiều phụ nữ, kể cả bản thân tôi, từ “vợ” là một từ có ý nghĩa sâu sắc. Nó mang trong mình cả một lịch sử. Nếu bạn lớn lên trong thập niên 1960 và 1970 giống như tôi, “vợ” dường như là một kiểu phụ nữ da trắng sống bên trong các bộ phim truyền hình - hoạt bát, cầu kỳ, đom đóm. Họ chỉ ở nhà, chăm sóc con cái và chuẩn bị bữa tối. Đôi khi họ sẽ bắt đầu say sưa rượu sherry^[1] hay ngả ngớn với người bán máy hút bụi, nhưng sự vui thú dường như chỉ dừng lại tại đó. Dĩ nhiên, mia mai ở chỗ tôi chính là người đã xem những bộ phim truyền hình ấy tại phòng khách trong ngôi nhà trên Đại lộ Euclid, trong khi người mẹ nội trợ của tôi đang chuẩn bị món ăn mà không một lời phàn nàn, còn người cha đáng kính thì đang nghỉ ngơi sau một ngày làm việc. Đời sống của cha mẹ cũng truyền thống như bất cứ thứ gì chúng tôi chứng kiến trên ti-vi. Đôi khi Barack còn đùa rằng thật ra thì thời thơ ấu của tôi giống hệt phiên bản người da đen của chương trình Leave it to Beaver, trong đó gia đình Robinson vùng South Shore cũng ổn định và hoạt bát như gia đình Cleaver ở Mayfield, nước Mỹ, dù dĩ nhiên chúng tôi nghèo hơn nhà Cleaver, vì cha tôi mặc đồng phục nhân viên công ích màu xanh chứ không phải bộ com-lê như ông Cleaver. Barack đưa ra so sánh này với một chút ghen tị, vì thời thơ ấu của anh ấy quá khác, nhưng đó cũng là một cách để đẩy lùi hình mẫu rập khuôn cho rằng người Mỹ gốc Phi chủ yếu sống trong các gia đình nghèo khổ, rằng gia đình người da đen không thể nào sống được giấc mơ trung lưu, ổn định như những người hàng xóm da trắng của chúng tôi.

Cá nhân tôi khi còn bé thì lại thích chương trình Mary Tyler Moore hơn, đó là chương trình mà tôi hào hứng mỗi khi xem. Mary có công việc, có tủ quần áo chần chu và một mái tóc rất tuyệt. Cô ấy độc lập và hài hước, và khác với những kiểu mẫu phụ nữ khác trên truyền hình, các vấn đề của cô thật sự thú vị. Cô ấy có những cuộc trò chuyện mà chủ đề không xoay quanh chuyện con cái hay nội trợ. Cô không để Lou Grant ra lệnh hay sai khiến, và cô cũng không nhất định phải tìm chồng. Cô ấy trẻ trung và đồng thời cũng thật sự trưởng thành. Vào thời mà Internet còn lâu lắm mới xuất hiện, khi cả thế giới được gói gọn chỉ trong ba kênh truyền hình, tất cả những điều đó rất có ý nghĩa. Nếu bạn là một đứa con gái biết suy nghĩ và có cảm giác mơ hồ rằng bạn muốn trưởng thành với vai trò nào đó hơn cả một người vợ, Mary Tyler Moore chính là nữ thần của bạn.

Và bây giờ tôi ở đây, hai mươi chín tuổi, đang ngồi trong căn hộ nơi tôi đã từng xem những phim truyền hình nói trên và ăn tất cả những bữa ăn được chuẩn bị bởi bà Marian Robinson kiên nhẫn và luôn hết lòng vì gia đình. Tôi đã có được rất nhiều - có học vấn, có cảm giác lành mạnh về bản thân, có một kho tham vọng - và tôi đủ khôn ngoan để biết ơn mẹ tôi vì đã gieo những điều tốt đẹp đó cho tôi. Bà đã dạy tôi đọc ngay cả khi tôi chưa vào nhà

trẻ, giúp tôi đánh vần trong lúc tôi cuộn tròn như chú mèo con nằm trong lòng bà và đọc cho tôi nghe quyển Dick and Jane mượn của thư viện. Bà đã nấu ăn cho chúng tôi bằng sự quan tâm săn sóc, cho bông cải và đậu Bì vào món ăn và bắt hai anh em phải ăn cho bằng hết. Bà đã thuê tay vác dạ hội cho tôi. Điểm chính yếu là bà đã cho đi một cách bền bỉ kiên trì và đã cho đi tất cả. Bà để gia đình nhận định về bản thân bà. Tôi đã đủ lớn để hiểu ra rằng tất cả thời gian mà bà dành cho anh Craig và tôi là thời gian mà bà chẳng dành cho riêng bản thân mình.

Những may mắn to lớn mà tôi nhận được trong đời giờ đây lại khiến tôi phải suy nghĩ. Tôi được dạy dỗ để trở nên tự tin và không bị bó buộc bởi những giới hạn, để tin rằng tôi có thể theo đuổi và đạt được bất cứ điều gì mình mong muốn. Và tôi muốn mọi thứ. Vì như Suzanne sẽ nói - *tại sao lại không?* Tôi muốn sống với niềm vui của một phụ nữ khả kính, độc lập và có sự nghiệp - như Mary Tyler Moore, và đồng thời tôi cũng hướng đến sự ổn định, hy sinh có vẻ nhàm chán của một người vợ và một người mẹ - như mẹ tôi. Tôi muốn có cả đời sống công việc và đời sống gia đình, nhưng với một hứa hẹn rằng cuộc sống này sẽ không bao giờ lấn át cuộc sống kia. Tôi hy vọng có thể sẽ trở nên giống mẹ nhưng cũng không hoàn toàn giống mẹ. Đó là một điều kỳ cục và rối rắm. Tôi có thể có tất cả hay không? Tôi sẽ có tất cả hay không? Tôi hoàn toàn không biết.

Trong khi đó, Barack từ Bali trở về với làn da rám nắng và mang một túi đầy giấy, anh đã dùng những ngày biệt lập đó để hoàn thành quyển sách. Quyển sách về cơ bản đã xong. Chỉ trong vài tháng, đại diện của anh đã bán nó cho một nhà xuất bản khác, trả hết khoản nợ và bảo đảm được kế hoạch xuất bản. Đối với tôi, điều quan trọng hơn chính là chỉ trong vài giờ đồng hồ, chúng tôi đã trở lại với nhịp độ dễ thở của đời sống tân hôn. Barack ở đây, đã xong xuôi mọi việc, đã quay trở lại thế giới của tôi. Chồng tôi. Anh ấy mỉm cười trước những câu đùa của tôi, muốn biết về những gì tôi đã làm mỗi ngày và hôn tôi trước khi ngủ.

Những tháng tiếp theo, chúng tôi nấu nướng, làm việc, cười đùa và lên kế hoạch cùng nhau. Cũng trong mùa xuân năm đó, chúng tôi đã thu xếp tài chính đủ để tậu một căn hộ, dời ra khỏi số 7436 Đại lộ Euclid để vào một căn hộ xinh xắn ở Hyde Park, với sàn lát gỗ cứng và lò sưởi ốp gạch. Đó là một bệ phóng mới cho cuộc đời hai chúng tôi. Với sự động viên của Barack, tôi đón nhận thêm một rủi ro khác và lại tiếp tục thay đổi công việc - lần này là nói lời chia tay với chị Valerie và Susan ở tòa thị chính để có thể khám phá công việc phi lợi nhuận, thứ từ lâu luôn khiến tôi tò mò - và đảm nhiệm vai trò nhà lãnh đạo, một cơ hội có thể mang đến cho tôi sự phát triển bản thân. Vẫn còn nhiều điều tôi chưa thể giải quyết trong cuộc đời mình - bài toán làm thế nào để trở thành một người vừa tự do độc lập như Mary vừa nhẫn nhịn hy sinh như mẹ tôi vẫn chưa giải xong - nhưng giờ đây tất cả những câu hỏi sâu xa kia đã được gác qua một bên trong tâm trí tôi, nơi mà tạm thời chúng sẽ ở yên đó và không được nhắc tới. Tôi đã hiểu là từ giờ bất cứ nỗi âu lo nào cũng có thể từ từ tính, vì giờ đây chúng tôi đang là chúng tôi, và chúng tôi hạnh phúc. Và hạnh phúc là khởi đầu cho mọi sự.

CÔNG VIỆC MỚI KHIẾN TÔI LO LẮNG. Tôi được tuyển vào vị trí giám đốc điều hành cho một cơ sở mới toanh tại Chicago của Public Allies, một tổ chức cũng vừa mới được thành lập. Public Allies giống một công ty khởi nghiệp của một công ty khởi nghiệp và thuộc một lĩnh vực mà tôi không hề có kinh nghiệm. Public Allies chỉ thành lập mới được một năm ở Washington, D.C., và là đứa con tinh thần của Vanessa Kirsch và Katrina Browne, những người vừa tốt nghiệp đại học và muốn hỗ trợ nhiều người hơn nữa xây dựng sự nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ công và phi lợi nhuận. Barack đã gặp gỡ cả hai ở một buổi hội thảo và trở thành thành viên hội đồng quản trị của tổ chức, cuối cùng anh gợi ý họ liên hệ với tôi về chuyện tìm người cho vị trí đang cần tuyển dụng.

Mô hình này tương tự mô hình đang được áp dụng tại tổ chức phi lợi nhuận Teach for America, và vào thời điểm ấy vẫn còn tương đối mới mẻ: Public Allies tuyển dụng những người trẻ tuổi tài năng, tập trung đào tạo và tư vấn thật tốt cho họ, rồi đặt họ vào vị trí tập sự mười tháng có trả lương trong các tổ chức cộng đồng và các cơ quan nhà nước, với hy vọng là họ có thể phát triển và có những đóng góp ý nghĩa. Mục tiêu lớn hơn là những cơ hội đó có thể trao cho những người được tuyển - những người mà tổ chức xem là Người đồng hành^[1] - cả kinh nghiệm lẫn động lực để tiếp tục làm việc trong lĩnh vực công hay phi lợi nhuận trong nhiều năm sau, từ đó giúp xây dựng một thế hệ những nhà lãnh đạo cộng đồng mới.

Bản thân tôi rất đồng cảm với ý tưởng đó. Tôi vẫn còn nhớ năm cuối ở Princeton, rất nhiều sinh viên trong số chúng tôi đã tham gia các kỳ thi vào trường y và trường luật, hoặc ăn mặc chín chu để tham gia phỏng vấn cho các chương trình đào tạo tại các tập đoàn lớn mà chưa một lần cân nhắc, hay thậm chí là không nhận ra, vô số những công việc hướng đến cộng đồng đang chờ đợi ngoài kia (ít nhất thì trường hợp của tôi là vậy). Public Allies là phương tiện để thay đổi thực tế ấy, là công cụ giúp mở rộng chân trời cho những người trẻ tuổi đang bận tâm về sự nghiệp của mình. Nhưng điều tôi đặc biệt thích chính là các nhà sáng lập của tổ chức không chú trọng “rải” những sinh viên của Ivy League vào những cộng đồng nơi thành thị, mà tập trung tìm kiếm và hun đúc những tài năng sẵn có ở đó. Bạn không cần bằng đại học để trở thành một Ally. Bạn chỉ cần chứng chỉ tốt nghiệp trung học hay bằng tốt nghiệp trung học, có độ tuổi từ mười bảy đến ba mươi, có tố chất lãnh đạo, mặc dù những tố chất đó có thể chưa được tận dụng.

Public Allies tập trung vào tiềm năng - tìm kiếm, bồi đắp và phát huy tiềm năng đó trong thực tế. Tìm kiếm những thanh niên có tài năng nhưng chưa được khai phá và trao cho họ cơ hội làm một điều gì đó thật ý nghĩa thật sự là một trọng trách. Với tôi, công việc đó gần giống như định mệnh. Sau bao nhiêu lần mơ mộng nhìn khu South Side từ cửa sổ tầng bốn mươi bảy ở Sidley, rốt cuộc đây mới là một lời mời để tôi có thể tận dụng những gì mình đã biết. Tôi biết có rất nhiều tiềm năng cần được khai phá trong những khu phố giống với khu phố nhà tôi, và tôi khá chắc là mình biết cách phát hiện ra những tiềm năng đó.

Khi nghĩ về công việc mới này, tâm trí tôi đã tha thần nhớ về thời thơ ấu, cụ thể là vào khoảng thời gian một tháng mà tôi từng trải qua hồi năm lớp hai tại trường tiểu học Bryn Mawr, trước khi mẹ tôi cảm thấy cần phải đưa tôi ra khỏi nơi đó. Khi ấy, tôi chẳng cảm thấy gì khác ngoài việc thấy vui vì bản thân may mắn. Còn giờ đây, tôi nghĩ nhiều hơn đến hai mươi đứa trẻ đã bị bỏ lại trong lớp học đó, mắc kẹt với một cô giáo thiếu sự quan tâm lẫn động lực. Tôi biết mình chẳng giỏi giang gì hơn những đứa trẻ đó. Lợi thế của tôi chỉ là có được một người ủng hộ, đó là mẹ tôi. Giờ đây khi đã trưởng thành, tôi càng nghĩ nhiều hơn về chuyện này, đặc biệt là khi người ta khen ngợi những thành tựu của tôi như thể không hề có điều gì lạ lùng hay phũ phàng đã từng xảy ra. Những học sinh

lớp hai vô tội đó đã phải mất một năm học. Vào thời điểm này, tôi đã chứng kiến nhiều chuyện đủ để biết rằng ngay cả những bất lợi nhỏ nhỏ cũng có thể kết thành một bất lợi to lớn nhanh đến mức nào.

Trở lại câu chuyện ở Washington, D.C., các sáng lập viên của Public Allies đã tập hợp được một lớp mười lăm Ally mới đang làm việc trong nhiều tổ chức thuộc các lĩnh vực khác nhau trên khắp thành phố. Họ cũng gây quỹ đủ để triển khai một chi nhánh mới ở Chicago, trở thành một trong những tổ chức đầu tiên nhận được ngân sách liên bang thông qua chương trình công ích AmeriCorps, một chương trình được thiết lập dưới sự chỉ đạo của Tổng thống Clinton. Đó là lúc tôi gia nhập tổ chức, vừa háo hức vừa lo lắng. Dù vậy, khi thỏa thuận các điều khoản trong công việc, tôi đã có một phát hiện hiển nhiên về công việc phi lợi nhuận: nó không hái ra tiền. Ban đầu, tôi được đề nghị một số tiền lương rất thấp, thấp hơn rất nhiều so với mức lương hiện tại ở tòa thị chính thành phố Chicago, vốn dĩ chỉ mới bằng một nửa số tiền tôi kiếm được khi làm luật sư. Tóm lại, đó là mức lương thấp đến nỗi tôi thật sự không thể đồng ý được. Điều này dẫn đến một phát hiện thứ hai về một số tổ chức phi lợi nhuận, đặc biệt là những công ty khởi nghiệp do người trẻ tuổi thành lập như Public Allies, cũng như về nhiều con người có trái tim hào hiệp và tràn đầy nhiệt huyết đang làm việc ở đó: khác với tôi, có vẻ họ phù hợp với công việc phi lợi nhuận, họ có điều kiện thuận lợi để lựa chọn công việc tốt đẹp này - đó là họ không có gánh nặng phải trả nợ học phí đại học, hoặc có lẽ họ được thừa kế một gia sản nào đó, và do đó không phải lo dành dụm cho tương lai.

Rõ ràng là nếu muốn gia nhập Public Allies, tôi sẽ phải thương lượng và yêu cầu họ đáp ứng chính xác nhu cầu của tôi về chuyên lương bổng, mà đó lại là con số lớn hơn nhiều những gì họ dự định sẽ trả cho tôi. Đây đơn giản là thực tại của tôi. Tôi không thể e dè hay xấu hổ về nhu cầu của bản thân. Tôi vẫn còn khoảng sáu trăm đô-la nợ học phí phải trả hàng tháng bên cạnh những khoản chi thông thường, và tôi kết hôn với một người đàn ông cũng có gánh nặng tài chính riêng từ thời học trường luật. Các nhà lãnh đạo của tổ chức gần như không thể tin vào con số mà tôi đã vay để chi trả học phí và số tiền mà tôi phải trả hàng tháng, nhưng họ đã mạo hiểm chấp nhận và dành ra một quỹ mới để có thể mời tôi gia nhập.

Và với thỏa thuận này, tôi bắt tay vào việc và hăng hái sử dụng cơ hội mà mình có được để tạo ra những điều tốt đẹp. Đây thật sự là cơ hội đầu tiên để tôi xây dựng mọi thứ từ con số không: thành hay bại sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào những nỗ lực của tôi, chứ không phải của cấp trên hay một ai khác. Tôi dành trọn mùa xuân năm 1993 làm việc điên cuồng để sắp xếp văn phòng và thuê vài nhân viên để có thể sẵn sàng cho lớp Ally đầu tiên vào mùa thu. Chúng tôi đã tìm thấy một văn phòng giá thấp trong một tòa nhà trên Đại lộ Michigan và thu xếp để nhận một đồng bàn ghế đã qua sử dụng do một công ty tư vấn luật tặng khi công ty này bài trí lại văn phòng.

Đồng thời, tôi tận dụng gần như tất cả các mối quan hệ mà Barack và tôi có được ở Chicago, tìm kiếm những mạnh thường quân và những người có thể giúp chúng tôi đảm bảo một nguồn quỹ hỗ trợ lâu dài, đó là chưa kể những người đang công tác trong lĩnh vực công ích, những người sẵn lòng đón nhận một Ally vào tổ chức của mình trong năm sắp tới. Chị Valerie Jarrett đã giúp tôi bố trí công việc tại văn phòng thị trường và sở y tế, nơi các Ally sẽ làm việc trong một dự án chủng ngừa cho trẻ em vùng phụ cận. Barack liên lạc với mạng lưới các nhà tổ chức sự kiện cộng đồng quen biết của anh để kết nối chúng tôi với những cơ hội giảng dạy, cố vấn và hỗ trợ pháp lý. Nhiều luật sư ở Sidley đã viết chi phiếu góp tiền và giúp giới thiệu tôi với những mạnh thường quân quan trọng.

Với tôi, phần hào hứng nhất chính là đi tìm các Ally. Với sự giúp đỡ từ các tổ chức trên toàn quốc, chúng tôi đã đăng tin tìm ứng viên tại các trường đại học khắp nước Mỹ, đồng thời cũng tìm kiếm những tài năng xung quanh mình. Tôi và đội ngũ của mình đã đến các trường cao đẳng cộng đồng và một vài trường trung học lớn xung quanh Chicago. Chúng tôi gõ cửa những ngôi nhà trong dự án Cabrini-Green, tham dự những cuộc họp mặt cộng

đồng và vận động cho các chương trình hỗ trợ những người mẹ đơn thân. Chúng tôi hỏi bất cứ ai mà mình gặp được, từ các mục sư, giáo sư cho đến quản lý của cửa hàng McDonald's trong vùng, nhờ họ chỉ ra những người trẻ tuổi thú vị nhất mà họ biết. Ai đang lãnh đạo? Ai đang sẵn sàng cho một điều gì đó to lớn hơn những gì họ đã có? Đó là những người mà chúng tôi khuyến khích ứng tuyển bằng cách động viên họ hãy tạm quên đi những trở ngại mà bình thường vẫn cản trở họ thực hiện những điều tốt đẹp kể trên, đồng thời chúng tôi cũng cam kết rằng tổ chức sẽ làm mọi điều trong khả năng để giúp họ trang trải cuộc sống - dù là cung cấp một thẻ xe buýt miễn phí hay hỗ trợ chi phí nuôi con.

Sang mùa thu, chúng tôi đã có một tập thể hai mươi bảy Ally làm việc khắp Chicago. Họ giữ vai trò thực tập sinh trong nhiều tổ chức khác nhau, từ tòa thị chính cho đến một công ty hỗ trợ quan hệ cộng đồng cho trường trung học Latino Youth ở Pilsen. Tập thể các Ally là một nhóm đa dạng, giàu nhiệt huyết, đầy lý tưởng và khát vọng, cũng như có hoàn cảnh rất khác nhau. Trong số đó có người từng là thành viên băng đảng xã hội đen, một phụ nữ Latin lớn lên ở vùng tây nam Chicago và đã từng học ở Harvard, một cô gái vừa chớm đôi mươi sống tại Khu nhà ở xã hội Robert Taylor, đang nuôi con nhỏ và dành dụm tiền để học đại học, và một chàng trai hai mươi sáu tuổi sống ở Đại lộ Grand đã bỏ học giữa chừng nhưng vẫn tiếp tục trau dồi kiến thức bằng sách thư viện và về sau đã trở lại học tiếp để lấy chứng chỉ tốt nghiệp.

Mỗi thứ Sáu, cả nhóm Ally tụ tập tại văn phòng của một trong những công ty thực tập, dành nguyên ngày để báo cáo, kết nối với nhau và cùng tham gia một loạt những buổi tập huấn phát triển nghiệp vụ. Tôi yêu thích những ngày đó hơn bất kỳ điều gì khác. Tôi yêu cái cách mà căn phòng trở nên ồn ào mỗi khi các Ally xuất hiện, quăng ba lô vào góc nhà, cởi bỏ những lớp áo khoác dày cộp rồi ngồi thành vòng tròn. Tôi vui khi mình có thể giúp họ giải quyết vấn đề, dù đó chỉ là cách sử dụng Excel, ăn mặc sao cho phù hợp với công việc văn phòng, hay mạnh dạn hơn khi nêu lên suy nghĩ của bản thân trong một căn phòng toàn những người có trình độ học vấn cao hơn và tự tin hơn. Đôi khi tôi phải cho một Ally nào đó phản hồi không vui lắm. Nếu biết họ đi làm trễ hay không nghiêm túc thực hiện các trách nhiệm được giao, tôi nghiêm khắc cho họ biết chúng tôi kỳ vọng họ làm tốt hơn. Khi các Ally chán nản với những cuộc họp cộng đồng được tổ chức kém hay những khách hàng phiền phức, tôi khuyên họ hãy nhìn sự việc dưới nhiều góc độ khác nhau, nhắc nhở họ về sự may mắn tương đối mà họ đang có.

Tuy nhiên, trên hết, chúng tôi vui mừng với từng bài học hoặc tiến bộ mới. Và có rất nhiều bài học và tiến bộ như thế. Không phải tất cả các Ally về sau đều sẽ làm việc trong lĩnh vực cộng đồng hay phi lợi nhuận, và không phải ai cũng có thể vượt qua được những rào cản khi có xuất thân kém lợi thế hơn, nhưng theo thời gian, tôi vui mừng khi thấy biết bao Ally đã thành công và cam kết làm việc lâu dài vì mục đích chung. Một số còn trở thành nhân viên của Public Allies, một số thậm chí đang là lãnh đạo các tổ chức chính phủ và làm trong các tổ chức phi lợi nhuận. Hai mươi lăm năm sau khi thành lập, Public Allies vẫn phát triển lớn mạnh với những chi nhánh ở Chicago và hơn hai chục thành phố khác, cùng hàng ngàn cộng tác viên trên khắp đất nước. Trên suốt con đường sự nghiệp của mình, đây là một trong những lúc tôi cảm thấy thỏa mãn nhất, vì tôi biết mình đã góp phần làm nên thành công đó, đã giúp tạo ra một điều gì đó vững bền.

Tôi chăm chút cho Public Allies như một đứa con tinh thần, tự hào nhưng cũng khá vất vả. Mỗi đêm khi đi ngủ, tôi vẫn nghĩ về những gì cần phải làm, và mỗi buổi sáng khi thức giấc, tôi đã nghĩ xong danh sách các việc cần làm trong ngày hôm đó, tuần đó và tháng đó. Sau khi cho tốt nghiệp lớp đầu tiên bao gồm hai mươi bảy Ally vào mùa xuân, chúng tôi chào đón một nhóm bốn mươi bạn trẻ khác vào mùa thu và tiếp tục phát triển. Nhìn lại, tôi nghĩ đó chính là công việc tuyệt vời nhất tôi từng thực hiện, vì cái cảm giác mạo hiểm tuyệt vời mà tôi nhận được khi tham gia và vì mỗi chiến thắng đều vô cùng xứng đáng với những nỗ lực mà chúng tôi bỏ ra - dù cho đó

là chiến thắng hết sức nhỏ bé như tìm được công việc phù hợp cho một người nói tiếng Tây Ban Nha hay giải quyết những nỗi sợ của Ally khi làm việc ở nơi xa lạ.

Thật vậy, lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy mình đang thực hiện một điều gì đó thật sự có ý nghĩa, có tác động trực tiếp đến cuộc sống của người khác mà đồng thời vẫn gắn kết với cả thành phố quê hương và nền văn hóa của chính mình. Công việc ấy cũng giúp tôi hiểu rõ hơn những gì Barack đã cảm nhận khi anh làm nhà tổ chức sự kiện cộng đồng hoặc tham gia chiến dịch Project VOTE!, đó là sự nỗ lực hết sức cho một trận chiến khó khăn - kiểu trận chiến duy nhất mà Barack yêu thích và sẽ luôn yêu thích - vì anh biết dù nó sẽ rút cạn năng lượng của anh nhưng đồng thời cũng sẽ mang lại tất cả những gì anh cần.

TRONG LÚC TÔI tập trung vào Public Allies, Barack đã bước vào giai đoạn tương đối ổn định và dễ dự đoán hơn - nhưng vẫn là theo chuẩn của anh. Anh đang dạy một lớp về phân biệt chủng tộc và luật tại Trường luật Đại học Chicago, và ban ngày anh làm việc ở hãng luật, chủ yếu giải quyết những vụ án liên quan đến quyền bầu cử và nạn phân biệt đối xử nơi công sở. Thỉnh thoảng anh vẫn tham gia các buổi tập huấn về tổ chức cộng đồng, dẫn dắt một nhóm học viên của tôi ở Public Allies trong một vài buổi học tổ chức vào thứ Sáu. Trong Barack là một sự hiện diện hoàn hảo của một trí thức tuổi ba mươi hướng về cộng đồng, người đã thắng thường từ chối bất cứ lựa chọn uy tín hay mang lại nhiều tiền của hơn cho mình để theo đuổi những nguyên tắc của bản thân. Anh ấy đã thành công, theo những gì tôi biết. Anh ấy đã tìm thấy được một sự cân bằng quý giá. Anh ấy là luật sư, giáo viên và nhà tổ chức sự kiện cộng đồng. Anh còn trở thành một tác giả có sách sắp được xuất bản nữa.

Từ Bali trở về, Barack đã dành ra hơn một năm viết bản thảo thứ hai quyển sách của mình vào thời gian rảnh. Anh ấy thức khuya làm việc trong một căn phòng nhỏ mà chúng tôi đã biến thành phòng làm việc ở phía sau căn hộ - một căn phòng đầy kín sách vở mà tôi gọi yêu là “cái ổ”. Thỉnh thoảng tôi sẽ vào đó, giẫm lên mấy chồng giấy tờ của anh để ngồi lên chiếc ghế đôn đặt trước ghế làm việc của anh, cố giúp anh thư giãn bằng một câu nói đùa và một nụ cười, để lời anh trở về từ cánh đồng xa xôi nào đó mà anh đang phi nước kiệu băng qua trong tâm trí. Những lúc đó anh cũng vui vẻ trước sự “không mời mà đến” của tôi, nhưng với điều kiện là tôi không nán lại quá lâu.

Tôi đã hiểu được rằng Barack là kiểu người cần một cái ổ, một góc biệt lập để anh có thể đọc và viết mà không bị ai quấy rầy. Nơi đó giống như một căn gác có cửa mở thẳng ra vùng trời thênh thang trong tâm trí anh. Có vẻ anh được tiếp thêm năng lượng khi ở trong đó. Tôi tôn trọng điều này, vì thế ở những căn nhà mà chúng tôi sinh sống, chúng tôi đều cố tạo ra một chỗ như vậy - một góc yên tĩnh hay một hốc tường đều được. Đến tận hôm nay, mỗi khi chúng tôi đến Hawaii hay đảo Martha's Vineyard và thuê một ngôi nhà, Barack sẽ luôn đi tìm cho mình một căn phòng trống có thể dùng làm “ổ” trong kỳ nghỉ. Ở đó anh có thể lần giở sáu hay bảy quyển sách đang đọc đồng thời và vứt báo xuống sàn nhà. Với anh, những cái ổ kiểu vậy là một chốn linh thiêng, nơi các ý tưởng ra đời và mọi thứ trở nên sáng tỏ. Còn đối với tôi, đó là một nơi mất trật tự và gây bức bối. Cho nên dù ở đâu thì mấy cái ổ kiểu đó của anh cũng phải đáp ứng được một yêu cầu của tôi, đó là nó phải có một cánh cửa để tôi có thể đóng lại. Lý do vì sao thì đã quá rõ rồi.

Quyển Dreams from My Father cuối cùng cũng được xuất bản vào mùa hè năm 1995. Quyển sách nhận được nhiều nhận xét tích cực nhưng chỉ bán được một số lượng khiêm tốn, nhưng chẳng sao. Điều quan trọng là Barack đã tìm được cách xử lý câu chuyện cuộc đời mình, ghép lại những mảnh rời rạc của bản sắc Phi châu - Kansas - Indonesia - Hawaii - Chicago trong anh, và bằng cách đó anh đã viết ra một bản mô tả trọn vẹn về bản thân. Tôi tự hào về anh. Qua cách anh kể chuyện, có vẻ anh đã tìm được sự bình yên khi nhắc đến người cha có phần bí ẩn của mình. Đương nhiên, cảm giác bình yên đó đến từ những nỗ lực một chiều của Barack khi anh tự mình lấp đầy mọi

khoảng trống và cố hiểu được mọi bí ẩn mà ông Obama tạo ra. Nhưng điều này cũng phù hợp với những gì anh luôn làm trong đời. Tôi nhận ra là từ khi còn bé, anh luôn tìm cách tự giải quyết mọi chuyện.

QUYỀN SÁCH ĐÃ HOÀN TẤT nên cuộc sống của anh có một khoảng không gian mới, và đúng với bản tính của mình, Barack muốn tận dụng không gian đó ngay lập tức. Cuộc sống cá nhân của anh lúc này phải đối mặt với một tin xấu: mẹ anh, bà Ann, bị chẩn đoán ung thư buồng trứng và phải chuyển từ Jakarta về lại Honolulu để chữa trị. Theo những gì chúng tôi được biết, bà đang được chăm sóc y tế rất tốt, và phương pháp hóa trị có vẻ đã phát huy tác dụng. Ông bà Maya và Toot đã đến giúp chăm sóc cho bà ở Hawaii, và Barack thường xuyên liên lạc với họ. Nhưng bệnh tình của bà được phát hiện quá muộn, sau khi các tế bào ung thư đã di căn, vì vậy rất khó biết điều gì sẽ xảy ra. Tôi biết điều này làm tâm trí Barack trối nặng.

Cùng thời điểm đó ở Chicago, cuộc tranh luận chính trị bắt đầu căng thẳng trở lại. Thị trưởng Daley được bầu nhiệm kỳ thứ ba vào mùa xuân 1995, và giờ ai nấy cũng đang hướng về cuộc bầu cử năm 1996, khi mà Illinois sẽ chọn ra một thượng nghị sĩ mới và Tổng thống Clinton sẽ ứng cử nhiệm kỳ thứ hai. Một chuyện gây xôn xao dư luận hơn là có một hạ nghị sĩ liên bang đương nhiệm đang bị điều tra hình sự về tội xâm phạm tình dục, điều này tạo ra cửa ngõ cho một ứng viên Đảng Dân chủ khác vào vị trí hạ nghị sĩ liên bang đại diện cho Quận Hai của tiểu bang, quận này bao gồm một phần lớn South Side. Alice Palmer - một thượng nghị sĩ có tiếng của tiểu bang, người đại diện khu Công viên Hyde và South Shore, đồng thời là người mà Barack quen biết khi tham gia chiến dịch Project VOTE! - đã nói riêng với anh là bà đang có ý định ứng cử vị trí để ngỏ này. Điều này có nghĩa là chiếc ghế thượng nghị sĩ tiểu bang của bà sẽ bỏ trống, từ đó mở ra khả năng là Barack có thể tranh cử vào vị trí đó.

Anh ấy có hứng thú không? Anh ấy có tranh cử không?

Khi đó tôi vẫn chưa thể biết được, nhưng những câu hỏi này đã chi phối cuộc sống của chúng tôi trong suốt mười năm tiếp theo, gần như lúc nào cũng vang lên vắng vắng mỗi khi chúng tôi thực hiện bất kỳ chuyện gì. Anh sẽ làm sao? Anh ấy có thể làm không? Anh ấy có làm không? Anh ấy có nên làm không? Nhưng trước tất cả những câu hỏi này luôn là một câu hỏi khác do chính Barack đặt ra và đặc biệt được ưu tiên mỗi khi anh định tranh cử bất kỳ vị trí nào. Lần đầu tiên anh đặt ra câu hỏi đó là ngày anh cho tôi biết về Alice Palmer và chiếc ghế trống của bà, cũng như về suy nghĩ mà anh đang cân nhắc, rằng có thể anh không chỉ là luật sư/giáo sư/nhà tổ chức/tác giả mà là tất cả những vai trò ấy cộng thêm vai trò một nhà lập pháp của tiểu bang. Đó là câu: “Em nghĩ sao hả Miche?”.

Với tôi, câu trả lời thật ra chẳng bao giờ là khó nghĩ. Tôi không nghĩ việc Barack ra tranh cử là một ý kiến hay. Lập luận cụ thể của tôi có thể sẽ có chút khác biệt mỗi khi câu hỏi đó xuất hiện trở lại, nhưng lập trường chung của tôi vẫn vậy, vẫn đứng vững như cây cù tùng bám rễ sâu xuống lòng đất - mặc dù bạn có thể thấy rõ ràng là câu trả lời của tôi không thể ngăn chặn được chuyện gì cả.

Về cuộc tranh cử chiếc ghế thượng nghị sĩ bang Illinois năm 1996, lập luận của tôi thế này: tôi không thật sự đánh giá cao các chính trị gia, và do đó cũng chẳng mặn mà với ý tưởng chồng tôi sẽ trở thành một chính trị gia. Hầu hết những điều tôi biết về nền chính trị tiểu bang đều đến từ báo chí, và không có điều nào trong số đó là thật sự tốt đẹp hay hữu ích. Tình bạn giữa tôi với Santita Jackson, con gái của một chính trị gia, đã khiến tôi có cảm giác chính trị gia thường buộc phải xa nhà. Nhìn chung, trong suy nghĩ của tôi thì các nhà lập pháp gần giống với những con rùa có cái mai cứng cáp bảo vệ, da đòi mỗi nhần nheo, chuyển động chậm chạp và đầy tư lợi. Mà theo tôi thì Barack quá đổi chân thành, có quá nhiều dự định táo bạo nên khó có thể chịu được việc đấu đá tranh giành và những hiềm thù ganh tị không ngừng diễn ra bên trong trụ sở Quốc hội bang ở Springfield xa xôi.

Trong thâm tâm, tôi tin là có những cách tốt đẹp khác để một người từ tể có thể tạo ra ảnh hưởng. Thật lòng mà nói, tôi nghĩ anh ấy sẽ bị ăn tươi nuốt sống trong thế giới đó.

Tuy nhiên, có một phần đề đã nhen nhóm đầu đó trong góc khuất ý thức của tôi. Nếu Barack tin là anh ấy có thể làm một điều gì đó trong chính trị, thì tôi là ai mà lại ngăn cản anh? Tôi là ai mà đập đổ ý tưởng đó khi anh thậm chí còn chưa làm thử? Suy cho cùng, anh là người duy nhất đã vẫy gọi tôi tiến lên phía trước khi tôi muốn từ bỏ sự nghiệp luật sư, là người đầu có chút lo lắng khi tôi có ý định làm việc ở tòa thị chính nhưng vẫn ủng hộ tôi, và là người ngay lúc này đây đang làm nhiều công việc khác nhau, một phần là để bù vào khoản thu nhập bị giảm sút khi tôi trở thành người làm-điều-tốt toàn thời gian ở Public Allies. Trong sáu năm chúng tôi bên nhau, anh ấy chưa một lần nghi ngờ bản năng hay năng lực của tôi. Điệp khúc của anh vẫn luôn là: Đừng lo. Em có thể làm được. Chúng ta sẽ tìm ra cách.

Và thế là tôi đồng tình với ý định tranh cử lần đầu của anh, chèn thêm một lời cảnh báo rất mực vợ hiền, “Em nghĩ anh sẽ thất vọng đó. Nếu được bầu, anh sẽ mắc kẹt ở đó và không làm được gì nữa, dù anh có cố gắng đến đâu. Chuyện đó sẽ khiến anh phát điên”.

“Có lẽ là vậy”, Barack nói, kèm theo một cái nhún vai tư lự. “Nhưng biết đâu anh có thể làm được điều gì đó tốt đẹp. Ai mà biết được?”

“Cũng đúng”, tôi nhún vai đáp lại. Tôi không việc gì phải xen ngang sự lạc quan của anh. “Ai mà biết được chứ?”.

CHUYỆN NÀY CHẴNG CÓ AI mà không biết: chồng tôi thật sự đã trở thành một chính trị gia. Anh ấy là một người từ tể muốn tạo ra tác động nào đó trên thế giới, và bất chấp sự hoài nghi của tôi, anh ấy quyết đây chính là cách tốt nhất để đạt được điều đó. Bản chất niềm tin của anh ấy chính là như vậy.

Barack được bầu vào thượng viện bang Illinois tháng Mười Một năm 1996 và tuyên thệ nhậm chức vào hai tháng sau đó, tức là đầu năm 1997. Ngạc nhiên thay, tôi lại thích thú quan sát chiến dịch vận động của anh. Và tôi đã giúp thu thập chữ ký để đưa anh đến vòng bỏ phiếu, gõ cửa từng nhà tại khu phố tôi từng sinh sống vào các ngày thứ Bảy, lắng nghe ý kiến của người dân về tiểu bang và chính quyền ở đó - tất cả những điều mà họ cho rằng cần phải chinh đốn. Với tôi, điều này gợi nhớ những dịp cuối tuần hồi tôi còn bé và thường theo cha bước lên những thềm cửa đó để ông thực hiện bốn phận trưởng khu của mình. Ngoài việc này ra, tôi không quá cần thiết đối với quá trình tranh cử, và như thế lại cực kỳ hợp với tôi. Tôi có thể xem chiến dịch tranh cử như một thú vui, tiện tay thì làm, tận hưởng quá trình đó, rồi quay về công việc của riêng mình.

Không lâu sau khi Barack công bố tranh cử, mẹ anh qua đời ở Honolulu. Sức khỏe của bà suy nhược nhanh đến mức anh ấy không kịp đến bên bà để nói lời vĩnh biệt. Điều này khiến anh đau đớn. Mẹ Ann Dunham là người đã dẫn anh vào thế giới văn chương bay bổng và dạy anh biết sức mạnh của những lập luận rõ ràng. Nếu không có bà, anh ấy hẳn sẽ không thể cảm nhận được những cơn mưa mùa gió bão ở Jakarta hay thấy được những ngôi đền nước tại Bali. Không có bà, anh ấy hẳn sẽ không bao giờ hiểu được việc đi từ lục địa này sang lục địa khác dễ dàng và phấn khích đến mức nào, cũng như không biết cách trân trọng những điều không thân thuộc. Bà là một nhà thám hiểm, một người can đảm đi theo tiếng gọi của con tim. Tôi nhìn thấy tinh thần của bà nơi Barack, thể hiện qua những điều lớn lẫn nhỏ. Nỗi đau mất mát này như một lưỡi dao cắm sâu vào lòng vợ chồng tôi, ngay cạnh lưỡi dao đã cứa vào khi chúng tôi mất cha tôi.

Lúc này đã là mùa đông và cơ quan lập pháp đang trong kỳ họp, chúng tôi phải xa nhau gần như cả tuần. Barack lái xe bốn giờ đồng hồ đến Springfield vào các đêm thứ Hai và ở trong một khách sạn rẻ tiền mà rất nhiều nhà lập pháp khác cũng đang trú lại. Anh thường về nhà vào cuối ngày thứ Năm. Anh có một văn phòng nhỏ ở tòa

nhà nghị viện và một nhân viên bán thời gian ở Chicago. Anh đã giảm khối lượng công việc ở hãng luật, nhưng để duy trì tốc độ trả nợ, anh đã nhận thêm giờ dạy ở trường luật và lên lịch dạy vào những ngày anh không phải đến Springfield, cũng như sẽ dạy thêm khi thượng viện không ở trong kỳ họp. Hai chúng tôi tâm sự với nhau qua điện thoại mỗi đêm, trao đổi những điều cần chú ý và chia sẻ những câu chuyện trong ngày. Vào các ngày thứ Sáu, chúng tôi sẽ hẹn hò nhau tại một nhà hàng tên Zinfandel ở trung tâm Chicago sau khi cả hai đã xong việc.

Giờ đây khi nhớ lại những đêm hẹn hò đó, tôi vẫn cảm thấy nôn nao một cảm giác dễ chịu. Tôi thích ánh sáng mờ ảo và ấm cúng của nhà hàng Zinfandel. Tôi sẽ luôn là người đến trước vì tính đúng giờ của mình. Tôi sẽ chờ Barack, và vì đó là cuối tuần, vì tới lúc này tôi đã quá quen với chuyện anh ấy sẽ đến trễ, nên tôi chẳng còn thấy phiền hà gì nữa. Tôi biết cuối cùng thì anh ấy cũng sẽ xuất hiện, và tìm tôi sẽ loạn nhịp như thường lệ khi nhìn thấy anh bước vào cửa, đưa áo khoác cho nhân viên lễ tân nhà hàng trước khi len lỏi qua những dãy bàn rồi cười lộ cả hàm răng khi nhìn thấy ánh mắt tôi. Anh sẽ hôn tôi và cởi áo vét, choàng nó ra sau ghế rồi ngồi xuống. Chồng tôi. Thói quen này khiến tôi vững tâm. Gần như tới thứ Sáu nào chúng tôi cũng gọi cùng một thực đơn - bò hầm, bắp cải Brussel cùng với khoai nghiền - và khi thức ăn được dọn lên, chúng tôi sẽ ăn sạch.

Đó là thời hoàng kim của chúng tôi, của sự cân bằng trong cuộc hôn nhân, anh theo đuổi những mục đích của anh và tôi theo đuổi mục đích của tôi. Chỉ trong tuần đầu hoạt động trong thượng viện ở Springfield, Barack đã công bố mười bảy dự luật mới - ắt hẳn là một con số kỷ lục, và ít nhất cũng là bằng chứng cho nhiệt huyết của anh. Một số dự luật được thông qua, nhưng hầu hết sẽ nhanh chóng bị thượng viện do Đảng Cộng hòa kiểm soát loại ra, bị phủ quyết bởi tinh thần đảng phái và sự hoài nghi mà các đồng nghiệp mới của anh xem như chuyện thường. Ngay những tháng đầu tiên đó tôi đã thấy chính trị là một trận chiến, hết như tôi đã dự đoán, và đó là trận chiến hao hơi tổn sức, có sự xa lánh và phản bội, có những kẻ chơi bẩn và những sự thỏa hiệp mà thỉnh thoảng sẽ khiến người ta đau đớn. Nhưng đồng thời tôi nhận ra dự đoán của Barack cũng đúng. Anh ấy phù hợp một cách kỳ lạ với cuộc tranh đấu của quá trình làm luật, anh điềm tĩnh giữa cơn bão, quen làm người ngoài cuộc, đón nhận thất bại với vẻ thông dong đậm chất Hawaii của mình. Anh vẫn hy vọng, cương quyết hy vọng và tin rằng một phần nào đó trong tầm nhìn của anh sẽ thắng thế vào một ngày nào đó, bằng một cách nào đó. Anh đã từng ném đòn, nhưng chuyện đó không khiến anh phiền lòng. Dường như anh sinh ra dành cho cuộc chiến này. Anh có bị móp méo nhưng vẫn sáng bóng, như một chiếc ấm đồng cũ.

Bản thân tôi cũng đang trong giai đoạn chuyển đổi. Tôi đã chọn một công việc khác và rời khỏi Public Allies, tổ chức mà tôi đã tận tâm gây dựng và phát triển. Suốt ba năm trời, tôi đã cống hiến cho tổ chức bằng tất cả nhiệt huyết, gánh vác từ chuyện lớn tới chuyện nhỏ để vận hành tổ chức, thậm chí kiêm luôn nhiệm vụ thay giấy cho máy photocopy. Khi Public Allies lớn mạnh và có thể vận hành lâu dài nhờ nguồn quỹ và sự hỗ trợ từ liên bang trong suốt nhiều năm, tôi cảm thấy giờ đây mình đã có thể yên tâm ra đi. Và thật tình cờ là vào mùa thu năm 1996, một cơ hội mới bỗng từ trên trời rơi xuống. Chú Art Sussman, vị luật sư tại Đại học Chicago mà tôi đã gặp vài năm trước, đã gọi điện đến và thông báo về một vị trí mới trong trường.

Hóa ra Đại học Chicago đang tìm kiếm một phó hiệu trưởng chuyên trách quan hệ cộng đồng, cam kết tạo ra sự kết nối hiệu quả hơn với thành phố, đặc biệt là với khu South Side xung quanh trường, bao gồm việc xây dựng một dự án công ích cộng đồng nhằm kết nối sinh viên với các cơ hội làm tình nguyện tại địa phương. Cũng giống vị trí của tôi tại Public Allies, công việc mới này liên quan đến một thực tế mà tôi từng kinh qua. Như tôi đã chia sẻ với chú Art nhiều năm trước, Đại học Chicago, nơi có những bức tường ngăn cách với cộng đồng xung quanh, luôn cho tôi cảm giác khó chạm tới và ít quan tâm đến tôi hơn các trường ở vùng East Coast mà tôi đã đăng ký

theo học. Giảm bớt những rào cản, giúp sinh viên gắn bó với thành phố hơn và giúp cư dân gắn kết với trường hơn là những việc khiến cho tôi cảm thấy như được truyền cảm hứng.

Ngoài nguồn cảm hứng này, còn có những nguyên nhân sâu xa hơn khiến tôi quyết định thay đổi công việc. Trường Đại học Chicago mang đến sự ổn định mà một tổ chức phi lợi nhuận vẫn còn tương đối mới không thể có được. Lương của tôi cũng cao hơn, thời gian làm việc hợp lý hơn, đồng thời ở đây có sẵn nhân viên phụ trách tiếp giấy cho máy photocopy và sửa máy in nên tôi không còn phải bận tâm mấy chuyện đó nữa. Tôi giờ đây đã ba mươi hai tuổi và bắt đầu cân nhắc hơn về khối lượng công việc mình muốn gánh vác. Trong những đêm hên nhau ở Zinfandel, Barack và tôi thường tiếp tục cuộc trò chuyện mà chúng tôi đã nói với nhau suốt nhiều năm qua, dưới nhiều hình thức khác nhau, về tác động của chúng tôi, về việc mỗi người chúng tôi có thể tạo ra sự khác biệt ở đâu và bằng cách nào, cũng như về cách phân bổ thời gian và năng lượng hiệu quả nhất.

Về phần tôi, một vài câu hỏi trước kia, như tôi là ai và tôi muốn trở thành ai đang bắt đầu xuất hiện trở lại và cứ lớn vồn trong tâm trí tôi. Tôi đã chọn công việc mới một phần là để tạo thêm không gian cho cuộc sống của vợ chồng tôi, một phần cũng vì chế độ phúc lợi y tế ở đó tốt hơn các nơi mà tôi từng làm việc qua. Và điều này hóa ra lại rất quan trọng. Một tối thứ Sáu khác tại bàn ăn trong nhà hàng Zinfandel, khi Barack và tôi nắm tay ngồi đối diện nhau trong ánh nến lẳng mạn, món bò hầm đã vớt sạch và món tráng miệng đang sắp được dọn lên, chúng tôi biết hạnh phúc của mình chưa trọn vẹn. Chúng tôi đang muốn có con nhưng chuyện này không mấy suôn sẻ.

HÓA RA ngay cả hai con người tận tụy dám nghĩ dám làm với một tình yêu sâu sắc và đạo đức nghề nghiệp vững vàng cũng không thể chỉ dùng ý chí để có con. Khả năng sinh sản không phải là thứ mà bạn có thể chinh phục. Thật khó chịu khi nỗ lực không dẫn đến kết quả tương ứng. Đối với tôi và Barack, chuyện này vừa bất ngờ vừa đáng thất vọng. Có vẻ như dù chúng tôi cố gắng đến mấy thì tôi vẫn không có thai. Có giai đoạn tôi đã tự nhủ đây đơn giản chỉ là vấn đề vợ chồng gần gũi với nhau, hậu quả của việc Barack cứ đi đi về về Springfield. Sinh hoạt của vợ chồng tôi không diễn ra theo chu kỳ của hormone, mà theo lịch họp của cơ quan lập pháp Illinois. Tôi nghĩ đây là điều mà chúng tôi có thể tìm cách thay đổi.

Nhưng các nỗ lực và điều chỉnh của chúng tôi vẫn không có hiệu quả. Sau nhiều năm tính toán cẩn thận để tránh đậu thai, giờ đây tôi chỉ mong muốn điều ngược lại. Tôi xem đó như một nhiệm vụ. Có một lần tôi thử thai và thấy kết quả dương tính, chuyện này đánh bay mọi lo lắng và khiến cả hai chúng tôi mừng rỡ vô cùng, nhưng vài tuần sau đó tôi bị sảy thai. Mỗi khi nhìn thấy những người mẹ vui vẻ dắt con đi trên đường, trong tôi lại day dứt một nỗi khao khát, sau đó đau đớn vì cảm giác bất lực. Niềm an ủi duy nhất chính là Barack và tôi đang sống cách vợ chồng anh Craig chỉ một dãy nhà, hai người họ đã có hai đứa con đáng yêu là Leslie và Avery. Tôi cảm thấy bình tâm mỗi khi ghé qua chơi đùa và đọc truyện cho các cháu.

Nếu phải kể ra những chuyện mà không ai có thể diễn tả cho bạn hiểu cho đến khi bạn đích thân trải nghiệm, thì tôi sẽ bắt đầu với chuyện sảy thai. Sảy thai là một trải nghiệm khiến bạn cảm thấy đơn độc, nhụt chí và đau đớn đến tận tâm can. Khi bị sảy thai, bạn thường lầm tưởng đó là thất bại của bản thân, nhưng chuyện đó không đúng. Hoặc có thể bạn xem đó là một bi kịch, nhưng điều đó cũng không đúng, dù ngay thời điểm đó bạn có cảm thấy tồi tệ đến thế nào đi nữa. Điều mà chẳng ai nói với bạn là tình trạng sảy thai rất phổ biến và rất nhiều phụ nữ gặp phải tình trạng này, nhưng bạn không thể hình dung được vì không ai nói nhiều về chủ đề này. Tôi hiểu ra điều này sau khi đề cập đến chuyện sảy thai của mình với vài người bạn, những người đã đáp lại tôi bằng tình yêu thương và sự hỗ trợ, cũng như an ủi tôi bằng chính câu chuyện sảy thai của họ. Điều này không thể xóa nhòa nỗi đau, nhưng bằng cách khơi lại niềm đau của chính mình, họ giúp tôi điềm tĩnh hơn khi đối mặt với nỗi đau của bản

thân, giúp tôi nhận ra chuyện mà tôi đã trải qua cũng chỉ là một trục trặc sinh học bình thường, là chuyện trứng đã được thụ tinh nhưng không thể tiếp tục hành trình, có lẽ vì một lý do hợp lý nào đó.

Một người bạn đã giới thiệu cho tôi một bác sĩ chuyên khoa hiếm muộn mà vợ chồng chị từng đến khám. Barack và tôi đã đến đó để kiểm tra sức khỏe, nhưng sau đó, bác sĩ cho biết cả hai chúng tôi đều không có vấn đề gì cả. Vậy là cũng không biết vì sao tôi không thể có thai. Bác sĩ khuyên tôi sử dụng Clomid, một loại thuốc kích thích rụng trứng trong vài tháng. Khi Clomid cũng không có tác dụng, ông ấy khuyên chúng tôi chuyển sang thụ tinh nhân tạo. Chúng tôi vô cùng may mắn khi bảo hiểm y tế của Đại học Chicago sẽ chi trả phần lớn số tiền này.

Cảm giác khi đó giống như có một tấm vé số được ăn cả ngã về không, chỉ là trong trường hợp này thì có liên quan đến khoa học. Thật không may là khi liệu trình sơ khởi vừa hoàn thành thì cơ quan lập pháp của tiểu bang cũng bắt đầu kỳ hoạt động mùa thu và “bắt cóc” anh chồng ngọt ngào, biết quan tâm chăm sóc của tôi, khiến tôi phải một mình xoay xở để hoàn thành liệu trình khó khăn này. Điều này bao gồm việc tôi phải tự tiêm thuốc cho mình mỗi ngày trong suốt vài tuần liền. Theo kế hoạch, tôi sẽ sử dụng loại thuốc đầu tiên để hâm trứng và sau đó dùng một loại thuốc khác để kích thích trứng rụng trở lại, với mục đích sản sinh ra một loạt trứng khỏe mạnh.

Toàn bộ quá trình đó cùng với việc không biết kết quả sẽ ra sao khiến tôi lo lắng, nhưng tôi muốn có con. Đó là một nhu cầu luôn hiện diện trong tôi. Hồi còn là một cô bé con, khi đã chán ngấy làn da nhựa của búp bê, tôi năn nỉ mẹ sinh cho tôi một đứa em, một đứa em bằng xương bằng thịt. Tôi hứa với mẹ là tôi sẽ đảm nhiệm mọi trọng trách. Khi bà không đồng ý, tôi đã lũng sục ngăn tủ đựng đồ lót của bà để tìm lọ thuốc ngừa thai của bà, nghĩ rằng biết đâu nếu tôi đem giấu chúng thì sẽ có được kết quả như mong muốn. Tất nhiên là tôi đã không đạt được mục đích, nhưng vấn đề ở đây là tôi đã chờ đợi điều này từ rất lâu. Tôi muốn có một gia đình và Barack cũng muốn. Và thế là giờ đây tôi đang ngồi một mình trong phòng tắm của căn hộ, cố gom góp hết can đảm để đâm kim tiêm vào đùi mình, vì khao khát biến những mong mỏi kia thành hiện thực.

Có lẽ đó cũng là lần đầu tiên tôi cảm nhận được nỗi oán giận của mình đối với chính trị và cả sự tận tụy không gì lay chuyển được của Barack trong công việc. Hoặc có lẽ tôi chỉ đang cảm thấy cái gánh nặng sâu kín của phụ nữ. Dù sao đi nữa, Barack đã đi xa và tôi thì ở đây, gánh vác trách nhiệm này. Tôi đã cảm nhận được là mình sẽ phải hy sinh nhiều hơn anh. Trong những tuần tiếp theo, anh sẽ lo liệu công việc như bình thường, còn tôi thì đi siêu âm mỗi ngày để kiểm tra tình trạng và chất lượng trứng. Anh ấy không phải trích máu. Anh ấy không cần bất cứ buổi hẹn nào để kiểm tra cổ tử cung. Anh ấy, chồng tôi, đã làm những gì anh có thể làm được một cách tận tâm và đầy yêu thương. Anh đọc tất cả những bài viết về thụ tinh trong ống nghiệm và trò chuyện với tôi suốt cả đêm về chủ đề này, nhưng nhiệm vụ duy nhất trên thực tế của anh chỉ là xuất hiện ở phòng khám và cung cấp một ít tinh trùng. Và sau đó, nếu muốn thì anh có thể đi uống một ly martini. Anh không có lỗi, nhưng những chuyện đó thật không công bằng, và đối với bất kỳ phụ nữ nào coi trọng sự bình đẳng thì thực tế này có thể hơi khó khăn một chút. Tôi là người phải thay đổi tất cả, phải tạm ngưng đam mê và mơ ước sự nghiệp của mình, để hoàn thành phần mơ ước này của hai chúng tôi. Có lúc tôi đã tính đến chuyện bỏ cuộc, nhưng rồi tôi tự hỏi, Mình muốn có con hay không? Có, tôi rất muốn có con. Và thế là tôi cầm ống tiêm lên rồi tự tiêm vào đùi mình.

KHOẢNG TÁM TUẦN SAU, các nỗ lực của tôi đã được đền đáp và cảm giác tội thân trách hờn đã được xóa sạch khi máy siêu âm phát hiện tiếng tim thai yếu ớt trong cơ thể tôi. Tôi có thai. Điều đó là thật. Trách nhiệm và sự hy sinh bỗng mang một ý nghĩa hoàn toàn khác, như một khung cảnh được phủ lên những sắc màu mới mẻ, hay tất cả những món đồ nội thất trong nhà được sắp xếp lại sao cho giờ đây mọi thứ đều phù hợp một cách hoàn hảo. Tôi bước đi với một bí mật bên trong cơ thể mình. Đó là một đặc ân, là món quà vô giá của phụ nữ. Tôi cảm thấy vui sướng với tương lai tốt đẹp mà tôi đang mang trong mình.

Tôi vẫn luôn cảm thấy như thế, kể cả khi con mệt mỏi của ba tháng đầu thai kỳ khiến tôi kiệt sức, khi công việc của tôi vẫn bận rộn còn Barack vẫn đến thủ phủ tiểu bang để công tác mỗi tuần. Chúng tôi có cuộc sống ở thế giới bên ngoài, nhưng giờ đây có thêm một thứ khác bên trong, một đứa bé đang lớn dần, một bé gái bé bỏng. (Vì Barack là anh chàng ưa dửng dưng, còn tôi thì ưa hoạch định, nên việc xác định giới tính của con là điều bắt buộc.) Chúng tôi chưa thể nhìn thấy bé, nhưng bé đang ở đó, dần dần phát triển cả về hình hài lẫn sức sống khi mùa thu chuyển sang đông, rồi đông sang xuân. Điều mà tôi đã từng cảm thấy - cảm giác ghen tị với Barack vì anh có thể tách khỏi quá trình - giờ đây đã đảo ngược. Anh đứng bên ngoài, còn tôi được sống với quá trình này. Tôi chính là quá trình, không thể tách khỏi sinh linh bé nhỏ đang phát triển và quơ tay đạp chân bên trong cơ thể của tôi. Tôi không cô đơn, cũng không cô độc. Con bé luôn ở đó khi tôi lái xe đi làm, khi tôi xắt rau để làm món rau trộn, hay trong lúc tôi nằm trên giường vào buổi tối, miệt mài xem quyển sách thai giáo *What to Expect When You're Expecting* đến lần thứ chín trăm.

Mùa hè ở Chicago luôn đặc biệt với tôi. Tôi yêu bầu trời vẫn còn sáng khi đêm về, Hồ Michigan trở nên nhộn nhịp với những chiếc thuyền buồm và thời tiết ấm áp đến mức người ta không thể nhớ mùa đông đã lạnh lẽo ra sao. Tôi yêu mùa hè khi các hoạt động chính trị bắt đầu trở nên yên ắng và cuộc sống trở nên vui vẻ hơn.

Mặc dù chúng tôi thật sự không thể kiểm soát điều gì, nhưng bằng cách nào đó, cuối cùng mọi chuyện diễn ra như thể chúng tôi đang trù tính thời gian thật hoàn hảo. Sáng sớm ngày bốn, tháng Bảy năm 1998, tôi cảm nhận được cơn đau chuyển dạ đầu tiên. Barack đưa tôi nhập viện tại Bệnh viện Đại học Chicago. Cùng đi theo để hỗ trợ còn có mẹ tôi và Maya, người đã bay từ Hawaii sang để có mặt vào đúng tuần dự sinh của tôi. Phải nhiều giờ nữa thì những đồng thân của các bữa tiệc nướng ngoài trời mừng Quốc khánh mới bắt đầu cháy sáng khắp thành phố, và người người sẽ trải khăn ngồi trên bãi cỏ dọc theo bờ hồ, vẫy cờ và háo hức chờ xem pháo hoa rực rỡ trên mặt hồ. Chẳng nào thì chúng tôi cũng đã bỏ lỡ tất cả những điều đó vào dịp Quốc khánh năm ấy và đắm chìm trong niềm vui hân hoan mới. Chúng tôi không nghĩ về đất nước mà nghĩ về gia đình mình, khi bé Malia Ann Obama, một trong hai đứa trẻ hoàn hảo nhất trần đời, bước vào trong thế giới của chúng tôi.

VAI TRÒ LÀM MẸ TRỞ THÀNH ĐỘNG LỰC CỦA TÔI. Nó chi phối mọi hoạt động, mọi quyết định và nhịp sống hàng ngày của tôi. Tôi không mất thời gian, cũng chẳng suy nghĩ gì khi dần thân hoàn toàn vào vai trò mới này của mình. Tôi là người chú ý chi tiết, và một đứa trẻ chính là một kho chi tiết. Barack và tôi cẩn thận quan sát Malia, cảm nhận sự bí ẩn của bờ môi chúm chím, mái đầu lòa xòa tóc, ánh mắt không thể tập trung của con bé, cũng như cách con bắt ngờ hươ tay hươ chân. Chúng tôi tắm cho con bé, bao bọc nó trong lớp quần áo ấm và áp sát vào lồng ngực mình. Chúng tôi theo dõi giờ giấc ăn uống, ngủ nghỉ, từng tiếng ợ hơi của con. Chúng tôi phân tích mọi thứ có trong từng tấm tã mà con bé đã dùng qua, cứ như thể nó có thể tiết lộ cho chúng tôi biết mọi bí mật của con bé.

Malia là một vũ trụ thu nhỏ, một hình hài bé nhỏ mà chúng tôi được tin tưởng trao cho. Tôi xông xáo với trách nhiệm này và hết lòng chăm sóc con. Tôi có thể bỏ ra cả một giờ chỉ để ngắm con bé thờ. Khi có một đứa trẻ trong nhà, thời gian cứ thoát nhanh thoát chậm, chẳng còn tuân theo những quy luật bình thường. Đôi khi một ngày có thể dài như vô tận, và bỗng nhiên cả sáu tháng vút qua hồi nào không hay. Barack và tôi bật cười về những đổi thay khi đã làm cha làm mẹ. Nếu như trước đây chúng tôi dành thời gian ăn tối để trao đổi về tính phức tạp của hệ thống luật cho thanh thiếu niên, so sánh những gì tôi đã học được trong quãng thời gian làm việc ở Public Allies với vài ý tưởng mà anh ấy đang cố gắng đưa vào đạo luật cải cách của thượng viện, thì giờ đây, chúng tôi tranh luận xem Malia có quá lệ thuộc vào núm vú cao su hay không, cũng như so sánh cách tôi và cách anh ấy dỗ bé ngủ. Cũng như những người mới làm cha làm mẹ khác, chúng tôi bị ám ảnh với tất cả những gì liên quan đến con, nhưng sau tất cả thì không có điều gì khiến chúng tôi hạnh phúc bằng việc có con và được chăm con. Chúng tôi đặt Malia bé nhỏ lên xe đẩy và đưa con đến Zinfandel vào những buổi hẹn tối thứ Sáu, nghĩ cách gián lược thực đơn của mình sao cho có thể dùng bữa xong và trở về nhà thật nhanh, trước khi con bé trở nên khó chịu.

Khi Malia được vài tháng, tôi quay lại với công việc ở Đại học Chicago. Tôi thương lượng để làm việc bán thời gian vì nghĩ rằng đây là cách thu xếp vẹn cả đôi đường - tôi có thể vừa là một phụ nữ có sự nghiệp vừa là một người mẹ hoàn hảo, duy trì sự thăng bằng giữa Mary Tyler Moore và Marian Robinson mà tôi vẫn luôn mong mỏi. Chúng tôi đã tìm được một người giữ trẻ, đó là chị Glorina Casabal, một bảo mẫu tận tâm, thạo nghề và lớn hơn tôi khoảng mười tuổi. Chị được sinh ra ở Philippines, được đào tạo trở thành y tá và đã tự mình nuôi hai đứa con. Chị Glorina - hay "Glo" - là một phụ nữ có dáng người thấp, đầy đặn, mái tóc ngắn phù hợp với tính chất công việc cùng với cặp kính gọng kim loại mạ vàng, và chị có khả năng thay tã trong vùn vùn mười hai giây. Chị có sự nhiệt tình của một y tá, tinh thần sẵn sàng đảm đương mọi nhiệm vụ và đã trở thành một thành viên quan trọng được yêu mến trong gia đình chúng tôi suốt nhiều năm sau đó. Phẩm chất quan trọng nhất của chị là rất mực yêu thương con gái của tôi.

Điều mà tôi đã không nhận ra - và sẽ xuất hiện trong danh sách những điều mà nhiều người trong số chúng ta hiểu ra quá muộn - là công việc bán thời gian có thể là một cái bẫy, nhất là khi nó là phiên bản thu gọn của công việc toàn thời gian trước đây. Hay ít nhất đó là những gì đã xảy ra với tôi. Tại nơi làm việc, tôi vẫn dự tất cả các cuộc họp như trước giờ, đồng thời cũng đánh vật với phần lớn những trách nhiệm như xưa. Điểm khác biệt duy nhất là giờ đây tôi chỉ kiếm được một nửa số lương ban đầu và đang cố gắng nhồi nhét mọi thứ vào một tuần hai mươi giờ công. Nếu một cuộc họp kết thúc muộn, tôi sẽ phải lao hết tốc lực về nhà để đón Malia (Malia thì hào hứng và vui vẻ, còn tôi thì nhể nhại mồ hôi và thờ hồng hộc) để chúng tôi có thể đến lớp Wiggleworms^[1] đúng giờ vào buổi chiều tại một phòng thu nhạc ở North Side. Đối với tôi thì chuyện này có cảm giác như một tình thế tiến

thoái lương nan khiến người ta không còn tinh táo. Tôi đấu tranh với cảm giác tội lỗi vì phải nghe điện thoại công việc khi đang ở nhà, rồi tôi lại đấu tranh với một cảm giác tội lỗi khác khi ngồi ở văn phòng mà tâm trí mãi nghĩ về việc có thể Malia bị dị ứng đậu phộng. Công việc bán thời gian lẽ ra phải giúp tôi được tự do hơn, nhưng thực tế thì nó khiến tôi cảm thấy như thể mình đang làm việc nửa vời, như thể tất cả những lần ranh trong cuộc sống của tôi đều không còn rõ nét.

Trong khi đó, dường như Barack chưa hề đánh mất phong độ. Vài tháng sau khi Malia ra đời, anh tái đắc cử một nhiệm kỳ bốn năm nữa ở thượng viện tiểu bang, giành được 89% phiếu bầu. Anh nổi tiếng, thành công và đang bắt đầu nghĩ về những thứ lớn lao hơn - chẳng hạn như ứng cử vào Quốc hội, với hy vọng hắt cẳng Bobby Rush, một thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ đang ở năm thứ tư nhiệm kỳ. Tôi có nghĩ tranh cử Quốc hội là một ý hay hay không? Không, tôi không nghĩ đó là một ý hay. Tôi nghĩ anh ấy rất khó lòng chiến thắng, vì Rush là nhân vật nổi tiếng, còn Barack thì thật sự không là ai cả. Nhưng giờ đây anh ấy là một chính trị gia và có chỗ đứng trong Đảng Dân chủ. Anh ấy có các cố vấn và người ủng hộ, một vài người trong số họ đang thúc anh thử sức xem sao. Ai đó đã thử tiến hành một cuộc thăm dò sơ bộ và cho ra kết quả là có thể anh sẽ thắng. Và có một chuyện tôi biết chắc về chồng mình: đừng ve vẩy cơ hội trước mặt anh ấy, loại cơ hội có thể giúp anh ấy tạo ra tác động to lớn hơn, rồi hy vọng anh ấy sẽ ngoảnh mặt bước đi. Vì anh ấy sẽ không làm thế. Anh ấy sẽ không ngoảnh mặt trước cơ hội.

CUỐI NĂM 1999, khi Malia gần mười tám tháng tuổi, chúng tôi đưa con bé đến Hawaii vào dịp Giáng sinh để thăm bà cố Toot, khi ấy đã bảy mươi bảy tuổi và đang sống trong căn hộ nhỏ ở tòa nhà cao tầng mà bà vẫn sống hàng chục năm nay. Đó vốn là một chuyến thăm gia đình - lần duy nhất trong năm bà Toot có thể gặp cháu trai và cháu cố của mình. Mùa đông lạnh lẽo lại bao trùm Chicago. Vì cảm thấy sốt ruột khi ở nhà lẫn lúc ở công ty, chúng tôi đặt trước một phòng khách sạn nho nhỏ gần bãi biển Waikiki và bắt đầu đếm ngược chờ ngày về thăm gia đình. Học kỳ dạy học của Barack ở trường đã kết thúc, còn tôi đã xin nghỉ phép. Nhưng rồi chính trị lại chen ngang.

Thượng viện tiểu bang Illinois đang có cuộc tranh luận dài hơi để xác lập các điều khoản của một dự luật quan trọng về tội phạm. Thay vì nghỉ lễ, thượng viện chuyển sang chế độ làm việc đặc biệt nhằm đẩy nhanh tiến độ để bỏ phiếu trước Giáng sinh. Barack gọi điện cho tôi từ Springfield và nói rằng chúng tôi phải hoãn chuyến đi vài ngày. Đây chẳng phải tin tốt lành, nhưng tôi biết anh không thể làm gì khác. Tôi chỉ cần biết là cuối cùng chúng tôi sẽ đến Hawaii. Tôi không muốn bà Toot đón Giáng sinh một mình, hơn nữa, Barack và tôi cũng cần thời gian nghỉ ngơi. Theo tôi hình dung, chuyến đi Hawaii sẽ tách cả hai chúng tôi ra khỏi công việc và cho chúng tôi cơ hội để làm một việc đơn giản là hít thở.

Giờ đây Barack đã chính thức ứng cử vào Quốc hội, điều này nghĩa là anh hiếm khi có thời gian nghỉ ngơi. Sau này, khi trả lời phỏng vấn cho một tờ báo địa phương, anh ước tính rằng trong khoảng sáu tháng chạy chiến dịch vận động vào Quốc hội, anh đã dành chưa đến bốn ngày trọn vẹn ở nhà với tôi và Malia. Đây chính là thực tế đau xót của vận động tranh cử. Bên cạnh những trách nhiệm khác, Barack còn sống với một chiếc đồng hồ gõ nhịp không ngừng nhắc nhở anh về những phút giây còn lại trước khi cuộc bầu cử sơ bộ diễn ra vào tháng Ba. Cách anh ấy sử dụng từng phút từng giờ ấy đều ảnh hưởng đến kết quả sau cùng, ít nhất thì lý thuyết là vậy. Tôi cũng hiểu được một chuyện khác, đó là dưới góc độ của một cuộc vận động tranh cử, bất cứ phút giây nào ứng viên dành riêng cho gia đình họ đều bị xem là lãng phí.

Tôi đã đủ kinh nghiệm để không còn bị ảnh hưởng nhiều bởi những thăng trầm của cuộc tranh cử. Tôi chúc Barack may mắn với quyết định của anh, còn tôi, tôi chọn cho mình thái độ không-bận-tâm-đến-chuyện-này. Tôi

ngiht có lẽ anh nên thử sức và thất bại trong việc chen chân vào nền chính trị quốc gia, và rồi thất bại đó sẽ khiến anh có động lực làm một chuyện gì đó hoàn toàn khác. Trong một thế giới lý tưởng (thế giới lý tưởng của tôi), Barack sẽ trở thành người đứng đầu một tổ chức nào đó, nơi anh vừa có thể tác động đến các vấn đề quan trọng vừa có thể về nhà dùng bữa tối.

Chúng tôi đến Hawaii ngày 23 tháng Mười Hai, sau khi cuối cùng thì cơ quan lập pháp cũng nghỉ lễ, dù vẫn chưa tìm ra giải pháp cho mấy vấn đề mà họ đang tranh luận. Nhưng tôi mừng vì chúng tôi có thể thực hiện kỳ nghỉ này. Bãi biển Waikiki là một phát hiện tuyệt vời cho Malia bé nhỏ. Con bé thoải mái bước tới bước lui trên bờ biển, đá vào những con sóng và chơi đến mệt lử. Chúng tôi có một Giáng sinh vui vẻ và êm đềm với bà Toot trong căn hộ của bà, cùng mở quà và kinh ngạc trước sự kiên trì bà dành cho tấm xếp hình năm ngàn mảnh mà bà đang cặm cụi ghép trên bàn. Như mọi khi, vùng biển xanh tĩnh lặng của Oahu và những cư dân vui vẻ nơi đây giúp chúng tôi thoát khỏi những lo toan hằng ngày, khiến chúng tôi cảm thấy hạnh phúc, đắm chìm vào bầu không khí ấm áp đang mơn man trên làn da và thỏa mãn khi thấy con gái mình đang vui vẻ tận hưởng mọi thứ. Những dòng tít trên báo vẫn luôn nhắc rằng bình minh của thiên niên kỷ mới đang đến, và chúng tôi đang ở một nơi thật tươi đẹp để tận hưởng những ngày cuối cùng của năm 1999.

Mọi thứ đều suôn sẻ cho đến khi Barack nhận một cuộc gọi từ Illinois cho biết thượng viện đột ngột quyết định làm việc trở lại để hoàn tất dự luật về tội phạm. Nếu muốn bỏ phiếu thì anh có khoảng bốn mươi tám giờ để trở về Springfield. Thêm một chiếc đồng hồ nữa đang đếm giờ. Với trái tim trĩu nặng, tôi nhìn Barack bắt tay vào hành động - anh đặt lại vé máy bay để chúng tôi rời khỏi Hawaii ngay ngày hôm sau và kết thúc kỳ nghỉ của chúng tôi. Chúng tôi phải đi. Chúng tôi không có lựa chọn. Tôi có thể ở lại Hawaii với Malia, nhưng như thế có gì vui vẻ đâu? Tôi không hài lòng khi phải rời đi, nhưng một lần nữa, tôi hiểu đó chính là chính trị. Cuộc bỏ phiếu rất quan trọng - dự luật đó bao gồm những biện pháp mới để kiểm soát súng đạn mà Barack luôn cương quyết ủng hộ - và sự bất đồng ý kiến giữa hai phe cũng gay gắt đến mức một thượng nghị sĩ vắng mặt cũng có thể khiến dự luật không được thông qua. Chúng tôi phải về.

Nhưng rồi một chuyện không ai ngờ tới xảy ra. Trong đêm, Malia sốt cao. Mới hồi chiều con bé còn chơi đá sóng, vậy mà giờ đây, sau chưa đầy mười hai giờ đồng hồ, lại trở nên bơ phờ vì sốt cao, mắt ướt và mề nheo vì đau nhưng vẫn còn quá nhỏ nên không thể nói cho cha mẹ biết nỗi khổ sở của mình. Chúng tôi cho con uống Tylenol nhưng tình hình cũng không đỡ hơn. Con bé cứ véo một bên tai, khiến tôi nghi là tai của con bị nhiễm trùng. Chúng tôi ngồi trên giường, nhìn Malia chìm vào giấc ngủ nặng nề. Chỉ còn vài giờ nữa là chúng tôi phải sẵn sàng cho chuyến bay về nhà. Tôi nhìn thấy vẻ lo âu hằn lên gương mặt Barack, khi anh đang đứng giữa hai bờ phận đối nghịch nhau. Điều chúng tôi sắp quyết định không chỉ ảnh hưởng đến hiện tại mà thôi.

Tôi nói, “Rõ ràng là con bé không thể bay được”.

“Anh biết.”

“Mình phải đổi chuyến bay một lần nữa.”

“Anh biết.”

Không ai nói ra một sự thật là anh có thể cứ thế đi trước. Anh có thể bước ra khỏi cửa, đón taxi đến sân bay và vẫn có thể về Springfield kịp giờ bỏ phiếu. Anh có thể bỏ lại đứa con gái đang bệnh và người vợ đang lo lắng của mình ở một hòn đảo giữa Thái Bình Dương để tham gia với các đồng nghiệp. Đó là một phương án lựa chọn. Nhưng tôi không nói ra điều đó, tôi không phải thánh nhân. Tôi thừa nhận mình đang rất lo lắng và có thể suy sụp bất kỳ lúc nào vì không biết chuyện gì sẽ xảy ra với Malia. Nếu mọi chuyện diễn biến tệ hơn thì sao? Nếu con bé cần phải nhập viện thì sao? Nhưng có thật là anh đang nghĩ tới chuyện bỏ đi trước hay không?

Sau cùng thì anh đã không làm vậy. Anh ấy sẽ không bao giờ đi như vậy.

Hôm đó tôi không nghe anh ấy nói gì khi gọi cho trợ lý để thông báo không tham dự cuộc bỏ phiếu dự luật về tội phạm. Tôi không quan tâm chuyện đó. Tôi chỉ quan tâm đến con gái của chúng tôi. Con bé là báu vật bé bỏng của chúng tôi. Chúng tôi mắc nợ con bé mọi thứ.

Cuối cùng, năm 2000 cũng đến mà không có bất cứ sự cố nghiêm trọng nào xảy ra như dự đoán. Sau vài ngày nghỉ ngơi và vài liều kháng sinh, triệu chứng được chẩn đoán là một cơn nhiễm trùng tai nghiêm trọng đã được xử lý xong, cô bé con của chúng tôi lại hoạt bát như xưa. Cuộc sống vẫn tiếp diễn. Cuộc sống luôn tiếp diễn. Vào một ngày tuyệt đẹp dưới bầu trời Honolulu trong xanh, chúng tôi lên máy bay và về nhà ở Chicago, trở về với mùa đông giá buốt và với những thứ mà đối với Barack chính là một thảm họa chính trị trong tương lai.

DỰ LUẬT TỘI PHẠM không được thông qua ở thượng viện tiểu bang vì thua năm phiếu bầu. Với tôi, phép tính này không có gì khó: ngay cả nếu Barack có từ Hawaii về đúng giờ thì phiếu bầu của anh cũng không thay đổi được cục diện. Thế nhưng anh phải gánh nhận một thất bại nặng nề vì sự vắng mặt của mình. Các đối thủ của anh trong vòng bầu cử sơ bộ của Quốc hội đã tranh thủ thời cơ để khắc họa Barack như một nhà làm luật nhàn hạ, người đi nghỉ mát - ở Hawaii, đương nhiên rồi - và không hạ cố trở về để bầu cho một vấn đề quan trọng như vấn đề kiểm soát quyền sử dụng súng.

Bobby Rush, người đang giữ chức hạ nghị sĩ, đã mất một thành viên trong gia đình mình vì một vụ bạo lực liên quan đến súng đạn ở Chicago trước đó vài tháng, và điều này càng đẩy Barack vào tình thế xấu hơn. Đường như chẳng ai chịu hiểu là anh ấy được sinh ra ở Hawaii, anh ấy về quê để thăm bà nội góa của mình, và con gái của anh vừa đổ bệnh. Tất cả những gì họ quan tâm là phiếu bầu. Báo chí mổ xẻ vấn đề đó suốt nhiều tuần. Trang xã luận của tờ Chicago Tribune chỉ trích nhóm thượng nghị sĩ không đi bầu vào ngày hôm đó, gọi họ là “một bầy cừu nhu nhược”. Thượng nghị sĩ Donne Trotter, một đối thủ khác của Barack, cũng ra tay và nói với phóng viên rằng “sử dụng con cái làm cái cớ để trì hoãn công việc cũng là biểu hiện của một nhân cách không hay ho gì”.

Tôi không quen với tất cả những thứ đó. Tôi không quen với việc có đối thủ hoặc phải chứng kiến cuộc sống gia đình mình bị báo chí giày vò. Tôi chưa từng thấy nhân cách của chồng tôi bị người ta nghi ngờ như thế. Thật đau lòng khi nghĩ rằng một quyết định hợp lý - mà theo tôi là một quyết định đúng đắn - có vẻ đã buộc anh phải trả giá nhiều như vậy. Trong một bài báo anh viết cho tuần báo trong khu vực, Barack bình tĩnh bảo vệ lựa chọn ở lại với tôi và bé Malia ở Hawaii. Anh viết, “Chúng tôi nghe các chính trị gia nói rất nhiều về tầm quan trọng của các giá trị gia đình. Hy vọng các vị sẽ hiểu khi thượng nghị sĩ tiểu bang của mình đang nỗ lực hết sức để sống theo những giá trị đó”.

Đường như chỉ vì chúng đau tai bất thường của con, ba năm làm việc của Barack tại thượng viện tiểu bang đã đổ sông đổ bể. Anh đã dẫn dắt một cuộc tổng kiểm tra mảng luật tài chính trong quá trình vận động tranh cử ở tiểu bang, nhằm xây dựng các quy tắc đạo đức nghiêm khắc hơn cho công chức được bầu. Anh đấu tranh đòi giảm thuế và tăng mức tín dụng cho tầng lớp lao động nghèo, tập trung giảm chi phí thuốc kê toa cho các công dân cao tuổi. Anh đã giành được lòng tin của các nhà lập pháp trên khắp tiểu bang, cả trong Đảng Dân chủ lẫn Đảng Cộng hòa. Nhưng giờ đây dường như tất cả những chuyện đó không còn ý nghĩa gì nữa. Cuộc đua đã biến thành một loạt những đòn chơi xấu nhau.

Từ khi bắt đầu chiến dịch, các đối thủ của Barack và người ủng hộ họ đã và vẫn đang tuyên truyền những ý tưởng nhằm mục đích gieo rắc sợ hãi và đẩy lên sự nghi ngờ giữa các cử tri người Mỹ gốc Phi bằng cách nói rằng Barack là một phần trong kế hoạch do các công dân da trắng ở khu Công viên Hyde nhào nặn ra - tức là những người Do Thái da trắng - nhằm nhét ứng viên ưa thích của họ tại South Side vào cuộc tranh cử. “Barack có phần

được xem là người da trắng trong bộ mặt đen của cộng đồng chúng ta”, Donne Trotter nói với tờ Chicago Reader. Khi chia sẻ với tờ báo đó, Bobby Rush nói, “Anh ta học Harvard và trở thành một kẻ ngốc có giáo dục. Chúng tôi không thấy ấn tượng với những người có tấm bằng ưu tú từ miền Đông”. Nói cách khác, ý ông ấy là Barack không phải là thành viên của cộng đồng người Mỹ gốc Phi, Barack không phải là người da đen đích thực như họ - vì một người nói năng như thế, dáng vẻ như thế và đọc nhiều sách như thế không bao giờ có thể là một thành viên trong cộng đồng người da đen.

Điều khiến tôi buồn bực nhất là Barack là ví dụ điển hình cho tất cả những phẩm chất mà các bậc cha mẹ ở South Side nói rằng họ mong muốn nơi con em mình. Anh là tất cả những gì mà những người như Bobby Rush, Jesse Jackson và rất nhiều nhà lãnh đạo người da đen khác đã nhắc đến suốt nhiều năm qua: anh ấy có học thức, và thay vì từ bỏ cộng đồng người Mỹ gốc Phi, anh đang nỗ lực phụng sự cộng đồng đó. Chắc chắn đây là một cuộc tranh cử nảy lửa, nhưng Barack đang bị tấn công ác liệt. Tôi bàng hoàng khi thấy các nhà lãnh đạo của chúng tôi chỉ biết đối xử với Barack như một mối đe dọa đối với quyền lực của họ, họ gieo rắc sự bất tín bằng cách lợi dụng những tư tưởng lạc hậu, phản tri thức về chủng tộc và giai cấp.

Chuyện đó khiến tôi thấy phát bệnh.

Về phần mình, Barack đón nhận mọi chuyện điềm tĩnh hơn tôi, vì tại Springfield anh đã biết chính trị có thể trở nên dơ bẩn như thế nào, và sự thật thường bị bóp méo ra sao để phục vụ các mục đích chính trị của con người. Bầm dập nhưng quyết không chùn bước, anh tiếp tục vận động tranh cử suốt mùa đông, tiếp tục đi đi về về Springfield trong khi vẫn kiên trì lật ngược tình thế, ngay cả khi tiền vận góp bắt đầu vơi dần và ngày càng có nhiều sự ủng hộ công khai dành cho Bobby Rush. Khi thời điểm bầu cử sơ bộ đã đến rất gần, Malia và tôi hiếm khi thấy mặt anh, dù vậy anh vẫn gọi về nhà mỗi tối để chúc mẹ con tôi ngủ ngon.

Tôi trân trọng hơn bao giờ hết những ngày ít ỏi mà chúng tôi đã tranh thủ ở bên nhau trên bãi biển. Tôi biết trong thâm tâm, Barack cũng cảm thấy như tôi. Điều không bao giờ mất đi giữa những ồn ào lúc ấy, giữa tất cả những đêm anh xa nhà, chính là sự quan tâm anh dành cho mẹ con tôi. Anh ấy không hề xem nhẹ những điều đó. Gần như mỗi lần anh sắp gác máy thì tôi đều cảm nhận được nỗi đau buồn giằng xé trong giọng nói của anh. Hầu như mỗi ngày anh đều buộc phải lựa chọn, gia đình hay chính trị, chính trị hay gia đình.

Vào tháng Ba, Barack thua ở vòng bầu cử sơ bộ của Đảng Dân chủ, trong khi Bobby Rush giành chiến thắng áp đảo.

Suốt thời gian đó, tôi chỉ biết ôm đura con gái bé bỏng của mình.

VÀ RỒI CON GÁI THỨ HAI của chúng tôi ra đời. Sau chỉ một đợt thụ tinh ống nghiệm, một thai kỳ nhẹ nhàng đến tuyệt vời và một lần sinh nở suôn sẻ, Natasha Marian Obama chào đời ngày 10 tháng Sáu năm 2001 tại Trung tâm Y tế Đại học Chicago, trong lúc Malia, giờ đây đã gần ba tuổi, đang chờ ở nhà với bà ngoại. Đura con thứ hai của chúng tôi xinh xắn, một cô bé nhỏ xíu với mái đầu đầy tóc và cặp mắt nâu lạnh lợi - con bé là góc thứ tư của hình vuông gia đình chúng tôi. Barack và tôi mừng vui khôn xiết.

Chúng tôi đã định tên bé là Sasha. Tôi chọn cái tên này vì tôi nghĩ nó nghe có vẻ sống động. Một cô gái tên Sasha sẽ không vướng vào bọn con trai ngốc nghếch. Như mọi bậc cha mẹ trên đời, tôi thấy mình cũng mong muốn rất nhiều điều tốt đẹp cho các con khi cầu nguyện mong sao chúng không bao giờ phải chịu đau đớn. Tôi hy vọng chúng sẽ trở thành người thông minh, tràn đầy sức sống và lạc quan như cha và giàu nghị lực như mẹ. Hơn hết thảy, tôi muốn chúng mạnh mẽ, có chút gan lì, thứ gan lì có thể giúp chúng luôn đứng thẳng và tiến về phía trước, bất kể điều gì xảy ra. Tôi không biết những gì sẽ xảy đến với chúng tôi, đời sống gia đình của chúng tôi rồi

sẽ trở nên như thế nào - liệu mọi thứ sẽ suôn sẻ hay tồi tệ, hay như hầu hết mọi người, chúng tôi sẽ có một cuộc sống lẫn lộn vui buồn. Việc của tôi là bảo đảm các con của tôi sẵn sàng đối mặt với điều đó.

Công việc ở trường đại học khiến tôi cảm thấy thật mệt mỏi. Tôi vừa phải xoay xở giữa gia đình và sự nghiệp, vừa cố gắng thu vén chi tiêu để trang trải chi phí chăm sóc hai đứa trẻ. Sau khi Sasha ra đời, tôi tự hỏi mình có còn muốn quay về với công việc hay không, vì có lẽ tôi sẽ chăm lo cho gia đình tốt hơn khi ở nhà toàn thời gian. Glo, người trông trẻ đáng mến của chúng tôi, đã được đề nghị một công việc điều dưỡng có thu nhập tốt hơn, và chị đã dè dặt quyết định đón nhận cơ hội đó. Dĩ nhiên tôi không thể trách chị ấy, nhưng sự ra đi của chị đã thay đổi mọi thứ trong thâm tâm một người mẹ đi làm như tôi. Sự tận tụy của chị dành cho gia đình tôi đã giúp tôi duy trì sự tận tụy của mình trong công việc. Chị yêu thương bọn trẻ như con mình. Tôi khóc rất nhiều vào cái đêm chị báo tin cho chúng tôi, tôi biết chúng tôi sẽ rất khó giữ sự cân bằng trong cuộc sống nếu không có chị. Tôi biết chúng tôi đã may mắn đến dường nào khi có đủ khả năng để thuê chị ấy. Nhưng giờ chị ấy đã nghỉ việc, tôi cảm thấy như mình mất đi một cánh tay.

Tôi yêu những lúc được ở bên hai đứa con gái bé bỏng của mình. Tôi nhận ra giá trị của từng phút, từng giờ đồng hồ ở nhà, đặc biệt là khi lịch trình của Barack rất thất thường. Tôi lại nghĩ về việc mẹ đã lựa chọn ở nhà với anh Craig và tôi. Hẳn nhiên tôi cảm thấy có lỗi vì đã tô hồng cuộc sống của mẹ khi nghĩ rằng việc lau chùi bề cửa sổ bằng nước tẩy rửa Pine-Sol và may quần áo cho chúng tôi thật sự là rất vui đối với mẹ, nhưng xét cuộc sống mà tôi đang có thì chuyện được ở nhà và làm tất cả những chuyện đó cũng khá hay và nằm trong tầm tay, và có lẽ cũng đáng để thử. Tôi thích tập trung vào một nhiệm vụ thay vì hai, thích đầu óc không bị hỗn loạn bởi những lập luận đối nghịch giữa gia đình và công việc. Và có vẻ chúng tôi có thể vẫn xoay xở được về mặt tài chính. Barack đã chuyển từ vị trí trợ giảng sang giảng viên chính ở trường luật, điều đó giúp chúng tôi được miễn giảm học phí trường thực nghiệm trực thuộc Đại học Chicago, nơi Malia sắp bắt đầu theo học chương trình mẫu giáo.

Và rồi chúng tôi nhận được một cuộc gọi từ Susan Sher, người cố vấn và đồng nghiệp cũ tại tòa thị chính, hiện đang là trưởng bộ phận pháp lý kiêm phó chủ tịch Trung tâm Y khoa Đại học Chicago, nơi chúng tôi vừa sinh bé Sasha. Trung tâm có một chủ tịch mới toanh mà ai cũng kháo về ông, và một trong những ưu tiên hàng đầu của ông chính là cải thiện quan hệ cộng đồng. Ông ấy đang tìm thuê một giám đốc điều hành cho các hoạt động cộng đồng, một công việc gần như được đo ni đóng giày cho tôi. Tôi có hứng thú đến phỏng vấn hay không?

Tôi lại tự đấu tranh xem có nên gửi hồ sơ xin việc hay không. Đó có vẻ là một cơ hội tuyệt vời, nhưng về cơ bản thì tôi vừa thuyết phục bản thân rằng sẽ tốt hơn cho tôi - và cả gia đình - khi tôi ở nhà. Dù sao thì đây cũng không phải là thời điểm lộng lẫy nhất của tôi, không phải thời điểm tôi có thể chải chuốt rồi mặc lên người bộ trang phục công sở. Vì mỗi đêm đều phải thức giấc nhiều lần để chăm Sasha nên tôi thường xuyên thiếu ngủ và thiếu luôn sự sáng suốt. Kể cả khi vẫn cố gắng giữ mọi thứ thật gọn gàng tươm tất thì tôi cũng không thể làm gì được. Căn hộ của chúng tôi vương vãi đồ chơi con nít, sách nuôi dạy con và những gói tã giấy. Mỗi khi ra khỏi nhà, chúng tôi đều phải lôi theo một chiếc xe đẩy to kènh và một giỏ đựng tã chẳng mấy thời trang nhưng chứa đầy những món thiết yếu: một túi bánh Cheerios, vài món đồ chơi hàng ngày và quần áo dự phòng - cho cả nhà.

Nhưng vai trò người mẹ cũng mang đến cho tôi những tình bạn tuyệt vời. Tôi kết nối với một nhóm những phụ nữ có nghề nghiệp và xây dựng một nhóm bạn thường xuyên trò chuyện cũng như trợ giúp nhau. Đa số chúng tôi đều sắp sang tuổi bốn mươi và đang làm đủ thứ ngành nghề, từ ngân hàng, chính phủ đến phi lợi nhuận. Nhiều người chúng tôi có con cùng thời điểm với nhau. Càng có nhiều con, chúng tôi càng khăng khít hơn với nhau. Chúng tôi gặp nhau gần như mỗi dịp cuối tuần. Chúng tôi quan tâm con cái của nhau, cùng dắt con đi sở thú và mua vé cho cả nhóm xem chương trình trượt băng trình diễn Disney on Ice. Thỉnh thoảng vào một chiều thứ Bảy,

chúng tôi cho đám trẻ con tự do chơi đùa trong gian phòng dành riêng cho con nít của một thành viên nào đó trong nhóm, để chúng tôi có thể khui một chai rượu và uống cùng nhau.

Mỗi phụ nữ trong nhóm chúng tôi đều có học thức, giàu tham vọng, hết lòng với con, và nhìn chung thì họ cũng rối bời như tôi khi tìm cách hòa hợp tất cả những điều đó với nhau. Chúng tôi làm đủ mọi cách có thể để vừa đi làm vừa nuôi dạy con. Một vài người đi làm toàn thời gian, một số làm bán thời gian và số khác thì ở nhà với bọn trẻ. Có người cho con ăn bánh mì kẹp xúc xích và khoai tây chiên; số khác cho ăn toàn ngũ cốc nguyên hạt. Một vài người có những người chồng hết lòng tham gia quá trình nuôi con; số khác thì giống như tôi, có chồng luôn bận rộn và thường xuyên xa nhà. Một số người bạn của tôi vô cùng hạnh phúc; số khác đang cố gắng thay đổi, cố gắng tìm một sự cân bằng khác. Đa số chúng tôi sống trong trạng thái thường xuyên phải thay đổi, phải điều chỉnh một phương diện nào đó trong cuộc sống với hy vọng bình ổn một phương diện khác.

Những buổi chiều bên nhau đã dạy cho tôi biết không hề có một công thức làm mẹ nào cả. Không có phương cách nào là đúng hay sai. Đây là một điều rất hữu ích. Bất kể ai đang sống theo lối nào và vì sao họ chọn như thế, mỗi đứa trẻ trong căn phòng dành riêng cho trẻ em ấy đều được nâng niu và nuôi dạy tốt. Mỗi khi chúng tôi tụ tập, tôi cảm thấy sức mạnh chung của tất cả những người phụ nữ đang cố làm điều đúng đắn cho con cái mình. Tôi biết dù sao đi nữa thì chúng tôi cũng hỗ trợ lẫn nhau và tất cả chúng tôi sẽ ổn.

Sau khi trò chuyện với Barack và bạn bè của mình, tôi quyết định đi phỏng vấn vào vị trí tại bệnh viện trường đại học, ít nhất là để xem công việc đó ra sao. Tôi có cảm giác mình sẽ là ứng viên hoàn hảo cho vị trí này. Tôi biết mình có đam mê và những kỹ năng phù hợp. Nhưng nếu nhận công việc này, tôi phải đặt ra một số điều kiện và có những thu xếp hợp lý cho gia đình mình. Tôi nghĩ tôi có thể nhận việc nếu không phải tham dự quá nhiều các cuộc họp không cần thiết và nếu tôi được chủ động về mặt thời gian, tức là được làm việc tại nhà hoặc đi về sớm để đón con hoặc đưa con đi khám bệnh khi cần.

Tôi cũng không muốn làm việc bán thời gian nữa. Tôi đã chịu đựng quá đủ. Tôi muốn có một công việc toàn thời gian, với mức lương cạnh tranh để chúng tôi có thể trang trải chi phí chăm sóc bọn trẻ tốt hơn và thuê người giúp việc - để tôi có thể bớt làm việc nhà và dành thời gian rảnh để chơi đùa với hai đứa con gái. Còn trong lúc này, tôi sẽ không che giấu cuộc sống bẽ bộn của mình, cuộc sống của người mẹ đang chăm lo một đứa con còn đang bú mẹ cùng với một đứa con ba tuổi đang học nhà trẻ, và một người vợ phải đảm đương gần như mọi việc ở nhà vì có người chồng thường xuyên vắng nhà với lịch làm việc lộn tung phèo.

Tôi nghĩ là mình hơi trơ trẽn khi nói ra tất cả những điều đó trong cuộc phỏng vấn với Michael Riordan, tân chủ tịch bệnh viện. Tôi thậm chí còn mang bé Sasha ba tháng tuổi theo cùng. Tôi chẳng còn nhớ chính xác hoàn cảnh khi ấy ra sao, có thể tôi đã không thể tìm được người giữ trẻ vào hôm đó, hoặc vì tôi muốn thử làm điều đó. Dù vậy, Sasha vẫn còn rất bé và vẫn rất cần tôi. Thực tế con bé chính là cuộc sống của tôi - một thực thể đáng yêu và hay phát ra những tiếng bập bẹ khiến tôi không thể nào phớt lờ được - và một cái gì đó thật sự buộc tôi phải đặt con bé lên bàn thảo luận theo nghĩa đen. Tôi đã nói với ông, Tôi ở đây, và con tôi cũng thế.

Tôi gần như không thể tin được khi vị sếp tương lai của tôi dường như hiểu hết những gì tôi vừa trình bày. Ông lắng nghe mà không tỏ vẻ ngại ngần gì khi tôi vừa ôm Sasha trong lòng vừa giải thích lý do thời gian làm việc linh động là cần thiết, trong lúc thăm cầu nguyện tã của con không bị tràn. Tôi hoàn tất cuộc phỏng vấn với cảm giác hài lòng và khá chắc là mình sẽ nhận được công việc này. Nhưng dù thế nào đi nữa, tôi biết ít ra mình đã làm được điều tốt cho bản thân khi trình bày hết những nhu cầu của mình. Tôi cảm nhận được nguồn sức mạnh chỉ với việc nói ra những điều đó. Với một tâm trí sáng suốt và một đứa trẻ đang sắp khóc quấy, tôi nhanh chân trở về nhà.

ĐÂY LÀ BÀI TOÁN mới cho gia đình tôi: chúng tôi có hai đứa con, ba công việc, hai chiếc xe, một căn hộ và có vẻ là không có thời gian rảnh. Tôi nhận lời làm việc tại bệnh viện Đại học Chicago; Barack tiếp tục dạy và soạn thảo văn bản pháp luật. Chúng tôi đều phục vụ trong hội đồng của nhiều tổ chức phi lợi nhuận, và dù còn đau từ thất bại của vòng sơ bộ của cuộc bầu cử quốc hội, Barack vẫn nghĩ đến việc tranh cử vào những chức vụ cao hơn. George W. Bush đang là Tổng thống. Nước Mỹ đã trải qua cú sốc và thâm kịch của vụ tấn công khủng bố ngày 11 tháng Chín. Một trận chiến khác đang diễn ra ở Afghanistan, một hệ thống cảnh báo đe dọa mới theo thang màu đang được áp dụng trên toàn nước Mỹ, và Osama bin Laden thì đang ẩn nấp ở đâu đó. Như mọi khi, Barack luôn hấp thu từng mẩu tin tức một cách cẩn thận, vẫn duy trì công việc bình thường của mình trong lúc âm thầm vun đắp suy nghĩ của mình về mọi sự.

Tôi không nhớ chính xác lần đầu tiên anh ấy nói về khả năng ứng cử một ghế trong thượng viện là khi nào. Ý nghĩ đó chỉ mới chớm và phải vài tháng nữa thì anh mới cần đưa ra quyết định, nhưng rõ ràng nó đang chiếm lấy tâm trí anh. Điều tôi còn nhớ chính là cách mình phản ứng - đơn giản chỉ là nhìn anh ấy với vẻ hoài nghi, như thể muốn nói, Anh nghĩ chúng ta còn chưa đủ bận rộn hay sao?

Ác cảm của tôi với chính trị chỉ gia tăng chứ không giảm, không hẳn vì những gì diễn ra ở Springfield hay Washington, mà vì sau năm năm làm thượng nghị sĩ tiểu bang, lịch trình quá bận rộn của Barack đang bắt đầu ảnh hưởng đến tôi. Khi Sasha và Malia ngày càng lớn, tôi nhận ra nhịp sống ngày càng tất bật hơn và danh sách việc phải làm của tôi chỉ dài thêm ra, khiến tôi thường xuyên rơi vào tình trạng làm việc quá tải tưởng chừng không bao giờ dứt. Barack và tôi làm mọi điều có thể để cuộc sống của hai con được ổn định và dễ trông coi. Chúng tôi đã có một người trông trẻ mới tại nhà. Malia vui vẻ đến trường, kết bạn, tiệc tùng, và đi học bơi vào cuối tuần. Sasha giờ đã một tuổi, đứng chập chững, nói bập bẹ và tiếng cười của con bé luôn khiến chúng tôi cảm thấy vui vẻ. Con bé cực kỳ tò mò và quyết tâm phải theo kịp Malia và những người bạn bốn tuổi của chị mình. Công việc của tôi ở bệnh viện đang tiến triển suôn sẻ, mặc dù tôi biết cách tốt nhất để duy trì điều đó là lòi mình ra khỏi giường lúc năm giờ sáng và dành ra vài giờ đồng hồ làm việc trên máy vi tính trước khi mọi người trong nhà thức giấc.

Chuyện này khiến tôi hơi cáu bẳn vào buổi tối, và đôi khi còn xung đột trực tiếp với ông chồng cú đêm của mình khi anh từ Springfield về nhà vào các tối thứ Năm trong tình trạng khá vui vẻ và muốn tham gia ngay vào cuộc sống gia đình để bù đắp cho khoảng thời gian mà anh đã bỏ lỡ. Nhưng giờ đây thời gian đã chính thức trở thành vấn đề với chúng tôi. Nếu thói quen không đúng giờ của Barack từng là thứ tôi dùng để nhẹ nhàng chọc ghẹo anh, thì giờ đây nó đã trở thành một điều khiến tôi thật sự bức mình. Tôi biết anh vui khi đến các tối thứ Năm. Tôi nghe thấy sự háo hức khi anh gọi về nhà báo là đã xong việc và đang trên đường về nhà. Tôi hiểu anh có ý tốt khi nói những câu như “Anh sắp về!” hay “Về tới nơi rồi!”. Và có lúc tôi đã tin những lời đó. Tôi cho hai đứa trẻ tắm để chuẩn bị đi ngủ, nhưng tôi hoãn giờ ngủ của chúng để chúng có thể chờ và ôm cha một cái. Hoặc tôi cho chúng ăn tối rồi dỗ chúng ngủ, còn mình thì thấp vài ngọn nến và chờ Barack về để cùng ăn tối với anh.

Và rồi tôi đợi. Tôi đợi lâu đến nỗi mi mắt của Sasha và Malia bắt đầu sụp xuống, và tôi phải bế chúng lên giường đi ngủ. Hoặc tôi phải chờ một mình, vừa đói vừa cảm thấy ngày càng chua chát khi mắt tôi nặng trĩu và sáp đèn cầy đã chảy đầy trên bàn. Tôi nhận ra hai chữ “sắp về” là sản phẩm của sự lạc quan vĩnh cửu của Barack, một dấu chỉ cho sự háo hức muốn về nhà của anh, nhưng hoàn toàn không có nghĩa là anh đang thật sự về nhà. “Về tới nơi” không phải là một định vị địa lý mà giống một trạng thái trong tâm trí của anh hơn. Đôi khi anh trên đường về nhưng cần phải dừng lại để trò chuyện thêm bốn mươi lăm phút nữa với một đồng nghiệp trước khi vào

xe. Khi khác, anh ấy sắp về tới nhà thật, nhưng lại quên đề cập tới chuyện anh cần phải tập thể dục nhanh ở phòng gym.

Trước khi có con, những sự bức bối đó có thể là vụn vặt trong cuộc sống của chúng tôi, nhưng là một người mẹ làm việc toàn thời gian có người chồng bán thời gian và cộng thêm việc phải thức giấc trước khi mặt trời mọc, tôi cảm thấy sự kiên nhẫn của mình đang vơi đi, cho đến lúc không còn gì nữa. Khi Barack về tới nhà, hoặc anh ấy sẽ thấy tôi đang giận dữ, hoặc sẽ không gặp được tôi vì khi đó tôi đã tắt hết đèn đóm trong nhà và âm ức đi ngủ.

CHÚNG TÔI SỐNG THEO những mô hình mà chúng tôi biết. Suốt thời thơ ấu của Barack, cha của anh biến mất còn mẹ anh thì đến rồi lại đi. Bà hết lòng với anh nhưng không ràng buộc mình với anh, và theo những gì anh biết thì như thế không có gì sai. Anh ấy có những ngọn đồi, bãi biển và tâm trí của mình để bầu bạn. Sự độc lập rất quan trọng trong thế giới của Barack. Nó đã như thế và luôn sẽ như thế. Trong khi đó, tôi lớn lên trong sự gắn kết chặt chẽ của gia đình mình, trong căn hộ đóng hộp, trong khu phố đóng hộp ở South Side, với ông bà và các cô dì, chú bác khắp xung quanh, tất cả cùng chen chúc quanh chiếc bàn để cùng nhau dùng bữa mỗi tối Chủ nhật. Sau mười ba năm yêu nhau, chúng tôi cần phải suy nghĩ thấu đáo xem điều này có nghĩa là gì.

Khi nghĩ về chuyện này, tôi cảm thấy có chút tổn thương. Không phải vì anh không toàn tâm toàn ý với cuộc hôn nhân của chúng tôi. Rõ ràng sự toàn tâm toàn ý của anh dành cho cuộc sống của tôi là không thể chối cãi. Mà bởi vì tôi đã được nuôi dưỡng và lớn lên trong một gia đình luôn sum vầy bên nhau, nên tôi cực kỳ thất vọng nếu có thành viên nào đó trong nhà thường xuyên vắng mặt. Tôi cảm thấy cô đơn và cũng có chút lo lắng khi phải đáp ứng nhu cầu của hai cô con gái. Chúng tôi muốn có Barack bên cạnh. Chúng tôi nhớ anh mỗi khi anh xa nhà. Tôi lo là anh không hiểu mẹ con chúng tôi đang cảm thấy ra sao. Tôi sợ con đường anh ấy đã chọn - và rõ ràng là đang nỗ lực theo đuổi - rốt cuộc sẽ gạt phăng mọi mong muốn của chúng tôi. Nhiều năm trước, khi anh đề cập đến chuyện ứng cử nghị sĩ tiểu bang lần đầu tiên, chúng tôi chỉ cần cân nhắc về cuộc sống của hai vợ chồng. Khi đó tôi không hề biết việc nói đồng ý với chính trị sẽ có ý nghĩa ra sao trong tương lai, khi mà chúng tôi có thêm hai đứa trẻ. Nhưng giờ đây tôi đã biết đủ để hiểu là chính trị chưa bao giờ nương tay với các gia đình. Tôi đã lơ mơ nhìn thấy điều đó khi còn ở trung học, qua tình bạn với Santita Jackson, và lại chứng kiến điều đó một lần nữa khi các đối thủ chính trị của Barack lợi dụng chuyện anh đã quyết định ở lại Hawaii khi Malia đổ bệnh để tấn công anh.

Thình thoảng khi xem tin tức hay đọc báo, tôi nhận ra mình thường chăm chú nhìn vào hình ảnh những con người đã hiến thân cho đời sống chính trị - nhà Clinton, nhà Gore, nhà Bush, những bức ảnh cũ của nhà Kennedy - và tự hỏi câu chuyện đằng sau chúng là gì. Tất cả bọn họ có sống một cuộc đời bình thường không? Họ có hạnh phúc hay không? Những nụ cười kia có thật hay không?

Ở nhà, những bức bối của chúng tôi bắt đầu trỗi dậy một cách thường xuyên và dữ dội hơn. Barack và tôi yêu nhau sâu sắc, nhưng bỗng nhiên có một nút thắt không thể tháo gỡ trong mối quan hệ của chúng tôi. Tôi là một phụ nữ ba mươi tám tuổi và đã nhìn thấy những cuộc hôn nhân khác tan rã theo cách khiến tôi cảm thấy cần phải bảo vệ cuộc hôn nhân của mình. Tôi có những người bạn phải trải qua những cuộc chia tay đau đớn, mà nguyên nhân nằm ở những vấn đề nhỏ nhưng không được đề cập, hoặc những thiếu sót trong giao tiếp dẫn đến những hờ hững ngăn cách không sao hàn gắn được. Vài năm trước, anh Craig đã tạm trở về căn phòng trên lầu nơi chúng tôi cùng lớn lên và sống cùng với mẹ sau khi cuộc hôn nhân của anh dần dần tan vỡ trong đau đớn.

Thoạt tiên Barack chần chừ không muốn tiếp nhận các buổi tư vấn hôn nhân. Anh đã quen suy nghĩ những vấn đề phức tạp và tự mình suy luận để tháo gỡ. Ngồi xuống trò chuyện với người lạ khiến anh cảm thấy không thoải mái. Chẳng phải anh có thể chạy ra nhà sách và mua vài quyển sách về quan hệ vợ chồng để tự tìm hiểu hay sao? Chẳng phải chúng tôi có thể tự thảo luận với nhau hay sao? Nhưng tôi muốn được đối thoại thật sự, và được lắng

nghe thật sự, và không phải tranh thủ làm những chuyện đó vào ban đêm hay vào những lúc chúng tôi có thể ở cùng các con. Một vài người quen của tôi đã tìm đến dịch vụ tư vấn hôn nhân và đủ cớ mở để chia sẻ với tôi về trải nghiệm ấy, họ nói nó có hiệu quả. Thế nên tôi đăng ký một cuộc hẹn với một nhà tâm lý do bạn bè giới thiệu ở trung tâm thành phố, và hai chúng tôi đến gặp ông vài lần.

Nhà tư vấn của chúng tôi - bác sĩ Woodchurch, hãy gọi ông ấy như thế - là một người đàn ông da trắng nói năng nhẹ nhàng và luôn mặc quần áo vải kaki. Tôi đã nghĩ ông ấy sẽ lắng nghe những gì chúng tôi trình bày và ngay lập tức công nhận tất cả những nỗi khổ của tôi. Vì từng nỗi đau khổ đó đều hoàn toàn có lý, theo nhìn nhận của tôi. Tôi sẽ đoán Barack cũng cảm thấy tương tự với những nỗi khổ tâm của anh.

Rốt cuộc tôi đã có một khám phá lớn về quá trình tư vấn trị liệu: bác sĩ tư vấn không khẳng định hay công nhận gì cả. Không có bên nào đúng hay sai. Khi đề cập đến những bất đồng giữa hai chúng tôi, bác sĩ Woodchurch không bao giờ khẳng định điều gì. Ngược lại, ông là một người biết lắng nghe một cách cảm thông và kiên nhẫn, hướng dẫn mỗi người chúng tôi đi qua một mê cung cảm xúc và giúp rút bỏ vũ khí ra khỏi vết thương của chúng tôi. Ông nhắc nhở khi chúng tôi trở nên quá cứng nhắc về chuyện đúng sai, và ông đặt ra những câu hỏi đã được cân nhắc kỹ lưỡng để chúng tôi có thể đào sâu suy nghĩ về lý do mình có những cảm xúc như hiện tại. Dần dần, sau nhiều giờ trao đổi, nút thắt dần được tháo gỡ. Mỗi khi rời khỏi phòng tư vấn, Barack và tôi cảm thấy gắn kết với nhau hơn một chút.

Tôi bắt đầu nhận ra là có những cách khác để tôi có thể hạnh phúc hơn mà không cần buộc Barack phải từ bỏ con đường chính trị để nhận một công việc có giờ giấc ổn định từ chín giờ sáng đến sáu giờ chiều hằng ngày. (Những buổi tư vấn của chúng tôi đã cho thấy đó là một kỳ vọng phi thực tế.) Tôi bắt đầu nhận ra mình đã tự nhồi nhét vào mình những gì tiêu cực nhất, với suy nghĩ rằng mọi thứ đều bất công, và rồi miệt mài, như một luật sư học tại Harvard, thu thập bằng chứng để củng cố giả thiết ấy. Giờ đây tôi thử một giả thiết khác: có thể tôi có trách nhiệm với hạnh phúc của bản thân nhiều hơn tôi nghĩ. Ví dụ, tôi quá bận với việc tức giận Barack vì nhét giờ tập thể dục vào lịch trình, đến mức không nhận ra là tôi cũng cần tập thể dục thường xuyên. Tôi dành quá nhiều năng lượng để suy đi nghĩ lại xem anh ấy có về nhà ăn tối hay không, đến mức khiến cho các bữa tối đều chẳng còn gì vui vẻ nữa, dù có hay không có anh ấy.

Đây chính là một bước ngoặt, là thời điểm tôi tự cứu mình. Giống một người leo núi sắp rơi khỏi một đỉnh núi tuyết, tôi cầm chiếc riu phá băng của mình xuống mặt đất. Điều này không có nghĩa là Barack không tự điều chỉnh bản thân - các buổi tư vấn cũng giúp anh nhìn thấy những lỗ hổng trong cách giao tiếp của chúng tôi với nhau, và anh đã cố gắng cải thiện điều đó - nhưng bên cạnh đó tôi cũng có những thay đổi của mình, đó là những thay đổi giúp ích cho tôi và do vậy cũng giúp ích cho cả hai vợ chồng tôi. Chẳng hạn, tôi quay lại với việc chăm sóc cho sức khỏe. Barack và tôi cùng tập tại một phòng gym được điều hành bởi Cornell McClellan, một huấn luyện viên vui vẻ và biết cách truyền động lực. Tôi đã tập với Cornell được vài năm, nhưng việc có con đã thay đổi lịch sinh hoạt của tôi. Giải pháp cho vấn đề này chính là người mẹ luôn-cho-đi của tôi, người vẫn làm việc toàn thời gian nhưng đã tình nguyện đến nhà chúng tôi lúc bốn giờ bốn mươi lăm phút sáng vài ngày trong tuần để tôi có thể đến phòng gym của Cornell và tập cùng một cô bạn vào lúc năm giờ, sau đó về nhà lúc sáu giờ ba mươi phút để đánh thức hai đứa con và chuẩn bị một ngày mới cho các bé. Chế độ mới này thay đổi tất cả: sự điềm tĩnh và sức mạnh, hai thứ mà tôi đã sợ là mình đang đánh mất, giờ đây đã quay trở lại.

Còn khúc mắc với chuyện về-nhà-ăn-com, tôi đã thiết lập những ranh giới mới, hiệu quả hơn với tôi và với bọn trẻ. Chúng tôi lên kế hoạch và làm đúng theo kế hoạch. Bữa tối bắt đầu lúc sáu giờ ba mươi phút mỗi ngày. Đi tắm lúc bảy giờ, sau đó là đọc sách, ôm ấp và tắt đèn đúng tám giờ. Thói quen này được xác lập, và do đó, trách

nhiệm được chuyển sang phía Barack - hoặc anh phải về nhà đúng giờ, hoặc sẽ không kịp tham gia những sinh hoạt đó. Với tôi, như thế có ý nghĩa hơn nhiều so với việc chờ cơm hay buộc bọn trẻ phải chờ súp mí để được cha chúng ôm. Điều này cũng đúng với mong ước của tôi, đó là các con sẽ lớn lên mạnh mẽ và tự tin, đồng thời không dễ chấp nhận bất kỳ chế độ gia trưởng lạc hậu nào. Tôi không bao giờ muốn chúng tin là cuộc sống chỉ bắt đầu khi người đàn ông trở về nhà. Chúng tôi không chờ người cha trở về. Bây giờ người cha đó phải theo lịch trình của chúng tôi.

TRÊN ĐẠI LỘ CLYBOURN Ở CHICAGO, ngay phía bắc khu trung tâm thành phố, có một thiên đường kỳ lạ, nơi dường như được tạo ra để dành riêng cho những ông cha bà mẹ đang đi làm - giống như tôi: một khu mua sắm rất đặc trưng kiểu Mỹ và bán đủ thứ trên đời. Ở đó có cửa hàng quần áo BabyGap, điện máy gia dụng BestBuy, quần áo trẻ em Gymboree và dược mỹ phẩm CVS, cộng với một loạt những thương hiệu lớn nhỏ khác nhằm đáp ứng mọi nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, từ cây thực phẩm hữu cơ, một quả bơ chín cho đến mũ tắm cho trẻ con. Tuyệt vời hơn nữa là gần đó còn có cửa hàng gia dụng Container Store và nhà hàng Chipotle chuyên món Mexico. Đây là nơi dành cho tôi. Tôi có thể đỗ xe, tạt qua hai hay ba cửa hàng khi cần, mua một tô burrito^[1] và trở lại bàn làm việc trong vòng chưa tới sáu mươi phút. Tôi cực giỏi tận dụng giờ nghỉ trưa chớp nhoáng để làm vô số việc, như mua vớ mới để thay cho những đôi vớ bị mất, chọn quà cho đứa trẻ năm tuổi nào đó có tiệc mừng sinh nhật vào thứ Bảy, mua thêm mấy hộp nước trái cây cùng với hộp nước sốt táo loại dùng một lần.

Sasha đã được ba tuổi, còn Malia thì sáu tuổi, cả hai đều hoạt bát, thông minh và chóng lớn. Năng lượng của chúng khiến tôi muốn hụt hơi. Mà chuyện này thỉnh thoảng càng khiến tôi thêm thích khoảng thời gian tại khu trung tâm mua sắm. Có những lần khi đỗ xe rồi ngồi trong đó ăn mấy món thức ăn nhanh một mình trong tiếng radio đang mở, tôi cảm thấy nhẹ nhõm và ấn tượng với hiệu quả làm việc của mình. Đó là cuộc sống khi có con nhỏ. Đó là điều mà đôi khi được xem là thành tựu. Tôi có món sốt táo. Tôi đang dùng bữa. Ai cũng đang sống cuộc đời mình.

Trong những khoảnh khắc đó, dẫu không có ai nghe nhưng tôi vẫn muốn nói, Hãy nhìn xem tôi xoay xở ổn chưa này. Mọi người có thấy tôi đang rất hiệu quả hay không?

Đó là tôi của tuổi bốn mươi, có đôi chút giống June Cleaver và một chút của Mary Tyler Moore. Trong những ngày tươi đẹp hơn, tôi tự ghi công cho bản thân vì đã xoay xở hết chừng đó thứ. Sự cân bằng trong cuộc sống của tôi chỉ đẹp khi được nhìn từ xa, và chỉ khi bạn nhìn phớt qua, nhưng ít nhất thì cũng có điều gì đó mang dáng dấp của sự cân bằng. Công việc ở bệnh viện hóa ra rất tốt, vừa nhiều thử thách lại vừa mang đến cho tôi cảm giác thỏa mãn và phù hợp với những giá trị mà tôi tin tưởng. Thật ra, tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy một cơ sở danh giá như trung tâm y khoa của trường đại học, nơi mà về cơ bản là có chín ngàn năm trăm nhân viên, lại chủ yếu được vận hành bởi những học giả chuyên nghiên cứu y khoa và viết báo cáo khoa học, đồng thời cũng là những người có vẻ e dè với khu dân cư xung quanh đến mức không dám băng qua con đường bên ngoài khuôn viên trung tâm. Nỗi sợ đó của họ lại là động lực của tôi. Nó khiến tôi rời giường mỗi sáng.

Gần như cả đời tôi đã sống với những rào cản đó - tôi chú ý thấy sự lo lắng của người da trắng ở khu phố nhà mình, nhận ra tất cả những phương thức tinh tế nhất mà những nhân vật có tầm ảnh hưởng nào đó dùng để né tránh cộng đồng người da đen và đến với những khu vực giàu có hơn, những cụm dân cư mà dường như ngày càng xa cách với chúng tôi. Và bây giờ tôi có cơ hội để xóa bỏ một phần ranh giới đó, để tháo gỡ những rào cản mà mình có khả năng tháo gỡ - chủ yếu bằng cách khuyến khích mọi người tìm hiểu nhau nhiều hơn. Tôi được sắp mới hết lòng ủng hộ, ông cho tôi được tự do xây dựng chương trình hoạt động để củng cố hơn nữa mối quan hệ giữa bệnh viện và cộng đồng cư dân xung quanh. Ban đầu tôi chỉ có một nhân viên, nhưng dần dần tôi đã dẫn dắt một đội ngũ có hai mươi hai thành viên. Tôi xây dựng những chương trình đưa nhân viên bệnh viện và ủy viên ban quản trị đến các khu dân cư ở South Side, dẫn họ tham quan các trung tâm cộng đồng và trường học, đăng ký cho họ làm gia sư, cố vấn và giám khảo của những sự kiện hội chợ khoa học, tôi cũng đề nghị họ dùng thử những xiên thịt nướng trong hàng quán địa phương. Chúng tôi tạo điều kiện cho những đứa trẻ ở địa phương được quan

sát nhân viên của bệnh viện làm việc, thiết lập chương trình để gia tăng số lượng cư dân đảm nhiệm vai trò tình nguyện viên trong bệnh viện. Đồng thời, thông qua trường y, chúng tôi hợp tác với một học viện để tổ chức khóa học nhằm khuyến khích sinh viên địa phương lựa chọn làm việc trong ngành y. Sau khi nhận ra hệ thống bệnh viện có thể tăng cường hợp tác với những doanh nghiệp thuộc sở hữu của nhóm thiểu số và phụ nữ bằng cách ký kết hợp đồng dịch vụ, tôi cũng giúp bệnh viện thành lập Phòng Đa dạng hóa Quan hệ Doanh nghiệp.

Cuối cùng là vấn đề hỗ trợ những người đang rất cần được điều trị. South Side chỉ có hơn một triệu cư dân và rất thiếu thốn các cơ sở chăm sóc sức khỏe, đó là chưa kể đến một lượng lớn cư dân mắc những chứng bệnh mãn tính như bệnh suyễn, tiểu đường, cao huyết áp và bệnh tim mạch. Với số lượng đông đảo những người không có bảo hiểm và nhiều người khác phải phụ thuộc vào chính sách hỗ trợ y tế Medicaid của chính phủ, phòng cấp cứu của bệnh viện trường đại học thường bị quá tải - họ là những người thường chọn cách điều trị “cầm chừng” định kỳ hoặc đã lâu không được sử dụng các biện pháp phòng ngừa, nên giờ đây nhu cầu được hỗ trợ y tế của họ là vô cùng cấp bách. Đây là vấn đề rất nghiêm trọng, đắt đỏ, căng thẳng và nằm ngoài khả năng giải quyết của những người có liên quan. Bên cạnh đó, các lần khám cấp cứu cũng không giúp ích gì nhiều cho sức khỏe lâu dài của bệnh nhân. Tìm cách giải quyết vấn đề này là mối quan tâm hàng đầu của tôi. Một trong những giải pháp là chúng tôi bắt đầu thuê và đào tạo chuyên viên bảo vệ quyền lợi bệnh nhân, đó là những người dân bản địa thân thiện và có năng lực, có thể ngồi trò chuyện với bệnh nhân trong phòng cấp cứu, giúp họ lên lịch hẹn tái khám tại các trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng và hướng dẫn cho họ biết những trung tâm uy tín để thăm khám sức khỏe định kỳ với chi phí vừa phải.

Công việc của tôi thú vị và xứng đáng với công sức bỏ ra, nhưng tôi vẫn phải cẩn thận không để nó nuốt chửng. Tôi cảm thấy mình nợ các con chuyện đó. Chúng tôi đã quyết định để sự nghiệp chính trị của Barack tiếp tục tiến triển - cho anh được tự do định hình và theo đuổi ước mơ của mình, và điều này buộc tôi phải kiểm chế nhiệt huyết của mình trong công việc. Tôi gần như phải cố ý nhắm mắt làm ngơ với một phần tham vọng của bản thân, phải lùi lại vào những lúc mà bình thường tôi sẽ tiến lên. Tôi không rõ có người nào xung quanh nói rằng tôi không nỗ lực hết sức hay không, nhưng lúc nào tôi cũng ý thức được tất cả những việc mình có thể làm nhưng đã quyết định không làm. Có những dự án quy mô nhỏ mà tôi chọn không tiếp nhận. Có những nhân viên trẻ tuổi lẽ ra có thể được tôi hướng dẫn tốt hơn. Bạn thường nghe nói về tất cả những sự đánh đổi mà một người mẹ vừa đi làm vừa nuôi con phải chấp nhận. Và đây là những đánh đổi của tôi. Nếu trước đây tôi từng là một người toàn tâm toàn ý dấn thân cho mọi nhiệm vụ, thì giờ đây tôi cẩn trọng hơn và sử dụng thời gian của mình có chọn lọc hơn vì biết rằng tôi phải duy trì đủ năng lượng cho cuộc sống gia đình.

MỤC TIÊU CỦA TÔI chủ yếu là duy trì cuộc sống bình thường và ổn định, nhưng đó không phải là mục tiêu của Barack. Chúng tôi đã hiểu nhau hơn để nhận ra và chấp nhận điều này. Một âm, một dương. Tôi khao khát sự ổn định và trật tự, còn anh thì không. Anh ấy có thể sống giữa đại dương, còn tôi cần con thuyền. Ít nhất thì khi có mặt ở nhà, anh hết mực toàn tâm toàn ý với gia đình - anh chơi với các con trên sân nhà, đọc Harry Potter cho Malia nghe vào buổi tối, cười to trước những câu đùa của tôi và ôm tôi thật chặt, nhắc nhở tất cả chúng tôi về tình yêu thương và lòng chung thủy của anh dành cho gia đình, rồi lại biến mất khoảng nửa tuần hoặc có khi lâu hơn. Chúng tôi tận dụng những khoảng thời gian rỗi trong lịch trình của anh để dùng bữa chung và gặp gỡ bạn bè. (Thỉnh thoảng) anh nuông chiều tôi bằng việc đồng ý xem phim Sex and the City. (Thỉnh thoảng) tôi chiều anh bằng cách xem phim The Sopranos.

Tôi đã chấp nhận một thực tế là xa nhà chỉ là một phần công việc của anh. Tôi không thích chuyện đó, nhưng tôi đã ngừng đấu tranh với nó. Barack có thể vui vẻ kết thúc một ngày tại một khách sạn xa xôi nào đó, với đủ thứ

giao tranh chính trị vẫn đang âm ỉ và rất nhiều vấn đề còn để ngỏ. Trong khi đó, tôi sống vì mái ấm gia đình - vì cảm giác trọn vẹn mà tôi cảm thấy hàng đêm khi đưa Sasha và Malia vào giường ngủ và khi tiếng máy rửa chén chạy ro ro trong bếp.

Dù sao thì tôi cũng không có lựa chọn nào khác ngoài việc thích nghi với sự vắng mặt của Barack, vì việc đó sẽ không có hồi kết. Bên cạnh công việc thường nhật, một lần nữa anh lại ra vận động tranh cử, lần này là cho một ghế trong Thượng viện Hoa Kỳ, ngay trước thềm cuộc bầu cử mùa thu năm 2004.

Anh ngày càng bận rộn với những hoạt động ở Springfield, chán nản với cách làm việc vòng vo của chính quyền tiểu bang và tin là mình có thể làm được nhiều việc hơn và hiệu quả hơn ở Washington. Vì tôi có vô vàn lý do để phản đối ý tưởng tranh cử vào Thượng viện, và vì anh ấy cũng có những quan điểm cần trình bày, vào khoảng giữa năm 2002, chúng tôi tổ chức một bữa ăn sáng muộn để họp mặt với mười mấy người bạn thân thiết nhất của cả hai tại nhà chị Valerie Jarrett, với mục đích là chia sẻ chuyện tranh cử này và lắng nghe ý kiến của mọi người.

Chị Valerie sống trong một tòa nhà cao tầng ở khu Công viên Hyde không quá xa chỗ chúng tôi. Căn hộ của chị gọn gàng và hiện đại, có tường trắng, nội thất trắng và những nhánh hoa lan rực rỡ điểm xuyết thêm màu sắc. Khi đó chị đang là phó chủ tịch điều hành tại một công ty bất động sản và là ủy viên ban quản trị của Trung tâm Y khoa Đại học Chicago. Chị ủng hộ các nỗ lực của tôi tại Public Allies hỏi tôi còn làm việc ở đó, và chị giúp gây quỹ cho nhiều chiến dịch của Barack, vận dụng mạng lưới quan hệ rộng khắp của mình để hỗ trợ mọi hoạt động của chúng tôi. Vì điều này, và vì sự nồng nhiệt, khôn ngoan của chị, Valerie đã có một vị trí kỳ lạ trong cuộc sống của vợ chồng chúng tôi. Tình bạn của chúng tôi mang tính cá nhân ngang ngửa với tính công việc. Chị thân thiết với tôi và cả với Barack, điều mà theo kinh nghiệm của tôi là rất hiếm thấy đối với bất kỳ đôi vợ chồng nào. Tôi có hội các bà mẹ quyền lực của mình, còn Barack tranh thủ thời gian rảnh để chơi bóng rổ với nhóm bạn thân. Chúng tôi có những người bạn tuyệt vời cũng là những cặp vợ chồng, con của họ chơi với mấy đứa trẻ nhà chúng tôi, và gia đình tôi thích đi du lịch với gia đình họ. Nhưng chị Valerie thì khác, chị vừa là một người chị lớn của mỗi người chúng tôi, vừa là người giúp chúng tôi nhìn nhận những tình huống tiến thoái lưỡng nan của mình một cách rõ ràng hơn. Chị hiểu chúng tôi, hiểu mục tiêu của chúng tôi và che chở cho cả hai chúng tôi.

Chị cũng đã nói riêng với tôi trước cuộc họp mặt rằng chị không nghĩ Barack nên tranh cử vào Thượng viện, vậy nên tôi đến nhà chị vào hôm đó với suy nghĩ là mình nắm phần thắng trong cuộc tranh luận này.

Nhưng tôi đã lầm.

Hôm đó Barack giải thích rằng cuộc đua thượng viện lần này là cơ hội có một không hai. Anh cảm thấy mình thật sự có cơ hội. Thượng nghị sĩ đương nhiệm Peter Fitzgerald là đảng viên Cộng hòa bảo thủ trong một tiểu bang ngày càng có nhiều người ủng hộ Đảng Dân chủ, và ông ấy đang gặp khó khăn trong việc duy trì sự ủng hộ từ chính đảng của mình. Nhiều khả năng sẽ có nhiều ứng viên chạy đua ở vòng tranh cử sơ bộ, đồng nghĩa với việc Barack chỉ cần thu được đa số phiếu bầu là có thể chiến thắng vòng đề cử trong Đảng Dân chủ. Về tiền bạc, anh ấy bảo đảm là không cần động đến tiền riêng của hai chúng tôi. Khi tôi hỏi làm sao chúng tôi có thể trang trải chi phí khi có hai ngôi nhà, một ở Washington và một ở Chicago, anh đáp, “À, anh sẽ viết thêm một quyển sách và nó sẽ là một quyển bán chạy, một quyển sách hái ra tiền”.

Câu trả lời này khiến tôi cười phá lên. Barack là người duy nhất mà tôi biết có kiểu niềm tin như thế, niềm tin là một quyển sách có thể giải quyết bất kỳ vấn đề gì. Tôi đã trêu rằng anh ấy giống cậu bé trong câu chuyện “Jack và Cây đậu thần”, người đánh đổi kế sinh nhai của gia đình để lấy một nắm đậu thần và hết mực tin là những hạt đậu đó sẽ mang lại điều kỳ diệu, kể cả khi không có ai khác tin điều đó.

Trên tất cả những phương diện khác, logic của Barack chặt chẽ đến đáng sợ. Trong khi Barack đang nói, tôi quan sát về mặt chị Valerie và nhận ra Barack đang nhanh chóng thuyết phục chị, anh có câu trả lời cho mọi câu hỏi “thế còn... thì sao?” mà chúng tôi có thể đặt ra cho anh. Tôi biết những điều anh đang nói đều có lý, ngay cả tôi cũng đấu tranh chống lại thôi thúc tính toán tổng số thời gian cộng thêm mà anh ấy sẽ xa gia đình, đó là chưa kể viễn cảnh chuyển sang Washington sinh sống. Dù chúng tôi tranh cãi về những khó khăn mà sự nghiệp chính trị của anh gây ra cho cuộc sống gia đình suốt nhiều năm qua, nhưng tôi thật sự yêu thương và tin tưởng Barack. Hiện tại anh đã là người đàn ông của hai gia đình, sự quan tâm của anh chia đôi, một phần dành cho tôi và hai cô con gái, một phần dành cho khoảng hai trăm ngàn cử tri South Side. Thế thì việc chia sẻ anh với tiểu bang Illinois có gì khác nhau không? Tôi không biết, nhưng tôi cũng không thể ngăn cản khát vọng của anh, cái khát vọng luôn thôi thúc anh nỗ lực nhiều hơn.

Và thế là hôm đó chúng tôi đã có một thỏa thuận. Chị Valerie đồng ý phụ trách phần tài chính cho chiến dịch tranh cử vào Thượng viện của Barack. Một vài người bạn của chúng tôi đồng ý đóng góp thời gian và tiền bạc vào chiến dịch. Tôi chấp nhận tất cả, chỉ kèm theo một cảnh báo quan trọng, được lặp đi lặp lại to và rõ để mọi người đều nghe thấy: nếu thất bại, anh sẽ rời khỏi chính trường và tìm cho mình một công việc khác. Nếu anh không chiến thắng trong ngày bầu cử, đó sẽ là dấu chấm hết.

Thật sự là vậy, đó sẽ là dấu chấm hết.

Thế nhưng những chuyện xảy ra sau đó với Barack lại là một chuỗi may mắn. Trước hết, Peter Fitzgerald quyết định không tái tranh cử, mở đường cho các đối thủ và những ứng viên mới như chồng tôi. Tiếp theo, khá kỳ lạ là cả người dẫn đầu của Đảng Dân chủ trong vòng sơ bộ và ứng viên tiếp theo của Đảng Cộng hòa đều vướng vào những vụ tai tiếng liên quan đến vợ cũ. Chỉ vài tháng trước thêm bầu cử, Barack thậm chí còn chẳng có một đối thủ nào từ Đảng Cộng hòa.

Chắc chắn là anh đã thực hiện một chiến dịch tranh cử xuất sắc, rút kinh nghiệm từ lần ứng cử vào Quốc hội. Anh đánh bại bảy đối thủ lớn và giành được hơn một nửa số phiếu để được đề cử. Mặc dù đã đi khắp tiểu bang và tiếp xúc với những cử tri tiềm năng, ở nhà anh vẫn là con người mà tôi biết - hài hước và quyến rũ, thông minh và chu đáo. Những câu trả lời thận trọng và tỉ mỉ quá mức của anh dành cho các câu hỏi được đặt ra trên các diễn đàn ở tòa thị chính và tại các cuộc tranh luận trong chiến dịch vận động tranh cử dường như chỉ củng cố sự thật rằng anh ấy thuộc về Thượng viện. Nhưng bên cạnh những nỗ lực đó thì con đường đến Thượng viện của Barack có vẻ được lát bằng sự may mắn.

Tất cả những điều này đều diễn ra trước khi John Kerry mời Barack diễn thuyết tại Đại hội toàn quốc Đảng Dân chủ năm 2004 tại Boston. Kerry, khi ấy là thượng nghị sĩ bang Massachusetts, đang trong cuộc cạnh tranh khốc liệt tranh chức tổng thống với George W. Bush.

Trong khi đó, chồng tôi vẫn là một nhân vật vô danh - một nhà lập pháp khiêm tốn chưa từng đứng trước một đám đông có mười lăm ngàn người hoặc nhiều hơn như đám đông tại Boston. Anh ấy chưa từng sử dụng máy nhắc chữ, chưa từng lên sóng truyền hình trực tiếp vào giờ cao điểm. Anh là người mới, một người da đen trong lĩnh vực mà xưa nay thuộc về người da trắng, một người bỗng nhiên xuất hiện với cái tên kỳ lạ và lý lịch kỳ lạ, hy vọng có thể đón nhận sự đồng tình từ các thành viên Đảng Dân chủ. Theo lời nhận xét sau này của các nhà bình luận trong giới chuyên môn, chọn Barack Obama để diễn thuyết trước hàng triệu khán giả là một nước cờ mạo hiểm.

Ấy vậy mà với cách thức kỳ lạ của mình, dường như anh được sinh ra cho giây phút định mệnh đó. Tôi biết điều đó vì tôi đã tận mắt thấy tâm trí của anh không ngừng khuấy động. Suốt nhiều năm, tôi đã thấy anh đọc đủ

loại sách vở, báo chí và tiếp thu các ý tưởng, thấy anh hào hứng mỗi khi nói chuyện với những người có thể mang đến những kinh nghiệm hay tri thức mới mẻ. Anh góp nhặt tất cả những thứ đó. Giờ đây tôi nhận ra anh đang xây dựng một tầm nhìn - và đó không phải là một tầm nhìn nhỏ hay hạn hẹp. Đó chính là thứ mà tôi đã chấp nhận dành chỗ cho nó trong cuộc sống chung của chúng tôi, để cùng tồn tại với nó, dù là miễn cưỡng. Đôi khi chuyện đó khiến tôi phát bực, nhưng đó cũng là điều mà tôi không thể phủ nhận nơi anh. Anh đã lặng lẽ và tỉ mỉ vun đắp cho tầm nhìn ấy kể từ khi chúng tôi mới quen biết nhau. Và giờ đây có lẽ số lượng khán giả cuối cùng cũng đáp ứng được quy mô mà anh tin là mình có khả năng đạt được. Anh đã sẵn sàng cho nhiệm vụ đó. Tất cả những gì anh cần làm là cất tiếng nói.

“CHẮC HẸN ĐÓ LÀ một bài diễn thuyết hay” đã trở thành điệp khúc của tôi từ đó về sau. Đó là một câu đùa giữa tôi và Barack, câu đùa mà tôi thường lặp lại và với một chút châm biếm từ sau đêm hôm đó - ngày 27 tháng Bảy năm 2004.

Tôi đã để bọn trẻ ở nhà với bà ngoại và bay sang Boston để nghe bài diễn thuyết của anh. Tôi đứng trong cánh gà của trung tâm hội nghị khi Barack bước vào ánh đèn sân khấu nóng bức và đứng trước ánh mắt của hàng triệu con người. Anh hơi lo lắng, và tôi cũng thế, dù chúng tôi đều quyết không thể hiện điều đó ra ngoài. Dù sao thì đây cũng là cách của Barack. Càng chịu nhiều áp lực thì anh càng điềm tĩnh. Anh đã dành vài tuần để soạn bài phát biểu của mình, tranh thủ khoảng thời gian giữa các lần bầu cử thượng viện Illinois. Anh ghi nhớ những lời lẽ của mình và tập dượt cẩn thận, đến mức anh không thật sự cần dùng máy nhắc chữ, trừ khi nỗi sợ của anh bị kích thích và tâm trí anh trở nên trống rỗng. Nhưng chuyện đã không xảy ra như vậy. Barack nhìn khán giả và nhìn vào máy quay, và như thể đã kích hoạt cỗ máy nào đó trong đầu mình, anh chỉ mỉm cười và bắt đầu vào cuộc.

Tối hôm đó, anh phát biểu khoảng mười bảy phút, giới thiệu về bản thân và xuất thân của mình - anh kể ông ngoại anh là lính bộ binh dưới trướng tướng Patton, bà ngoại anh làm việc trong dây chuyền lắp ráp sản phẩm trong suốt cuộc chiến, cha anh từng là người chăn nuôi dê ở Kenya, rồi anh nói về tình yêu không bền vững của cha mẹ, về niềm tin của họ - rằng một nền giáo dục tốt có thể mang lại điều gì cho đứa con trai không có xuất thân giàu sang hay mối quan hệ rộng rãi. Một cách thành thật và tài tình, anh không đóng vai người ngoài cuộc, mà trái lại, anh chứng tỏ mình là hiện thân đích thực của câu chuyện nước Mỹ. Anh nhắc những khán thính giả của mình rằng một quốc gia không thể chỉ đơn giản phân chia thành phe xanh và phe đỏ, rằng chúng ta đoàn kết với nhau bởi tình cảm giữa người với người, bởi mong muốn được quan tâm cả xã hội. Anh kêu gọi mọi người hãy hy vọng thay vì nghi kỵ. Anh nói bằng hy vọng, dấy lên hy vọng và thật sự là gần như đã hát bài ca hy vọng.

Đó là mười bảy phút thể hiện sự vận dụng ngôn ngữ tài tình và trôi chảy của Barack, là mười bảy phút bày tỏ sự lạc quan sâu sắc và đáng kinh ngạc của anh. Khi anh kết thúc bài diễn văn, với cú chốt hạ dành cho John Kerry và ứng viên phó tổng thống John Edwards, đám đông đã đứng lên và tung hô vang dội, những tràng pháo tay đồng loạt nổ lên dưới khán đài. Tôi bước ra sân khấu, bước vào ánh sáng chói lòa với đôi giày cao gót và bộ vét trắng để ôm chúc mừng Barack trước khi cùng anh vẫy tay với những khán giả đang vô cùng hào hứng.

Bầu không khí ở đó rất sôi nổi, âm thanh thì ồn ào vô cùng. Anh chàng Barack đó, con người từ tế với một trí tuệ to lớn và niềm tin thực thụ vào nền dân chủ đó, đã không còn là một bí mật nữa. Tôi tự hào về những gì anh ấy đã làm, dù chuyện đó không khiến tôi ngạc nhiên. Đây là người đàn ông mà tôi đã kết hôn. Từ lâu tôi đã biết khả năng của anh. Ngẫm lại, có lẽ đó chính là lúc tôi đã lặng lẽ buông bỏ suy nghĩ là anh sẽ quay đầu, rằng anh mãi mãi chỉ thuộc về tôi và hai cô con gái. Nữa đi nào, nửa đi nào, nửa đi nào. Tôi có thể nghe thấy điều đó giữa tiếng vỗ tay vang dội.

Phản ứng của truyền thông trước bài diễn thuyết của Barack được thể hiện qua những lời ngoa dụ. “Tôi vừa gặp được vị tổng thống da đen đầu tiên”, Chris Matthews khẳng định với những bình luận viên kiêm đồng nghiệp của mình trên đài NBC. Tiêu đề trên trang nhất của tờ Chicago Tribune ngày hôm sau chỉ vồn vện vài chữ, “Nhân tài kiệt xuất”. Điện thoại di động của Barack bắt đầu reng không ngừng. Các chuyên gia bình luận trên kênh truyền hình cáp gọi anh là “ngôi sao nhạc rock” và “một thành công bất ngờ”, như thể anh ấy chưa từng nỗ lực nhiều năm trời để chuẩn bị cho giây phút xuất hiện trên sân khấu, như thể bài diễn thuyết đã tạo ra anh ấy chứ không phải anh ấy tạo ra nó. Thế nhưng bài diễn thuyết vẫn là khởi đầu của điều gì đó mới mẻ, không chỉ cho anh mà còn cho chúng tôi, cả gia đình chúng tôi. Cuộc sống của chúng tôi bị phơi bày ở một mức độ mới, và chúng tôi bị cuốn vào làn sóng kỳ vọng của người khác.

Toàn bộ chuyện này thật khó tin, và tất cả những gì tôi có thể làm là nói đùa về nó.

“Đó chắc hẳn là một bài diễn thuyết hay”, tôi nhún vai khi người ta bắt đầu chặn Barack lại trên đường để xin chữ ký hoặc nói cho anh biết là họ rất thích những điều anh nói. “Đó chắc hẳn là một bài diễn thuyết hay”, tôi nói khi chúng tôi bước ra khỏi một nhà hàng ở Chicago và thấy một đám đông đã tụ tập trên lề đường để chờ anh. Tôi cũng nói câu tương tự khi các nhà báo bắt đầu hỏi ý kiến của Barack về những vấn đề hệ trọng của quốc gia, khi những chiến lược gia chính trị cộm cán bắt đầu vo ve quanh anh, và khi quyển sách *Dreams from My Father* được tái bản dưới dạng bìa mềm và lọt vào danh sách bestseller của tờ New York Times sau chín năm xuất bản mà không được ai ngó ngang.

“Đó chắc hẳn là một bài diễn thuyết hay”, tôi lặp lại khi Oprah Winfrey rạng rỡ và tràn đầy năng lượng xuất hiện trước cửa nhà chúng tôi để phỏng vấn chúng tôi cả ngày hôm đó cho tờ tạp chí của chị.

Chuyện gì đang xảy ra với chúng tôi? Tôi gần như không thể nắm bắt được. Vào tháng Mười Một, Barack được bầu vào Thượng viện Hoa Kỳ, giành được 70% phiếu bầu trên toàn bang, tỷ lệ cao nhất trong lịch sử Illinois và chiến thắng vang dội nhất trong tất cả những cuộc tranh cử Thượng viện diễn ra trong năm đó trên cả nước Mỹ. Anh có được một lượng lớn phiếu bầu từ các cử tri da đen, da trắng và gốc Latin; phụ nữ và đàn ông; người giàu và người nghèo; dân thành thị, ngoại thành và nông thôn. Một lần nọ, chúng tôi đến Arizona trong một kỳ nghỉ ngắn, và anh ấy đã được vây quanh bởi những con người thiện chí ở đó. Đối với tôi thì chuyện này giống như một thước đo kỳ lạ nhưng chân thực về danh tiếng của anh: giờ đây ngay cả người da trắng cũng thừa nhận anh.

TÔI GIỮ LẤY NHỮNG GÌ CÒN LẠI của cuộc sống bình thường và sống với nó. Khi chúng tôi ở nhà, mọi thứ đều như cũ. Khi chúng tôi ở bên bạn bè và người thân, mọi thứ đều như cũ. Với lũ trẻ, mọi thứ luôn như cũ. Nhưng bên ngoài thì mọi chuyện đã khác. Barack liên tục đi đi về về giữa Washington và Chicago. Anh có một văn phòng trong Thượng viện và căn hộ trong một tòa nhà cũ kỹ ở Đồi Capitol, đó là căn hộ nhỏ có một phòng ngủ đã chật đóng sách vở và báo chí, là cái ổ xa nhà của anh. Mỗi khi đến thăm anh, tôi và bọn trẻ thậm chí còn không buồn giả vờ là muốn ở lại căn hộ đó, mà chúng tôi sẽ đặt một phòng khách sạn cho cả nhà.

Tôi vẫn duy trì thói quen của mình ở Chicago. Gym, công việc, về nhà, cứ thế lặp lại. Cho chén đĩa vào máy rửa chén. Học bơi, bóng đá, múa ba-lê. Tôi duy trì nhịp sống như trước giờ vẫn thế. Barack có cuộc sống riêng ở Washington, vận hành nó với tinh thần của một thượng nghị sĩ, còn tôi vẫn là chính tôi, vẫn sống cuộc đời bình thường của mình. Một ngày nọ, khi tôi đang đỗ xe ở khu trung tâm mua sắm trên Đại lộ Clybourn, ăn Chipotle và tận hưởng một chút thời gian riêng tư sau khi tạt qua BabyGap, thì thư ký của tôi gọi điện thoại đến và hỏi xem cô ấy có thể kết nối tôi với một cuộc gọi hay không. Đó là cuộc gọi của một phụ nữ ở Washington - một người tôi chưa từng gặp, vợ của một thượng nghị sĩ khác - cô ấy đã tìm cách liên lạc với tôi nhiều lần.

“Được, nói máy cho tôi đi.”

Và giọng nói của cô ấy vang lên, dễ chịu và ấm áp. “Xin chào!”, cô nói. “Tôi rất mừng vì cuối cùng cũng được trò chuyện với chị!”

Tôi nói là tôi cũng rất vui được nói chuyện với cô ấy.

Cô ấy tiếp lời, “Tôi chỉ gọi để gửi lời chào đến chị và mời chị tham gia một sự kiện rất đặc biệt”.

Cô ấy gọi đến để đề nghị tôi gia nhập một tổ chức tư nhân, một câu lạc bộ mà theo những gì tôi hình dung từ mô tả của cô ấy là nơi chủ yếu bao gồm phu nhân của những nhân vật quan trọng ở Washington. Họ thường xuyên gặp nhau để dùng bữa trưa và thảo luận những vấn đề trong ngày. “Đây là một cách hay để mọi người gặp gỡ nhau, và tôi biết không phải lúc nào mọi thứ cũng dễ dàng khi chị là người mới”, cô ấy nói tiếp.

Suốt đời mình, tôi chưa bao giờ được mời tham gia một câu lạc bộ nào cả. Tôi đã nhìn bạn bè trung học của mình đi trượt tuyết với nhóm của họ tại câu lạc bộ “Jack and Jill”. Ở Princeton, thỉnh thoảng tôi chờ Suzanne về phòng sau các bữa tiệc tại câu lạc bộ ẩm thực, những lúc đó cô ấy ngà ngà say và thường cười khúc khích. Một nửa số luật sư ở Sidley dường như cũng tham gia các câu lạc bộ thể thao ngoài trời. Tôi từng đến nhiều câu lạc bộ trong số đó để quyên tiền cho Public Allies và cho các chiến dịch của Barack. Nhìn chung, các câu lạc bộ là nơi đầy tiền - đó là điều bạn có thể sớm nhận ra. Bạn là thành viên của một câu lạc bộ không chỉ có nghĩa là bạn thuộc về nơi đó.

Cô ấy đang đưa ra một lời đề nghị tử tế, xuất phát từ sự chân thành, nhưng tôi lại rất vui được từ chối lời đề nghị đó.

“Cảm ơn chị”, tôi trả lời. “Thật vui khi chị đã nghĩ đến tôi. Nhưng thật ra, vợ chồng chúng tôi đã quyết định là tôi sẽ không dọn đến Washington”. Tôi nói với cô ấy là chúng tôi có hai cô con gái đang đi học ở Chicago, và tôi rất gắn bó với công việc hiện tại. Tôi giải thích rằng Barack đang ổn định cuộc sống ở Washington và về nhà khi nào anh ấy có thể. Tôi không đề cập đến việc chúng tôi gắn bó với Chicago đến mức đang tìm mua một căn nhà mới, nhờ vào khoản tiền tác quyền mà chúng tôi bắt đầu có được từ việc tái bản quyền sách bán chạy của anh và việc anh đã nhận được một lời đề nghị hào phóng dành cho quyền sách thứ hai - một sự thu hoạch bất ngờ đến từ những hạt đậu thần của Barack.

Vị phu nhân chính khách đó ngừng một chút, để cho một khoảng lặng tĩnh tế trôi qua. Rồi cô ấy nói tiếp, vẫn với giọng nhỏ nhẹ. “Tình trạng đó có thể không tốt cho đời sống hôn nhân đâu, chị biết đấy, khi mà gia đình phải sống xa nhau.”

Tôi hiểu nhận định của cô ấy. Cô ấy đã sống ở Washington nhiều năm. Ý của cô ấy là cô ấy đã nhìn thấy những chuyện không tốt đẹp xảy ra khi hai vợ chồng sống xa nhau, là tôi đang đưa ra một lựa chọn nhiều rủi ro, đồng thời cô ấy cũng có ngụ ý rằng chỉ có một cách để làm vợ của một thượng nghị sĩ và tôi đang chọn sai cách.

Tôi cảm ơn cô ấy một lần nữa, gác máy và thở dài. Ngay từ đầu, tôi nào có lựa chọn bất kỳ chuyện gì trong tất cả những chuyện này. Tất cả đều không phải là lựa chọn của tôi. Cũng như cô ấy, hiện tại tôi là vợ một thượng nghị sĩ Mỹ - là “bà Obama”, cô ấy đã gọi tôi như thế trong suốt cuộc trò chuyện - nhưng điều này không có nghĩa là tôi phải từ bỏ mọi thứ để hỗ trợ anh. Thật ra, tôi không muốn từ bỏ bất kỳ điều gì.

Tôi biết có những thượng nghị sĩ khác đã quyết định sống cùng người bạn đời của mình ở quê nhà thay vì dọn tới Washington. Tôi biết Thượng viện, nơi mười bốn trên một trăm thành viên là phụ nữ, đã không còn quá cổ hủ như trước. Thế nhưng tôi vẫn cảm thấy thật không cần thiết khi một phụ nữ khác nói rằng tôi đã sai khi muốn để các con tiếp tục theo học trường cũ và duy trì công việc hiện tại của mình. Vài tuần sau cuộc bầu cử, tôi đã cùng Barack đến Washington để tham dự buổi giới thiệu kéo dài một ngày dành cho các thượng nghị sĩ vừa được bầu và vợ chồng của họ. Chỉ có vài người chúng tôi tham gia sự kiện năm đó, và sau phần giới thiệu ngắn, các chính trị

gia tách ra để đi cùng nhau, trong khi vợ hoặc chồng họ thì được dẫn vào một căn phòng khác. Tôi mang nhiều thắc mắc khi đến đó, biết rằng các chính trị gia và gia đình của họ cần tuân thủ chính sách đạo đức công việc nghiêm ngặt của liên bang về mọi thứ, từ những người mà họ được phép nhận quà cáp cho đến cách họ chi trả các chuyến đi và về giữa nhà và Washington. Tôi nghĩ có lẽ chúng tôi sẽ trao đổi về cách ứng xử trong các tình huống giao tiếp với các nhà vận động hành lang hay về những vấn đề pháp lý liên quan đến việc huy động tiền cho các chiến dịch trong tương lai.

Tuy nhiên, những gì chúng tôi nhận được là một bài diễn văn công phu về lịch sử và kiến trúc của tòa nhà Quốc hội, chiêm ngưỡng những mẫu gốm sứ ở Thượng viện, theo sau là một bữa tiệc trưa trong bầu không khí trang trọng nhưng cởi mở để mọi người trò chuyện với nhau. Buổi giới thiệu kéo dài nhiều giờ liền. Có lẽ đó sẽ là một sự kiện vui vẻ nếu tôi không phải xin nghỉ một ngày và gửi hai đứa trẻ cho bà ngoại để đến đây. Khi đảm nhiệm vai trò vợ của một chính khách, tôi muốn nghiêm túc hoàn thành vai trò đó. Tôi chẳng quan tâm bản chất của chính trị, nhưng cũng không muốn làm hỏng việc.

Sự thật là Washington khiến tôi bối rối với những truyền thống danh giá và sự trang nghiêm của địa danh này, với sự áp đảo của người da trắng và nam giới ở đây, cũng như với việc các phu nhân dùng bữa trưa ở một nơi riêng. Cốt lõi của sự bối rối đó là một nỗi sợ, vì dù rất không muốn trở thành một phần của tất cả những chuyện này nhưng tôi vẫn bị cuốn vào. Tôi đã là “bà Obama” suốt mười hai năm qua, nhưng giờ đây điều này bắt đầu mang một ý nghĩa khác. Ít nhất là trong vài phương diện nào đó, giờ đây “bà Obama” cho tôi cảm giác bị bó hẹp trong một vai trò nhỏ hơn, một người vợ có nhân dạng được định đoạt bởi chồng mình. Tôi là vợ của Barack Obama - ngôi sao nhạc rock trong giới chính trị, thượng nghị sĩ da đen duy nhất trong Thượng viện lúc bấy giờ, người đã nói về hy vọng và sự khoan dung một cách sâu sắc đến mức giờ đây người ta đặt rất nhiều kỳ vọng vào anh.

Chồng tôi là thượng nghị sĩ, nhưng theo cách nào đó, người ta dường như muốn vượt qua giới hạn đó. Người ta muốn biết anh ấy có tranh cử tổng thống năm 2008 hay không. Đó là vấn đề mà ai cũng thắc mắc. Mọi phóng viên đều đặt ra câu hỏi đó. Gần như tất cả những người gặp anh ấy trên đường đều hỏi câu đó. Đồng nghiệp của tôi ở bệnh viện cũng đứng trước cửa phòng làm việc của tôi và hỏi về vấn đề này một cách tự nhiên, nhằm nghe ngóng xem có thu được tin tức mới nào không. Kể cả bé Malia, mới sáu tuổi rưỡi vào ngày con bé mặc một chiếc váy vải nhung màu hồng và đứng cạnh Barack khi anh tuyên thệ nhậm chức ở Thượng viện với Phó tổng thống Dick Cheney, cũng muốn biết. Tuy nhiên, không như những người khác, cô con gái học lớp một của chúng tôi đủ thông minh để cảm nhận là thời điểm vẫn chưa chín muồi.

“Cha ơi, cha đang cố gắng để trở thành tổng thống sao?”, con bé hỏi. “Cha có nghĩ là nên làm phó hay gì đó trước đã không?”

Về chuyện này thì tôi đồng tình với Malia. Vốn là một người thực dụng, tôi luôn chọn phương pháp chậm mà chắc, cẩn thận hoàn thành từng bước một cách bài bản. Tôi bẩm sinh là người ủng hộ sự chờ đợi lâu dài và thận trọng. Về vấn đề này, tôi cảm thấy thoải mái hơn mỗi lần nghe Barack dùng thái độ khiêm tốn để đẩy lùi những lời dò hỏi, xua tan những nghi vấn về việc tranh cử chức tổng thống và nói rằng dự định duy nhất của anh hiện nay là tập trung làm việc thật tốt ở Thượng viện. Anh thường nhắc nhở mọi người rằng anh chỉ là một thành viên cấp thấp của đảng thiểu số, một cầu thủ dự bị nếu có một vị trí nào như thế. Và đôi khi anh còn bổ sung rằng anh còn phải nuôi nấng hai đứa con.

Nhưng trông trận đã vang và rất khó để dừng cuộc chiến lại. Barack đang viết một bản thảo mà sau này trở thành quyển *The Audacity of Hope*, anh gói ghém niềm tin và tầm nhìn của mình dành cho quốc gia vào những

con chữ trên mặt giấy. Anh nói với tôi là anh thật sự thỏa mãn với vị trí hiện tại, khi được từ từ bồi đắp tầm ảnh hưởng của mình, chờ đợi đến lượt mình lên tiếng trong những cuộc tranh luận có phần lộn xộn ở Thượng viện. Nhưng rồi một cơn bão ập đến.

Con bão Katrina đã tàn phá vùng duyên hải Vịnh Mexico nước Mỹ vào cuối tháng Tám năm 2005, ào ạt tràn qua những con đê ở New Orleans, làm ngập úng những vùng trũng, khiến rất nhiều người - chủ yếu là người da đen - rơi vào cảnh “mắc cạn” trên nóc những ngôi nhà đã bị bão phá hủy của mình. Hậu quả của cơn bão rất khủng khiếp, các báo cáo của giới truyền thông cho thấy bệnh viện không có điện dự phòng, các gia đình tang thương bị dồn vào nơi trú tạm ở sân vận động, nhân viên cứu hộ gặp nhiều khó khăn vì thiếu trang thiết bị. Có khoảng một ngàn tám trăm người thiệt mạng, hơn nửa triệu người bị mất nhà cửa, và thảm kịch này càng thêm nặng nề bởi sự can thiệp kém cỏi của chính quyền liên bang. Thảm kịch này phơi bày sự thật đau lòng về sự phân chia cấu trúc của đất nước, đặc biệt là sự yếu thế đến cùng cực của người Mỹ gốc Phi và người nghèo thuộc mọi chủng tộc ở Mỹ trong tình huống khó khăn.

Hy vọng ở đâu vào lúc này?

Tôi xem tin tức về bão Katrina mà lòng quặn thắt vì biết rằng nếu có thảm kịch xảy ra ở Chicago, rất nhiều người thân và hàng xóm của mình cũng sẽ chịu số phận tương tự. Barack cũng xúc động không kém trước tình hình này. Một tuần sau cơn bão, anh bay đến Houston để tham gia cùng tổng thống đương nhiệm George H. W. Bush, vợ chồng Bill và Hillary Clinton, khi đó đang là đồng nghiệp của anh ở Thượng viện, thăm hỏi hàng chục ngàn người dân New Orleans bị sơ tán và phải lánh nạn tại Cung thể thao Astrodome. Trải nghiệm này đã nhen nhóm điều gì đó trong anh, cái cảm giác day dứt rằng anh vẫn chưa làm đủ.

ĐÂY LÀ ĐIỀU MÀ TÔI ĐÃ NGÃM NGHĨ LẠI vào khoảng một năm sau, khi tiếng trống trận đã thật sự vang dội, khi áp lực đè nặng cả hai vợ chồng. Chúng tôi vẫn tiếp tục công việc thông thường, nhưng câu hỏi Barack có ứng cử vị trí tổng thống hay không vẫn lờn vờn quanh chúng tôi. Anh ấy có thể làm không? Anh ấy sẽ làm vậy hay sao? Anh ấy nên làm vậy không? Mùa hè năm 2006, cử tri bắt đầu điền phiếu thăm dò về việc ai thích hợp là ứng viên trong cuộc tranh cử vị trí tổng thống, trong đó tên của Barack được liệt kê trong danh sách ứng viên tiềm năng, nhưng Hillary Clinton mới là lựa chọn số một. Dù vậy, đến mùa thu năm đó, số phiếu của Barack đã bắt đầu tăng lên, một phần là nhờ quyển sách *The Audacity of Hope* mới xuất bản và hàng loạt cơ hội xuất hiện trên truyền thông qua chuyến đi giới thiệu sách. Số lượt bầu chọn của anh đột ngột tăng lên, ngang ngửa hoặc cao hơn cả số phiếu của Al Gore và John Kerry, hai ứng viên trước đó của Đảng Dân chủ - đây là minh chứng cho tiềm năng của Barack. Tôi biết anh đã có những cuộc trò chuyện riêng với bạn bè, với cố vấn và mạnh thường quân tiềm năng để báo hiệu với họ rằng anh đang bắt đầu cân nhắc ý định ấy. Nhưng có một cuộc trò chuyện mà anh lảng tránh, đó là cuộc trò chuyện với tôi.

Đương nhiên anh biết tôi cảm thấy thế nào. Chúng tôi đã gián tiếp thảo luận về chuyện này khi bàn đến những vấn đề khác. Chúng tôi đã sống với kỳ vọng của người khác lâu đến mức chúng hiển hiện trong mỗi cuộc trò chuyện của chúng tôi. Chúng tôi nói về tiềm năng của Barack khi ăn tối. Chúng tôi nói về tiềm năng của Barack khi chờ các con đến trường và trên đường đi làm. Vấn đề đó hiện diện ngay cả khi chúng tôi không muốn nó ở đó, và nó mang đến cảm giác kỳ lạ cho mọi điều chúng tôi làm. Quan điểm của tôi là chồng mình đã làm rất nhiều rồi. Nếu anh thật sự có cân nhắc tranh cử vị trí tổng thống, tôi hy vọng anh ấy sẽ chọn phương thức thận trọng, chuẩn bị kỹ lưỡng, duy trì vị trí ở Thượng viện để chờ đợi thời cơ và chờ cho đến khi các con lớn hơn - tới năm 2016 chẳng hạn.

Từ khi biết anh, tôi cảm thấy Barack luôn dõi mắt hướng đến một chân trời xa xăm, đến ý tưởng của anh về thế giới mà chúng tôi nên có. Chỉ lần này thôi, tôi muốn anh hãy bằng lòng với cuộc sống hiện tại. Tôi không hiểu làm thế nào anh ấy có thể không cảm thấy như thế khi nhìn Sasha và Malia, nay đã năm và tám tuổi, với mái tóc tết bím và sức sống vui tươi của chúng. Đôi khi tôi đau lòng khi nghĩ rằng anh ấy không hài lòng với cuộc sống mà chúng tôi đang có.

Chúng tôi đang cò cưa, hai chúng tôi, chồng một bên và vợ một bên. Chúng tôi đang sống trong một ngôi nhà gạch xinh xắn theo phong cách Georgia trên một con phố yên tĩnh ở khu Kenwood, có cổng vòm rộng và cây cao trong sân - chính là kiểu nhà mà anh Craig và tôi từng mở to mắt nhìn chăm chăm trong những chuyến đi chơi vào Chủ nhật, khi ngồi trong chiếc Buick của cha. Tôi thường nghĩ đến cha và tất cả những gì ông đã dày công truyền dạy cho chúng tôi. Tôi ước gì cha còn sống để thấy mọi chuyện đang diễn ra. Anh Craig hiện đang rất hạnh phúc khi cuối cùng đã đổi hướng cuộc đời mình, rời bỏ sự nghiệp ở ngân hàng đầu tư và quay về với mối tình đầu của mình - bóng rổ. Sau vài năm làm trợ lý ở Northwestern, giờ đây anh là huấn luyện viên chính cho đội bóng rổ trường Đại học Brown ở Đảo Rhode, và anh cũng chuẩn bị kết hôn lần thứ hai, với Kelly McCrum, trưởng ban tuyển sinh xinh đẹp và thực tế đến từ East Coast. Hai đứa con của anh đã cao lớn, tự tin và là ví dụ điển hình cho những gì thế hệ trẻ có thể làm được.

Tôi là vợ của một thượng nghị sĩ, nhưng ngoài ra, và quan trọng hơn, tôi có một sự nghiệp thật sự có ý nghĩa đối với mình. Mùa xuân vừa rồi tôi đã được thăng chức và trở thành phó chủ tịch Trung tâm Y khoa Đại học Chicago. Tôi đã dành nhiều năm qua để phát triển Chương trình Cộng tác Hỗ trợ Y tế Cộng đồng South Side, qua đó đã giúp kết nối hơn một ngàn năm trăm bệnh nhân - những người tìm đến phòng cấp cứu của chúng tôi - với người cung cấp dịch vụ chăm sóc mà họ có thể thường xuyên gặp gỡ cho dù có thể chi trả phí dịch vụ hay không. Công việc này có liên quan đến trải nghiệm cá nhân của tôi. Tôi đã nhìn thấy người da đen kéo vào phòng cấp cứu, mang theo những vấn đề bị bỏ bê đã lâu - ví dụ như bệnh nhân tiểu đường có vấn đề tuần hoàn máu nhưng không được chăm sóc và giờ cần phải cưa chân - và không khỏi nghĩ về những lần khám bệnh mà cha tôi đã không thể thực hiện, những triệu chứng của căn bệnh đa xơ cứng mà ông đã cố tình làm cho bớt nghiêm trọng để không gây thêm lo lắng, không khiến gia đình thêm tốn kém, không tạo thêm thủ tục giấy tờ, hoặc để ông không phải cảm thấy bị một vị bác sĩ da trắng giàu có nào đó xem thường.

Tôi yêu công việc của mình, và tôi cũng yêu cuộc sống của mình, dù nó không hoàn hảo. Giờ đây Sasha sắp vào tiểu học, và chuyện này khiến tôi cảm thấy như mình đang ở khởi điểm của một giai đoạn mới, sắp được khơi dậy ngọn lửa khát vọng của bản thân và cân nhắc một loạt những mục tiêu mới. Một chiến dịch tranh cử tổng thống sẽ có tác dụng gì? Nó sẽ làm hỏng hết mọi thứ. Tôi có đủ kinh nghiệm để hiểu chuyện này trước khi nó xảy ra. Barack và tôi đã trải qua năm kỳ tranh cử trong mười một năm rồi đó thôi, và mỗi lần như thế đều buộc tôi phải đấu tranh mạnh mẽ hơn để duy trì những mối ưu tiên của mình. Mỗi cuộc tranh cử đều đã hằn thêm một vết thương lên tâm hồn tôi và lên cuộc sống hôn nhân của chúng tôi. Tôi e rằng một cuộc tranh cử tổng thống sẽ thật sự khiến chúng tôi tã tơi. Barack sẽ đi xa lâu hơn rất nhiều so với khi anh còn làm việc ở Springfield hay Washington - anh sẽ đi xa không chỉ nửa tuần mà là trọn một tuần; những phiên làm việc của anh sẽ không chỉ kéo dài từ bốn đến tám tuần một lần, với vài ngày nghỉ ở giữa, mà sẽ là suốt mấy tháng liền. Chuyện đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến gia đình chúng tôi? Sự nổi tiếng đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến các con của chúng tôi?

Tôi đã làm những gì tôi có thể làm để phớt lờ cơn lốc mà Barack đem đến, ngay cả khi cơn lốc đó chẳng có dấu hiệu gì là sẽ suy yếu. Các bình luận viên trên kênh truyền hình cáp đang tranh luận về khả năng thắng cử của anh ấy. David Brooks, phóng viên thuộc phái bảo thủ của tờ New York Times, đăng một bài viết khiến người ta

ngạc nhiên với tinh thần cứ-làm-đi nhan đề “Run, Barack, Run” (tạm dịch: “Hành động đi, Barack”). Bây giờ đi đến đâu anh ấy cũng được người ta nhận ra, nhưng may là tôi vẫn còn được “vô hình”. Khi đứng xếp hàng chờ thanh toán tại một cửa hàng tiện lợi vào một ngày tháng Mười, tôi nhìn thấy trang bìa tạp chí Time và phải ngoảnh mặt đi chỗ khác: đó là một bức ảnh chụp cực kỳ cận cảnh khuôn mặt của chồng tôi, kế bên là dòng tít “Lý do Barack Obama có thể trở thành tổng thống kế tiếp của nước Mỹ”.

Hy vọng của tôi là một lúc nào đó chính Barack sẽ đặt dấu chấm hết cho suy đoán này, tuyên bố anh không tham gia tranh cử và hướng cái nhìn của giới truyền thông sang nơi khác. Nhưng anh đã không làm vậy. Anh ấy sẽ không làm vậy. Anh muốn ứng cử. Anh muốn, còn tôi thì không.

Bất cứ lúc nào phóng viên hỏi anh có tham gia vào cuộc đua giành chiếc ghế tổng thống hay không, Barack sẽ lưỡng lự và trả lời đơn giản, “Tôi vẫn đang suy nghĩ. Đó là quyết định của cả gia đình”. Câu này đồng nghĩa với: “Chỉ khi Michelle cho phép tôi tham gia”.

Những đêm Barack ở Washington, tôi nằm một mình trên giường, cảm giác như thể tôi là người chống cả thế giới. Tôi muốn giữ riêng Barack cho gia đình mình, trong khi tất cả những người khác dường như đều muốn anh làm việc cho đất nước. Anh có một hội đồng cố vấn - David Axelrod và Robert Gibbs, hai chiến lược gia chuyên về chiến dịch tranh cử từng đóng vai trò then chốt trong chiến thắng của anh ở Thượng viện; David Plouffe, một cố vấn khác đến từ công ty luật của Axelrod; trưởng nhóm nhân viên của anh, Pete Rouse; và chị Valerie - tất cả họ đều ủng hộ anh. Nhưng họ cũng nói rõ rằng sẽ không có chuyện nửa vời khi tham gia chiến dịch tranh cử tổng thống. Barack và tôi cần phải toàn tâm toàn ý cho chiến dịch. Anh sẽ phải đối mặt với những đòi hỏi không thể tưởng tượng nổi. Anh sẽ vừa phải hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của một Thượng nghị sĩ, vừa phải xây dựng và duy trì một cuộc vận động tranh cử xuyên nước Mỹ, phát triển một cương lĩnh chính sách cơ bản, đồng thời kêu gọi lượng tiền khổng lồ. Công việc của tôi không chỉ là âm thầm ủng hộ chiến dịch mà còn phải tham gia vào chiến dịch. Tôi sẽ phải chuẩn bị để chính mình và hai đứa trẻ sẵn sàng xuất hiện trước công chúng, mỉm cười ủng hộ và bắt tay rất nhiều người. Tôi nhận ra giờ đây mọi thứ phải lấy anh làm trung tâm, nhằm hỗ trợ cho một mục tiêu to lớn hơn.

Kể cả anh Craig, người luôn bảo vệ tôi từ ngày tôi chào đời, cũng trở nên phần khích trước khả năng Barack ra tranh cử. Một tối nọ, anh ấy gọi tôi để công khai bày tỏ thái độ của mình. Vẫn dùng thuật ngữ bóng rổ như thường lệ, anh Craig nói, “Nghe này, Miche, anh biết là em lo lắng, nhưng nếu Barack bắt được bóng thì nó phải chớp lấy thời cơ ném rổ. Em hiểu mà đúng không?”.

Quyết định nằm trong tay tôi. Tất cả đều do tôi. Tôi đang sợ hay chỉ đang mệt mỏi?

Dù sao đi nữa, tôi đã yêu một người đàn ông có tầm nhìn, một người lạc quan nhưng không mơ mộng hão huyền, không khuất phục trước xung đột và hiếu kỳ với sự phức tạp của thế giới. Thật lạ lùng là anh hoàn toàn không chùn bước trước biết bao nhiêu công việc cần thực hiện. Anh nói anh sợ khi nghĩ đến việc phải rời xa tôi và bọn trẻ dài ngày, nhưng anh cũng luôn nhắc nhở tôi về tình cảm vững bền của chúng tôi. “Chúng ta có thể xử lý được chuyện này phải không nào?”, anh vừa nói vừa nắm lấy tay tôi vào một đêm nọ, khi chúng tôi ngồi ở phòng làm việc của anh trên lầu và cuối cùng cũng thật sự nói về chuyện này. “Chúng ta mạnh mẽ và thông minh, và các con của chúng ta cũng thế. Chúng ta sẽ ổn thôi. Chúng ta có đủ khả năng cho kế hoạch này.”

Đúng vậy, ý anh ấy là chiến dịch tranh cử sẽ có giá của nó. Có những thứ chúng tôi sẽ phải từ bỏ - thời gian, những lúc ở bên cạnh nhau, sự riêng tư. Hãy còn quá sớm để dự đoán chính xác những yêu cầu mà chúng tôi phải đáp ứng, nhưng chắc chắn sẽ là rất nhiều. Với tôi, chuyện đó giống như xài tiền mà không biết số dư trong tài khoản ngân hàng là bao nhiêu. Chúng tôi có thể kiên cường đến mức nào? Giới hạn của chúng tôi ở đâu? Cuối

cùng chúng tôi sẽ còn lại những gì? Chỉ riêng sự bất định đó đã tựa như một mối họa, một thứ có thể nhấn chìm chúng tôi. Suy cho cùng thì tôi đã được nuôi dạy trong một gia đình tin vào hiệu quả của việc lo xa - một gia đình tập dợt phòng cháy chữa cháy tại nhà và đến sớm trong mọi cuộc hẹn. Lớn lên giữa cộng đồng lao động bình dân và có một người cha đau yếu, tôi đã học được rằng lên kế hoạch và thận trọng để phòng là hết sức quan trọng. Nó có thể tạo ra sự khác biệt giữa ổn định và nghèo khó. Ranh giới lúc nào cũng mong manh. Chậm thanh toán một hóa đơn có thể khiến bạn sống mà không có điện để dùng; quên hoàn thành một bài tập có thể khiến bạn bị tụt lại phía sau và thậm chí là không thể vào đại học.

Từng có một người bạn học cùng lớp năm thiết mạng trong một trận hỏa hoạn, từng chứng kiến Suzanne qua đời khi còn rất trẻ, tôi nhận ra thế giới có thể rất tàn khốc và khó đoán, và có công mài sắt không phải lúc nào cũng có ngày nên kim. Cảm nhận của tôi về chuyện này sẽ càng lớn hơn trong tương lai, nhưng ngay từ lúc này, khi ngồi trong ngôi nhà gạch yên tĩnh trên con phố yên tĩnh, tôi không thể tránh được ý muốn bảo vệ những gì chúng tôi có - muốn tập trung chăm sóc hai đứa con và gạt những chuyện khác sang một bên, chỉ ít là đến khi chúng lớn hơn một chút.

Thế nhưng vẫn còn mặt trái của vấn đề, và cả Barack lẫn tôi đều biết quá rõ đó là gì. Chúng tôi đã chứng kiến sự tàn khốc của cơn bão Katrina từ vị trí may mắn không bị ảnh hưởng của mình. Chúng tôi đã thấy những người cha người mẹ bế con mình khỏi dòng nước lũ và những gia đình người Mỹ gốc Phi phải tìm cách cu rúc lấy nhau giữa tình trạng vô nhân đạo tại nơi lánh nạn. Những công việc trước đây của tôi - từ công việc ở tòa thị chính cho đến Public Allies và trường đại học - đã giúp tôi thấy được rằng đối với một số người, đảm bảo chế độ chăm sóc sức khỏe cơ bản và nơi cư trú cơ bản là việc khó khăn đến dường nào. Tôi đã thấy lẫn ranh mong manh giữa “vừa đủ sống” và “thiếu hụt”. Về phần mình, Barack đã dành nhiều thời gian lắng nghe những công nhân bị sa thải, những cựu binh trẻ tìm cách xoay xở để sống với thương tật vĩnh viễn, những người mẹ chán nản với chuyện phải cho các con của mình học ở những ngôi trường chất lượng kém. Nói cách khác, chúng tôi hiểu mình đang may mắn đến dường nào, và cả hai chúng tôi đều cảm thấy mình có trách nhiệm không được tự mãn.

Biết mình thật sự không còn lựa chọn nào khác ngoài chuyện cân nhắc khả năng ứng cử của Barack, cuối cùng tôi đã bật đèn xanh và chấp nhận chuyện này. Barack và tôi bàn bạc vấn đề này, không chỉ một mà là nhiều lần, ngay cả trước và xuyên suốt chuyến đi Hawaii thăm bà Toot vào dịp Giáng sinh. Chúng tôi có vài cuộc trò chuyện đầy tức giận và đầm nước mắt, vài cuộc trò chuyện khác thì chân thành và tích cực. Đó chính là phần mở rộng của cuộc đối thoại chúng tôi nói với nhau suốt mười bảy năm qua. Chúng tôi là ai? Điều gì là quan trọng đối với chúng tôi? Chúng tôi có thể làm được gì?

Cuối cùng, kết quả là thế này: tôi đồng ý vì tin rằng Barack có thể trở thành một tổng thống tuyệt vời. Anh ấy tự tin theo những cách mà ít ai có được. Anh có trí tuệ và tinh thần kỷ luật để hoàn thành vai trò đó, có khí chất để chịu đựng mọi gian khó mà công việc đó mang lại, và có sự đồng cảm hiếm thấy để có thể luôn lắng nghe những nhu cầu của đất nước. Anh còn có những con người tốt bụng và thông minh sẵn lòng giúp đỡ. Tôi là ai mà lại cản trở anh? Làm sao tôi có thể đặt nhu cầu của mình, thậm chí nhu cầu của hai đứa con gái của chúng tôi, lên trước khả năng Barack có thể trở thành một vị tổng thống có khả năng mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho hàng triệu người?

Tôi đồng ý vì tôi yêu anh và có niềm tin vào những gì anh có thể làm được.

Tôi đồng ý, dù lúc đó trong tôi vẫn có một suy nghĩ đáng buồn, một ý nghĩ mà tôi chưa sẵn lòng chia sẻ: tôi hỗ trợ anh vận động tranh cử, nhưng tôi cũng cảm thấy chắc chắn rằng anh sẽ không thành công. Anh thường xuyên nói đến việc xóa bỏ sự chia rẽ đang diễn ra trong đất nước của chúng tôi và tràn đầy nhiệt huyết với chuyện này,

khơi gợi những lý tưởng cao đẹp hơn, những điều mà anh tin rằng bẩm sinh hầu như ai cũng có. Nhưng tôi đã chứng kiến quá nhiều sự chia rẽ đến mức phải dập tắt những hy vọng của bản thân. Suy cho cùng, Barack là một người da đen ở Mỹ. Tôi thật sự không nghĩ là anh có thể chiến thắng cuộc tranh cử này.

GẦN NHƯ TỪ GIẤY PHÚT TÔI ĐỒNG Ý để anh ra tranh cử, Barack bỗng trở thành một cái bóng vụt đến vụt đi, một phiên bản nhạt nhòa của người đàn ông mà tôi quen biết - một người bỗng nhiên buộc phải có mặt ở mọi nơi cùng lúc, được thúc đẩy phải nỗ lực hơn nữa và bị ràng buộc bởi sức mạnh của nỗ lực đó. Còn chưa đến một năm nữa là cuộc tranh cử sơ bộ bắt đầu, với địa điểm đầu tiên là Iowa. Barack phải nhanh chóng thuê người, lôi kéo những mạnh thường quân có thể chi ra những khoản tiền khổng lồ, và nghĩ ra cách giới thiệu về khả năng tranh cử của bản thân sao cho vang dội nhất có thể. Mục tiêu là để thu hút sự chú ý của cử tri và duy trì điều đó cho đến ngày bầu cử. Những nước đi đầu tiên này sẽ quyết định sự thành bại của các chiến dịch.

Toàn bộ hoạt động tranh cử sẽ được giám sát bởi hai con người vô cùng tận tụy tên David - David Axelrod và David Plouffe. Axe, như mọi người thường gọi, có giọng nói nhẹ nhàng, phong cách lịch lãm và hàng ria mép được tỉa tót kỹ lưỡng. Anh từng là phóng viên của tờ Chicago Tribune trước khi chuyển sang tư vấn chính trị, và anh đảm nhiệm phần thông điệp cũng như truyền thông cho Barack. Plouffe, người đàn ông ba mươi chín tuổi có nụ cười trẻ thơ và tình yêu sâu đậm với các con số và chiến lược, sẽ quản lý chung cho cả chiến dịch. Đội ngũ của Barack nhanh chóng lớn mạnh khi những người giàu kinh nghiệm được tuyển vào để quản lý vấn đề tài chính và triển khai kế hoạch cho các sự kiện.

Ai đó đã khuyên Barack chính thức công bố việc tranh cử của mình ở Springfield. Mọi người nhất trí rằng đó sẽ là sự sắp đặt phù hợp cho một chiến dịch tranh cử mà chúng tôi hy vọng sẽ hoàn toàn khác biệt với những gì trước đó - một chiến dịch diễn ra từ thấp lên cao, chủ yếu tác động đến những người mới tiếp cận chính trị. Đây là nền tảng hy vọng của Barack. Những năm tháng làm người tổ chức hoạt động cộng đồng đã cho anh biết nhiều người cảm thấy không được lắng nghe và bị tước quyền bầu cử ngay trong chính nền dân chủ của nước Mỹ. Project VOTE! đã giúp anh nhìn thấy điều gì có thể xảy ra nếu những con người đó được trao cho sức mạnh để tham gia bỏ phiếu. Cuộc chạy đua trở thành tổng thống Mỹ sẽ là bài kiểm tra lớn nhất cho ý nghĩ đó. Liệu thông điệp của anh có tác dụng trên quy mô lớn hơn hay không? Liệu còn có đủ người giúp sức hay không? Barack biết mình là một ứng cử viên khác thường. Anh ấy muốn tổ chức một chiến dịch khác thường.

Kế hoạch là Barack tuyên bố tranh cử ngay trên bậc thềm của Tòa nhà Quốc hội cũ của tiểu bang, một di tích lịch sử, nơi hiển nhiên sẽ bắt mắt hơn nhiều so với bất kỳ trung tâm hội nghị hay vũ đài nào khác. Nhưng như thế cũng đồng nghĩa với việc anh phải ở ngoài trời, tại Illinois, vào giữa tháng Hai, khi nhiệt độ không khí thường dưới 0. Theo tôi thì quyết định này có mục đích tốt nhưng nhìn chung là không thực tế, và nó chẳng giúp tôi thêm tin tưởng vào đội ngũ tổ chức tranh cử, những người hiện đang ít nhiều chi phối cuộc sống của chúng tôi. Tôi không hài lòng với ý tưởng này khi hình dung cảnh hai đứa con gái và tôi cố gắng mỉm cười trong tuyết giăng hay gió rét căm, còn Barack thì cố tỏ ra háo hức thay vì lạnh cóng. Tôi nghĩ về những người quyết định ở trong nhà ngày hôm đó thay vì đứng ngoài trời, giữa cái lạnh giá rét suốt nhiều giờ. Tôi là dân miền Midwest, tôi biết thời tiết có thể làm hỏng hết mọi thứ. Tôi cũng biết rằng Barack không thể sấy chân từ quá sớm.

Khoảng trước đó một tháng, Hillary Clinton đã tự tin tuyên bố tranh cử chức tổng thống. John Edwards, ứng viên North Carolina, người đồng tranh cử với John Kerry trong mùa bầu cử 2004, đã bắt đầu chiến dịch vận động từ trước đó một tháng và công bố điều đó trước một ngôi nhà đã bị bão Katrina đánh sập ở New Orleans. Tổng cộng có chín đảng viên Đảng Dân chủ tham gia cuộc chơi. Sàn đấu sẽ đông đúc và cạnh tranh khốc liệt.

Đội ngũ của Barack đang đánh cược khi tổ chức buổi công bố tranh cử ngoài trời, nhưng tôi không có lý do để nghi ngờ. Tôi đã kiên quyết yêu cầu đội cố vấn chỉ ít phải trang bị một máy sưởi trên bục diễn giả của Barack để

anh không tỏ ra quá khó chịu trên bản tin quốc gia. Ngoài điều đó thì tôi không có ý kiến gì nữa. Tôi không còn quyền kiểm soát nữa. Các cuộc mít-tinh đang được lên kế hoạch, chiến lược đã được vạch ra, tình nguyện viên được quy tụ. Chiến dịch đang diễn ra, và không còn đường lui nữa.

Trong một hành động có lẽ là vô thức thuộc về bản năng tự vệ, sự tập trung của tôi hướng vào điều gì đó mà tôi có thể kiểm soát, ví dụ như tìm nón trùm đầu tạm gọi là ồn cho Malia và Sasha khi hai đứa tham dự buổi công bố. Tôi đã nhớ mua quần áo mùa đông mới cho chúng, nhưng lại quên băng mấy chiếc nón cho đến khi gần như quá muộn.

Khi ngày công bố đến gần, tôi bắt đầu có những chuyến mua sắm sau-giờ-làm tại các cửa hàng ở Water Tower Place, lướt qua từng đồng quần áo mùa đông đang vơi, săn tìm những gian thanh lý trong vô vọng. Ban đầu tôi còn bận tâm chuyện làm sao để bảo đảm Malia và Sasha trông giống con gái của tổng thống tương lai, nhưng chẳng bao lâu sau đó tôi chỉ tập trung vào chuyện làm sao để hai đứa trông tươi tắn như những đứa trẻ có mẹ quan tâm chăm sóc. Cuối cùng, vào lần mua sắm thứ ba, tôi đã tìm thấy hai chiếc nón len màu trắng cho Malia và hồng cho Sasha, cả hai đều có kích cỡ nhỏ dành cho nữ và vừa khít trên đầu Malia nhưng lại hơi rộng nên cứ sụp xuống gương mặt bé nhỏ của Sasha-năm-tuổi. Hai chiếc nón đó không phải thời trang cao cấp, nhưng trông cũng đủ xinh xắn, và quan trọng hơn là chúng giữ cho hai đứa ấm áp bất kể mùa đông Illinois có ra sao. Đó là một thắng lợi nhỏ, nhưng vẫn là thắng lợi, và nó thuộc về tôi.

NGÀY CÔNG BỐ TRANH CỬ - ngày 10 tháng Hai năm 2007 - là một buổi sáng trời trong xanh, là kiểu ngày thứ Bảy sáng sủa vào giữa mùa đông, đẹp trời nhưng không mấy dễ chịu. Nhiệt độ vào khoảng mười một độ âm và có những cơn gió nhẹ rét buốt thổi qua. Gia đình chúng tôi đã đến Springfield trước đó một ngày, ở trong một căn phòng suite^[1] có ba phòng sang trọng tại một khách sạn ở trung tâm, ở một tầng mà ban tổ chức chiến dịch đã thuê đứt để làm chỗ nghỉ ngơi cho khoảng hơn hai chục gia đình và bạn bè của chúng tôi từ Chicago đến tham gia.

Chưa gì chúng tôi đã bắt đầu trải nghiệm sức ép của một chiến dịch tầm cỡ quốc gia. Tuyên bố của Barack vô tình diễn ra cùng ngày với sự kiện *State of the Black Union*, một diễn đàn thường niên do nhân vật nổi tiếng trên kênh phát thanh cộng đồng Tavis Smiley tổ chức, và rõ ràng là ông ấy tức giận vì chuyện này. Ông thể hiện sự bất mãn của mình với nhân viên tổ chức chiến dịch, cho rằng hành động này là sự kém tôn trọng cộng đồng người Mỹ gốc Phi và làm tổn hại khả năng tranh cử tổng thống của Barack. Tôi ngạc nhiên khi những phát súng đầu tiên nã vào chúng tôi lại đến từ chính cộng đồng người da đen.

Sau đó, chỉ một ngày trước buổi công bố, tạp chí Rolling Stone đăng một bài viết về Barack, trong đó có thuật lại việc phóng viên đã đặt chân tới nhà thờ Trinity ở Chicago, nơi hai chúng tôi vẫn còn là thành viên giáo xứ, dù sau khi sinh hai con thì hoạt động của chúng tôi tại đó đã giảm đáng kể. Bài viết trích dẫn một bài giảng đầy cảm phẫn và dễ gây kích động của mục sư Jeremiah Wright nhiều năm trước về cách người da đen bị đối xử trên nước Mỹ, có ý cho rằng người Mỹ quan tâm đến việc duy trì sự thượng đẳng của người da trắng hơn là quan tâm đến Thiên Chúa. Mặc dù tổng thể thì nội dung bài viết vẫn tích cực, nhưng tôi biết dòng tit chạy trên trang bìa, “Cội nguồn cực đoan của Barack Obama”, sẽ nhanh chóng được giới truyền thông bảo thủ sử dụng như một loại vũ khí. Đó là một thảm họa tiềm tàng, nhất là ngay đêm trước khi công bố chiến dịch, và đặc biệt là khi theo kế hoạch thì mục sư Wright sẽ chủ trì nghi thức thỉnh Chúa trời cầu nguyện ban phước cho buổi công bố của Barack. Barack buộc phải thực hiện một cuộc trò chuyện đầy khó khăn qua điện thoại với vị mục sư, hỏi xem ông có sẵn lòng lui khỏi tâm điểm và thay vào đó là ban phước riêng cho chúng tôi ở hậu trường hay không. Barack nói mục sư Wright bị tổn thương, nhưng dường như ông cũng hiểu tình hình, khiến chúng tôi tin rằng ông vẫn sẽ ủng hộ chúng tôi mà không oán trách gì.

Sáng hôm đó, tôi chợt nhận ra rằng chúng tôi đã đến thời điểm không thể vắng hời. Giờ đây chúng tôi đang đưa gia đình mình trình diện toàn dân nước Mỹ. Theo dự định thì hôm đó là ngày đồng loạt khởi động chiến dịch tranh cử, thời điểm mà mọi người đã chuẩn bị suốt nhiều tuần liền. Và như mọi nhà tổ chức khác, tôi không sao giữ bỏ nỗi sợ rằng khi đến giờ bắt đầu thì chẳng ai xuất hiện. Không như Barack, tôi là người ưa hoài nghi. Tôi vẫn còn những nỗi lo lắng đeo bám mình từ bé. Nếu chúng tôi không đủ giỏi thì sao? Biết đâu mọi điều mà người ta nói với chúng tôi đều là sự phóng đại. Biết đâu Barack không nổi tiếng như các nhân viên của anh nghĩ. Biết đâu bây giờ chưa phải là thời điểm của anh. Tôi cố gắng gạt hết những nghi ngờ của mình sang một bên khi chúng tôi từ cửa hông tiến vào khu vực khán đài bên trong tòa nhà quốc hội cũ và vẫn chưa nhìn thấy những gì đang diễn ra bên ngoài. Để nhận báo cáo nhanh từ nhân viên chiến dịch, tôi giao Sasha và Malia cho mẹ và bà Kaye Wilson - “Má Kaye” - cựu cố vấn của Barack đồng thời đang đảm nhận vai trò người đỡ đầu đối với hai cô con gái của chúng tôi.

Tôi được báo là đám đông trông khá ổn. Người ta bắt đầu tề tựu từ trước bình minh. Kế hoạch là Barack bước ra trước, rồi tôi và hai con bước ra chỉ ít lâu sau đó để cùng đứng với anh trên bục, bước lên vài nấc thang trước khi xoay người và vẫy tay chào đám đông. Tôi đã nói rõ rằng chúng tôi sẽ không ở trên sân khấu suốt hai mươi phút của bài diễn thuyết. Đòi hỏi hai đứa trẻ ngồi yên và giả vờ hứng thú với những gì cha chúng đang nói trong suốt thời gian đó là một điều quá sức với chúng. Nếu chúng có vẻ buồn chán, nếu một trong hai đứa hắt hơi hay bắt đầu tỏ ra sốt ruột, điều đó sẽ chẳng giúp gì cho Barack. Tôi cũng vậy. Tôi biết hình tượng mà tôi cần phải nhập vai, hình tượng người vợ hiền xinh đẹp luôn nở nụ cười như tạc, say sưa nhìn chồng mình như thể uống từng lời vàng ý ngọc của anh ấy. Đó không phải và sẽ không bao giờ là tôi. Tôi có thể ủng hộ anh ấy, nhưng tôi không thể là một rô-bốt.

Sau khi được báo cáo tình hình và nhanh chóng cầu nguyện với mục sư Wright, Barack bước ra chào khán giả. Sự xuất hiện của anh được chào đón bằng một tiếng ồ lên vang dội mà tôi có thể nghe thấy từ bên trong tòa nhà quốc hội. Tôi quay vào để tìm Sasha và Malia, bắt đầu cảm thấy thật sự lo lắng. “Hai con đã sẵn sàng chưa?”, tôi hỏi.

“Mẹ ơi, con nóng quá”, Sasha nói và cời chiếc nón hồng xuống.

“Con yêu, con phải đội nón. Ngoài kia lạnh lắm.” Tôi cầm lấy nón và đội lại cho con.

“Nhưng mình chưa có ra ngoài, mình ở trong mà mẹ”, con bé đáp.

Đó là Sasha, đứa con gái có khuôn mặt bầu bĩnh và chuyên nói sự thật của chúng tôi. Tôi không thể cãi với logic của con. Thay vào đó, tôi liếc nhìn và cố gắng truyền thông điệp cho một nữ nhân viên trẻ tuổi gần đó, người chắc hẳn là chưa có con: nếu không bắt đầu sự kiện ngay bây giờ thì chúng ta sẽ không thể quản được hai đứa trẻ này nữa.

Thật may, cô ấy gạt đầu và ra hiệu cho chúng tôi tiến đến lối đi. Đã tới lúc rồi.

Đến thời điểm này, tôi đã tham gia khá nhiều sự kiện chính trị của Barack và nhiều lần chứng kiến anh tương tác với những đám đông cử tri. Tôi đã có mặt ở các buổi khởi động chiến dịch, sự kiện gây quỹ và các bữa tiệc đêm bầu cử. Tôi đã thấy những đám đông khán giả mà trong đó có những người bạn cũ và người ủng hộ thân niên. Nhưng Springfield hoàn toàn khác.

Ngay khi chúng tôi bước lên sân khấu thì tôi không còn bình tĩnh nữa. Tôi dành mọi sự tập trung vào Sasha, bảo đảm con bé vẫn mỉm cười và không vấp té trên đôi chân đang mang ủng. “Ngẩng đầu lên nào con yêu”, tôi nói và nắm tay bé. “Cười nào!”, Malia đã nhanh hơn chúng tôi, con bé ngẩng cao đầu và nở nụ cười rộng đến mang tai khi thấy cha và vẫy tay chào. Mãi đến khi chúng tôi bước lên bậc thềm thì tôi mới có thể nhìn vào đám

đông, hay ít nhất là đã cố gắng nhìn vào đám đông. Sự phấn khích ở đó là không thể tưởng tượng nổi. Hóa ra ngày hôm đó có hơn mười lăm ngàn người đã đến. Từ vị trí trung tâm của tôi nhìn ra, đám đông trải thành một khung cảnh ba-trăm-độ, tràn ra khỏi khuôn viên tòa nhà quốc hội và bao lấy chúng tôi bằng sự nhiệt tình của họ.

Tôi không phải là người sẽ dành ngày thứ Bảy cho một cuộc vận động chính trị. Tôi chưa bao giờ hiểu được sức hấp dẫn của việc đứng tại khu vực thể dục thể thao công cộng hay trong khán phòng của trường trung học để nghe những lời hứa hẹn dài dòng và hoa mỹ. Tôi tự hỏi tại sao tất cả những người này lại có mặt ở đây. Tại sao họ chấp nhận mang thêm một lớp vớ giữ ấm và đứng hàng giờ trong cái lạnh? Tôi có thể hình dung người ta chen chúc để chờ nghe ban nhạc yêu thích của mình trình diễn, ban nhạc có những bài hát mà họ đã thuộc nằm lòng, tôi cũng có thể hình dung người ta chịu đựng tuyệt giá để xem một trận Super Bowl mà đội họ yêu thích từ thời thơ ấu sẽ tham gia thi đấu. Nhưng chính trị thì sao? Chính trị hoàn toàn không giống với bất kỳ điều gì tôi đã trải nghiệm trước đó.

Tôi dần hiểu ra chúng tôi chính là “ban nhạc”. Chúng tôi là một đội sắp ra sân. Bỗng nhiên tôi cảm thấy mình phải có trách nhiệm hơn bao giờ hết. Chúng tôi nợ từng con người trong đám đông này một điều gì đó. Chúng tôi đang yêu cầu họ đặt niềm tin vào chúng tôi, và giờ đây chúng tôi phải hoàn thành nghĩa vụ mà họ trao cho, đó là mang nhiệt huyết đó bên mình trong hai mươi tháng, đi qua năm mươi tiểu bang và vào thẳng Nhà Trắng. Tôi đã không tin mấy chuyện đó là khả thi, nhưng có lẽ bây giờ thì tôi tin. Tôi nhận ra đây là sự hồi đáp của tinh thần dân chủ, một giao ước giữa con người với nhau. Anh xuất hiện vì chúng tôi, và chúng tôi sẽ hiện diện vì anh. Tôi đã có thêm mười lăm ngàn lý do để muốn Barack chiến thắng.

Giờ đây thì tôi đã toàn tâm toàn ý. Cả gia đình của chúng tôi đã toàn tâm toàn ý, mặc dù chuyện này hơi đáng sợ. Tôi vẫn chưa thể tưởng tượng chuyện gì đang chờ phía trước.

HILLARY CLINTON là một đối thủ đáng gờm. Sau nhiều lượt thăm dò, bà vẫn giữ vị trí dẫn đầu tuyệt đối trong số các cử tri vòng bầu cử sơ bộ của Đảng Dân chủ, trong khi Barack thấp hơn từ mười tới hai mươi điểm, và Edwards thì sau Barack vài điểm. Cử tri Đảng Dân chủ biết gia đình Clinton, và họ đang khát khao một chiến thắng. Trong khi đó, có rất ít người có thể phát âm đúng tên chồng tôi. Từ rất lâu trước buổi công bố, tất cả chúng tôi - Barack, tôi và đội ngũ tổ chức chiến dịch - đã hiểu rằng mặc dù anh rất có tài làm chính trị, nhưng trong tư cách một người đàn ông da đen tên Barack Hussein Obama, anh có rất ít khả năng thành công.

Đó cũng là một rào cản mà chúng tôi gặp phải trong cộng đồng người da đen. Tương tự cảm nhận ban đầu của tôi về việc Barack ứng cử, nhiều người da đen không thể tin rằng chồng tôi thật sự có cơ may chiến thắng. Nhiều người vẫn còn chưa tin một người da đen có thể giành chiến thắng trong các lĩnh vực có người da trắng áp đảo, như vậy nghĩa là họ sẽ chọn một phương án an toàn hơn, phương án tốt thứ nhì. Một thử thách của Barack là làm sao lôi kéo những cử tri da đen đã có thời gian dài ủng hộ Bill Clinton, vị ứng viên từng thể hiện thái độ hòa nhã khác thường với cộng đồng người Mỹ gốc Phi và gặt hái được nhiều mối quan hệ tốt đẹp với họ. Barack đã ra sức khẳng định thiện chí của anh với đủ các thành phần cử tri khắp Illinois, trong đó bao gồm những nông dân da trắng ở phía nam tiểu bang. Anh đã chứng minh mình có thể tiếp xúc với mọi thành phần cử tri, nhưng nhiều người vẫn chưa hiểu điều này.

Sự sấm soi dành cho Barack trở nên gắt gao hơn, người ta luôn nhìn anh dưới lăng kính khuếch đại. Chúng tôi biết là trong tư cách một ứng viên da đen, anh ấy không thể có bất cứ va vấp nào. Anh ấy buộc phải nỗ lực gấp đôi trong mọi việc. Với Barack, và với mọi ứng viên không có họ Clinton, hy vọng duy nhất để được đề cử là quyền góp thật nhiều tiền và nhanh chóng tiêu số tiền đó với hy vọng những biểu hiện tốt ở cuộc bầu cử sơ bộ có thể tạo đà đủ mạnh để vượt mặt cỗ máy nhà Clinton.

Chúng tôi đặt hy vọng vào Iowa. Chúng tôi phải chiến thắng ở khu vực đó, hoặc phải dừng bước. Là vùng nông thôn có hơn 90% dân số là người da trắng, đây là một tiểu bang kỳ lạ với vai trò địa bàn chính trị then chốt và có lẽ không phải là nơi thích hợp nhất cho một gã da đen ở Chicago tìm cách khẳng định bản thân, nhưng thực tế là chúng tôi phải đặt hy vọng vào nơi này. Iowa luôn là địa điểm đầu tiên trong các vòng bầu cử tổng thống sơ bộ từ năm 1972. Thành viên của cả hai đảng đều bỏ phiếu từ các cuộc họp cấp khu vực - còn gọi là các cuộc họp kín - giữa mùa đông, và cả đất nước đều chú ý. Nếu bạn được đề ý ở Des Moines và Dubuque, bạn cũng có thể làm nên chuyện ở Orlando và L.A. Chúng tôi cũng biết nếu chúng tôi thể hiện tốt ở Iowa thì điều đó sẽ gửi thông điệp đến cử tri da đen trên toàn quốc rằng họ hoàn toàn có thể bắt đầu tin tưởng. Việc Barack là thượng nghị sĩ tại tiểu bang Illinois lắng giềng giúp người ta phần nào nhận ra tên anh và giúp anh quen thuộc với những vấn đề rộng hơn của khu vực này, và điều này khiến David Plouffe tin rằng chỉ ít chúng tôi cũng có một lợi thế nhỏ tại Iowa - và chúng tôi sẽ tìm cách tận dụng lợi thế này.

Chuyện này đồng nghĩa với việc tôi sẽ phải đi Iowa gần như mỗi tuần, đón chuyến bay sớm của United Airlines ở sân bay O'Hare, thực hiện khoảng ba, bốn chặng vận động trong một ngày. Tôi đã nói trước với Plouffe là tôi sẵn lòng tham gia chiến dịch, với điều kiện là họ phải cho tôi về lại Chicago đúng giờ để đưa con gái tôi lên giường ngủ. Mẹ tôi đã đồng ý rút ngắn giờ làm việc để có thể đến chăm sóc bọn trẻ khi tôi không có ở nhà. Barack cũng sẽ phải trú lại nhiều giờ đồng hồ ở Iowa; tuy vậy, chúng tôi hiếm khi xuất hiện ở đó - hay bất cứ đâu - cùng với nhau. Giờ đây tôi là một đại diện cho ứng viên tổng thống, một người đại diện có thể gặp gỡ cử tri ở các trung tâm cộng đồng ở Iowa trong khi Barack vận động tranh cử ở Cedar Falls hay quyên góp tiền ở New York. Chỉ khi thật sự quan trọng thì nhân viên chiến dịch mới để cho hai chúng tôi đi cùng nhau.

Giờ đây Barack luôn có một đoàn trợ lý theo cùng trên đường đi tranh cử, và tôi được cấp quỹ để thuê riêng cho mình hai nhân viên - có vẻ là quá nhiều so với ý định chỉ dành hai hoặc ba ngày một tuần để tham gia chiến dịch của tôi. Tôi không biết mình nên được hỗ trợ những gì. Melissa Winter, người đầu tiên tôi thuê và về sau đã trở thành trưởng nhóm, được nhân viên lập lịch trình của Barack giới thiệu. Cô làm việc tại văn phòng Thượng nghị sĩ Joe Lieberman ở trụ sở Quốc hội và đã tham gia vào chiến dịch ứng cử phó tổng thống năm 2000 của ông. Melissa đã gần bốn mươi, có mái tóc vàng và đeo kính. Tôi đã phỏng vấn cô trong phòng khách nhà chúng tôi ở Chicago và rất ấn tượng trước trí tuệ và sự chăm chút chi tiết đến mức ám ảnh của cô, những điều mà tôi biết sẽ rất quan trọng khi tôi tìm cách đưa hoạt động tranh cử vào lịch trình vốn đã bận rộn của mình tại bệnh viện. Cô ấy sắc sảo, làm việc hiệu quả và nhanh nhẹn. Cô cũng đã tiếp xúc với chính trường đủ lâu để không cảm thấy mệt với cường độ và tốc độ của nó. Melissa trẻ hơn tôi chỉ vài tuổi, và so với những nhân viên trẻ tuổi hơn mà tôi đã gặp trong chiến dịch, cô ấy cho tôi cảm giác như một người cùng trang lứa và một đồng minh. Cô trở thành một người tôi có thể phó thác gần như mọi mặt trong cuộc sống của mình - và cho đến giờ vẫn thế.

Katie McCormick Lelyveld là thành viên cuối cùng trong bộ ba của chúng tôi khi gia nhập nhóm với vai trò giám đốc truyền thông. Cô chưa đến ba mươi tuổi nhưng đã từng tham gia một chiến dịch tranh cử tổng thống và từng làm cho Hillary Clinton khi bà là đệ nhất phu nhân, điều này khiến kinh nghiệm của cô vô cùng phù hợp với vị trí mới. Thông minh, can đảm và luôn biết cách ăn mặc, Katie chịu trách nhiệm giao tế với phóng viên và đội ngũ truyền hình, bảo đảm sự kiện của chúng tôi được ghi hình đầy đủ. Và nhờ chiếc cặp da có đầy đủ đồ tẩy trang, kẹo cao su hương bạc hà, bộ kim chỉ và một đôi vớ nylon dự phòng mà cô luôn mang theo, cô giúp tôi không gặp phải cảnh lộn xộn hay bối rối mỗi khi đi thẳng từ sân bay đến các sự kiện khác nhau.

TRONG NHIỀU NĂM tôi đã đọc các bản tin nói về các ứng viên tổng thống đổ về tranh cử ở Iowa, nơi mà họ vụng về chen vào những bàn ăn đầy những người dân giản dị đang dùng cà phê ở những quán ăn bình dân ven

đường, tạo dáng ngớ ngẩn trước một con bò được tạc từ bơ có kích thước như thật hoặc ăn các món đồ chiên xiên que ở hội chợ bang. Nhưng tôi không biết điều gì thật sự có ý nghĩa với cử tri và điều gì chỉ là sự cố ý gây ấn tượng.

Cổ vấn của Barack đã cố gắng lý giải sự kỳ lạ của Iowa cho tôi nghe, giải thích rằng sứ mệnh của tôi chủ yếu là dành thời gian với đảng viên Đảng Dân chủ ở mọi ngõ ngách của tiểu bang, tiếp cận những nhóm nhỏ, xốc lại tinh thần của các tình nguyện viên và tìm cách thuyết phục những nhà lãnh đạo cộng đồng. Họ nói rằng người dân Iowa rất coi trọng vai trò đầu tàu chính trị của mình. Họ tìm hiểu các ứng viên và đặt ra những câu hỏi nghiêm túc về chính sách. Vì đã quá quen với sự lôi kéo suốt hàng tháng trời của các ứng viên nên họ cũng không dễ dàng bị chinh phục chỉ bằng một nụ cười và một cái bắt tay. Tôi được kể rằng một số cử tri nơi đây sẽ kiên trì suốt nhiều tháng với mong muốn có thể trò chuyện trực tiếp với từng ứng viên trước khi đưa ra lựa chọn cuối cùng. Điều mà người ta không nói với tôi là thông điệp mà tôi nên áp dụng ở Iowa là gì. Tôi không được trao kịch bản, không được tư vấn về trọng điểm, cũng không nhận được lời khuyên nào. Tôi nghĩ đơn giản là mình phải tự làm những chuyện đó.

Chiến dịch cá nhân đầu tiên của tôi diễn ra vào đầu tháng Tư, bên trong một ngôi nhà khiêm tốn ở Des Moines. Có khoảng vài chục người tập hợp trong phòng khách, một số ngồi trên trường kỷ và những chiếc ghế xếp mà người ta mang đến để dùng cho buổi gặp gỡ này, còn số khác thì ngồi xếp bằng trên sàn. Lẽ ra tôi không nên ngạc nhiên với những gì mình thấy khi nhìn lướt qua căn phòng, nhưng tôi đã ngạc nhiên, ít ra là một chút. Trên những chiếc bàn nhỏ đặt cạnh trường kỷ là những tấm khăn trải bàn màu trắng được móc thủ công, loại mà bà ngoại Shields của tôi từng dùng ở nhà bà. Tôi thấy những bức tượng bằng sứ trông y hệt những bức tượng mà bà Robbie giữ trên những chiếc kệ ở nhà dưới trong căn nhà trên Đại lộ Euclid và không cho chúng tôi đụng vào. Một người đàn ông ở hàng ghế đầu đang nở nụ cười ấm áp với tôi. Tôi đang ở Iowa nhưng có cảm giác như ở nhà. Tôi nhận ra người Iowa cũng giống như người nhà Shield và nhà Robinson. Họ không chịu được lũ ngốc nghếch. Họ không tin những kẻ kiêu cách sáo rỗng. Họ có thể đánh hơi được một kẻ tầm phào từ rất xa.

Tôi nhận ra rằng việc của mình chỉ là chính mình, là nói như tôi vẫn nói. Và thế là tôi nói.

“Hãy để tôi kể về mình. Tôi là Michelle Obama, tôi lớn lên ở vùng South Side Chicago, trong một căn hộ nhỏ ở tầng trên của một ngôi nhà hai tầng, nơi mang lại cảm giác rất giống với ngôi nhà này. Cha tôi là một người vận hành hệ thống ống bơm nước cho thành phố. Mẹ tôi ở nhà nuôi dạy anh trai và tôi.”

Tôi nói đủ thứ - về anh tôi và những giá trị mà hai chúng tôi được nuôi dạy, về vị luật sư ngôi sao mà tôi đã gặp ở công ty, người đã chiếm lấy trái tim tôi bằng sự điềm tĩnh và tầm nhìn của anh về thế giới, người thường xuyên vút vớ của mình lung tung trong nhà và đôi khi còn ngáy trong lúc ngủ. Tôi kể về cách tôi đang duy trì công việc của mình tại bệnh viện, về việc hôm nay khi tôi đang đứng đây thì mẹ tôi đã phải giúp tôi đi đón hai cô con gái ở trường về.

Tôi không dùng lời hoa mỹ để che đậy cảm xúc của mình về chính trị. Tôi nói rằng chính trường không có chỗ cho người tốt, tôi cho họ biết mâu thuẫn giữa tôi với Barack quanh chuyện anh ấy có nên tranh cử hay không, về nỗi lo lắng không biết sự chú ý của công chúng sẽ ảnh hưởng đến gia đình tôi thế nào. Nhưng tôi đang đứng trước mặt họ vì tôi tin chồng mình và tin những gì anh ấy có thể thực hiện. Tôi biết anh ấy đọc nhiều đến mức nào và suy nghĩ sâu sắc ra sao. Tôi nói rằng anh ấy chính là vị tổng thống thông minh, tử tế mà tôi sẽ chọn cho đất nước này, kể cả khi tôi thà ích kỷ giữ anh ấy ở gần gia đình hơn suốt những năm qua.

Nhiều tuần trôi qua, tôi vẫn kể lại cùng một câu chuyện - ở Davenport, Cedar Rapids, Council Bluffs; ở Sioux City, Marshalltown, Muscatine - trong các hiệu sách, trụ sở các nghiệp đoàn công nhân, nhà của cựu chiến binh

cao tuổi, và khi thời tiết ẩm áp hơn thì tôi nói dưới những mái hiên và trong các công viên. Càng kể câu chuyện của mình nhiều hơn thì giọng tôi càng rõ ràng hơn. Tôi yêu thích câu chuyện của mình. Tôi thoải mái khi kể câu chuyện đó cho mọi người nghe. Và tôi đang kể câu chuyện đó cho những người mà cho dù có sự khác biệt về màu da thì họ vẫn khiến tôi nhớ về gia đình - đó là những buru tá có những ước mơ to lớn như ông nội Dandy từng có; những giáo viên dạy dương cầm có ý thức cộng đồng như bà Robbie; những người mẹ chọn ở nhà nhưng vẫn tích cực hoạt động trong Hội phụ huynh học sinh và giáo viên như mẹ tôi; những công nhân cổ cồn xanh sẵn lòng làm bất cứ điều gì cho gia đình, hết như cha tôi. Tôi không cần tập dượt hoặc ghi ra giấy. Tôi chỉ cần nói ra những điều trong thâm tâm mình.

Suốt chặng đường này, giới phóng viên và thậm chí một số người quen bắt đầu hỏi tôi những câu hỏi có chung một nội dung: tôi có cảm giác gì khi là một người phụ nữ da đen cao một mét tám, tốt nghiệp Ivy League và đứng nói chuyện trong căn phòng đầy những người Iowa da trắng? Cảm giác đó lạ thế nào?

Tôi chưa bao giờ thích câu hỏi này. Dường như câu hỏi đó luôn kèm theo một nụ cười mỉm chỉ giả tạo theo kiểu xin-đừng-hiếu-sai mà người ta thường dùng khi nói về vấn đề chủng tộc. Tôi cảm thấy cách suy nghĩ đó hạ thấp tất cả chúng ta, bởi nó cho thấy người ta chỉ nhìn vào sự khác nhau giữa người này và người kia.

Tôi nổi giận chủ yếu vì câu hỏi đó quá đối lập với những gì tôi đang trải nghiệm, và dường như cũng trái với những gì mà những người tôi gặp đang trải nghiệm - chẳng hạn như người đàn ông mặc áo có logo hạt mầm trên túi áo trước ngực, cậu sinh viên đại học mặc chiếc áo len chui đầu có hai màu đen và vàng, hay như bà cụ đã về hưu đang cầm một hộp kem có bánh quy phủ một lớp đường có hình logo mặt trời mọc của chúng tôi. Những con người này tìm đến tôi sau những buổi nói chuyện, có vẻ háo hức muốn chia sẻ những điểm chung giữa chúng tôi - rằng cha của họ cũng sống với chứng đa xơ cứng, hay họ cũng có những người ông người bà giống ông bà tôi. Nhiều người nói rằng trước đây họ chưa từng tham gia chính trị, nhưng chiến dịch của chúng tôi có điều gì đó mà họ cảm thấy xứng đáng. Họ nói họ đang dự định trở thành tình nguyện viên ở văn phòng địa phương, và họ cũng sẽ cố gắng thuyết phục vợ chồng mình hoặc một người hàng xóm nào đó đến tham gia.

Đó là những tương tác hết sức tự nhiên và chân thành. Tôi ôm lấy họ theo bản năng và được họ ôm lại, thật chặt.

CŨNG VÀO KHOẢNG THỜI GIAN NÀY, tôi đưa Malia đi khám sức khỏe, một việc mà chúng tôi thực hiện mỗi ba hay sáu tháng một lần để theo dõi bệnh suyễn mà con bé đã mắc từ khi còn bé. Bệnh suyễn đã trong vòng kiểm soát, nhưng bác sĩ cảnh báo về một vấn đề khác - chỉ số khối cơ thể của Malia - một cách đo sức khỏe tính bằng tỷ lệ giữa chiều cao, cân nặng và số tuổi - đang bắt đầu cao lên. Ông nói không có gì nghiêm trọng nhưng đây là một dấu hiệu cần được quan sát kỹ. Nếu chúng tôi không thay đổi một số thói quen thì dần dần nó có thể trở thành vấn đề, làm tăng nguy cơ cao huyết áp và đái tháo đường loại 2. Nhìn về bảng hoàng trên khuôn mặt tôi, ông cam đoan với tôi bệnh này phổ biến và có thể chữa khỏi. Tỷ lệ trẻ béo phì đang tăng cao trên khắp nước Mỹ. Trong quá trình hành nghề ông ấy đã thấy nhiều trường hợp như vậy, chủ yếu là những người Mỹ gốc Phi thuộc tầng lớp lao động.

Tin này đến với tôi như một viên đá ném vào cửa kính. Tôi đã rất nỗ lực để bảo đảm con gái tôi hạnh phúc và khỏe mạnh. Tôi đã sai ở đâu? Tôi đã làm mẹ như thế nào mà không chú ý đến sự thay đổi ở con mình?

Khi nói chuyện nhiều hơn với bác sĩ, tôi bắt đầu nhìn ra thói quen sinh hoạt của gia đình mình. Vì Barack thường không ở nhà, sự tiện lợi đã trở thành yếu tố quan trọng nhất trong các lựa chọn của tôi ở nhà. Chúng tôi ăn ở ngoài nhiều hơn. Khi có ít thời gian nấu nướng, tôi thường chọn mua những món làm sẵn trên đường về nhà. Buổi sáng, tôi chuẩn bị hộp cơm trưa cho các con với các gói Lunchables và hộp nước ép trái cây Capri Suns. Vào

cuối tuần, chúng tôi thường đến cửa hàng thức ăn nhanh McDonald's sau giờ học ba-lê và trước giờ học bóng đá. Bác sĩ nói nhìn chung thì tất cả những chuyện này đều không có gì bất thường, thậm chí là không có gì xấu. Tuy nhiên, nếu lặp đi lặp lại quá nhiều thì chúng sẽ trở thành vấn đề thật sự.

Rõ ràng chúng tôi cần thay đổi, nhưng tôi không biết làm thế nào để thay đổi. Mọi giải pháp dường như chỉ đòi hỏi nhiều thời gian hơn - thời gian mua sắm, thời gian làm bếp, thời gian xắt rau hay chế biến ức gà - tất cả những chuyện này đều gần như là bất khả thi trong cuộc sống của tôi lúc này.

Sau đó, tôi nhớ lại một cuộc trò chuyện vào vài tuần trước với một người bạn cũ mà tôi tình cờ gặp trên máy bay, khi đó cô ấy đề cập đến việc vợ chồng cô đã thuê một thanh niên tên Sam Kass để nấu những bữa ăn có lợi cho sức khỏe ngay tại nhà. Thật tình cờ, hóa ra Barack và tôi đã gặp Sam nhiều năm trước thông qua một nhóm bạn thân khác.

Tôi chưa bao giờ nghĩ mình sẽ thuê ai đó để chuẩn bị bữa ăn cho gia đình mình. Chuyện đó cho tôi cảm giác có chút giống như khoe mẽ, giống với kiểu hành vi mà những hộ hàng của tôi ở South Side liếc nhìn ngờ vực. Barack, người chạy chiếc Datsun có lỗ thủng trên sàn, cũng không mặn mà lắm với ý tưởng này; nó dường như không phù hợp với sự giản dị cổ hữu của một nhà tổ chức sự kiện cộng đồng, lẫn hình ảnh mà anh ấy muốn thể hiện trong vai trò ứng viên tổng thống. Nhưng với tôi, dường như đó là lựa chọn tinh táo duy nhất. Phải chấp nhận hy sinh. Không ai khác có thể điều hành các chương trình của tôi ở bệnh viện. Không ai khác có thể vận động tranh cử như vợ Barack Obama. Không ai khác có thể thay thế vị trí của người mẹ cho Malia và Sasha khi chúng ngủ. Nhưng có lẽ Sam Kass có thể nấu nướng cho chúng tôi.

Tôi thuê Sam đến nhà vài lần một tuần, yêu cầu cậu chuẩn bị một món mà tối đó chúng tôi sẽ dùng và một món khác tôi có thể để trong tủ lạnh và hâm lại vào tối hôm sau. Cậu ấy có hơi khác biệt trong nhà chúng tôi - một chàng trai hai mươi sáu tuổi da trắng, đầu cạo nhẵn bóng và thường xuất hiện vào lúc xế chiều với bộ râu lún phún. Bọn trẻ rất yêu thích những trò đùa cũng như tài nấu nướng của cậu. Cậu chỉ chúng cách xắt cà rốt và trung rau, giúp gia đình chúng tôi tránh xa sức hút của các cửa hàng thực phẩm tiện lợi để ăn uống theo quy tắc mùa nào thức nấy. Cậu có thể rất coi trọng mùa đậu tươi đầu xuân hay thời điểm dâu tây chín mọng vào tháng Sáu. Cậu ấy chờ đến khi đào đã căng tròn để mang cho bọn trẻ thưởng thức vì biết rằng khi ấy đào có thể ngon không kém kẹo ngọt. Sam cũng có kiến thức bài bản về thức ăn và sức khỏe, chẳng hạn cách nền công nghiệp thực phẩm đã quảng bá thức ăn chế biến đến các gia đình nhân danh sự tiện lợi như thế nào, và việc này đang gieo rắc những hậu quả nghiêm trọng ra sao đến sức khỏe cộng đồng. Tôi ngạc nhiên khi nhận ra điều đó cũng liên quan đến những gì mình đã chứng kiến khi làm ở bệnh viện, và với những thỏa hiệp mà tôi tự chọn với tư cách một người mẹ đang tìm cách chăm lo bữa ăn cho gia đình mình.

Một buổi tối nọ, Sam và tôi nói chuyện suốt vài giờ trong bếp, cùng bàn xem nếu Barack đắc cử vị trí tổng thống, thì tôi có thể sử dụng vai trò Đệ nhất Phu nhân như thế nào để giải quyết một số các vấn đề nói trên. Ý tưởng này sinh ra ý tưởng khác. Nếu chúng tôi trồng rau ngay tại Nhà Trắng và lên tiếng khuyến khích sử dụng thức ăn tươi thì sao? Nếu lúc đó chúng tôi sử dụng điều này làm nền cho một thứ gì đó to lớn hơn thì sao, ví dụ như một sáng kiến về sức khỏe cho trẻ em nhằm giúp các bậc cha mẹ tránh được những sai lầm mà tôi đã phạm phải?

Chúng tôi nói đến khi trời tối. Khi cả hai đã bắt đầu mệt, tôi nhìn Sam và thở dài, “Vấn đề duy nhất là anh chàng của chúng ta đang bị dẫn trước hơn ba mươi điểm. Anh ấy sẽ không thắng nổi”.

Đó là một giấc mơ, nhưng tôi thích giấc mơ đó.

TRONG CHIẾN DỊCH VẬN ĐỘNG TRANH CỬ, mỗi một ngày là một cuộc đua khác nhau. Tôi vẫn đang tìm cách thu xếp để có được chút gì đó bình thường và ổn định trong cuộc sống, không phải chỉ cho hai đứa con mà còn cho tôi nữa. Tôi mang theo hai chiếc điện thoại BlackBerry - một cho công việc, một cho đời sống cá nhân và các bản phan chính trị, mà giờ đây, theo cách này hay cách khác, đã gắn chặt vào nhau. Những cuộc gọi hằng ngày của Barack dường như ngăn lại và chỉ cập nhật tin tức - Em đang ở đâu? Mọi chuyện thế nào? Hai đứa nhỏ sao rồi? - chúng tôi giờ đây có vẻ đã quen với việc không nói về sự mệt mỏi hay về những nhu cầu cá nhân. Chuyện đó không cần thiết, vì dù sao thì chúng tôi cũng không thể quan tâm đến chúng được. Cuộc sống giờ đây chỉ xoay quanh kim đồng hồ.

Trong công việc, tôi nỗ lực hết sức để duy trì sự ổn định, đôi khi tôi sẽ liên hệ với nhân viên của mình ở bệnh viện để kiểm tra tình hình khi đang ngồi trên băng ghế sau của chiếc Toyota Corolla thuộc về một sinh viên khoa nhân học kiêm tình nguyện viên của cuộc vận động tranh cử ở Iowa, hay từ một góc yên tĩnh của nhà hàng Burger King ở Plymouth, New Hampshire. Được sự ủng hộ của đồng nghiệp, nhiều tháng sau khi Barack công bố tranh cử ở Springfield, tôi quyết định quay trở lại làm việc bán thời gian vì biết đó là cách duy nhất có thể duy trì mọi thứ. Vì thường xuyên đồng hành với nhau khoảng hai hoặc ba ngày một tuần, Melissa, Katie và tôi đã trở thành một gia đình làm việc hiệu quả, gặp nhau ở sân bay vào buổi sáng và tắt bật đi qua cổng an ninh, nơi mọi nhân viên bảo vệ đều đã biết tên tôi. Giờ đây tôi thường được nhận ra hơn, chủ yếu bởi những phụ nữ người Mỹ gốc Phi - họ sẽ lên tiếng gọi, “Michelle! Michelle!”, khi tôi đi ngang qua họ để ra cổng.

Có điều gì đó đang thay đổi, nhưng nó diễn ra chậm đến mức rất khó nhận ra. Đôi khi tôi cảm thấy như mình đang trôi trong một vũ trụ lạ kỳ khi vẫy tay với những người hoàn toàn xa lạ nhưng lại tỏ ra như thể quen biết tôi hoặc khi bước lên những chiếc máy bay mang tôi ra khỏi cuộc sống bình thường của mình. Tôi bắt đầu được mọi người biết tới. Và tôi được biết tới với tư cách là vợ của một người có tiếng, và với tư cách là một người tham gia vào chính trị, một chuyện khiến mọi sự càng thêm kỳ lạ.

Tôi nhận ra việc chào hỏi những dòng người ủng hộ trong các sự kiện đã trở nên giống với việc cố gắng đứng thẳng giữa cơn bão, khi những người lạ mặt đầy thiện ý và nhiệt tình với tay ra để bắt lấy tay tôi và vuốt tóc tôi, rồi những người tìm cách chia bút ghi âm, máy quay và đẩy cả con cái của họ vào tôi để chụp hình mà không hề báo trước. Tôi cười, bắt tay và lắng nghe các câu chuyện, trong lúc vẫn cố bước tiếp. Cuối cùng, tôi, với son môi người khác trên má và dầu tay trên áo choàng, vẫn đi tiếp, xộc xệch như thể vừa băng qua một đường hầm lộng gió.

Tôi không có nhiều thời gian để suy nghĩ về chuyện này, nhưng tôi thầm lo rằng khi người ta càng lúc càng biết đến tôi trong vai trò vợ của Barack thì những phần khác trong tôi đang dần biến mất. Khi tôi nói chuyện với phóng viên, họ ít khi hỏi về công việc của tôi. Họ chen dòng “tốt nghiệp Harvard” vào mô tả dành cho tôi, nhưng thường chỉ dừng ở đó. Một vài tờ báo đã cho đăng các câu chuyện xoay quanh nghi vấn rằng tôi được thăng chức ở bệnh viện chẳng phải do năng lực mà do vị thế chính trị ngày càng lên cao của chồng tôi - một điều đã khiến tôi đau lòng biết bao khi đọc được. Vào một ngày tháng Tư, Melissa gọi cho tôi để nói về một bài xã luận cạnh khố do Maureen Dowd của tờ New York Times viết. Trong bài báo, cô gọi tôi là “công chúa vùng Nam Chicago”, cho rằng tôi đang khiến hình ảnh Barack xấu đi khi nói trước công chúng rằng anh ấy không chịu cất lọ bơ vào tủ lạnh sau khi đã ăn xong hoặc không tự nhặt vớ của mình. Với tôi, việc người khác nhìn nhận Barack như một con người bình thường chứ chẳng phải đáng cứu thế là cực kỳ quan trọng. Maureen Dowd hẳn đã hài lòng hơn nếu tôi trưng ra nụ cười như tặc và cái nhìn ngưỡng mộ đối với chồng mình. Tôi thấy thật kỳ lạ và buồn bã khi một bài

phê bình nặng nề như thế lại đến từ một phụ nữ khác, người cũng đang đi làm, người thậm chí chẳng buồn tìm hiểu tôi nhưng lại cố nhào nặn câu chuyện của tôi một cách cay độc.

Tôi cố gắng không để những thứ ấy làm phiền lòng, nhưng đôi khi chuyện đó rất khó.

Với mọi sự kiện của chiến dịch, mỗi bài báo đăng, mọi dấu hiệu cho thấy chúng tôi có thể đang giành thêm sự ủng hộ, chúng tôi lại bị dòm ngó nhiều hơn một chút và dễ bị tấn công hơn một chút. Những tin đồn điên cuồng rộ lên về Barack. Người ta đồn anh ấy từng theo học một trường Hồi giáo cực đoan và tuyên thệ vào Thượng viện trên một quyển kinh Koran. Người ta đồn anh đã từ chối lặp lại Lời tuyên thệ Trung thành. Người ta còn đồn anh ấy không đặt tay lên tim khi nghe quốc ca, và rằng anh có một người bạn đã từng là khủng bố trong nước từ những năm 1970. Những lời bịa đặt này thường xuyên được những nguồn tin có uy tín phân bác, nhưng vẫn lan truyền trong các chuỗi email nặc danh, không chỉ bởi những kẻ theo thuyết âm mưu chui nhủi dưới tầng hầm, mà còn bởi những ông chú, đồng nghiệp và những vị hàng xóm không thể phân biệt đâu là sự thật đâu là chuyện hư cấu trên mạng.

Barack có thể gặp bất trắc là chuyện mà tôi thậm chí còn không muốn nghĩ tới, huống hồ là thảo luận. Rất nhiều người trong chúng tôi lớn lên giữa những bản tin buổi tối nói về các vụ ám sát. Anh em nhà Kennedy bị ám sát. Mục sư Martin Luther King Jr. bị ám sát. Ronald Reagan bị ám sát. John Lennon bị ám sát. Nếu thu hút quá nhiều dư luận, bạn sẽ tạo ra một rủi ro nhất định. Barack lại là người da đen. Rủi ro đối với anh chẳng có gì xa lạ. “Anh ấy có thể bị bắn khi đi đồ xăng”, đôi khi tôi nói như vậy để nhắc nhở mọi người khi họ bàn về đề tài này.

Bắt đầu từ tháng Năm, Barack đã được mật vụ bảo vệ. Anh là ứng viên tổng thống được bảo vệ sớm nhất từ trước đến nay, tận một năm rưỡi trước khi anh trở thành tổng thống đắc cử, điều này có thể nói lên đôi chút về bản chất và sự nghiêm trọng của những mối đe dọa nhắm tới anh ấy. Giờ đây Barack đi lại trong những chiếc SUV đen bóng do chính phủ cấp và được hộ tống bằng một nhóm cận vệ có vũ trang, mặc com-lê và đeo tai nghe. Ở nhà thì có một đặc vụ đứng gác tại cổng trước.

Về phần mình, tôi hiếm khi cảm thấy bất an. Khi tiếp tục đi khắp nơi để nói chuyện, tôi càng thu hút những đám đông ngày một lớn hơn. Nếu trước kia mỗi lần tôi chỉ gặp gỡ khoảng hai mươi người trong những bữa tiệc bình thường được tổ chức trong nhà, thì nay tôi phải nói chuyện với hàng trăm người trong nhà vận động của trường trung học. Đội ngũ ở Iowa báo cáo rằng những bài nói chuyện của tôi có khuynh hướng gặt hái được rất nhiều sự ủng hộ (được đo bằng những “thẻ ủng hộ” có chữ ký mà nhân viên chiến dịch đã cẩn trọng thu lại và liên tục cập nhật). Đến một thời điểm nọ, chiến dịch bắt đầu nhắc đến tôi như “người dễ gần” vì cách mà tôi khiến người ta nhận định về mình.

Mỗi ngày tôi lại có một bài học mới về cách đi đứng hợp lý hơn, cách để không bị bệnh tật hay bất cứ sự lộn xộn nào cản trở. Sau khi bị phục vụ một vài món ăn “có vấn đề” ở các quán ăn bất mắt ven đường, tôi học được cách trân trọng món bánh mì kẹp nhẽo của cửa hàng McDonald’s. Trong những chuyến đi dạo xóc từ thị trấn này đến thị trấn khác, tôi học cách bảo vệ quần áo của mình không bị vấy bẩn bằng cách chọn những món ăn có thể bẻ vụn ra thay vì thức ăn dạng lỏng, vì tôi biết mình không nên để ai đó chụp hình khi có một vệt đồ ăn dính trên váy. Tôi tập hạn chế uống nước vì hiểu rằng trên đường đi sẽ ít có thời gian để tấp xe vào giải quyết nhu cầu cá nhân. Tôi học cách ngủ trong tiếng ồn của những chiếc xe tải đường dài lăn bánh trên xa lộ Iowa sau nửa đêm và (như đã từng xảy ra tại một khách sạn có tường đặc biệt mỏng) cách phớt lờ một cặp đôi đang hạnh phúc tận hưởng đêm tân hôn ở phòng kế bên.

Dẫu cho trải qua nhiều thăng trầm, nhưng năm đầu tiên của chiến dịch tranh cử đọng đầy những kỷ niệm ấm áp và những tràng cười sảng khoái. Tôi thường mang Sasha và Malia cùng đi với mình nếu có thể. Chúng là

những lễ khách vui vẻ và dai sức. Trong một ngày bận rộn ở một hội chợ ngoài trời tại New Hampshire, tôi phải đi phát biểu và bắt tay với các cử tri và để cho một nhân viên chiến dịch dẫn hai đứa trẻ đi khám phá các quầy hàng và các trò chơi trước khi chúng tôi tụ họp lại để chụp ảnh cho tạp chí. Khoảng một giờ đồng hồ sau, tôi hết hồn khi nhìn thấy Sasha. Hai gò má, mũi và trán của con bé bị che phủ hoàn toàn bởi lớp sơn hóa trang màu đen và trắng. Con bé được hóa thành một chú gấu trúc và cực kỳ thích thú với chuyện đó. Tôi nghĩ ngay đến đội ngũ của tạp chí đang chờ chúng tôi, về cuộc hẹn chụp ảnh mà giờ đây chúng tôi phải hoãn lại. Nhưng rồi tôi nhìn lại khuôn mặt gấu trúc bé bỏng của Sasha và thở phào. Con gái tôi trông rất đáng yêu và đang vui vẻ. Tất cả những gì tôi có thể làm là cười to và tìm nhà vệ sinh gần nhất để xóa lớp sơn đi.

Cứ thế, hết lần này đến lần khác, cả gia đình bốn người chúng tôi đi cùng nhau. Nhóm chiến dịch thuê một chiếc RV vài ngày ở Iowa để chúng tôi có thể đi vận động tranh cử ở các thị trấn nhỏ, thỉnh thoảng chen vào vài ván Uno giữa mỗi chặng dừng. Chúng tôi dành một buổi chiều ở hội chợ tiểu bang Iowa, chơi xe điện đung và bắn súng nước để thắng được thú nhồi bông, trong lúc đó các tay thợ chụp hình đưa máy vào cuộc, chĩa thẳng ống kính vào mặt chúng tôi. Cuộc vui đích thực chỉ bắt đầu khi Barack phải đến điểm dừng chân kế tiếp của anh, để lại tôi với bọn trẻ không bị bủa vây bởi cơn bão phóng viên báo chí, nhân viên an ninh và nhân viên chiến dịch, những người đã đi theo anh ấy và đi tới đâu cũng khiến mọi thứ chộn rộn lên đến đó. Khi anh ấy đã rời đi, chúng tôi tự mình khám phá những trò còn lại, tận hưởng luồng gió vút qua khi chúng tôi trùm bao bố và lao xuống chiếc cầu trượt không lồ màu vàng.

Tuần này sang tuần khác, tôi trở lại Iowa, ngắm mùa đông trôi qua khung cửa sổ máy bay, khi mặt đất bắt đầu chậm chậm xanh trở lại, khi những cây đậu nành và bắp mọc thành những đường thẳng đều tăm tắp. Tôi thích những cánh đồng được tạo hình ngay ngắn đó, thích những dãy màu sắc rực rỡ mà hóa ra là những nhà kho, những xa lộ nông thôn bằng phẳng chạy thẳng đến đường chân trời. Tôi đã yêu mến tiểu bang này, mặc dù sau tất cả những nỗ lực bỏ ra, có vẻ chúng tôi sẽ không chiến thắng ở đó.

Gần cả năm nay, Barack và nhóm chiến dịch đã đổ rất nhiều công sức và nguồn lực vào Iowa, nhưng theo hầu hết các kết quả bình chọn, anh ấy vẫn đang đứng thứ hai hoặc thứ ba, sau Hillary và John Edwards. Cuộc đua có vẻ sát sao, nhưng Barack đang mất ưu thế. Trên phạm vi cả nước, bức tranh còn tệ hơn: Barack vẫn đều đặn theo sau Hillary với khoảng cách mười lăm hay hai mươi điểm - một thực tế mà tôi luôn phải đối mặt mỗi khi đi qua màn hình tin tức trong sân bay hay tại các nhà hàng mà chiến dịch chọn làm điểm dừng chân.

Nhiều tháng trước, tôi đã quá chán nản với những bình luận tào lao không dứt của các chuyên gia trên đài CNN, MSNBC và Fox News đến mức vào những đêm ở nhà, tôi đã cho các đài đó vào danh sách đen vĩnh viễn, thay vào đó, tôi đều đặn xem các chương trình của kênh giải trí E! và kênh thiết kế nội thất HGTV. Để tôi nói cho các bạn biết, sau một ngày bận rộn thì chẳng có gì giúp ta thoải mái hơn việc xem một đôi vợ chồng trẻ tìm được ngôi nhà mơ ước của mình ở Nashville, hay một cô dâu tương lai hài lòng với chiếc áo cưới vừa chọn.

Thành thật mà nói, tôi không tin vào những bình luận viên kia, và tôi cũng không chắc về kết quả thăm dò nữa. Tự đáy lòng, tôi tin chắc rằng họ sai. Không khí mà họ mô tả trong các phim trường thị thành sạch boong chẳng phải là không khí mà tôi đã bắt gặp ở các sảnh nhà thờ và trung tâm cộng đồng ở Iowa. Những chuyên gia đó không hề gặp các đội tình nguyện viên trung học “Barack Stars” tham gia vào chiến dịch sau khi chơi bóng hay tập kịch. Họ không hề nắm tay với một cụ bà da trắng đang tưởng tượng ra một tương lai tốt đẹp hơn cho những đứa cháu lai của mình. Họ cũng không nhận ra một gã khổng lồ lớn như tôi, đó là tổ chức thực địa của chúng tôi. Chúng tôi đang trong quá trình xây dựng một mạng lưới tham gia chiến dịch khổng lồ trong cộng đồng - có tổng cộng hai trăm nhân viên tại ba mươi bảy văn phòng - mạng lưới lớn nhất trong lịch sử bầu cử sơ bộ của Iowa.

Giới trẻ ủng hộ chúng tôi. Tổ chức của chúng tôi được truyền sức mạnh từ lý tưởng và năng lượng của những bạn trẻ hai mươi hai đến hai mươi lăm tuổi, những người tạm gác mọi thứ và tự lái xe tới Iowa để tham gia chiến dịch, những người mang trong mình một mã gen giống với mã gen đã thôi thúc Barack đón nhận công việc tổ chức sự kiện cộng đồng ở Chicago năm xưa. Họ có một tinh thần và kỹ năng mà các bảng xếp hạng chẳng hề tính tới. Tôi cảm nhận được điều đó mỗi lần đến thăm họ - một làn sóng hy vọng trào dâng từ việc tiếp xúc với những con người thật sự tin tưởng chúng tôi, những người đã bỏ ra bốn hay năm giờ mỗi tối để gõ từng cánh cửa và kêu gọi cử tri, xây dựng mạng lưới những người ủng hộ ở cả những thị trấn nhỏ nhất và bảo thủ nhất, đồng thời thuộc nằm lòng quan điểm phức tạp của chồng tôi về trang trại chăn nuôi heo khép kín hay kế hoạch cải thiện hệ thống nhập cư.

Đối với tôi, người thanh niên đang điều hành các văn phòng thực địa của chúng tôi chính là đại diện cho lời hứa của thế hệ lãnh đạo kế tiếp. Họ không ừ ừ, và giờ họ còn được trui rèn và đoàn kết. Họ đang kết nối cử tri với nền dân chủ một cách trực tiếp hơn, bất kể là qua một văn phòng thực địa trên phố hay một website mà qua đó họ có thể tổ chức các cuộc họp và vận động cử tri qua điện thoại. Như Barack thường nói, những gì chúng tôi đang làm không phải chỉ dành cho một cuộc bầu cử đơn lẻ. Chúng tôi đang góp phần vào một nền chính trị tốt đẹp hơn trong tương lai - nền chính trị ít bị tiền chi phối hơn, dễ tiếp cận hơn và giàu hy vọng hơn. Cho dù sau cùng chúng tôi không chiến thắng đi nữa thì chúng tôi cũng đang tạo ra những tiến bộ quan trọng. Theo cách này hay cách khác, công sức của những tình nguyện viên trẻ tuổi đó đều đáng giá.

KHI THỜI TIẾT bắt đầu trở lạnh, Barack biết là về cơ bản anh chỉ còn một cơ may cuối cùng để thay đổi cuộc đua ở Iowa, và đó là thể hiện thật ấn tượng ở bữa tối Jefferson-Jackson, một nghi thức mà Đảng Dân chủ tổ chức hàng năm ở mọi tiểu bang. Ở Iowa, trong lần bầu cử tổng thống, bữa tối được tổ chức vào đầu tháng Mười Một, khoảng tám tuần trước kỳ bỏ phiếu sơ bộ vào tháng Một, và được truyền thông cả nước đưa tin. Nguyên tắc cơ bản là mọi ứng viên sẽ có một bài phát biểu - mà không có ghi chép hay máy nhắc chữ - đồng thời cố gắng mang đến càng nhiều người ủng hộ càng tốt. Về bản chất, đó là một cuộc vận động khổng lồ và cực kỳ cạnh tranh.

Suốt nhiều tháng, các bình luận viên của các kênh truyền hình cấp nghi ngờ việc người dân Iowa sẽ đứng lên ủng hộ Barack vào thời điểm bỏ phiếu sơ bộ, ám chỉ rằng đây là một ứng viên khác thường và năng động thì anh vẫn không tài nào chuyển sự nhiệt tình đó thành phiếu bầu được. Đám đông ở bữa tối Jefferson-Jackson là câu trả lời của chúng tôi dành cho họ. Khoảng ba ngàn người ủng hộ chúng tôi đã đến từ khắp nơi trong tiểu bang, điều đó chứng tỏ cho mọi người thấy chúng tôi vừa có tổ chức vừa tích cực, và hiển nhiên là mạnh mẽ hơn bất cứ những gì họ từng nghĩ.

Trên sân khấu đêm đó, John Edwards chĩa mũi nhọn vào Clinton, ngầm công kích về tầm quan trọng của sự thành thật và đáng tin cậy. Joe Biden cười toe toét và đón nhận sự ấn tượng và ồn ào của đám đông cử tri ủng hộ Obama bằng một câu chào mĩa mai, “Xin chào, Chicago!”. Hillary, lúc đó đang cầm cự với một cơn cảm lạnh, cũng tận dụng cơ hội này để tấn công vào lời kêu gọi thay đổi của Barack. Bà nói, “‘Thay đổi’ chỉ là một lời nói suông nếu như ta không có sức mạnh và kinh nghiệm để biến nó thành hiện thực”.

Barack là người cuối cùng phát biểu đêm hôm đó, anh bảo vệ thông điệp cốt lõi của mình bằng một bài nói chuyện làm phấn chấn lòng người - anh nói nước Mỹ đang ở thời khắc quyết định, thời cơ để vượt qua không chỉ nỗi sợ và những thất bại của chính quyền Bush, mà còn vượt qua sự phân cực chính trị bấy lâu, đương nhiên bao gồm cả trong chính quyền Clinton trước đây. “Tôi không muốn dành một năm hay bốn năm sau để lại dấu cuộc chiến mà chúng ta đã có từ thập niên 1990”, anh nói. “Tôi không muốn đẩy người Mỹ áo đỏ đối đầu với người Mỹ áo xanh, tôi muốn trở thành tổng thống của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.”

Khán phòng dậy sóng. Tôi quan sát từ dưới sân khấu trong niềm tự hào vô bờ.

“Hồi nước Mỹ, thời khắc của chúng ta là lúc này”, Barack nói. “Thời khắc của chúng ta là ngay bây giờ.”

Sự thể hiện của anh đêm hôm đó trao cho chiến dịch chính xác những gì nó cần, đưa anh lên dẫn đầu cuộc đua. Anh đã dẫn đầu trong khoảng một nửa các cuộc thăm dò ở Iowa và bắt đầu lấy đà khi các cuộc bầu kín sắp diễn ra.

Những ngày sau Giáng sinh, khi chỉ còn khoảng một tuần cho chiến dịch tranh cử Iowa, dường như một nửa South Side đã di chuyển đến Des Moines lạnh căm. Mẹ tôi và Má Kaye xuất hiện. Anh trai tôi và Kelly đến cùng với các cháu của tôi. Sam Kass cũng ở đó. Chị Valerie, người vừa mới tham gia chiến dịch hồi chớm thu trong vai trò cố vấn của Barack, cũng có mặt, cùng với Susan và hội chị em bạn gái của tôi cùng chồng con của họ. Tôi xúc động khi những đồng nghiệp tại bệnh viện cũng đến, rồi những người bạn chung của chúng tôi từ Sidley & Austin, những giáo sư luật đã từng dạy chung với Barack. Và, tuân thủ chủ trương tận dụng từng khoảnh khắc của chiến dịch, tất cả họ đều cam kết góp phần tạo ra cú hích cuối cùng, họ hội ý tại một văn phòng thực địa, sau đó gõ cửa từng nhà trong thời tiết không độ, tán dương Barack và nhắc nhở mọi người đi bỏ phiếu. Chiến dịch càng được củng cố thêm bởi hàng trăm người khác cũng đến Iowa từ khắp nơi trên đất nước vào tuần cuối cùng, họ trú tại những phòng ngủ còn trống của những người ủng hộ, mỗi ngày họ đều đi thẳng đến những thị trấn nhỏ nhất và băng qua những con đường xa xôi hẻo lánh nhất.

Bản thân tôi hiếm khi xuất hiện ở Des Moines, vì quá trình thực hiện năm hay sáu sự kiện một ngày buộc tôi phải qua lại khắp tiểu bang, di chuyển trên một chiếc xe tải thuê cùng Melissa và Katie, do một đội ngũ những tình nguyện viên xoay tua đánh lái. Barack cũng vậy, và giọng nói của anh bắt đầu khàn đi.

Dù chúng tôi phải đi hết bao nhiêu dặm đường thì tôi vẫn bảo đảm chúng tôi sẽ trở về căn cứ của mình tại khách sạn Residence ở Tây Des Moines mỗi đêm để kịp cho Malia và Sasha đi ngủ lúc tám giờ. Dĩ nhiên hai đứa khó mà để ý việc tôi không ở bên cạnh chúng, vì xung quanh chúng là những anh chị em họ, bạn bè và người giữ trẻ, tất cả cùng chơi trò chơi trong phòng khách sạn và đi dạo quanh thị trấn. Một đêm nọ, tôi mở cửa phòng với hy vọng được ngả lưng trên giường để tìm chút thời gian yên tĩnh, nhưng rồi tôi phát hiện căn phòng của chúng tôi đầy những dụng cụ nhà bếp vứt lung tung. Có mấy cây lăn bột trên giường, những tấm thớt bẩn trên chiếc bàn nhỏ, kéo cắt thực phẩm trên sàn. Chụp đèn và màn hình ti-vi bị phủ một lớp bụi mỏng... Hình như đó là bột mì?

“Anh Sam dạy tụi con làm pasta!”, Malia thông báo. “Tụi con có hơi quá tay một chút.”

Tôi cười to. Tôi đã lo hai cô con gái này sẽ ra sao trong đợt Giáng sinh đầu tiên không gặp bà cố ở Hawaii. Nhưng may thay, một túi bột mì ở Des Moines có vẻ là một sự thay thế phù hợp cho chiếc khăn tắm trên cát ở bãi biển Waikiki.

Vài ngày sau, vào một ngày thứ Năm, các cuộc bỏ phiếu diễn ra. Barack và tôi ghé vào trung tâm ăn uống Des Moines vào buổi trưa, sau đó chúng tôi đi tới các điểm bỏ phiếu để chào hỏi càng nhiều cử tri càng tốt. Tối đó, chúng tôi cùng ăn tối với một nhóm bạn và người thân, cảm ơn họ đã ủng hộ chúng tôi trong suốt mười một tháng điên cuồng kể từ lần công bố tranh cử tại Springfield. Tôi rời bữa sớm quay về khách sạn để kịp thời gian chuẩn bị cho bài diễn văn của Barack sau cuộc bỏ phiếu, dù anh thắng hay thua. Chỉ trong phút chốc, Katie và Melissa lao vào phòng với tin tức nóng hổi đến từ phòng tác chiến của chiến dịch: “Chúng ta thắng rồi!”.

Chúng tôi điên lên vì sung sướng, hét to đến nỗi mặt vụ phải gõ cửa để bảo đảm mọi chuyện vẫn ổn.

Vào một trong những đêm lạnh lẽo nhất trong năm, một lượng cử tri Iowa đông đến mức kỷ lục đã đi đến các điểm bỏ phiếu kín, gần như gấp đôi lượng cử tri của bốn năm trước. Barack đã giành được lòng tin của cử tri da trắng, da đen và người trẻ tuổi. Hơn một nửa lượng người tham gia chưa từng tham gia bỏ phiếu kín trước đây, và nhóm này có vẻ đã giúp bảo đảm chiến thắng của Barack. Các bình luận viên tin tức của nhà đài cuối cùng cũng

đặt chân đến Iowa và giờ đang ca bài ca chúc tụng bậc kỳ tài chính trị, người đã đánh bại cỗ máy Clinton và cựu ứng viên phó tổng thống Edwards.

Đêm đó, tại buổi phát biểu mừng chiến thắng của Barack, khi bốn chúng tôi - Barack, tôi, Malia và Sasha - đứng trên sân khấu ở Hy-Vee Hall, tôi cảm thấy tuyệt vời, và thật sự đã có một chút thay đổi trong nhận thức. Tôi nghĩ mọi thứ mà Barack đã nói suốt những năm qua quả thật là khả thi. Tất cả những chuyến đi đến Springfield, mọi bức bối về việc anh ấy vẫn chưa tạo ra đủ ảnh hưởng, tất cả những lý tưởng của anh, niềm tin chân thành và khác thường của anh vào việc con người có khả năng vượt qua những điều đã chia cắt họ, và cuối cùng thì chính trị có thể phát huy hiệu quả - có lẽ từ đầu anh ấy đã đúng.

Chúng tôi đã đạt được một thành công vượt bậc, một thành tựu mang tính lịch sử - không chỉ Barack, không chỉ tôi, mà còn cả Melissa và Katie, Plouffe, Axelrod, chị Valerie, và mỗi thành viên trẻ tuổi tham gia chiến dịch, mỗi tình nguyện viên, mỗi giáo viên, nông dân, người về hưu và học sinh trung học đã đứng lên ủng hộ một điều gì đó mới mẻ vào đêm hôm đó.

Barack và tôi ra sân bay để rời Iowa vào lúc nửa đêm và biết rằng chúng tôi sẽ không quay lại nơi này trong nhiều tháng nữa. Hai đứa trẻ và tôi về nhà ở Chicago, quay về với công việc và trường lớp. Barack bay đến New Hampshire, nơi vòng bầu cử sơ bộ sẽ diễn ra trong vòng chưa đến một tuần nữa.

Iowa đã thay đổi tất cả chúng tôi. Đặc biệt, Iowa đã trao cho tôi niềm tin đích thực. Nhiệm vụ của chúng tôi bây giờ là chia sẻ niềm tin đó với phần còn lại của nước Mỹ. Những ngày sau đó, các nhân viên tổ chức thực địa Iowa của chúng tôi đã tỏa ra những tiểu bang khác - đến Nevada và South Carolina, đến New Mexico, Minnesota, và California - để tiếp tục lan tỏa thông điệp mà khi đó đã được minh chứng, thông điệp rằng sự thay đổi thật sự khả thi.

NĂM TÔI HỌC LỚP MỘT, có lần một cậu bạn cùng lớp đã đấm vào mặt tôi. Năm đấm như trời giáng, mạnh hết cỡ và vô cùng đột ngột. Khi chúng tôi đang xếp hàng chờ nhận phần ăn trưa, tất cả đều đang rôm rả đủ thứ chuyện-trọng-đại của những đứa trẻ sáu, bảy tuổi - ai là người chạy nhanh nhất, hay tại sao bút màu sáp lại có cái tên kỳ lạ như thế - thì bỗng, tôi bị đấm một phát. Tôi không biết lý do. Tôi đã quên tên cậu bạn đó, nhưng tôi nhớ mình đã trừng mắt điếng người nhìn cậu ấy trong cơn đau đớn, môi dưới của tôi sưng lên và nước mắt tôi trào ra. Tôi bất ngờ và hãi hùng đến mức quên cả tức giận và chỉ biết chạy về nhà với mẹ.

Cậu bạn đó đã bị cô giáo chúng tôi khiển trách. Mẹ tôi đích thân đến trường để nhìn tận mặt cậu ấy, để xem rốt cuộc cậu ấy có thể gây nguy hại gì nữa không. Ông Southside, người đã ở nhà chúng tôi ngày hôm đó, cũng nổi máu ông ngoại và nhất quyết đi theo mẹ tôi đến trường. Dù không được nghe nhưng tôi biết đã có cuộc nói chuyện giữa người lớn với nhau, và một hình phạt nào đó đã được đưa ra. Tôi nhận được lời xin lỗi với vẻ mặt xấu hổ từ cậu bạn đó, và được dặn là không cần lo lắng về cậu ấy nữa.

“Cậu bạn đó chỉ sợ hãi và tức giận những chuyện không liên quan tới con”, mẹ nói với tôi khi đang nấu bữa tối trong bếp. Mẹ lắc đầu, như thể mẹ biết nhiều hơn nhưng không muốn chia sẻ với tôi. “Thằng bé đang phải giải quyết rất nhiều vấn đề của bản thân.”

Đây là cách chúng tôi nói về những kẻ bắt nạt. Hồi tôi còn bé, chuyện rất dễ hiểu: những kẻ bắt nạt là những con người sợ sệt đang ẩn trốn bên trong những con người ra vẻ đáng sợ. Tôi nhìn thấy điều đó trong DeeDee, cô hàng xóm hung hăng ở khu phố kế bên, và cả trong Dandy, ông nội tôi, người có thể thô lỗ và to tiếng với chính vợ mình. Họ công kích những người xung quanh vì họ không thể chịu đựng nổi bức xúc bên trong bản thân mình. Tôi tránh đụng độ với họ khi có thể, và tôi chống lại họ nếu cần phải làm thế. Theo mẹ tôi, người có lẽ sẽ muốn khắc hai chữ “bao dung” lên bia mộ mình, bí quyết là chờ bao giờ để tâm những lời xúc phạm hoặc gây hấn của kẻ bắt nạt.

Còn nếu bạn để tâm thì bạn có thể bị tổn thương nặng nề.

Mãi đến sau này thì điều này mới trở thành một thử thách thật sự đối với tôi. Chỉ khi đang ở độ tuổi ngoài bốn mươi và cố gắng giúp chồng đắc cử vị trí tổng thống nước Mỹ, tôi mới nghĩ lại cái ngày mà mình đang xếp hàng chờ nhận phần ăn trưa lớp một, nhớ lại nỗi hoang mang khi bị tấn công bất ngờ, nỗi đau khi đột nhiên bị đấm thẳng vào mặt.

Gần như suốt cả năm 2008, tôi cố gắng không bận tâm về những cú đấm như vậy.

TÔI SẼ BẮT ĐẦU bằng cách kể ngay về một kỷ niệm vui của năm 2008, vì năm đó tôi thật sự có nhiều kỷ niệm tuyệt vời. Chúng tôi đã đến Butte, Montana, vào ngày Quốc khánh, hôm đó cũng là sinh nhật lần thứ mười của Malia và còn khoảng bốn tháng nữa là tới cuộc tổng tuyển cử. Butte là một thị trấn lâu đời, nổi tiếng với ngành khai thác mỏ đồng và nằm ở góc tây nam rậm rạp của bang Montana, nơi người ta có thể thấy dãy núi Rocky xa xa. Butte là một thị trấn khó đoán, nơi mà chúng tôi hy vọng có thể đưa cuộc tranh cử vào tình trạng khó phân thắng bại. Bang Montana đã ủng hộ George W. Bush ở kỳ bầu cử trước, nhưng cũng đã bỏ phiếu chọn một thống đốc thuộc Đảng Dân chủ. Đây có vẻ là một nơi Barack nên ghé qua.

Hơn bao giờ hết, thời điểm đó người ta tính toán xem mỗi ngày Barack sử dụng từng phút từng giây như thế nào. Anh ấy bị theo dõi và đánh giá. Người ta ghi lại những tiểu bang anh ghé qua, những hàng quán anh đến dùng bữa sáng và cả loại thịt anh ấy gọi kèm với món trứng. Giờ đây anh ấy có khoảng hai mươi lăm phóng viên luôn đồng hành với mình, họ chiếm trọn khoang sau của máy bay mà chúng tôi thuê để dùng trong chiến dịch, họ đứng

đầy hành lang và phòng ăn sáng của các khách sạn tinh lẻ, họ đi theo anh từ trạm dừng này đến trạm dừng khác và dùng ngòi bút để khiến mọi sự được lưu truyền ngàn năm. Khi một ứng viên tổng thống bị cảm, chuyện đó sẽ được ghi lại. Nếu ứng viên nào đó làm tóc tại một cửa tiệm đất đỏ hay yêu cầu mù tạt Dijon của Pháp tại một nhà hàng TGI Fridays phong cách Mỹ (như Barack từng “lỡ đại” nhiều năm trước, và kết quả là có được một dòng tít trên tờ New York Times), chuyện đó cũng được ghi lại và lan truyền theo hàng trăm nẻo khác nhau trên Internet. Ứng viên này có yếu ớt quá không? Anh ta chung diện quá hả? Hay anh ta là kẻ đạo đức giả? Mà anh ta có đúng là người Mỹ đích thực không?

Chúng tôi biết đây là một phần của quá trình tranh cử - một bài kiểm tra xem ai có đủ dũng khí và khả năng chống chọi để đảm nhiệm đồng thời vai trò nhà lãnh đạo và biểu tượng của đất nước. Chuyện này giống như phải đem tâm hồn của mình cho người ta chụp X-quang mỗi ngày, quét tới quét lui xem có bất kỳ dấu hiệu xấu nào không. Bạn sẽ không được bầu nếu không chấp nhận được cái nhìn thăm soi kỹ lưỡng của nước Mỹ, thứ sẽ dò xét toàn bộ tiểu sử đời bạn, bao gồm những mối quan hệ xã hội, lựa chọn nghề nghiệp và việc khai báo thuế của bạn. Và cái nhìn đó chắc chắn đã trở nên khắc nghiệt hơn và dễ bị thao túng hơn bao giờ hết. Lúc này chúng tôi chỉ mới bước vào thời đại mà những cú click chuột được đo đếm và chuyển hóa thành tiền. Facebook chỉ vừa trở nên phổ biến. Twitter còn tương đối mới. Phần lớn người Mỹ trưởng thành đều sở hữu một chiếc điện thoại di động, và đa số điện thoại di động đều có camera. Chúng tôi đang đứng trước ranh giới của một điều mà tôi không chắc là có ai trong số chúng tôi hoàn toàn hiểu rõ.

Barack không còn chỉ cố gắng giành được sự ủng hộ của cử tri Đảng Dân chủ; giờ đây anh đang lôi kéo toàn thể nước Mỹ ủng hộ mình. Sau vòng bỏ phiếu kín ở Iowa, Barack và Hillary Clinton đã dành cả mùa đông và mùa xuân năm 2008 để đến từng tiểu bang và vùng lãnh thổ, nỗ lực tranh giành từng lá phiếu để có thể trở thành ứng viên có số phiếu vượt ngưỡng tối thiểu. (John Edwards, Joe Biden và những đối thủ khác đều đã bỏ cuộc chơi từ cuối tháng Một.) Hai ứng viên đã cạnh tranh với nhau rất quyết liệt, trong đó Barack mở màn bằng một sự dẫn đầu khiêm tốn nhưng dần dần gia tăng cách biệt vào khoảng giữa tháng Hai. “Bây giờ cha là tổng thống rồi hả mẹ?”, Malia thỉnh thoảng hỏi tôi như vậy suốt nhiều tháng sau đó, khi chúng tôi đứng trên nhiều sân khấu khác nhau, giữa tiếng nhạc mừng vang vọng xung quanh, tâm trí bé bỏng của con bé vẫn chưa hiểu được điều gì ngoài mục đích sau cùng đó.

“Vậy bây giờ cha là tổng thống hả mẹ?”

“Chưa đâu cục cưng, vẫn chưa.”

Phải đến tháng Sáu thì Hillary mới công nhận là bà không có đủ phiếu đại cử tri để giành chiến thắng. Sự thừa nhận chậm trễ này của bà đã làm lãng phí các nguồn lực quý báu của chiến dịch, khiến Barack không thể chuyển hướng cuộc chiến vào John McCain, đối thủ thuộc Đảng Cộng hòa. Vị Thượng nghị sĩ lão luyện từ Arizona này đã trở thành người mặc định được đề cử của Đảng Cộng hòa từ tận tháng Ba, và hiện đang vận động tranh cử bằng hình ảnh một anh hùng chiến tranh phi đảng phái, người từng ủng hộ sự hợp tác giữa hai đảng và có kinh nghiệm dày dặn về quốc phòng - tóm lại, hàm ý là ông sẽ dẫn dắt nước Mỹ theo đường lối rất khác với George W. Bush.

Chúng tôi có mặt ở Butte vào ngày Quốc khánh với mục đích kép, bởi giờ đây gần như mọi thứ đều có mục đích kép. Barack đã dành bốn ngày trước đó để vận động tại Missouri, Ohio, Colorado và North Dakota. Anh ấy không có nhiều thời gian để quay về mừng sinh nhật Malia, và anh cũng không thể không xuất hiện trong tầm mắt cử tri vào ngày lễ quan trọng nhất của đất nước. Vì thế, thay vì anh phải về nhà, chúng tôi đã bay đến gặp anh, cố gắng để vẹn cả đôi đường - một ngày đoàn tụ gia đình trước con mắt của công chúng. Maya, em gái cùng mẹ khác

cha của Barack, và chồng em ấy, Konrad, cũng cùng đi với chúng tôi, dẫn theo con gái Suhaila, một cô bé bốn tuổi hết sức đáng yêu.

Bất kỳ bậc cha mẹ nào có sinh nhật của con trùng với ngày đại lễ đều biết rằng họ phải cân bằng giữa hoạt động ăn mừng của gia đình và các hoạt động lễ hội chung. Những người tốt bụng ở Butte dường như hiểu điều này. Có những tấm bảng “Chúc mừng sinh nhật Malia!” dán bên trong cửa sổ của các cửa tiệm mặt tiền Đại lộ Trung tâm. Người ta hô vang lời chúc mừng con bé giữa tiếng trống kèn theo điệu nhạc rộn ràng của bài “Yankee Doodle”, trong lúc gia đình chúng tôi ngồi trên khán đài xem cuộc diễu hành mừng Quốc khánh của thị trấn. Những người chúng tôi gặp luôn tử tế với hai đứa trẻ và tôn trọng chúng tôi, ngay cả khi họ thú nhận rằng bỏ phiếu bầu cho ứng viên Đảng Dân chủ gần như là một hành động điên rồ trái với truyền thống.

Cũng vào hôm đó, ban thực hiện chiến dịch đã tổ chức một buổi dã ngoại tại một cánh đồng nhìn ra những dãy núi nhấp nhô của rặng Continental Divide. Sự kiện này là buổi tụ họp của vài trăm người ủng hộ của chúng tôi tại địa phương, và cũng là tiệc mừng sinh nhật Malia. Tôi cảm động khi thấy tất cả những người đã đến gặp chúng tôi, nhưng đồng thời tôi cũng cảm nhận được điều gì đó riêng tư hơn và rạo rực hơn, một điều không liên quan gì với nơi chúng tôi đang có mặt. Hôm đó tôi chợt nhận ra sự nhạy cảm vô cùng của bậc làm cha làm mẹ, nhận ra dòng chảy quá nhanh của thời gian khi bất thành linh thấy các con đã lớn bổng lên, bập tay bập chân tròn lẳn của chúng nay đã thon dài và ánh mắt của chúng đang trở nên hiểu biết hơn. Đối với tôi, ngày Quốc khánh năm 2008 là ngưỡng quan trọng nhất mà chúng tôi đã vượt qua: mười năm trước, khi xuất hiện ở phòng sinh để chào đón đứa con đầu lòng, Barack và tôi tin rằng chúng tôi đã biết rất nhiều về thế giới này, trong khi sự thật là chúng tôi vẫn chưa hề biết gì cả.

Tôi dành phần lớn thời gian của mười năm qua để cân bằng giữa gia đình và công việc, xoay xở để làm sao vừa có thể yêu thương chăm sóc Malia và Sasha, vừa nỗ lực hoàn thành tốt trách nhiệm của mình. Nhưng mục tiêu đã thay đổi: giờ đây tôi đang tìm cách cân bằng giữa việc nuôi dạy con với một thứ hoàn toàn khác và phức tạp hơn nhiều - đó là chính trị, nước Mỹ và hành trình làm-điều-quan-trọng của Barack. Tầm vóc của những gì đang diễn ra trong cuộc sống của Barack, những đòi hỏi của chiến dịch tranh cử, sự chú ý hướng về gia đình chúng tôi - tất cả dường như đang tiến triển rất nhanh. Sau cuộc bỏ phiếu kín ở Iowa, tôi quyết định nghỉ việc tại bệnh viện vì biết rằng mình không thể đảm đương công việc đó một cách hiệu quả được nữa. Chiến dịch tranh cử đang dần dần chi phối mọi thứ. Sau Iowa, tôi bận rộn đến mức không thể đến văn phòng và thu dọn đồ dùng của mình hoặc nói lời chia tay đảng hoàng với đồng nghiệp. Giờ đây tôi là một người mẹ và người vợ toàn thời gian, dấu cho đó là người vợ có một mục tiêu to lớn và người mẹ muốn bảo vệ các con của mình không bị nuốt chửng bởi mục tiêu đó. Từ bỏ công việc là một quyết định đau lòng, nhưng tôi không còn lựa chọn nào khác: gia đình cần tôi, và điều đó quan trọng hơn việc tiếp tục theo đuổi sự nghiệp riêng của mình.

Vậy là tôi có mặt tại buổi dã ngoại của chiến dịch tranh cử tại Montana, dẫn đầu một nhóm những người lạ mặt hát bài “Chúc mừng sinh nhật” tặng Malia, cô bé con đang mỉm cười ngồi trên bãi cỏ với một chiếc hamburger trên đĩa. Tôi biết cử tri thấy hai cô con gái của chúng tôi thật đáng yêu và thấy sự gắn bó của gia đình chúng tôi thật đáng quý. Nhưng tôi thường nghĩ không biết các con nhìn nhận toàn bộ những chuyện này như thế nào, chúng có suy nghĩ gì về mọi chuyện đang diễn ra. Tôi cố gắng dần xuống cảm giác tội lỗi. Chúng tôi có kế hoạch tổ chức một bữa tiệc sinh nhật đúng nghĩa vào cuối tuần tiếp theo, một bữa tiệc có rất nhiều bạn bè của Malia đến tham dự và ngủ lại nhà chúng tôi ở Chicago, và không dính gì tới chính trị. Còn buổi tối hôm Quốc khánh đó, chúng tôi đã có một bữa quây quần riêng tư hơn tại khách sạn. Tuy vậy, khi hai cô con gái của chúng tôi

chạy quanh khu dã ngoại trong lúc Barack và tôi bắt tay các cử tri tiềm năng vào chiều hôm đó, tôi tự hỏi không biết về sau chúng có nhớ tới bữa tiệc ngoài trời này như một kỷ niệm vui hay không.

Những ngày này, tôi dõi theo Sasha và Malia với một cảm giác mãnh liệt mới mẻ trong tim. Giờ đây những người lạ bắt đầu gọi tên chúng, họ muốn chạm vào chúng và chụp ảnh chúng, giống họ làm với tôi. Sau mùa đông, chính phủ cho rằng tôi và hai cô con gái cần có mặt vụ bảo vệ vì quá nhiều người đã biết tới chúng tôi, điều này nghĩa là khi Sasha và Malia đi học hay tham dự trại hè, thường do bà ngoại chở đi, nhân viên mặt vụ sẽ lái xe theo sau chúng.

Ở buổi dã ngoại, mỗi người chúng tôi đều có nhân viên mặt vụ theo sát, họ dò xét đám đông để xem có dấu hiệu đe dọa nào hay không, họ khéo léo can thiệp nếu một người thiện chí trở nên nhiệt tình quá mức và thu hút sự chú ý. Thật may, bọn trẻ có vẻ không xem các mặt vụ như cận vệ mà xem họ giống những người bạn lớn tuổi mới xuất hiện trong mạng lưới ngày càng mở rộng của những con người thân thiện mà chúng tôi đi cùng, chỉ khác là họ đeo tai nghe và luôn có tinh thần cảnh giác cao độ. Sasha thường gọi họ là “những người bí ẩn”.

Hai đứa trẻ giúp quá trình vận động tranh cử trở nên dễ chịu hơn, bởi chúng không chú tâm nhiều vào kết quả. Tôi và Barack cảm thấy an tâm khi có các con bên cạnh - đó là một sự nhắc nhở rằng rốt cuộc thì gia đình vẫn có ý nghĩa hơn số lượng đông đảo người ủng hộ hay chuyện vươn lên dẫn đầu bảng xếp hạng bầu cử. Hai đứa con của chúng tôi đều không để tâm đến sự ồn ào huyên náo đang vây quanh cha chúng. Chúng không bận tâm xây dựng một nền dân chủ tốt đẹp hơn hay muốn được vào Nhà Trắng. Tất cả những gì chúng muốn (thật sự, thật sự muốn) là một chú cún. Vào những lúc mọi người ít bận rộn hơn, hai đứa thích chơi đuổi bắt hoặc chơi bài với nhân viên chiến dịch, và cho dù đến đâu thì chúng cũng sẽ luôn tìm một tiệm kem. Tất cả những thứ còn lại đều không đáng bận tâm.

Tối tận hôm nay Malia và tôi vẫn còn cười khi nhắc lại chuyện hồi con bé chỉ mới tám tuổi, một đêm nọ khi Barack đang dỗ con bé ngủ, anh đã hỏi, “Con thấy sao nếu cha tranh cử vị trí tổng thống? Con có nghĩ cha nên làm vậy không?”.

“Có chứ ạ!”, con bé đáp và hôn lên má Barack. Quyết định tranh cử của anh sẽ thay đổi gần như mọi thứ trong cuộc sống của con bé sau này, nhưng làm sao mà con bé biết được? Con bé chỉ đơn giản xoay người rồi chìm vào giấc ngủ.

Ngày hôm đó ở Butte, chúng tôi đến tham quan bảo tàng khai thác mỏ trong vùng, chơi đấu súng nước và đá bóng trên bãi cỏ. Barack đọc bài diễn văn tranh cử và bắt tay đám đông cử tri như thường lệ, đồng thời vẫn duy trì sự gắn bó với cả nhà. Sasha và Malia trèo lên người anh, cười khúc khích và khiến anh vui vẻ với những suy nghĩ ngây thơ của chúng. Tôi nhìn thấy sự thoải mái trong nụ cười của anh, ngưỡng mộ anh vì khả năng gạt mọi xao nhãng bên ngoài sang một bên và chỉ đơn giản là người cha mỗi khi có cơ hội. Anh trò chuyện với vợ chồng em gái, Maya và Konrad, và luôn choàng vai tôi khi chúng tôi đi bất kỳ đâu.

Chúng tôi không bao giờ đơn độc. Chúng tôi có nhân viên vây quanh, có mặt vụ bảo vệ, có phóng viên chờ phỏng vấn, có những người xa lạ chụp ảnh chúng tôi từ xa. Giờ đây, tất cả những điều đó đều là bình thường trong cuộc sống chúng tôi. Trong suốt thời gian tranh cử, cuộc sống của chúng tôi được lên lịch sẵn đến mức chúng tôi chỉ biết nhìn cuộc sống cá nhân và quyền làm chủ cuộc sống của mình dần dần biến mất. Cả Barack và tôi đều trao gần như cả cuộc sống vào tay một nhóm những chàng trai cô gái tuổi đôi mươi, những người cực kỳ thông minh và tháo vát, nhưng cũng là những người không biết cảm giác từ bỏ quyền làm chủ cuộc đời mình đau đớn đến dường nào. Nếu cần một món gì đó ở cửa hàng, tôi phải nhờ ai đó đi mua giùm. Nếu muốn nói chuyện với Barack,

tôi thường phải gửi yêu cầu cho một nhân viên trẻ tuổi của anh. Đôi khi trên lịch trình của tôi xuất hiện các sự kiện và hoạt động mà tôi không biết.

Nhưng dần dần, như một bản năng sống còn, chúng tôi đã học cách chấp nhận thực tế và sống cuộc đời của mình trước con mắt của công chúng.

Trước lúc chiều xuống ở Butte, chúng tôi có một buổi trả lời phỏng vấn truyền hình, cả bốn người chúng tôi - tôi, Barack và hai cô con gái. Đây là chuyện chúng tôi chưa từng làm. Thông thường, chúng tôi yêu cầu giới báo chí tránh xa bọn trẻ, hạn chế chụp ảnh chúng và chỉ cho chúng xuất hiện trong những sự kiện công khai thuộc chiến dịch tranh cử. Tôi không biết cái gì đã xui khiến chúng tôi đồng ý lần này. Theo tôi còn nhớ, nhân viên chiến dịch cho rằng để công chúng thấy Barack trong vai trò người cha cũng là một ý hay, và lúc đó tôi thấy ý kiến này không có gì đáng ngại. Dù sao đi nữa, anh ấy yêu thương con chúng tôi. Anh ấy yêu thương mọi đứa trẻ trên đời. Đó chính là lý do anh ấy sẽ là một tổng thống tuyệt vời.

Bốn người chúng tôi cùng ngồi với người dẫn chương trình Maria Menounos của chương trình Access Hollywood trên băng ghế trong công viên - ai đó đã phủ một tấm vải nhiều màu sắc lên băng ghế cho phù hợp với không khí lễ hội hơn - và chúng tôi đã trò chuyện với nhau khoảng mười lăm phút. Malia diện kiểu tóc tết bím, còn Sasha thì mặc một chiếc đầm ba lỗ màu đỏ. Như thường lệ, cả hai đều đáng yêu vô cùng. Menounos duyên dáng và giữ không khí của cuộc chuyện trò rất nhẹ nhàng trong lúc Malia, “cô giáo sư trẻ” trong gia đình, nghiêm túc suy nghĩ từng câu hỏi. Con bé nói thình thoảng cha khiến bé xấu hổ khi muốn bắt tay với bạn bè của mình, và rằng cha gây phiền toái cho cả nhà khi để đồ đạc của chiến dịch chắn cả lối ra vào. Sasha cố hết sức để ngồi yên và tập trung, con bé chỉ ngắt ngang cuộc phỏng vấn một lần duy nhất khi xoay sang tôi và hỏi, “Mẹ ơi, chừng nào thì mình được ăn kem ạ?”. Ngoài ra thì con bé ngoan ngoãn lắng nghe chị mình, thì thoảng chêm vào bất kỳ chi tiết nào đó có chút liên quan vừa nảy ra trong đầu. “Cha từng để tóc xoăn đó ạ!”, con bé chọt lên tiếng khi cuộc phỏng vấn gần kết thúc, và tất cả chúng tôi bắt đầu cười phá lên.

Vài ngày sau, cuộc phỏng vấn được phát sóng thành bốn phần trên đài ABC và được dư luận đón nhận nồng nhiệt, được các kênh tin tức khác nhắc đến với những dòng tít câu khách như “Vén màn bí mật về hai cô con gái của Obama” và “Hai cô gái nhỏ nhà Obama bật mí những bí mật trong gia đình”. Bỗng nhiên những bình luận trẻ con của Malia và Sasha được báo chí khắp nơi trên thế giới đăng tải.

Barack và tôi lập tức hối hận về những gì chúng tôi đã làm. Bài phỏng vấn không hề có lời lẽ thô tục. Chẳng có câu hỏi nào xoáy vào đời tư, cũng không có chi tiết đặc biệt nào bị tiết lộ. Thế nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy như mình đã có một lựa chọn sai lầm khi đưa tiếng nói của bọn trẻ ra trước công chúng quá sớm, trước khi chúng có thể thật sự hiểu được ý nghĩa của tất cả những chuyện này. Đoạn video đó không hề gây tổn hại gì cho Sasha hay Malia, nhưng giờ đây nó đã xuất hiện trước cả thế giới và lưu truyền mãi trên Internet. Hai cô bé con của chúng tôi không hề lựa chọn cuộc sống này, ấy thế mà trong lúc không suy xét cẩn thận, chúng tôi đã dâng chúng lên miệng cọp.

KHI ĐÓ tôi đã biết đôi chút về “miệng cọp”. Chúng tôi sống cùng những cái nhìn soi mói vào mình, và chuyện đó khiến mọi thứ trở nên lạ lẫm. Tôi được Oprah Winfrey gửi tin nhắn động viên khích lệ. Stevie Wonder, thần tượng thời thơ ấu của tôi, xuất hiện để trình diễn tại các sự kiện của chiến dịch tranh cử, cười đùa và gọi tên tôi như thể chúng tôi đã quen biết từ lâu lắm. Lượng quan tâm chú ý khiến tôi mất phương hướng, nhất là khi tôi cảm thấy chúng tôi không thật sự làm được điều gì để xứng đáng với sự quan tâm đó. Vị thế của chúng tôi được nâng lên nhờ sức mạnh của thông điệp mà Barack đang truyền tải, đồng thời cũng nhờ lời hứa hẹn và tính đặc trưng của thời điểm này. Nếu nước Mỹ bầu ra vị tổng thống da đen đầu tiên, điều này không chỉ liên quan đến

Barack mà còn nói lên điều gì đó về đất nước này. Đối với rất nhiều người, và vì rất nhiều lý do, điều này mang rất nhiều ý nghĩa.

Dĩ nhiên, Barack là người đón nhận phần lớn cái nhìn sâu soi này - sự nịnh hót cũng như sự dò xét luôn đi kèm với nó. Càng nổi tiếng thì bạn càng có nhiều kẻ ganh ghét. Đường như việc các đối thủ dùng tiền để tìm hiểu thông tin về nhau đã trở thành luật bất thành văn, đặc biệt là trong chính trị - người ta thuê thám tử moi móc từng chi tiết trong đời tư của ứng viên, cố tìm ra một vết nhơ nào đó.

Chồng tôi và tôi có bản tính khác nhau, và đó là lý do một người chọn chính trị còn người kia thì không. Anh ấy ý thức được những tin đồn và những nhận thức lệch lạc đang bị bơm vào chiến dịch như khí độc, nhưng chúng không khiến anh phiền lòng. Barack đã trải qua nhiều chiến dịch khác. Anh tìm hiểu lịch sử chính trị và sẵn sàng cho mọi bối cảnh chính trị mà mình gặp phải. Và nhìn chung, anh đơn giản không phải là người dễ lo sợ hay đi chệch hướng vì những thứ mơ hồ như sự nghi ngờ hay xúc phạm.

Ngược lại, tôi vẫn đang học cách làm người của công chúng. Tôi tự xem mình là một phụ nữ tự tin, thành đạt, nhưng tôi cũng là đứa trẻ năm nào từng nói với mọi người rằng mình có dự định trở thành bác sĩ nhi khoa và từng nỗ lực hết sức để đạt điểm chuyên cần tuyệt đối ở trường. Nói cách khác, tôi quan tâm người khác nghĩ gì. Tôi đã dành cả tuổi trẻ để tìm kiếm sự chấp nhận, cần mẫn thu thập những ngôi sao nhũ vàng và tránh xa những tình huống xã hội lộn xộn. Theo thời gian, tôi bắt đầu tập để không đo đếm giá trị bản thân một cách khắt khe qua những thành tích đúng nguyên tắc thông thường, nhưng tôi vẫn tin rằng nếu làm việc chăm chỉ và chân thành thì tôi có thể tránh được những kẻ bắt nạt và luôn được mọi người nhìn nhận đúng với bản chất của mình.

Tuy nhiên, niềm tin này sắp bị đảo lộn.

Sau chiến thắng của Barack tại Iowa, thông điệp của tôi trên đường chiến dịch ngày càng sôi nổi hơn, gần như tỷ lệ thuận với số người trong những đám đông đến dự các buổi tuyên truyền vận động. Các buổi gặp gỡ của tôi từ quy mô hàng trăm người nay đã tăng lên hàng ngàn người và hơn thế nữa. Tôi nhớ mình đã đến dự một sự kiện tại Delaware cùng với Melissa và Katie, và chúng tôi đã thấy một dòng người dày đặc vây quanh dãy nhà, chờ đợi để được vào khán phòng đã đông nghẹt bên trong. Cảnh tượng đó khiến tôi ngỡ ngàng trong hạnh phúc tột cùng. Tôi truyền đạt điều này đến mọi đám đông: tôi vô cùng xúc động trước sự nhiệt tình và gắn bó mà mọi người dành cho chiến dịch của Barack. Tôi thấy mình nhỏ bé trước công sức và nỗ lực mà mọi người đầu tư mỗi ngày để giúp anh được bầu làm tổng thống.

Còn với bài diễn văn vận động tranh cử của mình, dựa trên phương pháp từng rất hiệu quả đối với tôi tại Iowa, tôi đã xây dựng cho nó một kết cấu mờ, không sử dụng máy nhắc chữ hay lo lắng nếu mình lỡ nói lạc đề một chút. Lời lẽ của tôi không trau chuốt, và tôi chưa bao giờ nói năng lưu loát được như chồng mình, nhưng những gì tôi nói đều xuất phát từ trái tim chân thành. Tôi mô tả những mối hoài nghi ban đầu của mình đã giảm bớt theo thời gian và được thay thế bằng một điều gì đó đáng khích lệ và giàu hy vọng hơn. Tôi nhận ra có rất nhiều người trong số chúng ta đang có cùng những khó khăn và mối bận tâm về con em của mình, cũng như lo lắng về tương lai. Và cũng như tôi, có rất nhiều người tin Barack là ứng viên duy nhất có khả năng mang lại sự thay đổi đích thực.

Barack muốn rút quân đội Mỹ ra khỏi Iraq. Anh muốn rút lại chính sách cắt giảm thuế mà George W. Bush đã thông qua cho tầng lớp siêu giàu. Anh muốn xây dựng chế độ chăm sóc sức khỏe với chi phí hợp lý cho toàn bộ người Mỹ. Đó là một kế hoạch đầy tham vọng, nhưng mỗi khi bước vào một khán phòng đầy những người ủng hộ đang bùng bùng khí thế, tôi cảm thấy có lẽ với tư cách một dân tộc, chúng tôi đã sẵn sàng bỏ qua những khác biệt của nhau và biến kế hoạch của Barack thành hiện thực. Trong những khán phòng đó có lòng tự hào, có tinh thần

đoàn kết vượt qua mọi khác biệt về màu da. Tinh thần lạc quan dâng cao và truyền cho chúng tôi sức mạnh. “Hy vọng đang quay trở lại!”, tôi tuyên bố tại mỗi điểm vận động tranh cử.

Vào một ngày tháng Hai, tôi đang ở Wisconsin thì Katie nhận được một cuộc gọi từ ai đó trong đội ngũ truyền thông của Barack, nói là có vẻ có vấn đề gì đó. Tôi đã nói ra một điều gì đó gây tranh cãi trong bài diễn văn của mình tại một nhà hát ở Milwaukee ít giờ trước. Katie cũng bối rối như tôi. Điều tôi đã nói tại Milwaukee thật sự không có gì khác với nội dung tôi vừa phát biểu trước một đám đông khác ở Madison, vốn cũng không có gì khác với những bài diễn văn mà tôi vẫn nói suốt nhiều tháng qua. Chưa từng có vấn đề gì xảy ra trước đây. Tại sao bây giờ lại có?

Cũng trong ngày hôm đó, chúng tôi đã thấy vấn đề. Ai đó đã ghi hình bài nói chuyện dài khoảng bốn mươi phút của tôi và biên tập nó thành một đoạn phim vồn vện mười giây, tách nó khỏi ngữ cảnh và chỉ nhấn mạnh một vài từ.

Bỗng nhiên có những đoạn clip được trích từ cả hai bài diễn văn của tôi tại Milwaukee và Madison, tập trung vào đoạn tôi nói về cảm giác được khích lệ. Nguyên văn là thế này: “Trong năm nay chúng ta đã nhận ra rằng hy vọng đang quay trở lại! Và hãy để tôi kể với các bạn điều này, lần đầu tiên kể từ khi trưởng thành, tôi thật sự tự hào về nước Mỹ. Không chỉ vì những gì Barack đã làm được, mà vì tôi cho rằng mọi người đang khao khát sự thay đổi. Tôi vẫn luôn mong mọi được thấy đất nước của chúng ta hướng tới sự thay đổi, và mong rằng tôi không phải cô độc như vậy trong sự chán nản và thất vọng. Tôi đã thấy người ta khao khát được thống nhất với nhau về những vấn đề cơ bản thường gặp, và chuyện đó khiến tôi tự hào. Tôi cảm thấy mình được ưu ái khi trở thành một trong những người chứng kiến những điều này”.

Nhưng gần như tất cả những lời của tôi đã bị lược bỏ sạch sẽ, kể cả những phần nói về sự hy vọng, đoàn kết và sự xúc động của tôi. Sắc thái ý nghĩa đã mất hết, sự chú ý được hướng về một điều duy nhất. Điều được ghi lại trong những đoạn clip - và đang được phát liên tục trên các kênh vô tuyến, như chúng tôi được thông báo - lại là thế này: “Lần đầu tiên kể từ khi trưởng thành, tôi thật sự tự hào về nước Mỹ”.

Tôi không cần xem tin tức cũng biết nó đang được nhào nặn ra sao. Bà ta không ái quốc. Bà ta luôn ghét nước Mỹ. Đây mới chính là con người thật của bà ta. Trước giờ bà ta chỉ diễn mà thôi.

Đó là cú đấm đầu tiên. Và có vẻ tôi đã tự “mời” nó đến với mình. Khi cố gắng thể hiện một bài diễn văn đơn giản và dễ hiểu, tôi đã quên mất mỗi cụm từ có sức nặng đến mức nào. Tôi đã vô tình dâng cho những kẻ ganh ghét mình một bữa tiệc mười-sáu-từ thịnh soạn. Hệt như hồi học lớp một, tôi không lường trước được chuyện đó.

Tối hôm đó, tôi bay về nhà ở Chicago, cảm thấy tội lỗi và suy sụp tinh thần. Tôi biết Melissa và Katie đang âm thầm dùng điện thoại di động để theo dõi các tin tức xấu, dù họ rất cẩn thận không chia sẻ các tin đó với tôi vì biết rằng làm vậy chỉ khiến mọi thứ thêm tồi tệ. Tính tới thời điểm đó, ba người chúng tôi đã làm việc với nhau được gần một năm, cùng nhau đi qua những dặm đường dài không đếm nổi và liên tục chạy đua với thời gian để tôi có thể về nhà với bọn trẻ vào ban đêm. Chúng tôi đã đi qua nhiều khán phòng trên cả nước, ăn nhiều thức ăn nhanh hơn mình mong muốn và đến gặp những vị mạnh thường quân giàu có tại những ngôi nhà tráng lệ đến mức chúng tôi kiềm chế để không há hốc mồm. Trong khi Barack và đội tranh cử đi lại trên những chiếc máy bay thuê riêng và những chiếc xe du lịch êm ái, chúng tôi vẫn phải cời giày đứng chờ trong dòng người đang chậm chạp nhích lên từng bước để làm thủ tục kiểm tra an ninh tại sân bay, ngồi ghế bình dân trên các chuyến bay của hãng United và Southwest, trông cậy vào thiện chí của những tình nguyện viên để được trung chuyển đến những sự kiện mà đôi khi diễn ra ở nơi cách nhau đến hàng trăm cây số.

Nhìn chung, tôi cảm thấy chúng tôi đã làm việc khá xuất sắc. Tôi đã thấy Katie đứng trên ghế để lớn tiếng xua đuổi những tay thợ chụp hình gấp đôi tuổi mình và thẳng thắn bày tỏ thái độ đối với những phóng viên đặt câu hỏi vượt quá giới hạn cho phép. Tôi đã thấy Melissa tỉ mỉ sắp xếp từng chi tiết trong lịch trình của tôi, thành thạo điều phối nhiều sự kiện trong một ngày, tay liên tục bấm điện thoại để giải quyết mọi vấn đề có thể phát sinh, đồng thời bảo đảm tôi không bao giờ lỡ vỡ kịch bản của bọn trẻ tại trường, tiệc sinh nhật của người bạn cũ hay một dịp đi tập thể dục tại phòng gym. Hai người họ cống hiến hết mình cho chiến dịch này, hy sinh cuộc sống cá nhân của mình để tôi có thể duy trì cuộc sống cá nhân của riêng tôi.

Tôi ngồi dưới ánh đèn phát ra từ trần máy bay, lo lắng mình đã làm hỏng chuyện với mười sáu từ kia.

Về nhà, sau khi dỗ bọn trẻ ngủ và đưa mẹ về lại nhà trên Đại lộ Euclid để nghỉ ngơi, tôi gọi điện thoại di động cho Barack. Đó là đêm trước ngày bầu cử sơ bộ tại Wisconsin, và kết quả thăm dò cho thấy cuộc đua đang rất gay gắt. Trong việc lựa chọn đại biểu tham dự Đại hội toàn quốc thì Barack đang dẫn trước với cách biệt nhỏ nhưng ngày càng tăng lên, trong khi Hillary thì cho chạy các mẫu quảng cáo chỉ trích Barack về mọi thứ, từ kế hoạch chăm sóc y tế đến việc anh không chịu tranh luận với bà thường xuyên hơn. Rủi ro dường như rất cao. Chiến dịch của Barack không thể chịu nổi một cú thất bại. Tôi xin lỗi anh về bài diễn văn của tôi đã gây ra phiền phức. “Em không biết em đã làm gì sai”, tôi nói. “Em vẫn nói y như vậy suốt mấy tháng qua.”

Đêm đó Barack đi từ Wisconsin đến Texas. Tôi gần như cảm nhận được anh nhún vai ở đầu dây bên kia. “Nghe này, đó là vì khán giả của em quá đông”, anh ấy nói. “Em đã trở thành một thể lực đáng gờm trong chiến dịch, điều đó nghĩa là người ta sẽ nhắm vào em nhiều hơn. Đây chỉ là bản chất của sự việc thôi.”

Như vẫn thường làm mỗi khi chúng tôi nói chuyện với nhau, anh cảm ơn tôi vì đã dành thời gian cho chiến dịch, nói thêm rằng anh lấy làm tiếc vì những hậu quả mà tôi phải gánh chịu. “Anh yêu em”, anh nói với tôi trước khi gác máy. “Anh biết chuyện này rất khó khăn, nhưng rồi nó sẽ qua. Luôn là như thế.”

ANH ẤY VỪA ĐÚNG cũng vừa sai về chuyện này. Ngày 19 tháng Hai năm 2008, Barack chiến thắng vòng bầu cử sơ bộ ở Wisconsin với cách biệt khá tốt, đồng nghĩa với việc tôi không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho anh tại khu vực này. Cùng ngày hôm đó, Cindy McCain đã chỉ trích tôi trong lúc đang phát biểu tại một cuộc vận động, bà nói: “Tôi tự hào về đất nước tôi. Tôi không biết các bạn có thể không, không biết các bạn có từng nghe ai đó nói những lời này trước đây hay không - Tôi rất tự hào về đất nước tôi”. Đài CNN nhận định chúng tôi đang “đốp chát nhau về lòng ái quốc”, còn các blogger thì vẫn hăng hái bình phẩm như thường lệ. Nhưng chỉ trong khoảng một tuần, có vẻ như mọi sự náo động đều lắng xuống. Barack và tôi đều trả lời báo chí, giải thích rõ là tôi cảm thấy tự hào khi thấy rất nhiều người Mỹ gọi điện kêu gọi ủng hộ chiến dịch, nói chuyện với hàng xóm của mình và ngày càng có lòng tin về sức mạnh của chính họ trong nền dân chủ Mỹ - đây là những việc mà tôi cảm thấy mới chỉ có lần đầu. Và rồi chúng tôi tiếp tục lên đường. Trong các bài diễn văn của mình, tôi cố gắng thận trọng với lời lẽ của mình hơn, nhưng thông điệp mà tôi muốn truyền đạt vẫn không thay đổi. Tôi vẫn tự hào và cảm thấy được khích lệ. Chuyện đó không có gì thay đổi cả.

Ấy thế mà một hạt giống nguy hại đã được gieo - người ta nhận định tôi là một kẻ cáu kỉnh và hơi công kích, không được duyên dáng như người ta kỳ vọng. Chúng tôi không biết nhận định này đến từ đối thủ chính trị của Barack hay từ nơi nào khác, nhưng những tin đồn và bình luận ác ý gần như mang theo một thông điệp không-máy-nhệ-nhàng về chủng tộc, với mục đích khơi dậy nỗi sợ sâu kín nhất và xấu xí nhất bên trong cộng đồng cử tri. Đừng để những người da đen chiếm quyền. Họ không giống chúng ta. Tầm nhìn của họ không phải tầm nhìn của chúng ta.

Sự việc càng thêm nghiêm trọng khi kênh tin tức ABC đã cắt gọt hai mươi chín giờ ghi hình các bài diễn thuyết của mục sư Jeremiah Wright thành một đoạn băng gây tranh cãi, xoáy vào cơn giận dữ và sự căm phẫn của ông về nước Mỹ của người da trắng, như thể người da trắng là thủ phạm gây ra mọi khổ đau. Barack và tôi mất hết tinh thần khi nhìn thấy đoạn băng đó, nó phản ánh phần tồi tệ và điên rồ nhất của người đã làm phép hôn phối cho chúng tôi và rửa tội cho hai con của chúng tôi. Gia đình của cả hai chúng tôi đều có những thành viên nhìn nhận vấn đề chủng tộc với sự hồ nghi khó chịu. Tôi từng thấy cơn giận âm ỉ của ông Dandy vì những năm tháng bị gạt khỏi con đường sự nghiệp do màu da của mình, tôi cũng thấy nỗi âu lo của ông Southside về sự an toàn của cháu mình trong khu phố của người da trắng. Trong khi đó, Barack từng nghe Toot, bà ngoại người da trắng của anh, đưa ra những nhận định chưa thấu đáo về vấn đề sắc tộc, thậm chí bà còn thú nhận với đứa cháu ngoại da đen của mình là đôi khi bà cảm thấy sợ khi gặp một người đàn ông da đen trên đường. Chúng tôi đã có nhiều năm chung sống với những suy nghĩ hạn hẹp của một vài người lớn tuổi trong gia đình và chấp nhận một sự thật là không ai hoàn hảo, đặc biệt là những người trưởng thành trong giai đoạn phân biệt chủng tộc. Có lẽ điều này đã khiến chúng tôi bỏ qua những phản thái quá trong các bài giảng nẩy lửa của mục sư Wright, mặc dù chúng tôi không có mặt trong bất kỳ bài giảng nào mà giới truyền thông đang soi mói. Tuy nhiên, chúng tôi bàng hoàng khi chứng kiến phiên bản cực đoan của ông bị phát sóng trên bản tin. Toàn bộ sự việc này nhắc nhở rằng những suy nghĩ lệch lạc của nước Mỹ về vấn đề chủng tộc có thể đến từ cả hai phía - sự hoài nghi và quy kết rập khuôn có thể đến từ phía người da đen lẫn người da trắng.

Trong lúc đó, có người đã đào bới bản luận văn cử nhân mà tôi đã viết ở Princeton từ hơn hai mươi năm trước - một khảo sát về quan điểm của cựu sinh viên Mỹ gốc Phi đối với vấn đề chủng tộc và bản sắc sau khi theo học tại trường Princeton. Vì những lý do mà tôi không bao giờ hiểu nổi, giới truyền thông bảo thủ đang xem luận văn của tôi như một bản tuyên ngôn bí mật nào đó về quyền lực của người da đen, một mối đe dọa chưa được triệt tiêu. Họ làm như thể ở tuổi hai mươi mốt, thay vì tìm cách đạt điểm A môn xã hội học và giữ được một chỗ trong trường luật Harvard thì tôi lại nung nấu một kế hoạch nổi loạn kiểu Nat Turner^[1] để lật đổ người da trắng và cuối cùng, giờ đây, thông qua chồng của mình, tôi có dịp để biến nó thành hiện thực. “Có phải Michelle Obama có trách nhiệm về sự thất bại thảm hại của Jeremiah Wright?” là tiêu đề phụ trong một bài báo online của Christopher Hitchens. Ông công kích tôi-thời-đại-học, cho rằng tôi đã bị ảnh hưởng quá mức từ những nhà tư tưởng da đen cực đoan và bên cạnh đó còn là một cây bút chẳng ra gì. Trong bài báo, ông viết, “Bản luận văn không phải là khó đọc, mà là không thể ‘đọc’ được, theo đúng nghĩa đen. Bởi vì nó không phải được viết bằng ngôn ngữ của loài người”.

Tôi không chỉ bị tô vẽ thành kẻ ngoài cuộc, mà còn hoàn toàn trở thành “kẻ khác”, khác đến mức người ta không thể hiểu được ngôn ngữ mà tôi sử dụng. Hiển nhiên đó là một lời xúc phạm lỗ bịch của kẻ tiểu nhân, nhưng cách ông ấy châm chọc trí lực của tôi, hạ thấp con người hồi trẻ của tôi đã thể hiện rõ một sự khinh miệt. Barack và tôi giờ đây đã quá nổi tiếng nên không thể nào bị xem là vô hình, nhưng nếu người ta xem chúng tôi là những kẻ ngoại tộc mưu đồ lấn chiếm cương thổ của họ thì có thể chúng tôi không còn khả năng chiến thắng trong cuộc tranh cử này. Không nói thắng ra, nhưng dường như người ta cứ bóng gió: Những kẻ này không thuộc về nơi đây. Barack có một bức ảnh chụp anh đang quấn khăn đội đầu và mặc bộ quần áo truyền thống của Somali mà người ta tặng nhân chuyến thăm chính thức của anh đến Kenya trong vai trò một thượng nghị sĩ, và bây giờ bức ảnh đó xuất hiện trên tờ Drudge Report, làm hồi sinh những giả thuyết cũ cho rằng anh là một người Hồi giáo kín. Vài tháng sau, Internet sẽ bùng nổ với một tin đồn nặc danh và vô căn cứ khác, lần này là chất vấn tư cách công dân

của Barack, lan truyền rằng anh không được sinh ra ở Hawaii mà là tại Kenya, và do đó không đủ tư cách trở thành tổng thống Mỹ.

Khi chúng tôi tiếp tục với vòng bầu cử sơ bộ ở Ohio và Texas, ở Vermont và Mississippi, tôi tiếp tục nói về sự lạc quan và đoàn kết, cảm nhận sự tích cực mà những người tham gia các sự kiện thuộc chiến dịch tranh cử mang lại và cùng hướng đến suy nghĩ về sự thay đổi. Tuy nhiên, bài nhận định tiêu cực nói trên có vẻ ngày càng gây thêm bất lợi cho tôi. Trên kênh tin tức Fox News có những buổi thảo luận về “cơn tức giận hung hăng” của tôi. Internet rộ lên những tin đồn về một đoạn băng ghi hình mà trong đó tôi gọi người da trắng là “những đứa da trắng” - một sự bịa đặt trắng trợn. Vào tháng Sáu, khi Barack cuối cùng cũng đạt được đề cử của Đảng Dân chủ, tôi chúc mừng anh bằng cú đập tay bông đùa trên sân khấu tại một sự kiện ở Minnesota, và sự việc sau đó đã lên báo, được một bình luận viên kênh Fox nhận định thành “cú đập tay khủng bố”, lại với ngụ ý rằng chúng tôi là những mối nguy hiểm. Một dòng tin phụ cũng trên kênh đó đã gọi tôi là “Mẹ của các con Obama”, có ý xỏ xiên tôi chỉ là mẹ của hai đứa trẻ “ngoài giá thú” nhà Obama chứ chẳng phải vợ của Barack Obama, điều này gọi lại những quan điểm lệch lạc và rập khuôn về khu ổ chuột của người Mỹ gốc Phi, biến tôi thành “người ngoài” và đẩy tôi ra khỏi cuộc hôn nhân của chính mình.

Tôi dần cảm thấy mệt mỏi, không phải về thể chất mà về tinh thần. Những cú đâm ấy rất đau, thậm chí cả khi tôi hiểu chúng hoàn toàn không liên quan gì đến bản chất con người tôi. Như thể ngoài kia có một phiên bản hoạt hình nào đó của tôi đang tàn phá xung quanh, một phụ nữ mà tôi cứ nghe người ta nhắc đến mãi nhưng không bao giờ gặp - một con quái vật quá to lớn, quá tàn bạo và cần được hạ gục trong lớp vỏ của một người vợ chính khách, tên là Michelle Obama. Một việc cũng khiến tôi đau lòng không kém là bạn bè tôi thỉnh thoảng sẽ gọi đến và bày tỏ sự lo lắng, cho tôi hàng đống lời khuyên mà họ nghĩ tôi nên nói lại với người phụ trách chiến dịch tranh cử của Barack, hoặc muốn được tôi trấn an sau khi nghe những tin tức tồi tệ về tôi, về Barack hoặc về tình trạng của chiến dịch vận động tranh cử. Khi tin đồn về cuộn băng “những đứa da trắng” xuất hiện, một người bạn khá hiểu tôi đã gọi điện đến, thể hiện rõ sự lo lắng vì nghĩ tin đồn đó là thật. Tôi phải dành ra gần ba mươi phút để thuyết phục cô ấy rằng tôi không hề trở thành kẻ phân biệt chủng tộc, và khi cuộc trò chuyện giữa chúng tôi kết thúc, tôi gác máy trong tình trạng hoàn toàn nản lòng thoái chí.

Nhìn chung, tôi cảm thấy như thể mình không thể thắng nổi, như thể không có niềm tin hay nỗ lực nào có thể giúp tôi vượt qua những kẻ gièm pha cũng như ý định hạ bệ tôi của họ. Tôi là một phụ nữ da đen và mạnh mẽ, một điều mà đối với một số người, với một kiểu tư duy nhất định nào đó, thì chỉ có thể được hiểu là “giận dữ”.

Giờ đây tôi bắt đầu thật sự tức giận đôi chút, điều này càng khiến tôi cảm thấy tệ hại hơn, cứ như tôi đang biến lời tiên tri của những kẻ ganh ghét mình thành sự thật, như thể tôi đã đầu hàng. Có bao nhiêu “phụ nữ da đen giận dữ” đã bị cuốn vào cái logic vòng vo của khái niệm đó? Khi bạn có điều muốn nói nhưng không được lắng nghe, tại sao bạn không nói lớn tiếng hơn? Nếu người ta dán cho bạn cái nhãn “tức giận” hay “dễ xúc động”, chẳng phải điều đó càng dễ khiến bạn trở thành như vậy hay sao?

Tôi kiệt sức bởi những thứ hèn hạ đó, rồi bởi bởi sự công kích cá nhân mà nó gây ra, đồng thời cảm thấy như thể tôi không còn đường lui. Khoảng tháng Năm, Đảng Cộng hòa bang Tennessee tung lên mạng một video chiếu lại những nhận xét của tôi tại Wisconsin kèm với cảnh các cử tri nói những câu như “Này, tôi tự hào là người Mỹ từ hồi còn là một đứa trẻ lặn kia”. Trang web của kênh truyền thông NPR đăng tải một câu chuyện với dòng tít: “Michelle Obama là báu vật hay cục nợ?”. Được in đậm ngay bên dưới tiêu đề đó là những luận điểm tranh cãi về tôi: “Thẳng thắn hay thẳng thừng?” và “Về ngoài: quyền lực hay đáng sợ?”.

Tôi có thể nói cho bạn biết là chuyện này đau đớn lắm.

Đôi khi tôi đổ lỗi cho chiến dịch tranh cử của Barack đã đẩy tôi vào tình cảnh hiện tại. Tôi biết tôi hoạt động năng nổ hơn nhiều vợ chồng các ứng viên tổng thống khác, chính vì vậy nên tôi mới trở thành mục tiêu tấn công. Bản năng của tôi là đáp trả, là lên tiếng vạch trần những lời dối trá cũng như những quy chụp bất công, hoặc buộc Barack phải lên tiếng, nhưng đội ngũ tổ chức chiến dịch liên tục nói rằng tốt nhất là đừng phản ứng, đơn giản là hãy chịu trận và cứ thế tiến lên. “Chính trị là vậy” luôn là câu thần chú, như thể chúng tôi không thể làm gì, như thể chúng tôi đều đã chuyển đến sống ở một thành phố khác trên một hành tinh khác tên là Chính Trị, nơi mà những quy tắc thông thường không được áp dụng.

Mỗi khi bị xuống tinh thần, tôi lại khiến bản thân khổ sở hơn với một loạt những suy nghĩ thoái chí: tôi đâu có lựa chọn những điều này. Chưa bao giờ tôi ưa chính trị. Tôi từ bỏ công việc và danh tính của mình vì chiến dịch này, và giờ đây tôi trở thành một món nợ? Sức mạnh của tôi đâu mất rồi?

Ngồi trong gian bếp nhà mình ở Chicago vào một tối Chủ nhật khi Barack về nhà để nghỉ lại một đêm, tôi trút hết mọi bí bách trong lòng.

“Em không cần phải làm chuyện này”, tôi nói với anh. “Nếu em gây tổn hại cho chiến dịch, vậy em đi vận động tuyên truyền để làm gì?”

Tôi giải thích rằng Melissa, Katie và tôi đang cảm thấy bị quá tải trước số lượng các lời mời phỏng vấn của giới truyền thông và những nỗ lực để đi vận động tuyên truyền với ngân sách eo hẹp mà chúng tôi đang có. Tôi không muốn làm hỏng chuyện và luôn muốn hỗ trợ anh, nhưng chúng tôi thiếu thời gian và nguồn lực nên chỉ có thể phản ứng với những gì trước mắt. Còn về sự soi mói càng ngày càng tăng mà người ta dành cho tôi, tôi cảm thấy mệt mỏi vì không có khả năng kháng cự, mệt mỏi vì bị nhìn nhận hoàn toàn sai lệch với bản chất con người mình. “Em có thể chỉ ở nhà với các con, nếu chuyện đó giúp tình hình khả quan hơn”, tôi chốt lại. “Em sẽ là một người vợ bình thường, người chỉ xuất hiện tại các sự kiện lớn và mỉm cười. Có lẽ như vậy sẽ dễ dàng hơn cho tất cả mọi người.”

Barack lắng nghe với vẻ đầy cảm thông. Tôi biết anh rất mệt và rất muốn lên lầu ngủ một giấc. Đôi khi tôi ghét chuyện đời sống gia đình và đời sống chính trị của chúng tôi đã không còn phân định rõ ràng. Cuộc sống của anh là một loạt những vấn đề cần được giải quyết trong tích tắc và hàng trăm mối tương tác khác nhau. Tôi không muốn trở thành một vấn đề khác mà anh phải để tâm, nhưng một lần nữa, cuộc sống của tôi đã hoàn toàn quyện vào cuộc sống của anh.

“Em là một tài sản quý báu chứ hoàn toàn không phải một món nợ gì cả, Michelle, em phải biết điều đó”, Barack xúc động lên tiếng. “Nhưng nếu em muốn dừng hay muốn chậm lại, anh hoàn toàn hiểu. Em có thể làm bất cứ điều gì em muốn.”

Anh nói tôi không cần phải cảm thấy mắc nợ anh hay chiến dịch tranh cử của anh. Và nếu tôi muốn tiếp tục nhưng cần thêm trợ lực, anh sẽ tìm cách để có được những điều đó cho tôi.

Tôi cảm thấy được an ủi, nhưng chỉ một chút thôi. Tôi vẫn cảm thấy mình như đứa trẻ lớp một vừa bị đánh một cú trời giáng trong lúc xếp hàng chờ nhận bữa trưa năm nào.

Nhưng sau câu nói ấy, chúng tôi ngừng bàn về chủ đề chính trị và cả hai mệt mỏi lên lầu đi ngủ.

KHÔNG LÂU SAU ĐÓ, tôi tới văn phòng của David Axelrod ở Chicago, cùng anh và chị Valerie xem những đoạn video quay lại những lần tôi xuất hiện trước công chúng. Giờ đây tôi nhận ra quá trình đó giống một buổi “can thiệp nội bộ”, một cách để giúp tôi thấy những phần nhỏ mà mình có thể kiểm soát được trong quá trình này. Cả hai khen ngợi những nỗ lực và khả năng kêu gọi hiệu quả của tôi trong việc kêu gọi mọi người ủng hộ Barack.

Nhưng rồi Axe tắt âm thanh của đoạn video để chúng tôi có thể nhìn kỹ hơn vào ngôn ngữ hình thể, đặc biệt là nét mặt của tôi.

Tôi đã nhìn thấy gì? Tôi thấy mình đang nói với sự mãnh liệt, tự tin và không bao giờ muốn tỏ ra nhân nhượng. Tôi luôn đề cập đến những giai đoạn khó khăn mà nhiều người Mỹ phải đối mặt, cũng như những bất công trong hệ thống giáo dục và y tế của chúng tôi. Mặt tôi phản ánh rõ sự nghiêm trọng của những vấn đề mà tôi cho là cần được giải quyết, cũng như tầm quan trọng đích thực của những lựa chọn mà nước Mỹ đang có.

Nhưng cách diễn đạt của tôi quá nghiêm trọng, quá trầm trọng - ít nhất là so với những gì người ta quen kỳ vọng ở phụ nữ. Tôi nhận ra một người xa lạ có thể nhìn nhận biểu cảm của tôi ra sao, đặc biệt là khi biểu cảm đó được gắn với một thông điệp không hề hoa mỹ. Tôi có thể hiểu vì sao phe chống đối đã tìm cách cắt gọt những hình ảnh ấy và đưa tôi ra trước dư luận dưới hình ảnh một người đàn bà chua ngoa đang cáu gắt. Đương nhiên đó lại là một sự quy chụp, một cái bẫy khác. Cách dễ dàng nhất để khiến tiếng nói của phụ nữ bị phớt lờ là chụp cho họ cái mũ người đàn bà bần tính.

Có vẻ không ai chỉ trích Barack về việc tỏ ra quá nghiêm túc hay không thường xuyên cười. Nhưng tôi là một người vợ chứ chẳng phải ứng viên, thế nên có lẽ người ta kỳ vọng tôi phải mang đến sự vui vẻ và nhẹ nhàng. Nhưng rồi, nếu có bất cứ câu hỏi nào về cách phụ nữ hoạt động trên hành tinh Chính Trị, thì hãy cứ nhìn vào Nancy Pelosi, người phụ nữ thông minh, giàu tham vọng và được mô tả là danh đá hiện đang giữ chức Chủ tịch Hạ viện Hoa Kỳ; hoặc nhìn vào những gì Hillary Clinton đang phải chịu đựng khi các bình luận viên truyền hình và các cây bút liên tục tranh luận từng bước tiến trong chiến dịch tranh cử của bà. Giới tính của Hillary được dùng để chống lại bà một cách không thương tiếc bằng những quy chụp tồi tệ nhất. Bà bị gọi là kẻ độc đoán, người đàn bà ưa đay nghiến. Giọng của bà bị cho là chói tai, tiếng cười thì như gà cục tác. Hillary là đối thủ của Barack, điều này nghĩa là khi đó tôi không cần phải tỏ ra đặc biệt cảm thông với bà, nhưng tôi không khỏi ngưỡng mộ sự vững vàng và khả năng tranh đấu của Hillary khi bị vây quanh bởi những người có thói ganh ghét phụ nữ.

Ngày hôm đó, khi tôi xem lại đoạn băng với Axe và Valerie, nước mắt tôi cứ chực ứa ra. Tôi rất buồn. Tôi nhận ra mình vẫn chưa thành thạo kỹ năng diễn thuyết trong chính trị. Và tôi đã đi diễn thuyết như thế hơn một năm nay. Tôi cũng nhận ra là mình có thể tương tác tốt nhất tại các địa điểm quy mô nhỏ, như tôi từng làm ở Iowa, nhưng rất khó để truyền đạt lòng nhiệt huyết của tôi tại các khán phòng lớn hơn. Diễn thuyết trước các đám đông lớn hơn đòi hỏi những biểu thị cảm xúc rõ nét hơn, một điều mà tôi cần phải rèn luyện thêm. Giờ đây tôi lo là tất cả đã quá muộn.

Chị Valerie, người bạn thân thiết hơn mười lăm năm của tôi, nắm chặt tay tôi.

“Tại sao các anh chị không nói chuyện này sớm hơn?”, tôi hỏi. “Tại sao không ai ra tay giúp đỡ?”

Câu trả lời là không một ai chú ý đến điều đó. Có vẻ như mọi người trong chiến dịch tranh cử của Barack có cảm nhận chung là tôi đang làm rất tốt. Chỉ đến bây giờ, khi tôi là người gây ra rắc rối, người ta mới gọi tôi đến văn phòng của Axe.

Với tôi, đây là một bước ngoặt. Cơ chế hoạt động của chiến dịch vận động chỉ tồn tại để phục vụ cho ứng viên, chứ không bao gồm vợ chồng hay gia đình của họ. Và mặc dù nhân viên của Barack rất tôn trọng tôi và trân trọng những đóng góp của tôi, họ vẫn chưa chỉ dẫn cho tôi hết mức. Cho đến thời điểm đó, không một ai trong chiến dịch đồng hành với tôi hoặc có mặt tại các sự kiện do tôi tổ chức. Tôi chưa bao giờ được hướng dẫn cách ứng xử với truyền thông hay trang bị kỹ năng thuyết trình. Tôi cũng nhận ra là không ai sẽ để ý bảo vệ tôi, trừ khi tôi yêu cầu.

Cuối cùng, vì biết sự chú ý của dư luận sẽ chỉ ngày càng tăng lên vào sáu tháng cuối của chiến dịch, chúng tôi đã nhất trí là tôi thật sự cần được giúp đỡ. Nếu tôi tiếp tục thực hiện chiến dịch như một ứng viên, tôi cần được hỗ trợ như một ứng viên. Tôi bảo vệ bản thân bằng cách tổ chức mọi việc tốt hơn và yêu cầu được cung cấp các nguồn lực cần thiết để làm việc hiệu quả. Trong những tuần cuối của vòng bầu cử sơ bộ, ban tổ chức chiến dịch của Barack đã bắt đầu mở rộng biên chế đội ngũ của tôi và thêm vào đội một người lên kế hoạch và một trợ lý cá nhân: Kristen Jarvis, nhân viên cũ rất tử tế từ văn phòng thượng nghị sĩ của Barack, người có thể giúp tôi trụ vững trong những thời điểm căng thẳng cao độ nhờ cách xử sự trầm tĩnh của cô; và một chuyên gia truyền thông thực tế và thông thạo chính trị tên Stephanie Cutter. Stephanie cùng làm việc với Katie và Melissa để giúp tôi gọt giũa thông điệp và cả cách thuyết trình, xây dựng bài diễn văn quan trọng mà tôi sẽ trình bày vào mùa hè năm ấy tại Đại hội toàn quốc Đảng Dân chủ. Cuối cùng chúng tôi cũng được quyền sử dụng máy bay riêng của chiến dịch, chuyện này giúp tôi di chuyển hiệu quả hơn. Giờ đây tôi đã có thể trả lời phỏng vấn ngay trên máy bay, trang điểm và chỉnh trang đầu tóc khi đang trên đường tham gia sự kiện, hay mang Sasha và Malia theo cùng mà không phải tốn thêm chi phí.

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Vì tất cả mọi thứ. Và tôi thật sự tin rằng điều này đã giúp tôi cười nhiều hơn và bớt đề phòng.

Khi chúng tôi lên kế hoạch cho sự xuất hiện của tôi trước công chúng, Stephanie tư vấn cho tôi cách phát huy ưu thế của bản thân và ghi nhớ những điều mình thích nói đến nhất - tình yêu dành cho chồng và các con, mối liên hệ giữa tôi và những người mẹ đang có công ăn việc làm và lòng tự hào về gốc gác Chicago của mình. Cô nhận ra tôi thích nói đùa và bảo tôi đừng kiêu chể khiêu hài hước của mình. Nói cách khác, tôi cứ là chính mình. Không lâu sau khi các cuộc bầu cử sơ bộ kết thúc, tôi nhận lời mời làm một trong những người dẫn chương trình The View, dành một giờ đồng hồ vui vẻ trò chuyện hăng say với Whoopi Goldberg, Barbara Walters và những người dẫn chương trình khác trước sự tham gia trực tiếp của khán giả. Chúng tôi nói về những cuộc tấn công chống lại tôi, nhưng cũng vừa cười vừa kể về hai cô con gái và những va vấp đầu tiên, cùng với sự khó chịu khi phải mang vớ da. Tôi cảm thấy thoải mái hơn và thật sự làm chủ tiếng nói của mình tốt hơn. Chương trình được phát sóng và nhìn chung là nhận được những phản hồi tích cực. Hôm đó tôi đã mặc một bộ đầm trắng đen giá chỉ có một trăm bốn mươi tám đô-la, và sau đó chị em đã đổ xô tìm mua bộ đầm đó.

Tôi đang tạo ra sức ảnh hưởng, đồng thời cảm thấy thoải mái hơn về bản thân, ngày càng cởi mở và lạc quan hơn. Tôi cũng cố gắng học hỏi từ những người Mỹ mà tôi gặp gỡ trên khắp đất nước, tổ chức những buổi thảo luận xoay quanh sự cân bằng giữa gia đình và công việc, đề tài yêu thích của tôi. Với tôi, những bài học ý nghĩa nhất là khi tôi đến thăm các cộng đồng quân nhân và gặp gỡ vợ hoặc chồng của những người lính.

“Hãy kể tôi nghe về cuộc sống của các bạn”, tôi thường đề nghị với họ như vậy. Sau đó tôi lắng nghe câu chuyện của họ, những phụ nữ đang ôm con trong lòng, một số vẫn còn rất trẻ. Một số người mô tả cảnh phải chuyển từ doanh trại này sang doanh trại khác tận tám lần hoặc hơn trong nhiều năm, và mỗi lần như vậy họ đều phải ổn định lại sinh hoạt của các con, chẳng hạn như sắp xếp cho con học tiếp lớp học nhạc hay chương trình phổ cập. Họ cũng nói về những khó khăn khi phải duy trì con đường sự nghiệp trong suốt những lần di chuyển đó. Chẳng hạn như một giáo viên không thể tìm được việc vì tiểu bang cô vừa chuyển đến không công nhận chứng chỉ sư phạm của cô ở tiểu bang trước đó; thợ làm móng và những nhà vật lý trị liệu cũng gặp vấn đề tương tự về giấy phép hành nghề. Nhiều bậc cha mẹ trẻ gặp khó khăn khi tìm nơi giữ trẻ với chi phí vừa phải. Và dĩ nhiên, tất cả họ đều có gánh nặng về mặt cảm xúc lẫn vật chất khi có một người thân yêu bị điều động đi công tác xa nhà suốt mười hai tháng hoặc lâu hơn tại những nơi như Kabul hay Mosul, hoặc trên một chiếc hàng không mẫu hạm trên

Biển Đông. Gặp gỡ những người vợ, người chồng như thế giúp tôi hiểu rõ hơn về những nỗi đau của mình. Sự hy sinh của họ lớn hơn sự hy sinh của tôi rất nhiều. Tôi tham gia những lần gặp gỡ đó, chăm chú lắng nghe và đôi khi ngỡ ngàng vì mình biết quá ít về đời sống quân ngũ. Tôi thầm hứa rằng nếu Barack may mắn được bầu làm tổng thống, tôi sẽ tìm cách hỗ trợ cho các gia đình này tốt hơn.

Tất cả những điều này đã tiếp thêm năng lượng cho tôi để giúp tạo cú hích cuối cùng cho Barack và Joe Biden, vị thượng nghị sĩ thân thiện đến từ Delaware và trong tương lai không xa sẽ được chọn là ứng viên liên danh tranh cử chức phó tổng thống. Khi được vây quanh bởi những người luôn ủng hộ tôi, tôi lại cảm thấy có can đảm để nghe theo bản năng của mình. Tại các sự kiện trước công chúng, tôi tập trung vào việc tạo ra mối liên kết cá nhân với những người mình đang gặp gỡ trong những nhóm nhỏ và những đám đông hàng ngàn người, cũng như tại các cuộc trò chuyện ở hậu trường và bên những hàng rào dây phiến toái. Khi cử tri trực tiếp gặp tôi, họ hiểu ra những lời châm biếm trước đó không hề đúng. Tôi nhận ra càng hiểu nhau thì chúng ta càng khó ghét nhau hơn.

Tôi tiếp tục dành mùa hè năm 2008 để làm việc hăng hái hơn và nỗ lực hơn, tin rằng mình có thể tạo ra sự khác biệt tích cực cho Barack. Khi đại hội đến gần, lần đầu tiên tôi cộng tác với người chuyên viết diễn văn, đó là Sarah Hurwitz, một phụ nữ trẻ tài năng giúp tôi gói gọn những ý tưởng của mình vào một bài diễn văn chỉ kéo dài mười bảy phút. Sau nhiều tuần chuẩn bị chu đáo, tôi bước lên sân khấu tại Trung tâm Pepsi ở thành phố Denver vào cuối tháng Tám, đứng trước đám đông khoảng hai mươi ngàn người và thêm hàng triệu khán giả truyền hình nữa, sẵn sàng nói cho cả thế giới được rõ tôi thật sự là ai.

Đêm đó, anh Craig là người giới thiệu tôi ra sân khấu. Mẹ tôi ngồi ở hàng ghế đầu của khu khách VIP, có vẻ hơi choáng váng trước sân khấu to lớn của cuộc đời chúng tôi hiện tại. Tôi nói về cha - về sự khiêm nhường, sự kiên cường của ông và cách mà các đức tính ấy đã định hình hai anh em chúng tôi. Tôi cố gắng mang đến cho người Mỹ cái nhìn chân thật và gần gũi nhất về Barack và trái tim cao quý của anh. Khi tôi hoàn thành bài diễn văn, những tràng pháo tay vang lên không ngớt và tôi cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm, sự nhẹ nhõm vì biết rằng có lẽ cuối cùng thì tôi đã làm được điều gì đó để thay đổi cách người ta nhận định về mình.

Chắc chắn đó là một thời khắc trọng đại - hoành tráng, công khai và đến nay vẫn có thể dễ dàng được tìm thấy trên YouTube. Nhưng sự thật là cũng vì những lý do đó nên thời điểm ấy cũng trở nên nhỏ bé một cách lạ kỳ. Quan điểm của tôi bắt đầu đảo lộn, như một chiếc áo đang được lộn ngược ra ngoài. Sân khấu, khán giả, đèn đuốc và những tràng vỗ tay - tất cả đều trở nên bình thường hơn tôi từng tưởng tượng. Giờ đây tôi sống vì những khoảnh khắc ở giữa những lần xuất hiện trước công chúng, những khoảnh khắc không cần diễn tập, không cần ghi hình, không có ai đang diễn hay sẵn sàng đánh giá và những bất ngờ thật sự vẫn có thể xảy ra - khi mà thỉnh thoảng tôi có thể cảm nhận được chiếc then cài cửa bé xíu trong trái tim mình đang mở ra.

Về vấn đề này, chúng ta cần phải quay trở lại ngày Quốc khánh ở Butte, Montana. Lúc ấy đã cuối ngày, mặt trời mùa hạ dần buông xuống đằng sau những ngọn núi phía tây, tiếng pháo hoa bắt đầu vang lên từ xa. Chúng tôi qua đêm tại khách sạn Holiday Inn Express nằm cạnh đường cao tốc liên bang. Ngày mai Barack sẽ đi Missouri, còn ba mẹ con chúng tôi sẽ về nhà ở Chicago. Cả bốn chúng tôi đều mệt lử. Chúng tôi đã xem cuộc diễu hành và tham gia buổi dã ngoại. Chúng tôi đã hòa mình vào những cư dân của thị trấn Butte. Và giờ đây, cuối cùng chúng tôi cũng sắp sửa có một buổi sum vầy nhỏ dành riêng cho Malia.

Khi đó nếu bạn hỏi thì tôi sẽ nói rằng phải đến phút chót chúng tôi mới nghĩ đến chuyện tổ chức sinh nhật cho Malia - ý tưởng đó chợt bật ra giữa lúc chúng tôi đang đầu tắt mặt tối với chiến dịch vận động. Chúng tôi tập trung trong phòng hội nghị có trần thấp và gắn đèn huỳnh quang ở tầng hầm khách sạn, cùng với Konrad, Maya, Suhaila và một vài nhân viên chiến dịch thân với Malia, và dĩ nhiên là có cả các mật vụ. Chúng tôi có bong bóng, một

chiếc bánh kem được mua từ cửa hàng tạp hóa, mười cây đèn cầy và một hộp kem. Có vài món quà được mua và gói vội bởi ai đó khác chứ chẳng phải tôi. Không khí buổi tiệc không đến mức âm đạm nhưng cũng chẳng giống tiệc tùng. Đơn giản vì hôm đó là một ngày quá mệt mỏi. Barack và tôi buồn bã nhìn nhau, chúng tôi biết mình đã làm hỏng bữa tiệc sinh nhật của con.

Nhưng cuối cùng, cũng như mọi chuyện khác trên đời, vấn đề nằm ở quan điểm, ở cách chúng ta nhìn nhận những gì đang diễn ra trước mắt mình. Barack và tôi chỉ tập trung vào những lỗi lầm và khiếm khuyết của bản thân, nhìn thấy chúng trong căn phòng thiếu sáng và bữa tiệc chấp vớ đó. Nhưng Malia thì trông đợi một điều khác, và con bé đã nhìn thấy điều đó. Con bé thấy những gương mặt hiền lành, những người yêu thương mình, một cái bánh phủ đầy kem, bên cạnh là em gái và em họ, và phía trước là một tuổi mới. Con bé đã được hưởng một ngày ngoài trời. Con bé đã được xem diễu hành. Còn ngày mai sẽ là một chuyến bay.

Malia chạy ào đến chỗ Barack đang ngồi, lao vào lòng anh ấy và nói, “Đây là sinh nhật vui nhất luôn đó ạ”.

Cô bé con của chúng tôi không để ý rằng cả cha và mẹ của mình đã rơm rớm nước mắt, hay một nửa số người trong phòng giờ đây cũng đang nghẹn ngào. Bởi vì con bé nói đúng. Và tất cả chúng tôi chợt bừng tỉnh. Đó là ngày Malia tròn mười tuổi, và mọi thứ đang rất tuyệt vời.

BỐN THÁNG SAU, NGÀY 4 THÁNG MUỖI MỘT NĂM 2008, tôi bỏ phiếu bầu cho Barack. Hai chúng tôi đến khu vực bầu cử từ sớm, đó là phòng thể dục ở trường tiểu học Beulah Shoemith, chỉ cách nhà của chúng tôi ở Chicago vài dãy phố. Chúng tôi đưa Sasha và Malia đi theo, cả hai đứa đều mặc sẵn đồng phục và sẵn sàng đến trường. Ngay cả vào Ngày Bầu cử - hoặc có lẽ đặc biệt là vào Ngày Bầu cử - tôi nghĩ đi học vẫn là một ý hay. Đi học là một thói quen. Trường học mang lại sự an tâm. Trong lúc chúng tôi đi qua hàng chục thợ chụp ảnh và máy quay truyền hình để đến điểm bầu cử, trong lúc mọi người xung quanh nói về tính chất lịch sử của ngày này, tôi lại cảm thấy vui mừng chỉ vì đã chuẩn bị xong hộp cơm trưa cho hai đứa trẻ.

Đây sẽ là một ngày như thế nào? Sẽ là một ngày dài. Ngoài chuyện đó ra, chúng tôi chẳng ai biết gì hơn.

Như trong bao ngày căng thẳng khác, Barack có vẻ thoải mái hơn bao giờ hết. Anh chào hỏi các nhân viên của ban bầu cử, cầm lấy lá phiếu của mình và bắt tay với bất cứ người nào anh gặp, đáng vẻ rất thư giãn. Chắc cũng hợp lý thôi. Chuyện này sắp vượt ra khỏi tầm kiểm soát của anh rồi.

Chúng tôi đứng trong khu vực bầu cử của mình trong lúc hai đứa con gái chồm người vào gần hơn để xem chúng tôi đang làm gì.

Tôi đã bầu Barack nhiều lần trước, trong các kỳ bầu cử sơ bộ và tổng tuyển cử, trong các cuộc đua cấp tiểu bang và cấp quốc gia, và lần bỏ phiếu này cũng không có gì khác. Với tôi, đi bầu là một thói quen, một nghi thức lành mạnh cần thực hiện một cách tận tâm mỗi khi có cơ hội. Cha mẹ đã dẫn tôi đi bầu khi tôi còn bé, và tôi tạo thói quen dẫn Sasha và Malia cùng

đi bầu với mình mỗi khi có thể, với hy vọng hai con tôi quen với quy trình này và nhận ra tầm quan trọng của hành động bỏ phiếu.

Sự nghiệp của chồng đã cho tôi cơ hội nhìn cận cảnh cỗ máy chính trị và quyền lực. Tôi đã thấy được rằng số lượng phiếu bầu khác nhau tại mỗi khu vực tạo ra sự khác biệt không chỉ giữa hai ứng viên mà còn giữa hai hệ thống giá trị khác nhau. Khi mỗi khu vực có vài người không đi bầu, điều đó có thể quyết định những gì con cái chúng ta được học ở trường, chế độ chăm sóc sức khỏe mà chúng ta nhận được, hay liệu chúng ta có cử quân đội tham chiến hay không. Bầu cử vừa đơn giản vừa vô cùng hiệu quả.

Hôm đó, tôi đã nhìn chăm chăm một lúc vào ô chữ nhật nho nhỏ đặt cạnh tên chồng tôi, nơi cử tri sẽ đánh dấu vào để chọn anh ấy cho vị trí tổng thống Mỹ. Sau gần hai mươi một tháng tiến hành chiến dịch vận động tranh cử, của những lần công kích và kiệt sức, thì đây là việc cuối cùng tôi cần làm.

Barack liếc nhìn tôi và cười phá lên. “Em vẫn đang cân nhắc hay sao?”, anh ấy nói. “Có cần suy nghĩ thêm chút nữa không?”

Nếu có thể dẹp hết những âu lo thì Ngày Bầu cử hoàn toàn có thể là một kỳ nghỉ ngắn, một khoảng dừng tưởng chừng không có thật giữa những gì đã xảy ra và những gì đang chờ phía trước. Bạn đã nhảy nhưng vẫn còn lơ lửng với đôi chân chưa đáp xuống đất. Bạn không thể biết tương lai sẽ ra sao. Sau nhiều tháng hồi hải với mọi thứ, thời gian giờ đây bỗng chậm lại đến mức khổ sở. Hôm đó, lúc ở nhà, tôi đã đóng vai trò nữ chủ nhà đón tiếp người thân và bạn bè đến nhà để tán gẫu và giết thời giờ.

Sáng hôm đó Barack ra ngoài chơi bóng rổ với anh Craig và vài người bạn ở phòng gym gần nhà, một hoạt động mà từ lâu đã trở thành thói quen vào Ngày Bầu cử. Barack thích nhất là một trận bóng rổ quyết liệt và kịch tính để xoa dịu sự căng thẳng của mình.

“Chỉ cần đừng có để ai làm gãy mũi anh ấy là được”, tôi nói với anh Craig lúc hai người họ bước ra cửa. “Anh ấy sẽ xuất hiện trên ti-vi, anh biết rồi đó.”

“Chuyện gì cũng bắt anh chịu trách nhiệm hết”, anh Craig đáp lại bằng những lời chỉ có thể được nói ra từ miệng một ông anh trai.

Nếu tin vào kết quả thăm dò thì có vẻ Barack rất có khả năng giành chiến thắng, nhưng tôi cũng biết anh đang chuẩn bị cả hai bài diễn văn cho đêm đó - một bài diễn văn mừng chiến thắng và một bài chấp nhận thua cuộc. Đến thời điểm này, chúng tôi đã hiểu về chính trị và bầu cử đủ để không xem nhẹ bất cứ điều gì. Chúng tôi biết về một hiện tượng được gọi là hiệu ứng Bradley, đặt theo tên một ứng viên người Mỹ gốc Phi, Tom Bradley, người đã tranh cử chức thống đốc bang California đầu thập niên 1980. Khi kết quả thăm dò liên tục cho thấy Bradley đang dẫn đầu, ông lại thua trong Ngày Bầu cử, khiến mọi người đều ngạc nhiên và để lại cho thế giới một bài học lớn hơn về tính cố chấp của nhiều cử tri, vì hiện tượng này đã lặp đi lặp lại trong nhiều năm sau đó ở những cuộc đua cấp cao khác, nơi có các ứng viên người da đen tham gia tranh cử trên khắp đất nước. Về mặt lý thuyết, mỗi khi liên quan đến các ứng viên thiểu số, cử tri thường che giấu định kiến của mình trước người thăm dò ý kiến và chỉ kín đáo thể hiện điều đó trong phòng bỏ phiếu.

Suốt chiến dịch vận động, tôi từng nhiều lần tự hỏi bản thân rằng nước Mỹ có thật sự sẵn sàng bầu chọn một tổng thống người da đen hay chưa, liệu đất nước đã đủ vững mạnh để phóng tầm mắt khỏi vấn đề chủng tộc và vượt qua các định kiến hay chưa. Cuối cùng chúng tôi cũng sắp có được câu trả lời.

Nhìn chung thì cuộc tổng tuyển cử ít tàn khốc hơn cuộc chiến cạnh tranh của vòng sơ bộ. John McCain đã làm một việc không có lợi cho bản

thân khi chọn thống đốc bang Alaska, Sarah Palin, liên danh ứng cử vị trí phó tổng thống. Vì thiếu kinh nghiệm và không có sự chuẩn bị tốt, Palin nhanh chóng trở thành chuyện cười cho cả nước. Và rồi, vào giữa tháng Chín, tin tức chỉ toàn nói về thảm họa. Nền kinh tế Mỹ bắt đầu mất kiểm soát khi Lehman Brothers, một trong những ngân hàng đầu tư lớn nhất nước, đột ngột phá sản. Bấy giờ cả thế giới mới nhận ra những gã khổng lồ Phố Wall đã bỏ túi hàng đồng lợi nhuận từ chính những khoản vay thế chấp mua nhà. Chứng khoán lao dốc. Thị trường tín dụng đóng băng. Quỹ hưu trí tiêu tan.

Barack là nhân vật thích hợp cho thời điểm này, thích hợp với một công việc chưa bao giờ dễ dàng mà nay còn trở nên khó khăn bội phần, “nhờ” các cuộc khủng hoảng kinh tế. Tôi đã “ca” bài ca này khắp nước Mỹ từ hơn một năm rưỡi nay: chồng tôi điềm tĩnh và luôn chuẩn bị cho mọi tình huống. Những khó khăn rắc rối này không làm anh nao núng. Tâm trí anh có khả năng giải quyết mọi điều rắc rối, phức tạp. Đương nhiên tôi có thiên vị chồng mình, và cá nhân tôi vẫn sẽ thỏa mãn nếu chúng tôi thua trong cuộc tranh cử này, nhưng đồng thời tôi cũng cảm thấy đất nước thật sự cần sự giúp đỡ của anh. Đã đến lúc chúng ta cần ngưng nghĩ về những thứ không liên quan như màu da. Chúng ta sẽ thật ngu ngốc nếu không đưa anh ấy lên vị trí tổng thống vào lúc này, dẫu cho lúc đó những gì anh nhận lại từ người tiền nhiệm sẽ là một mớ hỗn độn.

Khi đêm dần buông, tôi cảm thấy ngón tay mình bắt đầu tê cứng, cảm giác nôn nao chạy khắp cơ thể. Tôi không thật sự muốn ăn. Tôi không có hứng thú trò chuyện với mẹ hay với bạn bè đến thăm. Rồi tôi lên lầu chỉ để tìm chút thời gian cho riêng mình.

Barack hóa ra cũng rút lên trên đây, rõ ràng là anh cũng cần được yên tĩnh một mình.

Tôi bắt gặp anh đang ngồi bên bàn làm việc, đọc lướt qua bài diễn văn mừng chiến thắng trong văn phòng đầy sách bên cạnh phòng ngủ của chúng tôi - “cái ổ” của anh. Tôi bước đến và bắt đầu xoa bóp vai cho anh.

“Anh ổn chứ?”, tôi hỏi.

“Ừ.”

“Mệt không?”

“Không hề.” Anh ngẩng lên và mỉm cười với tôi, như muốn chứng minh sự thật là anh ấy ổn. Chỉ mới hôm qua chúng tôi đã nghe tin bà Toot, bà ngoại tám mươi sáu tuổi của Barack, qua đời ở Hawaii sau nhiều tháng suy yếu vì bệnh ung thư. Vì từng bỏ lỡ cơ hội nói lời tạm biệt lần cuối với mẹ, nên trước đó khi hay tin bà bắt đầu yếu dần, Barack đã quyết định phải gặp được bà Toot. Chúng tôi đã đưa bọn trẻ đến thăm bà vào cuối mùa hè năm đó, và mười ngày trước anh đã một mình đến thăm bà, dành ra một ngày không tham dự chiến dịch để ngồi bên cạnh và nắm lấy tay bà. Barack đã mất mẹ ngay từ những ngày đầu làm chính trị, tức là hai tháng sau khi anh ấy công bố tranh cử vị trí thượng nghị sĩ tiểu bang. Giờ đây, khi sự nghiệp đó đang đến thời kỳ đỉnh cao thì bà ngoại anh đã không còn ở đây để chứng kiến điều đó. Những người đã từng nuôi dạy anh đều đã ra đi.

“Dù kết quả có thế nào, em vẫn tự hào về anh”, tôi nói. “Anh đã làm được rất nhiều.”

Anh chồm người và choàng tay ôm lấy tôi. “Em cũng vậy”, anh kéo tôi vào lòng. “Cả hai chúng ta đều đã làm rất tốt.”

Tôi chỉ có thể nghĩ đến tất cả những gì anh vẫn còn phải tiếp tục gánh vác.

SAU BỮA TỐI TẠI NHÀ, tất cả chúng tôi đều sửa soạn và lái xe vào khu trung tâm để xem kết quả bầu cử cùng một nhóm bạn và vài người thân trong một phòng mà nhóm chiến dịch đã thuê cho chúng tôi tại khách sạn

Hyatt Regency. Đội ngũ phục vụ chiến dịch vận động thì tập trung tại một khu khác của khách sạn, cố gắng dành cho chúng tôi không gian riêng tư. Joe và Jill Biden cũng có phòng riêng dành cho bạn bè và gia đình ở bên kia sảnh khách sạn.

Những kết quả đầu tiên đến vào khoảng sáu giờ chiều, theo giờ trung tâm, trong đó McCain chiến thắng ở Kentucky và Vermont thì chọn Barack. Rồi West Virginia bầu cho McCain và sau đó South Carolina cũng thế. Sự tự tin của tôi có chút lung lay, mặc dù chuyện không có gì bất ngờ. Theo lời của Axe và Plouffe, hai người đang liên tục ra ra vào vào và thông báo từng mẩu thông tin mà họ nhận được, thì tất cả đều đang diễn ra theo đúng dự đoán. Mặc dù đa số tin tức đều tích cực, nhưng những tin không chính thức về chính trị là thứ mà tôi không muốn nghe nhất. Đảng nào thì chúng tôi cũng không thể kiểm soát được mọi việc, vậy thì nghe để làm gì? Chúng tôi đã có cú nhảy của nỗ lực, và bây giờ, bằng cách này hay cách khác, chúng tôi đã đến lúc đáp xuống. Qua ti-vi, chúng tôi thấy hàng ngàn người đã tụ tập ở Công viên Grant cách bờ hồ vài dặm, nơi kết quả bầu cử đang được phát sóng trên những màn hình cực đại và là nơi Barack sẽ xuất hiện để phát biểu một trong hai bài diễn văn của mình. Cảnh sát túc trực ở gần như mọi góc đường, tàu tuần duyên tuần tra trên hồ, trực thăng vùn vụt trên cao. Cả thành phố Chicago dường như đang nín thở chờ đợi tin tức.

Connecticut chọn Barack. New Hampshire cũng chọn Barack. Rồi Massachusetts, Maine, Delaware và Washington, D.C. cũng thế. Khi Illinois đọc tên Barack, chúng tôi có thể nghe tiếng còi xe và những tiếng hò reo đầy háo hức từ những con đường bên dưới. Tôi chọn chiếc ghế gần cửa và ngồi xuống một mình, quan sát cảnh tượng trước mắt. Căn phòng giờ đây đã gần như yên ắng hoàn toàn. Hai cô con gái đang ngồi bên phải tôi trên một chiếc trường kỷ, một đứa mặc đầm đỏ và một đứa mặc đầm

đen; còn bên trái tôi là Barack đang ngồi trên một chiếc trường kỷ khác bên cạnh mẹ tôi, áo khoác của anh đã được treo ở đâu đó trong phòng. Mẹ tôi mặc một bộ com-lê màu đen trang nhã và đeo khuyên tai bạc cho buổi tối hôm đó.

“Bà ngoại, bà đã sẵn sàng chưa?”, tôi nghe Barack nói với bà.

Mẹ tôi chưa bao giờ tỏ ra quá xúc động, bà chỉ liếc nhìn anh ấy và nhún vai, rồi cả hai cùng bật cười. Thế nhưng sau này bà đã kể lại cảm giác lo lắng của mình vào tối hôm đó. Cũng như tôi, bà xúc động khi chợt nhìn thấy khoảnh khắc mềm yếu của Barack. Nước Mỹ đã nhìn thấy một Barack tự tin và mạnh mẽ, nhưng mẹ tôi cũng nhận ra gánh nặng mà anh phải gánh vác trên chặng đường phía trước, nhìn thấy nỗi cô độc trong công việc mà anh sắp đảm nhận. Người đàn ông này, người không còn cha mẹ bên mình, đang sắp được bầu làm lãnh đạo của thế giới tự do.

Khi nhìn sang lần nữa, tôi thấy mẹ đang nắm chặt tay Barack.

ĐÚNG MUỖI GIỜ TỐI, các kênh truyền hình đồng loạt cho phát hình ảnh người chồng tươi cười của tôi, công bố Barack Hussein Obama trở thành tổng thống thứ 44 của nước Mỹ. Tất cả chúng tôi đều nhảy cẫng lên và bắt đầu reo hò. Nhân viên chiến dịch tràn vào phòng, cả vợ chồng Biden cũng thế, mọi người cứ ôm chầm lấy nhau. Thật không thể tin được. Tôi cảm thấy như thể linh hồn mình đã bay đi đâu mất và chỉ biết tự nhìn mình phản ứng với tất cả những chuyện này.

Anh đã thành công. Chúng tôi đều đã thành công. Đó là một chiến thắng giòn giã, dù ai cũng nghĩ đó là chuyện gần như bất khả thi.

Đây là lúc tôi cảm thấy như thể gia đình mình vừa được phóng vào một thế giới kỳ lạ dưới mặt nước. Mọi thứ có vẻ chậm lại và nhập nhòa như một thước phim quay chậm, mặc dù thực tế là chúng tôi đang nhanh chóng di chuyển theo sự hướng dẫn chính xác của các mật vụ để vào thang máy chờ

hàng, ra ngoài theo lối thoát phía sau khách sạn, rồi ngồi vào một chiếc SUV đang chờ sẵn. Tôi có hít thở bầu không khí bên ngoài không? Tôi có cảm ơn người đã mở cửa khi chúng tôi băng qua không? Tôi có mỉm cười không? Tôi không biết. Tôi vẫn đang cố gắng đưa mình quay về với thực tại. Tôi nghĩ chúng tôi có chút mệt mỏi. Đó quả là một ngày rất dài. Tôi có thể thấy vẻ mệt mỏi trên gương mặt hai cô con gái. Trước đó tôi đã giải thích với hai đứa rằng đêm nay, dù cha thắng hay thua, chúng ta sẽ có một buổi ăn mừng lớn và náo nhiệt tại công viên.

Lúc này xe của chúng tôi đang lướt đi giữa đoàn xe cảnh sát hộ tống dọc theo đường Lake Shore, tăng tốc chạy về phía nam, hướng đến Công viên Grant. Tôi đã đi qua con đường này hàng trăm lần, từ những chuyến xe buýt từ Whitney Young về nhà đến những lần đến phòng tập lúc trời còn chưa sáng. Đây là thành phố của tôi, thân thuộc đến mức không thể thân thuộc hơn được nữa, ấy thế mà đêm hôm đó nó lại như khác hẳn, yên ắng lạ lùng. Như thể không gian và thời gian đang dừng lại, giống như một giấc mơ.

Malia căng mắt nhìn đường phố qua cửa kính chiếc SUV.

“Cha ơi”, con bé nói với giọng an ủi. “Chẳng có ai trên đường hết. Con nghĩ không có ai tới dự lễ mừng của cha đâu.”

Barack và tôi nhìn nhau rồi phá lên cười. Chỉ khi đó chúng tôi mới nhận ra đoàn xe của mình chính là những chiếc xe duy nhất đang chạy trên đường. Barack giờ đã là tổng thống đắc cử. Mật vụ đã dọn đường, cấm lưu thông toàn bộ khu vực đường Lake Shore, đóng mọi ngã đường đổ về. Chúng tôi nhanh chóng hiểu ra đó là biện pháp an ninh dành cho tổng thống. Nhưng điều này vẫn còn quá mới mẻ đối với chúng tôi.

Mọi thứ đều mới mẻ.

Tôi choàng tay ôm lấy Malia. “Mọi người đã đến đó rồi cung à”, tôi nói. “Đừng lo, họ đang chờ chúng ta đó.”

Và đúng là họ đang chờ. Hơn hai trăm ngàn người đã nê^m kín công viên để đón chúng tôi. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng hò reo háo hức khi bước ra khỏi xe và được dẫn vào những căn lều trắng đã được dựng sẵn trước công viên, tạo thành một đường hầm dẫn đến sân khấu. Bạn bè và người thân đã tụ tập ở đó để chào đón chúng tôi, nhưng theo quy định của mật vụ, họ phải đứng phía sau dây bảo vệ. Barack choàng tay ôm tôi, như muốn bảo đảm tôi vẫn ở bên anh lúc đó.

Chỉ ít phút sau chúng tôi đã bước lên sân khấu, cả bốn người chúng tôi - tôi cầm tay Malia còn Barack nắm tay Sasha. Tôi đã nhìn thấy rất nhiều thứ cùng một lúc. Tôi nhìn thấy một bức tường dày bằng kính chống đạn đã được dựng quanh sân khấu. Tôi nhìn thấy cả một biển người, nhiều người trong số đó đang vẫy những lá cờ Mỹ tí hon. Bộ não của tôi không thể xử lý được bất cứ điều gì. Mọi thứ quá choáng ngợp.

Tôi không nhớ gì nhiều về bài diễn văn của Barack đêm đó. Sasha, Malia và tôi đứng trong cánh gà nhìn ra trong lúc anh ấy phát biểu, xung quanh là những tấm chắn bằng kính, là thành phố của chúng tôi cùng với sự tin tưởng của hơn sáu mươi chín triệu phiếu bầu. Những gì đọng lại với tôi chính là cảm giác tin tưởng dễ chịu đó, là sự tĩnh lặng khác thường của đêm tháng Mười Một âm áp khác thường bên bờ hồ ở Chicago. Sau chừng ấy tháng nỗ lực tham gia các cuộc vận động tranh cử với những đám đông có kích động, có thét gào, chúng tôi vẫn thấy bầu không khí tại Công viên Grant hoàn toàn khác. Chúng tôi đang đứng trước một đám đông khổng lồ những người Mỹ hân hoan nhưng cũng có vẻ trầm ngâm. Tôi cảm nhận được sự tĩnh lặng nào đó. Tôi có cảm giác mình có thể nhận ra từng khuôn

mặt trong biển người kia. Tôi thấy được rất nhiều giọt nước mắt đang chực trào ra.

Có lẽ tôi đã tưởng tượng ra sự tĩnh lặng đó, hoặc có lẽ với tất cả chúng tôi, đó là kết quả của một ngày làm việc dài. Suy cho cùng thì lúc đó cũng đã sắp nửa đêm. Và mọi người đã chờ đợi rất lâu. Chúng tôi cũng đã chờ đợi từ rất lâu, rất lâu rồi.

CHÚNG TA

19

KHÔNG CÓ CẨM NANG NÀO HƯỚNG DẪN LÀM ĐỆ NHẤT PHU NHÂN HOA KỲ. Trên thực tế, đó chẳng phải là một công việc hay một chức danh chính thức trong văn phòng chính phủ. Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ không hề được trả lương và cũng không có bốn phận rõ ràng nào cả. Nó chỉ là một chỗ ngồi phụ bên cạnh chiếc ghế tổng thống, một chỗ ngồi mà đến lúc tôi nhận lấy thì đã từng có hơn bốn mươi ba phụ nữ khác từng ngồi, mỗi người một kiểu.

Tôi không biết nhiều về những Đệ nhất Phu nhân trước đây và cách mà họ đảm nhiệm vị trí này. Tôi biết Jackie Kennedy đã hết lòng trang hoàng lại Nhà Trắng. Tôi nhớ Rosalynn Carter từng tham gia các cuộc họp nội các, Nancy Reagan đã gặp chút rắc rối khi nhận những chiếc váy hàng hiệu miễn phí, còn Hillary Clinton từng bị dè bieu vì đảm nhận vai trò hoạch định chính sách trong chính quyền của chồng mình. Có một lần vào vài năm trước, tại bữa tiệc trưa dành riêng cho vợ chồng các thượng nghị sĩ Mỹ, tôi vừa choáng váng vừa ngưỡng mộ khi thấy Laura Bush tạo dáng, điềm tĩnh và mỉm cười để hoàn thành nghi thức chụp ảnh kỷ niệm với khoảng một trăm người khác nhau mà không hề có chút sơ sẩy và cũng không cần một phút nghỉ ngơi nào. Các Đệ nhất Phu nhân xuất hiện trên bản tin, dùng trà với vợ hoặc chồng của các nguyên thủ quốc gia khác; họ gửi lời chúc mừng chính thức vào các dịp lễ và mặc những bộ trang phục lộng lẫy đến dự các bữa quốc tiệc. Tôi cũng biết họ thường chọn đấu tranh cho một hoặc hai mục tiêu cao cả nào đó.

Tôi đã hiểu là mình sẽ được đánh giá theo một chuẩn mực khác. Là Đệ nhất Phu nhân Mỹ gốc Phi đầu tiên đặt chân vào Nhà Trắng, tôi gần như được mặc định là “khác” trong mắt mọi người. Nếu có sứ mệnh nào đó được dành sẵn cho những vị tiền nhiệm người da trắng, tôi biết trường hợp của mình sẽ khác. Qua những va vấp trong chiến dịch tranh cử, tôi đã học được rằng tôi cần giỏi giang hơn, nhanh nhẹn hơn, thông minh hơn và mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Tôi sẽ phải làm cho người ta quý mến và tôn trọng mình. Tôi lo rằng nhiều người Mỹ không thấy bản thân họ được phản ánh nơi tôi, hoặc không tìm được sự kết nối giữa hành trình của tôi và hành trình của họ. Tôi không có may mắn tập làm quen từ từ với vai trò mới của mình trước khi bị người khác đánh giá. Và khi nói tới phán xét, tôi cũng dễ dàng bị tấn công bởi những nỗi sợ vô căn cứ và những quy chụp mang nặng tính phân biệt chủng tộc đang ngấm hiện diện trong nhận thức của công chúng, thứ có thể bị khuấy động bất kỳ lúc nào bởi tin đồn và những lời cạnh khóe.

Tôi háo hức và cảm thấy mình thật nhỏ bé khi nhận lấy vị trí Đệ nhất Phu nhân, nhưng tôi chưa từng nghĩ đó là một vị trí dễ dàng và hấp dẫn. Không một ai nghĩ vậy khi họ có chữ “đầu tiên” và “da đen” gắn liền với mình. Tôi như một người đang đứng tại chân núi, ngẩng đầu lên và biết mình phải leo hết đoạn đường trước mặt để có được sự công nhận và tôn trọng.

Với tôi, thực tế này khơi dậy một đoạn đối đáp nội tâm có nguồn cơn từ tận thời trung học, khi tôi đặt chân vào Whitney Young và chợt cảm thấy mình bị kẹp chặt trong nỗi hoài nghi. Tôi học được rằng sự tự tin cần được tạo thành từ bên trong. Tôi đã lặp đi lặp lại những từ ấy rất nhiều lần, qua vô số lần tôi phải nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.

Mình có đủ giỏi không? Có, mình đủ giỏi.

Tôi cảm thấy quãng thời gian bảy mươi sáu ngày chuyển giao là cực kỳ cần thiết để tôi xác định hình ảnh vị Đệ nhất Phu nhân mà tôi muốn trở thành. Sau tất cả những gì tôi đã làm để rút khỏi lĩnh vực luật doanh nghiệp và

bắt đầu phục vụ cho lợi ích cộng đồng, tôi biết mình sẽ hạnh phúc nhất nếu có thể chủ động tham gia và nỗ lực để đạt được những kết quả rõ ràng và cụ thể. Tôi dự định sẽ thực hiện lời hứa của mình với những người vợ và chồng của các quân nhân mà tôi đã gặp khi đang vận động tranh cử - để chia sẻ câu chuyện của họ và tìm cách hỗ trợ họ. Và tôi cũng có ý tưởng trồng một khu vườn và nghĩ cách cải thiện sức khỏe cũng như dinh dưỡng cho trẻ em ở quy mô lớn hơn.

Tôi không muốn lảng lảng thực hiện những ý định đó một cách không chính thức. Tôi dự định đến Nhà Trắng với một kế hoạch đã được tính toán thấu đáo và một đội ngũ giàu năng lực hỗ trợ cho mình. Nếu có điều gì tôi đã học được từ mặt trái của chiến dịch vận động tranh cử, từ vô số cách mà người ta đã dùng để nhào nặn hình ảnh của tôi thành một phụ nữ luôn cáu giận hoặc không đạt chuẩn, thì đó chính là dư luận sẽ nhanh chóng ập vào bất kỳ lỗ hổng nào. Nếu không bước ra ngoài kia và khẳng định bản thân mình, bạn sẽ nhanh chóng bị người khác đánh giá sai lệch. Tôi không muốn tự đặt mình vào một vai thụ động và chờ đợi đội ngũ của Barack chỉ đạo. Sau khi đã vượt qua một năm đầy những thử thách gắt gao, tôi biết mình sẽ không bao giờ để bản thân bị vùi dập như thế lần nữa.

TÂM TRÍ TÔI CHẠY ĐUA VỚI THỜI GIAN để hoàn thành tất cả những việc cần làm. Chúng tôi không có cách nào để lên kế hoạch trước cho sự chuyển đổi này. Mọi động thái chuẩn bị cho cuộc sống trong Nhà Trắng trước khi có kết quả bầu cử đều sẽ bị xem là ngạo mạn và không phải phép. Đối với một người phải hoạch định trước mọi thứ như tôi, chuyện đó thật khó khăn. Và thế là giờ đây chúng tôi phải cuống cuống tăng tốc. Ưu tiên hàng đầu của tôi là bảo vệ Sasha và Malia. Tôi muốn các con ổn định cuộc sống càng sớm và càng thoải mái càng tốt, tức là tôi cần dần xếp chuyện chuyển nhà và tìm cho các con một ngôi trường mới ở Washington, nơi chúng sẽ có những năm tháng hạnh phúc.

Sáu ngày sau khi công bố kết quả bầu cử tổng thống, tôi bay sang Washington để gặp ban giám hiệu của nhiều ngôi trường khác nhau. Bình thường thì tôi chỉ tập trung vào chất lượng giảng dạy và văn hóa của trường, nhưng giờ đây chúng tôi không còn áp dụng tiêu chuẩn “bình thường” được nữa. Chúng tôi phải suy xét và bàn bạc đủ thứ khía cạnh phức tạp khác - các quy tắc của mật vụ, phương án di tản khi có tình huống khẩn cấp, kế hoạch bảo vệ sự riêng tư của con cái chúng tôi khi cả đất nước đang để mắt đến chúng. Có quá nhiều biến số phức tạp. Số người liên quan nhiều hơn, có nhiều cuộc đối thoại cần được xúc tiến hơn trước khi một quyết định dù là rất nhỏ được đưa ra.

May thay, tôi được giữ lại những thành viên trong đội chiến dịch tranh cử - Melissa, Katie và Kristen - để tiếp tục làm việc với mình trong suốt quá trình chuyển giao. Chúng tôi bắt tay ngay vào công tác hậu cần để chuyển vào Nhà Trắng, đồng thời bắt đầu thuê nhân viên - người tổ chức kế hoạch, chuyên gia chính sách, chuyên viên truyền thông - cho khu văn phòng của tôi ở Cánh Đông tòa nhà, đồng thời phỏng vấn người cho những vị trí thường trú trong khu tư dinh. Một trong những người đầu tiên được tuyển là Jocelyn Frye, bạn cũ của tôi ở trường luật, người có đầu óc phân tích tuyệt vời đã nhận lời làm giám đốc chính sách cho tôi, giúp giám sát những chương trình hành động mà tôi lên kế hoạch thực hiện.

Trong khi đó, Barack bận rộn tìm người thích hợp cho các vị trí trong nội các của mình và hội ý riêng với nhiều chuyên gia khác nhau để tìm cách cứu nguy cho nền kinh tế. Đến thời điểm này, có hơn mười triệu người Mỹ thất nghiệp và ngành công nghiệp ô-tô đang rơi tự do. Nhìn chồng tôi mím chặt môi mỗi khi kết thúc những buổi thảo luận đó, tôi có thể nói rằng tình hình còn tệ hơn nhiều so với những gì đa số người Mỹ có thể hiểu được. Anh cũng bắt đầu nhận được tin tình báo hàng ngày, biết được những bí mật lớn hơn của quốc gia - các mối đe dọa được giữ kín, những liên minh thầm lặng và những chiến dịch ngầm mà phần lớn người dân không hề biết tới.

Giờ đây, đội ngũ mật vụ đã chọn bí danh chính thức cho tất cả chúng tôi, vì họ sẽ bảo vệ chúng tôi suốt nhiều năm tới. Barack là “Renegade”, còn tôi là “Renaissance”. Hai cô con gái được phép tự chọn bí danh từ danh sách những cái tên tiếp chữ cái đầu với nhau. Malia trở thành “Radiance”, còn Sasha thì chọn “Rosebud”. (Mẹ tôi về sau cũng chọn một bí danh không chính thức cho bà, “Raindance”).

Khi trực tiếp trao đổi với tôi, các nhân viên mật vụ luôn gọi tôi là “phu nhân”. Chẳng hạn như “Xin đi lối này, thưa phu nhân. Hãy lùi lại, thưa phu nhân”, và “Thưa phu nhân, xe sẽ đến trong giây lát”.

“Phu nhân” là ai? Ban đầu tôi đã muốn hỏi như thế. Với tôi, phu nhân nghe cứ như một phụ nữ lớn tuổi có dáng điệu tao nhã, tay cầm một chiếc ví dóm dáng và chân mang đôi giày cao gót sang trọng, một người có thể đang ngồi đầu đó gần đây.

Nhưng tôi chính là phu nhân. Phu nhân chính là tôi. Đó là một phần của sự thay đổi lớn này, của quá trình chuyển giao mà chúng tôi đang trải qua.

Tôi nhớ đến tất cả những chuyện này vào ngày tôi đến thăm các trường học ở Washington. Sau một cuộc gặp, tôi quay lại Sân bay Quốc nội Reagan để gặp Barack, anh bay từ Chicago sang theo một chuyến bay ngoài lịch trình. Theo nghi thức dành cho tổng thống đặc cử, chúng tôi được Tổng thống Bush và phu nhân mời ghé thăm Nhà Trắng, và chúng tôi đã lên lịch để chuyến đi này trùng với chuyến tham quan trường học của tôi. Tôi đang đứng chờ ở nhà ga riêng khi máy bay của Barack hạ cánh. Cạnh tôi là Cornelius Southhall, một trong những mật vụ đứng đầu trong nhóm nhân viên bảo vệ an ninh cho tôi.

Cornelius là một cựu vận động viên bóng bầu dục cao lớn của trường đại học, người từng phục vụ trong đội an ninh của Tổng thống Bush. Như những chỉ huy an ninh khác của tôi, anh ấy thông minh, được huấn luyện để luôn cảnh giác cao độ vào mọi thời điểm, một máy quét bằng xương bằng thịt. Dầu vậy, khi hai chúng tôi nhìn máy bay của Barack lăn bánh trên đường băng và dừng lại cách chúng tôi khoảng hai mươi mét, anh ấy đã thông báo một chuyện trước khi tôi kịp nhận ra.

Anh ấy nói, “Thưa phu nhân, cuộc sống của bà sắp thay đổi mãi mãi”.

Khi tôi nhìn anh ấy tỏ vẻ khó hiểu, anh ấy nói thêm, “Rồi phu nhân sẽ thấy”.

Sau đó anh ấy chỉ về phía bên phải và tôi nhìn theo. Ngay lúc đó, có một cái gì đó khổng lồ xuất hiện: một đạo quân rầm rẫn đủ loại xe, bao gồm một đội xe ô-tô và mô-tô cảnh sát, một số chiếc SUV đen, hai chiếc limousine bọc thép có cờ Mỹ cắm trên ca-pô, một chiếc xe tải chuyên thu dọn vật liệu nguy hiểm, một đội phản kích trang bị súng máy, một xe cứu thương, một xe tải có thiết bị phát hiện những vật thể đang bay tới, vài chiếc xe tải chở khách và một nhóm cảnh sát hộ vệ khác. Đó là đoàn xe tổng thống. Ít nhất phải có hơn hai mươi xe, di chuyển theo đội hình được bố trí rõ ràng, chiếc này nối đuôi chiếc kia, rồi cuối cùng, toàn bộ đội xe dừng lại trong yên lặng, và hai chiếc limo dừng ngay trước máy bay đậu sẵn của Barack.

Tôi quay sang Cornelius. “Có xe chở chú hề luôn không?”, tôi hỏi anh ấy. “Đây là toàn bộ đội hình sẽ tháp tùng anh ấy từ bây giờ sao?”

Cornelius mỉm cười. “Đúng vậy, mỗi ngày, trong suốt nhiệm kỳ tổng thống của ngài ấy. Lúc nào cũng sẽ y hệt như vậy.”

Tôi cố đón nhận cảnh tượng kia: hàng tấn kim loại, một đội đặc nhiệm, tất cả đều chống đạn. Tôi vẫn chưa biết là sự bảo vệ dành cho Barack chỉ mới lộ diện một nửa. Tôi không hề biết anh ấy còn có một chiếc trực thăng túc trực gần mình để sẵn sàng di tản, những tay súng thiện xạ được bố trí trên nóc nhà dọc theo những tuyến đường anh ấy đi, một bác sĩ riêng luôn bên cạnh anh ấy để ứng phó với bất cứ vấn đề y tế nào, hoặc chiếc xe anh ấy đi còn chứa cả loại máu thích hợp, phòng khi anh ấy cần truyền máu. Chỉ trong vài tuần, ngay trước lễ nhậm chức

của Barack, chiếc xe tổng thống đã được nâng cấp sang một mẫu mới - được mệnh danh là Quái Thú, một cái tên rất thích hợp - đó là một chiếc xe tăng bảy tấn nguy trang thành một chiếc xe sang trọng, che giấu những khẩu súng bắn hơi cay để mắt thường không thể nhìn ra, được trang bị lớp xe chống xẹp và một hệ thống thông gió khép kín chuyên dụng để bảo vệ anh ấy khỏi các cuộc tấn công hóa học hay sinh học.

Tôi giờ đây đã kết hôn với một trong những con người được bảo vệ cẩn mật nhất hành tinh. Chuyện này vừa khiến tôi yên tâm mà cũng vừa khiến tôi căng thẳng.

Tôi nhìn Cornelius khi anh đang ra hiệu mời tôi tiến về phía chiếc limo.

“Bây giờ phu nhân có thể đến đó rồi”, Cornelius nói.

TÔI TỪNG CÓ LẦN VÀO NHÀ TRẮNG, chỉ mới vài năm trước. Thông qua văn phòng của Barack ở Thượng viện, tôi đã đăng ký cho tôi, Malia và Sasha tham gia chuyến tham quan đặc biệt trong một lần chúng tôi đến Washington vì nghĩ rằng đó sẽ là một chuyến đi thú vị. Các chuyến tham quan Nhà Trắng thường không kèm hướng dẫn viên, nhưng trong chuyến đi này nhóm vài người chúng tôi có một hướng dẫn viên riêng của Nhà Trắng đi theo và dẫn chúng tôi qua những hành lang rộng và nhiều căn phòng khác nhau được mở cửa cho công chúng tham quan.

Chúng tôi nhìn chăm chăm những chùm đèn bằng kính khắc hoa văn được treo trên trần cao của Phòng Đông, nơi từng tổ chức những vũ hội và tiệc chiêu đãi xa hoa, và chăm chú nhìn đôi gò má đỏ bừng cũng như vẻ nghiêm trang của George Washington trong tấm chân dung khổng lồ thếp vàng treo trên một mặt tường. Qua lời của hướng dẫn viên, chúng tôi biết Đệ nhất Phu nhân Abigail Adams vào cuối thế kỷ mười tám đã sử dụng không gian khổng lồ này để phơi quần áo, và nhiều thập kỷ sau, trong cuộc nội chiến Bắc Nam, Quân đội Liên bang đã tạm trú đóng tại đây. Một số lễ cưới của con gái các tổng thống cũng diễn ra ở đây. Quan tài của Abraham Lincoln và John F. Kennedy cũng từng được đặt tại đây để công chúng viếng thăm.

Hôm đó, tôi đã điếm qua một lượt tất cả những vị tổng thống, tìm cách ghép những gì tôi còn nhớ từ các lớp lịch sử với hình ảnh những gia đình đã thật sự bước đi trên những hành lang kia. Malia, khi đó khoảng tám tuổi, có vẻ kinh ngạc trước không gian khổng lồ của nơi này, còn Sasha năm tuổi đang cố hết sức để không động vào bất cứ thứ gì không được phép động vào. Con bé cố kiềm chế khi chúng tôi đi từ Phòng Đông sang Phòng Lục, nơi có những bức tường lụa màu ngọc lục bảo hoàn mỹ, với câu chuyện về Tổng thống James Madison và cuộc chiến năm 1812, rồi đến Phòng Lam, nơi có nội thất kiểu Pháp và câu chuyện về lễ cưới của Tổng thống Grover Cleveland. Khi hướng dẫn viên đề nghị chúng tôi theo anh vào Phòng Đỏ, Sasha ngẩng nhìn tôi và “đau khổ” buột miệng đúng kiểu trẻ con, “Ôi không, lại một CĂN PHÒNG nữa hay sao!”. Tôi lập tức suýt con bé im lặng và nhìn với ý “Đừng có làm mẹ phải xấu hổ”.

Nhưng thành thật mà nói, ai có thể trách con bé được chứ? Nhà Trắng là một nơi rộng lớn, với 132 căn phòng, 30 phòng tắm và 21 lò sưởi rải rác khắp sáu tầng lầu, tất cả đều chứa đựng nhiều sự kiện lịch sử đến mức không có một chương trình tham quan nào có thể nói hết. Thật sự rất khó có thể hình dung cuộc sống thường nhật sẽ ra sao ở nơi này. Đâu đó ở tầng dưới, nhân viên chính phủ vẫn ra vào tòa nhà, còn đâu đó ở trên, Tổng thống và Đệ nhất Phu nhân sống cùng với mấy chú chó cưng ở khu vực dành riêng cho gia đình tổng thống. Nhưng khi đó chúng tôi đang đứng ở một khu vực khác của tòa nhà, nơi giống như một bảo tàng ngưng đọng cùng thời gian, nơi những biểu tượng đã sống và đóng vai trò quan trọng, nơi từng đặt thi thể của những nhân vật có nhiều cống hiến cho đất nước này.

Hai năm sau, tôi quay lại nơi này một lần nữa, nhưng lần này qua một cánh cửa khác và cùng với Barack. Giờ đây nơi này sắp trở thành ngôi nhà tương lai của mình.

Tổng thống Bush và phu nhân đón tiếp chúng tôi ở Phòng Tiếp đón ngoại giao ngay cạnh Bãi cỏ phía Nam. Đệ nhất Phu nhân thân thiện nắm tay tôi. “Cứ gọi tôi là Laura”, bà nói. Chồng bà cũng hiểu khách không kém, tinh

thần hào sáng vùng Texas của ông dường như đã lấn át bất cứ cảm giác khó chịu nào do chính trị gây ra. Trong suốt chiến dịch vận động, Barack đã thường xuyên chỉ trích sự lãnh đạo của tổng thống đương nhiệm, hứa hẹn với cử tri là anh sẽ sửa chữa nhiều điểm mà anh cho là sai lầm trong đó. Bush, một đảng viên Cộng hòa, hẳn nhiên là người ủng hộ John McCain. Nhưng ông cũng cam kết sẽ biến cuộc chuyển giao này thành cuộc bàn giao quyền lực tổng thống êm thấm nhất lịch sử, đề nghị mọi cơ quan của hệ thống hành pháp chuẩn bị hồ sơ tóm tắt mọi chuyện để bàn giao cho chính quyền mới. Kể cả bên phía Đệ nhất Phu nhân, các nhân viên cũng thu thập lại danh sách địa chỉ liên hệ, lịch sinh hoạt, những cách trả lời mẫu để giúp tôi quen thuộc với những bổn phận xã hội đi kèm với chức vị này. Đằng sau tất cả những chuyện này là một sự tử tế, một tình yêu đích thực dành cho đất nước này - một điều mà tôi luôn trân trọng và ngưỡng mộ.

Dù Tổng thống Bush không hề nói thẳng ra, nhưng tôi thì đã nhìn thấy những dấu hiệu của sự thanh thản trên khuôn mặt ông khi ông biết nhiệm kỳ của mình sắp kết thúc, biết mình đã làm tròn bổn phận và có thể sớm trở về nhà ở Texas. Đã đến lúc cho tổng thống kế nhiệm vào thay.

Trong lúc các ông chồng đi đến Phòng Bầu dục để trò chuyện, Laura dẫn tôi vào chiếc thang máy ốp gỗ dành riêng cho gia đình tổng thống, nơi được một người Mỹ gốc Phi trong bộ tuxedo lịch lãm vận hành.

Khi thang máy lên hai tầng để đến tư dinh của tổng thống và gia đình, Laura hỏi thăm Sasha và Malia. Lúc này bà đã sáu mươi hai tuổi, đã nuôi dạy hai cô con gái trong thời gian ở Nhà Trắng. Từng là giáo viên và thủ thư, bà đã sử dụng vị trí Đệ nhất Phu nhân để thúc đẩy giáo dục và bảo vệ giáo viên. Bà nhìn tôi bằng đôi mắt màu xanh dương ấm áp.

“Cô cảm thấy thế nào?”, bà hỏi tôi.

“Hơi choáng ngợp một chút”, tôi thú nhận.

Bà mỉm cười với vẻ cảm thông thật sự. “Tôi biết. Tin tôi đi, tôi hiểu cảm giác ấy.”

Khi đó tôi chưa thể hiểu hết ý nghĩa của những gì mà bà đang diễn đạt, nhưng về sau tôi thường nghĩ về chuyện đó: Barack và tôi đang gia nhập một hội kỳ lạ và rất ít thành viên, bao gồm gia đình Clinton, gia đình Carter, hai gia đình Bush, Nancy Reagan và Betty Ford. Đó là những người duy nhất trên trái đất này biết rõ những gì Barack cùng với tôi đang đối mặt, là những người từng trực tiếp trải qua những niềm vui và khó khăn mà chỉ những ai sống tại Nhà Trắng mới hiểu. Dẫu tất cả chúng tôi đều khác nhau, nhưng chúng tôi đều chia sẻ trải nghiệm chung này.

Laura dẫn tôi xem qua tư dinh của tổng thống và gia đình, chỉ cho tôi nhiều căn phòng khác nhau. Khu vực riêng tư của Nhà Trắng là khoảng không gian rộng gần hai ngàn mét vuông ở hai tầng trên cùng của tòa nhà chính mang đậm tính lịch sử - chính là tòa nhà có hàng cột màu trắng đặc trưng mà bạn sẽ nhận ra ngay trong các bức ảnh. Tôi nhìn thấy phòng ăn, nơi các gia đình tổng thống dùng bữa, và ngó vào một gian bếp gọn gàng, nơi có các đầu bếp đang chuẩn bị bữa tối. Tôi thấy khu dành cho khách ở tầng trên cùng và đã tìm ra một chỗ có lẽ phù hợp cho mẹ tôi sống ở đó, nếu chúng tôi có thể thuyết phục bà ở chung. (Ở đó cũng có một phòng gym nhỏ, nơi mà cả Barack và Tổng thống Bush đều tỏ ra hào hứng nhất trong suốt phần tham quan của nhóm đàn ông.) Tôi thích thú nhất khi xem hai phòng ngủ mà tôi nghĩ sẽ phù hợp nhất cho Sasha và Malia, ở ngay bên kia hành lang của phòng ngủ chính.

Với tôi, điểm mấu chốt là đem đến cho hai cô con gái của mình cảm giác thoải mái và thân thuộc. Nếu không xét đến sự xa hoa và hào nhoáng - chẳng hạn như việc được dọn vào một ngôi nhà lớn đẹp như mơ có đầu bếp riêng, một làn bowling và một hồ bơi - thì những gì Barack và tôi đang làm là điều mà không bậc phụ huynh nào muốn làm: buộc hai đứa trẻ phải rời khỏi ngôi trường chúng yêu thích ngay giữa năm học, khiến chúng rời xa bạn

bè, và đặt chúng vào một ngôi nhà mới và ngôi trường mới mà không cho chúng nhiều thời gian chuẩn bị. Tôi cứ nghĩ mãi chuyện đó, nhưng tôi cũng cảm thấy được an ủi khi biết là đã có những bà mẹ khác và những đứa trẻ khác đã từng thành công khi trải qua chuyện này.

Laura dẫn tôi vào một căn phòng xinh xắn tràn ngập ánh sáng ngay cạnh phòng ngủ chính, nơi vốn được dùng làm phòng thay đồ cho Đệ nhất Phu nhân. Bà chỉ cho tôi thấy khung cảnh Vườn Hồng và Phòng Bầu dục qua ô cửa sổ, nói thêm rằng bà cảm thấy dễ chịu khi có thể nhìn ra ngoài và đôi khi cảm nhận được những gì chồng bà đang làm. Bà nói Hillary Clinton đã chỉ cho bà góc nhìn này vào lần đầu tiên bà đến thăm Nhà Trắng tám năm trước. Và tám năm trước nữa, mẹ chồng của bà, phu nhân Barbara Bush, đã chỉ cho Hillary góc nhìn ấy. Tôi nhìn ra cửa sổ và nhớ rằng mình là một phần của một sự kế thừa khiêm tốn.

Trong những tháng tiếp theo, tôi cảm thấy sự kết nối mạnh mẽ với những người phụ nữ đó. Qua điện thoại, Hillary đã sẵn lòng chia sẻ những hiểu biết của bà, chia sẻ với tôi kinh nghiệm của bà khi chọn trường cho con gái Chelsea. Tôi đã gặp Rosalynn Carter và trò chuyện qua điện thoại với Nancy Reagan, cả hai đều nhiệt tình và sẵn lòng giúp đỡ. Vài tuần sau chuyến thăm đầu tiên đó, Laura đã tử tế mời tôi quay lại Nhà Trắng cùng Sasha và Malia vào một ngày mà hai cô con gái của bà, Jenna và Barbara, cũng có mặt ở đó để chỉ cho hai đứa nhà tôi “những chỗ hay ho” của Nhà Trắng, từ những chiếc ghế nhung ở phòng chiếu phim tại nhà đến cách trượt xuống một hành lang dốc ở tầng trên.

Tất cả những chuyện đó đã khích lệ tinh thần tôi. Tôi đã bắt đầu háo hức chờ đến ngày mình có thể truyền lại những gì tôi học được cho Đệ nhất Phu nhân kế nhiệm.

CUỐI CÙNG THÌ CHÚNG TÔI đã chuyển đến Washington ngay sau dịp lễ Giáng sinh truyền thống của gia đình ở Hawaii, để Sasha và Malia có thể nhập học khi bạn học mới của chúng quay lại trường sau kỳ nghỉ đông. Khi đó vẫn còn ba tuần nữa mới tới ngày nhậm chức, đồng nghĩa với việc chúng tôi phải tạm thời sắp xếp sống bên ngoài Nhà Trắng, thuê phòng ở tầng trên cùng của khách sạn Hay-Adams tại trung tâm Washington. Phòng của chúng tôi nhìn ra Quảng trường Lafayette và Bãi cỏ phía Bắc của Nhà Trắng, nơi có thể nhìn thấy khán đài và những hàng ghế kim loại đang được chuẩn bị cho buổi diễu hành mừng tân tổng thống nhậm chức. Trên tòa nhà đối diện khách sạn, ai đó đã treo một băng-rôn khổng lồ với dòng chữ “Chào mừng Malia và Sasha”. Tôi hơi xúc động trước cảnh tượng này.

Sau nhiều lần tìm hiểu, hai chuyến tham quan và nhiều buổi trò chuyện, chúng tôi đã quyết định đăng ký cho các con vào trường Sidwell Friends, một trường tư thuộc Hiệp hội Giáo hữu và có danh tiếng rất tốt. Sasha sẽ học lớp hai khối tiểu học, trong một khuôn viên tọa lạc tại vùng ngoại ô Bethesda, Maryland; còn Malia học lớp năm trong khuôn viên chính của trường tại một dãy nhà yên tĩnh chỉ cách Nhà Trắng vài cây số về phía bắc. Cả hai đứa sẽ được đưa đón bằng đoàn xe hộ tống, mỗi đoàn có mười nhân viên mật vụ có vũ trang, một số trong đó sẽ trực ngoài cửa lớp học và đi theo hai đứa vào giờ ra chơi, giờ nghỉ và giờ tập luyện thể thao.

Giờ đây chúng tôi như đang sống trong một cái bong bóng, được phong kín khỏi thế giới hàng ngày, ít nhất là một phần nào đó. Tôi không còn nhớ lần cuối mình tự làm mấy việc vặt hay đi bộ thư giãn trong công viên là khi nào. Nhất cử nhất động đều phải được thảo luận trước về mặt an ninh lẫn giờ giấc. Bong bóng đó đã hình thành từ từ xung quanh chúng tôi trong suốt quá trình vận động tranh cử, khi danh tiếng của Barack ngày càng vang xa và khi chúng tôi cần vạch ra những ranh giới giữa mình và công chúng, và trong một vài trường hợp là giữa chúng tôi và bạn bè, người thân của mình. Thật lạ khi phải ở bên trong một cái bong bóng, và tôi cũng không đặc biệt thích chuyện đó, nhưng đồng thời tôi cũng hiểu rằng sự sắp xếp này là tốt nhất. Với sự hộ tống thường xuyên của cảnh sát, xe của chúng tôi không còn cần phải dừng đèn đỏ. Nếu có thể sử dụng lối đi chuyên dụng hoặc đường vận

chuyển hàng hóa ở cửa hông để vào một tòa nhà thì chúng tôi hiếm khi đi theo lối cửa chính. Theo quan điểm của mật vụ, chúng tôi càng ít lộ diện càng tốt.

Tôi hy vọng bong bóng của Sasha và Malia có thể khác, rằng chúng vẫn an toàn nhưng không bị gò bó, rằng phạm vi sinh hoạt của chúng sẽ rộng hơn của chúng tôi. Tôi muốn chúng có thể kết bạn, những người bạn đích thực - những đứa trẻ thật sự quý mến chúng không phải chỉ vì chúng là con cái nhà Obama. Chúng tôi muốn chúng được học hỏi, được phiêu lưu, phạm sai lầm và đứng dậy từ sai lầm. Tôi hy vọng trường học đối với chúng có thể giống như một sự chờ che, một nơi chúng có thể được là chính mình. Sidwell Friends khiến chúng tôi hài lòng vì nhiều lý do, một phần vì đó là trường Chelsea Clinton đã theo học khi cha cô còn là tổng thống. Đội ngũ nhân viên ở đó đã biết cách bảo đảm an toàn cho các học sinh là con cái của những nhân vật có tên tuổi và đã có những sắp xếp về an ninh mà giờ đây sẽ rất cần thiết cho Malia và Sasha, tức là chúng tôi sẽ không phải tiêu tốn quá nhiều nguồn lực của trường. Trên hết, tôi thích cảm giác mà nhà trường mang lại. Triết lý của Hiệp hội Giáo hữu đều hướng đến cộng đồng, với tôn chỉ là không một cá nhân nào được coi trọng hơn những cá nhân khác, điều mà cá nhân tôi thấy giống như một đối trọng lành mạnh cho sự ồn ào giờ đây đang vây quanh cha của bọn trẻ.

Vào ngày đầu tiên Malia và Sasha đi học, vợ chồng tôi dùng bữa sáng khá sớm tại phòng khách sạn cùng với hai đứa rồi giúp chúng mặc quần áo ấm. Barack không thể không cho chúng vài lời khuyên để hòa nhập ở trường mới (luôn mỉm cười, tử tế và nghe lời thầy cô), cuối cùng, anh nói khi cả hai đã đeo ba-lô màu tím lên lưng, “Và tuyệt đối đừng ngoáy mũi!”.

Mẹ gặp chúng tôi ở hành lang, rồi chúng tôi cùng đi thang máy xuống nhà.

Bên ngoài khách sạn, mật vụ đã dựng một hành lang an ninh với mục đích giữ chúng tôi khỏi tầm nhìn của phóng viên ảnh và đội truyền hình, những người đã đứng chờ sẵn ở lối ra vào để “săn” hình ảnh gia đình chúng tôi trong giai đoạn chuyển giao. Barack chỉ vừa bay từ Chicago đến vào đêm hôm trước, và anh hy vọng có thể cùng đi đến trường với bọn trẻ, nhưng anh ấy biết như thế sẽ tạo quá nhiều chú ý. Đoàn xe của anh ấy quá công kênh. Anh ấy giờ đã có quá nhiều ràng buộc. Tôi có thể đọc được nỗi khổ tâm đó trên khuôn mặt anh khi Sasha và Malia ôm anh để chào tạm biệt.

Mẹ và tôi cùng đi với hai đứa nhỏ trong chiếc SUV đen có cửa kính chống đạn màu khói - một kiểu “xe buýt đến trường” mới của chúng. Sáng hôm đó tôi cố gắng tỏ ra tự tin bằng cách mỉm cười và đùa giỡn với chúng. Thế nhưng bên trong, tôi cảm thấy căng thẳng, cảm giác đó khiến tay chân tôi hơi lóng cọng. Trước tiên chúng tôi đến khuôn viên khối cấp hai, nơi Malia và tôi vội vã băng qua một rừng máy ảnh của phóng viên để vào trong tòa nhà, mật vụ theo sát bên hông. Sau khi đưa Malia đến chỗ giáo viên mới của con bé, đoàn xe chở chúng tôi sang Bethesda, nơi tôi lặp lại quá trình tương tự với Sasha bé bỏng, đưa con bé vào một phòng học xinh xắn có những ô cửa sổ rộng và những chiếc bàn có chiều cao phù hợp với học sinh tiểu học - nơi tôi mong sao sẽ là một chốn an toàn và hạnh phúc.

Tôi quay lại đoàn xe và đi về Hay-Adams, ngồi gọn bên trong cái bong bóng của mình. Tôi sẽ có một ngày bận rộn, kín lịch hợp hành, nhưng tâm trí tôi vẫn hướng về hai cô con gái. Ngày hôm nay của chúng thế nào? Chúng ăn gì? Chúng có bị sẫm soi hay vẫn thấy thoải mái như ở nhà? Sau đó tôi nhìn thấy trên báo một bức ảnh của Sasha được chụp trong lúc chúng tôi đến trường, bức ảnh khiến tôi trào nước mắt. Tôi tin rằng ai đó đã chụp bức ảnh khi tôi đưa Malia đến lớp của con bé, còn Sasha thì ngồi chờ trong xe với mẹ tôi. Gương mặt bầu bĩnh của con bé áp vào cửa sổ chiếc SUV, đôi mắt tròn xoe nhìn chăm chăm ra ngoài với vẻ trầm tư khi thấy bao nhiêu là phóng viên và những người hiếu kỳ. Tôi không biết con bé đang nghĩ gì, nhưng biểu cảm của nó thì có chút buồn bã.

Chúng tôi đang đòi hỏi quá nhiều thứ ở chúng. Suy nghĩ đó quẩn quanh trong đầu tôi không chỉ trong cả ngày hôm đó, mà còn suốt nhiều tháng và nhiều năm sau đó.

QUÁ TRÌNH CHUYỂN GIAO vẫn diễn ra nhanh chóng. Tôi bị tấn công dồn dập bởi hàng trăm quyết định, rõ ràng là tất cả đều khắt khe. Tôi cần phải chọn mọi thứ, từ khăn tắm và kem đánh răng đến xà bông rửa chén và bia cho những người sống trong Nhà Trắng, chọn trang phục cho ngày lễ nhậm chức và những buổi yến tiệc linh đình theo sau đó, và cả nghĩ phương án đưa đón khoảng một trăm năm mươi bạn bè thân thiết và họ hàng từ xa đến. Tôi giao tất cả những việc có thể cho Melissa và những thành viên khác trong nhóm nhân viên chuyển giao của mình. Chúng tôi cũng thuê Michael Smith, nhà thiết kế nội thất tài ba mà một người bạn ở Chicago đã giới thiệu, để giúp sắp xếp nội thất cũng như trang hoàng lại tư dinh, cùng với Phòng Bầu dục.

Tôi được biết tổng thống tân cử được cấp một trăm ngàn đô-la từ ngân sách liên bang phục vụ cho quá trình chuyển chỗ ở và tân trang nhà mới, nhưng Barack nhất quyết là chúng tôi sẽ tự chi trả các khoản phí đó, sử dụng số tiền chúng tôi dành dụm từ tiền bản quyền quyển sách của anh. Anh luôn như thế: cực kỳ thận trọng trong vấn đề tiền bạc và đạo đức, giữ cho mình một tiêu chuẩn thậm chí còn cao hơn những gì được quy định theo pháp luật. Có một châm ngôn cũ xưa trong cộng đồng người da đen: Để tiến xa hơn một nửa, ta phải giỏi gấp đôi. Là gia đình Mỹ gốc Phi đầu tiên trong Nhà Trắng, chúng tôi đang được xem là những đại diện của chủng tộc mình. Chúng tôi biết rõ bất cứ sai sót hay khiếm khuyết nào cũng sẽ bị phóng đại và xem như một điều gì đó to tát hơn bản chất của nó.

Nhìn chung tôi không quan tâm nhiều đến chuyện trang hoàng lại Nhà Trắng hay lên kế hoạch cho lễ nhậm chức bằng việc tập trung suy nghĩ xem mình có thể làm được những gì trong vai trò mới. Theo tôi hiểu thì tôi thật sự không cần phải làm bất cứ điều gì. Không có mô tả công việc đồng nghĩa với không có yêu cầu công việc, và như thế tôi được tự do chọn kế hoạch cho mình. Tôi muốn bảo đảm rằng mọi nỗ lực của tôi đều giúp thúc đẩy những mục tiêu lớn hơn của chính phủ mới.

Tôi cảm thấy nhẹ cả người khi cả hai đứa con đều vui vẻ sau ngày đầu tiên ở trường, rồi ngày thứ hai và ngày thứ ba cũng thế. Sasha mang bài tập về nhà làm, đây là chuyện con bé chưa từng làm trước đây. Malia đã đăng ký tham gia hát trong một buổi hòa nhạc hợp xướng dành cho học sinh trung học. Cả hai nói rằng học sinh các lớp khác đôi khi có vẻ bất ngờ khi nhìn thấy chúng, nhưng ai cũng cư xử tử tế. Những ngày sau đó, hai đứa cũng dần quen với chuyến xe tháp tùng đến Sidwell Friends. Sau khoảng một tuần, hai đứa đã cảm thấy thoải mái đến trường mà không cần tôi theo, thay vào đó, bà ngoại là người hộ tống chúng đến trường, việc này khiến cho việc đưa đón trở nên gọn nhẹ hơn, cần ít mật vụ, xe cộ và súng ống hơn.

Mẹ tôi không muốn dọn đến Washington ở cùng chúng tôi, nhưng tôi đã ép bà. Malia và Sasha cần bà ngoại. Tôi cần mẹ. Tôi tin là bà cũng cần chúng tôi. Trong vài năm vừa qua, mẹ đã gần như hiện diện từng ngày trong cuộc sống của chúng tôi, tính thực tế của mẹ giúp xoa dịu mọi âu lo của chúng tôi. Ở tuổi bảy mươi mốt, mẹ chưa từng sống ở đâu khác ngoài Chicago. Bà không muốn rời South Side và ngôi nhà trên Đại lộ Euclid. (“Tôi yêu con cháu và con rể tôi, nhưng tôi cũng yêu ngôi nhà của mình”, mẹ chẳng thêm giấu giếm gì cả mà đã trả lời thẳng thắn như thế với một phóng viên sau ngày bầu cử. “Nhà Trắng khiến tôi liên tưởng tới viện bảo tàng, mà làm sao có thể ngủ được trong một bảo tàng cơ chứ?”)

Tôi ra sức giải thích rằng nếu dọn đến Washington, mẹ sẽ gặp đủ kiểu người thú vị, bà chẳng phải nấu nướng hay tự lau dọn một mình nữa, và ở tầng trên cùng của Nhà Trắng có nhiều phòng hơn ở nhà. Những điều ấy không có ý nghĩa gì với mẹ. Mẹ tôi vô nhiễm trước mọi lối sống xa hoa và thời thượng.

Cuối cùng tôi gọi điện cho anh Craig. “Anh phải nói chuyện với mẹ cho em”, tôi nói. “Hãy thuyết phục mẹ đến ở với bọn em”.

Và thế là có kết quả. Anh Craig giỏi ở khoản thuyết phục những khi cần thiết.

Thế là suốt tám năm sau đó mẹ tôi đã sống cùng với gia đình chúng tôi ở Washington, nhưng vào thời điểm đó, mẹ miễn cưỡng nói rằng mẹ chỉ ở tạm mà thôi, rằng mẹ chỉ ở đó đến khi hai đứa cháu ổn định. Mẹ cũng từ chối bị nhét vào bất kỳ cái “bong bóng” nào. Bà không nhận sự bảo vệ của mặt vù và tránh gặp gỡ truyền thông để không phải trở nên nổi tiếng và tránh phiền phức. Mẹ đã làm xiêu lòng nhân viên tạp vụ Nhà Trắng bằng việc nhất quyết tự mình giặt ủi, và trong nhiều năm mẹ đã ra vào tòa nhà theo ý thích của mình, đi bộ ra khỏi cổng và đến cửa hàng dược mỹ phẩm CVS hay hệ thống chuỗi cửa hàng Filene’s Basement gần nhất mỗi khi cần mua một món gì đó, kết bạn mới và thường xuyên dùng bữa trưa với họ. Bất cứ khi nào có người nói rằng mẹ giống hệt mẹ của Michelle Obama, mẹ chỉ nhún vai lịch sự và đáp, “Ừ, ai cũng nói như vậy”. Mẹ tôi có cách làm riêng của mình, lúc nào cũng thế.

CẢ GIA ĐÌNH TÔI đều đến dự lễ nhậm chức của Barack. Các cô dì, chú bác, anh chị em họ của tôi cũng đến. Bạn bè chúng tôi ở Công viên Hyde cũng đến, cả những cô bạn gái của tôi ở Chicago và chồng họ. Ai cũng dẫn con cái theo cùng. Chúng tôi đã chuẩn bị những bữa tiệc cho người lớn và trẻ em trong suốt tuần lễ nhậm chức, gồm cả một buổi hòa nhạc dành cho trẻ em, một bữa trưa dành riêng cho bọn trẻ diễn ra song song với tiệc trưa truyền thống tại Điện Capitol ngay sau nghi thức tuyên thệ, và một cuộc truy lùng kho báu và tiệc thiếu nhi tại Nhà Trắng diễn ra song song với dạ tiệc mừng nhậm chức.

Một trong những phúc lành bất ngờ vào mấy tháng cuối cùng của cuộc vận động tranh cử chính là sự hòa hợp hết sức tự nhiên của chúng tôi với gia đình Joe Biden. Dù từng là đối thủ chính trị mới vài tháng trước đó, nhưng giờ đây Barack và Joe có mối quan hệ tốt đẹp một cách tự nhiên, cả hai dễ dàng chuyển đổi qua lại giữa một bên là sự nghiêm túc trong công việc và một bên là sự thoải mái của gia đình.

Tôi thích Jill, vợ của Joe, ngưỡng mộ sự kiên cường thâm lặng và thái độ nghiêm túc trong công việc của chị. Chị kết hôn với Joe và trở thành mẹ kế của hai con trai của ông vào năm 1977, năm năm sau khi người vợ đầu tiên và con gái nhỏ của Joe qua đời trong một vụ tai nạn giao thông thương tâm. Về sau, họ có một cô con gái chung. Jill vừa nhận bằng tiến sĩ về giáo dục và đã giảng dạy môn tiếng Anh tại một trường cao đẳng cộng đồng ở Delaware không chỉ trong thời gian Joe làm thượng nghị sĩ, mà còn qua suốt hai chiến dịch tranh cử tổng thống của anh. Cũng như tôi, chị hứng thú với việc tìm cách hỗ trợ các gia đình có thân nhân tại ngũ. Khác với tôi, chị có một mối gắn kết tình cảm trực tiếp với vấn đề này: Beau Biden, con trai lớn của Joe, đang đóng quân tại Iraq trong lực lượng Vệ binh Quốc gia. Cậu đã được phê duyệt một kỳ nghỉ ngắn ngày để về Washington chứng kiến cha mình tuyên thệ trở thành phó tổng thống.

Và có cả năm đứa cháu nội của nhà Biden, tất cả đều cởi mở và khiêm tốn như ông bà Joe và Jill của chúng. Chúng đã từng có mặt tại Đại hội toàn quốc Đảng Dân chủ ở Denver và cuốn cả Sasha lẫn Malia vào sự huyền ảo của mình, rủ hai đứa ngủ lại tại phòng khách sạn của Joe, vui vẻ kết bạn mới đến mức quên bằng không khí chính trị xung quanh. Chúng tôi lúc nào cũng biết ơn khi có bọn trẻ nhà Biden ở bên.

Ngày Nhậm chức lạnh cắt da, nhiệt độ không bao giờ lên quá không độ C và gió còn góp phần làm cho nhiệt độ như xuống gần mức âm mười độ C. Sáng hôm đó, Barack và tôi đến nhà thờ với hai đứa trẻ, mẹ tôi, Craig và Kelly, Maya và Konrad, và Má Kaye. Lúc đó, chúng tôi nghe nói người ta đã xếp hàng ở khu công viên National Mall từ trước bình minh, tụ tập thành từng nhóm trong lúc chờ đợi những hoạt động của lễ nhậm chức bắt đầu. Tôi sẽ không bao giờ quên cái lạnh ngày hôm đó, cũng như sẽ nhớ mãi chùng đó con người đã đứng ngoài trời trước

tôi hàng giờ đồng hồ với niềm tin rằng sự chờ đợi đó xứng đáng để họ chịu đựng thời tiết giá lạnh này. Về sau chúng tôi biết được rằng gần hai triệu người đã đổ về công viên vào ngày hôm đó từ khắp mọi miền đất nước, kéo dài suốt hơn một cây số từ Điện Capitol đến quá Đài tưởng niệm Washington - họ là một biển người đa dạng màu da, tràn đầy hưng phấn và hy vọng.

Sau lễ nhà thờ, Barack và tôi đến Nhà Trắng để gia nhập cùng Joe và Jill, Tổng thống Bush, Phó tổng thống Dick Cheney và phu nhân của họ, tất cả tập hợp lại để dùng cả phê và trà trước khi cùng theo đoàn xe đến Điện Capitol để cử hành lễ tuyên thệ. Barack đã nhận mã ủy quyền cho phép anh tiếp nhận kho vũ khí hạt nhân của nước Mỹ và một bản tóm tắt quy trình sử dụng chúng. Từ giờ trở đi, đi đến đâu anh cũng sẽ được một sĩ quan quân đội bám sát, mang theo một chiếc vali hai mươi ký chứa mã phóng đầu đạn hạt nhân cùng những thiết bị thông tin liên lạc tân tiến, thường được gọi là “vali hạt nhân”. Trọng trách đó cũng thật nặng nề.

Với tôi, lễ nhậm chức đã trở thành một trong những trải nghiệm kỳ lạ và diễn ra như một đoạn phim chiếu chậm, một trải nghiệm có quy mô quá lớn đến mức tôi không thể xử lý hết thông tin về những gì đang diễn ra. Chúng tôi được dẫn vào một căn phòng riêng ở Điện Capitol trước giờ lễ để hai cô con gái dùng một ít thức ăn vặt và Barack có thêm vài phút cùng tôi dợt lại cách đặt tay lên quyển Kinh thánh nhỏ màu đỏ mà cách đây một trăm năm mươi năm Tổng thống Abraham Lincoln từng sở hữu. Cùng thời điểm đó, nhiều bạn bè, họ hàng và đồng nghiệp của chúng tôi đang tìm chỗ ngồi ở khán đài bên ngoài. Tôi nhận ra rằng có lẽ đây là lần đầu tiên trong lịch sử có nhiều người da màu như thế ngồi trước công chúng và trước khán giả truyền hình trên toàn thế giới, được thừa nhận là thượng khách tại buổi lễ nhậm chức tổng thống của nước Mỹ.

Barack và tôi đều biết rõ ý nghĩa của ngày này đối với rất nhiều người Mỹ, nhất là những người đã tham gia phong trào bảo vệ dân quyền. Barack quyết định mời Tuskegee Airmen, những phi công và nhân viên mặt đất người Mỹ gốc Phi đã làm nên lịch sử khi tham chiến trong Chiến tranh Thế giới thứ hai đến tham dự buổi lễ. Anh cũng mời nhóm Little Rock Nine, nhóm chín sinh viên da đen đầu tiên đã thử nghiệm phán quyết của Tòa án tối cao trong vụ Brown v. Board of Education bằng cách đăng ký theo học tại một trường trung học toàn người da trắng tại Arkansas vào năm 1957, chịu đựng rất nhiều ngày tháng bạo lực và bị bắt nạt để đấu tranh cho một mục đích cao đẹp hơn. Nay họ đã là các cư dân cao tuổi, tóc họ đã ngả muối tiêu và vai đã xụi xuống - dấu vết của hàng chục năm đã qua và có lẽ cũng vì gánh nặng mà họ đã mang vác vì thế hệ tương lai. Barack thường nói rằng anh ấy muốn leo lên những bậc thang Nhà Trắng vì Little Rock Nine đã dám leo những bậc thang của trường trung học Central. Trong tất cả những sự tiếp nối mà chúng tôi đang duy trì, có lẽ đây chính là thứ quan trọng nhất.

Đúng chính Ngọ hôm đó, chúng tôi đứng trước toàn thể nước Mỹ cùng hai cô con gái. Tôi thật sự chỉ nhớ được những chi tiết nhỏ nhất - ánh mặt trời sáng rực trên vầng trán của Barack khi đó, sự yên lặng trang nghiêm bao trùm đám đông khi chánh án Tòa án tối cao, John Roberts, bắt đầu cử hành nghi lễ. Tôi nhớ Sasha, khi đó còn quá nhỏ nên dễ dàng lọt thõm giữa một biển người lớn xung quanh, đã tự hào đứng trên một chiếc ghế kê chân để người khác trông thấy mình. Tôi nhớ không khí thật trong lành. Tôi nâng quyển Kinh thánh của Lincoln, và Barack đặt tay trái của anh lên nó rồi đọc lời thề bảo vệ Hiến pháp Hoa Kỳ - trang trọng tiếp nhận mọi vấn đề của quốc gia chỉ với một vài câu nói ngắn. Đó vừa là gánh nặng vừa là niềm hân hoan, một cảm giác tương tự lặp lại trong bài diễn văn nhậm chức mà Barack trình bày sau đó.

Anh nói, “Hôm nay chúng ta tập hợp tại đây vì chúng ta đã chọn hy vọng thay vì sợ hãi, chọn mục tiêu thống nhất thay vì xung đột và bất hòa”.

Tôi thấy sự thật đó được phản ánh rất nhiều lần trên khuôn mặt của những con người đứng run rẩy trong gió lạnh chỉ để chứng kiến lễ nhậm chức. Nhìn đến đâu tôi cũng thấy đông đảo người đứng. Họ lấp đầy từng tấc đất

trong khu công viên National Mall và lối diễu hành. Tôi cảm thấy như thể gia đình mình như sắp sửa rơi thẳng vào vòng tay họ. Tất cả chúng tôi đang thiết lập một hiệp ước. Các bạn giúp chúng tôi; chúng tôi giúp các bạn.

MALIA VÀ SASHA nhanh chóng học được thể nào là cuộc sống dưới mắt công chúng. Tôi nhận thấy điều này khi chúng tôi bước vào chiếc limo tổng thống, dẫn đầu đoàn diễu hành và bắt đầu chạy chậm chậm đến Nhà Trắng. Khi đó, Barack và tôi đã tạm biệt George và Laura Bush, vẫy tay chào khi họ được trực thăng của thủy quân lục chiến chở đi khỏi Điện Capitol. Chúng tôi cũng đã dùng bữa trưa. Barack và tôi được ăn món ức vịt tại một sảnh lát đá cẩm thạch trang trọng bên trong Điện Capitol với hàng trăm khách, bao gồm nội các mới của anh, các thành viên của Quốc hội và các thẩm phán của Tòa án tối cao, trong lúc Malia và Sasha đang chén món khoai khẩu của mình - gà lẫn bột, mì ống và phô mai - cùng bọn trẻ nhà Biden và một nhóm anh chị em họ ở căn phòng gần bên.

Tôi ngạc nhiên khi thấy hai cô con gái của mình xử sự hoàn hảo suốt buổi lễ nhậm chức, chúng không tỏ ra bồn chồn, uể oải hay quên phải mỉm cười. Chúng tôi vẫn còn hàng ngàn người đang quan sát từ hai bên đường và trên truyền hình khi đoàn xe lăn bánh đến Đại lộ Pennsylvania, dù cửa sổ kính râm của xe khiến người ta khó nhìn thấy những gì bên trong. Khi Barack và tôi bước ra để đi bộ một quãng ngắn trên đoạn đường diễu hành và vẫy chào công chúng, Malia và Sasha ở lại trong chiếc limo ấm áp vẫn đang rì rì chạy. Có vẻ khi đó chúng đã nhận ra là cuối cùng chúng cũng được ở một mình và không bị dòm ngó nữa.

Khi vợ chồng chúng tôi trở lại xe, hai đứa trẻ bắt đầu lột nón ra, nghịch tóc của nhau và hăm hở lao vào trận chiến cù nhau theo kiểu chị em gái hay làm. Cuối cùng chúng cũng mệt nhoài nên đã nằm dài trên băng ghế đợi về nhà suốt chặng đường còn lại, mở lớn nhạc Beyoncé trên dàn âm thanh của xe như những ngày xưa.

Barack và tôi đều cảm nhận một sự nhẹ nhõm ngọt ngào vào thời điểm ấy. Chúng tôi đang là gia đình tổng thống, nhưng vẫn là chính mình.

Khi mặt trời bắt đầu lặn trong ngày nhậm chức hôm đó, nhiệt độ càng hạ thấp hơn nữa. Barack và tôi, cùng Joe Biden không-biết-mệt, đã dành hai giờ đồng hồ sau đó đứng trên bục quan sát đặt trước Nhà Trắng, nhìn các ban nhạc và xe diễu hành từ toàn bộ năm mươi tiểu bang đi qua trước mặt trên Đại lộ Pennsylvania. Đến một lúc nào đó, tôi không còn cảm giác ở đầu ngón chân nữa, kể cả khi ai đó đã trao cho tôi một chiếc mền trùm chân. Lần lượt từng vị khách trên bục xin phép vào trong để chuẩn bị cho buổi dạ vũ.

Gần bảy giờ tối, ban nhạc diễu hành cuối cùng cũng diễn xong, Barack và tôi đi qua màn đêm để vào Nhà Trắng, lần đầu xuất hiện trong tòa nhà với tư cách cư dân sinh sống ở đó. Chỉ trong buổi chiều, các nhân viên đã làm một cú thay đổi ngoạn mục tư dinh của chúng tôi từ đầu tới chân, dọn những vật dụng của gia đình Bush ra ngoài và thay tất cả bằng đồ đạc của chúng tôi. Trong vòng năm giờ đồng hồ, các tấm thảm đã được hấp toàn bộ để loại bỏ mọi vết tích của mấy chú chó nhà Bush để Malia không bị dị ứng. Nội thất được mang vào và bố trí trong nhà, cây cô trang trí được bày ra. Khi chúng tôi dùng thang máy lên lầu, quần áo của chúng tôi đã được sắp xếp gọn gàng trong tủ áo; quầy bếp đã chất đầy những món ăn yêu thích của chúng tôi. Các quản gia thường trú của Nhà Trắng, hầu hết là người Mỹ gốc Phi trạc tuổi chúng tôi hoặc lớn hơn, luôn trực sẵn để giúp chúng tôi bất cứ điều gì.

Tôi lạnh đến nỗi gần như không thể nuốt thứ gì vào bụng. Trong chưa đầy một giờ nữa chúng tôi sẽ phải tham gia buổi dạ vũ đầu tiên trong tổng cộng mười vũ hội mừng lễ nhậm chức. Ngoài những người quản gia khi đó hãy còn xa lạ với tôi thì tôi thấy rất ít người trên nhà. Thật sự thì tôi nhớ mình đã cảm thấy đôi chút cô đơn khi bước dọc theo hành lang, băng qua một loạt những cánh cửa đang khép. Hai năm qua tôi luôn có người vây quanh, có Melissa, Katie và Kristen ngay bên cạnh. Giờ đây tôi chợt cảm thấy cô độc. Hai đứa trẻ đã đến một khu vực khác

của tòa nhà để vui đùa suốt buổi tối. Mẹ tôi, anh Craig và Maya ở cùng chúng tôi ngay trong tòa nhà nhưng đã được mời vào xe và chở đến những bữa tiệc của đêm hôm đó. Một thợ làm tóc đang chờ tạo kiểu tóc cho tôi; bộ đầm dạ hội tôi sẽ mặc đang được treo trên giá. Barack đã đi tắm để mặc bộ tuxedo của anh.

Đó là một ngày tuyệt vời và trọng đại đối với gia đình chúng tôi, và tôi hy vọng cả đối với đất nước, nhưng đồng thời cũng là một cuộc siêu marathon. Tôi chỉ có vòn vẹn chừng năm phút để ngâm nước ấm và sẵn sàng cho những sự kiện kế tiếp. Sau đó, tôi ăn vài miếng thịt nướng và khoai tây mà Sam Kass đã chuẩn bị. Tôi được chải tóc và trang điểm lại, rồi tôi khoác bộ đầm voan mình đã chọn, đó là bộ trang phục được một nhà thiết kế trẻ tên Jason Wu tạo riêng cho tôi. Chiếc đầm chỉ có một dây vai và được đính những bông hoa tinh tế bằng vải lụa, mỗi bông hoa có một viên pha lê nhỏ đặt chính giữa, tà váy dài rũ xuống sàn nhà.

Tính tới thời điểm đó, tôi chỉ mới diện qua một vài tấm váy dạ hội, nhưng tác phẩm của Jason Wu đã mang đến một phép màu nho nhỏ, khiến tôi cảm thấy nhẹ nhàng, xinh đẹp và cởi mở trở lại, ngay cả khi tôi bắt đầu nghĩ mình quá mệt mỏi đến mức không thể làm gì thêm nữa. Chiếc váy đã gợi nhớ sự biến đổi đẹp như mơ của gia đình tôi, hồi sinh sự hứa hẹn mà toàn bộ trải nghiệm này mang lại - nếu nó không biến được tôi thành nàng công chúa đẹp rạng rỡ của buổi dạ tiệc, thì chí ít cũng thành một người phụ nữ có khả năng bước lên một sân khấu khác. Tôi giờ đây là FLOTUS^[1] - Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ - của POTUS^[2] - Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama. Đã đến lúc để ăn mừng.

Đêm đó, Barack và tôi đến Vũ hội Neighborhood, vũ hội nhậm chức đầu tiên mà công chúng có thể tham gia với chi phí vừa túi tiền, và là nơi Beyoncé - Beyoncé bằng xương bằng thịt - trình diễn bản R&B kinh điển “At Last” mà chúng tôi đã chọn làm bản “vũ điệu khai màn”. Sau đó, chúng tôi sang Vũ hội Home States, và sau đó nữa là Vũ hội Commander in Chief, rồi lại sang Vũ hội Youth và thêm sáu vũ hội khác nữa. Thời gian ở từng vũ hội của chúng tôi tương đối ngắn và gần như y hệt nhau: Ban nhạc trình diễn bài “Hail to the Chief”, Barack phát biểu vài lời, hai chúng tôi cố bày tỏ sự trân trọng của mình dành cho những người tham dự, và chúng tôi sẽ chậm chậm nhảy bản “At Last” thêm một lần nữa trong khi mọi người đứng xem.

Mỗi lần như thế tôi lại ôm lấy chồng mình và tìm sự điềm tĩnh trong mắt anh. Chúng tôi vẫn là cặp đôi cò cưa, một-âm-một-dương suốt hai mươi năm qua và vẫn gắn bó bên nhau bằng một tình yêu vững bền. Đây chính là một điều mà tôi luôn sẵn lòng thể hiện.

Tuy nhiên, khi đêm về khuya, tôi cảm thấy mình bắt đầu kiệt sức.

Phần hay nhất của đêm đó là phần diễn ra sau cùng - một bữa tiệc riêng được tổ chức cho vài trăm bạn bè của chúng tôi ở Nhà Trắng. Chính tại đây chúng tôi mới có thể thả lỏng, uống một chút champagne và ngừng lo lắng về diện mạo của mình. Chắc chắn tôi sẽ tháo giày ra.

Chúng tôi đến bữa tiệc đó vào khoảng hai giờ sáng. Barack và tôi băng qua sân nhà cẩm thạch dẫn đến Phòng Đông và thấy bữa tiệc đang hồi tung bừng, thức uống cứ chảy tràn và mọi người đang khiêu vũ dưới những ngọn đèn chùm lung linh trong những bộ trang phục nhả nhặn. Wynton Marsalis cùng ban nhạc đang trình diễn nhạc jazz trên sân khấu nhỏ ở cuối phòng. Tôi thấy những người bạn đến từ gần như mọi giai đoạn cuộc đời mình - bạn bè ở Princeton, Harvard, Chicago, họ hàng nhà Robinson và nhà Shields. Họ là những người mà tôi muốn được cùng cười đùa và nói, Làm thế nào mà tất cả chúng ta đến được đây?

Nhưng tôi đã kiệt sức. Tôi đã chạm tới ngưỡng cuối cùng. Tôi cũng nghĩ về kế hoạch trước mắt, rằng sáng hôm sau - thật ra chỉ còn ít giờ đồng hồ nữa - chúng tôi sẽ phải tham dự Ngày Quốc gia Cầu nguyện, và sau đó chúng tôi sẽ đứng và chào đón hai trăm người đến tham quan Nhà Trắng. Barack nhìn tôi, anh đọc được ý nghĩ của tôi. “Em không cần phải tham dự đâu”, anh nói. “Không sao mà.”

Người dự tiệc đang ủa về phía tôi, háo hức muốn được tiếp xúc. Đây là một mạnh thường quân. Và đây là thị trường một thành phố lớn. “Michelle! Michelle!”, mọi người gọi tên tôi. Tôi mệt mỏi đến nỗi tôi nghĩ mình đã có thể bật khóc.

Khi Barack bước qua cửa và nhanh chóng mất hút giữa đám đông trong phòng, tôi lặng người một tí, rồi xoay người thật nhanh và quyết định “bỏ trốn”. Tôi thậm chí không còn năng lượng để nói lời xin lỗi đúng kiểu Đệ nhất Phu nhân hoặc vẫy tay tạm biệt bạn bè mình. Tôi chỉ bỏ đi thật nhanh, mặc kệ những mật vụ lẻo đẻo theo sau, mặc kệ mọi thứ. Tôi tìm thấy thang máy dẫn lên “nhà”, bước vào đó để đến một hành lang xa lạ và vào một căn phòng xa lạ, cởi bỏ đôi giày và chiếc váy vũ hội rồi ngã vật xuống chiếc giường mới xa lạ của chúng tôi.

NHIỀU NGƯỜI HỎI cuộc sống trong Nhà Trắng có cảm giác như thế nào. Đôi khi tôi nói rằng nó có đôi chút giống những gì tôi hình dung về cuộc sống trong một khách sạn sang trọng, chỉ khác là khách sạn ấy không có vị khách nào khác mà chỉ có tôi với gia đình mình. Hoa tươi được trưng khắp nơi và được thay mới gần như mỗi ngày. Bàn thân tòa nhà có cảm giác cũ kỹ và hơi đáng sợ. Các bức tường quá dày và các tấm ốp sàn cứng đến nỗi tiếng động bị hút đi rất nhanh. Những ô cửa sổ rất to, cao và được trang bị kính chống bom, luôn đóng chặt vì lý do an ninh, vì thế càng khiến không khí thêm tĩnh lặng. Nơi đây được giữ sạch sẽ không một hạt bụi. Đội ngũ nhân viên ở đây bao gồm lễ tân, đầu bếp, quản gia, thợ cắm hoa và cả thợ điện, thợ sơn, thợ ống nước, mọi người đến và đi hết sức lịch sự và khẽ khàng, cố gắng hết sức để không gây chú ý, họ chờ đến khi bạn đã ra khỏi phòng mới vào thay khăn tắm hay đặt một bình hoa tươi vào chậu hoa bé xíu cạnh giường.

Tất cả các căn phòng đều lớn. Thậm chí phòng tắm và tủ quần áo cũng rộng hơn tường tượng. Barack và tôi ngạc nhiên với số lượng đồ nội thất mà chúng tôi phải bỏ bớt ra ngoài để có thể khiến từng căn phòng có vẻ gần gũi hơn. Phòng ngủ chúng tôi không chỉ có một chiếc giường cỡ đại - một chiếc giường khung tuyệt đẹp có trần phủ vải màu lúa mạch - mà còn một lò sưởi và một khu vực để ngồi tiếp khách, nơi có trường kỷ, bàn trà và một vài chiếc ghế bọc vải. Có năm phòng tắm cho năm người chúng tôi, thêm mười phòng tắm khác kèm theo. Tôi không chỉ có một tủ quần áo mà có cả một căn phòng thay đồ - căn phòng mà tại đó Laura Bush đã chỉ tôi nhìn ra Vườn Hồng. Về sau, căn phòng này đã trở thành văn phòng làm việc của riêng tôi, nơi tôi có thể yên tĩnh ngồi đọc sách, làm việc, hay xem ti-vi trong trang phục áo thun, quần thể thao và cảm thấy thoải mái khi được thoát khỏi ánh mắt của mọi người.

Tôi hiểu chúng tôi may mắn nhường nào mới có được cuộc sống như vậy. Dãy phòng chính của gia đình tổng thống rộng hơn toàn bộ căn hộ tầng trên mà nhà tôi đã từng ở hồi tôi còn nhỏ tại Đại lộ Euclid. Có một bức tranh của Monet treo bên ngoài cửa phòng ngủ của tôi và một pho tượng đồng của Degas trong phòng ăn. Tôi là một đứa trẻ lớn lên ở vùng South Side, và giờ đây tôi đang nuôi dạy hai cô con gái trong những căn phòng được thiết kế bởi một nhà thiết kế nội thất cao cấp và có thể yêu cầu đầu bếp làm bữa sáng theo ý mình.

Đôi khi tôi nghĩ về những chuyện đó, và nó khiến tôi hơi choáng váng.

Theo cách riêng của mình, tôi tìm cách làm nhẹ nhàng đi các quy tắc của nơi này. Tôi nói rõ với nhân viên phục vụ phòng rằng con gái tôi sẽ tự dọn giường mỗi sáng, như chúng vẫn làm hồi còn ở Chicago. Tôi cũng bảo Malia và Sasha cư xử như trước giờ vẫn thế - lịch sự và biết ơn, không nhờ vả hay yêu cầu bất cứ thứ gì ngoại trừ những thứ cần thiết hoặc tự mình không thể làm được. Nhưng có một điều cũng quan trọng đối với tôi, đó là con gái chúng tôi cảm thấy không bị bó buộc bởi một số quy tắc cố hữu của nơi này. Ừ, các con có thể ném bóng ở hành lang, tôi nói với chúng. Ừ, các con có thể lục tung tủ bếp để tìm thức ăn vặt. Tôi bảo đảm chúng biết mình chẳng cần phải xin phép ai để ra ngoài chơi đùa. Một chiều nọ, giữa cơn bão tuyết, tôi rất vui khi nhìn ra cửa sổ và thấy hai đứa đang trượt tuyết ở Bãi cỏ phía Nam bằng những tấm khay nhựa mà nhân viên nhà bếp đã cho mượn để làm ván trượt.

Trên thực tế, trong tất cả những chuyện này thì hai đứa trẻ và tôi chỉ là vai phụ, là những người đang thụ hưởng sự xa hoa mà nhờ Barack chúng tôi mới có được - chúng tôi quan trọng vì hạnh phúc của chúng tôi gắn với hạnh phúc của anh; chúng tôi được bảo vệ vì một lý do, đó là nếu sự an toàn của chúng tôi không được đảm bảo thì anh ấy cũng không thể tập trung suy nghĩ và lèo lái đất nước này. Nhà Trắng vận hành với mục đích công khai là tối ưu hóa sự an toàn, hiệu quả và quyền lực chung của một người - và người đó chính là tổng thống. Barack giờ

đây được bao quanh bởi những con người mà nhiệm vụ của họ là đối xử với anh như với một viên ngọc quý. Đôi khi điều này khiến tôi có cảm tưởng như trở về một thời đại xưa cũ nào đó, khi một gia đình chỉ xoay quanh các nhu cầu của người đàn ông, và điều này trái ngược với những gì tôi muốn các con của mình xem là lẽ thường. Chính Barack cũng không thấy thoải mái với mọi sự chú ý dành cho mình, nhưng anh không thể làm gì được trong chuyện này.

Giờ đây anh ấy có khoảng năm mươi nhân viên đọc và trả lời mail. Anh ấy có đội phi công trực thăng thuộc lực lượng thủy quân lục chiến luôn sẵn sàng đưa anh đi bất cứ nơi đâu anh cần, một nhóm sáu người chuyên sắp xếp những quyển sách tóm tắt để anh ấy có thể theo kịp các vấn đề đang xảy ra và đưa ra các quyết định được suy xét đầy đủ. Anh ấy có một đội ngũ đầu bếp chăm lo vấn đề dinh dưỡng, một nhóm những nhân viên chuyên mua sắm tạp hóa để giữ cho chúng tôi an toàn trước bất kỳ hành vi đầu độc thực phẩm nào, bằng cách lảng lạng mua sắm tại nhiều cửa hàng khác nhau mà chẳng bao giờ tiết lộ cho người ta biết mình làm việc cho ai.

Từ khi quen biết Barack, tôi hiểu anh chưa bao giờ cảm thấy có hứng thú với việc mua sắm, nấu nướng, hay duy tu nhà cửa dưới bất kỳ hình thức nào. Anh không phải kiểu người có sẵn các dụng cụ cơ bản ở dưới tầng hầm hay giữ bộ căng thẳng từ công việc bằng cách làm món cơm Ý hay tía tô hàng rào. Đối với anh, được gạt bỏ toàn bộ những trách nhiệm và lo toan liên quan đến nhà cửa hoàn toàn khiến anh hạnh phúc, chỉ vì điều đó có thể giải phóng đầu óc của anh, giúp anh có thể nghĩ đến những vấn đề to tát hơn, mà anh thì lại có rất nhiều vấn đề như vậy.

Khởi hài nhất với tôi chính là việc giờ đây anh ấy có ba người hầu cận chuyên coi sóc tủ quần áo của anh ấy, bảo đảm giày của anh luôn sáng bóng, áo sơ mi được ủi phẳng, quần áo tập thể dục luôn sạch sẽ và gấp gọn. Cuộc sống ở Nhà Trắng rất khác cuộc sống trong “cái ổ” của anh.

“Em thấy bây giờ anh gọn gàng chưa?”, Barack nói với tôi vào một ngày nọ, khi chúng tôi ngồi ăn sáng với nhau, ánh mắt anh vui vẻ. “Em có nhìn tủ quần áo của anh chưa?”

“Rồi,” tôi mỉm cười đáp lại anh. “Và anh hoàn toàn không có công trong chuyện đó.”

TRONG THÁNG ĐẦU tại vị, Barack đã ký Luật Lilly Ledbetter Fair Pay giúp bảo vệ người lao động không gặp tình trạng phân biệt mức lương vì các yếu tố như giới tính, chủng tộc hay độ tuổi. Anh yêu cầu chấm dứt việc sử dụng hình thức tra tấn trong quá trình thẩm vấn và bắt đầu một nỗ lực (tốt cuộc bất thành) nhằm đóng cửa nhà tù tại Vịnh Guantánamo trong vòng một năm. Anh rà soát lại các quy tắc đạo đức về tương tác giữa nhân viên Nhà Trắng với những nhà vận động hành lang, và quan trọng hơn cả, anh đã thúc đẩy Quốc hội thông qua một đạo luật kích thích kinh tế, dù không có một đại biểu nào của Đảng Cộng hòa trong Hạ viện ủng hộ. Theo quan điểm của tôi, anh có vẻ đang làm nên chuyện. Sự thay đổi mà anh ấy đã hứa đang trở thành hiện thực.

Một điểm cộng nữa là anh ấy có mặt đúng giờ ăn tối.

Với tôi và hai đứa nhỏ, đây là một thay đổi đáng mừng và bất ngờ đến từ việc sống trong Nhà Trắng với tổng thống nước Mỹ, thay vì sống ở Chicago với người cha làm việc ở Thượng viện xa xôi nào đó và thường vắng nhà để đi vận động tranh cử cho một vị trí cao hơn. Cuối cùng chúng tôi cũng tiếp xúc được với một người cha thật sự. Cuộc sống của anh giờ đã quy củ hơn. Anh làm việc miệt mài, như xưa nay vẫn thế, nhưng đúng sáu giờ rưỡi tối, anh sẽ vào thang máy và lên lầu để dùng bữa cơm gia đình, ngay cả khi sau đó anh ấy thường phải quay lại Phòng Bầu dục. Mẹ tôi đôi khi cũng dùng bữa cùng chúng tôi, dù bà đã có thói quen sinh hoạt riêng của mình, đó là xuống lầu để chào cả nhà trước khi đưa Malia và Sasha đến trường nhưng rồi quyết định không ở cùng chúng tôi vào buổi tối mà sẽ vừa ăn tối tại phòng đón nắng liền kề với phòng ngủ của bà vừa xem Jeopardy!. Kể cả khi chúng tôi mời bà ở lại, bà thường khoát tay từ chối. “Các con đều cần thời gian riêng”, bà nói.

Trong những tháng đầu tiên ở Nhà Trắng, tôi cảm thấy mình cần phải để mắt đến mọi thứ. Một trong những bài học đầu tiên của tôi là cuộc sống tại đây có thể khá đắt đỏ. Dù chúng tôi không phải trả tiền thuê nhà, còn các khoản điện nước và tiền lương nhân viên đều được chi trả bằng ngân sách, chúng tôi vẫn phải trang trải mọi chi phí sinh hoạt mà dường như tăng lên rất nhanh, đặc biệt là khi mọi thứ đều có chất lượng hạng sang. Chúng tôi nhận hóa đơn liệt kê chi phí hàng tháng cho từng món ăn và từng cuộn giấy vệ sinh đã sử dụng. Chúng tôi thanh toán cho từng người khách ngủ lại qua đêm hay dùng bữa cùng chúng tôi. Và với một đội ngũ đầu bếp đạt chuẩn Michelin^[1] luôn háo hức muốn làm đẹp lòng tổng thống, tôi buộc phải để mắt tới những món được nấu. Khi Barack thân nhiên nói anh thích có loại trái cây hiếm lạ nào đó trong bữa sáng hay thích ăn tối với sushi, nhân viên nhà bếp đều lưu ý và thường xuyên cho những món đó xuất hiện trên thực đơn. Chỉ về sau, khi kiểm tra hóa đơn, chúng tôi mới nhận ra một số món trong danh sách ấy đã được chuyên chở thẳng từ nước ngoài sang chỉ để phục vụ ngài tổng thống, với giá “trên trời”.

Tuy nhiên, phần lớn sự quan tâm của tôi trong những tháng đầu tiên ở Nhà Trắng là dành cho Malia và Sasha. Tôi theo dõi tâm trạng của chúng, hỏi han về cảm xúc và các mối tương tác của chúng với những đứa trẻ khác. Tôi cố không phản ứng thái quá mỗi khi nghe chúng kể vừa kết thêm bạn, dù trong lòng tôi vui như mở cờ. Bây giờ tôi đã hiểu là không có cách nào thoải mái xếp lịch vui chơi giải trí ở Nhà Trắng hay tổ chức các chuyến đi chơi cho bọn trẻ, nhưng dần dần chúng tôi cũng đã tìm được cách.

Tôi được phép sử dụng một chiếc điện thoại BlackBerry cá nhân, nhưng được khuyến hãy giới hạn liên lạc với chỉ khoảng mười người bạn thân thiết nhất - những người yêu thương và ủng hộ tôi mà không có động cơ nào khác. Hầu hết các trao đổi của tôi đều thông qua Melissa, người giờ đây là phó chánh văn phòng của tôi và hiểu rõ những diễn biến cuộc sống của tôi hơn ai hết. Cô giữ liên lạc với tất cả các anh chị em họ của tôi và tất cả bạn bè đại học của tôi. Chúng tôi cho họ điện thoại và email liên lạc của cô thay vì của tôi, đề nghị người ta liên hệ với cô khi cần. Một phần của vấn đề này là do những người quen cũ và họ hàng xa lắc xa lơ bỗng dưng ào ào xuất hiện và nhờ vả đủ thứ. Barack có thể phát biểu tại lễ tốt nghiệp của ai đó hay không? Tôi có thể đọc một bài diễn văn cho một tổ chức phi chính phủ nào đó không? Chúng tôi có thể đến tham gia bữa tiệc này hay lần quyên quỹ kia không? Đa số đều vô hại, nhưng tôi không thể tiếp nhận một lần chùng đó chuyện.

Về phần đời sống hàng ngày của hai cô con gái, tôi thường phải tin tưởng nhờ cậy những nhân viên trẻ giúp đỡ tôi khâu hậu cần. Đội của tôi đã sớm đến gặp các giáo viên và nhân viên giáo vụ ở trường Sidwell, ghi lại những ngày quan trọng có các sự kiện do trường tổ chức, thông qua quy trình giải quyết thắc mắc từ phía truyền thông, và trả lời các câu hỏi từ phía giáo viên về việc xử lý các chủ đề trên lớp học có liên quan đến chính trị hay tin tức hàng ngày. Khi hai đứa bắt đầu có kế hoạch giao tiếp ngoài phạm vi của trường, trợ lý riêng của tôi (hoặc theo thuật ngữ chính trị gọi là “thân cận”) trở thành đầu mối liên lạc, thu thập số điện thoại của các phụ huynh khác, sắp xếp đưa đón vào những ngày có sinh hoạt ngoại khóa. Như vẫn luôn làm hồi còn ở Chicago, tôi chủ trương tìm hiểu về cha mẹ của các bạn bè mới của cả hai đứa con, mời một vài người mẹ đến dùng bữa trưa và gặp gỡ số khác trong các sự kiện tại trường. Tôi phải thừa nhận các mối quan hệ đó có thể rất khó xử. Tôi biết đôi khi phải mất một chút thời gian thì những người mới quen mới gạt bỏ những suy nghĩ họ có về tôi và Barack, những gì họ nghĩ đã biết về tôi qua ti-vi hay qua các bản tin, để đơn giản chỉ xem tôi là mẹ của Malia hay Sasha.

Đôi khi tôi cảm thấy thật bối rối khi phải giải thích với mọi người rằng trước khi Sasha có thể đến dự tiệc sinh nhật của bé Julia, nhân viên mật vụ sẽ cần ghé qua và tiến hành một cuộc kiểm tra an ninh. Cũng thật lúng túng khi phải lấy số an sinh xã hội của bất kỳ bậc cha mẹ hay người nuôi dưỡng của đứa trẻ nào đó sắp sang nhà chúng tôi chơi. Đó là những chuyện khó xử và gây bối rối nhưng lại luôn cần thiết. Tôi không thích phải vượt qua cái

ranh giới kỳ lạ này mỗi khi gặp gỡ người mới quen, nhưng tôi an tâm hơn khi thấy Sasha và Malia không bị ảnh hưởng bởi ranh giới đó - chúng có thể chạy ra ngoài để chào bạn cùng trường của mình khi các bạn được dắt đến Phòng Tiếp đón ngoại giao - hay Phòng Ngoại giao, như sau này chúng tôi hay gọi - nắm tay nhau và vừa khúc khích cười vừa chạy vào bên trong. Hóa ra bọn trẻ chỉ quan tâm đến chuyện danh tiếng trong ít phút ban đầu gặp mặt. Sau đó thì chúng chỉ muốn được chơi đùa.

TỪ SỚM TÔI ĐÃ NHẬN RA rằng tôi cần phải làm việc với đội ngũ của mình để lên kế hoạch và tổ chức một loạt những bữa tiệc và bữa tối truyền thống, mà trước mắt chính là Vũ hội Governors, một bữa gala trang trọng được tổ chức vào mỗi tháng Hai ở Phòng Đông. Tương tự với Easter Egg Roll^[2], một tiệc mừng ngoài trời dành cho gia đình, được tổ chức thường niên bắt đầu từ năm 1878 và có đến hàng ngàn người tham dự. Còn có những tiệc trưa vào mùa xuân mà tôi sẽ tham gia nhằm tôn vinh những người chồng và vợ của các thành viên lưỡng viện - giống bữa tiệc mà ở đó tôi đã thấy Laura Bush luôn mỉm cười trong lúc chụp ảnh lưu niệm với từng vị khách.

Đối với tôi, các sự kiện xã giao này dường như chỉ khiến tôi xao nhãng khỏi những công việc ý nghĩa hơn, nhưng tôi cũng bắt đầu tìm cách cải thiện hoặc làm cho một số sự kiện có vẻ hiện đại hơn, để thay đổi truyền thống, dù chỉ một chút. Nhìn chung, tôi nghĩ cuộc sống trong Nhà Trắng có thể được cải tiến mà không đánh mất bất cứ yếu tố lịch sử hay truyền thống nào của nơi này. Theo thời gian, Barack và tôi sẽ tiến từng bước một theo hướng này, chẳng hạn như chúng tôi treo thêm tranh trừu tượng và tác phẩm của các nghệ sĩ Mỹ gốc Phi lên tường, và kết hợp các món nội thất đương đại với các món đồ cổ. Trong Phòng Bầu Dục, Barack đã thay tượng Winston Churchill bằng tượng Martin Luther King Jr. Và chúng tôi cho phép các quản gia ăn mặc thoải mái hơn vào những ngày không có sự kiện gặp gỡ công chúng nào, trong đó có phương án quần ka-ki và áo đánh gôn thay cho bộ tuxedo trịnh trọng.

Barack và tôi biết rằng mình muốn dân chủ hóa Nhà Trắng, khiến nó giảm bớt sự sang trọng cách biệt và mang lại cảm giác cởi mở hơn. Khi chúng tôi chủ trì một sự kiện nào đó, tôi muốn những người bình thường cũng có thể tham gia, chứ chẳng phải chỉ những người quen thuộc với những bộ tuxedo và váy đầm dạ hội. Và tôi muốn có thêm trẻ con xung quanh, vì bọn trẻ có thể giúp mọi chuyện tốt đẹp hơn. Tôi hy vọng có thể làm cho sự kiện Easter Egg Roll trở nên dễ tiếp cận với nhiều người hơn bằng cách bổ sung thêm các suất tham gia cho các em học sinh trong thành phố và các gia đình quân nhân đến tham gia, cũng như có vé dành riêng cho trẻ em và con cháu của các thành viên Quốc hội và các thượng khách khác. Cuối cùng, nếu tôi có dịp dùng bữa trưa với (hầu hết là) phu nhân của các nghị sĩ lưỡng viện, thì tại sao tôi lại không thể tranh thủ mời họ cùng tham gia một dự án phục vụ cộng đồng trong thành phố?

Tôi biết điều gì quan trọng với mình. Tôi không muốn trở thành một món trang trí đom đóm xuất hiện tại các bữa tiệc và lễ khánh thành. Tôi muốn làm những việc có mục đích và có giá trị bền vững. Nỗ lực đầu tiên của mình, tôi đã quyết, chính là dành cho khu vườn.

Tôi không phải là người yêu làm vườn, và chưa từng như thế từ xưa đến nay, nhưng nhờ có Sam Kass và những nỗ lực ăn uống lành mạnh hơn tại nhà của gia đình mình, giờ đây tôi đã biết đầu tư chín mọng vào tháng Sáu, rằng các loại rau có lá sẫm màu hơn có nhiều dưỡng chất hơn, và món cải xoăn đứt lò không quá khó làm. Tôi thấy con gái tôi ăn những món như salad đậu hoa và bánh phở mai cải lơ, và hiểu ra rằng cách đây không lâu, những thông tin mà chúng tôi biết về thực phẩm đều thông qua các mẫu quảng cáo của ngành công nghiệp thực phẩm dành cho những món ăn đóng hộp, đông lạnh, hoặc các kiểu thức ăn tiện lợi đã qua chế biến, và chúng sẽ được giới thiệu kèm nhạc nền gây chú ý trên ti-vi hoặc được đóng gói bắt mắt để hướng tới một bậc cha mẹ bận rộn nào đó đang hối hả đến cửa hàng tạp hóa. Chưa có ai thật sự quảng cáo các loại thực phẩm tươi mới và tốt cho

sức khỏe - cái cảm giác giòn giòn mà một củ cà rốt tươi rói mang lại hay vị ngọt vô song của trái cà chua vừa được hái trong vườn.

Trồng một khu vườn ở Nhà Trắng là giải pháp của tôi dành cho vấn đề này, và tôi hy vọng điều này sẽ báo hiệu sự khởi đầu của một chương trình có quy mô to lớn hơn. Chính quyền Barack tập trung vào cải thiện khả năng tiếp cận một hệ thống chăm sóc sức khỏe hợp túi tiền, và với tôi thì khu vườn chính là một cách để truyền đạt thông điệp song song về lối sống lành mạnh. Tôi xem đây là một bài kiểm tra sớm, một hoạt động thử nghiệm có thể giúp tôi xác định những gì mình có thể làm trong vai trò Đệ nhất Phu nhân, một cách để tôi “cắm rễ” vững vàng vào công việc mới này của mình theo đúng nghĩa đen. Với tôi, khu vườn là một lớp học ngoài trời, một nơi mà trẻ con có thể tham quan để học cách gieo trồng thực phẩm. Với người ngoài, làm vườn vừa có vẻ giản dị vừa phi chính trị, một hoạt động vô hại và vô tư của một phu nhân có chiếc xẻng - thứ có thể làm đẹp lòng những vị cố vấn ở Cánh Tây của Barack, những người luôn quan tâm đến “dư luận”, lo lắng về cách mọi thứ sẽ xuất hiện trong mắt công chúng như thế nào.

Nhưng không chỉ dừng lại ở đó. Tôi dự định sử dụng khu vườn để gợi ra một cuộc đối thoại trong công chúng về dinh dưỡng, nhất là tại trường học và trong gia đình, từ đó dẫn đến những cuộc thảo luận về cách thực phẩm được sản xuất, đóng gói và quảng cáo, cũng như những tác động của các yếu tố đó đến sức khỏe cộng đồng. Và nhân khi nói về những chủ đề đó ở Nhà Trắng, tôi sẽ đưa ra một thách thức ngầm cho những tập đoàn khổng lồ trong ngành công nghiệp thực phẩm và thức uống, cũng như cho cách thức kinh doanh của họ trong suốt nhiều thập kỷ qua.

Sự thật là tôi không biết mọi chuyện sẽ có kết quả ra sao. Nhưng tôi biết mình đã sẵn sàng tìm câu trả lời khi bắt đầu yêu cầu Sam, người đã gia nhập vào đội ngũ nhân viên Nhà Trắng, bắt tay vào việc xây dựng khu vườn.

Niềm lạc quan của tôi trong những tháng đầu đã giảm xuống vì một nguyên nhân, và đó là chính trị. Giờ đây chúng tôi sống ở Washington, ngay tại điểm giao tranh Dân chủ - Cộng hòa xấu xí mà tôi đã tìm cách né tránh suốt nhiều năm, ngay cả khi Barack quyết định bước vào giữa vòng xoáy đó. Nay anh đã là tổng thống, những thế lực đó hiện diện trong cuộc sống hàng ngày của anh. Nhiều tuần trước lễ nhậm chức, Rush Limbaugh, người dẫn chương trình phát thanh theo trường phái bảo thủ, đã ác miệng tuyên bố, “Tôi hy vọng Obama thất bại”. Tôi đã ngỡ ngàng khi các đảng viên Cộng hòa trong Quốc hội tát nước theo mưa, họ chống lại từng nỗ lực của Barack trong việc khống chế cuộc khủng hoảng kinh tế, và từ chối ủng hộ các biện pháp hợp lý có thể cắt giảm thuế, gìn giữ hoặc tạo ra hàng triệu công ăn việc làm. Theo một số nguồn tin, vào ngày anh nhậm chức, nền kinh tế Mỹ đang sụp đổ nhanh chóng kém những ngày đầu của cuộc Đại khủng hoảng, thậm chí còn nhanh hơn. Chỉ riêng tháng Một đã có gần bảy trăm năm mươi ngàn người bị mất việc. Và trong lúc Barack tuyên truyền trong chiến dịch vận động tranh cử rằng có thể tìm thấy điểm chung giữa hai đảng, rằng trong thâm tâm, người Mỹ đoàn kết hơn là chia rẽ, thì Đảng Cộng hòa vẫn cố chứng minh anh ấy sai, ngay trong thời điểm quốc gia lâm nguy.

Tôi đã nghĩ mãi về điều này suốt buổi tối ngày 24 tháng Hai, khi Barack phát biểu tại cuộc họp lưỡng đảng ở Quốc hội. Sự kiện này về cơ bản sẽ thay thế cho Thông điệp Liên bang của tổng thống mới nhậm chức, một dịp để tóm lược các mục tiêu cho năm sắp tới trong một bài diễn văn được truyền hình trực tiếp vào khung giờ cao điểm, phát biểu tại sảnh Hạ viện với sự hiện diện của các thẩm phán Tòa án tối cao, thành viên nội các, các tướng lĩnh quân đội và thành viên Quốc hội. Đây cũng là một truyền thống đầy phô trương mà ở đó các nhà làm luật bày tỏ sự đồng tình hoặc bất đồng với những ý tưởng của tổng thống ngay tức khắc bằng cách liên tục đứng vỗ tay hoặc vẫn ngồi yên với vẻ mặt buồn thảm.

Tối hôm đó tôi chọn cho mình chỗ ngồi trên ban công, giữa một cô bé mười bốn tuổi, người đã viết một lá thư đầy cảm động cho tổng thống, và một cựu chiến binh nhả nhận trở về từ cuộc chiến Iraq, tất cả chúng tôi đều đang chờ chồng tôi đến. Từ vị trí này, tôi có thể thấy phần lớn khán phòng bên dưới. Đây là một góc nhìn khác thường, góc nhìn toàn cảnh những vị lãnh đạo của đất nước chúng tôi, đa số là những người đàn ông da trắng mặc com-lê đen. Sự kém đa dạng thể hiện rõ mồn một - thành thật mà nói là đáng xấu hổ - cho một quốc gia hiện đại và đa văn hóa. Thực tế ấy còn kịch tính hơn với các đảng viên Đảng Cộng hòa. Vào thời điểm ấy, chỉ có bảy đảng viên Cộng hòa không phải người da trắng trong Quốc hội - không một ai trong số họ là người Mỹ gốc Phi và chỉ có một phụ nữ. Nhìn chung, có bốn trên năm thành viên Quốc hội là nam giới.

Một vài phút sau, sự kiện bắt đầu bằng một tiếng động lớn - tiếng đập búa và hiệu triệu của sĩ quan cảnh vệ. Đám đông đứng dậy, vỗ tay hơn năm phút liên tục khi các lãnh đạo đắc cử tiến đến chỗ của họ ở hai bên lối đi. Ở tâm điểm cơn bão kia chính là Barack, người được vây quanh bởi các chuyên viên an ninh và chuyên viên quay phim, anh bắt tay và tươi cười khi băng qua khán phòng để đến bục phát biểu.

Tôi đã quan sát nghi thức này nhiều lần trước đây trên ti-vi, vào những thời điểm khác với những vị tổng thống khác. Nhưng khi nhìn thấy chính chồng mình đứng giữa đám đông ấy, tôi càng hiểu rõ tầm cỡ của việc này và cái thực tế là anh ấy cần phải chiến thắng hơn một nửa Quốc hội để có thể thông qua bất cứ đạo luật nào chọt trở nên rất thật.

Bài diễn văn của Barack đêm hôm đó rất chi tiết và thận trọng, thừa nhận tình trạng u ám của nền kinh tế, những cuộc chiến đang xảy ra, mối đe dọa từ các vụ tấn công khủng bố và sự tức giận của người Mỹ khi cảm thấy việc chính phủ Mỹ bảo lãnh cho các ngân hàng tuyên bố phá sản là đang tiếp tay cho chính những kẻ phải chịu trách nhiệm cho cuộc khủng hoảng tài chính. Anh thận trọng để vừa có cái nhìn thực tế nhưng cũng truyền đạt hy vọng, nhắc nhở người nghe về sự kiên cường của một quốc gia, về khả năng phục hồi sau những thời điểm khó khăn.

Từ ban công, tôi quan sát các đảng viên Cộng hòa trong Quốc hội ngồi yên suốt buổi, họ tỏ vẻ hậm hực và ngoan cố, tay khoanh trước ngực và cổ tình tỏ ra nhăn nhó, trông như những đứa trẻ không được làm điều mình muốn. Tôi nhận ra họ sẽ chống lại mọi điều Barack thực hiện, bất kể điều đó có tốt cho đất nước hay không. Cứ như họ đã quên mất một tổng thống thuộc Đảng Cộng hòa chính là người đã dẫn dắt chúng tôi vào sự hỗn loạn này. Hơn tất cả, dường như họ chỉ muốn Barack thất bại. Tôi thừa nhận rằng vào thời điểm đó, với góc nhìn đó, tôi thật sự tự hỏi có con đường nào để tiến lên hay không.

HỒI CÒN NHỎ, tôi đã có những ý tưởng mơ hồ về việc làm thế nào để cuộc sống của mình trở nên tốt đẹp hơn. Hồi ấy tôi thường sang nhà chị em Gore chơi và ghen tị khi gia đình họ có nhà riêng còn gia đình tôi thì không. Tôi cứ mong gia đình tôi có thể mua một chiếc xe ngon lành hơn. Tôi cũng hay để ý một số người bạn có nhiều vòng tay hoặc búp bê Barbie hơn mình, hay ai được mua quần áo tại trung tâm mua sắm thay vì phải mặc quần áo do mẹ may dựa theo các mẫu rập Butterick rề tiền ở nhà. Hồi nhỏ, ta học cách đo đếm từ rất lâu trước khi hiểu đúng tầm vóc hay giá trị của một điều gì đó. Sau này, nếu đủ may mắn, ta sẽ biết được rằng mình đã đánh giá sai rất nhiều việc.

Giờ đây chúng tôi đang sống trong Nhà Trắng. Mọi thứ dần trở nên quen thuộc - không phải bởi tôi đã quen với sự rộng lớn của nơi này hay sự xa hoa của lối sống này, mà vì đó là nơi gia đình tôi ngủ, ăn, cười và sinh hoạt. Trong phòng bọn trẻ, chúng tôi đã trưng bày những bộ sưu tập ngày càng nhiều những món đồ lưu niệm mà Barack có thói quen mang về từ những chuyến đi - những quả cầu tuyết cho Sasha, mấy chiếc móc khóa cho Malia. Chúng tôi bắt đầu tạo ra những thay đổi nho nhỏ cho dinh thự này, bổ sung ánh sáng hiện đại song song với

những ngọn đèn chùm và nến thơm truyền thống để nơi đây thêm gần gũi. Tôi không bao giờ xem nhẹ sự may mắn hay thoải mái mà chúng tôi có được, nhưng điều mà tôi bắt đầu ngày càng trân trọng hơn chính là tính nhân văn của nơi này.

Kể cả mẹ tôi, người từng ngán ngẩm với vẻ trang nghiêm như bảo tàng của Nhà Trắng, cũng sớm nhận ra nơi này còn nhiều khía cạnh khác. Nhà Trắng có những con người chẳng mấy khác biệt với chúng tôi. Một vài quản gia đã làm việc rất nhiều năm ở đây, sẵn sóc cho tất cả những gia đình từng sống ở nơi này. Về cung kính thâm lặng của họ làm tôi nhớ bác Terry, người sống ở nhà dưới hồi tôi còn bé ở Đại lộ Euclid, người đã cắt cỏ khi mang giày Tây và quần Âu. Tôi cố gắng bảo đảm rằng những giao tiếp giữa chúng tôi luôn có sự tôn trọng và chân thành. Tôi muốn bảo đảm rằng họ không bao giờ cảm thấy mình như kẻ vô hình. Nếu các quản gia có quan tâm đến chính trị, nếu họ có lòng trung thành riêng dành cho một trong hai chính đảng, thì họ đã giữ kín điều đó. Họ cẩn thận tôn trọng sự riêng tư của chúng tôi, nhưng cũng luôn cởi mở và chào đón, và dần dần chúng tôi trở nên thân thiết hơn. Họ biết khi nào tôi cần thêm không gian hoặc khi nào nên nói đùa nhẹ nhàng. Họ thường hay chê bai đội bóng yêu thích của mình trong nhà bếp, nơi họ thích kể hết cho tôi nghe những tin đồn nóng hổi của nhóm nhân viên hay những thành tích mà cháu họ đạt được trong lúc tôi đọc các tin tức buổi sáng. Nếu có một trận bóng rổ của đội tuyển trường đại học được chiếu trên ti-vi vào buổi tối, Barack đôi khi cũng đến xem cùng với họ trong chốc lát. Sasha và Malia bắt đầu yêu thích bầu không khí vui nhộn trong nhà bếp, chúng thích vào đó để làm sinh tố hay món bập rang sau khi đi học về. Rất nhiều nhân viên quý mến mẹ tôi và thường ghé bắt chuyện với bà ở phòng đón nắng tầng trên.

Phải mất một thời gian tôi mới có thể nhận ra giọng nói của những tổng đài viên điện thoại khác nhau trong Nhà Trắng, những người gọi đánh thức tôi vào buổi sáng hay nổi máy cho tôi với các văn phòng Cảnh Đông ở tầng dưới, nhưng chẳng bao lâu chúng tôi đã trở nên thân quen với nhau hơn. Chúng tôi tán gẫu về thời tiết, hay đùa về việc tôi thường phải thức sớm hơn Barack nhiều giờ đồng hồ để làm tóc chuẩn bị cho các sự kiện chính thức. Các giao tiếp ấy diễn ra rất nhanh, nhưng lại giúp cuộc sống của chúng tôi có vẻ bình thường hơn.

Một trong những quản gia kinh nghiệm, một người đàn ông Mỹ gốc Phi tóc bạc trắng tên James Ramsey, đã phục vụ ở đây từ thời Tổng thống Carter. Thỉnh thoảng ông lại trao cho tôi số mới nhất của tạp chí thời trang Jet dành cho phụ nữ Mỹ gốc Phi, mỉm cười đầy tự hào và nói rằng, “Phu nhân Obama, tôi mang đến thứ bà muốn đây”.

Cuộc sống luôn tốt đẹp hơn khi chúng ta có thể nhận ra sự nồng ấm.

TÔI ĐÃ ĐẠO QUANH và nghĩ rằng căn nhà mới của chúng tôi thật to và rộng ngoài sức tưởng tượng, nhưng rồi, vào tháng Tư năm ấy, tôi sang Anh và được diện kiến Nữ hoàng.

Đây là chuyến đi quốc tế chính thức đầu tiên mà Barack và tôi đi cùng nhau kể từ lúc nhậm chức. Chúng tôi bay sang Luân Đôn trên chuyên cơ Air Force One để anh có thể tham gia hội nghị G20, bao gồm lãnh đạo đại diện của những nền kinh tế lớn nhất trên thế giới. Đó là thời điểm rất cần đến một cuộc họp thượng đỉnh. Cuộc khủng hoảng kinh tế tại Mỹ đã gây ra những xung chấn khủng khiếp trên khắp thế giới, khiến toàn bộ thị trường tài chính thế giới tụt dốc không phanh. Hội nghị thượng đỉnh G20 cũng đánh dấu lần đầu tiên Barack xuất hiện trên trường quốc tế. Và cũng giống với trường hợp xảy ra trong những tháng đầu tại nhiệm, công việc chủ yếu của anh là thu dọn đồng lộn xộn, trong trường hợp này là tiếp nhận mọi sự tức tối từ các nhà lãnh đạo khác trên thế giới, những người cảm thấy nước Mỹ đang bỏ lỡ những cơ hội quan trọng để chinh đốn các ngân hàng liều lĩnh và có thể ngăn chặn thảm họa mà giờ đây tất cả mọi người đang phải đối mặt.

Vì đã bắt đầu tin là Sasha và Malia thấy thoải mái với nề nếp sinh hoạt hàng ngày ở trường, tôi để mẹ tôi chăm lo chúng trong những ngày tôi ra nước ngoài, biết chắc rằng ngay lập tức bà sẽ cho bọn trẻ “xõng chuồng” khỏi mọi luật lệ thông thường mà tôi đặt ra, chẳng hạn như phải đi ngủ sớm hay ăn hết mọi loại rau trên bàn ăn tối. Mẹ tôi thích thú khi được làm bà ngoại, nhất là khi bà có thể vứt bỏ các quy tắc cứng nhắc của tôi để thay thế bằng phong cách nuôi dạy nhẹ nhàng, dễ chịu hơn của mình, thậm chí còn thoải mái hơn cả khi anh Craig và tôi còn nhỏ. Hai đứa con gái của tôi luôn hào hứng mỗi khi được ở với bà ngoại.

Thủ tướng Anh Gordon Brown là người chủ trì cuộc họp thượng đỉnh G20, sự kiện bao gồm một ngày trọn vẹn gặp gỡ để bàn về các chủ đề kinh tế tại một trung tâm hội nghị trong thành phố, nhưng như vẫn thường hay xảy ra mỗi khi các lãnh đạo thế giới xuất hiện tại Luân Đôn tham gia các sự kiện chính thức, Nữ hoàng sẽ mời mọi người vào Điện Buckingham để gửi lời chào trọng thể. Với mối quan hệ khăng khít giữa Anh và Mỹ, và cũng vì chúng tôi là người mới tham gia, Barack và tôi được mời đến cung điện sớm để gặp riêng Nữ hoàng trước giờ đón khách chính thức.

Rõ ràng là tôi không có kinh nghiệm trong chuyện gặp gỡ hoàng tộc. Tôi được lưu ý là có thể khẽ nhún gối chào hoặc bắt tay Nữ hoàng. Tôi biết rằng tôi phải gọi bà là “Nữ hoàng” trong khi chồng bà, Hoàng tử Philip, Công tước xứ Edinburg, có danh hiệu “Điện hạ”. Ngoài chuyện đó ra, tôi không biết phải làm gì khi đoàn xe của chúng tôi băng qua các cánh cổng sắt dẫn vào cung điện, chạy ngang những vị khách tò mò bám lấy hàng rào, qua nhiều nhóm cận vệ và một người chơi kèn hoàng gia, rồi qua một mái vòm, chúng tôi vào sân, nơi vị Tổng quản đang chờ bên ngoài để tiếp đón chúng tôi.

Hóa ra Điện Buckingham rất rộng - rộng đến nỗi khó có thể mô tả được. Điện có 775 phòng và lớn hơn Nhà Trắng mười lăm lần. Trong những năm sau đó, Barack và tôi may mắn được đôi lần quay trở lại đây trong vai trò khách mời. Ở các chuyến sau này, chúng tôi ở tại một phòng ngủ lộng lẫy ở tầng trệt cung điện, được những người hầu mặc đồng phục chăm sóc. Chúng tôi tham gia một yến tiệc trang trọng trong phòng vũ hội, dùng thức ăn bằng dao nĩa dát vàng. Có lần trong lúc đi tham quan, chúng tôi được hướng dẫn viên chỉ rằng “Đây là Phòng Lam” và thấy một đại sảnh rộng gấp năm lần Phòng Lam ở nhà. Một ngày nọ, người dẫn đầu nhóm tiếp đãi của Nữ hoàng dẫn tôi, mẹ tôi và hai đứa con gái đi qua Vườn Hồng rộng khoảng nửa héc-ta của cung điện, nơi có hàng ngàn đóa hoa đẹp không tì vết đang nở rộ, khiến cho vài bụi hồng ít ỏi mà chúng tôi vẫn tự hào chăm sóc bên ngoài Phòng Bầu dục trông hơi kém ấn tượng. Tôi thấy Điện Buckingham vừa choáng ngợp vừa khó lý giải.

Trong chuyến viếng thăm đầu tiên, chúng tôi được hộ tống đến căn hộ riêng của Nữ hoàng và được dẫn vào phòng khách nơi bà và Hoàng tử Philip đang đứng chờ đón tiếp chúng tôi. Nữ hoàng Elizabeth Đệ nhị khi ấy đã 82 tuổi, vóc người nhỏ nhắn và nho nhã, nụ cười tinh tế và mái tóc bạc được uốn hướng ra bên ngoài theo đúng phong cách hoàng tộc. Bà vận một chiếc áo màu hồng nhạt, đeo một bộ trang sức ngọc trai và tay mang một chiếc ví màu đen. Chúng tôi bắt tay và tạo dáng để chụp ảnh. Nữ hoàng lịch sự hỏi thăm chúng tôi có khó chịu vì chênh lệch múi giờ không và mời chúng tôi ngồi xuống. Tôi không nhớ chính xác sau đó chúng tôi đã nói gì với nhau, hẳn là nói một chút về tình hình kinh tế và chính trị tại Anh, sau đó là về những cuộc họp khác mà Barack đã tham dự.

Gần như bất cứ cuộc gặp gỡ trang trọng nào cũng luôn kèm theo cảm giác ngượng ngập kỳ lạ, nhưng theo kinh nghiệm của bản thân tôi thì đó là một vấn đề mà ta cần phải tự ý thức để vượt qua. Ngồi cạnh Nữ hoàng, tôi buộc phải giữ lý trí của mình để không tiếp tục phân tích sự trống lệ của khung cảnh xung quanh hay sự “tê liệt” của mình khi được diện kiến một biểu tượng cao quý. Tôi đã được thấy hình ảnh của Nữ hoàng hàng chục lần trước đây, trong các quyển sách sử, trên truyền hình và trên các tờ giấy bạc, nhưng đây chính là bà bằng xương bằng

thịt, đang chăm chú nhìn và hỏi han tôi. Bà là người ấm áp và dễ gần, và tôi cũng cố gắng trở nên giống như vậy. Nữ hoàng là một biểu tượng sống, và bà đã trau dồi rất nhiều để duy trì biểu tượng ấy, nhưng bà vẫn là một con người bình thường như chúng ta. Tôi mến bà ngay lập tức.

Chiều hôm đó, Barack và tôi lướt quanh khu lễ tân của cung điện, dùng bánh canapé^[3] với các nguyên thủ quốc gia thuộc nhóm G20 và vợ hoặc chồng của họ. Tôi trò chuyện với Thủ tướng Angela Merkel của nước Đức và Tổng thống Nicolas Sarkozy của Pháp. Tôi gặp Quốc vương Ả Rập Saudi, tổng thống Argentina, thủ tướng Nhật Bản và Ethiopia. Tôi cố hết sức ghi nhớ ai đến từ quốc gia nào và là vợ hoặc chồng của ai, cẩn thận không quá nhiều lời vì sợ có thể nói sai. Nhìn chung, đó là một sự kiện trọng đại và thân thiện, và là dịp để nhắc nhở rằng kể cả các nguyên thủ quốc gia cũng có thể nói về con cái của họ hay buông câu đùa về thời tiết nước Anh.

Gần cuối bữa tiệc, tôi quay sang thì thấy Nữ hoàng Elizabeth bên cạnh mình, cả hai chúng tôi bỗng có không gian riêng với nhau giữa căn phòng đông đúc. Bà vẫn đeo đôi giày tay trắng tinh tươm và có dáng vẻ khỏe khoắn như lúc chúng tôi gặp nhau lần đầu vào nhiều giờ trước. Bà cười với tôi.

“Cô thật cao”, bà ngừng lên nhận xét.

Tôi cười và đáp lời, “À, đôi giày đã giúp tôi ăn gian thêm vài xen-ti-mét. Nhưng đúng vậy, tôi khá cao”.

Nữ hoàng nhìn xuống đôi Jimmy Choo màu đen mà tôi đang mang. Bà lắc đầu.

“Mấy đôi giày này không thoải mái chút nào đúng không?”, bà hỏi và tỏ vẻ khó chịu với đôi giày đế thấp màu đen mà bà đang mang.

Tôi thú nhận với Nữ hoàng là chân tôi đang đau. Bà cũng thú nhận là chân bà bị đau. Sau đó hai chúng tôi nhìn nhau với cùng một biểu cảm, như kiểu, Khi nào thì cái màn đứng nói chuyện với các lãnh đạo quốc gia mới kết thúc đây? Và bà bật ra một tiếng cười vô cùng duyên dáng.

Hãy quên chuyện bà đôi lúc đội một chiếc vương miện kim cương và tôi đã bay sang Luân Đôn trên chuyên cơ tổng thống; chúng tôi chỉ là hai quý bà mệt mỏi bị hành hạ bởi đôi giày mình đang mang. Khi ấy tôi đã làm theo bản năng của mình mách bảo mỗi khi cảm nhận được sự liên kết với một người mới quen, đó là thể hiện cảm xúc của mình ra ngoài. Tôi triu mến choàng tay qua vai Nữ hoàng.

Ngay lúc đó tôi đã không biết là mình đang phạm phải một lỗi khủng khiếp. Tôi đã chạm vào Nữ hoàng Anh, một việc mà tôi nhanh chóng biết là không được phép. Hành động của chúng tôi tại khu lễ tân đã bị máy ảnh chụp lấy, và trong những ngày kế tiếp được tường thuật lại trên các bài báo khắp thế giới: “Vi phạm nguyên tắc ngoại giao!”, “Michelle Obama dám ôm Nữ hoàng!”. Chuyện này khơi lại một số suy đoán trong giai đoạn vận động tranh cử, đó là tôi là kẻ kém văn minh và thiếu sự thanh lịch cần có của một Đệ nhất Phu nhân, đồng thời nó cũng khiến tôi lo lắng với ý nghĩ rằng theo cách nào đó tôi đã làm ảnh hưởng đến những nỗ lực của Barack ở nước ngoài. Nhưng tôi cố gắng không để những lời chỉ trích khiến mình lung lay. Nếu việc tôi làm ở Điện Buckingham là không thích hợp, chí ít tôi cũng đã làm một điều hợp với tình người. Tôi dám nói rằng Nữ hoàng cũng không thấy đó là chuyện gì sai trái, vì khi tôi chạm vào bà, bà chỉ tiến gần hơn và khẽ đặt một bàn tay đeo gang lên thất lưng tôi.

Ngày hôm sau, trong lúc Barack đi dự một loạt các cuộc họp về kinh tế, tôi đến tham quan một ngôi trường nữ. Đây là một trường trung học phổ thông do nhà nước tài trợ, nằm ở trung tâm vùng Islington, không quá xa khu cư xá của thành phố - cách gọi các dự án nhà tập thể ở Anh. Hơn 90% trong số 900 học sinh của trường là người da đen hoặc thuộc nhóm dân tộc thiểu số; 1/5 trong số đó là con cái của các gia đình di dân hoặc tị nạn. Tôi bị thu hút vì đây là một ngôi trường có thành phần học sinh đa dạng và nguồn lực tài chính hạn chế nhưng vẫn được xem là có chất lượng đào tạo xuất sắc. Tôi cũng muốn bảo đảm rằng khi tôi đến thăm một nơi nào đó với tư cách Đệ nhất

Phu nhân, tôi có thể thật sự thăm nơi đó - nghĩa là tôi có cơ hội để gặp gỡ những người thật sự đang sinh sống tại đó, chứ chẳng phải những nhà quản lý không thôi. Khi đi công tác nước ngoài, tôi có những cơ hội mà Barack không có. Tôi có thể thoát khỏi những cuộc họp đa phương được sắp xếp sẵn và những cuộc nói chuyện với những nhà lãnh đạo thế giới, để tập trung tìm ra những cách thức mới nhằm mang tới một chút không khí gọi là nhân văn cho những chuyến thăm vốn có thể rất tẻ nhạt. Tôi quyết định sẽ làm như thế với từng chuyến đi nước ngoài, bắt đầu với nước Anh.

Tuy nhiên tôi lại chưa chuẩn bị đầy đủ để có thể cảm nhận hành động của mình khi đặt chân vào Trường Elizabeth Garrett Anderson và được mời vào một khán phòng có chừng hai trăm học sinh, các em đã tề tựu để xem một số phần trình diễn của bạn bè cùng trang lứa và sau đó sẽ nghe tôi phát biểu. Ngôi trường được đặt theo tên một vị bác sĩ tiên phong, người cũng trở thành nữ thị trưởng đầu tiên được bầu ở Anh. Bản thân tòa nhà không có gì đặc biệt - một tòa nhà bằng gạch hình khối hộp trên một con đường chẳng có gì nổi bật. Nhưng khi tôi ngồi xuống chiếc ghế gấp trên sân khấu và bắt đầu xem các tiết mục trình diễn - bao gồm một màn kịch Shakespeare, một tiết mục múa hiện đại, và một bản đồng ca tuyệt vời theo một sáng tác của Whitney Houston - thì một điều gì đó trong tôi bắt đầu rung động. Tôi cảm thấy gần như mình đang trôi ngược về quá khứ của chính mình.

Tôi chỉ cần nhìn những khuôn mặt trong khán phòng để thấy rõ rằng các bé gái này phải nỗ lực rất nhiều để được công nhận. Có những cô bé choàng hijab^[4], những cô bé mà tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai và những cô bé có làn da nâu ở mọi sắc độ khác nhau. Tôi biết các em đã phải đẩy lùi những nhận định rập khuôn về mình, đẩy lùi cách người ta nhìn nhận các em trước khi các em có cơ hội tự khẳng định bản thân mình. Các em cần phải đấu tranh để được nhìn nhận, chỉ vì các em nghèo và là phụ nữ và da màu. Các em phải nỗ lực để tiếng nói của mình được lắng nghe và không bị chối bỏ, để không cho phép ai đàn áp mình. Các em phải đấu tranh chỉ để được đi học.

Nhưng khuôn mặt các em lại ngập tràn hy vọng, và giờ đây tôi cũng thế. Với tôi, đây là cả một phát hiện lạ lùng và diễn ra lặng lẽ: các em chính là tôi, như tôi trước đây đã từng. Và tôi cũng chính là các em, như các em có thể trở thành. Thứ năng lượng mà tôi cảm nhận trong ngôi trường ấy không hề bị ảnh hưởng bởi những khó khăn thử thách. Đó chính là thứ năng lượng của chín trăm em gái đang cố gắng.

Khi màn trình diễn kết thúc, tôi đi đến bục phát biểu. Tôi phải cố gắng lắm mới kiềm được cảm xúc. Tôi nhìn lướt những ghi chú mình đã chuẩn bị sẵn nhưng không còn hứng thú với chúng nữa. Tôi ngẩng lên nhìn các em và bắt đầu phát biểu. Tôi nói rằng dù tôi đến từ một nơi xa xôi mang theo cái danh hiệu xa lạ Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ, nhưng tôi giống với các em hơn các em nghĩ. Tôi nói rằng tôi xuất thân từ một khu lao động, được nuôi dạy trong một gia đình khiêm tốn về vật chất nhưng ngập tràn yêu thương, rằng tôi đã nhận ra trường học là nơi tôi có thể bắt đầu khẳng định bản thân - rằng học vấn là thứ đáng để nỗ lực có được, rằng học vấn chính là bàn đạp của chúng ta trong thế giới này.

Khi đó tôi chỉ mới là Đệ nhất Phu nhân được hơn hai tháng. Có những lúc tôi cảm thấy choáng ngợp bởi nhịp độ cuộc sống, thấy mình không xứng đáng với sự xa hoa này, cảm thấy lo lắng về hai đứa con gái và mơ hồ về mục đích đời mình. Cuộc sống dưới mắt công chúng và việc từ bỏ cuộc sống riêng để trở thành biểu tượng của một quốc gia có phần nào đó sẽ tước đi một phần danh tính của tôi. Nhưng cuối cùng, ở đây, khi trò chuyện với các nữ sinh này, tôi cảm thấy một điều gì đó hoàn toàn khác biệt và thuần khiết - sự tương thích của con người trước kia và vai trò mới của tôi. Các em có đủ giỏi hay không? Có, các em rất giỏi, tất cả các em. Tôi đã nói với các học sinh Trường Elizabeth Garrett Anderson rằng các em đã chạm vào trái tim tôi. Tôi nói rằng các em rất

đáng trân quý, vì sự thật là như vậy. Và khi bài phát biểu của tôi kết thúc, tôi đã làm một chuyện theo bản năng. Tôi ôm lấy từng cô gái mà mình có thể ôm được.

KHI CHÚNG TÔI VỀ LẠI WASHINGTON, mùa xuân đã đến. Mỗi ngày trôi qua, mặt trời mọc sớm hơn và lặn trễ hơn đôi chút. Tôi quan sát sườn dốc ở Bãi cỏ phía Nam từ từ trở thành một mảng xanh tươi tốt và đầy sức sống. Từ cửa sổ tư dinh, tôi có thể nhìn thấy những đóa tulip đỏ và hoa huệ tím mọc quanh đài phun nước dưới chân ngọn đồi. Các nhân viên và tôi đã dành hai tháng qua để biến ý tưởng về một khu vườn của tôi thành hiện thực, một chuyện không hề dễ dàng. Một phần là vì chúng tôi buộc phải thuyết phục Sở Công viên Quốc gia và đội quản lý đất đai tại Nhà Trắng đào xới một khoảnh đất tại một trong những thảm cỏ mang tính biểu trưng nhất thế giới. Bản thân ý kiến đó ban đầu cũng vấp phải sự phản đối. Vườn hoa Victory đã được cựu Đệ nhất Phu nhân Eleanor Roosevelt trồng từ hàng chục năm trước, và dường như không có ai thật sự hứng thú với việc lặp lại quá trình đó. “Họ nghĩ chúng ta bị khủng”, Sam Kass từng kể với tôi.

Tuy nhiên, cuối cùng chúng tôi cũng làm được. Ban đầu chúng tôi được phép sử dụng một khoảnh đất nhỏ xíu nằm phía sau sân quần vợt, cạnh một kho dụng cụ. Sam sau đó đã đấu tranh để có một miếng đất tốt hơn, và cuối cùng cũng xin được một khoảnh đất chữ L rộng một trăm mét vuông ở mé đón nắng của Bãi cỏ phía Nam, không quá xa Phòng Bầu dục và bộ xích đu mà chúng tôi mới vừa lắp đặt cho hai cô con gái. Chúng tôi hợp tác với đội mật vụ để bảo đảm quá trình cày xới đất không làm ảnh hưởng tới các thiết bị cảm biến hay tầm nhìn cần có để bảo vệ an ninh. Chúng tôi kiểm tra để xác định đất có đủ dinh dưỡng và không có bất cứ nguyên tố độc hại nào như chì hay thủy ngân.

Và rồi chúng tôi đã có thể bắt đầu.

Vài ngày sau khi từ châu Âu trở về, tôi đón tiếp một nhóm học sinh từ Trường tiểu học Bancroft, một trường song ngữ ở khu tây bắc của thành phố. Vài tuần trước đó chúng tôi đã cùng nhau dùng cuộc xéng để đào xới chuẩn bị đất. Giờ thì những em học sinh ấy đã quay lại để giúp tôi gieo hạt và trồng cây. Khoảnh đất của chúng tôi nằm không quá xa hàng rào phía nam dọc Đường E, nơi du khách thường tụ tập để nhìn vào Nhà Trắng. Tôi vui mừng khi khu vườn giờ đây đã trở thành một phần cảnh quan mà họ có thể nhìn thấy.

Hay ít nhất là tôi hy vọng mình sẽ thấy hài lòng vào một lúc nào đó trong tương lai. Bởi vì với một khu vườn, ta chẳng bao giờ biết rõ điều gì sẽ xảy ra, chẳng hạn như hạt giống có nảy mầm hay không. Chúng tôi đã mời giới truyền thông đến để đưa tin về quá trình trồng cây. Chúng tôi đã mời tất cả các đầu bếp trong Nhà Trắng đến giúp. Cả Tom Vilsack, Bộ trưởng Nông nghiệp của Barack cũng được mời đến. Chúng tôi đã đề nghị mọi người quan sát những gì chúng tôi làm. Giờ đây chúng tôi phải chờ kết quả. Tôi nói với Sam trước khi bất kỳ khách mời nào xuất hiện, “Thành thật mà nói, vụ này phải có kết quả”.

Hôm đó tôi khom lưng làm vườn với một nhóm các em học sinh lớp năm, cẩn thận trồng cây con xuống đất, nhẹ nhàng lấp đất xung quanh những thân cây mong manh. Sau khi ở châu Âu và bị báo chí phân tích từng bộ trang phục một (tôi đã mặc một chiếc áo khoác cardigan để gặp Nữ hoàng, một chuyện cũng “gây bão” chẳng kém việc tôi chạm vào bà), tôi cảm thấy thoải mái khi quỳ gối xuống đất trong một chiếc áo khoác nhẹ và chiếc quần đơn giản. Bọn trẻ cũng đặt câu hỏi cho tôi, một số câu hỏi về các loại rau và những công việc phải làm, nhưng cũng có những câu như “Ngài tổng thống đang ở đâu?” và “Tại sao ngài tổng thống lại không đến giúp?”. Tuy nhiên chẳng mấy chốc bọn trẻ đã quên bẵng tôi để tập trung vào đôi găng làm vườn và mấy chú giun trong đất. Tôi thích ở bên bọn trẻ. Lần đó và trong suốt thời gian tôi sống tại Nhà Trắng, được ở bên bọn trẻ là một sự an ủi tinh thần cho tôi, một cách để tôi tạm thời thoát khỏi những muộn phiền của một Đệ nhất Phu nhân, thoát khỏi

cảm giác thường xuyên bị người khác phán xét. Bọn trẻ giúp tôi được trở lại là chính mình. Với chúng, tôi không phải là một biểu tượng để ngắm nhìn. Đối với bọn trẻ, tôi chỉ là một quý bà tử tế và khá cao.

Cũng trong sáng hôm ấy, chúng tôi đã trồng rau diếp và rau bi-na, thì là và bông cải. Chúng tôi cũng trồng cà rốt, cải rổ, hành tây và đậu biếc. Chúng tôi trồng những bụi dâu và rất nhiều loại thảo mộc khác. Rồi chúng tôi sẽ có được gì từ đó? Tôi không biết, cũng giống như tôi chẳng biết điều gì đang chờ chúng tôi phía trước tại Nhà Trắng, những gì chờ đợi đất nước này hay chờ đợi những đứa trẻ đáng yêu đang ở quanh tôi. Khi đó, tất cả những gì chúng tôi có thể làm là đặt niềm tin vào những nỗ lực của mình, tin rằng với ánh nắng mặt trời, mưa và thời gian, cái gì đó hay hay sẽ từ đất vươn lên.

MỘT TỐI THỨ BẢY CUỐI THÁNG NĂM, Barack dẫn tôi ra ngoài để hẹn hò. Trong vòng bốn tháng tại nhiệm, anh ấy đã dành trọn thời gian để tìm cách hoàn thành những lời hứa của mình với cử tri trong chiến dịch bầu cử; và giờ đây anh ấy thực hiện lời hứa dành cho tôi. Chúng tôi đang đến New York để dùng bữa tối và thưởng thức một buổi trình diễn.

Trong những năm sống ở Chicago, những đêm hẹn hò của chúng tôi là một phần quan trọng trong các hoạt động của mỗi tuần, một thú vui mà chúng tôi mang vào cuộc sống của mình và duy trì nó bằng mọi giá. Tôi thích trò chuyện với chồng mình bên một chiếc bàn nhỏ trong một căn phòng mờ tối. Tôi luôn yêu thích điều này, và tôi nghĩ mình sẽ luôn như thế. Barack là một người giỏi lắng nghe, kiên nhẫn và chín chắn. Tôi yêu cái cách anh ấy cười ngửa đầu ra sau. Tôi yêu sự vui vẻ trong mắt anh, yêu sự nhân từ nồng ấm. Cùng nhau uống một ly rượu và thông thả dùng bữa vẫn luôn là con đường để chúng tôi quay về những ngày đầu, quay về mùa hè nóng bức đầu tiên năm đó, khi mọi thứ giữa hai chúng tôi luôn “xẹt điện”.

Tôi sửa soạn cho cuộc hẹn của hai chúng tôi ở New York, diện một chiếc đầm cocktail đen, kẻ sọc môi và búi tóc cao trang nhã. Tôi cảm thấy háo hức khi nghĩ đến cảnh được thoát ra ngoài một lát và có thời gian được ở riêng bên chồng mình. Trong vài tháng vừa qua, chúng tôi đã chủ trì các bữa tối và tham dự các đêm diễn tại Trung tâm Kennedy cùng với nhau, nhưng gần như lúc nào cũng nằm trong khuôn khổ chính thức và có sự hiện diện của rất nhiều người khác. Đây mới chính là một đêm nghỉ ngơi đích thực.

Barack mặc một bộ vét sẫm màu và không đeo cà vạt. Chúng tôi hôn tạm biệt mẹ tôi và hai cô con gái từ đầu giờ chiều và tay trong tay bước qua Bãi cỏ phía Nam rồi vào Marine One, chiếc trực thăng của tổng thống đưa chúng tôi tới Căn cứ Không quân Andrews. Sau đó chúng tôi lên một máy bay Air Force cỡ nhỏ để tới phi trường JFK, và từ đó đi trực thăng vào Manhattan. Những chặng di chuyển của chúng tôi đều được nhóm lên kế hoạch và mật vụ tính toán tỉ mỉ từ trước, luôn bảo đảm tối đa tính hiệu quả và an ninh.

Barack (với sự giúp đỡ của Sam Kass) đã chọn một nhà hàng gần Công viên Quảng trường Washington, đó là một nhà hàng nhỏ và kín đáo tên Blue Hill, nơi anh ấy biết tôi sẽ thích vì điểm nhấn của nhà hàng là các loại thực phẩm tự trồng ở địa phương. Khi được tháp tùng đến chặng cuối của hành trình, từ bãi đáp trực thăng tại vùng hạ Manhattan đến Greenwich Village, tôi nhìn thấy ánh đèn phát ra từ xe cảnh sát đang chặn các luồng giao thông cắt ngang, cảm thấy một chút tội lỗi khi sự hiện diện của chúng tôi tại thành phố đã làm gián đoạn lưu thông của tối thứ Bảy. New York luôn đánh thức cảm giác kinh ngạc trong tôi, vì nó đủ rộng lớn và bận rộn để có thể đánh tan bản ngã của bất kỳ ai. Tôi nhớ mình đã từng mất tròn mắt trong lần đầu đặt chân đến thành phố này hàng chục năm trước với chị Czerny, nữ cố vấn của tôi ở trường Princeton. Nhưng tôi biết Barack còn cảm thấy một thứ sâu kín hơn. Nguồn năng lượng cuồng nhiệt và sự đa dạng của thành phố đã chứng tỏ đây chính là chốn hoàn hảo để nuôi dưỡng trí tuệ và trí tưởng tượng của anh nhiều năm trước, khi anh vẫn là sinh viên trường Columbia.

Tại nhà hàng, chúng tôi được dẫn vào một chiếc bàn ở góc khuất trong phòng trong lúc những người xung quanh cố gắng không trở mắt nhìn theo. Tuy vậy, không cách gì có thể che giấu sự có mặt của chúng tôi, bởi bất cứ ai đến sau chúng tôi đều phải được mật vụ quét bằng một thanh từ kế, một quy trình dù nhanh chóng nhưng vẫn khá bất tiện. Tôi lại cảm thấy áy náy về chuyện này.

Chúng tôi gọi martini. Cuộc nói chuyện giữa hai chúng tôi vẫn nhẹ nhàng. Sau bốn tháng trong vai trò Tổng thống và Đệ nhất Phu nhân, chúng tôi vẫn đang tự hoàn thiện - nghĩ xem làm thế nào để bản thể của người này có thể hòa hợp với bản thể của người kia, và xem điều này có ý nghĩa như thế nào trong cuộc hôn nhân của mình.

Những ngày này, gần như chẳng có điều gì trong cuộc sống phức tạp của Barack lại không ảnh hưởng đến cuộc sống của tôi theo cách nào đó, đồng nghĩa với việc có rất nhiều công việc chung mà chúng tôi có thể trao đổi cùng nhau - ví dụ như nhóm kế hoạch của anh lên lịch đi một chuyến nước ngoài trong thời gian bọn trẻ nghỉ hè, hay chánh văn phòng của tôi có được người khác lắng nghe ý kiến tại các buổi họp sáng ở Cánh Tây hay không - nhưng nhìn chung, tôi cố gắng tránh đề cập những chuyện này, không chỉ vào đêm hôm ấy mà còn vào tất cả các đêm khác. Nếu tôi có vấn đề với chuyện gì đó đang xảy ra ở Cánh Tây, thường tôi sẽ nhờ nhân viên của mình chuyển lời đến Barack, làm mọi thứ có thể để không cho công chuyện tại Nhà Trắng can thiệp vào cuộc sống cá nhân của chúng tôi.

Đôi lúc Barack muốn nói về công việc, dù thường thì anh vẫn chọn tránh nói về nó. Công việc của anh thường chỉ khiến anh kiệt sức vì thách thức mà nó mang lại là quá lớn và rất khó giải quyết. General Motors chỉ còn ít ngày nữa là nộp đơn phá sản. Bắc Triều Tiên vừa cho thử hạt nhân, và Barack sẽ sớm sang Ai Cập để có một bài phát biểu quan trọng nhằm dang rộng vòng tay tới cộng đồng Hồi giáo trên khắp thế giới. Mặt đất xung quanh anh dường như chẳng bao giờ ngừng rung chuyển. Mỗi khi bạn bè đến Nhà Trắng thăm chúng tôi, họ đều ngạc nhiên trước mức độ nhiệt tình của Barack và tôi khi hỏi thăm công việc, con cái, sở thích của họ - bất cứ thứ gì. Cả hai chúng tôi thường không muốn nói về sự phức tạp của cuộc sống mới hiện tại, mà quan tâm hơn tới những mẫu chuyện tán dóc và tin tức thường nhật ở nhà. Dường như cả hai chúng tôi đều mong mỗi một chút gì đó của một cuộc sống bình thường.

Tối hôm đó ở New York, chúng tôi dùng bữa, uống rượu và chuyện trò trong ánh nến, đắm mình trong cảm xúc, dù chỉ là viễn vọng, rằng chúng tôi đã được giải thoát khỏi thực tại. Nhà Trắng là một nơi cực kỳ đẹp để và thoải mái, một tòa pháo đài được nguy trang thành nhà ở, và theo quan điểm của những mật vụ được trao trọng trách bảo vệ chúng tôi, lý tưởng nhất có lẽ là chúng tôi không bao giờ rời khỏi khuôn viên nơi đó. Kể cả khi chúng tôi đang ở bên trong Nhà Trắng, thì các mật vụ dường như sẽ cảm thấy hạnh phúc nhất nếu chúng tôi dùng thang máy thay cho thang bộ, để giảm thiểu rủi ro bị vấp ngã. Nếu Barack hay tôi có một cuộc gặp mặt ở Nhà Blair^[1], tọa lạc chỉ ở bên kia một khu vực đã được phong tỏa trên đại lộ Pennsylvania, đôi khi họ vẫn đề nghị chúng tôi sử dụng đoàn xe hộ tống thay vì bước đi giữa không khí trong lành. Chúng tôi tôn trọng sự cẩn trọng đó, nhưng nó cũng khiến tôi cảm thấy như mình đang bị giam lỏng. Đôi khi tôi cảm thấy khó khăn khi phải luôn tìm cách cân bằng nhu cầu của bản thân với sự thuận tiện của người khác. Nếu ai đó trong gia đình chúng tôi muốn bước ra ban công Truman - không gian hình vòm cung xinh xắn nhìn ra Bãi cỏ phía Nam và là không gian bán riêng tư ngoài trời duy nhất chúng tôi có được tại Nhà Trắng - trước tiên chúng tôi cần phải báo với mật vụ để họ đóng cửa khu vực Phố E nằm trong tầm nhìn của ban công, giải tán đám đông du khách tụ tập ngoài cổng cả ngày lẫn đêm. Rất nhiều lần tôi nghĩ đến chuyện ra ban công ngồi, nhưng rồi tôi nghĩ lại, nhận ra những rắc rối mình sẽ gây ra, những chuyển tham quan sẽ vì tôi mà bị gián đoạn, tất cả chỉ vì tôi muốn ra ngoài trời tận hưởng một tách trà.

Khi nhất cử nhất động của Barack và tôi bị kiểm soát đến mức đó, chúng tôi giảm hẳn số lần ra ngoài. Kết quả là cả hai chúng tôi đã trở nên cực kỳ lệ thuộc vào phòng gym nhỏ ở tầng trên cùng của khu tư dinh. Barack chạy bộ trên máy chạy khoảng một giờ mỗi ngày, cố gắng giải tỏa nguồn năng lượng không yên trong anh. Tôi cũng tập thể dục vào mỗi buổi sáng, thường là cùng với Cornell, huấn luyện viên của chúng tôi ở Chicago và hiện đang sống bán thời gian ở Washington để có thể đến giúp chúng tôi với các bài tập tay không và bài tập với tạ ít nhất vài lần trong tuần.

Gác chuyện quốc gia đại sự sang một bên, Barack và tôi chưa bao giờ thiếu chủ đề để trao đổi với nhau. Trong bữa tối hôm đó, chúng tôi nói về các bài tập thể thao của Malia, về sự gắn bó của Sasha dành cho chiếc mền

Blankie đã sồn nhẩn mà con bé vẫn dùng để trùm đầu khi ngủ mỗi đêm. Khi tôi kể câu chuyện vui về nỗ lực bắt thành của thợ trang điểm trong việc gắn mi giả cho mẹ tôi trước một buổi chụp ảnh, Barack ngửa đầu ra sau và cười lớn, hết như cách mà tôi đã quen thấy anh ấy làm từ trước đến giờ. Và chúng tôi cũng có đủ thứ chuyện để kể cho nhau nghe về một bé con thú vị mới gia nhập gia đình mình, một chú chó bảy tháng tuổi vô cùng bướng bỉnh thuộc giống chó bơi giỏi của Bồ Đào Nha mà chúng tôi đặt tên là Bo, một món quà của Thượng nghị sĩ Ted Kennedy tặng gia đình chúng tôi, đồng thời cũng là lời hứa của chúng tôi với Malia và Sasha trong chiến dịch tranh cử. Hai đứa thích chơi trốn tìm với Bo ở Bãi cỏ phía Nam, núp sau mấy thân cây và í ới gọi tên Bo khi nó chạy vụt qua bãi cỏ rộng theo tiếng gọi của bọn trẻ. Tất cả chúng tôi đều yêu Bo.

Khi hai chúng tôi rút cuộc cũng dùng xong bữa tối và đứng lên để đi về, các thực khách quanh chúng tôi đều đứng dậy vỗ tay, một chuyện đối với tôi mà nói là vừa tử tế vừa không cần thiết. Có lẽ một vài người trong số họ cũng thấy vui vì chúng tôi rời đi.

Chúng tôi là một sự phiền toái, cả Barack và tôi, một sự can thiệp làm gián đoạn những sinh hoạt thông thường. Đó là một thực tế không có cách giải quyết. Chúng tôi cảm nhận rõ điều đó khi đoàn xe tháp tùng chờ chúng tôi đến Đại lộ Sáu và về Quảng trường Thời đại, nơi mà vài giờ trước đó cảnh sát đã lập hàng rào bảo vệ toàn bộ dãy nhà trước rạp hát, khiến những người đến xem kịch giờ đây phải xếp hàng chờ đi qua máy quét kim loại - một thủ tục mà bình thường không bao giờ có - và các nghệ sĩ phải chờ thêm bốn mươi lăm phút nữa mới có thể bắt đầu vở diễn vì quá trình kiểm tra an ninh.

Đó là một vở diễn xuất sắc - một vở kịch của August Wilson lấy bối cảnh một nhà trọ trong giai đoạn Đại di cư, khi hàng triệu người Mỹ gốc Phi rời miền Nam và đổ xô đến vùng Midwest nước Mỹ, hết như họ hàng cả hai bên nội ngoại của tôi đã từng. Ngồi cạnh Barack trong bóng tối của nhà hát, tôi thật sự xúc động và hoàn toàn bị thu hút vào vở kịch. Trong một khoảng thời gian ngắn ngủi tôi đã có thể đắm chìm vào không gian trước mắt, cảm nhận sự thỏa mãn lặng lẽ khi không còn vướng bận với trách nhiệm và có thể tiếp xúc với thế giới bên ngoài.

Khuya hôm đó khi chúng tôi bay về Washington, tôi đã biết phải rất lâu nữa chúng tôi mới có thể lại làm những chuyện như thế này. Các đối thủ chính trị của Barack sẽ phê bình anh vì đã đưa tôi đến New York xem kịch. Đảng Cộng hòa sẽ công bố một thông cáo báo chí trước khi chúng tôi về đến nhà, nói rằng cuộc hẹn hò của chúng tôi thật xa xỉ và lãng phí tiền thuế, một thông điệp mà các hãng tin truyền hình cáp sẽ vô lấy và mổ xẻ. Đội ngũ của Barack sẽ nhẹ nhàng củng cố quan điểm này, khuyến cáo chúng tôi nên có ý thức chính trị hơn, khiến tôi cảm thấy thật tội lỗi vì đã ích kỷ đánh cắp một khoảng thời gian hiếm hoi để đi hẹn hò riêng với chồng mình.

Nhưng thực tế còn hơn thế. Các bình luận viên sẽ luôn hiện diện ở đó. Các đảng viên Cộng hòa không bao giờ bỏ lỡ thời cơ. Dư luận sẽ luôn thống trị đời sống chúng tôi.

Mọi chuyện cứ như thế qua cuộc hẹn đó, Barack và tôi đã kiểm chứng một giả thuyết và khẳng định cả mặt tốt nhất và mặt xấu nhất của một điều mà bấy lâu chúng tôi vẫn luôn nghi ngờ. Mặt tốt là chúng tôi có thể ra khỏi Nhà Trắng để có một buổi tối lãng mạn như ngày xưa, nhiều năm về trước, khi cuộc sống chính trị của anh vẫn chưa kiểm soát cuộc đời chúng tôi. Chúng tôi, trong tư cách Tổng thống và Đệ nhất Phu nhân, có thể cảm thấy gần gũi và gắn kết với nhau, cùng nhau tận hưởng một bữa ăn và một vở diễn tại thành phố mà cả hai đều yêu thích. Phần khó khăn hơn là nhìn thấy sự ích kỷ vốn có trong việc đưa ra quyết định ấy, biết rằng nó sẽ đòi hỏi đội an ninh và cảnh sát địa phương phải họp trước với nhau suốt nhiều giờ. Quyết định ấy đòi hỏi nhiều trách nhiệm hơn từ phía nhân viên của chúng tôi, từ nhà hát, từ những nhân viên phục vụ tại nhà hàng, từ những người phải đổi hướng lái xe ra khỏi Đại lộ Sáu và từ các cảnh sát làm nhiệm vụ trên đường phố. Đó là một phần của sự nặng nề mà chúng

tôi mới tập sống cùng. Đơn giản là có quá nhiều người liên quan, quá nhiều ảnh hưởng đến mức chúng tôi khó mà cảm thấy vui vẻ được.

TỪ BAN CÔNG TRUMAN tôi có thể thấy khu vườn xanh tươi đang hình thành ở góc tây nam thâm cỏ. Với tôi, đó là một cảnh tượng khiến tôi phấn khởi - một Vườn địa đàng thu nhỏ đang hình thành từ những đợt non còn lảo nhảo và những chồi cây đang nhú, từ những củ cà rốt và củ hành mới ra lá, những đám rau bi-na xanh um, được bao quanh bởi những bông hoa màu đỏ và vàng rực rỡ. Chúng tôi đang tự trồng lương thực.

Cuối tháng Sáu, nhóm học sinh từ trường tiểu học Bancroft lại đến giúp tôi thu hoạch vụ đầu tiên, chúng tôi cùng nhau bẻ lá rau diếp và hái đậu. Lần này các em còn có thể cùng chơi với Bo, chú chó rất yêu khu vườn của chúng tôi - nó chạy tới chạy lui quanh những thân cây, rồi nằm phơi bụng dưới ánh mặt trời giữa những luống rau.

Hôm ấy sau khi thu hoạch, Sam và các em học sinh cùng vào bếp làm món rau trộn từ rau diếp và đậu mới hái, ăn kèm với gà nướng, tiếp đó là những chiếc bánh bông lan bé xinh được phủ dâu-nhà-trồng. Trong mười tuần, khu vườn đã cho ra hơn bốn mươi ký nông sản - chỉ với khoảng hai trăm đô-la tiền hạt và đất bồi.

Khu vườn được nhiều người biết tới hơn, và khu vườn mang đến những hoạt động lành mạnh, nhưng tôi cũng biết là đối với một số người thì như thế vẫn chẳng đủ. Tôi biết tôi đang bị người ta quan sát với một thái độ hoài nghi nhất định, đặc biệt là phụ nữ, có lẽ là những phụ nữ đang có sự nghiệp, những người tự hỏi liệu tôi có bỏ phí học vấn và kinh nghiệm quản lý của mình để rút vào hình mẫu có sẵn về Đệ nhất Phu nhân hay không, một hình mẫu gắn liền với mấy chiếc lá trà tao nhã và khăn trải bàn vải lanh hồng xinh xắn. Dường như người ta lo rằng tôi sẽ không thể hiện trọn vẹn con người mình.

Bất kể lựa chọn làm gì, tôi biết chắc chắn mình sẽ làm ai đó thất vọng. Chiến dịch vận động tranh cử đã dạy tôi rằng mỗi cử chỉ và biểu hiện trên khuôn mặt mình có thể được diễn giải thành cả chục cách khác nhau. Tôi có thể là người kiên cường nỗ lực hoặc luôn giận dữ, hoặc là, với khu vườn và thông điệp về chế độ ăn uống lành mạnh của mình, tôi có thể đã trở thành nỗi thất vọng đối với những người theo tư tưởng nữ quyền vì thiếu sự cứng rắn trong việc thể hiện quan điểm cá nhân. Vài tháng trước khi Barack đắc cử, tôi đã nói trong một bài phỏng vấn với báo chí là trọng tâm của tôi trong Nhà Trắng là tiếp tục vai trò người mẹ trong gia đình. Tôi nói ra điều đó một cách bình thường, nhưng nó đã bị tóm lấy và phóng đại trên báo chí. Một số người Mỹ có vẻ thích quan điểm này, họ hiểu quá rõ việc nuôi dạy con cần đến nguồn động lực và kỹ năng tổ chức cao đến mức nào. Trong khi đó, những người khác có vẻ hơi phật ý, họ cho rằng “làm mẹ” nghĩa là tôi, trong vai trò Đệ nhất Phu nhân, sẽ không làm gì khác ngoài chuyện giúp các con hoàn thành mấy bài tập thủ công.

Sự thật là tôi dự định làm đủ thứ chuyện - làm việc với mục tiêu rõ ràng và làm mẹ với tấm lòng quan tâm con cái - như xưa nay vẫn thế. Điểm khác biệt duy nhất là vào lúc này có rất nhiều người đang quan sát tôi.

Tôi thích làm việc trong yên lặng, ít nhất ban đầu là vậy. Tôi muốn thực hiện từng bước trong kế hoạch một cách bài bản, chờ cho đến khi tôi hoàn toàn tự tin vào những gì mình thể hiện rồi mới công khai. Như đã nói với nhân viên của mình, khi giải quyết vấn đề, tôi thích đào sâu hơn là mở rộng phạm vi. Đôi khi tôi cảm thấy mình như một con thiên nga trong hồ, biết rằng một phần nhiệm vụ của mình là lướt đi thong thả và tỏ ra bình thản, nhưng đồng thời phải không ngừng nỗ lực đạp chân dưới mặt nước. Sự hứng thú và nhiệt tình mà chúng tôi tạo ra cùng với khu vườn - những bình luận tích cực trên báo, những lá thư động viên đổ về từ mọi miền đất nước - chỉ khẳng định rằng tôi có thể tạo ra dư luận xoay quanh một ý tưởng hay. Giờ đây tôi muốn làm nổi bật một vấn đề to lớn hơn và thúc đẩy để có được những giải pháp có ảnh hưởng hơn.

Vào thời điểm Barack nhậm chức, gần 1/3 trẻ em Mỹ bị thừa cân hoặc béo phì. Trong suốt ba thập kỷ trước, tỷ lệ béo phì ở trẻ em đã tăng gấp ba lần. Trẻ em đang bị chẩn đoán cao huyết áp và đái tháo đường loại 2 ở mức kỷ

lục. Thậm chí các nhà lãnh đạo quân đội cũng báo cáo rằng béo phì là một trong những nguyên nhân phổ biến nhất khiến thanh niên không được nhập ngũ.

Vấn đề này hiện diện trong từng khía cạnh của đời sống gia đình, từ giá trái cây tươi đắt đỏ đến những cắt giảm trên diện rộng nguồn ngân sách tài trợ thể thao và các chương trình vui chơi giải trí tại trường công. Ti-vi, máy tính và trò chơi điện tử đua nhau chiếm lấy thời gian của trẻ em, và tại một số khu vực, ở trong nhà có vẻ là một lựa chọn an toàn hơn là ra ngoài chơi đùa, như anh Craig và tôi đã từng như thế hồi còn bé. Nhiều gia đình cư ngụ ở các khu vực không được cung ứng đầy đủ các dịch vụ thiết yếu ở những thành phố lớn và không có cửa hàng thực phẩm nào gần nhà. Người tiêu dùng ở vùng sâu vùng xa cũng rơi vào tình trạng kém may mắn tương tự trong khoản tiếp cận thực phẩm tươi. Trong khi đó, khẩu phần của các loại thức ăn bày bán sẵn trong các nhà hàng ngày càng tăng về kích cỡ. Các biểu ngữ quảng cáo cho ngũ cốc tẩm đường, thức ăn tiện lợi có thể chế biến ngay bằng lò vi sóng và thực phẩm “siêu bự” được nhồi nhét thẳng vào tâm trí của những đứa trẻ đang ngồi trước ti-vi xem hoạt hình.

Tuy thế, mong muốn cải thiện dù chỉ một phần của hệ thống thực phẩm cũng có thể gây ra những xung chấn bất đồng. Nếu tôi tuyên chiến với các loại thức uống có đường đang được quảng bá cho trẻ con, nỗ lực của tôi không chỉ bị phản đối bởi các công ty nước giải khát quy mô lớn mà còn bởi các nông dân chuyên cung cấp bắp, loại nguyên liệu được sử dụng trong nhiều chất làm ngọt. Nếu ủng hộ những bữa ăn trưa giàu dinh dưỡng hơn, tôi sẽ chạm trán với những nhà vận động hành lang thuộc các tập đoàn lớn, nơi quyết định thức ăn gì sẽ xuất hiện trên khay ăn của các em học sinh lớp bốn. Suốt nhiều năm, các chuyên gia dinh dưỡng cộng đồng và những nhà vận động bảo vệ sức khỏe cộng đồng đã bị hắt cẳng bởi ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống, vốn được tổ chức kỹ càng hơn và có nguồn kinh phí dồi dào hơn. Ở Mỹ, bữa trưa tại trường là một ngành kinh doanh trị giá sáu tỷ đô-la một năm.

Dù vậy, tôi vẫn cảm thấy đây chính là thời điểm thích hợp để thúc đẩy sự thay đổi. Tôi không phải là người đầu tiên hay người duy nhất quan tâm đến những vấn đề này. Trên khắp nước Mỹ, xu hướng sử dụng thực phẩm sạch vừa chớm đang dần lớn mạnh. Nông dân thành thị đang thử nghiệm cách nuôi trồng tại các thành phố khác nhau. Đảng viên Dân chủ và Cộng hòa đều tìm cách giải quyết vấn đề này ở phạm vi địa phương và cấp tiểu bang, bằng cách đầu tư vào lối sống lành mạnh, xây thêm nhiều lối đi bộ và vườn cộng đồng - đây là một bằng chứng cho thấy trong chính trị vẫn tồn tại những quan điểm chung có thể khai thác được.

Từ giữa năm 2009, tôi và đội ngũ nhân viên ít ỏi của mình bắt đầu phối hợp cùng những chuyên gia chính sách ở văn phòng Cảnh Tây và gặp gỡ các chuyên gia trong và ngoài chính phủ nhằm vạch ra một kế hoạch. Chúng tôi quyết định chú trọng vào trẻ em. Rất khó làm cho người trưởng thành thay đổi thói quen, nhất là khi xét tới khía cạnh chính trị. Chúng tôi cảm thấy chắc chắn mình sẽ có nhiều cơ hội thành công hơn trong việc giúp trẻ em thay đổi suy nghĩ về thực phẩm và thể dục thể thao từ bé. Và ai có thể gây chuyện nếu chúng tôi thật sự đang quan tâm bảo vệ trẻ em?

Hai đứa con tôi khi ấy đang nghỉ hè. Tôi tự cam kết dành ba ngày một tuần để nỗ lực làm việc trong vai trò Đệ nhất Phu nhân và dành thời gian còn lại cho gia đình. Thay vì đưa hai đứa đến trại hè, tôi quyết định tổ chức chương trình mang tên Trại hè Obama mà trong đó chúng tôi mời vài người bạn tham gia và thực hiện các chuyến tham quan ở địa phương, tìm hiểu về khu vực mình sinh sống. Chúng tôi đã đến Monticello^[2] và Mount Vernon^[3], cũng như khám phá các hang động ở Thung lũng Shenandoah. Chúng tôi đến Cục Ấn loát Bộ ngân khố Hoa Kỳ để xem cách người ta làm ra những tờ đô-la và tham quan ngôi nhà của Frederick Douglass^[4] ở phía đông nam Washington để tìm hiểu xem bằng cách nào một người có thể thoát ách nô lệ và trở thành một học giả và một vị

anh hùng. Có lúc tôi đã yêu cầu các con viết những bản báo cáo ngắn gọn sau mỗi chuyến đi, tóm tắt những gì chúng đã học được, nhưng rốt cuộc hai đứa bắt đầu phản đối và tôi đã bỏ yêu cầu đó.

Nếu có thể, chúng tôi luôn thực hiện các chuyến tham quan đó vào sáng sớm hoặc cuối ngày để nhân viên mật vụ có thể làm nhiệm vụ phong tỏa hoặc căng dây bảo vệ trước khi chúng tôi đến mà không gây ra quá nhiều phiền hà. Tôi biết chúng tôi vẫn là một sự phiền toái, mặc dù khi không có Barack theo cùng thì mức độ phiền toái có giảm đi đôi chút. Nhưng dù sao thì tôi cũng cố gắng gạt bỏ mọi cảm giác tội lỗi khi làm việc vì bọn trẻ. Tôi muốn các con của mình có thể tự do đi lại như những đứa trẻ khác.

Hồi đầu năm đó, tôi từng có một cuộc tranh cãi nhỏ với mật vụ khi Malia được một nhóm bạn chọt-có-hứng-đi-ăn-kem rủ đi cùng. Vì lý do an ninh, con bé không được phép đi xe của gia đình khác, và vì Barack và tôi có lịch làm việc kín mít được sắp xếp sẵn từ nhiều tuần trước, Malia được lệnh phải chờ một giờ đồng hồ trong lúc trưởng nhóm an ninh của con bé được triệu tập về từ khu ngoại ô, đương nhiên chuyện này cũng kéo theo một loạt cuộc gọi xin lỗi và làm chậm trễ thời gian của tất cả những người liên quan.

Đây chính xác là kiểu phiền toái nặng nề mà tôi không muốn con gái mình gặp phải. Tôi không thể kiềm được sự tức giận. Đối với tôi, chuyện đó thật không hợp lý. Chúng tôi có nhân viên mật vụ đứng gần như tại mọi hành lang Nhà Trắng. Tôi có thể nhìn ra cửa sổ và thấy những chiếc xe của mật vụ đậu ở lối đi. Nhưng vì lý do nào đó, Malia không thể chỉ xin phép tôi và đi chơi cùng bạn bè. Chúng tôi không thể làm gì nếu không có trưởng nhóm an ninh của con bé.

“Đây không phải là cách sinh hoạt của một gia đình, cũng không phải cách người ta đi ăn kem”, tôi nói. “Nếu muốn bảo vệ một đứa trẻ thì các anh chị phải có khả năng hành động cho phù hợp với một đứa trẻ.” Sau đó, tôi đặc biệt yêu cầu các mật vụ phải điều chỉnh quy trình làm việc của họ để trong tương lai Malia và Sasha có thể rời Nhà Trắng an toàn mà không cần phải bỏ quá nhiều công sức để lên kế hoạch trước. Với tôi, đây là một bài kiểm tra khác về những giới hạn. Barack và tôi giờ đây đã từ bỏ ý nghĩ rằng chúng tôi có thể ngẫu hứng. Chúng tôi đã chấp nhận rằng mình không còn có thể tùy hứng trong cuộc sống cá nhân. Nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục đấu tranh để duy trì những khả năng đó cho các con của mình.

TRONG CHIẾN DỊCH TRANH CỬ CỦA BARACK, đã có lúc người ta bắt đầu quan tâm đến trang phục của tôi. Hay ít nhất là giới truyền thông đã để ý, điều này khiến các blogger thời trang cũng bắt đầu để ý, từ đó kéo theo đủ loại bình phẩm trên khắp Internet. Tôi không biết chính xác vì sao như thế - có lẽ vì tôi cao và không ngại mặc trang phục có họa tiết nổi bật - nhưng rõ ràng là người ta luôn để ý đến trang phục của tôi.

Khi tôi mang giày đế bằng thay vì cao gót, chuyện đó cũng được đưa tin. Trang sức ngọc trai của tôi, dây thắt lưng, áo khoác cardigan, những chiếc đầm may sẵn của hiệu J. Crew và cả lựa chọn rõ ràng là can đảm của tôi khi quyết định mặc bộ đầm dạ hội màu trắng để dự lễ nhậm chức - tất cả dường như đã khơi ra nhiều ý kiến trái chiều và lập tức thu hút những lời bình phẩm. Tôi đã mặc chiếc đầm không tay màu tím đến nghe Barack phát biểu Thông điệp Liên bang và mặc một chiếc đầm bó không tay để chụp bức ảnh chân dung chính thức, và bỗng nhiên cánh tay của tôi được lên báo. Cuối hè năm 2009, gia đình chúng tôi có chuyến nghỉ mát đến Grand Canyon^[5], và tôi đã bị chê trách là thiếu phẩm giá khi để người ta chụp ảnh tôi đang mặc quần ngắn bước ra từ chiếc Air Force One (giữa nhiệt độ 41°C).

Có vẻ như quần áo tôi mặc quan trọng với người khác hơn những lời tôi nói. Ở Luân Đôn, tôi rời sân khấu sau bài phát biểu xúc động dành cho các nữ sinh trường Elizabeth Garrett Anderson, chỉ để nhận ra câu hỏi đầu tiên một phóng viên chuyển đến cho nhân viên của tôi lại là “Ai thiết kế bộ trang phục bà đang mặc?”.

Những chuyện như thế khiến tôi chán nản, nhưng tôi cố gắng biến chúng thành cơ hội để học hỏi, để tận dụng bất kỳ khả năng nào mình có được trong những tình huống mà tôi không hề lựa chọn cho mình. Nếu người ta gửi một trang tạp chí chỉ để nhìn xem bộ đồ tôi mặc, tôi hy vọng họ cũng nhìn thấy người vợ hoặc chồng của quân nhân đang đứng cạnh tôi, hoặc đọc được những gì tôi phát biểu về sức khỏe trẻ em. Ít lâu sau khi Barack đắc cử, tạp chí Vogue mời tôi chụp ảnh bìa, nhóm của tôi khi đó đã tranh luận xem việc nhận lời mời đó có khiến tôi trông phù phiếm hay có vẻ cao ngạo giữa giai đoạn kinh tế đất nước có nhiều khó khăn hay không, nhưng cuối cùng chúng tôi đã quyết định nhận lời. Mỗi khi có phụ nữ da màu xuất hiện trên trang bìa tạp chí thì đó luôn là chuyện lớn. Hơn nữa, tôi cũng cương quyết tự chọn trang phục cho buổi chụp ảnh - đó là những bộ đầm của Jason Wu và Narciso Rodriguez, một nhà thiết kế tài ba gốc Latin.

Tôi biết chút ít về thời trang, nhưng không nhiều. Là một bà mẹ vừa nuôi con vừa đi làm, tôi thật sự rất bận rộn nên không bận tâm nhiều đến trang phục của mình. Trong suốt chiến dịch tranh cử, tôi chủ yếu mua quần áo tại một cửa hiệu ở Chicago, nơi tôi may mắn gặp được một nhân viên bán hàng trẻ trung tên Meredith Koop. Meredith lớn lên ở thành phố St. Louis, rất nhạy bén và có hiểu biết về nhiều nhà thiết kế khác nhau, đồng thời có cảm nhận khá tinh tế về màu sắc và chất liệu. Sau khi Barack đắc cử, tôi đã thuyết phục được cô ấy chuyển đến Washington và làm trợ lý kiêm nhà tạo mẫu trang phục cho tôi. Cô ấy cũng nhanh chóng trở thành một người bạn đáng tin cậy của tôi.

Vài lần một tháng, Meredith sẽ chuyển nhiều giá quần áo lớn vào phòng trang phục của tôi trong khu tư dinh, và chúng tôi dành một hoặc hai giờ để thử đồ, chọn sẵn trang phục thích hợp cho tất cả các sự kiện được lên lịch sẵn trong các tuần sắp tới. Tôi tự thanh toán tất cả quần áo và trang sức của mình - trừ một vài bộ trang phục dạ hội sang trọng mà tôi mặc tham gia các sự kiện trang trọng, đó là những trang phục được các nhà thiết kế cho mượn và sau đó được đóng góp cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, và do đó vẫn đúng với các quy tắc đạo đức của Nhà Trắng. Về lựa chọn của cá nhân tôi, tôi cố gắng đưa ra những lựa chọn khó đoán để ngăn người ta gán ghép bất kỳ thông điệp nào lên món trang phục mà tôi mặc. Đó là một ranh giới mỏng manh. Tôi cần phải nổi bật nhưng không được làm lu mờ người khác, phải hòa hợp nhưng không được nhạt nhòa. Đồng thời, khi là một phụ nữ da đen, tôi biết mình sẽ bị chỉ trích nếu người ta cho là tôi quá phô trương hoặc sang trọng, và tôi cũng sẽ bị chỉ trích nếu quá xuề xòa. Thế là tôi kết hợp đủ kiểu. Tôi phối một chiếc váy cao cấp Michael Kors với áo thun Gap. Tôi mặc một món từ Target hôm trước và Diane Von Furstenberg hôm sau. Tôi muốn tôn vinh và hướng sự chú ý vào những nhà thiết kế người Mỹ, nhất là những nhân vật chưa thật sự thành danh, mặc dù đôi khi việc này làm phật lòng những nhà thiết kế cây đa cây đề, chẳng hạn như Oscar de la Renta, người mà tôi được biết là đã không hài lòng khi tôi chưa bao giờ mặc trang phục do ông thiết kế. Đối với tôi, lựa chọn của bản thân đơn giản là một cách để tận dụng mối quan hệ kỳ lạ của tôi với cái nhìn của công chúng nhằm thúc đẩy sự đa dạng của những tài năng và tên tuổi có triển vọng.

Dư luận ít nhiều đều ảnh hưởng đến mọi thứ trong thế giới chính trị, và tôi tính đến yếu tố này trong mọi trang phục mình mặc. Điều này đòi hỏi thời gian, suy tính và tiền bạc - nhiều tiền hơn những gì tôi từng chi tiêu cho quần áo trước đây. Nó cũng đòi hỏi sự tìm hiểu cẩn thận của Meredith, đặc biệt là đối với các chuyến công du nước ngoài. Cô thường dành nhiều thời gian để bảo đảm thương hiệu, màu sắc và phong cách của trang phục tôi mặc thể hiện sự tôn trọng đối với những nhân vật và quốc gia mà chúng tôi viếng thăm. Meredith cũng chuẩn bị sẵn quần áo cho Sasha và Malia mặc trong các sự kiện chính thức, điều này làm tổng chi phí tăng lên, nhưng cả hai đứa trẻ cũng không thoát khỏi cái nhìn của công chúng. Đôi lúc tôi thờ dãi gan tị khi nhìn Barack lôi ra cùng một bộ com-lê sẫm màu trong tủ đồ để mặc đi làm mà không cần phải nghĩ ngợi gì nhiều. Mối bận tâm lớn nhất

của anh về vấn đề thời trang khi xuất hiện trước công chúng là có mặc áo vét hay không. Thất cả vật hay không thất cả vật?

Meredith và tôi cẩn thận để lúc nào cũng sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống. Trong phòng thay đồ, tôi mặc một chiếc váy mới rồi ngồi xổm, uốn người và xoay cánh tay, chỉ để bảo đảm là tôi có thể cử động thoải mái. Nếu trang phục đó quá gò bó, tôi sẽ đặt nó trở lại sào. Khi đi xa, tôi mang theo trang phục dự phòng để phòng những tình huống có sự thay đổi về lịch trình hoặc thời tiết, đó là chưa kể đến những kịch bản thảm họa như làm đổ rượu vang hoặc bị gãy khóa kéo. Tôi cũng học được là bất kể hoàn cảnh nào, tôi luôn cần mang theo một bộ đồ phù hợp với tang lễ, vì đôi khi Barack nhận được lời mời đột xuất để tham dự lễ tang của một quân nhân, thượng nghị sĩ, hoặc nhà lãnh đạo nào đó vừa mới qua đời.

Tôi trông cậy rất nhiều vào Meredith nhưng cũng cần sự hỗ trợ không kém từ Johnny Wright, nhà tạo mẫu tóc nhanh nhẹn miệng và vui tính, và cả Carl Ray, chuyên viên trang điểm tỉ mỉ và ăn nói nhỏ nhẹ của tôi. Cả ba người bọn họ (thường được các thành viên khác trong đội ngũ gọi là “bộ ba ngựa chiến”) giúp tôi có sự tự tin cần thiết để đối mặt với công chúng mỗi ngày, tất cả chúng tôi đều biết rằng chỉ một sai sót nhỏ sẽ dẫn tới một trận chế giễu và các nhận định ác ý. Tôi chưa từng nghĩ mình cần thuê ai đó để giữ hình ảnh bản thân, và thoát tiên cái ý tưởng đó thật kỳ cục. Nhưng rồi tôi nhanh chóng nhận ra một sự thật mà không ai nói tới: ngày nay, hầu như tất cả những người phụ nữ thường xuất hiện trước công chúng - chính khách, người nổi tiếng... - đều có một phiên bản nào đó của bộ ba Meredith, Johnny và Carl. Đơn giản vì đó là một yêu cầu bắt buộc, một phí tổn mặc định khi muốn ứng phó với cái tiêu chuẩn thiên vị của xã hội chúng ta.

Các Đệ nhất Phu nhân tiền nhiệm đã đối phó với vấn đề tóc tai, trang điểm và trang phục của họ như thế nào? Tôi không biết. Trong năm đầu tiên tại Nhà Trắng, nhiều lần tôi tình cờ thấy những quyển sách do các Đệ nhất Phu nhân tiền nhiệm viết hoặc được viết về họ, nhưng mỗi lần như thế tôi lại đặt chúng xuống. Tôi không thật sự muốn biết giữa chúng tôi có gì giống và có gì khác nhau.

Nhưng tôi thật sự đã có một bữa xế trưa thoải mái với Hillary Clinton vào tháng Chín, hai chúng tôi ngồi tại phòng ăn của khu tư dinh trong Nhà Trắng. Sau khi thắng cử, Barack đã chọn Hillary làm ngoại trưởng - một chuyện khiến tôi hơi ngạc nhiên - và cả hai người họ đã gác lại những lán cán trong trận chiến ở vòng sơ bộ và cùng xây dựng mối quan hệ công việc hiệu quả. Bà thẳng thắn nói với tôi là bà đã sai khi cho rằng nước Mỹ đã sẵn sàng đón nhận một phụ nữ có tinh thần chủ động xây dựng sự nghiệp vào vai trò Đệ nhất Phu nhân. Hồi còn là Phu nhân thống đốc bang Arkansas, Hillary đã tiếp tục công việc luật sư của bà trong lúc hỗ trợ chồng cải thiện hệ thống y tế và giáo dục. Sau này, khi đến Washington bà cũng mang theo khao khát và năng lượng muốn cống hiến như thế, nhưng bà đã bị hất hủi và dè bủi vì đảm nhận vai trò chính trị trong chương trình cải cách hệ thống chăm sóc sức khỏe của Nhà Trắng. Thông điệp rất rõ ràng và thẳng thừng: cử tri bầu cho chồng bà chứ không bầu cho bà. Đệ nhất Phu nhân không có chỗ đứng ở Cánh Tây. Có vẻ bà đã cố gắng làm quá nhiều và quá nhanh, và đã đâm vào ngõ cụt.

Rút kinh nghiệm từ các Đệ nhất Phu nhân khác, tôi đã cố gắng chú ý đến ngõ cụt đó, cẩn thận để không can thiệp trực tiếp hoặc quá mức vào công việc của Cánh Tây. Thay vào đó, tôi để nhân viên của mình trao đổi hàng ngày với nhân viên của Barack để chuyển lời, đồng bộ lịch trình của chúng tôi và xem xét lại mọi kế hoạch. Theo tôi thì các cố vấn của tổng thống hay bực bội thái quá về vấn đề ngoại hình. Vài năm sau đó, khi tôi quyết định để tóc mái, nhân viên của tôi cảm thấy cần phải thông báo ý định này cho nhân viên của Barack, chỉ để bảo đảm quyết định ấy sẽ không gây ra vấn đề gì.

Khi nền kinh tế trong giai đoạn khó khăn, đội ngũ của Barack thường xuyên phải kiểm tra để không có hình ảnh nào từ Nhà Trắng có thể bị nhận định là phù phiếm hoặc tươi vui giữa bầu không khí âm ảm của thời buổi ấy. Không phải lúc nào tôi cũng thoải mái với chuyện này. Kinh nghiệm cho tôi biết rằng ngay cả trong thời điểm khó khăn, mà có lẽ đặc biệt là vào thời điểm khó khăn, người ta vẫn có thể vui vẻ. Đặc biệt là vì bọn trẻ, ta phải tìm cách để vui vẻ. Về chuyện này, đội của tôi đã phải tranh luận dài hơi với đội truyền thông của Barack về ý định tổ chức tiệc Halloween cho bọn trẻ ở Nhà Trắng. Cánh Tây - cụ thể là David Axelrod, khi ấy đã là cố vấn cấp cao trong chính phủ, và Thư ký báo chí Nhà Trắng Robert Gibbs - nghĩ rằng một bữa tiệc như thế sẽ bị xem là quá phô trương, đắt đỏ và có thể làm cho Barack trở nên xa rời quần chúng. “Sẽ tạo dư luận không tốt”, đó là cách họ nói. Tôi không đồng ý, cho rằng một bữa tiệc Halloween dành cho bọn trẻ trong vùng và các gia đình quân nhân chưa từng thấy Nhà Trắng là một cách chính đáng để sử dụng một phần rất nhỏ ngân sách giải trí của Phòng Xã hội.

Axe và Gibbs không hoàn toàn đồng ý, nhưng cơ bản là họ đã ngừng phản đối ý tưởng tổ chức tiệc Halloween của chúng tôi. Cuối tháng Mười, tôi vui sướng khi thấy một quả bí đỏ nặng năm trăm ký được đặt trên bãi cỏ Nhà Trắng. Một ban nhạc kèn đồng trong trang phục xương người trình diễn nhạc jazz, trong lúc một chú nhện đen khổng lồ đang bò xuống từ Cổng Bắc. Tôi đứng trước Nhà Trắng trong trang phục báo đốm - quần đen, áo đốm và một đôi tai mèo gắn vào băng-đô cài tóc - còn Barack, người chưa bao giờ thích hóa trang kể cả khi cái nhìn của công chúng còn chưa là vấn đề đối với anh, thì đứng cạnh tôi và mặc chiếc áo len dài tay đơn điệu. (Gibbs xuất hiện và sẵn sàng nhập cuộc trong trang phục Darth Vader^[6]). Đêm đó chúng tôi đã phát những túi bánh quy, trái cây khô và sô-cô-la M&M đựng trong một chiếc hộp có khắc dấu của tổng thống cho hơn hai ngàn cô công chúa nhỏ, thần chết, hải tặc, siêu anh hùng, ma cô và cầu thủ bóng bầu dục đang đi qua bãi cỏ để đến gặp chúng tôi. Theo những gì tôi biết, dư luận chẳng có vấn đề gì với chuyện này.

TRÁI QUA NHỮNG THAY ĐỔI CỦA BỐN MÙA, khu vườn ngày càng tươi tốt theo thời gian và chúng tôi đã học được rất nhiều điều từ nó. Chúng tôi trồng dưa hoàng kim nhưng trái thu được lại èo uột và nhạt nhẽo. Những đợt mưa giông tới tấp đã cuốn sạch lớp đất mặt của khu vườn. Chim chóc ăn mất mấy quả việt quất, còn bọ cánh cứng thì tìm tới dưa leo. Với sự giúp đỡ của Jim Adams, chuyên gia trồng trọt của Sở Công viên Quốc gia và là trưởng nhóm làm vườn của chúng tôi, cùng với Dale Haney, chuyên viên giám sát đất đai Nhà Trắng, chúng tôi khắc phục những khó khăn gặp phải và tiếp tục nỗ lực chăm sóc cho khu vườn để có thể tận hưởng hoa trái từ nó. Bữa tối của gia đình chúng tôi giờ đây thường có bông cải, cà rốt và cải xoăn tự trồng ở Bãi cỏ phía Nam. Chúng tôi bắt đầu đóng góp một phần thu hoạch từ khu vườn cho Miriam’s Kitchen, một tổ chức phi lợi nhuận ở địa phương chuyên hỗ trợ bữa ăn cho người vô gia cư. Chúng tôi cũng bắt đầu hái rau và dùng chúng làm quà cho những vị khách quyền quý của mình, kèm theo những lọ mật ong lấy từ các tổ ong cũng do chúng tôi nuôi. Đối với những nhân viên trong Nhà Trắng, khu vườn đã trở thành một thứ mà họ cảm thấy tự hào. Những kẻ ban đầu hồ nghi nay đã trở thành người ủng hộ. Với tôi, khu vườn thật giản dị, trù phú và lành mạnh - một biểu tượng cho sự can củ và niềm tin. Nó vừa đẹp đẽ cũng vừa mạnh mẽ. Và nó giúp ai nấy đều vui vẻ.

Suốt vài tháng trước, nhân viên của tôi ở Cánh Đông và tôi đã nói chuyện cùng các chuyên gia và những người hoạt động vì sức khỏe trẻ em và đề nghị họ giúp chúng tôi xây dựng nền móng cho những nỗ lực to lớn hơn. Chúng tôi sẽ cung cấp cho các bậc phụ huynh nhiều thông tin hữu ích hơn để họ có thể đưa ra các lựa chọn tốt cho sức khỏe của gia đình. Chúng tôi sẽ nỗ lực tạo ra những ngôi trường có chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ. Chúng tôi sẽ tìm cách để ai cũng có thể dễ dàng tiếp cận được nguồn thức ăn giàu dinh dưỡng. Và chúng tôi sẽ tìm ra thêm những cách để các bạn trẻ siêng vận động hơn. Vì biết cách giới thiệu những gì chúng tôi làm là rất quan trọng, tôi một lần nữa lại tìm đến sự trợ giúp của Stephanie Cutter, người đã tư vấn cho Sam và Jocelyn lên kế

hoạch hành động trong lúc đội truyền thông của tôi có nhiệm vụ tạo dựng hình ảnh vui tươi trước công chúng cho chiến dịch của chúng tôi. Suốt thời gian đó, Cánh Tây rõ ràng bắt đầu bức bối về các kế hoạch của tôi, lo rằng tôi sẽ bị công chúng nhìn nhận với hình ảnh một người chỉ biết chỉ tay năm ngón, biểu tượng của một nhà nước can thiệp quá sâu vào đời sống người dân ngay giữa thời điểm mà các vụ cứu trợ tài chính cho ngân hàng và công ty chế tạo ô-tô gây tranh cãi đã khiến người dân Mỹ trở nên thận trọng hơn nhiều với bất cứ điều gì trông giống như sự can thiệp từ chính phủ.

Tuy nhiên, mục tiêu của tôi là khiến công việc này không chỉ là chuyện của chính phủ. Tôi hy vọng mình đã học được bài học kinh nghiệm của Hillary, tức là để phần chính trị cho Barack và tập trung sức lực vào chuyện khác. Khi phải làm việc với CEO các công ty nước giải khát và nhà cung cấp thức ăn trưa cho trường học, tôi nghĩ sẽ tốt hơn khi lấy sự cảm thông làm nền tảng thay vì áp đặt, hợp tác thay vì tranh đấu với nhau. Và khi liên quan đến lối sống gia đình, tôi muốn trao đổi trực tiếp với các ông bố, bà mẹ và đặc biệt là bọn trẻ.

Tôi không thích tuân thủ những nguyên tắc của giới chính trị hoặc xuất hiện trên các chương trình truyền hình vào sáng Chủ nhật. Thay vào đó, tôi nhận lời mời phỏng vấn của các tạp chí sức khỏe hướng tới cha mẹ và con cái. Tôi tập lác vòng ở khu Bãi cỏ phía Nam để cho thấy tập thể dục có thể rất vui. Tôi xuất hiện với tư cách khách mời trong loạt phim truyền hình dành cho thiếu nhi Sesame Street, nói về rau quả với Elmo và Big Bird. Bất cứ khi nào tôi trao đổi với phóng viên tại khu vườn trong Nhà Trắng, tôi đều nhắc đến chuyện rất nhiều người Mỹ đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận nông sản tươi tại cộng đồng của mình và cố gắng đề cập đến các chi phí y tế phát sinh khi tình trạng béo phì ngày càng gia tăng. Tôi muốn bảo đảm rằng chúng tôi có được ý kiến của tất cả những người cần thiết để kế hoạch này thành công và để dự đoán các ý kiến trái chiều có thể nảy sinh. Với ý định như vậy, chúng tôi bỏ ra nhiều tuần liền âm thầm tổ chức các cuộc tiếp xúc với doanh nghiệp và nhóm ủng hộ cũng như thành viên Quốc hội. Chúng tôi có các nhóm chuyên biệt để kiểm định hiệu quả truyền thông của dự án, tranh thủ sự giúp đỡ không lợi nhuận từ các chuyên gia PR để trau chuốt thông điệp cần truyền tải.

Vào tháng Hai năm 2010, cuối cùng tôi cũng đã sẵn sàng chia sẻ tầm nhìn của mình. Vào một chiều thứ Ba lạnh lẽo, khi thủ đô Washington vẫn còn đang khắc phục hậu quả của cơn bão tuyết lịch sử, tôi đứng trên bục phát biểu trong Phòng tiệc Nhà Trắng, xung quanh là bọn trẻ và các bộ trưởng, những vận động viên thể thao và thị trưởng, lãnh đạo của ngành dược phẩm, giáo dục và sản xuất thực phẩm, cùng với một nhóm đại diện truyền thông, để tự hào công bố chương trình mới mà chúng tôi quyết định đặt tên Let's Move!. Chương trình này xoay quanh duy nhất một mục tiêu: chấm dứt thảm họa béo phì ở trẻ em trong vòng một thế hệ.

Điều quan trọng với bản thân tôi chính là chúng tôi không chỉ công bố một loạt hứa hẹn viễn vông. Nỗ lực là có thật, và nó đang diễn ra. Hôm đó, không chỉ Barack ký biên bản ghi nhớ để thành lập một đội đặc nhiệm liên bang đầu tiên trên mặt trận chống lại tình trạng béo phì ở trẻ em, mà sau đó còn có ba tập đoàn cung ứng thực phẩm lớn đã tuyên bố sẽ cắt giảm lượng muối, đường và chất béo trong món ăn họ đang phục vụ cho học sinh. Hiệp hội Thức uống Hoa Kỳ đã hứa sẽ cải thiện vấn đề minh bạch đối với việc ghi thành phần nguyên liệu trên bao bì sản phẩm. Chúng tôi cũng liên kết với Viện Hàn lâm Nhi khoa Hoa Kỳ để khuyến khích bác sĩ sử dụng chỉ số BMI làm tiêu chuẩn chăm sóc dành cho trẻ em. Chúng tôi đã thuyết phục Disney, NBC và Warner Bros. phát sóng các thông báo chung và đầu tư vào một chương trình đặc biệt khuyến khích trẻ em đưa ra những lựa chọn lành mạnh trong lối sống. Các lãnh đạo từ mười hai giải đấu chuyên nghiệp đã đồng ý ủng hộ chiến dịch 60 Phút Vận Động Mỗi Ngày để giúp trẻ vận động nhiều hơn.

Và đó chỉ mới là khởi đầu. Chúng tôi có kế hoạch hỗ trợ những cơ sở cung cấp rau tiến vào các khu vực thành thị và nông thôn, những nơi bị gọi là “sa mạc thức ăn”, giúp đẩy mạnh hơn nữa việc thể hiện thông tin dinh dưỡng

chính xác trên bao bì thực phẩm, và thiết kế lại mô hình tháp thức ăn đã lạc hậu để cho dễ hiểu hơn và phù hợp hơn với những nghiên cứu hiện tại về dinh dưỡng. Song song đó, chúng tôi cũng buộc cộng đồng doanh nghiệp có trách nhiệm với những quyết định liên quan đến sức khỏe trẻ em mà họ đưa ra.

Tôi biết tất cả những điều này đòi hỏi tính cam kết và sự tổ chức, nhưng đó chính xác là kiểu công việc mà tôi thích. Chúng tôi đang giải quyết một vấn đề khổng lồ, nhưng giờ đây tôi đã có được lợi thế từ một bộ phận cũng khổng lồ không kém. Tôi bắt đầu nhận ra tất cả những gì mà tôi cảm thấy lạ kỳ về cuộc sống mới của mình - sự nổi tiếng kỳ lạ, những ánh mắt luôn dõi theo hình ảnh cá nhân của tôi, sự mù mờ trong mô tả công việc của tôi - có thể được dùng để phục vụ cho những mục đích chân chính. Tôi cảm thấy tràn trề năng lượng. Cuối cùng, đây chính là cách thể hiện con người trọn vẹn của tôi.

TÔI LẠI TIẾP TỤC CẢM THẤY như thể chúng tôi đang rơi trong tư thế ngã ngửa và phó mặc tính mạng của mình cho số phận. Tôi tin vào bộ máy được thiết lập để hỗ trợ chúng tôi trong Nhà Trắng, nhưng vẫn cảm thấy mình thật yếu ớt khi mọi thứ, từ sự an nguy của con gái chúng tôi đến mọi nhất cử nhất động của mình, đều nằm trọn trong tay người khác - nhiều người trong số họ còn kém tôi ít nhất hai mươi tuổi. Lớn lên tại Đại lộ Euclid, tôi đã được dạy rằng khả năng tự lo liệu là trên hết. Tôi đã được nuôi dạy rằng phải tự lo chuyện của mình, nhưng giờ đây điều này dường như không thể. Mọi chuyện của tôi đều được người khác lo liệu. Trước khi tôi đi đâu đó, nhân viên sẽ đi qua những lối mà tôi sẽ đi để đến nơi cần đến, tính thời gian dừng chân đến từng phút, lên kế hoạch dừng chân để đi vệ sinh từ trước. Các mật vụ dẫn con chúng tôi đến các buổi vui chơi. Người giúp việc thu dọn quần áo bẩn. Tôi không còn phải lái xe hay mang theo những thứ như tiền bạc hay chìa khóa nhà. Các trợ lý nghe điện thoại, tham gia các cuộc họp và soạn thảo nháp những nội dung cần trình bày thay tôi.

Dẫu những chuyện này thật tuyệt vời và hữu ích, giúp tôi rảnh tay để tập trung vào những điều mà tôi cảm thấy quan trọng hơn, nhưng lắm lúc tôi - một con người để ý các tiểu tiết - cảm thấy như mình mất hết quyền kiểm soát những chi tiết.

Cũng có quá nhiều điều không thể nào trù tính trước, sóng gió cứ ập vào cuộc sống thường nhật của chúng tôi. Khi kết hôn với tổng thống, tôi nhanh chóng hiểu ra thế gian này đầy những rối ren, thảm họa sẽ xảy ra mà không hề báo trước. Những thế lực dù đã hiện rõ hay còn lẩn khuất luôn sẵn sàng xé toạc bất cứ cảm giác thanh bình nào mà tôi cảm nhận được. Có những tin tức không thể nào phớt lờ: một cuộc động đất tàn phá Haiti. Một miếng gioăng nổ tung một ngàn năm trăm mét bên dưới một mỏ dầu ngoài khơi Louisiana, làm đổ hàng triệu thùng dầu thô xuống vịnh Mexico. Cách mạng khuấy đảo Ai Cập. Một tay súng xả súng trong bãi giữ xe của một siêu thị tại Arizona, khiến sáu người thiệt mạng và làm bị thương một nữ nghị sĩ Mỹ.

Mọi chuyện đều quan trọng và có ảnh hưởng. Mỗi buổi sáng tôi đọc một loạt những tóm tắt tin tức do nhân viên gửi đến và biết Barack buộc phải tiếp thu và phản hồi từng diễn tiến mới. Anh ấy sẽ bị khiển trách vì những chuyện anh ấy không thể nào kiểm soát, bị hối thúc phải giải quyết những vấn đề đáng sợ ở các quốc gia xa xôi và được kỳ vọng sẽ lấp một cái lỗ ở đáy đại dương. Công việc của anh dường như là tiếp nhận sự hỗn loạn và bằng cách nào đó chuyển hóa nó thành ra phong thái lãnh đạo điềm tĩnh - mỗi ngày trong tuần, mỗi tuần trong năm.

Tôi cố hết sức để không cho những bất định của thế giới ảnh hưởng tới công việc hàng ngày của mình trong vai trò Đệ nhất Phu nhân, nhưng đôi khi chuyện đó là không thể. Cách Barack và tôi xử sự trước sự bất ổn thật sự quan trọng. Chúng tôi hiểu rằng hai chúng tôi đại diện cho một đất nước và có bổn phận phải chủ động và xuất hiện mỗi khi xảy ra thảm họa, tình huống khó khăn hoặc sự lộn xộn nào đó. Một phần vai trò của mình, theo chúng tôi hiểu, là trở thành hình mẫu cho lý trí, sự cảm thông và sự nhất quán bền bỉ. Sau khi sự cố tràn dầu của BP - sự cố tệ hại nhất lịch sử nước Mỹ - đã được xử lý, nhiều người Mỹ vẫn còn xôn xao, họ không tin là Vịnh Mexico đã an toàn trở lại để họ có thể đến đó nghỉ ngơi, điều này khiến nền kinh tế địa phương bị tổn thất. Do đó, gia đình chúng tôi đến Florida, và trong chuyến đi đó, Barack đã dắt Sasha tắm biển, gửi cho giới truyền thông một tấm ảnh cho thấy cả hai đều đang vui vẻ nô đùa với con sóng. Đó là một hành động nhỏ mang thông điệp to lớn hơn: nếu anh ấy tin biển là an toàn thì bạn cũng có thể tin.

Khi cả hai hoặc một trong hai chúng tôi đi đến đâu đó sau khi có thảm kịch xảy ra, thường chúng tôi muốn nhắc nhở người Mỹ đừng thờ ơ với đau thương của người khác. Nếu có thể, tôi luôn tìm cách tuyên dương nỗ lực của các nhân viên cứu hộ, các nhà giáo dục hay các tình nguyện viên - bất cứ ai nỗ lực hỗ trợ trong tình huống khó

khăn. Đến Haiti cùng Jill Biden ba tháng sau trận động đất năm 2010, nhìn thấy những đồng đồ nát ở nơi trước kia từng là các khu nhà, thấy cảnh tượng hàng vạn người - những người mẹ, người ông, những đứa trẻ - bị chôn sống, tôi thấy tim mình thất lại. Chúng tôi đến thăm một đoàn xe buýt đã được cải tạo mà trong đó nghệ sĩ địa phương đang tiến hành trị liệu nghệ thuật cho trẻ em bị mất người thân, đó là những đứa trẻ đầu phải chịu cảnh mất mát nhưng nhờ có những người lớn xung quanh nên vẫn có thể nuôi dưỡng niềm hy vọng cho bản thân.

Đau thương và kiên cường cùng song song tồn tại. Tôi học ra điều này không chỉ một mà rất nhiều lần trong vai trò Đệ nhất Phu nhân.

Mỗi khi có thể, tôi sẽ đến thăm các viện quân y nơi các quân nhân Mỹ đang phục hồi sau những chấn thương do chiến tranh gây ra. Lần đầu tiên tôi đến Quân y viện Walter Reed, tọa lạc ngay bên ngoài Washington ở Bethesda, Maryland, tôi có kế hoạch sẽ chỉ ở đó chừng chín mươi phút, nhưng rồi cuộc tôi đã ở lại suốt bốn giờ đồng hồ.

Walter Reed thường là điểm dừng thứ hai hoặc thứ ba dành cho binh sĩ bị thương phải rời khỏi Iraq và Afghanistan. Nhiều binh sĩ được chọn chữa trị tại chỗ theo thứ tự nguy cấp trong vùng chiến sự, sau đó được chuyển đến một cơ sở quân y ở Landstuhl, Đức, trước khi bay về Mỹ. Một số binh sĩ chỉ ở vài ngày tại Walter Reed. Số khác ở suốt nhiều tháng. Bệnh viện có những bác sĩ phẫu thuật quân y hàng đầu và sử dụng những thiết bị phục hồi chức năng hàng đầu, được trang bị để có thể xử lý những vết thương tồi tệ nhất từ chiến trường. Nhờ có những cải tiến trong ngành chế tạo vỏ thép bảo vệ của các loại xe quân sự, quân lính Mỹ giờ đây có thể sống sót trong những vụ nổ bom mà trước kia có thể giết chết họ. Đó là tin tốt. Tin xấu là gần một thập kỷ tham gia vào hai cuộc xung đột vũ trang mà đặc trưng là những trận đột kích và thiết bị nổ giấu kín, có rất nhiều binh sĩ bị thương và tử vong vì những vụ nổ bom như vậy.

Dẫu có cố gắng chuẩn bị để đối mặt với bất kỳ chuyện gì trong đời, thì cũng chẳng gì có thể chuẩn bị cho những trải nghiệm mà tôi có tại các viện quân y và Fisher House - nơi cư trú, mà các gia đình quân nhân có thể ở lại miễn phí để săn sóc một người thân đã bị thương, được thành lập bởi một tổ chức thiện nguyện cùng tên. Như từng đề cập trước đó, tôi lớn lên với rất ít kiến thức về quân đội. Cha tôi từng có hai năm phục vụ trong quân ngũ, nhưng đó là rất lâu trước khi tôi sinh ra. Đến khi Barack bắt đầu chiến dịch tranh cử, tôi vẫn chưa từng tiếp xúc với sự trật tự mà hối hả của một căn cứ quân sự hay những căn nhà tập thể khiêm tốn làm mái ấm cho các quân nhân và gia đình của họ. Chiến tranh với tôi luôn khủng khiếp nhưng cũng từng rất khó hình dung, đó là những quang cảnh mà tôi không thể tưởng tượng ra và những con người tôi không quen biết. Giờ đây tôi đã không còn có thể nhìn nhận về chiến tranh như vậy nữa.

Khi đến bệnh viện, tôi thường gặp một y tá phụ trách, sau đó tôi được đưa bộ đồng phục y tế và được hướng dẫn cách tẩy trùng tay mỗi khi bước vào một căn phòng. Trước khi mở cửa, tôi sẽ nhận một tóm tắt ngắn gọn về thân thể của quân nhân và tình trạng của họ. Chính mỗi bệnh nhân cũng được hỏi trước xem họ có muốn tôi đến thăm hay không. Một vài người từ chối, có lẽ vì họ không thấy đủ khỏe mạnh hay có lẽ vì lý do chính trị. Dù gì đi nữa, tôi cũng hiểu cho họ. Tôi không muốn trở thành gánh nặng cho ai đó.

Các lần thăm bệnh của tôi ngắn hay dài tùy theo mong muốn của binh sĩ. Mỗi cuộc đối thoại đều riêng tư, không có báo chí hay nhân viên nào khác quan sát chúng tôi. Tâm trạng đôi khi cũng u ám, cũng có lúc vui vẻ nhẹ nhàng. Chúng tôi sẽ nói về thể thao, về quê nhà, hay về con cái - lấy cảm hứng từ những biểu ngữ hoặc hình ảnh được dán trên tường phòng bệnh. Hoặc là chúng tôi sẽ nói về Afghanistan và những gì đã xảy ra với họ ở đó. Đôi khi chúng tôi trao đổi về những gì họ cần và cả những gì họ không cần, mà theo lời của họ thì thứ họ không cần chính là lòng thương hại.

Một lần nọ, tôi thấy trên cửa có dán một tấm bìa cứng màu đỏ với thông điệp được viết bằng bút lông đen như sau:

LƯU Ý CHO NHỮNG AI BƯỚC VÀO ĐÂY:

Nếu các bạn vào căn phòng này và cảm thấy đau buồn hay tiếc thương cho những vết thương của tôi, hãy đi chỗ khác. Tôi bị thương trong lúc thực hiện công việc mà tôi yêu, tôi thực hiện công việc ấy vì những người tôi yêu thương, để góp phần bảo vệ sự tự do của đất nước mà tôi hết lòng yêu quý. Tôi cực kỳ mạnh mẽ và sẽ hồi phục hoàn toàn.

Đây chính là sự kiên cường. Đây là sự phản ánh của tinh thần tự lập và niềm kiêu hãnh mà tôi đã thấy ở mọi nơi trong quân đội. Một ngày nọ tôi trò chuyện với một người lính đã ra mặt trận khi còn trẻ trung và lành lặn, để lại một người vợ đang mang thai ở nhà, và quay trở về trong tình trạng liệt cả tay chân. Khi hai chúng tôi trò chuyện, đứa con của anh đang được cuộn trong một chiếc mền đặt trên ngực anh, đó là một đứa trẻ sơ sinh với khuôn mặt hồng hào. Tôi đã gặp một binh sĩ khác đã bị phẫu thuật cắt bỏ một chân, và anh đã hỏi tôi rất nhiều câu hỏi liên quan tới mặt vụ. Anh vui vẻ giải thích rằng anh từng hy vọng sẽ trở thành mặt vụ sau khi rời khỏi quân đội, nhưng vết thương hiện tại buộc anh phải nghĩ đến một kế hoạch mới cho mình.

Sau đó là người nhà của những binh sĩ này. Tôi tự giới thiệu bản thân với những người vợ và chồng, người mẹ và cha, anh chị em họ và những người bạn của họ mà tôi gặp bên giường bệnh, đó là những người đã hoãn hết mọi sự để có thể đến bên cạnh người thân của mình. Đôi khi họ là những người duy nhất tôi có thể trò chuyện cùng, vì người thân yêu của họ đang nằm cạnh và bất động, đang ngủ hoặc được gây mê sâu. Những thành viên gia đình ấy mang gánh nặng của riêng mình. Một số người xuất thân từ các gia đình có nhiều thế hệ nối tiếp phục vụ trong quân ngũ, còn số khác là bạn gái của những người lính từ khi cả hai còn ở tuổi vị thành niên, rồi trở thành cô dâu ngay trước một đợt điều động - tương lai của họ giờ đây đã đột ngột chuyển hướng, phức tạp hơn. Tôi không nhớ được mình đã khóc cùng bao nhiêu bà mẹ, nỗi đau đớn rõ mồn một đến nỗi những gì chúng tôi có thể làm là đan tay vào nhau và lặng thầm nguyện cầu trong nước mắt.

Những điều tôi thấy được trong cuộc sống của những người lính khiến tôi thấy mình nhỏ bé. Từ trước đến nay, tôi chưa bao giờ tìm được ở nơi nào khác sự kiên cường và trung thành mà tôi đã thấy ở những căn phòng đó.

Một ngày nọ ở San Antonio, Texas, tôi để ý thấy một vụ lộn xộn nhỏ ở hành lang viện quân y nơi tôi đến thăm. Các hộ lý vội vàng ra ra vào vào căn phòng mà tôi sắp ghé thăm. “Anh ấy không chịu ở trên giường”, tôi nghe ai đó xì xầm. Bên trong, tôi thấy một Vệ binh quốc gia có nhiều vết thương và cơ thể bị phồng nặng. Đó là một chàng trai trẻ cao to từ vùng nông thôn Texas và rõ ràng đang rất đau đớn, cậu đang giật mạnh ga giường và cố tìm cách trườn chân xuống sàn.

Phải một lát sau chúng tôi mới hiểu cậu ấy đang cố gắng làm gì. Bất chấp cơn đau đớn, cậu đang cố đứng dậy để chào phu nhân tổng tư lệnh của mình.

ĐẦU ĐÓ ĐẦU NĂM 2011, Barack nhắc đến cái tên Osama bin Laden. Chúng tôi chỉ vừa kết thúc bữa tối và Sasha và Malia phải lên phòng làm bài tập, nên chỉ còn lại hai chúng tôi trong phòng ăn của Nhà Trắng.

“Bọn anh nghĩ mình biết hắn ta ở đâu”, Barack nói. “Chúng ta có thể đến đó và tìm cách bắt hắn ra ngoài, nhưng nói chung không có gì chắc chắn.”

Bin Laden là kẻ bị truy lùng nhiều nhất trên toàn thế giới và đã lẩn trốn suốt nhiều năm qua. Bắt sống hoặc tiêu diệt bin Laden vẫn luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Barack khi tại nhiệm. Tôi biết điều này sẽ có một ý nghĩa nhất định với đất nước, với hàng ngàn binh lính đã mất nhiều năm để bảo vệ chúng ta trước al-Qaeda và đặc biệt với những ai đã mất đi người họ yêu thương vào ngày 11 tháng Chín.

Nghe giọng Barack có vẻ nghiêm trọng, tôi biết còn có rất nhiều điều cần phải giải quyết. Các biến số đang đè nặng trên vai anh, dù tôi biết tốt hơn không nên hỏi quá nhiều câu hỏi hay buộc anh phải kể ra bằng hết những chi tiết cụ thể. Anh và tôi là những người sẽ lắng nghe và góp ý cho nhau trong công việc, và vẫn luôn như thế. Nhưng tôi cũng biết rằng giờ đây anh ấy đang dành thời gian bên các cố vấn chuyên gia. Anh ấy có quyền tiếp cận đủ loại thông tin tuyệt mật, và theo những gì tôi được biết, đặc biệt là trong những vấn đề về quốc phòng, anh ấy không cần ý kiến của tôi. Nhìn chung, tôi hy vọng rằng thời gian dành cho tôi và hai đứa nhỏ sẽ luôn là thời gian anh ấy được nghỉ ngơi, dẫu cho công việc luôn quanh quẩn bên mình. Rốt cuộc thì chúng tôi đúng là đang sống với đủ loại vấn đề.

Barack, người từ lâu luôn giỏi phân định cuộc sống gia đình và công việc, đã tìm ra cách để có thể toàn tâm toàn ý mỗi khi ở bên chúng tôi. Đây là một điều mà chúng tôi đã học cùng nhau từ khi công việc của chúng tôi trở nên ngày càng bận rộn và dày đặc. Chúng tôi cần vạch ra giới hạn và bảo vệ các ranh giới. Bin Laden không được xen vào bữa tối của chúng tôi, khủng hoảng nhân đạo ở Libya hay đảng viên Đảng Cộng hòa của phong trào Tea Party cũng không nổi. Chúng tôi có con, và con chúng tôi cần không gian để trò chuyện và trưởng thành. Thời gian dành cho gia đình là lúc những mối quan ngại to lớn và khẩn cấp bị thu nhỏ một cách đột ngột và không thương tiếc để những chuyện nhỏ nhỏ có thể được ưu tiên. Barack và tôi thường ngồi dùng bữa, nghe kể về những chuyện xảy ra trên sân chơi trường Sidwell hay lắng nghe Malia kể chi tiết bài nghiên cứu về động vật sắp bị tuyệt chủng của con bé và cảm thấy như thể đó là những thứ quan trọng nhất trên đời. Vì thật là như vậy. Chúng xứng đáng như thế.

Dẫu thế, kể cả khi chúng tôi đang ăn, công việc vẫn chất chồng. Tôi có thể nhìn hành lang ngoài phòng ăn ngay sau lưng Barack, nơi các trợ lý giao những quyển sổ tóm tắt hàng đêm lên một chiếc bàn nhỏ, thường là trong lúc chúng tôi đang dùng bữa. Đây chính là một phần của nghi thức Nhà Trắng: hai tập bia được giao đến vào mỗi tối, một cho tôi và một dày hơn, bọc da, dành cho Barack. Mỗi tập chứa giấy tờ dành cho văn phòng của mỗi chúng tôi, những thứ cần phải đọc trong đêm.

Sau khi đưa bọn trẻ đi ngủ, Barack thường sẽ mang tập hồ sơ của anh vào Phòng Hiệp Ước, còn tôi mang tập hồ sơ của mình vào bàn làm việc trong phòng thay quần áo, nơi tôi dành khoảng một hoặc hai giờ mỗi đêm hoặc vào lúc sáng sớm để đọc nội dung bên trong - thường là những bản ghi nhớ của nhân viên, bản thảo cho các bài diễn văn sắp tới và những quyết định phải đưa ra liên quan đến các chương trình hành động của tôi.

Một năm sau khi Let's Move! ra đời, chúng tôi bắt đầu nhìn thấy kết quả. Chúng tôi đã liên kết với nhiều nguồn quỹ và nhà cung ứng thực phẩm khác nhau để họ lấp đặt sáu ngàn quầy rau quả tự chọn ở căng-tin trường học và tuyển dụng đầu bếp trong khu vực để giúp các trường phục vụ thức ăn không chỉ có lợi cho sức khỏe mà còn ngon nữa. Walmart, khi ấy là nhà bán lẻ thực phẩm lớn nhất nước Mỹ, đã ủng hộ nỗ lực của chúng tôi bằng cách chấp nhận cắt giảm lượng đường, muối và mỡ trong sản phẩm thực phẩm của mình và giảm giá thành nông sản. Và chúng tôi cũng kêu gọi các thị trường từ năm trăm thành phố và thị trấn khắp nước Mỹ cam kết xử lý vấn nạn béo phì ở trẻ em ở cấp địa phương.

Quan trọng nhất, trong suốt năm 2010, tôi đã nỗ lực thúc đẩy một dự luật dinh dưỡng trẻ em mới tới Quốc hội, giúp trẻ em dễ dàng tiếp cận hơn với nguồn thức ăn tốt cho sức khỏe, chất lượng cao ở trường công và gia tăng tỷ lệ bồi hoàn cho các bữa ăn được liên bang trợ giá lần đầu tiên trong ba mươi năm. Mặc dù nhìn chung thì tôi vui khi có thể tránh xa chính trị và việc hoạch định chính sách, nhưng đây là trận chiến quan trọng của tôi, thế nên tôi sẵn sàng vì nó mà lao vào chính trường. Tôi đã dành hàng giờ liền để gọi điện cho các thượng nghị sĩ và dân biểu, tìm cách thuyết phục họ tin rằng con em chúng ta xứng đáng hơn những gì chúng đang nhận được. Tôi không

ngừng nói về chuyện này với Barack, các cố vấn của anh, bất cứ ai chịu lắng nghe. Luật mới đã bổ sung thêm trái cây tươi và rau củ, ngũ cốc nguyên hạt và bơ sữa ít béo cho khoảng bốn mươi ba triệu suất ăn phục vụ hàng ngày. Luật này sẽ điều chỉnh lượng đồ ăn vặt được bán cho trẻ em từ các máy bán hàng tự động trong khuôn viên trường và đồng thời cũng trao quỹ cho trường học để xây dựng vườn cây và sử dụng nông sản trồng tại địa phương. Với tôi, đó là một điều hết sức tốt đẹp - một cách giải quyết hiệu quả và bài bản cho chứng béo phì ở trẻ em.

Barack cùng các cố vấn cũng thúc đẩy dự luật này. Sau khi Đảng Cộng hòa giành quyền kiểm soát Hạ viện ở kỳ bầu cử giữa nhiệm kỳ, anh đã biến nỗ lực đó trở thành một ưu tiên khi tiếp xúc với giới làm luật vì biết mình không có khả năng tạo ra thay đổi chóng vánh trong quá trình lập pháp. Đầu tháng Mười Hai, trước khi Quốc hội khóa mới họp, dự luật đã vượt qua được những rào cản cuối cùng, và mười một ngày sau, tôi tự hào đứng cạnh Barack khi anh ký tên ban hành dự luật này thành bộ luật chính thức, trước sự chứng kiến của các em học sinh tại một trường tiểu học trong vùng.

Anh đùa với phóng viên, “Nếu không thể làm cho dự luật này được thông qua thì tôi phải ngủ trên ghế sofa”.

Cũng như với khu vườn, tôi đang tìm cách gieo trồng một thứ khác - một mạng lưới những người ủng hộ, những tiếng nói đồng thanh bảo vệ trẻ em và sức khỏe của các em. Tôi thấy là công việc của mình đang góp phần tạo ra thành công của Barack trong việc cho ra đời đạo luật “Chăm sóc sức khỏe hợp túi tiền 2010”, bảo đảm mọi người dân Mỹ đều có thể tiếp cận bảo hiểm y tế. Và giờ đây tôi đang tập trung vào một nỗ lực khác có tên gọi Joining Forces (tạm dịch: Hiệp Lực) - một hoạt động hợp tác với Jill Biden, người có con trai vừa an toàn trở về sau khi đóng quân ở Iraq. Nỗ lực này cũng góp phần hỗ trợ cho nghĩa vụ của Barack trong vai trò tổng tư lệnh.

Jill và tôi đã cùng một nhóm nhân viên xác định những cách thức cụ thể để hỗ trợ cộng đồng quân nhân và nâng cao nhận thức về cộng đồng này, vì chúng tôi biết mình mang nợ những quân nhân và gia đình của họ rất nhiều. Hồi đầu năm Barack đã phát động một cuộc khảo sát toàn diện trong chính quyền, yêu cầu từng cơ quan phải tìm ra những cách mới để giúp đỡ các gia đình có người tham gia quân đội. Trong lúc đó, tôi tìm đến những CEO quyền lực nhất nước Mỹ, đề nghị họ cam kết tuyển dụng một lượng lớn cựu binh và vợ hoặc chồng của những người này. Jill vận động các trường cao đẳng và đại học để tập huấn cho đội ngũ giảng dạy thấu hiểu hơn nhu cầu của con em gia đình quân nhân. Chúng tôi cũng muốn đấu tranh chống lại sự kỳ thị xoay quanh các vấn đề về sức khỏe tâm thần đã đeo bám một số quân nhân xuất ngũ, và lên kế hoạch vận động các nhà văn và nhà sản xuất ở Hollywood đưa những câu chuyện người thật việc thật của quân đội vào tác phẩm điện ảnh và chương trình truyền hình của họ. Và đây mới chỉ là bắt đầu.

Những vấn đề tôi đang theo đuổi không hề đơn giản, nhưng tôi vẫn có thể phần nào kiểm soát được chúng, chứ không như những vấn đề khiến Barack phải nán lại bàn làm việc mỗi đêm. Theo những gì tôi đã biết từ khi mới gặp anh, ban đêm là khi tâm trí của Barack có thể tự do suy nghĩ mà không bị xao nhãng. Chính trong những lúc yên tĩnh ấy mà anh ấy có thể tìm ra một góc nhìn hay hấp thu những thông tin mới, bổ sung những điểm dữ liệu vào cái bản đồ tâm trí khổng lồ anh mang theo. Các nhân viên văn thư đến Phòng Hiệp Ước vài lần buổi tối để đưa thêm các tập hồ sơ, trong đó có chứa thêm các giấy tờ, do nhân viên làm việc muộn ở văn phòng bên dưới nhà vừa mang lên. Nếu Barack thấy đói, một nhân viên phục vụ sẽ mang cho anh một đĩa hạt các loại để lót dạ. Anh ấy không còn hút thuốc, dù vậy anh vẫn thường nhai kẹo cao su vị nicotine. Hầu hết các đêm trong tuần, anh thức làm việc tới một hoặc hai giờ sáng, đọc biên bản ghi nhớ, viết lại các bài diễn văn, và trả lời email giữa tiếng kênh truyền hình ESPN đang mở khê. Anh luôn dành thời gian để sang hôn chúc tôi và bọn trẻ ngủ ngon.

Giờ thì tôi đã quen với điều đó - sự tận tụy của anh dành cho công việc lãnh đạo đất nước, một công việc không bao giờ có hồi kết. Trong nhiều năm, bọn trẻ và tôi đã san sẻ Barack với những cử tri của anh ấy, và giờ đây

số lượng cử tri là hơn ba trăm triệu. Để lại anh ấy một mình trong Phòng Hiệp Ước, đôi khi tôi tự hỏi không biết những cử tri đó có biết là họ may mắn thế nào hay không.

Phần cuối cùng trong công việc của anh, thường là sau nửa đêm, là đọc thư của người dân Mỹ. Từ khi nhiệm kỳ tổng thống bắt đầu, Barack đã yêu cầu nhân viên mỗi ngày tìm ra mười lá thư hay tin nhắn trong khoảng mười lăm ngàn thư và email từ cử tri gửi đến hàng ngày và cho chúng vào quyển sổ tổng hợp của anh. Anh ấy đọc từng dòng một cách cẩn thận, viết lời hồi âm ở mép thư để nhân viên có thể soạn thảo câu trả lời hoặc chuyển lời đến một bộ trưởng. Anh ấy đọc thư của quân nhân, tù nhân, những bệnh nhân ung thư đang chật vật tìm cách thanh toán tiền chăm sóc sức khỏe và của những con người đã mất nhà cửa vì bị tịch biên. Anh đọc thư của những người đồng tính hy vọng sẽ có thể kết hôn hợp pháp, của đảng viên Đảng Cộng hòa cảm thấy là anh đang hủy hoại đất nước này, của những bà mẹ, người ông và trẻ con. Anh ấy đọc thư của những người biết trân trọng những gì anh đã làm và của những kẻ chỉ muốn anh biết anh là một kẻ ngốc.

Anh ấy đọc hết tất cả, xem đó là một phần của trách nhiệm đi cùng với lời tuyên thệ khi nhậm chức. Anh ấy có một công việc cực nhọc và cô đơn - cực nhọc và cô đơn nhất thế gian, thường thì tôi cảm thấy thế - nhưng anh biết anh có bốn phận phải luôn mở lòng, để không gạt bỏ bất kỳ điều gì. Khi tất cả chúng ta say ngủ, anh dỡ bỏ mọi rào chắn và để mọi thứ ulla vào.

CÁC TỐI THỨ HAI và thứ Tư, Sasha, lúc này đã lên mười, có lớp tập bơi với đội tuyển ở Trung tâm Thể dục thể thao Đại học Mỹ cách Nhà Trắng vài cây số. Tôi thi thoảng cũng đến xem con bé tập, cố gắng lên vào căn phòng nhỏ cạnh hồ bơi, nơi cha mẹ có thể ngồi quan sát việc tập luyện qua một ô cửa sổ.

Xoay trở trong một trung tâm thể dục thể thao bận rộn vào giờ cao điểm rõ là cả một thử thách cho các mật vụ trong đội an ninh của tôi, nhưng họ đã xử lý tài tình. Phần mình, tôi đã trở thành một chuyên gia ở khoản đi nhanh và hạ thấp tầm nhìn mỗi khi băng qua các không gian công cộng, để giúp mọi chuyện luôn nhanh gọn. Tôi đã băng qua những sinh viên đại học đang bận rộn với các bài nâng tạ và các lớp dạy Zumba đông đúc. Đôi khi chẳng khiến ai chú ý cả. Khi khác, tôi cảm thấy sự xáo động mà thậm chí không cần phải nhìn lên, bởi nghe người ta đang thì thầm hay thì thoảng còn hét lên, “Kia, Michelle Obama đó!”. Nhưng mọi chuyện chỉ có vậy và thường diễn ra rất nhanh. Tôi cũng giống bóng ma, xuất hiện ở đó rồi biến mất trước khi người khác kịp nhận ra.

Vào những đêm có lịch tập luyện, những hàng ghế bên hồ bơi thường vắng người, trừ một nhóm các bậc phụ huynh khác đang tán gẫu hay lướt màn hình iPhone trong lúc chờ bọn trẻ tập xong. Tôi sẽ tìm một góc yên lặng, ngồi xuống và tập trung vào chuyện bơi lội của con bé.

Tôi thích những lần có thể nhìn thấy con gái tôi trong thế giới thật của chúng - không còn Nhà Trắng, không còn cha mẹ bên cạnh, giữa không gian và các mối quan hệ mà chúng tự tạo dựng cho mình. Sasha bơi giỏi, rất thích môn bơi lội và dự định sẽ thuần thục cả bơi bướm. Con bé đội chiếc mũ trùm đầu màu xanh hải quân và bộ đồ bơi một mảnh, đều đặn đạp chân, chỉ dừng lại đôi lần để lắng nghe huấn luyện viên chỉ bảo, hay trò chuyện tíu tít với các đồng đội trong những giờ nghỉ theo quy định.

Với tôi, không có gì hạnh phúc bằng trở thành người bên lề quan sát những thời khắc ấy, chỉ ngồi yên mà chẳng ai xung quanh màng tới để chứng kiến sự nhiệm màu của một bé gái - con gái của chúng tôi - đang trở nên độc lập và khỏe mạnh. Chúng tôi đã đẩy con cái mình vào đủ sự lạ lùng và áp lực nặng nề của đời sống tại Nhà Trắng mà không biết chúng sẽ bị ảnh hưởng ra sao hay nhận được gì từ cuộc sống ấy. Tôi cố gắng khiến những tiếp xúc của chúng với thế giới bên ngoài càng tích cực càng tốt vì nhận ra rằng Barack và tôi đang có cơ hội có một không hai để cho chúng chứng kiến cận cảnh lịch sử. Khi Barack có những chuyến công du nước ngoài trùng với kỳ nghỉ của trường, cả nhà sẽ đi cùng nhau vì chúng tôi biết các con sẽ học được nhiều điều từ những chuyến đi

đó. Mùa hè năm 2009, chúng tôi đưa hai đứa theo trong một chuyến viếng thăm Điện Kremlin ở Moscow và Vatican ở Rome. Trong vòng bảy ngày, chúng đã được gặp Tổng thống Nga, tham quan đền Pantheon và đấu trường La Mã, và đi qua “Cánh cửa vĩnh biệt” ở Ghana, điểm khởi hành của vô số người châu Phi đã bị bán làm nô lệ.

Rõ ràng có rất nhiều điều mới mẻ để cả hai tiếp thu, nhưng tôi cũng hiểu là từng đứa trẻ sẽ học hỏi những gì có thể qua lăng kính của chính mình. Sasha về nhà sau các chuyến du lịch mùa hè và bắt đầu vào lớp ba. Mùa thu năm đó, khi đi quanh lớp học của con bé vào đêm dành cho phụ huynh học sinh ở Sidwell, tôi bắt gặp một bài luận ngắn “Mùa hè vừa qua em đã làm gì?” do con bé viết, treo cùng với những bài luận khác của các bạn cùng lớp trên tường. “Tôi đã đến Rome và gặp Đức Giáo hoàng”, Sasha viết. “Ngài ấy bị khuyết một phần ngón cái.”

Tôi không thể kể cho bạn nghe ngón cái của Giáo hoàng Benedict XVI ra sao, có hay không khuyết đi một phần nào. Nhưng chúng tôi đã mang một đứa bé tám tuổi thực tế và ưa quan sát đến Rome, đến Moscow và đến Accra, và đây là những gì nó mang về. Quan điểm về lịch sử của con bé, vào thời điểm ấy, chỉ “cao tới thắt lưng”.

Dẫu cố gắng tạo ra một vùng đệm giữa các con với những khía cạnh nguy hiểm hơn trong công việc của Barack, tôi biết rằng cả hai vẫn còn rất nhiều điều phải tìm hiểu. Chúng tồn tại cùng với những sự kiện trên thế giới theo cách mà ít đứa trẻ nào có được, sống cùng với thực tế rằng đôi khi tin tức đến từ ngay dưới mái nhà của chúng tôi, rằng cha của chúng đôi khi được mời tham dự những sự việc nguy khốn của quốc gia, và rằng mọi lúc và dù thế nào đi chăng nữa vẫn sẽ luôn có một bộ phận dân chúng thù ghét cha chúng ra mặt.

Trong suốt mùa đông năm 2011, chúng tôi nghe tin người dẫn chương trình truyền hình thực tế kiêm kinh doanh bất động sản New York, Donald Trump, đang bắt đầu gây tiếng vang bằng khả năng đại diện Đảng Cộng hòa ra ứng cử tổng thống khi Barack có kế hoạch tái cử vào năm 2012. Tuy nhiên, chủ yếu dường như ông ta chỉ đang tạo dư luận ồn ào, xuất hiện trên các sở truyền hình cáp để đưa ra những phê bình lâu bầu, kém chuyên nghiệp đối với các quyết định về chính sách ngoại giao của Barack và thẳng thừng đặt ra nghi vấn Barack có phải là công dân Mỹ hay không. Trong đợt tranh cử lần trước, những người nghi vấn về nơi sinh của Barack đã hòa nhau xây dựng một thuyết âm mưu cho rằng giấy khai sinh của Barack tại Hawaii là giả mạo và thực tế là anh ấy được sinh ra ở Kenya. Trump đang tích cực tìm cách khơi lại lập luận này, đưa ra những nhận xét ngày càng kỳ quặc trên truyền hình, khẳng định rằng các thông báo về ngày sinh của Barack trên báo Honolulu năm 1961 là giả và chẳng một người bạn cùng nhà trẻ nào nhớ đến anh. Trong khi đó, nhằm “câu view”, các nguồn tin - nhất là các nguồn tin theo tư tưởng bảo thủ - đã hào hứng châm dầu vào những tuyên bố hàm hồ vô căn cứ kia.

Dĩ nhiên toàn bộ chuyện ấy thật điên khùng và bản tính, sự cố chấp và tính bài ngoại thâm căn cố đế trong đó khó lòng che giấu được. Nhưng nó lại rất nguy hiểm, vì cố tình khuấy động những kẻ cực đoan cuồng tín và đầu óc có vấn đề. Thình thoảng tôi được mật vụ báo cáo ngắn gọn về những mối họa ngày càng lớn đang ập tới và cũng hiểu rằng có những người thật sự dễ bị kích động. Tôi cố gắng không lo lắng, nhưng đôi khi chuyện đó là không thể. Sẽ ra sao nếu một kẻ đầu óc bất ổn cầm súng và lái xe đến Washington? Sẽ ra sao nếu kẻ ấy săn tìm con chúng tôi? Donald Trump, với những lời bóng gió bất chấp và ồn ào của mình, đang đặt sự an toàn của gia đình tôi vào rủi ro. Và vì thế, tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho ông ta.

Tuy nhiên chúng tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc đẩy lùi nỗi sợ, tiếp tục tin tưởng vào cái hệ thống được thiết lập để bảo vệ chúng tôi và chỉ đơn giản là sống cuộc đời của mình. Những người tìm cách khẳng định chúng tôi là “người ngoài” đã làm điều đó từ nhiều năm qua. Chúng tôi làm hết những gì có thể để vượt lên trên những lời dối trá và xuyên tạc của họ, tin rằng cách sống của Barack và tôi sẽ cho mọi người thấy sự thật rằng chúng tôi là người như thế nào. Tôi đã sống cùng những bận tâm về sự an toàn của chúng tôi, thành thật và thiện ý

nhất, gần như từ cái ngày mà Barack quyết định tranh cử tổng thống. “Chúng tôi mong không ai sẽ làm tổn thương hai người”, người ta thường nắm chặt tay tôi và nói vậy tại các sự kiện tranh cử. Tôi nghe điều đó từ những con người thuộc mọi chủng tộc, gốc gác, tuổi tác - một sự nhắc nhở rằng sự tốt lành và hào phóng vẫn đang tồn tại trên đất nước chúng ta. “Chúng tôi cầu nguyện cho chị và gia đình hàng ngày.”

Tôi vẫn nhớ những lời họ nói. Tôi cảm nhận sự bảo trợ của hàng triệu con người tốt bụng cầu nguyện cho chúng tôi được an toàn. Barack và tôi cũng dựa vào đức tin cá nhân. Giờ đây chúng tôi hiếm khi đến nhà thờ, chủ yếu vì việc này đã trở thành một sự kiện thu hút công chúng, bao gồm cả việc phóng viên lớn tiếng đặt câu hỏi khi chúng tôi bước vào nơi tôn nghiêm đó. Kể từ khi sự sấm soi của công chúng dành cho mục sư Jeremiah Wright trở thành một vấn đề trong chiến dịch tranh cử tổng thống đầu tiên của Barack, kể từ khi các đối thủ đã sử dụng đức tin làm vũ khí - cho rằng Barack là một “người theo Hồi giáo giả dạng” - chúng tôi đã quyết định thực hành đức tin của mình trong riêng tư và tại gia, bao gồm nguyện cầu hàng đêm trước giờ ăn tối và tổ chức một vài buổi giáo lý Chủ nhật ngay tại Nhà Trắng cho con gái chúng tôi. Chúng tôi không tham gia một nhà thờ nào ở Washington, vì chúng tôi không muốn khiến bất kỳ giáo đoàn nào phải đón nhận những tấn công ác ý như từng xảy ra ở Nhà thờ Trinity, nhà thờ chúng tôi tham gia ở Chicago. Tuy nhiên, đó là cả một sự hy sinh. Tôi nhớ sự ấm áp của cộng đồng tín ngưỡng. Mỗi đêm, tôi thường nhìn sang và thấy Barack đang nằm, mắt khép, ở bên kia giường, lặng lẽ đọc lời cầu nguyện.

Nhiều tháng sau khi tin đồn về nhân thân của Barack trở nên ồn ào hơn, một tối thứ Sáu tháng Mười Một, một người đàn ông đỗ xe tại khu vực đã đóng cửa của Đại lộ Constitution và bắt đầu bắn súng trường bán tự động từ cửa sổ xe, nhắm thẳng vào các tầng cao của Nhà Trắng. Một viên đạn đã trúng cửa sổ Phòng Bầu dục Vàng, nơi đôi lúc tôi vẫn thích ngồi để dùng trà. Một viên khác dính vào một khung cửa sổ, và vài viên khác văng lên quá nóc nhà. Barack và tôi đêm đó đều đi vắng, Malia cũng thế. Sasha và mẹ tôi đều có ở nhà, nhưng hai người không hề hay biết và cũng không bị thương. Phải mất mấy tuần để thay lớp kính chống đạn cho cửa sổ Phòng Bầu dục Vàng, và trong suốt thời gian đó tôi vẫn hay nhìn vào chỗ tróc hình tròn nơi viên đạn đã để lại và nhớ đến việc chúng tôi có thể dễ dàng gặp nguy hiểm như thế nào.

Nhìn chung, tôi hiểu là sẽ tốt hơn cho tất cả chúng tôi khi không bận tâm đến sự ganh ghét của người khác hoặc mãi lo lắng về những rủi ro, kể cả khi người ta cứ muốn khơi gợi những điều đó. Malia cuối cùng đã tham gia đội quần vợt của trường trung học Sidwell, và đội của con bé sẽ tập luyện ở sân cỏ của trường tại Đại lộ Wisconsin. Con bé ở đó, vào một ngày mà một phụ nữ, mẹ của một học sinh khác, đến gần nó, chỉ ra con đường đông đúc cắt ngang sân và hỏi, “Cháu có sợ ngoài đó không?”.

Càng lớn, con gái tôi càng học được cách vận dụng tiếng nói của mình, tự có cách riêng để củng cố những ranh giới mà nó cần. “Nếu bác hỏi con có nghĩ về cái chết của mình hàng ngày hay không, thì câu trả lời là không”, con bé trả lời lễ phép hết mức có thể.

Vài năm sau đó, cũng người mẹ ấy sẽ xuất hiện trước mặt tôi tại một sự kiện dành cho cha mẹ tại trường và xin lỗi tôi một cách chân thành rằng khi ấy cô đã hiểu ngay sai lầm mình gây ra - đó là đặt sự lo lắng vào một đứa trẻ khi nó chẳng thể làm gì khác. Cô ấy đã nghĩ rất nhiều về chuyện đó, và đối với tôi thì hành động đó rất có ý nghĩa. Cô ấy đã nghe ra trong câu trả lời của Malia cả sự kiên cường lẫn yếu đuối, tiếng vọng của những gì chúng ta đang chung sống và những gì ta muốn giữ mình tránh xa. Cô cũng hiểu rằng điều duy nhất mà con gái của chúng tôi có thể thực hiện, vào hôm đó và mọi ngày từ đó trở về sau, là trở lại sân bóng và tiếp tục đánh một cú khác.

Dĩ nhiên, mọi thách thức đều là tương đối. Tôi biết hai cô con gái của mình đang lớn lên với nhiều ưu thế hơn hầu hết những gì mà các gia đình khác có được. Con gái chúng tôi có một ngôi nhà xinh đẹp, thức ăn dọn sẵn trên bàn, những người lớn tận tụy xung quanh, cùng với những lời động viên và nguồn lực dành cho vấn đề giáo dục. Tôi đặt tất cả mọi thứ mình có vào Malia và Sasha, vào sự phát triển của chúng, nhưng trong vai trò Đệ nhất Phu nhân, tôi cũng hiểu rõ về một bồn phận to lớn hơn. Tôi cảm thấy mình cần làm nhiều hơn cho trẻ em nói chung, và đặc biệt là các bé gái. Một phần của suy nghĩ này bắt nguồn từ những phản ứng mà người ta thường có về câu chuyện cuộc đời của tôi - họ ngạc nhiên khi một cô gái da đen thành thị có thể với tới những ngôi trường thuộc Ivy League, có được những công việc thuộc cấp quản lý và vào được Nhà Trắng. Tôi hiểu rằng con đường mình đã trải qua là khác thường, nhưng không có lý do gì để con đường đó là khác thường. Đã có quá nhiều lần trong đời tôi cảm thấy mình là người phụ nữ da màu duy nhất - thậm chí là người phụ nữ duy nhất - ngồi tại một bàn hội nghị, tham gia cuộc họp hội đồng quản trị hoặc hòa vào một sự kiện tiếp đón thượng khách. Nếu tôi là người đầu tiên tham gia các sự kiện như thế, tôi muốn bảo đảm rằng tôi không phải là người duy nhất - rằng sau tôi sẽ có những người khác như thế. Như mẹ tôi, người miễn nhiệm hoàn toàn với những lời cường điệu, vẫn nói mỗi khi ai đó cất tiếng khen ngợi tôi và anh Craig vì những thành tựu chúng tôi có được, “Chúng nó chẳng có gì đặc biệt. South Side có đầy những đứa trẻ như thế”. Chúng tôi chỉ cần giúp đưa những đứa trẻ đó vào những căn phòng kia.

Tôi đang nhận ra rằng những phần quan trọng trong câu chuyện đời tôi không nằm ở giá trị bề ngoài của các thành tích tôi đạt được, mà ở những gì đã giúp tạo nên chúng - cách tôi đã được tôi luyện theo thời gian, và những con người đã giúp vun đắp sự tự tin của tôi. Tôi nhớ tất cả những con người đó, tôi nhớ từng con người đã thúc đẩy tôi tiến lên phía trước, nỗ lực hết mình để giúp tôi chống lại sự xem thường và sỉ nhục mà tôi chắc chắn sẽ bắt gặp ở những chốn mình xuất hiện - những nơi không được xây dựng để dành cho người da đen hay phụ nữ.

Tôi nghĩ tới bà Robbie và những tiêu chuẩn khó nhằn của bà về cách chơi dương cầm, cách bà đã dạy tôi phải ngẩng đầu cao và đánh đàn với cả trái tim trên cây dương cầm sang trọng, dù lúc đó tôi chỉ mới biết qua một cây dương cầm đứng có phím hồng hộc. Tôi nghĩ tới cha tôi, người đã dạy tôi cách đón và ném bóng như đã dạy anh Craig. Còn có thầy Martinez và thầy Bennett, hai người thầy của tôi ở trường tiểu học Bryn Mawr, những con người chưa bao giờ từ chối lắng nghe ý kiến của tôi. Tôi cũng nhớ tới mẹ, chỗ dựa vững chãi của tôi, người mà sự can trọng của bà đã giúp tôi không héo úa trong lớp hai u ám năm đó. Ở Princeton, tôi có chị Czerny Brasuell, người đã động viên tôi và giúp tôi phát triển tâm trí theo những cách mới mẻ. Và khi là một nhân viên trẻ tuổi, bên cạnh rất nhiều người khác tôi còn có Susan Sher và Valerie Jarrett - những người sau này đã trở thành bạn tốt và vẫn tiếp tục là đồng nghiệp của tôi - họ đã chỉ cho tôi thấy thế nào là một phụ nữ vừa nuôi con vừa theo đuổi sự nghiệp và thường xuyên trao cho tôi cơ hội vì tin rằng tôi có tài năng nào đó.

Có những người hầu như chẳng hề biết về nhau và chẳng bao giờ có dịp để gặp mặt, nhiều trong số đó tôi đã không còn giữ liên lạc. Nhưng với tôi, họ đã tạo nên một tổ hợp đầy ý nghĩa. Họ là những người ủng hộ tôi, tin tưởng tôi, là dàn hợp xướng của riêng tôi và không ngừng hát bài ca động viên tôi.

Tôi chưa bao giờ quên điều đó. Kể cả khi là một luật sư trẻ, tôi đã cố tìm cách để đền đáp, khuyến khích sự ham học hỏi mỗi khi có cơ hội, tôi thu hút người trẻ vào những cuộc đối thoại quan trọng. Nếu một luật sư tập sự hỏi tôi về tương lai của em ấy, tôi sẽ mở cửa văn phòng và chia sẻ hành trình của mình hoặc trao cho em ấy một lời khuyên. Nếu ai đó muốn được giúp đỡ hay nhờ tôi kết nối, tôi sẽ làm mọi thứ có thể để hỗ trợ. Về sau, trong thời gian làm việc ở Public Allies, tôi đã thấy tận mắt lợi ích của quá trình cố vấn chuyên sâu. Từ kinh nghiệm bản thân, tôi biết tầm quan trọng của việc có ai đó thật sự quan tâm đến quá trình học tập và phát triển của bạn, dù họ

chỉ thể hiện điều đó qua việc dành cho bạn mười phút trong một ngày bận rộn. Điều này có ý nghĩa đặc biệt với phụ nữ, những người thuộc nhóm thiểu số và với bất cứ ai mà xã hội dễ dàng phớt lờ.

Với suy nghĩ đó, tôi đã bắt đầu một chương trình về lãnh đạo và cổ vấn tại Nhà Trắng, mời hai mươi học sinh lớp bảy và tám từ các trường trung học quanh vùng đô thị Washington tham gia các buổi tập trung hàng tháng, bao gồm các cuộc trò chuyện thân tình, chương trình tham quan thực tế và những buổi chia sẻ những vấn đề như kiến thức về tài chính và hướng nghiệp. Chúng tôi cố gắng giữ cho chương trình này tránh khỏi tai mắt của giới truyền thông.

Mỗi học sinh sẽ có một nữ cố vấn, người sẽ xây dựng mối quan hệ cá nhân với các em, chia sẻ những nguồn lực và kể cho các em nghe câu chuyện đời mình. Chị Valerie là cố vấn. Cris Comerford, nữ bếp tổng đầu tiên tại Nhà trắng, cũng là cố vấn. Và cả Jill Biden cũng vậy, cùng với một số phụ nữ lớn tuổi khác từ đội ngũ nhân viên Cánh Đông và Cánh Tây. Các em học sinh được hiệu trưởng hoặc tư vấn viên trong trường đề cử và sẽ tham gia cùng chúng tôi đến khi tốt nghiệp. Chúng tôi có các em gái đến từ các gia đình có người phục vụ trong quân ngũ, những em gái đến từ các gia đình nhập cư, một bà mẹ tuổi vị thành niên, một cô gái từng sống ở một mái ấm cho người vô gia cư. Đó là những cô gái thông minh và ham học hỏi. Những cô bé đó không khác gì tôi, cũng không khác các cô con gái của tôi. Tôi quan sát các em kết bạn với nhau, xây dựng mối quan hệ với nhau và với những người lớn xung quanh. Tôi dành hàng giờ để nói chuyện với các em - chúng tôi ngồi thành một vòng tròn lớn, ăn bắp rang bơ và chia sẻ suy nghĩ về việc chọn trường đại học, về hình ảnh bản thân và về những chàng trai. Chẳng có chủ đề nào bị ngăn cấm. Chúng tôi cười suốt với nhau. Hơn bất cứ điều gì, tôi hy vọng đây là hành trang các em sẽ mang vào tương lai - sự thoải mái, cảm giác về tinh thần cộng đồng, sự khích lệ để lên tiếng và được lắng nghe.

Mong ước của tôi dành cho các em chẳng khác gì mong ước tôi dành cho Sasha và Malia - đó là khi học cách cảm thấy thoải mái bên trong Nhà Trắng, các em sẽ học cách trở nên thoải mái và tự tin ở bất cứ nơi đâu, ở bất kỳ cuộc họp nào và cất lên tiếng nói của mình ở bất kỳ hội nhóm nào.

CHÚNG TÔI ĐÃ SỐNG BÊN TRONG cái bong bóng có tên tổng thống được hơn hai năm tính đến thời điểm này. Tôi đã tìm cách để mở rộng bong bóng đó càng nhiều càng tốt. Barack và tôi tiếp tục mở cửa Nhà Trắng cho nhiều người hơn, đặc biệt là cho bọn trẻ, với hy vọng khiến vẻ nghiêm trang của nơi này có chút hòa nhập vào cộng đồng, mang lại sức sống cho sự nghiêm trang và truyền thống của nó. Bất cứ khi nào quan khách nước ngoài đến tham quan ở cấp nhà nước, chúng tôi cũng mời các học sinh tại địa phương đến để chiêm ngưỡng sự lộng lẫy của lễ đón chính thức và thưởng thức những món được chiêu đãi ở đại tiệc. Khi các nhạc sĩ đến để trình diễn vào buổi tối, chúng tôi bảo họ hãy đến sớm để tham gia một hội thảo dành cho các bạn trẻ. Chúng tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng khi cho trẻ tiếp xúc với nghệ thuật, cho thấy nghệ thuật chẳng phải là cái gì xa xỉ mà là một điều thiết yếu trong trải nghiệm học tập của các em. Tôi vui mừng khi thấy các em học sinh trung học nhập hội với những nghệ sĩ đương thời như John Legend, Justin Timberlake và Alison Krauss bên cạnh những huyền thoại như Smokey Robinson và Patti LaBelle. Với tôi, chuyện này gợi nhớ về tuổi thơ của mình - về nhạc jazz tại nhà ông Southside, những buổi độc tấu dương cầm và các lớp dạy trình diễn operetta của bà Robbie, và cả những chuyến tham quan bảo tàng trung tâm của cả nhà. Tôi biết nghệ thuật và văn hóa có đóng góp như thế nào vào sự phát triển của một đứa trẻ. Và tất cả những điều đó giúp tôi cảm thấy nơi này là nhà. Barack và tôi ngồi ở hàng ghế đầu và luôn đứng đưa theo điệu nhạc trong mọi buổi biểu diễn. Kể cả mẹ tôi, vốn thường tránh xa những lần xuất hiện trước đám đông, luôn xuống tầng một để thưởng thức mỗi khi tiếng nhạc trỗi lên.

Chúng tôi cũng bổ sung những sự kiện tôn vinh hoạt động nhảy múa và nhiều hình thức nghệ thuật khác, cũng như giới thiệu tác phẩm mới của các nghệ sĩ đang nổi. Năm 2009, chúng tôi tổ chức buổi ứng tác thơ ca đầu tiên tại Nhà Trắng, lắng nghe một nhà soạn nhạc trẻ tuổi tên Lin-Manuel Miranda trình diễn một sáng tác còn dang dở và khiến mọi người kinh ngạc, với mô tả đó là “một album nhạc có chủ đề về cuộc sống của một người mà tôi cho là hiện thân của văn hóa hip-hop... Bộ trưởng Ngân khố Hoa Kỳ Alexander Hamilton”.

Tôi nhớ mình đã bắt tay cậu ấy và nói, “Chúc cậu may mắn với tác phẩm về Hamilton”.

Ngày nào cũng vậy, chúng tôi được tiếp xúc với đủ mọi cung bậc. Hào nhoáng, xuất sắc, tuyệt vọng, hy vọng. Mọi thứ song hành tồn tại, và trong lúc đó chúng tôi có hai đứa trẻ đang tìm cách sống cuộc sống của mình bên cạnh những gì đang diễn ra ở nhà của mình. Tôi làm mọi cách để giữ cho tôi và hai con luôn nối kết với thế giới hàng ngày. Mục tiêu của tôi xưa nay vẫn vậy, đó là tìm thấy sự bình thường mỗi khi có thể, để hòa hợp trở lại với đời sống thường nhật. Trong các mùa bóng đá và bóng vợt, tôi đến tham dự nhiều trận đấu trên sân nhà của hai đứa, đứng cạnh những người cha người mẹ khác, lịch sự từ chối bất cứ ai hỏi xin chụp ảnh, dù lúc nào tôi cũng sẵn lòng trò chuyện phiếm. Sau khi Malia bắt đầu học quần vợt, tôi xem các ván đấu của con bé chủ yếu qua cửa sổ một chiếc xe của mật vụ bí mật đậu gần sân bóng vì không muốn làm con bé phân tâm. Chỉ khi trận đấu kết thúc tôi mới đến và ôm con một cái.

Còn với Barack, chúng tôi đã chấp nhận là anh sẽ không thể đi lại gọn nhẹ như những người bình thường. Anh đến dự các buổi họp học sinh và sự kiện thể thao khi nào anh ấy có thể, nhưng dịp để quây quần rất hạn chế, và sự hiện diện của đội an ninh dành riêng cho anh sẽ luôn gây chú ý. Thực tế, nó buộc phải gây chú ý - để gửi cho cả thế giới một thông điệp rằng không ai có thể làm hại tổng thống Mỹ. Vì những lý do hiển nhiên, tôi rất vui vì điều đó. Nhưng trong đời sống gia đình bình thường thì có lẽ như thế là hơi quá.

Malia cũng có suy nghĩ này vào một ngày nọ, khi Barack và tôi cùng với con bé tham gia một sự kiện ở trường tiểu học Sidwell của Sasha. Cả ba chúng tôi đang bước băng qua một sân chơi ngoài trời, đi ngang một nhóm trẻ mẫu giáo đang trong giờ giải lao, chúng đang leo trèo trong khu vận động và chạy quanh khu vực được lót sàn gỗ dăm. Tôi không chắc bọn trẻ có để ý thấy một đội thiện xạ mật vụ mặc đồ đen đang trải khắp trên nóc các tòa nhà trong trường với súng trường trên tay hay không, nhưng Malia thì có.

Con bé nhìn các xạ thủ rồi nhìn bọn trẻ, sau đó quay qua nhìn cha mình với ánh mắt chòng ghẹo. Con bé nói, “Thật hả cha? Chuyện này nghiêm túc sao ạ?”.

Những lúc đó, Barack chỉ có thể mỉm cười và nhún vai.

Tôi phải nói rõ là chẳng một ai trong chúng tôi từng bước ra khỏi bong bóng kia. Bong bóng ấy di chuyển cùng từng người chúng tôi. Ngay sau những thỏa thuận ban đầu với nhóm mật vụ, Malia bắt đầu tham gia vào những hoạt động như lễ trưởng thành bat mitzvah^[1] của bạn bè, rửa xe gây quỹ cho trường, thậm chí đi chơi ở trung tâm mua sắm và luôn có các nhân viên mật vụ và thường có bà ngoại đi cùng, nhưng giờ đây hai bà cháu chỉ ít cũng có thể tự do di chuyển như những người khác. Các mật vụ của Sasha, bao gồm Beth Celestini và Lawrence Tucker - mà ai cũng gọi là L.T., đã trở thành những con người được yêu mến ở Sidwell. Bọn trẻ năn nỉ L.T. đẩy xích đu cho chúng trong giờ nghỉ. Các gia đình thường mang thêm bánh cho các nhân viên mật vụ vào những tiệc sinh nhật tổ chức trong lớp.

Tất cả chúng tôi đều trở nên thân thiết với họ theo thời gian. Preston Fairlamb trở thành trưởng nhóm an ninh cho tôi, và rồi Allen Taylor, người đã theo tôi từ ngày diễn ra chiến dịch, về sau đã đảm nhận vị trí đó. Khi chúng tôi xuất hiện trước công chúng, họ im lặng và cực kỳ cảnh giác, nhưng mỗi khi ở hậu trường hay đang trên chuyến bay, họ thả lỏng đôi chút, kể chuyện và đùa với nhau. “Những anh chàng dịu dàng mặt đơ”, tôi thường trêu họ như

thể. Trong quãng thời gian chúng tôi chia sẻ cùng nhau, chúng tôi trở thành những người bạn thật sự. Tôi đau với những mất mát của họ và ăn mừng những cột mốc quan trọng trong cuộc sống của họ. Tôi luôn luôn nhận thức được tầm quan trọng trong nghĩa vụ của họ, về những hy sinh mà họ sẵn sàng chấp nhận để giữ cho tôi được an toàn, và chẳng bao giờ tôi xem những đóng góp của họ là hiển nhiên.

Giống hai cô con gái, tôi vẫn bồi đắp đời sống cá nhân của mình song song với đời sống chính thức trước công chúng. Tôi nghiệm ra rằng với sự giúp đỡ linh hoạt từ các mật vụ, tôi có thể khiến người khác ít chú ý tới mình. Thay vì đi bằng đoàn tháp tùng, đôi khi tôi cũng được phép đi lại trong một chiếc xe tải thường dân cùng một đội an ninh nhẹ nhàng hơn theo cùng. Tôi đã xoay xở để có thể thực hiện những chuyến mua sắm chớp nhoáng vào lúc này hoặc lúc khác, đến và đi trước khi bất kỳ ai kịp nhận ra tôi đã ở đó. Sau khi Bo cần náu hết mấy chú chó đồ chơi mà nhân viên mua cho nó ở các lần mua sắm, đích thân tôi đã dắt Bo tới PetSmart ở Alexandria một sáng nọ. Và trong một ít thời gian ngắn ngủi, tôi đã tận hưởng sự vô danh của mình khi tìm cho chú chó vài món đồ để mài răng, trong khi Bo - cũng thích thú với chuyện ra ngoài hết như tôi - thì được đeo xích và tha thân đi quanh tôi.

Mỗi khi tôi đi đâu đó mà không gây sự chú ý, cảm giác ấy giống như một chiến thắng nho nhỏ, một bài tập về tự do ý chí. Suy cho cùng thì tôi là người quan tâm đến các chi tiết. Tôi chưa hề quên cảm giác thỏa mãn mỗi khi có thể đánh dấu hoàn tất những món hàng cần mua trong danh sách. Khoảng sáu tháng sau chuyến đi PetSmart, tôi đã làm một chuyến “vi hành” khác tới cửa hàng Target trong vùng, đội mũ lưỡi trai và kính râm. Nhân viên an ninh của tôi mặc quần ngắn, mang giày thể thao và giấu tai nghe, làm hết sức để không trở nên nổi bật trong khi vẫn bám theo tôi và trợ lý Kristin Jones của tôi trong cửa hàng. Chúng tôi đi hết mọi lối đi có ở đó. Tôi chọn một ít mỹ phẩm và vài chiếc bàn chải mới. Chúng tôi sắm khăn giấy mỏng và bột giặt cho Kristin, và tôi cũng tìm thấy vài bộ đồ chơi cho Sasha và Malia. Và đó là lần đầu tiên sau nhiều năm trời tôi có thể lựa được một tấm thiệp tặng Barack nhân ngày kỷ niệm của hai chúng tôi.

Tôi về nhà trong tâm trạng cực kỳ sáng khoái. Đôi khi, những điều nhỏ bé nhất lại mang đến cảm giác vui sướng nhất.

Theo thời gian, tôi đã thêm vào lịch trình hàng ngày của mình vài chuyến phiêu lưu khác. Tôi bắt đầu thi thoảng gặp bạn bè để dùng bữa tối tại nhà hàng hay ở nhà họ. Đôi khi tôi đến công viên và đi bộ những quãng dài dọc sông Potomac. Tôi có nhân viên mật vụ đi trước và sau mình trong những chuyến ấy, nhưng kín đáo và giữ khoảng cách. Những năm về sau, tôi đã bắt đầu rời khỏi Nhà Trắng để tham gia các lớp thể dục, ghé vào các phòng tập của SoulCycle và Solidcore quanh thành phố, vào lớp ngay sát giờ bắt đầu và rời đi ngay khi lớp vừa xong để tránh gây chú ý. Hành động tự do nhất hóa ra là lần trượt tuyết xuống đồi, môn thể thao mà tôi không có nhiều kinh nghiệm nhưng chẳng bao lâu đã thành món tôi đam mê. Tận dụng những mùa đông lạnh khác thường trong hai năm đầu của gia đình chúng tôi ở Washington, tôi đã cùng hai con và vài người bạn nhiều lần đến một khu trượt tuyết nhỏ có cái tên Núi Tự do gần Gettysburg, ở đó chúng tôi nhận ra mình có thể đội mũ bảo hộ, khăn choàng và kính bịt và hòa lẫn vào bất cứ đám đông nào. Trượt xuống một sườn dốc, tôi vừa được ở ngoài trời, vừa đi chuyển, lại chẳng bị ai nhận ra - mọi thứ đều diễn ra đồng thời. Với tôi, cảm giác đó vui sướng như đang bay.

Sự hòa nhập thật sự quan trọng. Thật ra, hòa nhập chính là tất cả - là một cách để tôi cảm nhận về chính mình, để vẫn là Michelle Robinson vùng South Side trong dòng chảy lớn hơn của lịch sử. Tôi đan xen cuộc sống cũ vào cuộc sống mới, đan xen những bận tâm riêng tư vào công tác phục vụ cộng đồng. Ở Washington, tôi đã có nhiều người bạn mới - một số là mẹ của bạn cùng lớp Sasha và Malia và một vài người gặp gỡ trong thời gian hoàn thành nghĩa vụ với Nhà Trắng. Đó là những người phụ nữ không quan tâm chồng tôi là ai hay địa chỉ nhà chúng tôi ở đâu, mà quan tâm chính con người tôi. Thật buồn cười khi ta có thể nhanh chóng nhận ra ai thật sự quan tâm

đến mình và ai chỉ đang cố gắng tư lợi. Đôi khi trong bữa tối, vợ chồng tôi nói với Sasha và Malia để chúng biết rằng có những con người, cả lớn lẫn nhỏ, thường lớn vồn quanh những nhóm bạn của chúng tôi và tỏ ra quá háo hức - hay như chúng tôi thường gọi là “thèm khát”.

Từ nhiều năm trước tôi đã học được rằng phải giữ những người bạn đích thực trong cuộc đời mình. Tôi vẫn thân thiết với nhóm bạn gái thường tụ tập vào các ngày thứ Bảy từ tận những ngày mang theo túi tã ở Chicago khi con cái chúng tôi vẫn đòi ăn trên ghế, còn chúng tôi thì mệt mỏi đến mức muốn khóc. Đó là những người bạn đã giúp tôi bình tâm, mua giúp thực phẩm và giao tận nhà khi tôi bận không thể tự mua sắm được, đã đưa đón hai đứa nhà tôi học ba-lê khi tôi đang làm việc hay chỉ cần có một chút thời gian nghỉ ngơi. Một vài người trong số họ đã cùng tôi lên máy bay để đến những điểm bầu cử chẳng hề lộng lẫy trong chặng đường tranh cử, trao cho tôi một điểm neo giữ cảm xúc khi tôi cần đến nó nhất. Như bất kỳ phụ nữ nào sẽ nói với bạn, tình bạn giữa những người phụ nữ được xây dựng từ hàng ngàn điều từ tế nhỏ nhoi như thế, cứ trao đi đáp lại liên tục không ngừng.

Năm 2011, tôi bắt đầu có những nỗ lực vun đắp các mối quan hệ bạn bè của mình, mang những người bạn cũ và mới lại với nhau. Cứ mỗi vài tháng, tôi lại mời khoảng mười hai người bạn thân nhất đi nghỉ với tôi vào dịp cuối tuần tại Trại David, khu nghỉ dưỡng nhiều cây cối, gần giống khu cắm trại, dành cho tổng thống nằm ở trong những dãy núi phía bắc Maryland cách Washington chừng năm mươi cây số. Tôi bắt đầu gọi những cuộc hội họp như thế là “Trại huấn luyện”, một phần vì tôi thừa nhận là có ép mọi người cùng tập thể dục với tôi hàng ngày (tôi cũng có lúc thử ngăn mọi người đem theo rượu và đồ ăn vặt, nhưng nhanh chóng bị phản đối), nhưng quan trọng hơn là vì tôi thích “xây dựng” trong tình bạn.

Bạn bè tôi đều là những người thành đạt và tận tụy, nhiều người có cuộc sống gia đình bận rộn và công việc nhiều áp lực. Tôi biết không phải lúc nào họ cũng dễ dàng thoát khỏi guồng quay đó. Nhưng vấn đề nằm chính ở chỗ này. Chúng tôi đã quá quen với việc hy sinh cho con cái, chồng con, công việc. Từ những năm tháng cố tìm cho mình sự cân bằng trong cuộc sống, tôi đã học được thỉnh thoảng chúng ta hoàn toàn có thể đảo lộn các ưu tiên đó và thật sự quan tâm đến bản thân mình. Tôi vui khi có thể truyền đạt điều đó vì những người bạn của mình, để tạo ra một lý do - và truyền thống - cho một nhóm phụ nữ có thể xoay sang con mình, chồng mình, đồng nghiệp mình và nói rằng, Xin lỗi nhé, nhưng tôi cần làm điều này vì bản thân.

Các buổi trại đó vào cuối tuần là một cách để chúng tôi có một chỗ nghỉ chân, kết nối và tái tạo năng lượng. Chúng tôi ở trong những ngôi nhà nhỏ bằng gỗ, xung quanh là rừng cây, chúng tôi di chuyển bằng xe điện và đạp xe. Chúng tôi chơi bóng ném, tập bài thể dục toàn thân burpee và đuổi người. Đôi khi tôi mời cả một vài nhân viên trẻ tuổi đến chơi, và thật thú vị khi chứng kiến Susan Sher, ở tuổi ngót bảy mươi, trườn trên sàn cạnh MacKenzie Smith, nhân viên tổ chức kế hoạch tuổi đôi mươi từng là một vận động viên bóng đá ở trường. Chúng tôi dùng những món ăn bổ dưỡng do đầu bếp Nhà Trắng nấu. Chúng tôi trải qua những bài tập dưới sự giám sát của Cornell, huấn luyện viên thể thao của tôi, và nhiều nhân viên là hải quân mặt búng ra sữa vẫn gọi tất cả chúng tôi là “bà”. Chúng tôi vận động rất nhiều và cứ huyền thoại trò chuyện với nhau. Chúng tôi chia sẻ suy nghĩ và kinh nghiệm, đưa ra lời khuyên hay kể chuyện vui và đôi khi chỉ là bảo đảm rằng bất cứ ai giải bày tâm sự vào lúc này đều không phải là người duy nhất có con tuổi dậy thì hay có một vị sếp mà mình không thể nào chịu đựng được. Thường thì chúng tôi giúp nhau bình tâm chỉ bằng cách lắng nghe. Và khi nói lời tạm biệt lúc tiệc vui kết thúc, chúng tôi biết mình sẽ sớm quay lại cùng nhau.

Những người bạn khiến tôi thấy mình trọn vẹn, và sẽ luôn như thế. Họ động viên tôi bất cứ khi nào tôi cảm thấy thất vọng, bức bối hoặc không thể gặp được Barack. Họ giúp tôi vững vàng mỗi khi cảm thấy căng thẳng vì

bị người khác đánh giá, khi mọi thứ từ màu sơn móng tay cho đến kích cỡ vòng ba của tôi đều bị mổ xẻ và bàn tán công khai. Và họ giúp tôi vượt qua những cơn sóng dữ đôi khi ập tới lúc tôi chẳng kịp trở tay.

Vào ngày Chủ nhật đầu tiên của tháng Năm năm 2011, tôi dùng bữa tối với hai người bạn tại một nhà hàng ở trung tâm, để Barack và mẹ ở nhà chăm sóc hai đứa trẻ. Cuối tuần ấy dường như bận rộn hơn mọi khi. Chiều thứ Bảy trước đó, Barack đã bị lôi vào một loạt những bản báo cáo, và chúng tôi dành cả buổi tối thứ Bảy tại Tiệc phóng viên Nhà Trắng tổ chức thường niên mà ở đó, trong bài diễn văn của mình, Barack đã đưa ra vài câu đùa sắc bén về chương trình Celebrity Apprentice (tạm dịch: Ngôi sao tập sự) của Donald Trump, cũng như về giả thuyết của ông về nơi sinh của anh. Tôi không thể nhìn thấy Trump từ chỗ ngồi của mình, nhưng ông ấy có tham gia. Trong khi Barack đọc diễn văn, các máy quay cận cảnh đã quay Donald Trump và người ta thấy vẻ mặt ông khá hậm hực.

Với chúng tôi, những đêm Chủ nhật dường như đều lặng lẽ và tự do. Hai đứa con gái thường đã mệt sau một tuần chơi thể thao và gặp gỡ bạn bè. Còn Barack, nếu may mắn, có thể đôi khi tranh thủ ít thời gian ban ngày để chơi golf trong sân của Căn cứ Không quân Andrews, một hoạt động có thể giúp anh ấy thư giãn được một chút.

Đêm hôm đó, sau khi gặp gỡ bạn bè, tôi trở về nhà vào khoảng mười giờ tối và được một quân gia chào ở cửa như mọi khi. Ngay khi ấy tôi đã có thể biết là có chuyện, tôi cảm thấy bầu không khí bất thường ở tầng trệt Nhà Trắng. Tôi hỏi quân gia có biết ngài tổng thống đang ở đâu hay không.

“Tôi tin là ông ấy đang ở trên lầu, thưa phu nhân, để chuẩn bị công bố trước toàn dân”, ông ấy đáp.

Đây là cách mà tôi nhận ra chuyện gì rồi cuộc cũng đã xảy ra. Tôi biết nó sẽ đến, nhưng không biết chính xác nó sẽ diễn biến như thế nào. Hai ngày qua tôi đã cố gắng hành xử hoàn toàn bình thường, vờ như không biết có chuyện cực kỳ quan trọng và nguy hiểm đang sắp xảy ra. Sau nhiều tháng thu thập thông tin tình báo cấp cao và nhiều tuần tỉ mỉ chuẩn bị, sau các báo cáo an ninh và đánh giá rủi ro và một quyết định cuối cùng cực kỳ căng thẳng, cách Nhà Trắng mười một ngàn cây số và trong màn đêm, một đội lực lượng đặc nhiệm Navy SEAL đã đột kích một tòa nhà bí ẩn ở Abbottabad, Pakistan để săn tìm Osama bin Laden.

Khi tôi bước đến sảnh khu tư dinh, Barack đang từ phòng ngủ bước ra. Anh mặc com-lê, thắt cà vạt đỏ và dường như đang cực kỳ phấn khích. Anh đã phải chịu sức ép về quyết định này hàng tháng trời.

“Chúng ta đã bắt được hắn”, anh nói. “Và không ai bị thương.”

Chúng tôi ôm chầm lấy nhau. Osama bin Laden đã bị tiêu diệt. Không một lính Mỹ nào bị thiệt mạng. Barack đã chấp nhận một rủi ro khủng khiếp - thứ có thể đánh đổi cả chức vụ tổng thống của mình - và mọi thứ đều đã ổn.

Tin tức nhanh chóng lan đi khắp thế giới. Người người ứa ra đường quanh Nhà Trắng, tràn ra khỏi nhà hàng, khách sạn và các căn hộ chung cư, tiếng hò reo vui mừng vang vọng khắp nơi. Âm thanh ấy lớn và vui tươi đến mức đánh thức cả Malia, con bé khi đó đang ngủ trong phòng, nơi có những tấm cửa kính chống đạn có thể chặn mọi âm thanh từ bên ngoài.

Dù sao thì đêm ấy không còn ranh giới trong hay ngoài. Tại các thành phố khắp nước Mỹ, người ta kéo nhau xuống đường, rõ ràng là vì thôi thúc muốn được gần gũi với nhau, nối kết không chỉ bằng lòng ái quốc mà còn từ nỗi đau chung của ngày 11 tháng Chín và từ những năm tháng âu lo rằng chúng tôi sẽ bị tấn công một lần nữa. Tôi nghĩ về mọi căn cứ quân sự mình từng đến thăm, tất cả những thương binh đang phục hồi, vô số những con người đã chấp nhận để người thân đi đến một nơi xa xôi để bảo vệ tổ quốc, hàng ngàn đứa trẻ đã mất một người cha, người mẹ vào cái ngày khủng khiếp và đau buồn ấy. Tôi biết không có gì có thể bù đắp những mất mát đó. Không có cái chết nào có thể thay thế một mạng sống. Tôi không chắc là có cái chết nào đáng ăn mừng hay không.

Nhưng những gì nước Mỹ có được vào đêm hôm đó là một sự giải tỏa, một dịp để cảm nhận sự kiên cường của đất nước.

THỜI GIAN DƯỠNG NHƯ CỨ LÚC NHANH LÚC CHẬM khiến tôi dường như quên mất cả ngày tháng. Mỗi ngày đều đầy kín các hoạt động. Mỗi tuần, mỗi tháng rồi mỗi năm chúng tôi ở tại Nhà Trắng đều đầy kín các hoạt động. Tôi làm việc đến thứ Sáu và phải cố gắng nhớ xem thứ Hai và Ba đã trôi qua như thế nào. Đôi khi tôi dùng bữa tối mà không nhớ mình đã ăn trưa lúc nào và ở đâu. Kể cả bây giờ, tôi vẫn cảm thấy khó mà quen với chuyện đó. Nhịp độ quá nhanh, thời gian để suy ngẫm lại quá ngắn. Trong một buổi chiều có thể diễn ra vài sự kiện chính thức, nhiều cuộc họp và một buổi chụp ảnh. Trong một ngày tôi có thể đến nhiều tiểu bang khác nhau, nói chuyện trước mười hai ngàn người, hoặc có bốn trăm đứa trẻ cùng nhảy với mình trong một bài tập vận động ngay tại Bãi cỏ phía Nam, rồi ngay sau đó có thể tôi sẽ thay một chiếc váy sang trọng để tham gia tiệc chiêu đãi buổi tối. Tôi dành thời gian rỗi của mình - những ngày không phải đến văn phòng làm việc - để săn sóc Sasha và Malia, trước khi quay lại với mấy chuyện tóc tai, trang điểm, quần áo. Quay lại với cái thế giới luôn bị dõi theo bởi con mắt công chúng.

Càng gần tới năm Barack tái tranh cử, năm 2012, tôi càng cảm thấy mình không thể và không nên nghỉ ngơi. Tôi vẫn còn đang cố gắng thực hiện sứ mệnh của mình. Tôi hay nghĩ về những điều và những người tôi còn mắc nợ. Tôi mang theo mình cả một lịch sử, và đó không phải lịch sử của những vị Tổng thống hay Đệ nhất Phu nhân. Tôi cảm thấy không cảm được với câu chuyện về John Quincy Adams bằng câu chuyện về Sojourner Truth, tôi cũng không xúc động trước Woodrow Wilson như với Harriet Tubman. Những cuộc đấu tranh của Rosa Parks và Coretta Scott King quen thuộc với tôi hơn so với của Eleanor Roosevelt hay Mamie Eisenhower. Tôi mang theo lịch sử của họ, cùng lịch sử của mẹ tôi và của hai người bà của tôi. Chẳng người phụ nữ nào trong số họ có thể tưởng tượng nổi cuộc sống mà tôi đang có ngày nay, nhưng họ vẫn tin sự bền chí kiên gan của họ rồi đây sẽ mang đến những thành quả tốt đẹp cho những người như tôi. Tôi muốn xuất hiện trước thế giới sao cho có thể tôn vinh những con người ấy.

Tôi dùng suy nghĩ đó tạo sức ép cho bản thân, một kiểu động lực để tôi không được làm hỏng bất cứ điều gì. Dù cho người ta nghĩ tôi là một Đệ nhất Phu nhân được nhiều người biết đến, tôi vẫn không khỏi ám ảnh bởi cách mà tôi từng bị chỉ trích, hay bởi những người phán xét tôi chỉ dựa trên màu da. Đến lúc này, tôi đã sử dụng máy nhắc chữ lắp tại một góc văn phòng làm việc để tập dợt các bài diễn văn của mình nhiều lần. Tôi thúc đẩy các nhân viên tổ chức kế hoạch và đội ngũ chuẩn bị để bảo đảm mỗi một sự kiện của chúng tôi đều diễn ra suôn sẻ và đúng giờ. Tôi thậm chí còn động viên các cố vấn chính sách của mình nỗ lực nhiều hơn để tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động của Let's Move! và Joining Forces. Tôi tập trung vào việc không để lãng phí bất kỳ cơ hội nào mình có được, nhưng đôi khi cũng phải tự nhắc nhở là mình cũng cần phải nghỉ ngơi.

Barack và tôi đều biết những tháng vận động tranh cử sắp tới sẽ buộc chúng tôi phải di chuyển nhiều hơn, lên chiến lược nhiều hơn và lo lắng cũng nhiều hơn. Thật sự là không thể không lo lắng về việc tái tranh cử. Chi phí bỏ ra là cực kỳ lớn. (Barack và Mitt Romney, cựu thống đốc bang Massachusetts, người sau này trở thành ứng viên Đảng Cộng hòa, mỗi người sẽ phải vận động được hơn một tỷ đô-la Mỹ để duy trì chiến dịch tranh cử của mình.) Và trách nhiệm cũng cực kỳ nặng nề. Cuộc bầu cử sẽ quyết định tất cả mọi thứ, từ số phận của đạo luật chăm sóc sức khỏe mới cho tới việc Mỹ có trở thành một phần trong nỗ lực toàn cầu chống lại biến đổi khí hậu hay không. Mọi người đang làm việc tại Nhà Trắng đều sống trong sự mơ hồ không biết liệu chúng tôi có thể có nhiệm kỳ thứ hai hay không. Tôi cố gắng không nghĩ tới khả năng Barack sẽ thất bại, nhưng khả năng đó vẫn tồn tại, và đó là nỗi sợ mà anh ấy và tôi đều giữ kín, không ai trong chúng tôi dám lên tiếng đề cập đến.

Mùa hè năm 2011 là giai đoạn cực kỳ mệt mỏi đối với Barack. Một nhóm nghị sĩ Đảng Cộng hòa cứng rắn trong Quốc hội từ chối thông qua việc phát hành trái phiếu mới cho chính phủ - một quá trình xảy ra tương đối đều đặn được gọi là nâng trần nợ công chính phủ - trừ khi Barack thực hiện một loạt cắt giảm nghiêm trọng đối với các chương trình của chính phủ như An sinh xã hội, Medicaid, và Medicare. Anh đã không đồng ý vì như thế sẽ làm tổn hại đến những người đang gặp nhiều khó khăn nhất. Trong khi đó, báo cáo hàng tháng do Bộ Lao động công bố về tình trạng việc làm cho thấy tăng trưởng vẫn diễn ra nhưng rất ỉ ạch, nước Mỹ vẫn chưa phục hồi ở mức cần thiết sau cuộc khủng hoảng 2008. Nhiều người trách Barack. Sau khi cái chết của Osama bin Laden mang lại sự nhẹ nhõm cho nhiều người, tỷ lệ ủng hộ anh tăng vọt đến mức cao nhất trong vòng hai năm, nhưng rồi chỉ vài tháng sau đó, sau vụ việc đưng trần nợ công và những nghi ngại về một cuộc suy thoái kinh tế khác có thể diễn ra, tỷ lệ ủng hộ lại lao xuống mức thấp nhất từ trước đến giờ.

Khi sự hỗn loạn này bắt đầu xảy ra, tôi bay sang Nam Phi trong một chuyến thăm thiện chí đã lên kế hoạch từ nhiều tháng trước. Năm học của Sasha và Malia vừa mới kết thúc, do đó chúng có thể đi theo tôi, cùng với mẹ tôi và hai con của anh Craig là Leslie và Avery, hiện đang ở tuổi vị thành niên. Tôi đến Nam Phi để trình bày một diễn văn quan trọng tại một diễn đàn dành cho các nữ lãnh đạo trẻ đến từ khắp châu Phi do Mỹ tài trợ, nhưng tôi cũng xếp vào lịch trình của mình các sự kiện cộng đồng gắn với sức khỏe và giáo dục, cũng như các cuộc viếng thăm các lãnh đạo địa phương và nhân viên lãnh sự của Mỹ tại châu Phi. Chúng tôi cũng có một chuyến tham quan ngắn ở đất nước Botswana, gặp gỡ ngài tổng thống, dừng chân tại một trung tâm điều trị HIV/AIDS, và rồi thưởng thức một chuyến safari^[1] ngắn trước khi về lại Mỹ.

Chúng tôi nhanh chóng bị cuốn vào nguồn năng lượng lạ lùng của châu Phi. Ở Johannesburg, chúng tôi tham quan *Bảo tàng về nạn Phân biệt chủng tộc*, sau đó cùng nhảy múa và cùng đọc sách với trẻ em ở một trung tâm cộng đồng tại một trong những thị trấn dành cho người da đen phía bắc thành phố. Tại một sân bóng đá ở Cape Town, chúng tôi gặp gỡ những nhà tổ chức sự kiện cộng đồng và sức khỏe cộng đồng đang sử dụng các chương trình thể thao để giúp giáo dục trẻ em về HIV/AIDS, và được giới thiệu với Tổng giám mục Desmond Tutu, nhà thần học huyền thoại kiêm nhà hoạt động nhân quyền đã góp công vào quá trình loại bỏ nạn phân biệt chủng tộc ở Nam Phi. Tổng Giám mục Tutu, lúc ấy đã bảy mươi chín tuổi, là một người đàn ông vạm vỡ có đôi mắt sáng và giọng cười sang sảng. Khi hay tin tôi xuất hiện ở sân vận động để tuyên truyền cho hoạt động rèn luyện thân thể, ông cương quyết cùng tôi hít đất trước một đám đông trẻ em đang hò reo cổ vũ.

Trong suốt những ngày ngắn ngủi ở Nam Phi, tôi luôn có cảm giác bồng bềnh. Chuyến đi này cách rất xa chuyến đi Kenya đầu tiên của tôi hồi năm 1991, khi tôi cùng với Barack đi trên những chiếc matatu và đẩy chiếc Volkswagen hổng hóc của chị Auma dọc theo con đường đầy bụi. Chuyện lệch múi giờ chỉ ảnh hưởng đến tôi một phần, còn chủ yếu tôi cảm thấy được tác động bởi điều gì đó vô cùng sâu sắc và ngập tràn hy vọng khi có mặt tại đây. Cứ như chúng tôi đã tiến vào một vùng giao thoa rộng lớn hơn của văn hóa và lịch sử, rồi chợt nhận ra sự nhỏ bé của mình trước cánh cung thời gian vĩ đại. Nhìn thấy khuôn mặt của bảy mươi sáu phụ nữ trẻ được tuyển chọn tham gia diễn đàn lãnh đạo vì họ đang làm những việc có ý nghĩa cho cộng đồng, tôi đã phải kìm nén để không rơi nước mắt. Họ mang đến cho tôi hy vọng. Họ khiến tôi cảm thấy mình đã già nhưng theo cách dễ chịu nhất. Sáu mươi phần trăm dân số châu Phi vào thời điểm ấy có độ tuổi dưới hai mươi lăm. Đây là những phụ nữ chưa đầy ba mươi và một số chỉ mới mười sáu, họ đang xây dựng những tổ chức phi lợi nhuận, đào tạo các phụ nữ khác trở thành doanh nhân, và chấp nhận rủi ro bị bỏ tù để tố cáo tình trạng tham nhũng của chính phủ. Và giờ đây họ đang được kết nối, đào tạo và khuyến khích. Tôi hy vọng những điều này sẽ giúp gia tăng sức mạnh của họ.

Ấy thế mà giờ phút tuyệt vời nhất lại đến từ sớm, vào ngày thứ hai của chuyến đi. Tôi và gia đình đã đến trụ sở của Quỹ Nelson Mandela ở Johannesburg, thăm hỏi Graça Machel, nhà hoạt động nhân đạo nổi tiếng và cũng là vợ của Mandela, thì hay tin Mandela rất hân hạnh chào đón chúng tôi tại tư gia của ông gần đó.

Đương nhiên chúng tôi nhận lời và đi ngay lập tức. Nelson Mandela khi ấy đã chín mươi hai tuổi. Trước đó ông đã nhập viện vì bệnh phổi. Tôi được biết hiêm khi nào ông tiếp khách. Barack đã gặp ông sáu năm trước trong tư cách thượng nghị sĩ, khi Mandela đến thăm Washington. Từ đó đến nay trên tường văn phòng của anh ấy vẫn luôn treo bức ảnh mà hai người chụp chung trong cuộc gặp gỡ đó. Kể cả hai đứa trẻ - Sasha, mười tuổi, và Malia, sắp bước sang tuổi mười ba - cũng hiểu rằng được gặp Mandela là một chuyện lớn thế nào. Thậm chí mẹ tôi, người chẳng bao giờ biết nao núng là gì, cũng tỏ ra hơi bất ngờ.

Không có nhân vật nào đang sống trên thế giới này lại có sức ảnh hưởng to lớn như Nelson Mandela, ít nhất là theo đánh giá của tôi. Ông đã gia nhập Đảng Đại hội Dân tộc Phi lần đầu tiên vào những năm 1940, khi còn là một chàng thanh niên, và bắt đầu thách thức mạnh mẽ chính quyền Nam Phi, nơi hoàn toàn do người da trắng cầm quyền, cũng như các chính sách phân biệt chủng tộc nặng nề của họ. Vào năm bốn mươi bốn tuổi, ông bị bỏ tù vì các hoạt động của mình và cuối cùng được tại ngoại vào năm 1990, khi đã bảy mươi một tuổi. Sống sót qua hai mươi bảy năm thiếu thốn và cô độc trong tù, chứng kiến vô số bạn bè bị tra tấn và giết hại dưới thời chính quyền phân biệt chủng tộc, Mandela đã chọn thương thuyết - thay vì đối đầu - với các lãnh đạo chính phủ, thúc đẩy một cuộc chuyển đổi ôn hòa nhiệm màu sang nền dân chủ đích thực ở Nam Phi, và cuối cùng trở thành tổng thống đầu tiên được bầu cử dân chủ của quốc gia này.

Mandela sống trên một con phố rợp bóng cây ở ngoại ô, trong căn nhà xây theo phong cách Địa Trung Hải nằm sau những bức tường bê tông màu vàng bơ. Graça Machel dắt chúng tôi băng qua một sân vườn rợp bóng cây để vào bên trong, ở đó có một căn phòng đầy ánh nắng, nơi chồng bà đang ngồi trên chiếc ghế bành. Ông có mái tóc trắng thưa thớt và mặc một chiếc áo batik màu nâu. Ai đó đã phủ chiếc mền màu trắng lên hai đùi ông. Xung quanh ông là nhiều thế hệ họ hàng thân quyến, tất cả đều nhiệt tình chào đón chúng tôi. Sự sáng sủa của căn phòng này, sự nhiệt tình của cả gia đình và nụ cười nếpm mắt của Mandela khiến tôi nhớ những lần đến nhà ông ngoại Southside khi còn bé. Trước khi đến tôi cảm thấy hơi căng thẳng, nhưng giờ đây tôi đã cảm thấy hoàn toàn thoải mái.

Thật sự là tôi không biết Mandela có nhận ra chúng tôi là ai hoặc vì sao chúng tôi đến đây hay không. “Đây là Michelle Obama!”, Graça Machel nghiêng người lại gần và nói với ông. “Phu nhân Tổng thống Mỹ!”

“Chà, đáng yêu quá”, Nelson Mandela lầm bầm. “Đáng yêu quá.”

Ông nhìn tôi bằng vẻ thích thú thật sự, cho dù thật ra tôi có là ai thì cũng vậy. Có vẻ như với bất kỳ ai ông từng gặp trong đời, ông cũng đều chào đón họ bằng sự nồng nhiệt như vậy. Tương tác giữa tôi và Mandela vừa thâm lắng lại vừa sâu sắc - có lẽ càng sâu sắc hơn bởi sự thâm lắng của nó. Những lời ông cần nói trong đời dường như đã được nói ra hết - những bài diễn thuyết và thư từ của ông, những quyển sách và những khẩu hiệu phản kháng của ông, tất cả đã khắc sâu không chỉ vào câu chuyện của cá nhân ông mà vào cả câu chuyện của toàn thể nhân loại. Tôi có thể cảm nhận tất cả những điều đó trong khoảnh khắc ngắn ngủi ở bên cạnh ông - phẩm cách và tinh thần của ông đã kêu gọi được sự bình đẳng từ nơi mà trước đó chúng chưa bao giờ tồn tại.

Năm ngày sau đó, khi đang bay về Mỹ theo hành trình đi lên phía bắc và sang phía tây châu Phi, rồi vượt Đại Tây Dương suốt một đêm dài, tôi vẫn còn nghĩ ngợi về Mandela. Sasha và Malia vẫn nằm ườn cạnh các anh chị em họ; mẹ tôi thì đang ngủ ở chiếc ghế gần bên. Ở phía cuối máy bay, nhân viên và nhóm mặt vụ đang xem phim và cổ ngữ bù. Tiếng động cơ máy bay vẫn rì rầm. Tôi cảm thấy vừa cô độc vừa không cô độc. Chúng tôi đang về

nhà - nhà là thành phố Washington, D.C. vừa quen lại vừa lạ, với những khối cẩm thạch trắng và những tư tưởng đối chọi nhau, với tất cả những thứ vẫn cần tranh đấu để đạt được. Tôi nghĩ về những phụ nữ châu Phi trẻ tuổi đã gặp tại diễn đàn, tất cả họ giờ đây đang trở về cộng đồng của mình để tiếp tục công việc, kiên gan bền chí trước mọi khó khăn gặp phải.

Mandela đã vào tù vì những nguyên tắc của ông. Ông đã không thể chứng kiến con cái mình lớn lên, và ông cũng không thể chứng kiến quá trình đó của các cháu của mình. Ông đón nhận tất cả những điều đó mà không oán thán. Ông đón nhận tất cả những điều đó và vẫn tin rằng một ngày nào đó, phần bản chất tốt đẹp hơn của đất nước sẽ thắng. Ông đã ra sức và đợi chờ, bền bỉ và không nản lòng, để chứng kiến ngày đó xảy ra.

Tôi về nhà mà vẫn lảng lảng trước tinh thần ấy. Cuộc sống đang dạy cho tôi rằng sự tiến bộ và thay đổi sẽ diễn ra từ từ. Không phải trong hai năm, bốn năm, hay thậm chí là cả đời người. Chúng tôi đang gieo những hạt giống của sự thay đổi và có thể sẽ không bao giờ thấy được hoa trái. Chúng tôi cần phải kiên nhẫn.

ĐÃ BA LẦN trong suốt mùa thu 2011, Barack đệ trình các dự luật có thể tạo ra hàng ngàn công việc cho người Mỹ, một phần bằng cách cấp ngân sách cho các tiểu bang tuyển dụng thêm giáo viên và lực lượng phản ứng nhanh. Cả ba lần Đảng Cộng hòa đều phản đối, ngay cả một phiếu thuận cũng không.

Một năm trước, Thượng nghị sĩ lãnh đạo phe thiểu số trong Thượng viện, Mitch McConnell, đã tuyên bố với một phóng viên về những mục tiêu của Đảng Cộng hòa, “Điều quan trọng duy nhất mà chúng tôi muốn đạt được là để Tổng thống Obama đảm nhiệm một nhiệm kỳ duy nhất”. Đơn giản vậy thôi. Hạ viện do Đảng Cộng hòa nắm quyền đã nhắm đến thất bại của Barack hơn bất cứ thứ gì khác. Có vẻ họ không ưu tiên chuyện điều hành đất nước hay quan tâm đến một thực tế là người Mỹ cần công ăn việc làm. Họ chỉ quan tâm đến quyền lực.

Tôi cảm thấy điều này thật đáng thất vọng, dễ gây phẫn nộ và thật đáng xấu hổ. Đây là chính trị, đúng vậy, nhưng là chính trị ở hình thái cay độc và cứng đầu nhất, dường như đã không còn hướng tới bất kỳ mục tiêu cao đẹp nào. Tôi đã cảm nhận những cảm xúc mà có lẽ Barack không thể cảm nhận được. Anh mắc kẹt trong công việc của mình, gần như vẫn ngoan cường, vẫn vượt qua những chướng ngại và sẵn sàng thỏa hiệp những khi có thể bằng tinh thần lạc quan rằng ai-đó-sẽ-hiểu-và-lựa-chọn-điều-này, thứ vốn vẫn luôn định hướng cho anh. Anh ấy đã tham gia chính trị mười lăm năm rồi. Tôi vẫn nghĩ anh giống như một chiếc ấm đồng cũ - được tôi luyện trong lửa, có chút móp méo nhưng vẫn sáng bóng.

Khi trở lại với lộ trình chiến dịch tái tranh cử - việc mà Barack và tôi đã bắt đầu từ mùa thu 2011 - chúng tôi cảm thấy như được cứu rỗi. Bởi chúng tôi có thể rời Washington để một lần nữa đến với những cộng đồng trên khắp đất nước, đến những nơi như Richmond và Reno, nơi chúng tôi có thể ôm chầm và bắt tay cử tri ủng hộ, lắng nghe ý kiến và những mối bận tâm của họ. Đây là dịp để cảm nhận năng lượng từ quần chúng nhân dân, trọng tâm trong tầm nhìn của Barack về nền dân chủ, và nhớ lại rằng công dân Mỹ nhìn chung ít hoài nghi hơn nhiều so với những lãnh đạo mà họ bầu ra. Chúng tôi chỉ cần họ ra khỏi nhà và đi bỏ phiếu. Tôi đã từng thất vọng khi hàng triệu người đã khoanh tay đứng ngoài tại các kỳ bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 2010, khiến Barack phải đối mặt với một Quốc hội bị chia rẽ sâu sắc đến mức không thể thông qua được dù chỉ một đạo luật.

Nhưng dù thách thức có thể nào đi nữa, vẫn có nhiều điều đáng hy vọng. Vào cuối năm 2011, những binh lính Mỹ cuối cùng đã rời khỏi Iraq; quá trình rút quân cũng đang diễn ra từ từ tại Afghanistan. Những điều khoản chính của Đạo luật Affordable Care^[2] cũng bắt đầu có hiệu lực, cho phép người trẻ tuổi duy trì hợp đồng bảo hiểm của cha mẹ lâu hơn, và các công ty bảo hiểm không được né tránh bỏn phận chi trả bảo hiểm trọn đời cho bệnh nhân. Tất cả đều là những tiến bộ, tôi nhắc nhở chính mình, là những bước tiến trên một chặng đường thênh thang hơn.

Kể cả khi cả một đảng chính trị tìm cách để Barack thất bại, chúng tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc luôn giữ suy nghĩ tích cực và tiếp tục mọi chuyện. Chuyện này cũng giống như khi mẹ của một học sinh trường Sidwell hỏi Malia có sợ mạng sống của mình bị đe dọa trong lúc tập quần vợt hay không. Thật sự thì bạn có thể làm gì khác ngoài việc tiếp tục ra ngoài và đánh thêm một quả bóng?

Thế là chúng tôi tiếp tục làm việc. Cả hai vợ chồng tôi cùng làm việc. Tôi tiếp tục lao vào các chương trình hành động của mình. Dưới khẩu hiệu của Let's Move! chúng tôi tiếp tục gặt hái thành quả. Chúng tôi đã thuyết phục được Darden Restaurants, công ty mẹ của các chuỗi nhà hàng Olive Garden và Red Lobster, thay đổi các món ăn mà họ phục vụ cũng như cách chế biến. Họ cam kết sẽ cải tiến thực đơn, giảm hàm lượng ca-lo, giảm muối và đưa ra những phương án dinh dưỡng lành mạnh hơn cho bữa ăn của các bé. Chúng tôi đã thuyết phục ban lãnh đạo công ty - kêu gọi lương tâm và tác động đến lợi ích của họ - rằng văn hóa tiêu thụ thực phẩm tại Mỹ đang thay đổi và đi trước đón đầu là một việc làm hoàn toàn sáng suốt. Darden Restaurants phục vụ bốn trăm triệu suất ăn hàng năm cho người dân Mỹ. Ở quy mô đó, chỉ cần một thay đổi nhỏ - chẳng hạn xóa đi những tấm ảnh chụp những ly nước ngọt có ga mát lạnh hấp dẫn ra khỏi thực đơn cho trẻ - cũng có thể tạo ra tác động to lớn.

Quyền lực của một Đệ nhất Phu nhân là một cái gì đó rất kỳ lạ - mềm mỏng và chẳng thể định danh như chính bản thân vai trò đó. Vậy mà tôi lại đang học cách để khai thác quyền lực đó. Truyền thống mong chờ tôi phải tạo ra một dáng vẻ nhẹ nhàng thanh lịch, dùng lòng tận tụy của mình để làm đẹp lòng ngài tổng thống, và làm hài lòng đất nước chủ yếu bằng cách không thách thức những quy tắc truyền thống. Tuy nhiên, tôi bắt đầu nhìn ra rằng sự nhẹ nhàng kia một khi được sử dụng cẩn trọng có thể mang đến nguồn sức mạnh hơn hẳn. Tôi có ảnh hưởng vì tôi có những điểm khiến người ta tò mò - một Đệ nhất Phu nhân da đen, một phụ nữ có công ăn việc làm, một người mẹ có con nhỏ. Người ta dường như muốn dành mọi sự quan tâm cho trang phục, giày dép, tóc tai của tôi, nhưng họ cũng phải nhìn xem khi đó tôi đang ở đâu và tại sao lại như vậy. Tôi đang học cách gắn kết thông điệp của mình vào hình ảnh của bản thân, và như vậy tôi có thể điều hướng sự chú ý của nước Mỹ. Tôi có thể mặc một bộ trang phục thú vị nào đó, buông một câu đùa và nói về lượng muối trong thức ăn của bọn trẻ mà không khiến người nghe cảm thấy nhàm chán. Tôi có thể công khai tán thưởng một công ty đang chủ động thuê các thành viên của cộng đồng quân nhân, hay nằm xuống sàn để thi tài hít đất với Ellen DeGeneres trên sóng truyền hình (và chiến thắng, giành được quyền hã hê suốt đời trước mặt chị ấy) nhân danh Let's Move!.

Tôi là một đứa con của đại chúng, và đó chính là một lợi thế. Đôi khi Barack gọi tôi là “phó thường dân”, anh hỏi ý kiến của tôi về các khẩu hiệu và chiến lược của chiến dịch tranh cử vì biết rằng con người tôi đậm chất văn hóa đại chúng. Dù tôi đã từng đi qua những nơi danh giá như trường Princeton và hãng luật Sidley & Austin, và mặc dù giờ đây thì thoảng tôi vẫn đeo kim cương và mặc váy dạ hội, tôi chưa bao giờ ngưng đọc tạp chí People hay từ bỏ tình yêu dành cho các bộ phim truyền hình hài hước về cuộc sống. Tôi xem Oprah và Ellen nhiều hơn hẳn các chương trình như Meet the Press hay Face the Nation, và cho đến nay chẳng có gì khiến tôi hài lòng hơn việc nhìn thấy mọi thứ được sắp xếp ngăn nắp gọn gàng trên chương trình hướng dẫn bài trí lại nhà cửa.

Tất cả những điều trên chỉ để nói rằng tôi đã tìm thấy những cách kết nối với người dân Mỹ mà Barack và các cố vấn Cánh Tây của anh đã không hoàn toàn nhận ra, ít nhất là vào lúc đầu. Thay vì nhận lời phỏng vấn của những tờ báo lớn hay trên các kênh tin tức truyền hình cáp, tôi bắt đầu ngồi cùng những “blogger mẹ bím sữa” đang có sức ảnh hưởng, những người có một lượng nữ khán giả khổng lồ và năng nổ. Quan sát các nhân viên trẻ tuổi sử dụng điện thoại, quan sát Malia và Sasha bắt đầu đọc tin tức và trò chuyện với bạn học cùng trường trên mạng xã hội, tôi nhận ra đó cũng là những cơ hội để tận dụng. Tôi đã viết dòng tweet^[3] đầu tiên của mình vào mùa

thu năm 2011 để giới thiệu chương trình Joining Forces và sau đó nhìn dòng tin đó lan truyền trong chốn lạ lẫm vô biên mà người ta ngày càng dành nhiều thời gian hơn cho nó.

Đó là một phát hiện mới. Tất cả đều là một phát hiện mới. Tôi nhận ra tôi có thể trở nên mạnh mẽ bằng cách sử dụng quyền lực mềm của mình.

Nếu phóng viên và máy quay truyền hình muốn đi theo tôi, vậy thì tôi sẽ đưa họ đến những nơi tôi muốn đưa họ đến. Chẳng hạn như họ có thể đến xem tôi và Jill Biden sơn một bức tường ở một căn nhà không có gì nổi bật trong một dãy nhà y hết nhau ở phía tây bắc Washington. Chẳng có gì thật sự thú vị khi xem hai quý bà cầm cây lăn sơn sơn tường, nhưng rõ ràng là cũng có người cần câu.

Và rồi chuyện này đã đưa mọi người đến cửa nhà Trung sĩ Johnny Agbi, người mà vào năm hai mươi lăm tuổi và đang là một bác sĩ quân y ở Afghanistan thì bị tấn công khi đang ngồi trên trực thăng, khiến anh bị gãy cột sống, chấn thương não và cần trải qua một giai đoạn phục hồi chức năng lâu dài ở Quân y viện Walter Reed. Tầng trệt căn nhà của anh giờ đang được tái thiết kế để anh có thể di chuyển bằng xe lăn - cửa nhà nói rộng ra, chậu bếp hạ thấp xuống - đây là một phần của một nỗ lực chung giữa tổ chức phi lợi nhuận Rebuilding Together và công ty mẹ của Sears và Kmart. Đây là ngôi nhà thứ một ngàn được họ cải tạo nhằm hỗ trợ những cựu binh đang cần giúp đỡ. Máy quay ghi hình lại tất cả - người lính, ngôi nhà của anh, thiện chí và những nỗ lực đang được dồn vào đó. Các phóng viên không chỉ phỏng vấn tôi và Jill mà còn phỏng vấn Trung sĩ Agbi và những con người đã xấn tay cải tạo ngôi nhà. Với tôi, chuyện nên như thế. Công chúng cần nhìn vào những nơi như thế này.

VÀO NGÀY BẦU CỬ - ngày 6 tháng Mười Một năm 2012 - nỗi sợ âm thầm trỗi dậy trong tôi. Barack, hai đứa con gái và tôi trở về Chicago, tại nhà mình ở Đại lộ Greenwood, mòn mỏi chờ đợi xem cả dân tộc sẽ chấp nhận hay từ chối mình. Đối với tôi, cuộc bầu cử này căng thẳng hơn bất kỳ cuộc bầu cử nào chúng tôi đã từng trải qua. Nó giống như một cuộc trưng cầu dân ý không chỉ về năng lực chính trị của Barack và tình hình đất nước, mà còn về chính tính cách của anh, về sự hiện diện của chính chúng tôi trong Nhà Trắng. Hai cô con gái của chúng tôi đã tạo ra một cộng đồng lớn mạnh cho riêng mình và cảm giác về một cuộc sống bình thường mà tôi chẳng muốn phải đảo lộn một lần nữa. Tôi đã rất nỗ lực suốt bốn năm để xây dựng cuộc sống gia đình mình ở Nhà Trắng, đến nỗi giờ đây tôi không thể không nhìn nhận mọi chuyện ở góc độ cá nhân một chút.

Chiến dịch tranh cử khiến chúng tôi rã rời, thậm chí là mệt mỏi hơn tôi đã dự đoán. Trong khi tiếp tục thực hiện các kế hoạch hành động của mình và duy trì những hoạt động như tham gia họp phụ huynh học sinh ở trường và kiểm tra bài tập của các con, tôi đã phát biểu tại các sự kiện trong chiến dịch với tần suất ba thành phố một ngày, ba ngày một tuần. Và nhịp độ làm việc của Barack còn kinh khiếp hơn. Các cuộc thăm dò liên tục cho thấy số phiếu của anh ấy chỉ nhỉnh hơn Mitt Romney một chút. Càng tệ hơn khi cuộc tranh luận đầu tiên của anh hồi tháng Mười diễn ra không mấy suôn sẻ, gây ra một làn sóng căng thẳng kéo dài vào giờ chót giữa các mạnh thường quân và cổ vấn. Chúng tôi có thể thấy sự rã rời trên khuôn mặt của các nhân viên tận tâm của mình. Dù không định thể hiện ra, nhưng rõ ràng họ bất an trước khả năng Barack có thể buộc phải rời Nhà Trắng chỉ trong ít tháng tiếp theo.

Suốt quá trình ấy, Barack vẫn điềm tĩnh, nhưng tôi vẫn có thể thấy anh đã bị áp lực nhiều như thế nào. Trong những tuần cuối, anh bắt đầu trông xanh xao hơn và nhai kẹo Nicorette^[4] nhiều hơn. Tuy vậy, anh vẫn cố gắng làm mọi thứ cùng một lúc - xoa dịu những người đang tỏ ra lo lắng, hoàn thành chiến dịch và điều hành đất nước, bao gồm cả việc đáp trả cuộc tấn công khủng bố nhắm vào phái đoàn ngoại giao Mỹ tại Benghazi, Libya, và xoay sở để có ngân sách liên bang để ứng phó với cơn bão Sandy, vốn đã tàn phá duyên hải bờ Đông nước Mỹ chỉ một tuần trước ngày bầu cử.

Khi các điểm bỏ phiếu ở Bờ Đông bắt đầu đóng cửa vào đêm hôm đó, tôi đi lên tầng ba nhà mình, nơi chúng tôi đã lập ra một khu vực làm tóc và trang điểm tạm thời để chuẩn bị cho phần xuất hiện trước công chúng vào đêm hôm sau. Meredith đã hấp và ủi quần áo cho tôi, mẹ tôi và hai cô con gái. Johnny và Carl chuẩn bị làm tóc và trang điểm cho tôi. Theo thói quen, Barack trước đó đã ra ngoài chơi bóng rổ và sau đó đã vào văn phòng để chỉnh sửa lần cuối bài diễn văn của mình.

Chúng tôi có ti-vi ở tầng ba, nhưng tôi cố tình không mở. Nếu có tin, dù lành hay dữ, tôi muốn nghe trực tiếp từ Barack hay Melissa, hay từ một ai đó thân cận với tôi. Những lời làm nhảm của phóng viên tin tức với các tấm bản đồ kết quả bầu cử của họ luôn khiến tôi đau đầu. Tôi không muốn biết các chi tiết: tôi chỉ muốn biết phải cảm thấy như thế nào.

Lúc này đã là hơn tám giờ tối ở mạn Đông, nghĩa là đã phải có một vài kết quả sớm. Tôi cầm chiếc BlackBerry và gửi email cho Valerie, Melissa và Tina Tchen, người vào năm 2011 đã trở thành chánh văn phòng mới của tôi, hỏi xem họ đã biết được những gì.

Tôi chờ mười lăm phút, rồi ba mươi phút, nhưng không một ai trả lời. Căn phòng xung quanh tôi bắt đầu yên ắng lạ kỳ. Mẹ tôi ngồi ở gian bếp dưới nhà và đọc một tờ tạp chí. Meredith đang sửa soạn cho hai đứa con gái cho sự kiện tối đó. Johnny đang duỗi tóc cho tôi. Có phải tôi tưởng tượng quá nhiều không, hay là mọi người đang không dám nhìn vào mắt tôi? Bằng cách nào đó họ đã biết điều gì mà tôi không biết chẳng?

Thời gian trôi qua, tim tôi bắt đầu khua trống. Tôi cảm thấy trạng thái cân bằng của mình bắt đầu chao đảo. Tôi không dám xem tin tức vì tự cho rằng đó có thể là tin dữ. Đến lúc này tôi đã quen với việc đấu tranh gạt bỏ những ý tưởng tiêu cực, bám lấy những điều tốt đẹp cho đến khi tôi tuyệt đối phải chấp nhận chuyện chẳng hay. Tôi giữ sự tự tin của mình bên trong một tòa thành bé nhỏ, trên một ngọn đồi cao trong chính trái tim tôi. Nhưng khi từng phút trôi qua và chiếc BlackBerry vẫn nằm yên bất động, tôi cảm thấy các bức tường bắt đầu lung lay, những nghi ngờ bắt đầu lan tràn. Có lẽ chúng tôi đã không nỗ lực đủ. Có lẽ chúng tôi không xứng đáng một nhiệm kỳ nữa. Tay tôi bắt đầu run lên.

Khi tôi sắp ngất xỉu vì lo lắng thì Barack chậm rãi bước đến với nụ cười toe tự tin ngày trước. Anh đã không còn lo lắng gì nữa. “Chúng ta hát căng họ rồi”, anh nói, có vẻ ngạc nhiên khi tôi vẫn chưa hay tin. “Cơ bản thể là xong.”

Hóa ra ở dưới nhà, bầu không khí chung đã vui vẻ một lúc lâu, ti-vi ở tầng hầm liên tục phát những tin tốt lành. Vấn đề của tôi chính là dịch vụ di động của chiếc BlackBerry vì sao đó đã bị ngắt kết nối, không gửi tin nhắn của tôi đi mà cũng không tải về bất cứ cập nhật nào từ người khác. Tôi đã để mình mắc kẹt trong luồng suy nghĩ của bản thân. Không ai biết tôi đang lo lắng, kể cả những người cùng phòng với tôi.

Đêm hôm đó, Barack chiến thắng tại tất cả các bang chiến địa, trừ một bang duy nhất. Anh ấy đã chiến thắng nhờ những người trẻ tuổi, các nhóm thiểu số và phụ nữ, như năm 2008 anh đã từng chiến thắng. Bất chấp những gì Đảng Cộng hòa đã làm để khiến anh chùn bước, bất kể nhiều nỗ lực ngăn trở anh làm tổng thống, tầm nhìn của anh ấy đã chiến thắng. Chúng tôi đã đề nghị nước Mỹ cho phép chúng tôi tiếp tục làm việc - để đặt một cái kết mạnh mẽ - và giờ đây chúng tôi có được điều đó. Sự nhẹ nhõm đến ngay tức thì. Chúng tôi có đủ tốt hay không? Có, chúng tôi đủ tốt.

Khuya hôm đó, Mitt Romney đã gọi điện thông báo thua cuộc. Một lần nữa, chúng tôi lại sửa soạn quần áo và vẫy chào trên sân khấu, bốn thành viên nhà Obama và vô số hoa giấy, mừng vui vì lại có thêm bốn năm phía trước.

Lần tái đắc cử này khiến tôi vững dạ. Chúng tôi có nhiều thời gian hơn để tiếp tục những mục tiêu của mình. Chúng tôi có thể kiên nhẫn hơn khi thúc đẩy tiến độ. Chúng tôi đã có thể cảm nhận về tương lai, và chuyện đó khiến tôi thấy hạnh phúc. Chúng tôi có thể tiếp tục cho Sasha và Malia đi học; nhân viên của chúng tôi có thể tiếp tục công việc của họ; ý tưởng của chúng tôi vẫn còn quan trọng. Và khi bốn năm ấy kết thúc, chúng tôi sẽ thật sự xong xuôi, đó là điều khiến tôi cảm thấy sung sướng nhất. Sẽ không còn chiến dịch vận động, không còn vã mồ hôi trong những buổi bàn bạc về chiến thuật, phiếu bầu, các cuộc tranh luận hay tỷ lệ ủng hộ - không một lần nào nữa. Hồi cuối của cuộc đời chính trị của chúng tôi cuối cùng cũng trong tầm mắt.

Sự thật là tương lai sẽ đến với nhiều bất ngờ - một số tràn ngập niềm vui, số khác buồn không thể thốt nổi thành lời. Bốn năm kế tiếp trong Nhà Trắng đồng nghĩa với bốn năm luôn ở tiền tuyến trong vai trò những biểu tượng, tiếp nhận và đáp lại bất cứ điều gì xảy đến với nước Mỹ. Barack và tôi đã thực hiện chiến dịch tranh cử với ý nghĩ chúng tôi vẫn còn năng lượng và tinh thần kỷ luật cho công việc này, rằng chúng tôi toàn tâm toàn ý với nó. Và giờ đây tương lai đang đến với chúng tôi, có lẽ nhanh hơn chúng tôi nghĩ.

NĂM TUẦN SAU ĐÓ, một tay súng bước vào Trường tiểu học Sandy Hook ở Newtown, Connecticut, xả súng sát hại các em nhỏ. Tôi vừa hoàn thành một diễn văn ngắn ở đối diện Nhà Trắng và sau đó có lịch đến thăm một bệnh viện nhi thì Tina kéo tôi ra góc để báo chuyện vừa xảy ra. Trong lúc tôi đang phát biểu, cô và nhiều nhân viên khác đã nhìn thấy các tit báo bắt đầu xuất hiện trên điện thoại. Họ đã ngồi đó cố gắng che giấu cảm xúc trong lúc chờ tôi hoàn tất bài phát biểu của mình.

Tin tức mà Tina mang đến khủng khiếp và đau buồn tới nỗi phải khó khăn lắm tôi mới xử lý được những gì cô ấy nói.

Cô nói đã liên hệ với Cảnh Tây. Barack đang trong Phòng Bầu dục. “Ngài yêu cầu bà có mặt”, cô nói. “Ngay lập tức.”

Chồng tôi cần tôi. Đây là lần duy nhất trong tám năm anh ấy yêu cầu sự hiện diện của tôi ngay giữa giờ làm việc, cả hai chúng tôi đã sắp xếp lại lịch trình để có thể ở riêng bên nhau và an ủi nhau. Khi tôi bước vào Phòng Bầu dục, Barack và tôi im lặng ôm nhau. Không có gì để nói. Không có lời nào để nói.

Điều rất nhiều người không biết là tổng thống nhìn thấy gần như mọi thứ, hay ít nhất cũng nắm được cơ bản mọi thông tin liên quan đến sự tình quốc gia. Là con người của dữ kiện, Barack luôn yêu cầu phải có nhiều thông tin hơn mức cần thiết. Anh cố gắng có được cả góc nhìn bao quát nhất và chi tiết nhất trong mọi tình huống, ngay cả khi nó rất tồi tệ, để anh có thể đưa ra một quyết định thật sự chắc chắn. Anh xem đó là một phần trách nhiệm của mình, là việc mà anh được bầu để thực hiện - đó là nhìn thẳng vào vấn đề thay vì né tránh, vững vàng chống chọi khi tất cả chúng tôi cảm thấy sắp té nhào.

Như vậy nghĩa là khi tôi gặp anh thì anh đã được thông báo chi tiết về hiện trường kinh khiếp tại Sandy Hook. Anh nghe nói máu tràn ra sàn lớp học và xác của hai mươi học sinh lớp một và sáu giáo viên bị khẩu súng trường bán tự động xé toang. Nhưng cú sốc và nỗi đau đớn của anh cũng không thể bì được với cú sốc và nỗi đau của những người đầu tiên có mặt tại hiện trường, những người đã tức tốc phong tỏa tòa nhà và di tản những người sống sót ra khỏi cuộc đổ máu. Điều đó cũng không thể so sánh với cú sốc của những người cha người mẹ phải mòn mỏi chờ đợi giữa bầu không khí lạnh căm bên ngoài tòa nhà, cầu nguyện sẽ được nhìn thấy gương mặt của con mình lần nữa. Và điều đó không là gì so với cú sốc của những người mà sự chờ đợi của họ đã hóa thành vô vọng.

Những hình ảnh đó đã khắc mãi vào tâm khảm anh. Tôi có thể thấy qua đôi mắt anh rằng chúng đã khiến anh tan nát đến dường nào, đã ảnh hưởng ra sao đến niềm tin của anh. Anh bắt đầu mô tả cho tôi nghe nhưng rồi lại

thôi vì anh nhận ra tốt hơn là đừng khiến tôi phải đau buồn hơn nữa.

Cũng như tôi, Barack hết lòng yêu thương trẻ con. Bên cạnh việc là một người cha tận tụy, anh còn thường dắt trẻ con vào Phòng Bầu dục để tham quan. Anh thích bế những đứa trẻ. Anh rạng rỡ mỗi khi tham gia một ngày hội khoa học ở trường hay một sự kiện thể thao dành cho thanh thiếu niên. Mùa đông vừa rồi, anh đã khiến cuộc sống của mình thêm phần vui vẻ khi tình nguyện làm trợ lý huấn luyện viên cho Vipers, đội bóng rổ tại trường trung học của Sasha.

Tương tác với trẻ con khiến anh cảm thấy mọi thứ dễ chịu và nhẹ nhàng hơn. Và cũng như nhiều người khác, anh biết giờ đây đã chẳng còn gì phía trước đối với hai mươi sinh mạng vừa nằm xuống kia.

Vẫn tỏ ra kiên cường sau vụ Newtown có lẽ là điều khó khăn nhất mà anh ấy từng buộc phải làm. Khi Malia và Sasha từ trường về nhà hôm đó, Barack và tôi gặp chúng ở khu tư dinh và ôm chúng thật chặt, cố che giấu nỗi khao khát được ôm chúng thật chặt để biết là chúng vẫn an toàn. Rất khó biết phải nói gì và không nên nói gì với hai đứa về vụ nổ súng. Chúng tôi biết những bậc cha mẹ trên khắp nước Mỹ cũng đang vật lộn với nỗi băn khoăn đó.

Cuối ngày hôm đó, Barack tổ chức một cuộc họp báo ở dưới lầu. Anh gạt nước mắt khi các máy quay của phóng viên bấm liên tục xung quanh. Điều tốt nhất anh ấy có thể làm được là thể hiện sự cương quyết của mình - một điều mà anh nghĩ rằng có thể được chính các công dân và nhà lập pháp trên đất nước này đón nhận - để ngăn chặn các vụ thám sát khác bằng cách đưa ra những luật cơ bản, hợp lý về cách kinh doanh súng đạn.

Tôi nhìn anh bước lên phía trước và biết mình vẫn chưa sẵn sàng. Trong gần bốn năm là Đệ nhất Phu nhân, tôi thường an ủi những người khác. Tôi đã cầu nguyện cùng những người có nhà bị đánh sập trong một cơn cuồng phong ở Tuscaloosa, Alabama, những khu vực rộng lớn trong thị trấn biến thành tan hoang chỉ trong tích tắc. Tôi đã choàng tay ôm những người đàn ông, đàn bà và trẻ em đã mất đi những người thân thương vì chiến tranh ở Afghanistan, vì một kẻ cực đoan nổ súng tại khu căn cứ quân sự ở Texas, và vì tình trạng bạo lực tại những góc đường gần nhà của họ. Trong bốn tháng vừa qua, tôi đã đến thăm những người sống sót trong các vụ nổ súng hàng loạt tại một rạp chiếu phim ở Colorado và bên trong một ngôi đền đạo Sikh ở Wisconsin. Lần nào cũng rất thảm thương. Tôi cố gắng luôn mang đến những cuộc gặp đó phần điềm tĩnh và cởi mở nhất của bản thân, để san sẻ sức mạnh của tôi cho họ bằng cách quan tâm và hiện diện bên họ, ngồi lặng yên ở đáy con sông đau thương của người khác. Nhưng hai ngày sau vụ nổ súng ở Sandy Hook, khi Barack đến Newtown để phát biểu tại một buổi nguyện cầu dành cho các nạn nhân, tôi đã không thể nào đi theo anh ấy. Tôi bị chấn động đến độ không còn sức mạnh nào để san sẻ cho ai nữa. Tôi đã là Đệ nhất Phu nhân suốt gần bốn năm, và đã có quá nhiều giết chóc xảy ra - quá nhiều cái chết vô nghĩa có thể ngăn chặn được và có quá ít hành động. Tôi không chắc tôi còn có thể an ủi gì cho một người cha người mẹ có đứa con sáu tuổi vừa bị bắn chết ngay tại trường học.

Thay vào đó, như rất nhiều người làm cha mẹ, tôi bám chặt lấy con mình, tình yêu và nỗi sợ cứ bện vào nhau. Giáng sinh sắp đến, và Sasha nằm trong nhóm những đứa trẻ được chọn để tham gia cùng Vũ đoàn ba-lê Moscow cho hai suất diễn vở Kẹp hạt dẻ, cả hai đều diễn ra cùng ngày với lễ cầu nguyện tại Newtown. Barack xoay xở luồn vào hàng ghế cuối và xem buổi tổng duyệt trước khi rời đi để đến Connecticut để có một phát biểu. Tôi thì đến xem suất diễn buổi tối.

Vở ba-lê thật đẹp và khác lạ như chính bản thân câu chuyện, với vị hoàng tử trong cánh rừng sáng trắng và buổi đại tiệc lung linh của các loại bánh kẹo. Sasha đóng vai một chú chuột, mặc bộ trang phục mùa màu đen với đôi tai xù và một cái đuôi, con bé trình diễn vai của mình trong lúc một xe trượt tuyết trang hoàng đẹp để lướt qua tiếng nhạc giao hưởng ngân vang và những cơn mưa tuyết giả lấp lánh. Mắt tôi không thể rời khỏi con bé. Cả linh

hồn tôi đều được con bé an ủi. Sasha đứng trên sân khấu với đôi mắt sáng rực, nhìn cứ như thoát tiên con bé không thể tin mình đang có mặt ở đó, cứ như con bé cảm thấy cảnh tượng này thật long lanh và không hề có thực. Mà thực tế đương nhiên là không phải vậy. Nhưng con bé vẫn còn nhỏ để có thể đắm chìm vào suy nghĩ đó, ít nhất là trong một khoảnh khắc nào đó và để bản thân được đi qua thiên đường này, nơi không ai nói và ai cũng nhảy múa, nơi mà lễ hội luôn sắp diễn ra.

HÀN SẼ DỄ DÀNG HƠN NẾU nước Mỹ chỉ là một quốc gia đơn giản với một câu chuyện giản đơn. Nếu tôi có thể kể lại phần mình trong câu chuyện ấy chỉ qua lăng kính của những thứ có trật tự và ngọt ngào. Nếu như không hề có những lần thất bại. Và nếu mọi buồn bã, khi xảy đến, rồi cuộc rồi cũng sẽ được hóa giải.

Nhưng đó không phải là nước Mỹ, cũng chẳng phải là tôi. Tôi không hề tìm cách uốn cong sự thật này thành một hình dạng hoàn hảo nào cả.

Nhiệm kỳ thứ hai của Barack thật sự dễ dàng hơn so với nhiệm kỳ trước theo nhiều cách khác nhau. Chúng tôi đã học được rất nhiều trong bốn năm, chẳng hạn như học cách đặt đúng người vào đúng chỗ, xây dựng những hệ thống nhìn chung có thể hoạt động hiệu quả. Giờ đây chúng tôi đủ hiểu biết để tránh những điểm kém hiệu quả và những sai lầm nhỏ đã xuất hiện ở kỳ trước, bằng chứng là ngay ngày tuyên thệ nhậm chức vào tháng Một năm 2013, tôi đã yêu cầu bộ quan sát điều hành phải được sưởi ấm hoàn toàn để chân chúng tôi không bị cồng như trong lần tuyên thệ trước. Để giữ năng lượng cho mình, chúng tôi chỉ tổ chức hai vũ hội nhậm chức vào đêm hôm đó, thay vì mười buổi như hồi 2009. Chúng tôi còn bốn năm nữa, và nếu tôi có học được điều gì thì đó là hãy thư giãn và cố gắng đi theo nhịp độ của mình.

Ngồi cạnh Barack tại buổi diễu hành sau khi anh ấy tuyên lại lời thề với đất nước, tôi quan sát dòng xe và người diễu hành di chuyển theo đội hình đẹp mắt, lần này tôi đã có thể thông thả tận hưởng quang cảnh đó hơn lần trước. Từ vị trí thuận lợi của mình, tôi có thể gần như nhìn thấy từng khuôn mặt của các diễn viên trình diễn. Có cả ngàn người trình diễn hôm đó, mỗi người có một câu chuyện đời riêng. Hàng ngàn người khác đã đến Washington để trình diễn tại nhiều sự kiện khác được tổ chức trong những ngày trước ngày lễ nhậm chức, và hàng vạn người nữa đã đến để chứng kiến.

Về sau, tôi ước gì vào buổi lễ đó tôi đã có thể nhìn thấy một bé gái da đen dịu dàng đeo băng-dô màu vàng lấp lánh và bộ đồng phục diễu hành màu xanh da trời, cô bé đã đến đây cùng ban nhạc diễu hành Trường dự bị cao đẳng King ở South Side, Chicago, để trình diễn ở một vài sự kiện bên lề. Tôi muốn tin rằng tôi đã nhìn thấy em giữa hàng loạt những người đã ulla qua thành phố vào những ngày ấy. Cô bé mà tôi muốn nhìn thấy là Hadiya Pendleton, một bé gái mười lăm tuổi và đã trải qua những giây phút trọng đại của đời mình khi được ngồi xe buýt cùng các bạn diễn của mình để đến Washington. Ở nhà mình tại Chicago, Hadiya sống cùng cha mẹ và em trai, cách nhà chúng tôi ở Đại lộ Greenwood chừng ba cây số. Em là một học sinh giỏi tại trường và luôn thích nói với mọi người rằng sau này em muốn vào Harvard. Em đã bắt đầu lên kế hoạch cho tiệc sinh nhật thứ mười sáu của mình. Em thích món ăn Trung Quốc, bánh burger phô mai và những lúc đi ăn kem với bạn bè.

Tôi được biết tất cả những điều trên vài tuần sau đó, tại đám tang của em. Tám ngày sau lễ nhậm chức của Barack, Hadiya Pendleton bị bắn chết tại một công viên ở Chicago, không xa trường em học là mấy. Em và một nhóm bạn đang trú giông dưới một mái che cạnh sân chơi. Một đứa trẻ mười tám tuổi thuộc một băng đảng đã xả súng vào các em vì nhầm các em là thành viên băng đảng khác. Hadiya bị bắn vào lưng trong lúc chạy đi tìm chỗ nấp. Hai người bạn khác của em bị thương. Tất cả xảy ra vào lúc hai giờ hai mươi phút chiều thứ Ba.

Tôi ước mình đã nhìn thấy em khi em còn sống, ước gì mình có một ký ức về em để chia sẻ với mẹ em, khi mà giờ đây ký ức về cô con gái của bà đột nhiên chỉ còn gói gọn là những thứ mà người ta đã thu thập lại.

Tôi đến dự đám tang của Hadiya vì tôi cảm thấy đó là điều nên làm. Tôi đã chọn ở lại nhà khi Barack đến buổi tưởng niệm nạn nhân Newtown, nhưng giờ đã đến lúc tôi phải tiến lên. Hy vọng của tôi đó là sự hiện diện của tôi sẽ giúp chuyển ánh nhìn của công luận đến những đứa trẻ ngây thơ đang bị súng bắn hạ ngay trên đường phố gần như mỗi ngày - và đám tang này, cùng với nỗi kinh hoàng của Newtown, sẽ giúp thôi thúc người Mỹ đòi hỏi những luật lệ về súng đạn hợp lý hơn. Hadiya Pendleton xuất thân từ một gia đình gắn bó với nhau và thuộc tầng lớp lao động ở South Side, rất giống gia đình tôi. Nói một cách đơn giản, tôi đã có thể biết em. Tôi thậm chí có thể từng là em. Và nếu em đã chọn một con đường khác để về nhà hôm ấy, hay chỉ nhích sang trái một gang tay thay vì sang phải, thì em đã có thể trở thành một người như tôi.

“Tôi đã làm mọi thứ nên làm”, mẹ em nói với tôi khi hai chúng tôi gặp nhau ngay trước khi lễ tang bắt đầu, đôi mắt nâu của bà nhòe nhoẹt nước mắt. Cleopatra Cowley-Pendleton là một phụ nữ ấm áp có giọng nói nhẹ nhàng và mái tóc cắt ngắn, chị đang công tác ở bộ phận dịch vụ khách hàng tại một công ty xếp hạng tín nhiệm. Vào ngày đám tang con gái chị, chị cài một đóa hoa lớn màu hồng trên ve áo. Chị và chồng chị, Nathaniel, đã hết lòng chăm sóc Hadiya, khuyến khích em nộp đơn vào King, một trường công dạng tuyển, và để bảo đảm em không lãng phí quá nhiều thời gian rong chơi ngoài đường, họ đã đăng ký cho em tham gia lớp bóng chuyền, đội cổ vũ và một vũ đoàn tại nhà thờ. Như cha và mẹ đã từng làm với tôi, họ đã có những hy sinh để em có thể tiếp xúc với những thứ khác nằm bên ngoài khu em sống. Em đã có lịch sang châu Âu với ban nhạc điều hành của mình vào mùa xuân năm đó, và rõ ràng em đã rất thích chuyến đi Washington của mình.

“Ồ đó sạch sẽ lắm, mẹ ơi”, em kể với Cleopatra sau khi về nhà. “Con nghĩ con sẽ tham gia chính trị.”

Thế mà, Hadiya Pendleton trở thành một trong ba người đã chết trong các vụ bạo lực súng đạn khác nhau xảy ra ở Chicago vào cùng cái ngày tháng Một hôm đó. Em là người thứ ba mươi sáu ở Chicago thiệt mạng vì bạo lực súng đạn năm đó, và năm ấy chỉ mới bắt đầu được hai mươi chín ngày. Không cần nói thì gần như ai cũng biết đa số các nạn nhân đó đều là người da đen.

Đám tang của em có nhiều người tham dự, một cộng đồng đau đớn khác đang ngồi kín trong nhà thờ, cố gắng đối mặt với cảnh tượng một bé gái vị thành niên nằm trong cỗ quan tài vàng lụa tím. Cleopatra đứng lên và nói về con gái mình. Bạn bè của Hadiya đứng dậy và kể lại những câu chuyện về em, mỗi câu chuyện mang theo nỗi ám ức và tuyệt vọng. Đó là những đứa trẻ không chỉ đang đặt câu hỏi tại sao, mà còn là tại sao lại thường xuyên đến thế? Có những người lớn có quyền lực trong phòng ngày hôm đó - không chỉ tôi, mà là thị trưởng, thống đốc bang, Jesse Jackson Sr. và chị Valerie Jarrett, và nhiều nhân vật quan trọng khác - tất cả chúng tôi ngồi kín các hàng ghế nguyện, buộc lòng tự thừa nhận nỗi đau và tội lỗi của chính mình trong khi dàn đồng ca cất tiếng hát với một uy lực mạnh mẽ đến nỗi sàn nhà thờ đã rung chuyển.

ĐIỀU QUAN TRỌNG LÀ tôi muốn mình không chỉ là một người an ủi. Trong đời mình, tôi đã nghe vô số những lời sáo rỗng đến từ những người quyền thế, những lời đái bôi thốt ra vào lúc khủng hoảng mà không có hành động kèm theo. Tôi đã quyết tâm trở thành người nói lên sự thật, sử dụng tiếng nói của mình để nâng đỡ những người cô thế và không bao giờ biến mất khi có người cần mình. Tôi biết mình xuất hiện ở bất kỳ nơi nào thì nơi đó cũng dễ bị chú ý - một cơn bão bùng lên bất chợt và chóng tan, bắt đầu với đoàn xe tháp tùng, các mật vụ, trợ lý và giới truyền thông, và ngay trung tâm cơn bão là tôi. Chúng tôi xuất hiện ở đó rồi biến mất. Tôi không muốn chuyện này làm ảnh hưởng các cuộc gặp mặt của mình, khi mà đôi khi sự hiện diện của tôi khiến mọi người bắt đầu lấp bắp hay im lặng, không biết làm thế nào để là chính mình. Đó là lý do tôi thường kèm theo một cái ôm khi tự giới thiệu về bản thân, để làm mọi thứ chậm lại, bớt kiểu cách và đưa tất cả chúng ta về với bản chất con người.

Tôi đã tìm cách xây dựng mối quan hệ với những người tôi gặp, đặc biệt là những người không thường tiếp xúc với cái thế giới mà giờ đây tôi đang trú ngụ. Tôi muốn san sẻ niềm vui khi mình có thể. Tôi đã mời cha mẹ của Hadiya Pendleton đến ngồi cạnh tôi khi Barack đọc Thông điệp Liên bang chỉ vài ngày sau đám tang của cô bé, và mời gia đình họ đến Nhà Trắng tham gia sự kiện Easter Egg Roll. Cleopatra, nay đã trở thành người cổ động có tiếng nói ngăn chặn bạo lực, cũng quay lại một vài lần để tham gia các cuộc họp về vấn đề này. Tôi quyết định viết thư gửi đến các em nữ sinh trường Elizabeth Garrett Anderson ở Luân Đôn, những người đã khiến tôi vô cùng cảm động, nhằm khuyến khích các em hãy luôn hy vọng và tiếp tục nỗ lực dù phải ở trong hoàn cảnh bất lợi. Năm 2011, tôi đã đưa một nhóm ba mươi bảy nữ sinh của trường đến tham quan Đại học Oxford, trong đó không chỉ có các học sinh có thành tích học tập tốt mà còn có những học sinh mà giáo viên cho rằng vẫn chưa phát huy hết tiềm năng. Mục đích của tôi là cho các em thấy điều các em có thể đạt được, giúp các em hiểu những gì các em có thể có khi nỗ lực vươn lên. Năm 2012, tôi mời các học sinh của trường đến Nhà Trắng trong chuyến thăm cấp nhà nước của Thủ tướng Anh. Tôi cảm thấy cần phải gặp gỡ và tương tác với các em nhiều lần và theo nhiều cách khác nhau để các em cảm thấy tất cả đều có thật và khả thi.

Tôi biết những thành công ban đầu của tôi là kết quả của tình yêu thương và những kỳ vọng mà tôi đã có được khi còn là một đứa bé, cả ở nhà và khi ở trường. Chính nhận thức ấy đã thúc đẩy tôi thực hiện chương trình cổ vũ tại Nhà Trắng, và đây là trọng tâm của một chương trình giáo dục mới mà nhân viên của tôi và tôi giờ đây đang chuẩn bị phát động với tên gọi Reach Higher (tạm dịch: Vươn Cao). Tôi muốn khuyến khích các em cố gắng vào đại học, và một khi đã đến được đó, hãy hoàn tất chương trình học. Tôi biết trong những năm sắp tới, nền tảng giáo dục đại học sẽ trở nên cần thiết hơn cho các bạn trẻ gia nhập thị trường lao động toàn cầu. Reach Higher sẽ giúp các em trên chặng đường đó, hỗ trợ thêm cho các chuyên viên tư vấn học đường và tạo điều kiện thuận lợi hơn để tiếp cận nguồn hỗ trợ tài chính liên bang.

Tôi đã may mắn khi được cha mẹ, thầy cô và những người hướng dẫn bồi đắp bằng một thông điệp đơn giản và nhất quán: Tôi quan trọng. Trong vai trò một người trưởng thành, tôi muốn chuyển những lời đó đến với thế hệ mới. Đó chính là thông điệp tôi trao cho hai đứa con của mình, những đứa trẻ may mắn được củng cố niềm tin vào thông điệp đó mỗi ngày bởi nhà trường và cuộc sống có nhiều lợi thế của chúng, và tôi quyết tâm truyền đạt một phiên bản nào đó của thông điệp này đến mọi người trẻ tuổi mà tôi gặp. Tôi muốn trở thành một người hoàn toàn ngược lại với vị tư vấn tuyển sinh mà tôi từng gặp hồi trung học, người đã “vô tư” nói rằng tôi không có phẩm chất của sinh viên Princeton.

“Tất cả chúng ta đều tin là các em thuộc về nơi đây”, tôi nói với các em nữ sinh trường Elizabeth Garrett Anderson khi các em đang ngồi trong phòng ăn theo phong cách Gothic cổ kính của Đại học Oxford, nhiều em trông có vẻ khá ngớ ngẩn, xung quanh các em là các giảng viên đại học và các sinh viên đến để tư vấn cho các em. Tôi đã nói điều tương tự mỗi khi có các em nhỏ đến tham quan Nhà Trắng - các bạn trẻ tuổi teen được mời đến từ khu lãnh thổ bảo tồn dành cho thổ dân Standing Rock Sioux; các em nhỏ từ các trường học trong khu vực có mặt để tham gia làm vườn; các em học sinh trung học đến dự các ngày hướng nghiệp và các buổi chia sẻ về thời trang, âm nhạc và thi ca; thậm chí là các em nhỏ mà tôi chỉ có thể ôm một cái thật nhanh và thật chặt đang đứng xếp hàng sau làn dây bảo vệ. Thông điệp luôn chỉ có một. Các em thuộc về nơi này. Các em quan trọng. Tôi đánh giá cao các em.

Một nhà kinh tế học từ một trường đại học ở Anh về sau đã đưa ra một nghiên cứu về kết quả học tập của học sinh trường Elizabeth Garrett Anderson, trong đó cho thấy điểm số chung của các em đã tăng đáng kể sau khi tôi bắt đầu kết nối với các em - tương đương với một cú nhảy vọt từ điểm C trung bình lên điểm A. Sự tiến bộ này có

được là nhờ nỗ lực của chính các em, thầy cô của các em và những công việc mà hàng ngày họ làm cùng nhau, nhưng nó cũng khẳng định quan điểm rằng trẻ em sẽ cố gắng nhiều hơn khi các em cảm thấy được quan tâm. Tôi hiểu rằng việc tôi thể hiện sự quan tâm của mình dành cho các em nhỏ sẽ tạo ra sức ảnh hưởng nhất định.

HAI THÁNG SAU ĐÁM TANG của Hadiya Pendleton, tôi trở về Chicago. Tôi chỉ đạo cho Tina, chánh văn phòng của tôi và cũng là một luật sư có nhiều năm làm việc tại Chicago, tập trung vào các cuộc vận động kêu gọi ngăn chặn bạo lực tại đây. Tina là người am hiểu chính sách, cô có trái tim bao dung và một nụ cười dễ khiến người ta vui lây và luôn tay luôn chân hơn bất kỳ ai mà tôi từng biết. Cô hiểu nên sử dụng đòn bẩy nào từ bên trong lẫn bên ngoài chính phủ để tạo ra tác động ở quy mô mà tôi mong muốn. Hơn nữa, với bản tính và kinh nghiệm của bản thân, cô sẽ không để tiếng nói của mình chìm vào hư không, đặc biệt là trong các cuộc họp mà thành phần tham gia chủ yếu là nam giới, tình huống mà cô thường gặp. Trong suốt nhiệm kỳ thứ hai của Barack, cô đã đấu tranh với Lầu Năm Góc và nhiều thống đốc bang khác nhau để xóa bỏ tệ quan liêu nhằm giúp các cựu chiến binh và vợ chồng của quân nhân có thể xây dựng sự nghiệp của họ một cách hiệu quả hơn, và cô cũng giúp xây dựng một nỗ lực to lớn ở cấp chính quyền tập trung vào giáo dục cho các em gái trên toàn cầu.

Sau cái chết của Hadiya, Tina đã tận dụng những mối quan hệ tại địa phương của mình, khuyến khích các lãnh đạo doanh nghiệp và các nhà hảo tâm ở Chicago làm việc với Thị trưởng Rahm Emanuel để mở rộng các chương trình cộng đồng dành cho thanh thiếu niên có nguy cơ bị tấn công cao trên khắp thành phố. Nỗ lực của cô đã giúp thu được các cam kết trị giá ba mươi ba triệu đô-la chỉ trong ít tuần. Vào một ngày tháng Tư mát trời, Tina và tôi đã đi tham dự một cuộc gặp gỡ các nhà lãnh đạo cộng đồng để thảo luận về chủ đề tiếp sức tuổi trẻ, và cũng để gặp gỡ một nhóm người trẻ mới.

Trước đó vào mùa đông, chương trình radio cộng đồng This American Life đã dành ra hai giờ đồng hồ kể những câu chuyện về các học sinh và nhân viên của Trường trung học William R. Harper ở Englewood, một khu ở vùng South Side. Trong năm vừa qua, hai mươi chín học sinh đang theo học và vừa tốt nghiệp của trường đã bị bắn, trong đó có tám em thiệt mạng. Những con số đó khiến tôi và các nhân viên của tôi sửng sò, nhưng chuyện đáng buồn chính là các ngôi trường ở thành thị trên khắp đất nước đang phải đấu tranh với tình trạng bạo lực súng đạn ngày càng lây lan như dịch bệnh. Trong các cuộc nói chuyện về tiếp sức tuổi trẻ, điều quan trọng nhất có lẽ chính là ngồi xuống và thật sự lắng nghe các em.

Ngày tôi còn bé, Englewood đã là một khu lộn xộn nhưng không đến mức chết người như hiện tại. Những năm cấp hai, tôi thường đến Englewood để học thí nghiệm sinh học hàng tuần tại một trường cao đẳng cộng đồng. Giờ đây, nhiều năm sau, khi đoàn xe tháp tùng của tôi chạy qua những căn nhà bungalow bị bỏ hoang và các cửa hàng xập xệ đã đóng cửa, qua những lô đất trống và những tòa nhà bị đốt trụi, tôi cảm thấy hình như hoạt động kinh doanh duy nhất còn sống tốt ở đây là các cửa hàng rượu.

Tôi nghĩ về thời thơ ấu và khu nhà của mình, cũng như về cách mà từ “khu ổ chuột” bị lan truyền như một mối họa. Giờ thì tôi đã hiểu sự ám chỉ này đã khiến cho các gia đình trung lưu có tài chính ổn định rút về vùng ngoại ô vì lo lắng nhà đất của họ bị sụt giá. “Khu ổ chuột” ám chỉ một nơi vừa nhiều người da đen vừa vô vọng. Đó là một cái nhãn tiên báo sự thất bại và rồi khiến thất bại đến nhanh hơn. Cái nhãn đó đã đóng cửa các cửa hiệu tạp hóa và cây xăng, hủy hoại nền móng của trường học và các nhà giáo dục đang tìm cách hun đúc lòng tự trọng nơi các em nhỏ trong vùng. Đó là từ ngữ mà ai cũng muốn tránh xa, nhưng nó có thể nhanh chóng kích động sự khó chịu và giận dữ của một cộng đồng.

Trường trung học Harper tọa lạc ở trung tâm khu Tây Englewood. Ngôi trường là một tòa nhà lớn có nhiều mái nhà và được xây bằng gạch silicat. Tôi gặp hiệu trưởng Leonetta Sanders, một phụ nữ Mỹ gốc Phi nhanh

nhện đã làm việc ở trường được sáu năm, và hai nhân viên công tác xã hội đã cống hiến hết mình cho cuộc sống của năm trăm mười đứa trẻ theo học tại Harper, đa số đến từ các gia đình có thu nhập thấp. Crystal Smith, một trong hai nhân viên công tác xã hội, thường đi lại trên hành lang giữa những lớp học, truyền cho các em học sinh sự tích cực, thể hiện sự quan tâm của mình đối với các em bằng cách nói to, “Cô rất tự hào về các em!” và “Cô thấy các em đang rất cố gắng!”. Cô cũng thường nói “Cô cảm ơn các em trước nhé!” cho mỗi quyết định tốt đẹp mà cô tin các em sẽ đưa ra.

Tại thư viện trường hôm ấy, tôi tham gia cùng một nhóm hai mươi hai học sinh Harper - tất cả đều là người Mỹ gốc Phi, đa số là học sinh năm ba và năm tư - đang ngồi trên ghế hoặc trường kỷ và tạo thành một vòng tròn. Các em mặc quần ka-ki và áo cổ cổ, đa số đều háo hức được lên tiếng. Các em nói về nỗi sợ hàng ngày, thậm chí là hàng giờ, đối với các băng đảng và bạo lực. Một số giải thích rằng các em có cha mẹ nghiện ngập hoặc thiếu quan tâm con cái; một vài em đã từng có thời gian trong trại cải huấn thanh thiếu niên. Một em học sinh năm ba tên Thomas đã chứng kiến bạn mình - một cô gái mười sáu tuổi - bị bắn chết vào mùa hè năm trước. Anh trai của em - người bị liệt một phần cơ thể vì trước đó từng bị bắn - hôm đó cũng bị bắn và bị thương khi đang ngồi xe lăn ở bên ngoài. Gần như mọi đứa trẻ ở đó đều đã mất đi một ai đó - một người bạn, họ hàng, hàng xóm - bởi súng đạn. Trong khi đó, có rất ít em từng vào trung tâm để chiêm ngưỡng bờ hồ hay tham quan khu công viên giải trí Navy Pier.

Một lúc sau, một nhân viên công tác xã hội nói với cả nhóm, “Hai mươi bảy độ và trời nắng!”. Các em bắt đầu gật đầu rầu rĩ. Tôi không rõ vì sao. “Hãy kể cho Phu nhân Obama nghe đi”, cô nói. “Các em nghĩ gì khi thức giấc vào buổi sáng và nghe dự báo thời tiết hai mươi bảy độ và trời nắng?”

Rõ ràng cô ấy biết câu trả lời nhưng muốn đích thân bọn trẻ kể tôi nghe.

Tất cả các em học sinh trường Harper đều nhất trí là một ngày như thế không có gì tốt lành. Khi thời tiết đẹp, các băng nhóm hoành hành hơn và các vụ bắn súng chỉ tệ hơn.

Các em học sinh này đã thích nghi với cái logic ngược ngạo do môi trường sống của chúng quyết định, đó là các em phải ở trong nhà vào những ngày đẹp trời, thay đổi lộ trình đi học mỗi ngày dựa trên sự thay đổi về địa bàn hoạt động và liên minh của các băng nhóm. Các em kể là đôi khi con đường về nhà an toàn nhất là đi ngay giữa đường khi xe cộ chạy ào ào cả hai bên. Làm như thế giúp các em có cái nhìn bao quát hơn về bất cứ vụ giao tranh nào hay những ai có thể nổ súng. Và điều đó cho các em thêm thời gian để chạy trốn.

Nước Mỹ không phải là một nơi đơn giản. Những mâu thuẫn của nó khiến tôi quay cuồng. Tôi tham gia các buổi vận động gây quỹ của Đảng Dân chủ tại các căn nhà thông tầng rộng rãi ở Manhattan, nhấp rượu với những phụ nữ giàu có tự nhận mình rất tâm huyết với giáo dục và các vấn đề về trẻ em và rồi lại nghiêng người ra chiều bí mật bảo với tôi rằng những ông chồng làm ở Phố Wall của họ sẽ không bao giờ bầu cho bất cứ người nào nghĩ đến việc tăng mức thuế mà họ phải đóng.

Và giờ đây tôi ở Harper, nghe các em học sinh nói về cách để sống sót. Tôi ngưỡng mộ sự kiên cường của các em, và tôi ước gì các em không cần phải kiên cường đến như thế.

Một em học sinh đã hỏi tôi một câu hỏi thẳng thắn. “Thật vui khi bà đến đây và chia sẻ”, cậu bé nhún vai. “Nhưng bà sẽ làm gì để giải quyết những chuyện này?”

Đối với các em, tôi đại diện cho Washington, D.C. cũng như cho vùng South Side. Và khi nhắc đến Washington, tôi cảm thấy mình nợ các em một sự thật.

Tôi nói, “Thú thật, tôi biết các em đang phải đối mặt với rất nhiều thứ ở đây, nhưng sẽ không có ai sớm đến cứu các em. Hầu hết những người ở Washington thậm chí còn không có ý định đó. Rất nhiều người trong số họ

thậm chí còn không biết đến sự hiện diện của các em”. Tôi giải thích với những học sinh đó rằng quá trình diễn ra rất chậm, các em không thể chỉ ngồi yên và chờ thay đổi diễn ra. Nhiều người Mỹ không muốn tăng thuế, còn Quốc hội thì không thể thông qua ngay cả một ngân sách thì nói gì đến chuyện lên tiếng giữa những cuộc đấu đá đảng phái, do đó sẽ không có những khoản đầu tư hàng tỷ đô-la vào giáo dục hay những chuyển biến thần kỳ đối với cộng đồng của các em. Ngay cả sau vụ việc kinh hoàng ở Newtown, Quốc hội vẫn không thông qua các biện pháp kiểm soát súng đạn, vì các nhà lập pháp thích thu tiền đóng góp cho chiến dịch từ Hiệp hội Súng trường Quốc gia hơn là bảo vệ các em nhỏ. Tôi nói với các em rằng chính trị là một mớ hỗn loạn. Về mặt này, tôi không có điều gì vui vẻ hay lời động viên nào để nói với các em.

Tuy nhiên, tôi tiếp tục nói và đưa ra một đề nghị khác, một chia sẻ đến từ chính con người South Side trong tôi. Tôi nói, hãy sử dụng trường học.

Những đứa trẻ này vừa dành một giờ đồng hồ để kể cho tôi những câu chuyện bi kịch và đau thương, nhưng tôi nhắc nhở các em rằng chính các câu chuyện ấy cũng cho thấy sự kiên cường, khả năng tự lực cánh sinh và vượt qua nghịch cảnh của các em. Tôi đảm bảo với các em rằng các em đã có những điều cần thiết để thành công. Các em đang ở đây, tại ngôi trường đang mang đến cho các em nền giáo dục miễn phí, và có rất nhiều những người lớn tận tâm bên trong ngôi trường này, những người nghĩ rằng các em thật sự quan trọng. Khoảng sáu tuần sau, nhờ tiền đóng góp của các doanh nhân địa phương, một nhóm học sinh trường Harper đã đến Nhà Trắng gặp tôi và Barack, cũng như dành thời gian tham quan Đại học Howard để biết đại học là như thế nào. Tôi hy vọng các em có thể lấy đó làm mục tiêu của mình.

Tôi sẽ không bao giờ giả vờ rằng những lời lẽ hay những cái ôm từ Đệ nhất Phu nhân có thể làm thay đổi cuộc đời một con người, hoặc có một con đường dễ dàng nào đó cho các em học sinh giải quyết những khó khăn mà bọn trẻ tại Harper đang đối mặt. Không có chuyện gì đơn giản như vậy. Và dĩ nhiên, từng người chúng tôi ngồi trong thư viện ngày hôm đó đều biết điều này. Nhưng tôi có mặt ở đó để đẩy lùi những tư tưởng cổ hủ và tội tệ về cuộc đời của đứa trẻ da đen thành thị ở Mỹ, cái tư tưởng đã tiên báo thất bại rồi khiến thất bại tới nhanh hơn. Nếu tôi có thể chỉ ra sức mạnh của các em học sinh đó và giúp các em hình dung ra một con đường đến với tương lai, thì tôi sẽ luôn làm điều đó. Đó là một thay đổi nhỏ mà tôi có thể tạo ra.

MÙA XUÂN NĂM 2015, Malia thông báo là con bé được một anh bạn mà mình khá thích mời dự vũ hội tốt nghiệp. Khi ấy con bé mười sáu tuổi và đang kết thúc năm áp cuối tại Sidwell. Với chúng tôi, Malia vẫn là đứa con bé bông, chân dài và nhiệt tình như trước giờ vẫn vậy, dù mỗi ngày con bé có vẻ càng giống người lớn hơn một chút. Giờ đây con bé đã cao gần bằng tôi và bắt đầu nghĩ tới chuyện vào đại học. Malia là một học sinh ưu tú, tò mò và điềm tĩnh, một người thích thu thập thông tin hết như cha mình. Con bé có hứng thú với phim ảnh và nghề làm phim, và mùa hè vừa rồi con bé đã tự tìm gặp đạo diễn Steven Spielberg vào một tối nọ, khi ông đến Nhà Trắng dự tiệc tối. Khi đó con bé đã hỏi Steven quá nhiều câu hỏi đến mức ông đã cho con bé thực tập trong một bộ phim truyền hình mà ông đang sản xuất. Con gái của chúng tôi đang tìm con đường riêng cho mình.

Thông thường, vì lý do an ninh, Malia và Sasha không được phép đi xe của bất cứ ai khác. Malia khi ấy đã có giấy phép lái xe tạm thời và có thể tự lái xe một mình trong thành phố, dù vẫn luôn có xe mật vụ đi theo. Nhưng từ khi dọn đến Washington lúc lên mười tới nay, chưa bao giờ con bé đi xe buýt hay tàu điện ngầm, hay được ai đó không phải mật vụ chở đi. Tuy nhiên, vì đó là vũ hội tốt nghiệp, chúng tôi tạo ra một ngoại lệ.

Vào buổi tối đã hẹn, cậu bạn của Malia lái xe đến đón con bé, hoàn tất thủ tục an ninh ở cổng đông nam Nhà Trắng, men theo con đường chạy quanh Bãi cỏ phía Nam, nơi các yếu nhân và các thượng khách thường đến, và rồi hết sức tự nhiên - và can đảm - đi vào Phòng Tiếp đón Ngoại giao trong một bộ vét đen.

“Cha mẹ cứ thoải mái bình thường nhé?”, Malia nói với tôi và Barack, sự ngượng ngùng của con bé bắt đầu lộ ra khi chúng tôi đi thang máy xuống nhà. Tôi đang đi chân trần, còn Barack thì mang dép kẹp. Malia mặc một chiếc váy dài màu đen và chiếc áo vai trần trang nhã. Con bé trông thật đẹp và có vẻ như hai-mươi-ba tuổi chứ không phải mười sáu.

Theo tôi thì hai chúng tôi đã đóng vai “thoải mái bình thường” thành công, dù Malia vẫn cứ cười khi nhớ lại chuyện đó như một cái gì đau khổ lắm. Barack và tôi bắt tay chàng trai trẻ, chụp vài tấm ảnh và ôm con gái mình một cái rồi tiễn cả hai đi. Chúng tôi cảm thấy an tâm - dẫu sự an tâm đó hơi bất công đối với hai đứa trẻ - khi biết đội bảo vệ an ninh của Malia về cơ bản sẽ theo đuôi xe thẳng bé suốt chặng đường đến nhà hàng và âm thầm làm nhiệm vụ suốt buổi tối ở đó, tại nơi hai đứa sẽ dùng bữa tối trước khi khiêu vũ.

Từ quan điểm của một người mẹ, tôi thấy cách nuôi dạy trẻ vị thành niên này cũng không tệ - biết là luôn có một nhóm người lớn đầy cảnh giác theo sau chúng, chịu trách nhiệm giải thoát cho chúng khỏi bất cứ tình huống khẩn cấp nào. Tuy nhiên, đối với một đứa trẻ vị thành niên thì hoàn toàn có thể hiểu được chuyện này đáng thất vọng thế nào. Cũng như với nhiều khía cạnh khác trong cuộc sống tại Nhà Trắng, chúng tôi buộc phải tự tìm hiểu những điều quan trọng cho gia đình mình - đâu là giới hạn và làm thế nào để vạch rõ giới hạn, làm sao để cân bằng giữa những trách nhiệm của tổng thống và nhu cầu của hai đứa trẻ đang tự học cách trưởng thành.

Khi hai con vào trung học, chúng tôi cho chúng “giờ giới nghiêm” - ban đầu là mười một giờ và cuối cùng là nửa đêm - và thực hiện nguyên tắc này, theo lời Malia và Sasha, một cách triệt để hơn bất cứ bậc cha mẹ nào của bạn bè chúng. Nếu tôi lo lắng về sự an toàn hay muốn biết các con đang ở đâu, tôi luôn có thể hỏi nhân viên mật vụ, nhưng tôi cố không làm như vậy. Điều quan trọng với tôi là bọn trẻ tin tưởng đội an ninh của chúng. Thay vào đó, tôi đã làm theo cách mà tôi nghĩ rất nhiều bậc cha mẹ cũng làm, đó là thiết lập mạng lưới quan hệ với các ông bố bà mẹ khác để trao đổi thông tin với nhau, tất cả chúng tôi đóng góp những gì mình biết về nơi bọn trẻ đang đi tới hay liệu có người lớn đi theo chúng hay không. Dĩ nhiên, hai cô con gái của chúng tôi phải gánh thêm trách nhiệm vì vai trò của cha chúng, chúng biết những sai phạm của mình có thể sẽ được đưa lên trang nhất. Barack và

tôi nhận ra như thế thật không công bằng. Cả hai chúng tôi đều từng phá vỡ giới hạn và làm nhiều chuyện ngu ngốc khi còn tuổi vị thành niên, và chúng tôi đã may mắn khi làm ngần ấy thứ mà không bị cả nước dễ mất tới.

Ngày mà Barack ngồi ở mép giường Malia ở Chicago và hỏi xem con bé có đồng ý để anh tranh cử tổng thống hay không, con bé mới tám tuổi. Giờ đây nghĩ lại, tôi thấy khi đó con bé đã biết ít như thế nào, tất cả chúng tôi đã biết ít như thế nào. Là một đứa trẻ trong Nhà Trắng là một chuyện. Trưởng thành từ trong Nhà Trắng lại là một chuyện hoàn toàn khác. Khi đó làm sao Malia có thể đoán nổi một ngày kia sẽ có người mang súng đi theo mình đến vũ hội tốt nghiệp? Hoặc con bé làm sao đoán được là người ta sẽ chụp ảnh nó đang lên hút một điếu thuốc và bán những tấm ảnh đó cho các trang tin lá cải?

Các con chúng tôi lớn lên vào một giai đoạn rất đặc biệt. Apple bắt đầu bán iPhone từ tháng Sáu năm 2007, khoảng bốn tháng sau khi Barack công bố tranh cử vị trí tổng thống. Một triệu chiếc iPhone được bán ra trong chưa đầy ba tháng. Một tỷ chiếc iPhone đã bán hết trước khi nhiệm kỳ tổng thống thứ hai của anh kết thúc. Anh là tổng thống đầu tiên của một thời đại mới, thời đại phá vỡ mọi quy tắc về tính riêng tư, thời đại có selfie, xâm nhập dữ liệu, Snapchat và chị em nhà Kardashian. Con gái chúng tôi chịu sự ảnh hưởng của những điều đó sâu sắc hơn chúng tôi, một phần do truyền thông xã hội chi phối cuộc sống của thanh thiếu niên, và phần khác là do thói quen sinh hoạt khiến chúng dễ tiếp xúc với công chúng hơn chúng tôi. Mỗi khi đi cùng bạn bè quanh Washington, Malia và Sasha thường bị người ta đưa điện thoại lên chụp hình, hoặc thậm chí có người đề nghị được chụp hình chung với hai đứa. Những lúc đó, để từ chối, Malia sẽ nói, “Anh chị biết em là trẻ con mà đúng không?”.

Barack và tôi làm mọi thứ có thể để bảo vệ con cái mình khỏi sự phơi bày quá mức, từ chối mọi yêu cầu từ truyền thông dành cho chúng và làm hết sức để đời sống thường nhật của chúng nằm ngoài tầm mắt công chúng. Nhân viên mật vụ của bọn trẻ đã giúp chúng tôi bằng cách cố gắng trở nên ít nổi bật nhất có thể - mặc quần ngắn và áo thun thay vì com-lê, thay tai nghe và micro đeo cổ tay bằng bộ tai nghe nhét tai - để có thể trà trộn tốt hơn vào các buổi tụ tập bạn bè của đám trẻ vị thành niên, tình huống mà giờ đây họ thường xuyên gặp phải. Chúng tôi hết sức phản đối việc đăng tải bất cứ hình ảnh nào về hai đứa con mình khi hình ảnh đó không liên quan đến các sự kiện chính thức, và văn phòng báo chí Nhà Trắng đã làm rõ điều này với giới truyền thông. Melissa và những thành viên khác trong nhóm của tôi đã trở thành người thực thi nguyên tắc đó của chúng tôi bất cứ lúc nào có hình ảnh của một trong hai đứa xuất hiện trên trang tin lá cải nào đó, họ sẽ gọi điện và yêu cầu các trang đó gỡ bỏ hình ảnh.

Bảo vệ sự riêng tư của Malia và Sasha cũng có nghĩa là tìm ra những cách khác để xoa dịu sự tò mò của công chúng về gia đình chúng tôi. Từ đầu nhiệm kỳ thứ hai của Barack, gia đình tôi có thêm thành viên mới, đó là chú chó Sunny - một tâm hồn tự do không thấy có lý do gì để phải đi vệ sinh đúng chỗ, vì nhà mới của nó quá rộng. Hai chú chó giúp mọi thứ trở nên nhẹ nhàng hơn. Chúng là bằng chứng sống - và có chút lười biếng - cho thấy Nhà Trắng là một ngôi nhà. Biết là không được phép đụng tới Malia và Sasha, đội truyền thông Nhà Trắng bắt đầu yêu cầu các chú chó xuất hiện tại các sự kiện chính thức. Vào các tối, tôi sẽ bắt gặp trong sổ báo cáo của mình những lưu ý đề nghị tôi chấp thuận một buổi “Thăm Bo và Sunny”, cho phép mấy chú chó tiếp xúc với báo giới hay bọn trẻ đến tham quan. Các chú chó sẽ được điều động khi phóng viên đến Nhà Trắng để tìm hiểu về tầm quan trọng của thương mại và xuất khẩu của nước Mỹ, hoặc như sau này là để nghe Barack ngợi khen Merrick Garland, người mà anh ấy lựa chọn cho vị trí Thẩm phán Tòa án tối cao. Bo đóng vai chính trong một video quảng bá về Easter Egg Roll. Nó và Sunny tạo dáng cùng tôi trong loạt ảnh được sử dụng cho một chiến dịch vận động trực tuyến khuyến khích mọi người đăng ký để được chăm sóc sức khỏe. Chúng là những đại sứ tuyệt vời, không bận tâm đến những lời phê bình và cũng không nhận ra danh tiếng của mình.

NHƯ TẤT CẢ NHỮNG ĐỨA TRẺ KHÁC, càng lớn, Sasha và Malia càng bớt hứng thú với một số việc. Kể từ năm đầu tiên trong nhiệm kỳ tổng thống của Barack, mỗi mùa thu chúng luôn cùng anh xuất hiện trước phóng viên để anh trình diễn cái nghi thức buồn cười nhất trong Nhà Trắng - “ân xá” cho một chú gà tây còn sống ngay trước dịp Lễ Tạ ơn. Trong năm năm đầu tiên, chúng cười khúc khích mỗi khi cha chúng đưa ra những câu đùa cũ rích. Nhưng sang năm thứ sáu, ở tuổi mười ba và mười sáu, chúng đã không còn giả vờ thấy vui được nữa. Chỉ vài giờ sau buổi lễ, hình ảnh hai đứa với vẻ khó chịu đã xuất hiện trên khắp Internet - Sasha mặt không biểu cảm, Malia thì khoanh tay - khi đó chúng đang đứng cạnh tổng thống, cạnh bục phát biểu, và con gà tây không biết chuyện gì đang xảy ra. Một tiêu đề trên tờ USA Today đã tóm tắt tình cảnh đó khá thỏa đáng: “Malia và Sasha Obama chán ngấy màn ân xá gà tây của cha mình”.

Từ sau lúc đó, việc chúng tham gia lễ ân xá gà tây, cũng như hầu hết mọi sự kiện tại Nhà Trắng, đã hoàn toàn trở thành lựa chọn không bắt buộc. Chúng là những đứa trẻ tuổi teen vui vẻ, giỏi thích nghi với cuộc sống đầy những hoạt động phong phú và các tương tác xã hội thú vị hoàn toàn không liên quan đến cha mẹ của mình. Là những bậc phụ huynh, chúng ta chỉ có thể kiểm soát ở mức độ nào đó mà thôi. Con cái chúng ta có những kế hoạch riêng của chúng, và điều đó khiến chúng chẳng mấy ấn tượng với những gì mà chúng ta vui thích.

“Tôi nay con không muốn xuống nhà xem Paul McCartney trình diễn à?”

“Dạ không đâu mẹ.”

Thường có tiếng nhạc phát ra từ phòng Malia. Còn Sasha và các bạn của con bé thì rất thích những chương trình dạy nấu ăn trên kênh truyền hình cáp và thỉnh thoảng lại “trung dụng” nhà bếp để trang trí bánh quy hay tự làm trong chớp nhoáng những bữa ăn cầu kỳ với nhiều món khác nhau. Cả hai cô con gái của tôi rất thích các chuyến đi do trường tổ chức hoặc đến nhà bạn bè nghỉ mát (lúc nào cũng có nhân viên mật vụ đi theo). Sasha thích nhất là được tự chọn mấy món ăn vặt tại Sân bay Quốc tế Dulles trước khi lên một chuyến bay thương mại kín người, chỉ vì trải nghiệm này rất khác với quy trình lễ thể dành cho tổng thống ở Căn cứ Không quân Andrews mà gia đình chúng tôi đã quá quen thuộc.

Việc đi cùng với chúng tôi cũng có những lợi thế riêng. Trước khi nhiệm kỳ của Barack kết thúc, Malia và Sasha được thưởng thức một trận bóng rổ ở Havana, đi dọc Vạn lý trường thành ở Trung Quốc và tham quan tượng Chúa cứu thế ở Rio vào một tối mù sương diệu kỳ. Nhưng đi chung với chúng tôi cũng có thể rất bất tiện, nhất là khi chúng cần giải quyết những vấn đề không liên quan đến nhiệm vụ của tổng thống. Ví dụ, hồi đầu năm lớp mười một của Malia, tôi và con bé đã quyết định dành một ngày đến tham quan các trường đại học ở thành phố New York, cụ thể là Đại học New York và Đại học Columbia. Lúc đầu, mọi thứ đều suôn sẻ. Chúng tôi nhanh chóng xem xét một lượt khuôn viên Đại học New York vì khi đó vẫn còn sớm và nhiều sinh viên vẫn chưa sẵn sàng đón ngày mới. Chúng tôi kiểm tra lớp học, thò đầu vào một phòng ký túc và tán chuyện với trưởng khoa trước khi đi đến khu dân cư trong trung tâm thành phố để dùng một bữa trưa sớm và đi chuyển kế tiếp.

Vấn đề là không thể nào che giấu đoàn xe tháp tùng của Đệ nhất Phu nhân, đặc biệt là trên đảo Manhattan vào giữa một ngày trong tuần. Khi chúng tôi dùng bữa xong, chừng một trăm người đã tụ tập ở lề đường bên ngoài nhà hàng khiến cho mọi thứ vô cùng náo động. Chúng tôi ra ngoài và thấy hàng đồng điện thoại di động chĩa về phía mình trong điệp khúc chào mừng. Người ta hét lên, “Malia, hãy tới Columbia học!”.

Ngay lập tức tôi biết việc mình cần làm là rút lui - để cho Malia tham quan trường đại học kế tiếp mà không có tôi cùng đi, mà thay vào đó là để Kristin Jones, trợ lý của tôi, hộ tống con bé. Không có tôi ở đó thì khả năng Malia bị người khác phát hiện giảm xuống. Con bé có thể đi nhanh hơn và với ít mật vụ hơn. Không có tôi, có lẽ

con bé có thể trông như một đứa trẻ bình thường khác đang đi trên sân trường. Ít nhất tôi phải để con bé thử chuyện này.

Kristin gần ba mươi tuổi và là dân California, cô giống một người chị lớn đối với cả hai cô con gái tôi. Cô vào làm việc ở văn phòng tôi trong vai trò thực tập sinh, và cùng với Kristen Jarvis, người mà gần đây vừa trở thành giám đốc điều hành các chuyến đi của tôi, cô dần dần đóng vai trò quan trọng trong đời sống gia đình của chúng tôi. “Chị em Kristin”, như chúng tôi vẫn gọi, thường xuyên thay mặt chúng tôi. Cả hai đóng vai trò liên lạc giữa gia đình với trường Sidwell, tổ chức các cuộc gặp gỡ và tiếp xúc với giáo viên, huấn luyện viên và các phụ huynh khác khi vợ chồng chúng tôi không thể. Với bọn trẻ, cả hai luôn bảo vệ, yêu thương và “chất” hơn tôi rất nhiều. Malia và Sasha hoàn toàn tin tưởng cả hai người họ, hỏi xin lời khuyên của họ về mọi thứ, từ áo quần, mạng xã hội đến bọn con trai.

Trong khi Malia tham quan Đại học Columbia vào chiều hôm đó, tôi được đưa vào một khu vực chờ đợi an toàn do mật vụ chỉ định. Hóa ra đó là tầng hầm một tòa nhà trong trường. Tôi đã ngồi đó một mình cho tới lúc phải đi, và lúc đó tôi đã ước gì mình có mang theo một quyển sách để đọc. Tôi phải thừa nhận là có bị tổn thương đôi chút khi phải ngồi trong đó. Tôi cảm thấy một sự cô độc không mấy liên quan đến việc tôi đang giết thời gian một mình trong một căn phòng không cửa sổ, mà chủ yếu là vì suy nghĩ rằng, dù muốn dù không, thì đứa con đầu lòng của chúng tôi đang lớn lên và sắp sửa rời xa chúng tôi.

CHÚNG TÔI VẪN CHƯA ĐẾN hồi cuối, nhưng tôi đã bắt đầu đánh giá mọi thứ. Tôi đo lường những được và mất, những hy sinh và những gì có thể xem là thành quả - ở đất nước mình, ở gia đình mình. Chúng tôi đã làm hết những gì có thể hay chưa? Chúng tôi có thể yên ổn rồi khỏi vị trí này hay không?

Tôi cố ngẫm nghĩ và nhớ lại xem cuộc sống của tôi đã trượt khỏi những gì mình đã từng hình dung như thế nào - cái cuộc sống có thu nhập ổn định, một ngôi nhà để ở cả đời và một lịch trình cho tất cả mọi ngày. Tôi đã quyết định tránh xa kiểu cuộc sống đó từ khi nào? Từ khi nào tôi đã khiến sự hỗn loạn bước vào cuộc sống của mình? Có phải đó là cái đêm hè khi tôi hạ que kem và nghiêng người hôn Barack lần đầu tiên trong đời? Có phải đó là ngày tôi đã bước ra khỏi những đồng hồ sơ trật tự và sự nghiệp luật sư của mình, với niềm tin rằng mình có thể tìm thấy một điều gì đó trọn vẹn hơn?

Đôi khi tâm trí tôi trở về tầng hầm nhà thờ ở Roseland, ở vùng Far South Side của Chicago, nơi tôi đã cùng đến với Barack vào hai mươi lăm năm trước để nghe anh nói chuyện với một cộng đồng đang ra sức đẩy lùi sự vô vọng và thờ ơ. Lắng nghe cuộc đối thoại tối hôm ấy, tôi đã nghe thấy một điều gì đó quen thuộc nhưng được diễn đạt theo cách khác. Tôi biết người ta có thể tồn tại ở hai trạng thái cùng một lúc - đặt chân ở thực tại nhưng mũi chân thì hướng đến sự tiến bộ. Đó là những gì tôi từng làm khi còn là một đứa trẻ ở Đại lộ Euclid, là điều mà gia đình tôi - và những người bị gạt ra ngoài lề nói chung - vẫn luôn thực hiện. Chúng ta có thể đạt được một điều gì đó bằng cách xây dựng thực tại tốt đẹp hơn kia, ngay cả khi ban đầu nó chỉ tồn tại trong tâm trí chúng ta. Hay như Barack đã diễn đạt vào đêm hôm đó, ta có thể sống trong một thế giới như hiện có, nhưng ta vẫn có thể ra sức để biến nó thành một thế giới mà ta nên có.

Khi đó tôi chỉ mới biết anh được vài tháng, nhưng giờ đây nhìn lại, tôi có thể thấy đó chính là cú chuyển hướng của mình. Vào thời điểm ấy, tôi đã không nói lời nào mà giao ước một đời với anh, và một đời với hiện tại này.

Sau chừng ấy năm tháng, tôi biết ơn vì những tiến bộ mình nhìn thấy được. Năm 2015, tôi vẫn còn trở lại thăm Quân y viện Walter Reed nhiều lần, mỗi lần như vậy tôi thấy số binh sĩ bị thương ngày càng giảm đi. Nước Mỹ

còn ít quân nhân đang gặp nguy hiểm ở nước ngoài hơn, ít thương tích cần săn sóc hơn, ít người mẹ có trái tim tan nát hơn. Với tôi, đó là sự tiến bộ.

Tiến bộ chính là khi các Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh báo cáo tỷ lệ béo phì ở trẻ em đang chững lại, đặc biệt ở trẻ độ tuổi từ hai đến năm. Tiến bộ là khi hai ngàn học sinh trung học ở Detroit xuất hiện để cùng tôi chào mừng Ngày Cam kết Đại học, một sự kiện mở rộng của chương trình Reach Higher, để đánh dấu ngày mà những bạn trẻ cam kết nỗ lực hết mình để vào đại học. Tiến bộ là khi phán quyết của Tòa án tối cao đã phủ quyết một thách thức đối với bộ luật chăm sóc sức khỏe mới, từ đó giúp thành tựu nổi bật của Barack trong nước - đó là đảm bảo mọi người Mỹ đều có bảo hiểm y tế - vẫn vững chắc và không bị ảnh hưởng khi anh đã từ nhiệm. Tiến bộ là một nền kinh tế mất đi tám trăm ngàn công việc mỗi tháng khi Barack mới vào Nhà Trắng giờ đây đã liên tục tăng trưởng về số lượng công ăn việc làm trong gần năm năm liên tục.

Tôi xem tất cả những điều đó là bằng chứng cho thấy với tư cách một quốc gia, chúng ta có khả năng tạo ra một thực tại tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, chúng ta vẫn sống trong thế giới như nó vốn có.

Một năm rưỡi sau vụ thảm sát Newtown, Quốc hội vẫn chưa thông qua bất kỳ một biện pháp nào để kiểm soát súng đạn. Bin Laden đã bị tiêu diệt, nhưng ISIS^[1] xuất hiện. Tỷ lệ giết người ở Chicago tăng thay vì giảm. Một thiếu niên da đen tên Michael Brown bị một cảnh sát ở Ferguson, Missouri, bắn chết, xác của em bị bỏ mặc ngoài đường suốt hàng giờ. Một đứa trẻ da đen khác tên Laquan McDonald bị cảnh sát Chicago bắn mười sáu phát, trong đó có chín lần vào lưng. Một đứa trẻ da đen tên Tamir Rice bị cảnh sát Cleveland bắn chết khi chơi một khẩu súng đồ chơi. Một người da đen tên Freddie Gray đã qua đời sau khi bị cảnh sát Baltimore ngược đãi khi tạm giam. Một người da đen tên Eric Garner đã tử vong khi bị cảnh sát kẹp cổ bắt giữ tại đảo Staten. Tất cả những cái chết này là bằng chứng của một điều gì đó độc ác và không đổi ở nước Mỹ. Khi Barack đắc cử lần đầu, nhiều bình luận viên đã ngây ngô tuyên bố rằng đất nước chúng ta đang tiến vào một thời kỳ hậu phân biệt chủng tộc, ở đó màu da chẳng còn là vấn đề nữa. Đây là bằng chứng họ đã sai đến đường nào. Khi người Mỹ bị ám ảnh trước nguy cơ khủng bố, nhiều người đang xem nhẹ tư tưởng phân biệt chủng tộc và tư duy bộ lạc đang xé toang đất nước này.

Cuối tháng Sáu năm 2015, Barack và tôi bay đến Charleston, South Carolina, để cùng chia sẻ sự đau thương của một cộng đồng khác - lần này là tại đám tang một mục sư tên Clementa Pinckney, một trong số chín người bị giết chết trong một vụ nổ súng xuất phát từ phân biệt chủng tộc trước đó tại một nhà thờ Giám lý Phi châu, nơi được biết đến với cái tên đơn giản là Mẹ Emanuel. Các nạn nhân, tất cả đều là người Mỹ gốc Phi, đã chào đón một thanh niên da trắng hai mươi một tuổi - một người xa lạ với tất cả họ - vào nhóm nghiên cứu Kinh thánh. Hắn ta ngồi cùng họ một lúc; rồi, sau khi cả nhóm cúi đầu cầu nguyện, hắn đứng dậy và bắt đầu nổ súng. Theo báo cáo thì trong lúc ra tay, hắn đã nói, “Tao phải làm điều này, vì chúng mày hãm hiếp phụ nữ của chúng tao và đang chiếm lấy đất nước của chúng tao”.

Sau khi đọc một bài điệu văn cảm động dành cho Mục sư Pinckney và chia buồn với cộng đồng, Barack bắt ngờ đích thân dẫn dắt cả giáo đoàn cùng hát bản thánh ca Amazing Grace (Ân điển diệu kỳ) chậm rãi và sâu lắng. Đó là một lời khẩn cầu hy vọng, một lời kêu gọi mọi người hãy vững tin. Tất cả những người có mặt hôm đó đều tham gia. Đã hơn sáu năm, Barack và tôi đã sống với nhận thức rằng bản thân chúng tôi là một sự kích động. Khi các nhóm thiểu số trên khắp đất nước đang dần bắt đầu đóng những vai trò quan trọng hơn trong chính trị, kinh doanh và giải trí, gia đình chúng tôi trở thành một ví dụ điển hình nhất. Sự hiện diện của chúng tôi tại Nhà Trắng được hàng triệu người Mỹ hoan nghênh, nhưng cũng gây ra một sự sợ hãi và căm ghét nơi những người khác. Lòng thù hận vẫn hằn sâu và nguy hiểm như từ trước tới nay.

Chúng tôi sống cùng với nó trong tư cách một gia đình, và chúng ta sống cùng với nó trong tư cách một quốc gia. Và chúng ta vẫn tiếp tục sống, với đầy lòng biết ơn nhất có thể.

CÙNG NGÀY diễn ra tang lễ tại Charleston - ngày 26 tháng Sáu năm 2015 - Tòa án tối cao đã ban bố một quyết định mang tính cột mốc, công nhận các cặp đôi đồng giới có quyền kết hôn trên khắp năm mươi tiểu bang. Đây là thành quả của một cuộc chiến pháp lý đã diễn ra theo đúng phương pháp suốt nhiều thập kỷ, lần lượt tại từng tiểu bang, từng tòa án, và như với bất kỳ cuộc đấu tranh đòi dân quyền nào, nó đòi hỏi sự kiên cường và lòng can đảm sâu sắc của nhiều con người. Nhiều lần trong ngày, tôi bắt gặp những bản báo cáo về chuyện người Mỹ vô cùng phấn chấn trước tin này. Một đám đông hồ hởi đã la vang “Tình yêu đã chiến thắng!” trước bậc thềm Tòa án tối cao. Các cặp đôi ứa vào tòa thị chính và tòa án cấp hạt để thực thi một quyền lợi được hiến pháp công nhận. Các quán bar đồng tính mở cửa sớm. Cờ cầu vồng được vẫy tại các góc đường trên khắp đất nước.

Tất cả tin tức ấy đã giúp chúng tôi vượt qua một ngày buồn bã ở South Carolina. Quay lại Nhà Trắng, chúng tôi thay trang phục dự tang lễ, dùng bữa nhanh với hai con, và rồi Barack lại biến mất vào Phòng Hiệp Ước để mở kênh ESPN và tiếp tục với công việc. Tôi đang đi đến phòng thay đồ thì thấy một luồng ánh sáng tím tím chiếu qua ô cửa sổ hướng chính bắc của tư dinh, đến lúc đó tôi mới nhớ có nhân viên nào đó đã đề cập đến kế hoạch chiếu sáng Nhà Trắng bằng các màu sắc của lá cờ cầu vồng.

Nhìn ra cửa sổ, tôi thấy bên ngoài các cánh cổng trên Đại lộ Pennsylvania, một đám đông đã tụ tập trong hoàng hôn mùa hè để nhìn các sắc màu ấy. Đường lái xe phía bắc đầy nhân viên chính phủ ở lại trễ để xem Nhà Trắng đổi màu tôn vinh bình đẳng hôn nhân. Quyết định ấy đã chạm vào trái tim biết bao nhiêu con người. Từ chỗ đang đứng, tôi có thể thấy sự hồ hởi, dù chẳng nghe thấy gì. Đó là một phần lạ kỳ của thực tại của chúng tôi. Nhà Trắng là một pháo đài yên ắng, cửa đóng then cài, cách âm gần như hoàn toàn bởi cửa sổ và các bức tường dày. Trục thẳng Marine One có thể đậu ở một bên tòa nhà, hai cánh quạt có thể thốc những cơn gió cấp bão và đánh gãy cành cây, nhưng bên trong chúng tôi chẳng nghe thấy gì. Tôi thường biết Barack đã về nhà sau một chuyến đi không phải bởi âm thanh của trục thẳng mà vì mùi nhiên liệu của nó đã len lỏi vào trong bằng cách nào đó.

Thường thì tôi rất vui khi được rút vào sự yên ắng được bảo vệ của tư dinh vào cuối một ngày dài. Nhưng đêm ấy có cảm giác rất khác, nghịch lý như chính cái đất nước này. Sau một ngày thương tiếc ở Charleston, tôi đang nhìn một bữa tiệc khổng lồ diễn ra ngay ngoài cửa sổ. Hàng trăm người đang nhìn lên ngôi nhà của chúng tôi. Tôi muốn chứng kiến ngôi nhà của mình như họ. Tôi bắt chợt thêm được tham gia vào cuộc ăn mừng kia.

Tôi ló đầu vào Phòng Hiệp Ước. “Anh có muốn ra ngoài nhìn đèn màu không?”, tôi hỏi Barack. “Có rất nhiều người ngoài kia.”

Anh ấy cười. “Em biết anh không thể khi có nhiều người như vậy mà.”

Sasha đang ở trong phòng của con bé, say mê với chiếc iPad. “Con có muốn đi coi ánh sáng cầu vồng với mẹ không?”, tôi hỏi.

“Không ạ.”

Thế là chỉ còn Malia, con bé khiến tôi ngạc nhiên một chút vì ngay lập tức đồng ý. Tôi đã tìm được “chiến hữu”. Chúng tôi sẽ làm một chuyến phiêu lưu - bên ngoài, nơi mọi người đang tụ tập - và không hỏi ý kiến ai cả.

Quy trình thông thường là chúng tôi báo với mật vụ đóng ở thang máy mỗi khi muốn rời khỏi tư dinh dù là xuống nhà để xem phim hay dắt chó ra ngoài đi dạo, nhưng đêm nay thì không. Mẹ con chúng tôi chỉ băng qua các mật vụ đang làm nhiệm vụ và giả vờ không thấy họ. Chúng tôi vượt qua thang máy, bước nhanh xuống cầu thang bộ chật hẹp. Tôi có thể nghe tiếng giày khua xuống bậc thang phía sau lưng, họ đang tìm cách đuổi theo. Malia nhìn tôi cười lém lỉnh. Con bé không quen với việc tôi phá luật.

Xuống đến Tầng Hai, chúng tôi đang tiến về phía hàng cửa cao dẫn ra Cổng Bắc thì nghe thấy một giọng nói vang lên.

“Xin chào Phu nhân! Tôi có thể giúp gì cho bà?” Đó là Claire Faulkner, người gác cửa ca đêm, một phụ nữ tóc nâu thân thiện, nói năng nhỏ nhẹ. Rõ ràng là cô đã được các nhân viên mật vụ sau lưng chúng tôi cảnh báo qua máy bộ đàm.

Tôi ngoái đầu nhìn cô nhưng vẫn không ngừng sai bước. Tôi nói, “À, chúng tôi chỉ đi ra ngoài để nhìn đèn màu”.

Claire nhướn mày. Chúng tôi phớt lờ cô ấy. Ra đến cửa, tôi kéo mạnh tay cầm, nhưng cửa không nhúc nhích. Chín tháng trước, một kẻ xâm nhập mang theo dao và bằng cách nào đó đã nhảy qua được hàng rào rồi băng qua đúng cánh cửa này, sau đó chạy băng qua Tầng Hai trước khi bị một mật vụ khống chế. Sau sự cố đó, an ninh bắt đầu khóa luôn cánh cửa.

Tôi quay sang nhóm người sau lưng, giờ đã có thêm một mật vụ mặc đồng phục áo sơ mi trắng và cà vạt đen. “Làm sao để mở thứ này?”, tôi chẳng nói cụ thể với ai cả. “Chắc phải có chìa khóa chứ.”

“Thưa Phu nhân?”, Claire nói. “Tôi không chắc đó có phải cánh cửa Phu nhân muốn dùng hay không. Tất cả máy quay của phóng viên đều đang hướng về phía bắc Nhà Trắng ngay lúc này.”

Cô ấy có lý. Tóc tôi lộn xộn và tôi đang mang dép, mặc quần cụt và áo thun. Chắc chắn không phải trang phục xuất hiện trước đám đông.

“Được rồi”, tôi nói. “Nhưng chẳng lẽ không có cách nào chúng tôi ra ngoài mà không bị nhìn thấy sao?”

Malia và tôi chưa biết phải làm sao. Nhưng chúng tôi kiên quyết không từ bỏ mục tiêu của mình. Chúng tôi sẽ tự mình ra được bên ngoài.

Ai đó đã gợi ý tôi sử dụng một cánh cửa bốt đỡ nằm khuất ở tầng trệt, nơi xe tải đến để giao thức ăn và văn phòng phẩm. Hai mẹ con bắt đầu đi về hướng đó. Malia khoác tay con bé vào cánh tay tôi. Chúng tôi cười thích thú.

“Chúng ta đang đi ra ngoài!”, tôi nói.

“Đúng rồi ạ!”, con bé đáp.

Chúng tôi đi xuống một cầu thang cẩm thạch, băng qua những tấm thảm đỏ, vòng qua tượng bán thân của George Washington và Benjamin Franklin, băng qua nhà bếp và thế là đã ra được bên ngoài. Không khí mùa hè ẩm ướt xộc lên mặt chúng tôi. Tôi có thể thấy đom đóm lập lòe trên bãi cỏ. Và kia rồi, âm thanh náo nhiệt của đám đông, những con người hò reo ăn mừng bên ngoài cánh cổng sắt. Chúng tôi phải mất mười lăm phút để ra khỏi nhà của chính mình, nhưng rốt cuộc đã thành công. Chúng tôi đang ở ngoài, đứng trên một mảng cỏ bên lề, xa khỏi ánh nhìn của công chúng nhưng lại có một góc nhìn cận cảnh tuyệt đẹp Nhà Trắng, sáng bừng trong niềm tự hào.

Malia và tôi tựa vào nhau, hạnh phúc vì đã tìm được đường đến đó.

NHƯ LUÔN XẢY RA trong chính trị, những làn gió mới đã bắt đầu hình thành. Vào mùa thu 2015, chiến dịch tranh cử tổng thống kế tiếp đã vào cao điểm. Đảng Cộng hòa đông đúc ứng viên, bao gồm các thống đốc như John Kasich và Chris Christie và các thượng nghị sĩ như Ted Cruz và Marco Rubio, chưa kể hơn một chục ứng viên khác. Trong khi đó, Đảng Dân chủ rất nhanh chóng tự thu hẹp thành cuộc lựa chọn giữa Hillary Clinton và Bernie Sanders, một thượng nghị sĩ độc lập có tư tưởng dân chủ tự do đến từ Vermont.

Donald Trump đã công bố tranh cử tổng thống vào đầu mùa hè, đứng bên trong Tháp Trump ở Manhattan và chế nhạo di dân Mexico mà ông gọi là “những kẻ hãm hiếp” và những “kẻ thất bại” mà ông cho là đang điều hành

đất nước. Tôi nhận ra ông ấy chỉ đang cố tạo ấn tượng, thu hút sự quan tâm của truyền thông vì ông ta có khả năng đó. Chẳng có gì trong hành xử của Trump cho thấy ông ấy đang nghiêm túc muốn điều hành đất nước.

Tôi theo dõi chiến dịch tranh cử, nhưng không quá sâu sát như những năm trước. Thay vào đó, tôi bận thời gian dành cho kế hoạch hành động thứ tư của mình trong tư cách Đệ nhất Phu nhân, đó là chương trình Let Girls Learn (tạm dịch: Cơ hội học tập cho nữ giới) mà Barack và tôi đã cùng công bố vào mùa xuân. Đó là một nỗ lực đầy tham vọng ở cấp chính phủ nhằm giúp đỡ những em gái vị thành niên trên khắp thế giới có thể tiếp cận tốt hơn với giáo dục. Trong suốt gần bảy năm trong cương vị Đệ nhất Phu nhân, tôi đã nhiều lần kinh ngạc bởi tiềm năng lẫn sự yếu thế của phụ nữ trẻ tuổi trong thế giới của chúng ta - từ những cô gái là dân nhập cư ở Trường Elizabeth Garrett Anderson đến Malala Yousafzai, em gái tuổi vị thành niên người Pakistan bị Taliban tấn công đã man và là người đã đến Nhà Trắng để chia sẻ với tôi, với Barack và Malia về sự ủng hộ của em đối với vấn đề giáo dục dành cho nữ sinh. Tôi đã kinh sợ khi chỉ sáu tháng sau chuyến thăm của Malala, hai trăm bảy mươi sáu nữ sinh Nigeria đã bị nhóm khủng bố cực đoan Boko Haram bắt cóc, rõ là nhằm làm cho các gia đình Nigeria sợ hãi đến mức không dám đưa con gái của họ đến trường. Lần đầu tiên và duy nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của Barack, tôi buộc phải thay Barack xuất hiện trong buổi phát biểu hàng tuần trước toàn dân, xúc động chia sẻ về những gì chúng ta có thể làm tốt hơn nhằm bảo vệ và động viên các cô gái trẻ trên toàn thế giới.

Cá nhân tôi cảm nhận sâu sắc toàn bộ những điều đó. Giáo dục là công cụ chính yếu thay đổi cuộc đời tôi, là đòn bẩy nâng tôi vào thế giới. Tôi kinh ngạc khi có quá nhiều em gái - hơn chín mươi tám triệu em trên toàn thế giới, theo thống kê của UNESCO - không được tiếp cận với giáo dục. Một số em không được đến trường vì gia đình cần các em lao động. Đôi khi ngôi trường gần nhất lại ở quá xa hoặc quá đắt đỏ, hoặc rủi ro có thể bị xâm hại trên đường là quá lớn. Trong nhiều trường hợp, những quy chuẩn ngặt ngat về giới tính và áp lực kinh tế kết hợp với nhau để khiến các em gái không nhận được sự giáo dục xứng đáng, và do đó các em không thể tiếp cận được những cơ hội trong tương lai. Dường như có một suy nghĩ đặc biệt thịnh hành tại một số nơi trên thế giới, đó là bé gái thì không đáng được đi học, kể cả khi các nghiên cứu đều cho thấy việc đào tạo các em gái và phụ nữ và cho phép họ gia nhập lực lượng lao động đã giúp gia tăng GDP của một quốc gia.

Barack và tôi dốc sức thay đổi nhận thức về những điều giúp tạo ra giá trị của một phụ nữ trẻ trong xã hội. Anh đã huy động thành công hàng trăm triệu đô-la từ các nguồn lực khác nhau trong suốt nhiệm kỳ, thông qua USAID và Peace Corps, và cũng thông qua Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động và Bộ Nông nghiệp. Cả hai chúng tôi vận động chính quyền tại nhiều quốc gia giúp quyên góp tạo ra các chương trình giáo dục dành cho trẻ em gái, đồng thời khuyến khích các công ty tư nhân và các chuyên gia cố vấn cùng cam kết cống hiến cho mục tiêu này.

Cũng vào thời điểm này, tôi đã biết cách tạo ra sự xôn xao có mục đích. Tôi biết không có gì bất thường khi người Mỹ cảm thấy không quan tâm đến những khó khăn của những người sống tại các quốc gia xa xôi, do đó tôi cố gắng mang những điều đó về Mỹ, kêu gọi những người nổi tiếng như Stephen Colbert vận dụng sức mạnh nổi tiếng của mình để hỗ trợ tại các sự kiện và trên truyền thông. Tôi đã kêu gọi sự hỗ trợ của Janelle Monáe, Zendaya, Kelly Clarkson và những tài năng biểu diễn khác để tung ra một bản nhạc pop bắt tai do Diane Warren biên soạn có tên gọi “This is for My Girls”, toàn bộ số tiền thu được sẽ góp vào chi phí giáo dục cho các em gái trên toàn thế giới.

Và cuối cùng, tôi đã làm một chuyện mà mình hơi sợ, đó là hát. Tôi xuất hiện trên chương trình “Carpool Karaoke” hài hước của James Corden, trong đó cả hai chúng tôi đảo vòng quanh Bãi cỏ phía Nam trong một chiếc SUV đen. Chúng tôi hát bài “Signed, Sealed, Delivered I’m Yours”, “Single Ladies” và cuối cùng là bài “This is for My Girls” - lý do chính tôi đăng ký tham gia chương trình - với sự góp mặt khách mời của Missy Elliott, người

ngồi ở ghế sau xe và đọc rap cùng hai chúng tôi. Tôi đã siêng năng tập luyện cho buổi biểu diễn karaoke đó suốt nhiều tuần, nhớ kỹ nhịp của từng bài hát. Mục tiêu ở đây là để tạo không khí vui vẻ và nhẹ nhàng, nhưng đằng sau đó, như mọi khi, luôn là công việc và một mục đích to lớn hơn - tiếp tục kết nối mọi người với vấn đề giáo dục cho các em gái. Tiết mục hát của tôi với James Corden thu hút bốn mươi lăm triệu lượt xem trên YouTube chỉ trong ba tháng đầu, khiến mọi nỗ lực đều xứng đáng.

CUỐI NĂM 2015, Barack, hai cô con gái và tôi bay sang Hawaii để đón Giáng sinh như thường lệ. Chúng tôi thuê một ngôi nhà lớn có cửa sổ rộng nhìn ra bãi biển và tham gia cùng nhóm bạn bè quen thuộc của gia đình. Cũng giống sáu năm qua, chúng tôi dành thời gian trong ngày Giáng sinh đi thăm các quân nhân và gia đình họ ở căn cứ thủy quân lục chiến gần đó. Và vẫn luôn như thế, với Barack thì kỳ nghỉ chỉ là một kỳ nghỉ bán thời gian, hay đúng ra thì khó mà gọi là kỳ nghỉ được. Anh ấy nghe điện thoại, ngồi chờ báo cáo tóm tắt hàng ngày và thảo luận với một nhóm cố vấn, trợ lý và người soạn thảo diễn văn thân tín - tất cả đều đang ở tại một khách sạn gần bên. Điều này khiến tôi thắc mắc liệu anh ấy có nhớ thế nào là thật sự thư giãn khi đến lúc thật sự cần được thư giãn hay không, liệu chúng tôi có tìm ra được cách thả lỏng khi toàn bộ chuyện này chấm dứt hay không. Tôi tự hỏi, cảm giác sẽ như thế nào khi chúng tôi có thể cùng đi đâu đó mà không có nhân viên mang theo cái vali chứa mìn mìn bom nguyên tử?

Dù đang cho phép mình mộng mơ đôi chút, tôi vẫn không thể hình dung ra mọi chuyện rồi sẽ kết thúc ra sao.

Quay về Washington để bắt đầu năm cuối cùng tại Nhà Trắng, chúng tôi đã biết thời gian không còn nhiều. Tôi bắt đầu một chuỗi dài những “lần cuối cùng” - Dạ tiệc Governor cuối cùng, sự kiện Easter Egg Roll cuối cùng, Bữa tối với Phóng viên tại Nhà Trắng cuối cùng. Barack và tôi cũng có chuyến thăm Vương quốc Anh ở cấp nguyên thủ quốc gia cuối cùng, trong đó bao gồm một chuyến viếng thăm ngắn dành cho người bạn Nữ hoàng của chúng tôi.

Barack luôn có sự mến mộ đặc biệt dành cho Nữ hoàng Elizabeth vì bà làm anh nhớ đến Toot, người bà giản dị và thẳng thắn của anh. Riêng tôi thì cảm thấy khâm phục hiệu quả làm việc của bà, một kỹ năng rõ ràng được mài giũa từ một cuộc đời luôn ở trong tầm mắt công chúng. Một ngày của vài năm trước, Barack và tôi đã cùng đứng với bà và Hoàng tử Philip đón tiếp hàng loạt khách khứa. Tôi đã tò mò quan sát khi Nữ hoàng mời mọi người tiến nhanh về phía trước bằng những câu chào ngắn gọn, thân thiện và không để cho người ta bắt chuyện thêm, trong khi Barack tỏ ra cảm giác gãi gãi, gần như mời gọi mọi người trò chuyện rồi còn trầm ngâm trả lời thắc mắc của họ, do đó làm nghẽn dòng người. Suốt những năm tháng quen biết anh chàng này, tôi vẫn cố gắng thúc anh ấy nhanh nhẹn hơn.

Một chiều tháng Tư năm 2016, hai chúng tôi đáp trực thăng từ tòa đại sứ Mỹ ở Luân Đôn đến lâu đài Windsor ở vùng nông thôn phía tây thành phố. Đội tiền trạm đã cho chúng tôi biết là Nữ hoàng và Hoàng tử Philip có ý định gặp chúng tôi ngay khi chúng tôi hạ cánh và có thể đích thân chờ chúng tôi về lại lâu đài để dùng bữa trưa. Như thường lệ, chúng tôi được tóm tắt trước về nghi thức: chúng tôi sẽ trang trọng chào hỏi các thành viên hoàng tộc trước khi ngồi vào phương tiện của họ để đi một chặng ngắn. Tôi ngồi ở ghế trước bên cạnh Hoàng tử Philip chín mươi bốn tuổi, người sẽ lái xe, còn Barack ngồi cạnh Nữ hoàng ở ghế sau.

Đây là lần đầu tiên trong hơn tám năm hai chúng tôi được người khác chứ không phải nhân viên mật vụ chờ đi bằng xe, hoặc đi xe mà không có mật vụ đi cùng. Dường như chuyện này rất quan trọng với đội an ninh, tương tự như với đội tiền trạm, những người đang lo lắng không ngừng trước những dịch chuyển và tương tác của hai chúng tôi, bảo đảm mọi chi tiết nhỏ nhất nhất đều ổn và diễn ra êm thấm.

Ấy vậy mà sau khi chúng tôi hạ cánh tại một cánh đồng gần lâu đài và nói lời chào, Nữ hoàng lại làm đảo lộn mọi thứ bằng cách ra hiệu cho chúng tôi ngồi vào băng ghế sau với bà trên chiếc Range Rover. Tôi cứng người, cố nhớ xem đã có ai chuẩn bị cho kịch bản này hay chưa, rằng có phải lịch sự hơn không nếu làm theo lời bà, hay là tôi nhất định phải nói Barack ngồi đúng chỗ bên cạnh bà.

Ngay lập tức Nữ hoàng nhận ra sự phân vân của tôi. Bà tỏ ra rất dứt khoát và hỏi, “Người ta dặn cô phải tuân thủ quy tắc gì trong chuyện này à?”, bà nói rồi phẩy tay. “Bỏ đi. Cứ ngồi chỗ nào cô thích.”

VỚI TÔI, PHÁT BIỂU diễn văn bế giảng vào mùa xuân là một nghi thức quan trọng, gần như là thiêng liêng. Năm nào tôi cũng có vài bài diễn văn như thế, chọn ra một số trường trung học và đại học, tập trung vào những trường thường không có các diễn giả danh tiếng. (Xin lỗi trường Princeton và Harvard, nhưng không có tôi thì mọi người vẫn ổn thôi.) Vào năm 2015, tôi quay lại South Side của Chicago để phát biểu tại lễ tốt nghiệp Trường dự bị đại học King, ngôi trường mà Hadiya Pendleton lẽ ra đã tốt nghiệp nếu cô bé còn sống. Tinh thần của em được tưởng nhớ tại buổi lễ bằng một chiếc ghế trống mà bạn bè cùng lớp đã tô điểm bằng hoa hướng dương và vải tím.

Tôi đã có một loạt các bài diễn văn tốt nghiệp “cuối cùng” trong tư cách Đệ nhất Phu nhân. Tôi đã phát biểu tại Đại học Jackson State ở Mississippi, một ngôi trường lâu đời dành cho người da đen, tranh thủ nói về nỗ lực vươn lên. Tôi cũng phát biểu tại trường City College ở New York, nhấn mạnh giá trị của sự đa dạng và việc nhập cư. Và vào ngày 26 tháng Năm, tình cờ cũng là ngày Donald Trump chính thức trở thành ứng viên Tổng thống của Đảng Cộng hòa, tôi ở New Mexico nói chuyện với một lớp gồm các em học sinh thổ dân da đỏ sắp tốt nghiệp một trường trung học nội trú cỡ nhỏ và hầu hết đều chuẩn bị tiếp tục lên đại học. Càng dần sâu vào trải nghiệm với vai trò Đệ nhất Phu nhân, tôi càng cảm thấy mình cần lên tiếng chân thành và thẳng thắn hơn về ý nghĩa của việc bị gạt ra ngoài xã hội vì lý do chủng tộc hay giới tính. Dự định của tôi là giúp giới trẻ hiểu được bối cảnh sâu xa của sự căm ghét hiện hữu trên báo chí và trong các thảo luận về chính trị, và trao cho các em lý do để hy vọng.

Tôi cố gắng truyền tải một thông điệp về bản thân và về vị trí của tôi trên thế giới, thông điệp mà tôi cảm thấy có thể thật sự mang một ý nghĩa nào đó. Đó là tôi biết thế nào là sự vô hình. Tôi đã sống với sự vô hình ấy. Tôi xuất thân từ một lịch sử vô hình. Tôi thường nói rằng tôi là chất chít của một nô lệ tên Jim Robinson, người chắc hẳn đã bị chôn trong một nấm mồ vô danh đâu đó tại một đồn điền ở South Carolina. Và khi đứng trên bục phát biểu trước các em học sinh đang nghĩ về tương lai, tôi chứng thực cho các em thấy rằng chúng ta có thể khắc phục được sự vô hình, ít nhất là bằng một số cách nào đó.

Buổi lễ tốt nghiệp cuối cùng mà tôi tham dự mùa xuân năm ấy là một sự kiện cá nhân - đó là lễ tốt nghiệp trường Sidwell Friends của Malia, được tổ chức vào một ngày tháng Sáu ấm áp. Cô bạn thân Elizabeth Alexander của chúng tôi, nhà thơ từng viết tặng một bài thơ nhân lần nhậm chức nhiệm kỳ đầu của Barack, đã phát biểu bế giảng, đồng nghĩa với việc Barack và tôi chỉ cần ngồi đó, lắng nghe và cảm nhận những gì xảy ra. Tôi tự hào về Malia, con bé sắp sang châu Âu du lịch vài tuần cùng với bạn bè. Sau khi có một năm trải nghiệm cuộc sống, con bé sẽ đăng ký vào học ở Harvard. Tôi tự hào về Sasha. Con bé vừa bước sang tuổi mười lăm cùng ngày hôm đó và đang háo hức đếm ngược thời gian để tham gia buổi biểu diễn của Beyoncé thay vì đi dự một buổi tiệc sinh nhật. Con bé sẽ trải qua phần lớn thời gian hè ở Martha’s Vineyard, sống cùng những người bạn của gia đình cho đến khi hai chúng tôi đến đó nghỉ dưỡng. Sau đó con bé có thêm bạn mới và kiếm được công việc đầu tiên trong đời tại một cửa hàng bán thức ăn vặt. Tôi cũng tự hào về mẹ của mình, người đang ngồi cạnh tôi trong ánh nắng mặt trời, mặc một chiếc váy đen và mang giày cao gót, người đã sống trọn thời gian ở Nhà Trắng và cùng chúng tôi đi chu du vòng quanh thế giới nhưng lúc nào cũng vẫn là chính mình.

Tôi tự hào về tất cả chúng tôi, vì đã gần hoàn thành nhiệm vụ.

Barack ngồi cạnh tôi trên một chiếc ghế xếp. Tôi có thể nhìn thấy nước mắt rịn ra sau cặp kính của anh khi anh nhìn Malia lên sân khấu nhận bằng tốt nghiệp. Anh mệt mỏi, tôi biết. Ba ngày trước, anh đã có một điều văn tiễn đưa một người bạn từ trường luật đã làm việc cho anh tại Nhà Trắng. Hai ngày trước, một phần tử cực đoan đã nổ súng trong một hộp đêm đồng tính tại Orlando, Florida, giết chết bốn mươi chín người và làm bị thương năm mươi ba người khác, là vụ nổ súng hàng loạt bi thảm nhất lịch sử nước Mỹ vào thời điểm đó. Áp lực công việc của anh chẳng bao giờ vơi đi.

Anh là một người cha tốt, luôn quan tâm các con theo những cách mà chính cha ruột của anh chưa từng như thế, nhưng cũng có những thứ mà anh đã phải hy sinh trong quá trình ấy. Anh đã vừa làm cha vừa làm chính khách. Cử tri và những đòi hỏi của họ luôn là sự quan tâm của chúng tôi.

Thật sự thì có chút đau lòng khi nhận ra rằng lúc anh ấy sắp có thêm tự do và thời gian cho gia đình thì cũng là lúc con cái chúng tôi đang bắt đầu tự lập.

Nhưng chúng tôi phải để chúng tự lập. Tương lai thuộc về chúng, và nên như thế.

CUỐI THÁNG BẢY, tôi bay qua một cơn bão mạnh, máy bay chao đảo và chúi đầu khi trên đường đến Philadelphia, nơi tôi sẽ diễn thuyết lần cuối cùng tại Đại hội toàn quốc Đảng Dân chủ. Có lẽ đó là cơn nhiễu động không khí tồi tệ nhất mà tôi từng gặp phải. Trong khi giám đốc truyền thông Caroline Adler Morales, người đang vào tháng cuối thai kỳ, lo là sự dằn xóc có thể khiến cô chuyển dạ sớm, còn Melissa, người bình thường đi máy bay chẳng có vấn đề gì, cứ ngồi trên ghế của mình mà kêu hét thất thanh, thì tất cả những gì tôi nghĩ được chỉ là hãy cho tôi hạ cánh đúng giờ để tập dợt cho bài diễn văn. Dù từ lâu đã quen với việc phát biểu trên những sân khấu lớn nhất, tôi vẫn cảm thấy thoải mái khi mọi thứ được chuẩn bị đầy đủ.

Hồi 2008, trong lần tranh cử tổng thống đầu tiên của Barack, tôi đã tập dợt bài diễn văn tại đại hội nhuần nhuyễn tới mức có thể đặt các dấu phẩy cả trong lúc ngủ, một phần vì tôi chưa từng phát biểu bài diễn văn nào trực tiếp trên truyền hình như thế, phần nữa là vì tôi biết nhiều người chỉ đang đợi cơ hội để công kích tôi. Tôi bước lên sân khấu sau khi đã bị miệt thị là một mụ đàn bà da đen tức tối không hề yêu đất nước của mình. Bài diễn văn tối hôm đó trao cho tôi cơ hội để trở lại thành một con người bình thường, giải thích tôi là ai bằng chính tiếng nói của mình, loại bỏ những biếm họa và hình mẫu rập khuôn bằng chính lời lẽ của mình. Bốn năm sau, tại đại hội ở Charlotte, North Carolina, tôi đã chân thành chia sẻ về những điều tôi nhìn thấy ở Barack trong nhiệm kỳ đầu tiên của anh - cách mà anh ấy vẫn luôn là con người nguyên tắc mà tôi đã kết hôn, cách mà tôi nhận ra rằng “làm tổng thống không thay đổi con người chúng ta, mà nó cho thấy chúng ta là ai”.

Lần này, tôi vận động cho Hillary Clinton, đối thủ ngày trước của Barack tại vòng bầu cử sơ bộ ác liệt năm 2008, người mà sau đó đã trở thành vị ngoại trưởng trung thành và hiệu quả của anh. Thật lòng mà nói, tôi chưa từng cảm thấy cuồng nhiệt ủng hộ bất kỳ ứng viên nào khác như đối với chồng tôi, điều này đôi lúc khiến tôi cảm thấy thật khó khăn khi tham gia vận động tranh cử cho các ứng viên khác. Dù thế, tôi vẫn duy trì nguyên tắc hành xử của riêng mình khi phát biểu trước công chúng về bất cứ điều gì hay về bất kỳ ai trong không gian chính trị: tôi chỉ nói những gì mình tuyệt đối tin tưởng và thật sự cảm nhận được.

Chúng tôi hạ cánh xuống Philadelphia và tôi đi vội tới trung tâm hội nghị, chỉ còn vừa đủ thời gian để thay trang phục và dợt bài diễn văn thêm hai lần. Rồi tôi bước ra và nói về những điều tôi tin tưởng. Tôi nói về những nỗi sợ mà ban đầu tôi đã có về việc nuôi dạy hai đứa con gái trong Nhà Trắng và tôi đã tự hào như thế nào khi chúng đã trở thành hai người phụ nữ trẻ vô cùng thông minh. Tôi nói rằng tôi tin tưởng Hillary vì bà hiểu rõ những yêu cầu đối với chức vụ tổng thống và có khí chất để lãnh đạo đất nước, vì bà là một ứng viên xứng đáng như bất

kỳ người nào từng tranh cử trước đây. Và tôi công nhận rằng nước Mỹ đang đứng trước một sự lựa chọn vô cùng khó khăn.

Từ bé tôi đã tin rằng cần phải lên tiếng phản đối những kẻ bắt nạt, nhưng cũng không nên đáp trả bằng cách hành xử tương tự chúng. Và cần phải nói rõ, chúng tôi hiện đang chống lại một kẻ bắt nạt, một con người đã lớn tiếng phỉ báng các nhóm thiểu số và thể hiện sự khinh miệt đối với tù nhân chiến tranh, thách thức phẩm giá của nước Mỹ qua gần như mọi lời ông ấy thốt ra. Tôi muốn người Mỹ hiểu rằng ngôn từ cực kỳ quan trọng - rằng thứ ngôn ngữ hằn học mà họ nghe trên ti-vi nhà mình không phản ánh đúng tinh thần của đất nước, và họ có thể bỏ phiếu để phản đối nó. Tôi muốn tôn vinh phẩm giá, nhấn nhủ với mọi người là với tư cách một quốc gia, chúng ta cần phải tiếp tục bảo vệ phẩm giá - điều cốt lõi trong gia đình chúng tôi suốt nhiều thế hệ qua. Phẩm giá luôn giúp chúng tôi vượt qua mọi chuyện. Giữ gìn phẩm giá là một lựa chọn, và không phải lúc nào cũng là một lựa chọn dễ dàng, nhưng những người mà tôi tôn trọng nhất trong đời đã luôn chọn lựa phẩm giá. Barack và tôi có một phương châm sống, và đêm hôm đó, từ trên diễn đài, tôi đã chia sẻ lại với mọi người: “Khi người ta hạ thấp bản thân, chúng ta lại càng phải nâng cao đầu!”.

Hai tháng sau, chỉ vài tuần trước cuộc bầu cử, một cuộn băng về Donald Trump đã rò rỉ trước công chúng. Đó là cuộn băng về một phút bất cẩn mà ông ấy đang huênh hoang với một người dẫn chương trình truyền hình vào năm 2005 về việc quấy rối phụ nữ, sử dụng một thứ ngôn ngữ dung tục đến mức các kênh truyền thông lúng túng không biết phải trích dẫn thế nào để tránh vi phạm những quy chuẩn về đạo đức. Cuối cùng thì các tiêu chuẩn về đạo đức đã “được” hạ thấp để dọn đường cho tiếng nói của vị ứng viên tổng thống.

Khi nghe thấy điều đó, tôi đã không thể tin vào tai mình. Và lại một lần nữa, có một cái gì đó quen thuộc đến đau đớn trong mối đe dọa và thái độ hèn hạ của đàn ông trong đoạn băng đó. Tôi có thể làm các cô tổn thương và vẫn có thể thoát tội. Đó là một biểu hiện của thái độ thù ghét vốn thường không bao giờ đi cùng với sự lịch thiệp, ấy vậy mà nó vẫn sống trong xương tủy của xã hội được cho là đã được khai sáng của chúng ta - tồn tại và được chấp nhận đến mức một người như Donald Trump có thể ung dung thể hiện điều đó. Tất cả những phụ nữ mà tôi biết đều nhận ra điều đó. Đó chính là thứ mà rất nhiều người chúng ta đã hy vọng con cháu mình không bao giờ gặp phải, nhưng rồi chắc hẳn chúng sẽ phải trải qua. Sự thống trị, dù chỉ tồn tại dưới dạng nguy cơ, chính là một hình thức của sự phi nhân hóa. Đó là thứ quyền lực kinh tởm nhất.

Tôi giận run sau khi nghe đoạn băng ấy. Theo kế hoạch, tôi sẽ diễn thuyết tại một cuộc vận động cho Hillary vào tuần tiếp theo, nhưng thay vì trình bày một bài khen ngợi quá hiển nhiên những khả năng của bà, tôi cảm thấy mình cần phải trực tiếp có ý kiến về những lời lẽ của Trump - dùng tiếng nói của tôi để phản bác tiếng nói của ông ấy.

Tôi viết bài diễn văn khi đang ngồi trong một phòng bệnh tại Quân y viện Walter Reed, nơi mẹ tôi đang trải qua một cuộc phẫu thuật lưng, suy nghĩ của tôi nhanh chóng tuôn trào. Đến thời điểm này, tôi đã từng bị mịa mai và đe dọa quá nhiều lần, bị chèn ép vì là người da đen, là phụ nữ, và vì đã dám lên tiếng. Tôi cảm nhận được sự giễu cợt nhắm vào cơ thể tôi, về cái không gian tồn tại hữu hình của tôi trên thế giới này. Tôi đã để ý thấy Donald Trump cứ đeo sát Hillary Clinton trong một cuộc tranh luận, lớn vồn xung quanh bà trong lúc bà phát biểu, hoặc cố tình đứng sát lại thật gần, với dụng ý dùng sự hiện diện của mình để áp chế bà. Tôi có thể làm cô tổn thương và vẫn có thể thoát tội. Phụ nữ phải chịu đựng những sỉ nhục đó cả đời - dưới hình thức những tiếng huýt sáo chọc ghẹo, sờ soạng, xâm hại, áp bức. Chúng làm chúng tôi tổn thương. Chúng hủy hoại sức mạnh của chúng tôi. Có những vết thương quá nhỏ đến mức không ai có thể nhìn thấy. Có những vết thương quá lớn và không thể liền da, để lại cho chúng tôi những vết sẹo không bao giờ lành. Vết thương nào cũng chất chồng. Chúng tôi mang theo

chúng ở mọi nơi, từ nhà đến trường hay nơi làm việc, trong gia đình khi chúng tôi nuôi dạy con cái, tại những nơi thờ phượng, vào bất cứ khi nào chúng tôi muốn cố gắng vươn lên.

Với tôi, những lời nhận xét của Trump lại là một đòn giáng khác. Tôi không thể chấp nhận thông điệp của ông ta. Làm việc cùng Sarah Hurwitz, người chuyên viết diễn văn cho tôi từ năm 2008, tôi chuyển sự tức giận của mình vào từ ngữ, và rồi - khi mẹ tôi đã phục hồi sau cuộc phẫu thuật - tôi đọc chúng vào một ngày tháng Mười ở Manchester, New Hampshire. Trước một đám đông hồ hởi, tôi cho họ thấy rõ cảm xúc của mình. “Chuyện này không hề bình thường”, tôi nói. “Đây không phải là chính trị như thường lệ. Đây là sự hổ thẹn. Đây là chuyện không thể chấp nhận được.” Tôi nói rõ cơn giận và nỗi sợ của mình, cùng niềm tin rằng với cuộc bầu cử này, người Mỹ hiểu rõ bản chất của điều mà họ đang chọn cho mình. Tôi đặt trọn trái tim của mình vào bài diễn thuyết ấy.

Rồi tôi bay về Washington, mong sao người ta đã nghe được tiếng nói của tôi.

MÙA THU TIẾP TỤC TRÔI QUA. Barack và tôi bắt đầu lên kế hoạch chuyển đến một ngôi nhà mới vào tháng Một. Chúng tôi đã quyết định vẫn ở lại Washington để Sasha có thể hoàn thành chương trình trung học tại Sidwell. Malia lúc ấy đang ở Nam Mỹ trong chuyến phiêu lưu trước khi vào đại học, cảm nhận sự tự do khi có thể tránh xa sự nặng nề của chính trị. Tôi yêu cầu nhân viên của tôi ở Cánh Đông có thể hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần lạc quan mạnh mẽ, kể cả khi họ cần phải nghĩ đến việc tìm kiếm những công việc mới cho mình, kể cả khi cuộc chiến giữa Hillary Clinton và Donald Trump ngày càng căng thẳng điên cuồng.

Ngày 7 tháng Mười Một năm 2016, buổi tối trước ngày bầu cử, Barack và tôi có một chuyến đi ngắn ngủi đến Philadelphia để cùng gia đình Hillary và bà tham gia buổi vận động cuối cùng trước một đám đông khổng lồ ở trung tâm Independence Mall. Bầu không khí khi ấy vừa tích cực vừa hồi hộp. Tôi cảm nhận được tinh thần lạc quan mà Hillary thể hiện trong đêm đó, và kết quả thăm dò liên tục cho thấy bà đang dẫn trước với khoảng cách khá thoải mái. Tôi cảm nhận được những phẩm chất mà người Mỹ có thể và không thể chịu đựng được ở một nhà lãnh đạo. Tôi không vội kết luận điều gì, nhưng tôi cảm thấy có thể tin tưởng vào một kết quả tốt đẹp.

Lần đầu tiên trong suốt nhiều năm trời, Barack và tôi không đóng vai trò nào trong đêm bầu cử. Không có phòng khách sạn cao cấp dành riêng cho quá trình chờ đợi kết quả; không có những mâm bánh canapé bày ra, không có tiếng ti-vi phát ra từ mọi góc nhà. Không cần làm tóc, trang điểm, hay chăm chút trang phục, không phải thu xếp với hai đứa con, cũng không có bài diễn văn đêm khuya nào cần chuẩn bị để phát biểu sau đó. Chúng tôi không phải làm gì, và điều này khiến chúng tôi phần khích. Đây là bước đầu tiên trong quá trình rút lui của chúng tôi, là hương vị đầu tiên của tương lai. Đương nhiên chúng tôi vẫn nhận được những kỳ vọng, nhưng thời khắc trước mắt không phải dành cho chúng tôi. Chúng tôi chỉ ở đó để chứng kiến. Vì biết là phải một thời gian nữa thì mới có kết quả, chúng tôi đã mời Valerie đến để cùng xem phim tại nhà hát trong Nhà Trắng.

Tôi không nhớ một chi tiết nào về bộ phim tối hôm đó - tựa phim cũng không, thậm chí cả thể loại phim cũng không nổi. Thật sự chúng tôi chỉ giết thời gian trong bóng tối. Tâm trí tôi cứ xoay quanh việc nhiệm kỳ của Barack đã gần chấm dứt. Những gì trước mắt sẽ nhanh chóng trở thành những lời tạm biệt - rất nhiều lời tạm biệt nói tiếp nhau, tất cả đều bồi hồi xúc động, khi các nhân viên mà chúng tôi yêu mến và trân trọng cũng sẽ bắt đầu chuyển ra khỏi Nhà Trắng. Mục tiêu của chúng tôi là sẽ làm như những gì vợ chồng George và Laura Bush từng làm với chúng tôi, giúp quá trình chuyển giao quyền lực càng suôn sẻ và thân thiện càng tốt. Các nhóm thân cận của chúng tôi đã bắt đầu soạn những sổ tóm tắt và danh sách liên lạc cho những người kế nhiệm. Trước khi nghỉ việc, nhiều nhân viên Cánh Đông sẽ để lại những ghi chép viết tay trên bàn, trao một lời chào thân thiện và sẵn sàng hỗ trợ cho những người kế nhiệm.

Chúng tôi vẫn còn ngập chìm trong công việc hàng ngày, nhưng cũng bắt đầu nghiêm túc lên kế hoạch cho những gì sẽ xảy ra tiếp theo đó. Barack và tôi quyết định tiếp tục sống tại Washington, đồng thời xây dựng một công trình tại vùng South Side của Chicago, nơi sẽ đặt Trung tâm Tổng thống Obama. Chúng tôi cũng lên kế hoạch để lập một quỹ hỗ trợ với sứ mệnh khuyến khích và tôi rèn một thể hệ lãnh đạo mới. Hai chúng tôi đã có nhiều kế hoạch cho tương lai, nhưng kế hoạch lớn nhất chính là tạo ra thêm không gian và tăng cường hỗ trợ giới trẻ tuổi và những ý tưởng của họ. Tôi cũng biết chúng tôi cần nghỉ ngơi: tôi đã bắt đầu săn tìm một nơi riêng tư để hai chúng tôi có thể đến để giải tỏa những căng thẳng của bản thân trong vài ngày vào tháng Một, ngay sau khi tân tổng thống tuyên thệ nhậm chức.

Chúng tôi chỉ còn cần một tổng thống mới.

Khi bộ phim kết thúc và đèn bật sáng, điện thoại di động của Barack rung lên. Tôi thấy anh nhìn và lại nhìn một lần nữa, anh khẽ chau mày.

“Hừm, kết quả ở Florida có vẻ bất thường”, anh nói.

Giọng của anh không có chút gì lo ngại, mà chỉ có chút bất ngờ, tựa như miếng than hồng nóng hổi chợt rực lên trong bụi cỏ. Điện thoại lại rung lần nữa. Tim tôi bắt đầu đập dồn. Tôi biết những tin tức cập nhật này đến từ David Simas, cố vấn chính trị của Barack, người đang kiểm soát những tin nhận từ Cánh Tây và là người nắm rõ kết quả từng khu, từng hạt trên tấm bản đồ bầu cử. Nếu có biến cố gì sắp xảy ra, Simas sẽ sớm nhận ra.

Tôi nhìn kỹ hơn khuôn mặt chồng mình, không rõ mình đã sẵn lòng nghe điều anh ấy sắp nói ra hay không. Dù điều đó là gì, nó cũng không hề tốt đẹp. Tôi cảm thấy có một cái gì đó thật nặng nề đang đeo bám, sự âu lo của tôi đang đông cứng thành nỗi lo sợ. Khi Barack và Valerie bắt đầu thảo luận về kết quả ban đầu, tôi thông báo với họ tôi sẽ lên lầu. Tôi đi vào thang máy, hy vọng có thể làm được một điều, đó là gạt hết mọi thứ và đi ngủ. Tôi biết chuyện gì sắp xảy ra, nhưng tôi không sẵn sàng đối diện với nó.

Trong lúc tôi ngủ, tin đã được xác nhận: cử tri Mỹ đã bầu Donald Trump là tổng thống Mỹ kế tiếp.

Tôi không muốn biết về sự thật đó, càng lâu càng tốt.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy giữa bầu trời ẩm ướt thê lương bao trùm Washington. Một bầu trời “đưa tang”. Thời gian như lê thê. Sasha đã đi học, cố tin vào điều đã xảy ra. Malia từ Bolivia gọi về, giọng lo lắng. Tôi nói với hai đứa con gái là tôi yêu chúng và mọi thứ sẽ không sao. Tôi cũng tự nhủ với chính mình điều tương tự.

Cuối cùng, Hillary Clinton đã thắng gần ba triệu phiếu phổ thông so với đối thủ, nhưng Trump lại thắng phiếu đại cử tri với gần tám mươi ngàn phiếu bầu tại Pennsylvania, Wisconsin và Michigan. Tôi không phải người quan tâm chính trị, do đó sẽ không cố gắng đưa ra một phân tích nào về kết quả này. Tôi sẽ không suy đoán ai là người phải chịu trách nhiệm hay điều gì là bất công. Tôi chỉ ước sao đã có nhiều cử tri đi bầu hơn. Và đặc biệt, tôi sẽ luôn tự hỏi điều gì đã khiến quá nhiều phụ nữ từ chối một nữ ứng viên tổng thống cực kỳ xứng đáng để đi chọn một con người luôn căm ghét phụ nữ làm tổng thống của mình. Nhưng đó là kết quả mà bây giờ chúng tôi phải chấp nhận.

Barack đã thức gần như cả đêm để rà soát kết quả, và như đã từng rất nhiều lần trước đây, anh có nhiệm vụ phải đứng lên như một biểu tượng vững vàng để giúp cả đất nước xử lý cú sốc này. Tôi không ghen tị gì với công việc ấy của anh. Đầu ngày, anh nói chuyện động viên tinh thần đội ngũ nhân viên ở Phòng Bầu Dục. Đến trưa, anh có một bài phát biểu nghiêm túc nhằm trấn an cả nước từ khu Vườn Hồng, và như mọi khi, anh kêu gọi sự đoàn kết và đề cao phẩm giá, kêu gọi nhân dân Mỹ hãy tôn trọng lẫn nhau cũng như tôn trọng những định chế của nền dân chủ.

Chiều hôm đó, tôi mời toàn thể nhân viên ở khu Cánh Đông tập trung tại văn phòng chính của mình. Nhân viên của tôi chủ yếu là phụ nữ thuộc các nhóm thiểu số, một số đến từ các gia đình nhập cư. Nhiều người đang khóc. Họ đã hết mình cho công việc vì niềm tin sâu sắc vào những mục tiêu mà chúng tôi đang cùng xúc tiến. Mỗi khi có dịp thì tôi luôn nói với họ rằng hãy tự hào về chính mình, rằng công việc của họ là rất quan trọng, và rằng một cuộc bầu cử chẳng thể xóa đi tám năm thay đổi.

Chúng ta không mất đi tất cả. Đây chính là thông điệp mà chúng tôi cần tiếp tục phát huy. Đó là điều mà tôi thật sự tin tưởng. Dù không lý tưởng, nhưng đó chính là hiện thực của chúng ta - thế giới như hiện có. Chúng ta giờ đây cần phải kiên quyết, phải giữ đúng hướng trên con đường dẫn đến tiến bộ.

CHÚNG TÔI THẬT SỰ đã đến đoạn cuối. Tôi thấy mình đang lưỡng lự giữa nhìn về quá khứ hay hướng tới tương lai, đặc biệt quan tâm đến một vấn đề: những gì sẽ còn lại mãi?

Chúng tôi là Gia đình Tổng thống thứ bốn mươi bốn và chỉ mới là gia đình thứ mười một ở tại Nhà Trắng suốt hai nhiệm kỳ. Chúng tôi đã, và sẽ luôn, là Gia đình Tổng thống da đen đầu tiên. Tôi hy vọng rằng khi những bậc cha mẹ trong tương lai đưa con cái của họ đến tham quan Nhà Trắng, như tôi đã từng mang Malia và Sasha đến tham quan khi cha chúng là thượng nghị sĩ, họ sẽ có thể chỉ ra một điều gì đó gợi nhớ đến quãng thời gian gia đình chúng tôi từng sống tại đây. Tôi nghĩ là cần phải ghi nhận sự hiện diện của chúng tôi trong bề dày lịch sử của chốn này.

Ví dụ, không phải vị tổng thống nào cũng đặt cho mình một bộ đồ sứ chính thức, nhưng chúng tôi đã có một bộ. Trong nhiệm kỳ thứ hai của Barack, chúng tôi cũng quyết định trang trí lại Phòng ăn Cự gia đình nằm ngay cạnh Sân Chiếu đài Ngoại giao, khoác cho nó một dáng vẻ hiện đại và lần đầu tiên mở cửa cho công chúng tham quan. Trên bức tường phía bắc của căn phòng, chúng tôi treo một bức tranh trừu tượng tuyệt đẹp có ba màu vàng, đỏ và xanh của Alma Thomas - bức Phục sinh - tác phẩm nghệ thuật đầu tiên của một nữ họa sĩ da đen được bổ sung vào bộ sưu tập vĩnh viễn của Nhà Trắng.

Tuy nhiên dấu ấn khó phai nhất lại nằm bên ngoài các bức tường. Khu vườn đã tồn tại qua bảy năm rưỡi tính tới nay, mỗi năm thu hoạch khoảng một tấn thực phẩm. Khu vườn đã chống chịu được những lần tuyết dày, những trận mưa và cả mưa đá. Khi gió mạnh đã làm tróc gốc cây thông Noel cao gần mười ba thước vài năm trước, khu vườn vẫn không hề suy sụp. Trước khi rời Nhà Trắng, tôi muốn khu vườn có thể tồn tại dài lâu hơn. Chúng tôi thêm vào những lối đi lát đá và các băng ghế gỗ, cộng với một cổng chào được làm từ những mảnh gỗ sưu tập từ diên trang của các Tổng thống Jefferson, Madison và Monroe và ngôi nhà thời thơ ấu của Martin Luther King Jr. Và rồi, một chiều mùa thu, tôi đã băng qua Bãi cỏ phía Nam để chính thức tặng khu vườn cho thế hệ mai sau.

Có mặt với tôi ngày hôm đó là những người ủng hộ và giúp đỡ chúng tôi trong những nỗ lực vì sức khỏe trẻ em suốt mấy năm qua, cũng như hai đại diện học sinh các em lớp năm trường tiểu học Bancroft ngày trước, nay đã trưởng thành. Hầu hết nhân viên của tôi đều có mặt, trong đó có cả Sam Kass, người đã rời Nhà Trắng năm 2014 nhưng về lại để tham gia vào dịp này.

Nhìn ra đám đông trong khu vườn ngày hôm ấy, tôi cảm thấy xúc động. Tôi biết ơn tất cả những thành viên trong đội ngũ của mình, những người đã cống hiến hết mình cho công việc, đọc qua mọi lá thư tay, kiểm tra các bài diễn văn, lên những chuyến bay xuyên quốc gia để chuẩn bị cho các sự kiện. Tôi đã thấy nhiều người trong số họ gánh vác thêm trách nhiệm và trưởng thành trong cả công việc lẫn con người, thậm chí trước những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất. Những gánh nặng của việc là “trường hợp đầu tiên” không chỉ đè nặng trên vai gia đình chúng tôi. Trong tám năm trôi, những con người trẻ tuổi lạc quan kia - và một vài người già dặn khác - đã luôn sát cánh

cùng chúng tôi. Melissa, người đầu tiên tôi thuê để tham gia vào chiến dịch tranh cử gần mười năm trước và là một người tôi sẽ xem là bạn thân suốt cuộc đời mình, vẫn ở cùng tôi ở Cánh Đông đến cuối nhiệm kỳ, tương tự như Tina, chánh văn phòng xuất chúng của tôi. Kristen Jarvis đã được thay bằng Chynna Clayton, một phụ nữ trẻ tuổi siêng năng đến từ Miami, người đã nhanh chóng trở thành một người chị đối với hai cô con gái của tôi, và là người chủ tâm giữ cho cuộc sống của tôi diễn ra suôn sẻ.

Tôi xem tất cả những con người đó, đương nhiệm và đã từng cộng tác, là gia đình của mình. Và tôi vô cùng tự hào về những gì chúng tôi đã thực hiện.

Đối với những đoạn video “gây bão” trên Internet - trong đó tôi nhảy cùng người dẫn chương trình truyền hình Jimmy Fallon, úp rổ giả sau lưng siêu sao bóng rổ LeBron James và hát rap cùng Jay Pharoah - thì chúng tôi đã tập trung vào hiệu quả của những gì mình đang thực hiện nhiều hơn là vào độ hot trong vài giờ đồng hồ trên Twitter. Và chúng tôi đã gặt hái kết quả. Bốn mươi lăm triệu đứa trẻ đang dùng bữa sáng và bữa trưa lành mạnh hơn; mười một triệu học sinh đang có 60 phút vận động mỗi ngày thông qua chương trình Let's Move Active Schools. Trẻ em nhìn chung đang ăn nhiều ngũ cốc nguyên hạt và nông sản hơn. Kỷ nguyên của thức ăn nhanh “siêu bự” đang dần đến hồi chấm dứt.

Thông qua những gì tôi đã thực hiện cùng Jill Biden qua chương trình Joining Forces, chúng tôi đã góp phần thuyết phục các doanh nghiệp tuyển dụng hoặc đào tạo hơn một triệu rưỡi cựu binh cũng như vợ hoặc chồng của họ. Để giải quyết một trong những mối quan ngại đầu tiên mà tôi nghe thấy trên chặng đường vận động tranh cử, chúng tôi đã thuyết phục tất cả năm mươi tiểu bang hợp tác về thỏa thuận cấp bằng hành nghề, thành công này sẽ giúp sự nghiệp của những người vợ hoặc chồng quân nhân không bị gián đoạn mỗi khi họ được điều động đi một nơi khác.

Về giáo dục, Barack và tôi đã huy động được hàng tỷ đô-la để giúp đỡ các bé gái trên khắp thế giới có được sự giáo dục mà chúng xứng đáng nhận được. Hơn hai ngàn tám trăm tình nguyện viên Peace Corps hiện đang được huấn luyện để xúc tiến các chương trình dành riêng cho các em gái trên phạm vi quốc tế. Và riêng ở Mỹ, chúng tôi đã giúp nhiều bạn trẻ đăng ký nhận trợ cấp tài chính của liên bang dành cho sinh viên, hỗ trợ các chuyên viên tư vấn tuyển sinh, và nâng tầm Ngày Cam kết Đại học thành một sự kiện tầm cỡ quốc gia.

Trong khi đó, Barack đã thành công trong việc đưa nước Mỹ ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng nhất kể từ cuộc Đại khủng hoảng. Anh đã giúp thúc đẩy Thỏa thuận chung Paris về biến đổi khí hậu, đưa hàng vạn binh sĩ từ Iraq và Afghanistan về nước, và đã dẫn đầu nỗ lực chấm dứt chương trình hạt nhân của Iran một cách hiệu quả. Thêm hai mươi triệu người đã được bảo đảm về bảo hiểm sức khỏe. Và chúng tôi đã trải qua suốt hai nhiệm kỳ không có một vụ tai tiếng nghiêm trọng nào. Chúng tôi đã đặt ra cho mình và những con người làm việc với mình những tiêu chuẩn cao nhất về đạo đức và khuôn phép, và chúng tôi đã luôn tuân thủ các tiêu chuẩn đó.

Với chúng tôi, một số thay đổi khó được đánh giá hơn nhưng vẫn không hề kém phần quan trọng. Sáu tháng trước khi hiến tặng khu vườn, Lin-Manuel Miranda, nhà soạn nhạc trẻ tuổi mà tôi đã gặp tại một trong những sự kiện nghệ thuật đầu tiên của chúng tôi, đã quay lại Nhà Trắng. Đoạn hip-hop của cậu về Alexander Hamilton đã bùng nổ thành một hiện tượng Broadway, và với vở nhạc kịch này cậu đã trở thành một siêu sao toàn cầu. Vở nhạc kịch Hamilton là một sự tôn vinh lịch sử và sự đa dạng của nước Mỹ, xây dựng lại cách hiểu của chúng ta về vai trò của những người thuộc nhóm thiểu số trong câu chuyện của quốc gia, tôn vinh tầm quan trọng của phụ nữ, thứ từ lâu đã bị nam giới che mờ. Tôi đã xem phiên bản thể nghiệm của vở nhạc kịch và yêu thích nó đến nỗi đã xem lại lần nữa khi nó được biểu diễn trên sân khấu lớn. Đó là một vở nhạc kịch cực kỳ hấp dẫn và hài hước, đầy xúc động và thần thức - tác phẩm nghệ thuật xuất sắc nhất mà tôi từng được biết qua.

Lin-Manuel đã mang hầu hết dàn diễn viên của mình đến Washington, họ là một tập hợp những người đa chủng tộc đầy tài năng. Các nghệ sĩ dành ra một buổi chiều tại Nhà Trắng để giao lưu với các bạn trẻ đến từ các trường trung học trong vùng - những mầm non biên kịch, vũ công và rapper đã cùng viết lời và soạn nhạc với thần tượng của mình. Đến xế chiều, tất cả chúng tôi tập trung tại Phòng Đông để thưởng thức một chương trình biểu diễn. Barack và tôi ngồi ở hàng ghế đầu, xung quanh là những người trẻ tuổi thuộc mọi chủng tộc và hoàn cảnh. Cả hai chúng tôi ngập tràn xúc động khi Christopher Jackson và Lin-Manuel cùng hát bản ballad “One Last Time” để kết thúc buổi biểu diễn. Hai nghệ sĩ, một da đen và một đến từ Puerto Rico, đang đứng dưới ngọn đèn chùm một trăm mười lăm năm tuổi, cạnh những bức chân dung cổ xưa của vợ chồng George và Martha Washington, và cất tiếng hát về cảm giác “gần gũi như ở quê nhà ngay trên đất nước mà chúng ta đã dựng xây”. Sức mạnh và chân lý của thời điểm ấy vẫn ở trong tôi đến ngày hôm nay.

Hamilton khiến tôi xúc động vì nó phản ánh lịch sử mà chính tôi đã trải qua. Đó là câu chuyện về một nước Mỹ đã đón nhận sự đa dạng. Sau đó tôi nghĩ về điều này: có quá nhiều người trong chúng ta sống với những câu chuyện bị giấu kín, cảm thấy xấu hổ hay sợ sệt nếu thực tế cuộc đời mình không đáp ứng được một lý tưởng sẵn có nào đó. Chúng ta lớn lên giữa những thông điệp nói rằng chỉ có duy nhất một cách để trở thành người Mỹ - rằng nếu làn da của chúng ta sẫm màu hoặc hồng của chúng ta rộng, nếu chúng ta không yêu thương theo một cách nhất định nào đó, nếu chúng ta nói một ngôn ngữ khác hay đến từ một quốc gia khác, thì có nghĩa là chúng ta không thuộc về nơi đây. Mọi chuyện sẽ như vậy, cho đến khi có một ai đó dám kể lại câu chuyện đó theo một cách khác.

Tôi lớn lên cùng một người cha khuyết tật trong một căn nhà quá nhỏ và không có nhiều của cải trong một khu phố bắt đầu suy tàn, và tôi cũng lớn lên giữa tình yêu và âm nhạc trong một thành phố đa dạng tại một quốc gia mà nền giáo dục có thể giúp tôi tiến rất xa. Tôi không có gì và tôi cũng có tất cả mọi thứ, tùy thuộc vào cách mà bạn muốn kể câu chuyện ấy.

Khi chúng tôi đi đến đoạn cuối nhiệm kỳ tổng thống của Barack, tôi đã nghĩ về nước Mỹ theo cách như vậy. Tôi yêu đất nước tôi qua mọi cách mà người ta kể câu chuyện của nó. Trong gần một thập kỷ, tôi đã có đặc quyền được đi qua câu chuyện đó, nếm trải những mâu thuẫn nặng nề và những sự xung đột cay đắng của nó, trải qua nỗi đau và lý tưởng vĩnh hằng của nó, và hơn hết, tôi đã trải nghiệm sự kiên cường của đất nước này. Quan điểm của tôi có lẽ là khác thường, nhưng tôi nghĩ những gì tôi đã trải qua trong suốt những năm vừa qua chính là điều mà nhiều người đã trải qua - cảm giác về sự tiến bộ, sự dễ chịu của lòng trắc ẩn, niềm hân hoan khi chứng kiến những con người vô hình thầm lặng cuối cùng cũng tìm ra ánh sáng. Một cái nhìn vào thế giới mà chúng ta có thể có. Chúng tôi đã nỗ lực để tạo ra một kết quả lâu dài: một thể hệ đang trưởng thành và hiểu được những gì mình có thể đạt được - và biết là mình còn có thể làm được hơn thế. Dù tương lai có như thế nào thì đây vẫn là câu chuyện mà chúng tôi đã có.

LỜI KẾT

BARACK VÀ TÔI BUỐC RA KHỎI NHÀ TRẮNG lần cuối vào ngày 20 tháng Một năm 2017, tháp tùng Donald và Melania Trump đến lễ nhậm chức. Ngày hôm đó, cảm xúc của tôi hỗn độn: mệt mỏi, tự hào, buồn phiền, háo hức. Tuy nhiên, chủ yếu thì tôi chỉ đang cố gắng giữ mình vì biết máy quay đang dõi theo từng cử động của chúng tôi. Barack và tôi đã quyết tâm giúp quá trình bàn giao diễn ra tốt đẹp và đúng mực, để hoàn tất tám năm phục vụ của chúng tôi đúng với lý tưởng và tinh thần điềm tĩnh của mình. Giờ đây chúng tôi đang ở những giờ phút cuối cùng.

Sáng hôm đó, Barack đã đến Phòng Bầu Dục lần cuối, để lại một lá thư viết tay cho người kế nhiệm. Chúng tôi cũng đã tập trung ở Tầng Hai để nói lời tạm biệt với những nhân viên thường trực tại Nhà Trắng - quản gia, tiếp tân, nhân viên bếp, nhân viên dọn phòng, thợ cắm hoa, cùng tất cả những người đã từng chăm sóc chúng tôi một cách thân thiện và chuyên nghiệp. Giờ đây họ sẽ tiếp tục mang tác phong ấy để phục vụ một gia đình mới, những người sắp chuyển vào sinh sống tại nơi này. Việc chia tay đặc biệt khó khăn đối với Sasha và Malia, vì có quá nhiều người trong số đó là những người chúng gặp gần như mỗi ngày trong gần suốt nửa cuộc đời mình. Tôi ôm lấy từng người thật chặt và cố kiềm nước mắt khi họ tặng chúng tôi món quà kỷ niệm, đó là hai lá cờ Mỹ - một lá cờ đã tung bay vào ngày đầu tiên trong nhiệm kỳ của Barack và lá còn lại được dùng vào ngày cuối cùng, hai cột mốc biểu tượng cho trải nghiệm của gia đình chúng tôi.

Lần thứ ba ngồi tại sân khấu nhậm chức trước Điện Capitol, tôi cố gắng kìm nén cảm xúc của mình. Sự đa dạng sống động của hai buổi lễ nhậm chức trước đó đã không còn, thay vào đó là cảm giác đơn điệu chán

chường, thứ đơn điệu của một bức tranh hoạt cảnh mà nhân vật hầu hết là nam giới mà tôi đã gặp quá nhiều lần trong đời - nhất là ở những không gian đặc quyền, những hành lang quyền lực mà tôi đã đặt chân đến kể từ lúc rời khỏi ngôi nhà ấu thơ ở Đại lộ Euclid. Kinh nghiệm làm việc trong các môi trường nghiệp vụ khác nhau - từ khâu tuyển dụng luật sư mới cho Sidley & Austin đến công tác tuyển dụng nhân viên Nhà Trắng - đã dạy cho tôi biết là sự đơn điệu sẽ lại sinh ra đơn điệu, cho đến khi chúng ta có những nỗ lực được suy tính thận trọng để thay đổi nó.

Nhìn khoảng ba trăm con người đang ngồi trên sân khấu sáng hôm đó, những vị khách đức cao vọng trọng của ngài tổng thống sắp nhậm chức, tôi cảm thấy rõ rệt rằng trong không khí của Nhà Trắng mới, nỗ lực mà tôi nói đến sẽ khó lòng được tạo ra. Ai đó trong chính quyền Barack có lẽ đã từng nói rằng cảnh tượng ở buổi lễ đó không đáng tin - rằng những gì công chúng nhìn thấy không hề phản ánh sự thật cũng như lý tưởng của ngài tổng thống. Nhưng trong trường hợp này, có lẽ nó đã phản ánh đúng. Khi nhận ra điều đó, tôi tự đưa ra một điều chỉnh mà công chúng hẳn đã nhìn thấy: tôi không thêm giả vờ mỉm cười nữa.

QUÁ TRÌNH CHUYỂN GIAO CHÍNH LÀ NHƯ VẬY - một sự chuyển tiếp đến một điều gì đó mới mẻ. Một bàn tay đặt lên quyền Kinh thánh; một lời tuyên thệ được lặp lại. Đồ đạc của một tổng thống được mang ra ngoài, trong khi đồ đạc của vị tổng thống mới được mang vào. Các tủ quần áo được dọn đi và chất đầy trở lại. Và tương tự, có những mái đầu mới trên những chiếc gối mới - những khí chất mới, những giấc mộng mới. Và khi nhiệm kỳ của chúng tôi kết thúc, khi chúng tôi rời khỏi Nhà Trắng vào cái ngày cuối cùng ấy, chúng tôi phải một lần nữa tìm lại chính bản thân mình.

Giờ đây tôi đang có một khởi đầu mới trong một giai đoạn mới trong đời. Lần đầu tiên trong suốt nhiều năm, tôi được cởi trói khỏi những bồn phận gắn với vai trò một người vợ của chính khách, tôi không còn bị vương bận bởi kỳ vọng của người khác. Tôi có hai cô con gái đã gần trưởng thành và ngày càng không cần đến tôi nhiều như xưa. Tôi có một người chồng không còn mang trọng trách của quốc gia trên vai. Những trách nhiệm tôi từng cảm thấy - với Sasha và Malia, với Barack, với sự nghiệp và với đất nước tôi - đã thay đổi và từ đó giúp tôi có thể suy nghĩ khác đi về những gì sẽ diễn ra kế tiếp. Tôi đã có nhiều thời gian hơn để suy ngẫm, để đơn giản là chính mình. Ở tuổi năm mươi bốn, tôi vẫn đang trên hành trình của mình, và tôi hy vọng mình sẽ luôn như thế.

Với tôi, hành trình hoàn thiện của một con người không phải để đến được một nơi nào đó hay đạt được một mục tiêu nhất định. Trái lại, tôi thấy đó là một chuyển động luôn hướng về phía trước, một cách để phát triển, để liên tục vươn tới và trở thành một bản thể tốt đẹp hơn. Chặng đường đó không có hồi kết. Tôi đã trở thành một người mẹ, nhưng tôi vẫn còn rất nhiều điều cần học từ các con của mình, cũng như vẫn còn nhiều điều cần phải trao cho chúng. Tôi đã trở thành một người vợ, nhưng tôi vẫn tiếp tục thích nghi và vẫn cảm thấy mình nhỏ bé trước tình yêu đích thực, trước quá trình tạo dựng một cuộc sống với một con người khác. Tôi đã trở thành một người có sức mạnh, theo một số tiêu chí nhất định, thế nhưng vẫn có những lúc tôi cảm thấy bất an hay không được lắng nghe.

Tất cả đều là một quá trình, là những bước chân tiến lên theo một con đường. Quá trình trở thành bản thể tốt đẹp hơn đòi hỏi cả sự kiên nhẫn lẫn sự nghiêm khắc ở mức độ tương đương nhau. Đó còn là không bao giờ từ bỏ suy nghĩ phải phát triển không ngừng.

Vì người ta thường hỏi nên tôi sẽ nói thẳng ở đây: tôi không có ý định ứng cử chức tổng thống, không bao giờ. Tôi chưa bao giờ là người thích chính trị, và những gì tôi đã nếm trải suốt mười năm qua chẳng làm suy suyển quan điểm này của tôi. Tôi tiếp tục dị ứng với sự bần thiêu - sự phân chia phe đỏ và phe xanh, với ý nghĩ rằng chúng ta cần phải chọn phe và bám lấy phe của mình, với việc cố chấp không chịu lắng nghe và dàn xếp hợp lý, hay đôi khi thậm chí là không thể giữ phép lịch sự. Tôi thật sự tin rằng ở góc độ tốt đẹp nhất, chính trị có thể là phương tiện để tạo ra sự thay đổi tích cực, nhưng đó không phải là đầu trường của tôi.

Nói như thế không có nghĩa là tôi không quan tâm đến tương lai của đất nước. Kể từ khi Barack rời Nhà Trắng, tôi đã đọc được những tin tức khiến tim tôi quặn thắt. Tôi đã nằm thao thức về đêm, giậm run trước những gì đã xảy ra. Thật xót xa khi phải chứng kiến hành vi và nghị trình chính trị của vị tổng thống đương nhiệm đã khiến cho biết bao người Mỹ hoài nghi về bản thân, nghi kỵ và sợ hãi lẫn nhau. Những chính sách giàu lòng nhân ái đã từng được vun đắp cẩn thận nay lại bị bác bỏ, một số đồng minh thân thiết nhất nay đã trở nên xa lánh, những thành viên dễ tổn thương nhất trong xã hội nay đã bị gạt ra ngoài lề và phải chịu đựng những cách hành xử vô nhân đạo. Đôi khi tôi tự hỏi điểm tận cùng của những điều tồi tệ này là ở đâu.

Tuy nhiên, điều tôi không cho phép mình được làm là trở nên hoài nghi. Vào những thời khắc lo lắng nhất, tôi hít một hơi thật sâu và nhắc nhở bản thân về nhân phẩm và đạo đức mà tôi đã thấy nơi những con người hiện diện trong suốt cuộc đời mình, những chướng ngại mà tôi đã vượt qua. Tôi hy vọng người khác sẽ làm điều tương tự. Chúng ta đều đóng một vai trò trong nền dân chủ này. Chúng ta cần ghi nhớ sức mạnh của mỗi lá phiếu. Tôi tiếp tục kết nối mình với một sức mạnh lớn hơn và mạnh mẽ hơn bất cứ

một cuộc bầu cử nào, bất cứ một vị lãnh đạo hay câu chuyện nào trên bản tin - và đó chính là sự lạc quan. Với tôi, đó là một hình thái của đức tin, bài thuốc chữa lành sự sợ hãi. Sự lạc quan ngự trị tại căn hộ nhỏ bé của gia đình chúng tôi trên Đại lộ Euclid. Tôi đã thấy sự lạc quan ở cha tôi, trong cách ông đi đứng như thể chẳng có gì xảy ra với cơ thể mình, như thể căn bệnh mà một ngày kia đã tước đi mạng sống của ông chẳng hề tồn tại. Tôi chứng kiến sự lạc quan trong niềm tin buống bình của mẹ về khu phố của chúng tôi, quyết định trụ lại kể cả khi nỗi sợ đã khiến nhiều hàng xóm của bà dọn đồ đạc và rời đi. Sự lạc quan là điều đầu tiên khiến tôi bị lôi cuốn bởi Barack khi anh ấy xuất hiện ở văn phòng làm việc của tôi tại Sidley, với một nụ cười đầy hy vọng. Về sau, sự lạc quan đã giúp tôi vượt qua những nghi ngờ và những điểm yếu của bản thân, đủ để tin tưởng là nếu tôi để gia đình mình sống một cuộc sống hoàn toàn lộ diện trước mắt công chúng thì chúng tôi vẫn có thể an toàn và hạnh phúc.

Và giờ đây sự lạc quan đang hỗ trợ tôi. Trong vai trò Đệ nhất Phu nhân, tôi đã nhìn thấy tinh thần lạc quan ở những nơi đáng ngạc nhiên. Sự lạc quan được thể hiện nơi anh thương binh ở Quân y viện Walter Reed, người đã từ chối lòng thương hại bằng một bảng ghi chú dán trên cửa, nhắc nhở mọi người rằng mình vừa mạnh mẽ lại vừa ngập tràn hy vọng. Sự lạc quan hiển hiện trong con người của Cleopatra Cowley-Pendleton, người phụ nữ đã biến một phần đau thương trước cái chết của con gái mình thành động lực để thúc đẩy những điều luật hợp lý hơn về kiểm soát súng đạn. Sự lạc quan còn hiện hữu nơi cô nhân viên công tác xã hội ở trường trung học Harper, người đã cố gắng biểu lộ thành lời tình yêu thương và trân trọng của mình dành cho các em học sinh mỗi khi đi ngang qua chúng ở hành lang. Và sự lạc quan luôn tồn tại trong trái tim của những đứa trẻ. Trẻ em thức giấc mỗi ngày và tin vào những điều tốt đẹp, tin vào sự màu nhiệm

của những điều có thể xảy ra. Trẻ em là những con người không chút hoài nghi và giàu đức tin từ trong cốt lõi. Vì những đứa trẻ đó, chúng ta phải luôn mạnh mẽ và không ngừng nỗ lực để tạo ra một thế giới công bằng và nhân đạo hơn. Vì các em, chúng ta cần phải vừa rắn rỏi lại vừa giàu hy vọng, để thừa nhận rằng vẫn còn nhiều điều cần được phát triển trong tương lai.

Có hai bức chân dung của tôi và Barack đang được treo tại Phòng trưng bày Chân dung Quốc gia tại Washington, một việc khiến cả hai chúng tôi cảm thấy quá vinh dự. Tôi nghĩ không có bất cứ ai khi nhìn vào thời thơ ấu của chúng tôi, hoàn cảnh của chúng tôi, lại có thể dự đoán rằng chúng tôi sẽ xuất hiện tại những sảnh phòng như thế. Hai bức ảnh thật đẹp, nhưng điều quan trọng hơn cả chính là chúng được trưng bày ở đó để người trẻ đến xem - rằng chân dung của hai chúng tôi giúp tháo gỡ quan niệm cho rằng để được lưu dấu vào lịch sử, ta cần phải có một vẻ ngoài hợp chuẩn nào đó. Nếu chúng tôi có thể lưu dấu vào lịch sử thì nhiều người khác cũng có thể.

Tôi là một con người bình thường được tham gia vào một hành trình phi thường. Bằng cách chia sẻ câu chuyện đời mình, tôi hy vọng có thể khơi gợi những câu chuyện khác, những tiếng nói khác được thể hiện, để mở rộng con đường cho những con người xứng đáng với con đường đó. Tôi đủ may mắn để bước chân vào những tòa lâu đài bằng đá, những phòng học ở khu đô thị và những bếp ăn nông trang ở Iowa, khi chỉ đang cố gắng trở thành chính mình, đang cố gắng kết nối với mọi người. Với mỗi cánh cửa được mở ra cho tôi, tôi đều cố gắng mở cánh cửa của chính tôi cho những người khác. Và sau cùng thì đây là những gì tôi cần chia sẻ: Hãy cùng mời nhau bước vào những cánh cửa đó. Có lẽ khi ấy chúng ta sẽ bắt đầu ít cảm thấy sợ hãi hơn, bớt đưa ra những giả định sai lầm hơn, có thể từ bỏ những thiên kiến và khuôn mẫu vốn vẫn chia cắt chúng ta một cách không cần

thiết. Có lẽ chúng ta có thể trân trọng hơn những điểm tương đồng của mình. Mục tiêu không phải là trở nên hoàn hảo. Mục tiêu không phải là cuối cùng ta sẽ đi đến đâu. Sức mạnh nằm trong việc ta để cho bản thân được người khác biết tới và lắng nghe, trong việc sở hữu câu chuyện của riêng mình, trong việc sử dụng tiếng nói chỉ riêng mình có. Và sẽ tốt đẹp biết bao khi chúng ta sẵn lòng tìm hiểu và lắng nghe người khác. Đối với tôi, đây chính là cách chúng ta trở thành phiên bản tốt đẹp hơn của mình.

LỜI CẢM ƠN

Như với mọi điều mà tôi đã thực hiện trong đời, quyển hồi ký này sẽ không thể ra đời nếu không có tình cảm cũng như sự ủng hộ của rất nhiều người.

Tôi không thể là tôi của ngày hôm nay nếu không có sự điềm tĩnh và tình yêu vô điều kiện của mẹ tôi, bà Marian Shields Robinson. Bà vẫn luôn là chỗ dựa vững chắc cho tôi, là người cho tôi được tự do trở thành bản thể của chính mình, đồng thời không bao giờ để tôi quá xa rời thực tế. Tình yêu vô biên của bà dành cho hai đứa con của tôi và sự sẵn lòng đặt nhu cầu của chúng tôi lên trước nhu cầu của bản thân bà đã cho tôi sự thoải mái và tự tin để bước ra thế giới, vì tôi biết các con đang an toàn và được yêu thương ở nhà.

Barack, chồng tôi, tình yêu của tôi, người bạn đồng hành hai-mươi-lăm-năm của tôi và người cha tận tâm, tràn đầy yêu thương đối với hai đứa con của chúng tôi, vẫn luôn là một người bạn đời mà tôi những tưởng chỉ có thể gặp được trong trí tưởng tượng của mình. Câu chuyện của hai chúng tôi vẫn đang tiếp diễn, và tôi háo hức chờ đợi thêm nhiều cuộc phiêu lưu ở phía trước. Cảm ơn anh đã giúp đỡ và hướng dẫn em hoàn thành quyển sách này; cảm ơn anh đã cẩn thận và kiên nhẫn đọc hết từng chương và biết chính xác khi nào cần nhẹ nhàng đổi hướng.

Và gửi đến anh trai của em, anh Craig. Em bắt đầu từ đâu đây? Anh là người bảo vệ em kể từ ngày em chào đời. Anh làm em cười nhiều hơn bất cứ người nào khác trên trái đất này. Anh là người anh tuyệt vời nhất mà một cô em gái có thể có, một người con, người chồng và người cha giàu tình cảm và biết quan tâm săn sóc. Cảm ơn anh vì toàn bộ thời gian mà anh đã

cùng đội ngũ của em lần giờ từng kỷ niệm thời thơ ấu của chúng ta. Nhiều ký ức đẹp đẽ nhất của em khi viết quyển sách này chính là thời gian chúng ta ở bên nhau, cùng ngồi trong bếp với mẹ và làm sống lại biết bao nhiêu câu chuyện cũ.

Chắc chắn cả đời tôi cũng không thể hoàn thành quyển sách này nếu không có một nhóm cộng tác viên cực kỳ tài năng mà tôi chỉ biết thần phục. Mới hơn một năm trước, khi lần đầu gặp Sara Corbett, tôi chỉ biết cô là người được biên tập viên của tôi đánh giá rất cao và hiểu biết rất ít về chính trị. Hôm nay tôi tin tưởng giao cuộc đời mình vào tay cô không chỉ vì cô có trí tuệ tuyệt vời và ham học hỏi, mà còn vì về cơ bản cô là một người tử tế và hào phóng. Tôi hy vọng đây mới chỉ là khởi đầu cho một tình bạn bền vững.

Tyler Lechtenberg đã là một thành viên quý báu trong thế giới của Obama hơn một thập kỷ nay. Cậu ấy xuất hiện trong cuộc đời chúng tôi trong vai trò một nhân viên tổ chức thực địa trẻ trung tại Iowa và kể từ đó cậu đã ở bên chúng tôi như một cố vấn đáng tin cậy. Tôi đã chứng kiến cậu trưởng thành và trở thành một cây bút quyền lực với một tương lai cực kỳ tươi sáng.

Và còn cả biên tập viên của tôi, Molly Stern, người mà sự nhiệt tình, năng lượng và đam mê của chị đã ngay lập tức khiến tôi bị cuốn hút. Molly đã giữ cho tôi luôn vững tâm bằng lòng tin sắt son của chị vào tầm nhìn của tôi dành cho quyển sách này. Tôi mãi mãi biết ơn chị và toàn bộ đội ngũ Crown, trong đó có Maya Mavjee, Tina Constable, David Drake, Emma Berry và Chris Brand, những người đã góp sức cho nỗ lực này ngay từ đầu. Amanda D'Arcieno, Lance Fitzgerald, Sally Franklin, Carisa Hays, Linnea Knollmueller, Matthew Martin, Donna Passanante, Elizabeth

Rendfleisch, Anke Steinecke, Christine Tanigawa và Dan Zitt - tất cả đều giúp quyển sách này trở thành sự thật.

Tôi cũng muốn cảm ơn Markus Dohle vì đã huy động toàn bộ nguồn lực của Penguin Random House cho thành quả của tình yêu này.

Tôi không thể thành công trong thế giới này với vai trò một người mẹ, người vợ và người làm việc chuyên nghiệp nếu không có đội ngũ của mình. Bất cứ ai biết rõ về tôi đều biết Melissa Winter là một nửa bộ não của tôi. Mel, cảm ơn em đã luôn ở bên chị trong từng bước của quá trình này. Quan trọng hơn, cảm ơn em đã hết lòng yêu thương chị và các con của chị. Nếu không có em thì cũng không có chị hôm nay.

Melissa là trưởng nhóm cá nhân của tôi. Tập thể nhỏ nhưng đầy những người phụ nữ thông minh và cần cù này là những người bảo đảm tôi luôn đi đúng hướng: Caroline Adler Morales, Chynna Clayton, MacKenzie Smith, Samantha Tubman và Alex May Sealey.

Bob Barnett và Deneen Howell của hãng luật Williams & Connolly là những hướng dẫn viên vô giá trong suốt quá trình xuất bản, và tôi biết ơn những lời khuyên và sự hỗ trợ của họ.

Xin gửi lời cảm ơn đặc biệt dành cho những ai đã giúp quyển sách này ra đời theo nhiều cách khác nhau: Pete Souza, Chuck Kennedy, Lawrence Jackson, Amanda Lucidon, Samantha Appleton, Kristin Jones, Chris Haugh, Arielle Vavasaur, Michele Norris và Elizabeth Alexander.

Bên cạnh đó, tôi muốn cảm ơn cô gái cực kỳ tháo vát Ashley Woolheater vì những nghiên cứu kỹ lưỡng của cô, và cảm ơn Gillian Brassil đã tỉ mỉ đối chiếu những thông tin trong quyển sách này. Nhiều người trong số những nhân viên cũ của tôi cũng đã giúp xác minh những chi tiết vô cùng quan trọng và các mốc thời gian trong suốt quá trình viết sách - tôi không thể kể hết ra, nhưng tôi biết ơn từng người trong số họ.

Cảm ơn tất cả những người phụ nữ tuyệt vời trong đời tôi, những người đã luôn nâng đỡ tôi. Các cô biết mình là ai và có ý nghĩa với tôi như thế nào - những cô bạn gái của tôi, các cô vắn và những “cô con gái nuôi” của tôi - và xin đặc biệt cảm ơn Má Kaye. Mọi người đã hỗ trợ tôi trong suốt quá trình viết quyển sách này, cũng như đã giúp tôi trở thành một người phụ nữ tốt đẹp hơn.

Nhịp sống tất bật của một Đệ nhất Phu nhân khiến tôi không có nhiều thời gian để viết nhật ký. Đó là lý do tôi vô cùng biết ơn người bạn thân Verna Williams, giáo sư luật đang giảng dạy tại Trường Luật Cincinnati. Tôi đã nhờ cậy rất nhiều vào gần một ngàn một trăm trang chép lại từ những đối thoại hai lần một năm giữa chúng tôi trong những năm ở Nhà Trắng.

Tôi vô cùng tự hào vì tất cả những gì chúng tôi đã đạt được tại Cánh Đông. Tôi muốn cảm ơn rất nhiều người đàn ông và phụ nữ đã cống hiến cuộc đời mình cho đất nước, những thành viên trong Văn phòng Đệ nhất Phu nhân - những người chuyên trách chính sách, lịch trình, hành chính, truyền thông, những người viết diễn văn, văn phòng công chúng và phóng viên. Xin cảm ơn những nhân viên, những thực tập sinh Nhà Trắng và các đặc vụ đã chịu trách nhiệm xây dựng từng kế hoạch hành động của tôi - Let's Move!, Reach Higher, Let Girls Learn, và dĩ nhiên là cả Joining Forces nữa.

Joining Forces sẽ luôn có một vị trí đặc biệt trong tim tôi vì nó đã cho tôi được tiếp xúc với sức mạnh và sự kiên cường của cộng đồng quân đội xuất chúng của chúng ta. Gửi đến tất cả các binh sĩ tại ngũ, cựu binh và những gia đình quân nhân, xin cảm ơn các anh chị đã phụng sự và hy sinh vì đất nước mà tất cả chúng ta hằng yêu quý. Gửi đến Tiến sĩ Jill Biden và toàn bộ các thành viên trong nhóm của chị - tôi thật may mắn và rất vui vì

được làm việc sát cánh cùng chị trong bản kế hoạch vô cùng quan trọng này.

Gửi đến tất cả những lãnh đạo và người ủng hộ nâng cao dinh dưỡng và giáo dục, cảm ơn các bạn vì đã làm những công việc thường nhật và không tư lợi để bảo đảm tất cả con em chúng ta đều có được tình yêu, sự giúp đỡ cũng như những nguồn lực cần thiết để đạt được ước mơ.

Xin cảm ơn toàn thể những thành viên mật vụ Nhà Trắng và gia đình của họ, những người đã chấp nhận hy sinh hằng ngày để họ có thể làm tròn công việc của mình. Đặc biệt đối với những ai đã và tiếp tục phục vụ gia đình chúng tôi, tôi sẽ mãi biết ơn sự tận tâm và chuyên nghiệp của các bạn.

Xin cảm ơn hàng trăm người đàn ông và phụ nữ đã hàng ngày siêng năng để biến Nhà Trắng thành một ngôi nhà cho những gia đình có đặc ân tá túc tại một trong những kỳ quan được trân trọng nhất - những quản gia, hầu phòng, nghệ nhân cắm hoa, nhân viên mặt đất, quét dọn và kỹ thuật. Các bạn sẽ luôn là một phần quan trọng của gia đình chúng tôi.

Cuối cùng, tôi muốn cảm ơn từng người trẻ tuổi mà tôi gặp trong suốt thời gian tôi là Đệ nhất Phu nhân nước Mỹ. Gửi đến tất cả những linh hồn tươi trẻ đầy triển vọng trong những tháng năm ấy đã khiến tôi lay động - tất cả những bạn trẻ đã giúp tôi trồng vườn; những bạn trẻ đã nhảy múa, hát ca, nấu nướng và làm bánh mì cùng với tôi; những ai vẫn còn lắng nghe tình cảm và chia sẻ mà tôi đã dành cho; tới những ai đã trao cho tôi hàng ngàn lần ấm áp, những cái ôm thật nồng nàn, những cái ôm đã khiến tôi phấn chấn và giữ tôi tiếp bước kể cả trong những thời điểm khó khăn nhất. Xin cảm ơn vì luôn trao cho tôi lý do để hy vọng.



Đây là gia đình tôi, đầu đó vào năm 1965, hôm đó cả nhà diện đồ để đi dự tiệc. Hãy để ý về chõ che của anh Craig và cả cách anh cẩn thận nắm cổ tay tôi.



Chúng tôi lớn lên trong căn hộ ở tầng trên trong ngôi nhà của bà Robbie Shields, người đang bế tôi trong hình. Trong suốt những năm bà dạy tôi đánh dương cầm, hai bà cháu chúng tôi đã có nhiều lần tranh cãi không ai nhường ai, nhưng bà luôn giúp tôi phát huy những điều tốt đẹp nhất của mình.



Cha tôi, Fraser Robinson, đã làm việc cho thành phố Chicago suốt hơn hai mươi năm, phụ trách theo dõi các lò hơi tại một nhà máy lọc nước bên bờ Hồ Michigan. Mặc dù chúng đã xơ cứng khiến việc đi lại càng lúc càng khó khăn, ông chưa bao giờ nghỉ làm dù chỉ một ngày.



Chiếc Buick Electra 225 của cha tôi, hay còn được chúng tôi gọi là “Deuce and a Quarter”. Chiếc xe này là niềm tự hào và niềm vui của ông, cũng là nguồn gốc của nhiều kỷ niệm hạnh phúc. Mùa hè nào chúng tôi cũng lái chiếc xe này đi nghỉ mát tại khu nghỉ dưỡng Dukes Happy Holiday ở Michigan, nơi bức ảnh này được chụp.



Năm 1969 khi tôi bắt đầu học mẫu giáo, khu phố nhà tôi ở vùng South Side của Chicago bao gồm những gia đình trung lưu thuộc nhiều chủng tộc khác nhau. Nhưng khi nhiều gia đình khá giả dọn đến vùng ngoại ô - một hiện tượng thường được biết với tên “cuộc di cư da trắng” - số liệu thống

kê thành phần dân số đã nhanh chóng thay đổi. Đến khi tôi lên lớp năm, sự đa dạng chủng tộc đã không còn. ẢNH TRÊN: Lớp mẫu giáo của tôi; tôi đứng ở hàng ba từ dưới lên, vị trí thứ hai từ phải sang. ẢNH DƯỚI: Lớp năm của tôi; tôi đứng ở hàng thứ ba từ dưới lên, ngay giữa.





Đây là tôi ở Princeton (ẢNH BÊN TRÁI). Tôi lo lắng về chuyện vào đại học nhưng cuối cùng đã tìm được nhiều bạn thân ở đây, bao gồm Suzanne Alele (ẢNH TRÊN), người đã dạy tôi thế nào là vui sống.



Có giai đoạn Barack và tôi đã sống ở căn hộ tầng trên ở Đại lộ Euclid nơi tôi lớn lên. Khi ấy cả hai chúng tôi đều là những luật sư trẻ tuổi. Sau đó, tôi bắt đầu băn khoăn về con đường sự nghiệp của mình, tự hỏi làm sao thực hiện được những điều có ý nghĩa và sống đúng với các giá trị của bản thân.



Lễ cưới vào ngày 3 tháng 10 năm 1992 là một trong những ngày hạnh phúc nhất cuộc đời tôi. Anh Craig đã thay mặt cha tôi, người đã qua đời trước đó một năm rưỡi, dắt tôi lên lễ đường.



Ngay từ khi bắt đầu mối quan hệ, tôi đã biết Barack sẽ là một người cha tốt. Anh luôn yêu thương và hết lòng với trẻ con. Khi Malia chào đời năm

1998, cả hai chúng tôi đều vô cùng xúc động. Cuộc sống của chúng tôi đã thay đổi mãi mãi.



Sasha chào đời sau Malia ba năm. Các chuyến về quê của Barack ở Hawaii vào dịp Giáng sinh đã trở thành một truyền thống quan trọng của gia đình chúng tôi, một dịp để sum vầy với họ hàng bên nhà Barack và tận hưởng tiết trời ấm áp.



Malia và Sasha luôn có quan hệ gắn bó thân thiết với nhau. Và vẻ đáng yêu của hai đứa vẫn khiến trái tim tôi tan chảy.



Tôi có ba năm làm giám đốc điều hành cho chi nhánh Chicago của Public Allies, một tổ chức cam kết hỗ trợ những người trẻ tuổi xây dựng sự nghiệp trong lĩnh vực phục vụ cộng đồng. Trong ảnh, tôi (đứng bên phải) được chụp chung với một nhóm thủ lĩnh cộng đồng trẻ tại một sự kiện có sự tham gia của thị trưởng Chicago, ngài Richard M. Daley.



Về sau tôi chuyển sang làm việc tại Trung tâm Y tế Đại học Chicago. Tại đây, tôi đã nỗ lực tìm cách cải thiện các mối quan hệ với cộng đồng và thiết lập một dịch vụ giúp hàng ngàn cư dân vùng South Side có thể tìm được nơi chăm sóc sức khỏe hợp túi tiền.



Trong vai trò một người mẹ làm việc toàn thời gian, có chồng thường xuyên xa nhà, tôi đã dần quen với sự tung hứng mà rất nhiều phụ nữ đều biết - cố gắng cân bằng các nhu cầu của gia đình với các đòi hỏi của công việc.



Tôi gặp chị Valerie Jarrett (trái) lần đầu tiên vào năm 1991, khi chị đang làm phó chánh văn phòng thị trưởng Chicago. Chị nhanh chóng trở thành một người bạn và cố vấn đáng tin cậy của cả tôi và Barack. Đây là chúng tôi trong chiến dịch chạy đua vào Thượng viện của Barack năm 2004.



Thỉnh thoảng hai đứa trẻ nhà chúng tôi cũng đến thăm Barack trên những chặng đường của chiến dịch vận động tranh cử. Đây là Malia đang

nhìn ra từ cửa sổ xe vận động hội năm 2004 trong lúc cha con bé đang trình bày một bài diễn văn.



Barack công bố tranh cử ghế tổng thống tại Springfield, Illinois, vào một ngày lạnh căm tháng Hai năm 2007. Tôi đã sắm cho Sasha một chiếc nón màu hồng quá-cỡ cho dịp này và cứ lo là nó sẽ sụp xuống mặt con bé, nhưng thật thần kỳ khi con bé đã có thể giữ nó ngay ngắn trên đầu.



Đây là chúng tôi trên đường vận động tranh cử, vây quanh là hàng chục phóng viên như thường lệ.



Tôi thích quá trình vận động tranh cử vì được tiếp thêm năng lượng từ mối gắn kết với cử tri trên khắp nước Mỹ. Thế nhưng tốc độ của chiến dịch có thể rất khủng khiếp. Tôi tranh thủ nghỉ ngơi mỗi khi có thể.



Vài tháng trước cuộc tổng tuyển cử, tôi được trao quyền sử dụng một chiếc máy bay dành cho chiến dịch vận động tranh cử. Điều này đã giúp tăng cường hiệu quả công việc nói chung và làm cho quá trình đi lại vui vẻ hơn nhiều. Chụp cùng tôi trong ảnh là đội hình khăng khít của tôi (từ trái sang): Kristen Jarvis, Katie McCormick Lelyveld, Chawn Ritz (tiếp viên của chúng tôi ngày hôm đó) và Melissa Winter.



Joe Biden là một ứng viên phó tổng thống tuyệt vời vì nhiều lý do, một trong số đó là hai gia đình chúng tôi hợp nhau ngay tức thì. Jill và tôi đã bắt đầu nói chuyện với nhau từ sớm về việc chúng tôi muốn giúp đỡ các gia đình quân nhân. Đây là hai gia đình chúng tôi năm 2008, tranh thủ nghỉ ngơi giữa chiến dịch tranh cử tại Pennsylvania.



Sau một mùa xuân và mùa hè khắc nghiệt trên đường vận động tranh cử, tôi đã phát biểu tại Đại hội toàn quốc Đảng Dân chủ ở Denver. Đây là sự kiện giúp tôi có cơ hội chia sẻ câu chuyện của mình lần đầu tiên trước đám đông khán giả vào giờ cao điểm. Sau đó, Sasha và Malia lên sân khấu cùng với tôi để gửi lời chào Barack qua video.



Ngày 4 tháng 11 năm 2008 - đêm công bố kết quả bầu cử - mẹ tôi, Marian Robinson, ngồi cạnh Barack, cả hai lặng lẽ theo dõi kết quả đang được công bố.



Malia mười tuổi và Sasha mới lên bảy vào tháng Một năm 2009, khi cha chúng tuyên thệ trở thành tổng thống Mỹ. Sasha bé tới mức phải đứng lên trên bục dành riêng để mọi người có thể nhìn thấy con bé trong buổi lễ.



Chính thức trở thành Tổng thống và Đệ nhất Phu nhân, Barack và tôi tham gia mười buổi dạ vũ vào đêm nhậm chức hôm đó, ở mỗi buổi tiệc chúng tôi đều cùng nhảy với nhau. Tôi đã mệt rũ rời sau những hoạt động ăn mừng suốt cả ngày, nhưng chiếc đầm dạ hội lộng lẫy do Jason Wu thiết kế đã tiếp thêm cho tôi năng lượng, và chồng tôi - người bạn thân nhất, người đồng hành của tôi trong tất cả mọi sự - luôn có cách để mọi khoảnh khắc bên nhau của chúng tôi đều có cảm giác gần gũi thân mật.



Laura Bush đã tử tế mời tôi và hai cô con gái đến tham quan Nhà Trắng trước khi chính thức chuyển vào. Các con của bà, Jenna và Barbara, đã có mặt để bày cho Sasha và Malia những chỗ thú vị tại đây, bao gồm cách làm thế nào để sử dụng hành lang dốc này như một chiếc cầu trượt.



Chúng tôi cần điều chỉnh đôi chút để quen với sự hiện diện thường trực của các nhân viên mật vụ trong cuộc sống, nhưng theo thời gian, nhiều người trong số họ đã trở thành bạn bè thân thiết của chúng tôi.



Hình ảnh khuôn mặt bé bỏng của Sasha đang nhìn qua cửa kính chống đạn trong ngày đầu tiên đến trường vẫn khắc mãi trong tôi đến tận hôm nay. Khi đó, tôi không khỏi lo lắng xem tất cả những chuyện này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến các con của chúng tôi.



Wilson Jerman (nhân vật trong ảnh) đã bắt đầu làm việc tại Nhà Trắng từ năm 1957. Cũng như những quản gia và nhân viên nội trú khác, ông đã tận tâm phục vụ nhiều đời tổng thống Mỹ khác nhau.



Khu vườn của Nhà Trắng được xây dựng để trở thành một biểu tượng của dinh dưỡng và lối sống lành mạnh, một bàn đạp mà từ đó tôi có thể triển khai một kế hoạch hành động quy mô hơn như Let's Move!. Nhưng tôi cũng yêu quý khu vườn này vì đó là nơi tôi có thể được lấm lem tay chân với bọn trẻ khi trồng trọt.



Tôi muốn Nhà Trắng trở thành một nơi mà ai cũng thấy thoải mái như ở nhà và bọn trẻ có thể được là chính mình. Tôi hy vọng chúng sẽ thấy câu chuyện của mình trong câu chuyện của chúng tôi và biết đâu còn có cơ hội chơi nhảy dây đôi với Đệ nhất Phu nhân.



Barack và tôi trở nên vô cùng quý mến Nữ hoàng Elizabeth, người khiến Barack nhớ về bà ngoại tính tình thẳng thắn của anh. Suốt những lần chúng tôi viếng thăm, bà đã cho thấy lòng nhân đạo quan trọng hơn mọi nghi thức hay lễ nghi.



Cuộc gặp gỡ Nelson Mandela đã cho tôi một góc nhìn mà tôi rất cần vào vài năm trước, khi bắt đầu hành trình ở Nhà Trắng của mình - đó là sự thay đổi đích thực cần rất nhiều thời gian để diễn ra, không phải tính bằng tháng hay bằng năm, mà bằng hàng thập kỷ và thậm chí là cả đời người.



Đối với tôi, một cái ôm là cách xua đi sự giả vờ và chỉ đơn giản là kết nối với nhau. Đây là tôi khi đang tham quan Đại học Oxford cùng các em nữ sinh Trường Elizabeth Garrett Anderson đến từ Luân Đôn.



Tôi sẽ không bao giờ quên tinh thần lạc quan và quật cường của những người lính tại ngũ và gia đình quân nhân mà tôi đã gặp ở Quân y viện Walter Reed.



Bà Cleopatra Cowley-Pendleton, mẹ của Hadiya Pendleton, không làm điều gì sai nhưng vẫn không thể bảo vệ con mình khỏi sự vô tình đáng sợ của bạo lực súng đạn. Khi gặp bà trước tang lễ của Hadiya ở Chicago, tôi thật sự bàng hoàng trước sự bất công.



Tôi cố gắng có mặt ở nhà thường xuyên nhất có thể để gặp hai đứa con gái khi chúng đi học về. Đây là một lợi ích khi sống ngay trên văn phòng làm việc.



Chúng tôi đã giữ đúng lời hứa với Malia và Sasha, đó là nếu Barack trở thành tổng thống, chúng tôi sẽ nhận nuôi một chú chó. Trên thực tế, cuối cùng chúng tôi có hai chú chó. Bo (trong ảnh) và Sunny mang lại niềm vui nhẹ nhàng cho tất cả mọi sự.



Chúng tôi đã giữ đúng lời hứa với Malia và Sasha, đó là nếu Barack trở thành tổng thống, chúng tôi sẽ nhận nuôi một chú chó. Trên thực tế, cuối cùng chúng tôi có hai chú chó. Bo (trong ảnh) và Sunny mang lại niềm vui nhẹ nhàng cho tất cả mọi sự.



Mỗi mùa xuân, tôi hy vọng có thể sử dụng các bài diễn văn bé giảng để truyền cảm hứng và giúp các sinh viên nhìn thấy sức mạnh trong câu chuyện của chính mình. Đây là tôi đang chuẩn bị trình bày tại trường Virginia Tech vào năm 2012.

Ở phía sau, Tina Tchen, chánh văn phòng không biết mệt mỏi của tôi trong suốt năm năm, đang làm điều mà người ta thường thấy chị làm: xử lý nhiều công việc cùng một lúc trên điện thoại.



Các chú chó được tự do dạo chơi gần như khắp nơi trong Nhà Trắng. Chúng đặc biệt thích chơi trong vườn và cả trong nhà bếp nữa. Đây là Bo và Sunny trong khu trữ đồ ăn cùng với quản gia Jorge Davila, hẳn là chúng đang mong được dúi cho một ít thức ăn.



Chúng tôi vô cùng biết ơn tất cả nhân viên đã giúp cuộc sống chúng tôi vận hành trơn tru trong suốt tám năm. Chúng tôi đã nghe họ kể về con cháu của họ, cũng như ăn mừng những cột mốc đáng nhớ với họ, như ở đây chúng tôi đang ăn mừng sinh nhật trợ lý quản gia Reggie Dixon vào năm 2012.



Barack, Malia và tôi cổ vũ cho đội bóng rổ của Sasha, đội Vipers.



Hai đứa con gái của chúng tôi thư giãn trong chiếc Bright Star, tên gọi của chiếc máy bay dành riêng cho Đệ nhất Phu nhân.

Là Đệ nhất Phu nhân thường đi cùng rất nhiều đặc quyền khác thường nhưng cũng có không ít thử thách khác thường. Barack và tôi tìm cách duy trì cảm giác bình thường cho hai cô con gái mình.



Chúng tôi bảo đảm các con của mình có cơ hội để làm những điều mà những đứa trẻ tuổi teen khác đều làm, chẳng hạn như học lái xe, cho dù điều đó có nghĩa là chúng phải học lái xe với nhân viên mật vụ.



Chúng tôi luôn có nhiều thứ để ăn mừng vào ngày Quốc khánh Hoa Kỳ, vì đó cũng là sinh nhật của Malia.



Nếu tôi học được một điều nào đó trong cuộc sống, thì đó chính là sức mạnh khi ta sử dụng tiếng nói của chính mình. Tôi nỗ lực hết sức để nói lên sự thật và soi sáng câu chuyện của những con người thường bị gạt sang bên lề.



Vào năm 2015, gia đình tôi đồng hành cùng Hạ nghị sĩ John Lewis và những biểu tượng khác của phong trào dân quyền nhân dịp lễ kỷ niệm 50 năm cuộc biểu tình băng qua Cầu Edmund Pettus tại Selma, Alabama. Hôm đó tôi đã được nhắc nhở rằng nước Mỹ đã đi được một chặng đường dài như thế nào - và chúng tôi vẫn còn một chặng đường dài phía trước.



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

[\[1\]](#) Station wagon: kiểu xe ô-tô phổ biến, có phần thân xe dài hơn các loại ô-tô thông thường để chở được nhiều đồ hơn. (Tất cả chú thích là của biên tập viên).

[\[2\]](#) Buick: một trong những thương hiệu xe ô-tô lâu đời nhất nước Mỹ.

[\[3\]](#) Gap year: một năm tạm dừng việc học để trải nghiệm cuộc sống, thường là sau khi tốt nghiệp trung học và trước khi vào đại học; đây là thời gian để các bạn trẻ nghỉ ngơi, tham gia các khóa đào tạo kỹ năng, hoạt động xã hội, làm tình nguyện viên, đi làm, đi du lịch,...

[1] Bungalow: kiểu nhà thường chỉ có một tầng, diện tích nhỏ và có hàng hiên tương đối rộng.

[2] Jab: một đòn đánh trong boxing, đòn này đánh nhanh và thẳng vào đối phương.

[3] Board game: các trò chơi có sử dụng bàn cờ, xúc xắc hoặc lá bài và có sự tương tác trực tiếp giữa nhiều người chơi với nhau, ví dụ như cờ cá ngựa, bài Uno,...

[4] Ella Jane Fitzgerald (1917-1996): nữ ca sĩ nhạc jazz người Mỹ từng nhận nhiều giải thưởng âm nhạc danh giá và được mệnh danh là Nữ hoàng nhạc jazz.

[5] John William Coltrane (1926-1967): còn được nhắc đến với tên “Trane”, là nhạc công saxophone và nhà soạn nhạc jazz danh tiếng.

[6] Aretha Louise Franklin (1942-2018): ca sĩ, nhạc sĩ và nghệ sĩ piano người Mỹ với danh hiệu “Nữ hoàng nhạc Soul”.

[7] Miles Dewey Davis III (1926-1991): nhạc sĩ nhạc jazz người Mỹ, một trong những người có ảnh hưởng lớn trong thế kỷ 20 và đi đầu trong sự phát triển nhạc jazz từ thời Chiến tranh Thế giới thứ hai đến thập niên 1990, trở thành “hình tượng không lồ” của nhạc jazz.

[8] Billie Holiday (1915-1959): nữ ca sĩ nhạc jazz nổi tiếng người Mỹ có sự nghiệp kéo dài gần 30 năm.

[9] Thị tấu: khả năng đọc và chơi một bản nhạc mà chưa được tập trước.

[10] Chicago Loop: khu trung tâm thương mại và tài chính của thành phố Chicago.

[11] Deuce and a Quarter: nghĩa đen là “hai và hai lăm”, chỉ con số 225 trong tên xe.

[12] Sears: chuỗi cửa hàng bán lẻ ở Mỹ, cung cấp các sản phẩm gia dụng, nội thất, quần áo,... và các dịch vụ cơ bản như rửa xe, sửa xe,...

[1] Nguyên văn là “Elementary School”, trường tiểu học bao gồm cả chương trình mẫu giáo.

[2] Trash-talk: một cách thức xúc phạm bằng lời nói thường thấy trong các sự kiện thể thao nhằm đe dọa, gây hỗn loạn tinh thần cho đối thủ. Nhiều quan điểm cho rằng trash-talk là nghệ thuật, lý do là bởi khởi nguồn của nó luôn nằm ở việc sử dụng những câu từ tinh tế độc đáo nhằm gây ảnh hưởng tâm lý lên đối phương theo cách hài hước.

[3] Air and Water Show: lễ hội trình diễn máy bay phản lực của không lực Mỹ, diễn ra thường niên trên Hồ Michigan, Chicago.

[1] Bid whist: một trong những trò chơi bài Tây phổ biến ở Mỹ, đặc biệt là trong cộng đồng người Mỹ gốc Phi.

[2] Sammy Davis Jr. (1925-1990): ca sĩ, diễn viên, nhạc sĩ và vũ công nổi tiếng người Mỹ.

[3] Malcolm X (1925-1965): tu sĩ Hồi giáo người Mỹ gốc Phi, từng là phát ngôn viên cho tổ chức Quốc gia Hồi giáo, thành lập công ty Tu viện Hồi giáo và Tổ chức Mỹ gốc Phi thống nhất. Năm 1965, Malcolm X bị ám sát tại Washington Heights, trong ngày đầu tiên của cuộc họp mặt Tuần lễ Huynh đệ Quốc gia.

[4] Ivy League: khối các trường đại học danh tiếng ở Mỹ, bao gồm các trường Brown, Columbia, Cornell, Dartmouth, Harvard, Pennsylvania, Princeton và Yale.

[1] Trò chụp banh jacks: trò chơi gồm có nhiều miếng nhựa hoặc miếng kim loại lục giác và một quả banh. Người chơi cứ tung banh lên thì nhặt một miếng nhựa để vừa cầm vừa chụp banh. Ai cầm được nhiều miếng nhựa nhất thì thắng cuộc.

[2] The Muppets: một bộ phim thiếu nhi của hãng Walt Disney, có tựa tiếng Việt là “Đại nhạc hội rối”.

[3] Gloria Vanderbilt (1924): nghệ sĩ, diễn viên, tác giả, nhà thiết kế nổi tiếng người Mỹ. Bà cũng là người thừa kế của dòng họ Vanderbilt ở New York và là người giao thiệp rộng trong giới tinh hoa Mỹ.

[1] Midwest: một trong bốn vùng địa lý chính thức của nước Mỹ, bao gồm 12 tiểu bang. Chicago là thành phố lớn nhất trong vùng này.

[2] Lớp nâng cao (Advance Placement - AP): Chương trình học nâng cao theo giáo trình đại học dành cho học sinh trung học tại các trường ở Mỹ và Canada. Học sinh đạt thành tích tốt trong chương trình này có thể được tuyển thẳng vào đại học.

[3] Cây thường xuân trong tiếng Anh là “Ivy”.

[4] Thư giới thiệu của giáo viên là một trong những hồ sơ bắt buộc khi học sinh nộp đơn xin nhập học các trường đại học ở Mỹ.

[5] Bài luận tuyển sinh là một trong những hồ sơ bắt buộc khi học sinh nộp đơn vào trường đại học ở Mỹ. Bài luận này trình bày nguyện vọng, lý

do thí sinh muốn được nhập học tại trường.

[1] “Đội chèo”: ý chỉ đội chèo xuồng của trường. Chèo xuồng là một môn thể thao khá phổ biến trong các trường đại học ở Bờ Đông nước Mỹ.

[2] SAT (Scholastic Aptitude Test): một kỳ thi bắt buộc nhằm sát hạch học sinh, sinh viên trong các kỳ thi tuyển sinh vào hệ đại học cao đẳng tại Mỹ.

[1] Giày saddle: kiểu giày tây cổ điển nhưng có thêm một miếng da đắp nổi phần mũi giày và cổ giày. Miếng ghép này thường có màu sắc tương phản với màu giày nhằm tạo điểm nhấn và nét mạnh mẽ nam tính.

[2] LSAT (Law School Admission Test): bài thi tuyển sinh đầu vào của trường luật.

[3] Sồi thường xanh: loại cây sồi ở miền nam nước Mỹ, được xem là biểu tượng của Georgia.

[4] Princeton Tigers: đội thể thao trường Princeton.

[5] Chomps: chú chó linh vật của đội Cleveland Browns.

[6] Peace Corps: chương trình tình nguyện do chính phủ Mỹ điều hành với sứ mệnh hỗ trợ kỹ thuật, giúp người ngoại quốc hiểu văn hóa Mỹ và giúp người Mỹ hiểu về văn hóa của các quốc gia khác. Người tham gia chương trình thường sẽ làm việc ở nước ngoài trong thời hạn là hai năm sau khóa tập huấn ba tháng.

[7] Thỏa thuận dọc: thỏa thuận giữa các chủ thể có vị trí khác nhau trong một chu trình, ví dụ như thỏa thuận giữa nhà sản xuất và nhà phân phối.

[8] Saab: thương hiệu xe ô-tô nổi tiếng của Thụy Điển.

[1] Khủng long Barney: nhân vật trong loạt phim truyền hình dành cho thiếu nhi Barney & Friends (Barney & Những người bạn) của Mỹ.

[2] Les Misérables: tên tiếng Việt là Những người cùng khổ.

[\[1\]](#) Toni Morrison (1931): nữ nhà văn Mỹ từng đoạt giải Pulitzer cho tác phẩm hư cấu năm 1988 và giải Nobel Văn học năm 1993.

[\[2\]](#) Roger Ebert (1942-2013): nhà phê bình phim người Mỹ từng đoạt giải Pulitzer.

[\[3\]](#) Lowrider: một kiểu “độ” xe để hạ độ cao trọng tâm xe và làm xe chạy chậm lại.

[\[4\]](#) Stevie Wonder (1950): ca sĩ, nhạc sĩ, nhà sản xuất âm nhạc và nghệ sĩ chơi đa nhạc cụ người Mỹ, là nhân vật tiêu biểu cho âm nhạc đại chúng Hoa Kỳ nửa sau thế kỷ 20.

[\[5\]](#) Marvin Gaye (1939-1984): ca sĩ, nhạc sĩ nhạc soul và nhà sản xuất thu âm người Mỹ, được mệnh danh là Hoàng tử nhạc soul.

[\[6\]](#) Emoji: các biểu tượng và hình mặt cười được sử dụng trong tin nhắn điện tử và các trang Web.

[\[7\]](#) Vải batik: loại vải được tạo ra bằng kỹ thuật nhuộm sáp và in hoa văn bằng phương pháp thủ công truyền thống. Vải batik được xem là sản phẩm đặc trưng của Indonesia.

[\[1\]](#) Matatu: loại xe buýt cỡ nhỏ, phương tiện chuyên chở hành khách phổ biến ở châu Phi.

[\[1\]](#) Rượu sherry: một loại rượu vang được làm từ nho trắng và được làm cho nặng thêm bằng cách tăng nồng độ cồn.

[\[1\]](#) “Người đồng hành”: tiếng Anh là “ally”, do đó những người đồng hành được tuyển vào trong tổ chức Public Allies cũng được gọi là các “Ally”.

[\[1\]](#) Wiggleworms: lớp học về âm nhạc dành cho trẻ em và cha mẹ của các em.

[\[1\]](#) Burrito: món gà trộn các loại rau củ và nước sốt theo phong cách Mexico.

[\[1\]](#) Phòng suite: loại phòng lớn trong khách sạn, thường bao gồm hai phòng ngủ, phòng sinh hoạt chung và phòng bếp.

[\[1\]](#) Nat Turner (1800-1831): một nô lệ người Mỹ gốc Phi từng khơi mào cuộc nổi loạn chống lại người da trắng và giải phóng nô lệ da đen ở các đồn điền thuộc Hạt Southhampton, Virginia, nước Mỹ vào năm 1831. Cuộc nổi loạn đã khiến 60 người da trắng và khoảng 120 người da đen thiệt mạng, trong đó có nhiều người không hề tham gia sự kiện.

[1] FLOTUS: viết tắt của First Lady of the United States - Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ.

[2] POTUS: viết tắt của President of the United States - Tổng thống Hoa Kỳ.

[1] Chuẩn Michelin: tiêu chuẩn đánh giá chất lượng nhà hàng, theo thứ tự từ một sao Michelin đến ba sao Michelin.

[2] Easter Egg Roll: sự kiện thường niên dành cho thiếu nhi, được Tổng thống và Đệ nhất Phu nhân tổ chức vào ngày thứ Hai sau lễ Phục sinh tại Bãi cỏ phía Nam của Nhà Trắng.

[3] Bánh canapé: một loại bánh mì nướng nhỏ có phủ bơ ở trên, thường được dùng trong tiệc trà.

[4] Hijab: khăn trùm đầu của phụ nữ Hồi giáo.

[1] Nhà Blair: nhà khách chính thức của tổng thống Mỹ, nằm đối diện Nhà Trắng, được dùng làm nơi lưu trú chính thức cho các quan chức ngoại giao, nguyên thủ quốc gia và các phái đoàn thăm viếng Washington.

[2] Monticello: điền trang của Thomas Jefferson, tổng thống thứ ba của Mỹ, tọa lạc tại Charlottesville, Virginia và được liệt kê vào danh sách Danh lam lịch sử quốc gia Mỹ.

[3] Mount Vernon: điền trang cũ của George Washington và gia đình ở bờ nam sông Potomac, gần Alexandria, Virginia. Nơi này đã được công nhận là một Danh lam lịch sử quốc gia Mỹ từ năm 1960.

[4] Frederick Douglass (1818-1891): nhà cải cách xã hội, nhà hùng biện, tác gia, và chính khách người Mỹ gốc Phi. Sau khi trốn thoát ách nô lệ, ông trở thành nhà lãnh đạo phong trào bãi nô và tạo được nhiều tiếng vang.

[5] Grand Canyon: hay còn gọi là Hẻm núi lớn, thuộc khu vực Vườn quốc gia Grand Canyon ở bang Arizona.

[6] Darth Vader: nhân vật phản diện trong loạt phim “Chiến tranh giữa các vì sao”.

[1] Bat mitzvah: lễ trưởng thành theo nghi thức Do Thái giáo dành cho các cô gái 12 hoặc 13 tuổi, đánh dấu giai đoạn các em bắt đầu tự chịu trách nhiệm cho hành động của bản thân.

[1] Safari: chuyến tham quan khu công viên động vật hoang dã, nơi du khách có thể ngồi xe và đi ngắm động vật hoang dã trong môi trường sống tự nhiên của chúng chứ không phải bị nhốt trong chuồng.

^[2] Đạo luật Affordable Care: tạm dịch là “Đạo luật Chăm sóc sức khỏe Hợp túi tiền”, sau này còn được gọi tắt là ObamaCare. Mục đích của đạo luật là nâng cao chất lượng và khả năng chi trả của bảo hiểm y tế, giảm tỷ lệ không có bảo hiểm bằng cách mở rộng phạm vi bảo hiểm công và tư nhân, và giảm chi phí chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và chính quyền.

^[3] Tweet: dòng phát biểu cảm nghĩ trên mạng xã hội Twitter.

^[4] Kẹo Nicorette: loại kẹo có chứa ni-cô-tin dành cho người cai thuốc lá.

^[1] ISIS: Nhà nước Hồi giáo Iraq và Al-sham